LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH BẾN TRE
(1930 - 2015)

Chỉ đạo biên soạn
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BẾN TRE KHOÁ IX, KHOÁ X

Ban Chỉ đạo khoá IX

NGUYỄN QUỐC BẢO	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Trưởng ban
HUỲNH VĂN BƯU	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó ban
TRƯƠNG VĂN NGHĨA	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên
HUỲNH NAM BÌNH	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên
TRẦN NGỌC TAM	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Ủy viên
PHAN THANH PHƯỚC	Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Ủy viên
NGUYỄN VĂN LĂNG	Tỉnh ủy viên, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Ủy viên
NGUYỄN VĂN HOÀNG	Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh - Ủy viên
LÊ PHI BẰNG	Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính - Ủy viên
HUỲNH VĂN HÙNG	Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch - Ủy viên
CAO VĂN DŨNG	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ủy viên

Ban Chỉ đạo khoá X

PHAN VĂN MÃI	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Trưởng ban
CAO VĂN DŨNG	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó ban
HỒ THỊ HOÀNG YẾN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên
PHAN THANH PHƯỚC	Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Ủy viên
NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Ủy viên
LÊ VĂN HÙNG	Tỉnh ủy viên, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Ủy viên
VÕ THÀNH ĐỒNG	Phó Giám đốc Công an tỉnh - Ủy viên

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE (1930 - 2015)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2017

Ban Biên soạn lần đầu
cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2000)

ĐỖ CHUNG

HUỲNH HỮU HẬN

Ban Biên soạn, bổ sung tái bản
cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2015)

HUỲNH VĂN BƯU

CAO VĂN DŨNG

VÕ NHỰT ĐÔNG

NGUYỄN QUANG TRỊ

VŨ HỒNG THANH

HUỲNH HỮU HẬN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bến Tre là vùng đất hợp thành của ba cù lao lớn do nguồn phù sa từ bốn nhánh sông Cửu Long bồi tụ. Là tỉnh nằm ở Tây Nam Bộ, phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang, phía nam và tây giáp tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long, phía đông giáp biển Đông, Bến Tre có nhiều tiềm năng và lợi thế của vùng lúa, vùng biển, của miệt vườn, với hoa trái trù phú, nổi tiếng nhất là cây dừa, cùng du lịch văn hóa và sinh thái hấp dẫn... Từ xa xưa, người Bến Tre cần cù, phóng khoáng, sống giàu tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và ý chí kiên cường, quật khởi, sớm có tinh thần cách mạng, yêu lao động, luôn tích cực góp phần công sức của mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lập nên nhiều chiến công vang dội.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), tháng 3-1930, chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Bến Tre được thành lập tại Tân Xuân (Ba Tri), là một trong những đảng bộ ra đời sớm nhất cả nước để lãnh đạo phong trào cách mạng tại địa phương. Từ đây, những nghị quyết, chỉ thị của Đảng được bí mật truyền đi khắp địa bàn, thổi bùng ngọn lửa cứu nước theo con đường cách mạng vô sản. Sở Mật thám Sài Gòn đã nhận định Bến Tre là một trong tám tỉnh ở Nam Kỳ có tổ chức cộng sản mạnh nhất. Chính vì vậy địch tập trung đánh phá ác liệt các tổ chức đảng và phong trào cách mạng nơi đây. Nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và tỉnh bị địch bắt, giam cầm, tra tấn và sát hại, cùng với máu đào của bao lớp đồng bào, chiến sĩ đã tô thắm truyền thống cách mạng vẻ vang trên mảnh đất này.

Thời kỳ 1930-1945, nhiều lần Đảng bộ tỉnh Bến Tre bị địch khủng bố trắng, nhất là trong cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Dù bị tổn thất nặng nề, nhưng Đảng bộ đã tập hợp

lực lượng còn lại để cùng Đảng bộ Nam Kỳ tiến hành khởi nghĩa, thực hiện bằng được chỉ đạo của Xứ ủy.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhận thức được thời cơ và trách nhiệm lịch sử của mình, Đảng bộ tỉnh Bến Tre đã nỗ lực chạy đua với thời gian, chuẩn bị đội ngũ chiến đấu, kịp thời gian đứng lên giành chính quyền thắng lợi, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đem sức ta mà giải phóng cho ta"[1].

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp với sự hậu thuẫn của quân Anh đã thực hiện dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, quân và dân Bến Tre cùng quân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Do vị trí địa lý nằm trong địa bàn chiến lược bản lề giữa hai chiến trường Đông và Tây Nam Bộ, Bến Tre luôn là địa bàn trọng điểm càn quét, bình định của địch. Nhận thức rõ vị trí chiến lược đó, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre càng tăng cường đoàn kết, tự lực tự cường, kiên cường bám đất, bám dân để tiếp tục chiến đấu. Sau chín năm chiến đấu, sức mạnh của cả dân tộc hội tụ về Điện Biên làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", Hiệp định Giơnevơ được ký kết 21-7-1954[2], giải phóng được miền Bắc đất nước.

Thời kỳ 1954-1975, Bến Tre cùng với cả miền Nam thành đồng Tổ quốc "đi trước, về sau" thực hiện cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc vô cùng gian khổ, ác liệt kéo dài 21 năm để thu giang sơn về một mối.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 596.

2. Xem thêm Bộ Ngoại giao: *Hiệp định Giơnevơ 50 năm nhìn lại,* Nxb, Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 294.

Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết ngày 21 tháng Bảy 1954, nhưng để giúp Thủ tướng Pháp M. France giữ đúng lời hứa, tất cả các văn bản được ký kết đều ghi ngày 20 tháng Bảy 1954 *(BT).*

Trong cuộc kháng chiến này, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân Bến Tre từ tay không làm nên cuộc Đồng khởi thần kỳ (17-1-1960), với đội quân tóc dài nổi tiếng bao vây tấn công quân thù, với vũ khí thô sơ tiến hành chiến tranh cách mạng, tổ chức lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân. Mỗi người dân Bến Tre là một chiến sĩ, là dũng sĩ diệt Mỹ, diệt ngụy, trực tiếp vừa đấu tranh vũ trang vừa đấu tranh chính trị vừa tấn công binh vận làm tan rã địch.

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi, non sông liền một dải, đất nước hòa bình, thống nhất. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng bộ tỉnh vẫn kiên cường bám trụ lãnh đạo quân và dân trong tỉnh bền bỉ đấu tranh ở các chiến trường trọng điểm chiến lược, góp phần xứng đáng cùng cả nước đánh thắng hai đế quốc sừng sỏ.

Trong thời kỳ cùng nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Bến Tre đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường đoàn kết vượt qua khó khăn, thiên tai hạn hán, ổn định sản xuất, đời sống, cải tạo kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh trật tự trong tỉnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế với nước bạn Campuchia, nghĩa vụ cung cấp người và của cho đất nước, góp phần cùng cả nước đánh thắng hai cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc nước ta.

Qua 85 năm ra đời và phát triển, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre có truyền thống hào hùng và những chiến công trong đấu tranh cách mạng, trong kháng chiến giải phóng, bảo vệ và thống nhất Tổ quốc. Nhằm tổng kết lại những trang sử hào hùng trong các giai đoạn cách mạng, giáo dục truyền thống lịch sử và cách mạng, cổ vũ toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh củng cố niềm tin vào Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, không ngừng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ

chính trị trong giai đoạn mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Tỉnh ủy Bến Tre xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2015)***.

Cuốn sách phản ánh một cách khách quan, sinh động quá trình ra đời, xây dựng và phát triển của Đảng bộ tỉnh Bến Tre từ khi còn non trẻ đến khi trở thành một Đảng bộ tỉnh dày dạn kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh cách mạng giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945; quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; những quyết sách sáng tạo mà Đảng bộ tỉnh Bến Tre đã đề ra và tổ chức nhân dân thực hiện với quyết tâm cao để đưa địa phương ngày càng phát triển; những thành tựu, kinh nghiệm mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bến Tre đúc kết được từ năm 1930 đến năm 2015.

Cuốn sách cũng thể hiện sự trân trọng của các thế hệ hôm nay với công lao đóng góp của các thế hệ đi trước, nhất là những dấu ấn và bài học kinh nghiệm trên từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ của chặng đường lịch sử 85 năm Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bến Tre cùng cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng do những khó khăn chủ quan và khách quan trong sưu tầm tư liệu và biên soạn, cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót, hạn chế. Rất mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Hơn tám mươi lăm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đoàn kết, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, kiên cường chiến đấu, lập nên những chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước, mang lại độc lập, tự do cho dân tộc; đồng thời đạt được những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo. Trong mỗi chặng đường cách mạng, Đảng bộ luôn khẳng định vị trí, vai trò của mình trong vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn của địa phương, tập hợp và phát huy vai trò của quần chúng trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc; xây dựng và phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp. Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, Đảng bộ Bến Tre từng bước lớn mạnh, trưởng thành, lãnh đạo nhân dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thành quả cách mạng là kết tinh trí tuệ, xương máu của nhiều thế hệ đồng bào, đồng chí trong tỉnh, là truyền thống đáng tự hào của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre.

Dựng lại bức tranh lịch sử, tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Bến Tre trong các thời kỳ lịch sử cách mạng là một việc làm cần thiết nhằm thể hiện sự tri ân đối với các thế hệ đi trước; giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân; tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng; sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân; rút ra những kinh nghiệm của quá khứ, vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) *về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre đã ra Kế hoạch số 68-KH/TU, ngày 1-8-2013 về xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2015)***.

Cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2015)*** được xuất bản lần này dựa trên cơ sở kế thừa nội dung cuốn ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2000);*** đồng thời có sự chỉnh lý, bổ sung và viết mới giai đoạn 2001-2015. Đây là một công trình khoa học, được biên soạn khá công phu, với sự đóng góp ý kiến tận tình của các đồng chí lão thành cách mạng; các đồng chí đã từng giữ chức vụ quan trọng, chủ chốt của tỉnh; sự giúp đỡ của những người làm công tác nghiên cứu khoa học. Công trình cũng được tổ chức hội thảo, chỉnh lý, bổ sung nhiều lần để làm sáng tỏ thêm những vấn đề về lịch sử.

Cuốn sách gồm các nội dung:

Mở đầu: Bến Tre - Vùng đất, con người và truyền thống lịch sử

Chương I: Đảng bộ Bến Tre ra đời, lãnh đạo phong trào đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Chương II: Đảng bộ Bến Tre lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

Chương III: Đảng bộ Bến Tre lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (tháng 7-1954 đến ngày 1-5-1975)

Chương IV: Đảng bộ Bến Tre lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

Chương V: Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1986-2015)

Kết luận.

Nội dung cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930-2015)*** trình bày một cách khái quát và tương đối hệ thống về truyền thống đấu tranh của nhân dân Bến Tre, về quá trình hình thành và phát triển của Đảng bộ Bến Tre trong mối liên hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng trong tỉnh và cả nước, những chiến công và những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đạt được trong 85 năm qua.

Việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là một công trình khoa học, có rất nhiều khó khăn, phức tạp. Mặc dù, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm, chỉ đạo; Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng, song, khó tránh khỏi những thiếu sót về nội dung, phương pháp trình bày. Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, nhân dân và bạn đọc, nhằm bổ sung, nâng cao chất lượng cuốn sách khi xuất bản lần sau.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh các thời kỳ, Trung tâm Lưu trữ của Tỉnh ủy, Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã tận tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để cuốn sách được hoàn thành và ra mắt bạn đọc trong dịp kỷ niệm 72 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Bí thư
VÕ THÀNH HẠO

Mở đầu

BẾN TRE - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

Bến Tre là một trong 13 tỉnh, thành của đồng bằng sông Cửu Long, được hợp thành bởi ba cù lao: cù lao An Hóa, cù lao Bảo và cù lao Minh, do phù sa của bốn nhánh sông Cửu Long là sông Tiền, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên bồi tụ thành.

Diện tích tự nhiên của Bến Tre là 2.356km^2. Phía bắc Bến Tre giáp tỉnh Tiền Giang, có ranh giới chung là sông Tiền; phía nam và tây giáp tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long, có ranh giới chung là sông Cổ Chiên; phía đông giáp biển Đông với bờ biển dài 65km. Điểm cực nam của tỉnh nằm trên vĩ độ 9^{0}48 bắc, điểm cực bắc nằm trên vĩ độ 10^{0}20 bắc, điểm cực đông nằm trên kinh độ 106^{0}48 đông và điểm cực tây nằm trên kinh độ 105^{0}57 đông.

Đường bộ từ Bến Tre đi Thành phố Hồ Chí Minh (qua Tiền Giang, Long An) dài 86km. Trên địa bàn tỉnh có hai quốc lộ chạy qua là: quốc lộ 60 (liên tỉnh lộ 6 cũ) bắt đầu từ ngã ba Trung Lương (Tiền Giang) qua cầu Rạch Miễu về thành phố Bến Tre đến thị trấn Mỏ Cày Nam sang Trà Vinh và quốc lộ 57 (tỉnh lộ 30 cũ) từ Thạnh Phú đến thị trấn Mỏ Cày Nam, qua huyện Chợ Lách sang tỉnh Vĩnh Long. Có năm tỉnh lộ là: tỉnh lộ 885 (tỉnh lộ 26 cũ) từ thành phố Bến Tre qua thị trấn Giồng Trôm đến huyện Ba Tri; tỉnh lộ 884 (tỉnh lộ 17 cũ) từ vòng xoay Tân Thành (thành phố Bến Tre) đến phà Tân Phú (huyện Châu Thành); tỉnh lộ 883 (tỉnh lộ 27 cũ) nối từ quốc lộ 60 đến xã Thới Thuận (huyện Bình Đại); tỉnh lộ 887 (lộ số 5 cũ) từ cầu Bến Tre (thành phố Bến Tre) đến ngã ba Sơn Đốc (huyện Giồng Trôm); tỉnh lộ 882 từ Tân Thành Bình qua Tân Phú Tây đến Vĩnh Hòa (Chợ Lách) nối quốc lộ 60 với quốc lộ 57.

Bến Tre có bốn sông chính là sông Tiền, sông Ba Lai, sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên, cùng nhiều kênh rạch chằng chịt, đan xen với mật độ dày đặc, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và giao thông đường thủy.

Ngược dòng lịch sử, vào năm 1757, một phần đất Bến Tre ngày nay (cù lao Bảo và cù lao Minh) mới được sáp nhập vào dinh Long Hồ, phủ Gia Định. Năm 1779, vùng đất Bến Tre (gồm cù lao Bảo và cù lao Minh) có tên là tổng Tân An, thuộc châu Định Viễn, dinh Long Hồ, phủ Gia Định với khoảng gần 100 thôn, trại. Năm 1808, các dinh đổi thành trấn, các huyện hay châu đổi thành phủ, các tổng thăng thành huyện. Huyện Tân An mới thành lập được chia thành hai tổng (Tân Minh và An Bảo) với 135 thôn, trại. Năm 1823, huyện Tân An thăng thành phủ Hoằng An, thuộc trấn Vĩnh Thanh; tổng Tân Minh thăng thành huyện Tân Minh; tổng An Bảo thăng thành huyện Bảo An.

Năm 1832, Nam Kỳ chia thành sáu tỉnh, vùng đất Bến Tre là phủ Hoằng An nằm trong tỉnh Vĩnh Long, gồm hai huyện Bảo An (cù lao Bảo) và Tân Minh (cù lao Minh). Năm 1837, phủ Hoằng An được chia thành hai phủ (Hoằng An và Hoằng Đạo). Huyện Tân Minh (cù lao Minh) được chia thành hai huyện (Tân Minh và Duy Minh) thuộc phủ Hoằng An. Huyện Bảo An (cù lao Bảo) cũng được chia thành hai huyện (Bảo Hựu và Bảo An) thuộc phủ Hoằng Đạo. Năm 1844, lại đổi tên phủ Hoằng Đạo thành phủ Hoằng Trị. Còn phủ Hoằng An (cù lao Minh) giữ nguyên tên cũ. Đất Bến Tre là phủ Hoằng An và phủ Hoằng Trị (thuộc tỉnh Vĩnh Long). Năm 1851, triều đình nhà Nguyễn hợp nhất hai phủ Hoằng Trị và Hoằng An lấy tên chung là phủ Hoằng Trị, gồm bốn huyện: Tân Minh, Duy Minh, Bảo An và Bảo Hựu (thuộc tỉnh Vĩnh Long). Lúc này, cù lao An Hóa vẫn thuộc tỉnh Định Tường.

Năm 1867, sau khi chiếm hết Nam Kỳ, thực dân Pháp tiến hành ngay việc tổ chức lại các đơn vị hành chính theo quy chế "Nam Kỳ là thuộc địa trực trị của Pháp". Phủ Hoằng Trị (Bến Tre) của tỉnh Vĩnh Long đổi thành hạt Hoằng Trị với 26 tổng, 192 làng, dưới quyền cai trị trực tiếp của một viên tham biện, hay còn gọi là thanh tra hành chính người Pháp. Tháng 12-1867, hạt Hoằng Trị lại được chia thành hai sở tham biện (Bến Tre và Mỏ Cày). Năm 1871, chính quyền thực dân Pháp lại quyết định nhập sở tham biện Bến Tre và sở tham biện Mỏ Cày thành sở tham biện Bến Tre. Lúc đó, cù lao An Hóa thuộc về sở tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, thực dân Pháp bãi bỏ cấp tỉnh cũ, chia Nam Kỳ thành bốn khu vực hành chính: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Khu vực Vĩnh Long gồm bốn hạt: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc. Hạt Bến Tre (trên địa bàn cù lao Minh và cù lao Bảo) gồm có 23 tổng, 205 làng, dân số 158.231 người, đất trồng trọt 30.354,52ha (trong đó có 22.796,30ha ruộng lúa và 7.558,22ha vườn trồng cau, dừa và các loại cây ăn trái khác).

Năm 1899, các hạt lại đổi thành tỉnh (province). Toàn bộ Nam Kỳ lúc ấy được chia thành 20 tỉnh. Việc chuyển từ hạt thành tỉnh được thực hiện bởi quyết định của nhà cầm quyền Đông Dương ngày 20-12-1899 và có hiệu lực pháp lý từ ngày 1-1-1900. Bến Tre chính thức thành đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm có cù lao Minh và cù lao Bảo, với 21 tổng, 144 làng. Từ khoảng năm 1910 về sau, tỉnh Bến Tre được chia đơn vị hành chính cấp quận (district), gồm có bốn quận: Sóc Sãi (sau đổi là quận Châu Thành), Ba Tri, Mỏ Cày và Thạnh Phú. Cùng thời điểm này, cù lao An Hóa được lập thành quận An Hóa thuộc tỉnh Mỹ Tho với tổng Hòa Quới và tổng Hòa Thinh. Những năm đầu khi mới thành lập, dân số Bến Tre có 223.405 người[1].

1. Theo thống kê của nhà cầm quyền Pháp.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam giành lại nền độc lập, kế tiếp diễn ra hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đất Bến Tre có sự thay đổi về địa lý hành chính, địa giới và tên gọi. Chính quyền Cách mạng đổi Bến Tre thành tỉnh Đồ Chiểu (năm 1945), lập thêm quận Tán Kế (một phần đất của quận Châu Thành và quận Ba Tri), nay là huyện Giồng Trôm. Năm 1946, bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tỉnh Đồ Chiểu được gọi lại là tỉnh Bến Tre với các quận: Châu Thành, Sóc Sãi, Tán Kế, Ba Tri, Mỏ Cày và Thạnh Phú.

Năm 1948, thực hiện nghị định của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, quận An Hóa của tỉnh Mỹ Tho được sáp nhập về tỉnh Bến Tre. Đồng thời, thành lập huyện Chợ Lách với sáu xã được tách ra từ Vĩnh Long và 14 xã phía bắc Mỏ Cày; thành lập thị xã Bến Tre trên địa bàn xã An Hội I và An Hội II của quận Châu Thành; giải thể quận Tán Kế, đưa các xã thuộc quận này về Ba Tri và Châu Thành. Tên gọi quận và làng từ đây được thống nhất gọi là huyện và xã. Tỉnh Bến Tre lúc này bao gồm ba cù lao: cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hóa với bảy huyện, một thị xã, 117 xã, dân số toàn tỉnh khoảng 600.000 người[1].

Năm 1956, chính quyền Sài Gòn đổi tên Bến Tre thành tỉnh Kiến Hòa, còn ta vẫn giữ tên tỉnh Bến Tre như cũ. Việc chia tách, lập mới các huyện, hai bên tuy có những thay đổi khác nhau do điều kiện chiến tranh, nhưng về căn bản, địa giới tỉnh Bến Tre vẫn ổn định, gồm: cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hóa như thực trạng có từ năm 1948.

Một số chi tiết đáng chú ý về sự biến đổi đơn vị hành chính cấp huyện từ năm 1956 như sau:

1. Số liệu tại thời điểm năm 1954-1960.

Từ khi lập tỉnh Kiến Hòa năm 1956 đến năm 1975, chính quyền Sài Gòn chia tỉnh này thành mười quận: Bình Đại, Trúc Giang, Hàm Long, Giồng Trôm, Ba Tri, Đôn Nhơn, Mỏ Cày, Hương Mỹ, Thạnh Phú, Phước Hưng[1].

Về phía ta, chính quyền cách mạng vẫn giữ nguyên địa giới hành chính của tỉnh Bến Tre với các huyện: Bình Đại, Sóc Sãi, Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Mỏ Cày, Thạnh Phú và thị xã Bến Tre. Năm 1972, vì điều kiện chiến tranh ác liệt, chiến trường bị chia cắt, nên ta tạm thời chia Châu Thành thành hai huyện: Châu Thành Đông (gồm một số xã của huyện An Hóa cũ và huyện Châu Thành) và Châu Thành Tây (bao gồm cả huyện Sóc Sãi); chia Mỏ Cày thành hai huyện: Mỏ Cày Nam và Mỏ Cày Bắc. Sau ngày 30-4-1975, hai huyện Châu Thành Đông và Châu Thành Tây được hợp nhất thành huyện Châu Thành như cũ; mười xã vùng trên của huyện Mỏ Cày Bắc lập lại huyện Chợ Lách; số còn lại hợp nhất với huyện Mỏ Cày Nam thành huyện Mỏ Cày.

Ngày 9-2-2009, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị định số 08/NĐ-CP *về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường để thành lập xã, phường thuộc huyện Mỏ Cày, huyện Chợ Lách, thị xã Bến Tre; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Mỏ Cày, huyện Chợ Lách để thành lập huyện Mỏ Cày Bắc thuộc tỉnh Bến Tre.* Theo Nghị định này thì huyện Mỏ Cày Bắc gồm 13 đơn vị hành chính trực thuộc; huyện Mỏ Cày Nam gồm 17 đơn vị hành chính trực thuộc; huyện Chợ Lách gồm 11 đơn vị hành chính trực thuộc.

Ngày 11-8-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 34/NQ-CP thành lập thành phố Bến Tre trực thuộc tỉnh Bến Tre với 16 đơn vị hành chính trực thuộc.

1. Quận Phước Hưng có từ năm 1974-1975. Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre.

Đến ngày 5-4-2012, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 49/NQ-CP sáp nhập thêm xã Mỹ Thành và một phần xã Hữu Định thuộc huyện Châu Thành với diện tích đất tự nhiên 362,73ha và 3.390 nhân khẩu vào thành phố Bến Tre, nâng tổng số đơn vị hành chính trực thuộc thành phố lên mười phường và bảy xã.

Đến năm 2014, tỉnh Bến Tre có chín đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các huyện: Bình Đại, Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, Chợ Lách và thành phố Bến Tre, với 164 xã, phường, thị trấn. Diện tích tự nhiên 235.678ha, dân số 1.358.314 người[1].

Lịch sử hình thành vùng đất này đã có quá trình hàng vạn năm. Sau khi phát hiện và khai quật di chỉ khảo cổ Giồng Nổi, xã Bình Phú (thành phố Bến Tre) vào những năm 2004-2006, và qua hội thảo khoa học cuối năm 2006, các nhà khảo cổ xác định di chỉ Giồng Nổi có niên đại thuộc sơ kỳ thời đại đồ sắt, cách đây khoảng 2.500 - 2000 năm trước Công nguyên, phát lộ nhiều dấu tích sinh hoạt tại chỗ của con người xưa. Theo Giáo sư Lê Xuân Diệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ thì, di chỉ Giồng Nổi được nhìn nhận là chứng tích của một trong những luồng văn hóa - dân cư đã từng tham gia vào công cuộc tạo lập nên nền văn hóa Óc Eo - châu thổ sông Cửu Long vào những thế kỷ đầu công nguyên.

Vì những nguyên nhân thiên nhiên và xã hội, số cư dân xưa chưa khai phá được bao nhiêu đất và ngày càng thưa vắng dần. Theo các nhà khảo cổ học và sử học, số cư dân ấy đã có một sự chuyển dịch nào đó về những vùng đất cao hơn. Đất cù lao hầu hết còn hoang sơ, đầy rừng rậm và thú dữ. Tình trạng ấy kéo dài hàng thế kỷ.

1. Số liệu năm 2014. Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre.

Từ thế kỷ XVII, lưu dân người Việt đã có mặt ở nhiều nơi trên đất cù lao. Với nhiều đợt chuyển cư liên tục diễn ra trong suốt thế kỷ XVII và đến giữa thế kỷ XVIII, vùng đất Bến Tre đã có đông người đến ở. Năm 1698, khi chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh dinh đất Đồng Nai, lập ra phủ Gia Định thì ở đó, dân cư đã có bốn vạn hộ, đất đai nối liền hàng ngàn dặm từ Mỗi Xuy (còn gọi là Mô Xoài, vùng Bà Rịa - Biên Hòa) đến tận bờ bắc sông Tiền (Mỹ Tho). Năm 1732, khi chúa Ninh Vương Nguyễn Phúc Chu cho lập châu Định Viễn thuộc phủ Gia Định thì hai bên bờ sông Tiền, làng xóm dân cư đã khá đông đúc. Một bộ phận cư dân gốc người Hoa (gọi là người Minh Hương) vì chống lại triều đại Mãn Thanh đã bỏ quê sang ta xin cư trú, được các chúa Nguyễn cho vào định cư ở Biên Hòa và Mỹ Tho. Nhóm định cư ở Mỹ Tho đã có một số vượt sông sang sinh sống cùng với người Việt ở một số vùng trên của cù lao An Hóa. Ngoài vùng Phước Thạnh, cư dân Minh Hương còn sống rải rác ở một số thôn, ấp khác quanh vùng. Họ sống cùng với người Việt, không lập thành làng xóm riêng.

Các nhà nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn cho rằng: So sánh tỷ lệ diện tích điền (các loại ruộng) và thổ (các loại đất trồng cây hằng năm và cây lâu năm) của ba phủ thuộc Vĩnh Long thì thấy tỷ lệ thổ canh của phủ Hoằng An (tức Bến Tre) là cao hơn cả; trên một phần ba đất là thổ canh, đất thổ canh ấy lại là vườn cau (viên lang thổ). Vì thế, người xưa gọi đất Bến Tre là miệt vườn.

Trong sách *Gia Định thành thông chí,* Trịnh Hoài Đức cho biết dân ta đã biết trồng và sử dụng cây dừa từ khi đất đai được khai phá và lập nên miệt vườn (từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX: cây dừa, chỗ đất nước ngọt hay mặn đều trồng được cả. Quả dừa non hay già đều ăn được... Có thứ sọ nhỏ như

quả trứng gà, hơi dẹp dùng làm bình thuốc súng, chén nhỏ uống nước, người đời quý trọng.

Như vậy, đất cù lao Bến Tre chẳng những có tiếng là miệt vườn, mà từ thế kỷ XIX về sau, mọi nơi đều biết đó là xứ dừa. Dừa Bến Tre phát triển sau cây cau, nhưng lại sớm được cư dân Bến Tre trồng tập trung chuyên canh so với nhiều nơi khác.

Trên đất cù lao Bến Tre, thì vùng Ba Vát, Sóc Sãi, vùng ven sông Hàm Luông, cửa Đại, vùng ven sông Bến Tre (sách xưa gọi là sông Mỹ Lung) và miệt giồng Ba Tri được coi như là những nơi lưu dân đến định cư và khai phá sớm nhất. Ba Vát (sách xưa viết là Ba Việt), lỵ sở đầu tiên của tổng Tân An, châu Định Viễn (năm 1757) là điểm hội tụ náo nhiệt nhất của cư dân thời kỳ đầu mới khai hoang mở đất, lập thành các đơn vị hành chính đầu tiên.

Qua nghiên cứu tư liệu cho thấy, lưu dân đến các vùng phía trên đầu cù lao phần lớn có nguồn gốc từ Quảng Trị, Quảng Bình trở ra. Còn lưu dân đến các vùng ven sông, ven biển - giữa và cuối đất cù lao - thì số đông là người từ các tỉnh Nam - Nghĩa - Bình - Phú (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Phú Yên) vượt biển vào hoặc chuyển cư từ Bà Rịa, Gò Công và một số điểm trung chuyển khác đến.

Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất cù lao Bến Tre không thể tách rời hai yếu tố quan trọng, đó là đất đai hay nói rộng ra là tự nhiên và con người với tư cách là chủ thể chiếm lĩnh và sáng tạo ở ngay môi trường tự nhiên ấy. Tuy thiên nhiên đã dành nhiều ưu đãi, đất đai màu mỡ, phì nhiêu, hằng năm được phù sa bồi đắp, nhưng khó khăn, khắc nghiệt cũng không phải nhỏ. Là vùng đất cù lao nằm ở cuối các dòng sông lớn và nhiều cồn bãi, đất trầm thủy, nê địa hoang vu, sông rạch chằng chịt, rừng bụi um tùm chạy dài từ đầu cù lao đến

ven biển với nhiều loại thú dữ. Những địa danh còn lưu giữ đến ngày hôm nay như: Giồng Hổ, Giồng Heo, Sân Trâu, Rạch Mây, vàm Cái Trăn, sông Cái Cấm, Bàu Dơi, Láng Tượng, Ngã Ba Lạc, Lạc Địa, Tắt Hang Chuột,... đã phản ánh gốc gác xa xưa của một thời "sấu nghé, cọp gầm, sông sâu, rừng rậm".

Huyền thoại về đánh cọp, bắt cá sấu, trị các loài rắn độc được đúc kết trong kho tàng truyện kể dân gian qua nhiều thế hệ cư dân trên đất cù lao Bến Tre đã phản ánh một thời đầy gian khổ của sự nghiệp khai hoang mở đất. Hoàn cảnh cực kỳ khó khăn và thiên nhiên khắc nghiệt đã thử thách, rèn luyện con người, đào luyện cho họ sự dũng cảm, bản lĩnh, mưu trí, tính cộng đồng và khả năng sáng tạo.

Những lưu dân đến đây, qua nhiều thế hệ, họ không chỉ mang theo lòng nhiệt huyết, tính phiêu lưu, kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, cây - con giống mà còn mang theo những nét đẹp văn hóa trong nghi lễ, phong tục tập quán, quan hệ ứng xử, câu hò điệu lý,... đến vùng đất mới. Tất cả những yếu tố đó đã hòa quyện với vùng đất mênh mông, đầy hiểm nguy nhưng rất trù phú, tạo nên cá tính của người Nam Bộ nói chung và Bến Tre nói riêng, bộc trực, phóng khoáng, cởi mở, nghĩa hiệp, tự lực tự cường,... gắn kết giao thoa văn hóa bản địa tạo nên những sản phẩm văn hóa đặc trưng của vùng đất cù lao - một trong những cái nôi của dân ca Nam Bộ.

Có cái ăn, cái mặc, cư dân đầu tư xây dựng đình làng với lối kiến trúc truyền thống dân tộc để thờ Thành hoàng, thờ "tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ". Đây cũng là nơi giải quyết việc làng, nơi sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Những ngôi đình tiêu biểu, với những đồ án thiết kế được chạm khắc gỗ tinh xảo bởi bàn tay của những người thợ tài hoa, tạo nên những tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp, độc đáo,... như đình Phú Lễ, Bình Hòa, Tân Thạch, Tiên Thủy, v.v..

Các tôn giáo lớn hầu như có mặt ở đất Bến Tre như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành. Nơi đây còn tọa lạc Trung ương của đạo Cao Đài Ban Chỉnh, Cao Đài Tiên Thiên. Hầu hết tín đồ các tôn giáo là quần chúng nhân dân lao động, yêu nước, gắn bó với kháng chiến và cách mạng.

Truyền thống hiếu học cũng là một đặc điểm luôn được tiếp nối, phát huy của người dân Bến Tre. Trước khi thực dân Pháp xâm lược, chỉ riêng ở cù lao Minh và cù lao Bảo đã có hơn 70 trường dạy chữ Nho của những thầy đồ. Dưới triều nhà Nguyễn, đất Nam Kỳ có ba tiến sĩ và một phó bảng, thì người Bến Tre tự hào có Phan Thanh Giản là vị tiến sĩ khai khoa; trong 269 vị cử nhân đậu trường thi Gia Định thì Bến Tre có 31 người. Đây cũng là nơi sinh của nhà bác học Trương Vĩnh Ký - người sử dụng thông thạo hơn 20 ngôn ngữ phương Đông và phương Tây, đã biên soạn nhiều công trình nghiên cứu đặc sắc, được tôn vinh là một trong 18 vị bác học của thế giới.

Đây cũng là nơi ở và hoạt động trong 26 năm cuối đời của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ khiếm thị nhưng lòng dạ sáng tựa sao khuê, yêu nước, thương dân, dùng ngòi bút để ca ngợi cái tốt, chống lại cái ác, cái xấu, với tuyên ngôn "bất hủ":

"Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà".

Bến Tre cũng vinh dự được các sĩ phu yêu nước chọn là nơi "cải táng" hài cốt của sư biểu Võ Trường Toản - nhà giáo dục lỗi lạc của Nam Bộ cuối thế kỷ XVIII với lối giáo huấn "Tri ngôn dưỡng khí" đã được triều Nguyễn ban cho danh hiệu "Gia Định xử sĩ Sùng Đức Võ Tiên sinh".

Đất Bến Tre cũng là nơi có nhiều lò võ với nhiều thầy võ nổi tiếng xa gần. Tinh thần thượng võ cũng là phong cách của người cù lao, nơi có những võ tướng lừng lẫy chiến công của

triều đại nhà Nguyễn. Trận giặc "mù u" của lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng, trận "giặc hè" của đốc binh Phan Ngọc Tòng theo truyền thuyết dân gian còn lưu lại đến nay đã trở thành truyền thống đánh giặc của nhân dân Bến Tre "lấy yếu thắng mạnh, lấy ít đánh nhiều; lấy mưu trí, dũng cảm, thông minh đối chọi với kẻ thù có sức mạnh vật chất hơn mình".

Sau khi thực dân Pháp chiếm lĩnh ba tỉnh miền đông Nam Kỳ, Bến Tre lúc ấy trở thành đất "tị địa" của những sĩ phu, nghĩa dân yêu nước.

Khi ba tỉnh miền Tây tiếp tục rơi vào tay giặc Pháp (6-1867) thì nhân dân Bến Tre đứng lên đánh thực dân Pháp, giải phóng quê hương.

Tháng 8-1867, Phan Liêm - Phan Tôn đã khởi xướng nhân dân Bến Tre khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa này không chỉ lan rộng trong tỉnh mà còn lan sang hai tỉnh Trà Vinh, Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa của Phan Liêm - Phan Tôn vừa mới bị dập tắt thì nổ ra cuộc khởi nghĩa của Phan Tòng, cuộc khởi nghĩa của Tán Kế Lê Quang Quan.

Các trận tập kích của nghĩa quân vào những nơi thực dân Pháp vừa mới chiếm đóng ở Hương Điểm (Giồng Trôm), Giồng Gạch và Bảo Thạnh (Ba Tri)... đã gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong khi thực dân Pháp phải lo đối phó với phong trào kháng chiến ở cù lao Bảo, thì ở cù lao Minh, lại nổ ra các cuộc khởi nghĩa của nghĩa sĩ Hưng, Nhiêu Đẩu, Nhiêu Gương. Ở cù lao An Hóa, nổ ra các cuộc khởi nghĩa của Trịnh Viết Bàng, Huỳnh Văn Thiệu. Không chỉ đánh địch ngay trên mảnh đất quê nhà, nhân dân cù lao An Hóa còn tham gia tích cực vào cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân, của Trương Định ở bên kia bờ sông Tiền... Giặc Pháp lại phải đối phó với phong trào

"tị địa", nơi nào chúng chiếm đóng thì người dân bỏ làng đi nơi khác.

Trong những năm 1885, 1886, 1893, Đào Công Bửu (quê ở Trà Vinh, ngụ ở An Hội, Bến Tre) trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc vận động chống thực dân Pháp trên địa bàn Bến Tre, Mỹ Tho. Năm 1893, ông bị thực dân Pháp bắt.

Năm 1916, nổ ra cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Văn Đang (tự Tám Đang) và Chín Sửu ở làng Tân Phú Tây. Lực lượng khởi nghĩa xông vào nhà cựu Hương cả Trần Trung Bình, buộc ông này giao súng cho họ, ông Bình trốn thoát, nhưng người con trai của ông bị lực lượng khởi nghĩa dẫn đi. Nghĩa quân cũng bao vây nhà cựu Chánh tổng Minh Thiện và Phó tổng Lê Phước Toản, chiếm công sở Tân Phú Tây. Sau đó, Nguyễn Văn Đang bị thực dân Pháp bắt[1].

Trong những năm 1925-1926, dưới tác động của các phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh, đòi ân xá cụ Phan Bội Châu,... nhiều thanh niên, trí thức yêu nước ở Bến Tre đã tham gia phong trào.

Các phong trào trên đều bị thất bại vì chưa có một đường lối cách mạng đúng đắn, có khả năng đoàn kết, tập hợp đông đảo nhân dân tham gia. Tuy nhiên, nó nói lên tinh thần yêu nước, bất khuất của nhân dân Bến Tre, là cơ sở cho Đảng ra đời và bén rễ trong quần chúng.

1. Nguyễn Văn Đang rút về cùng Nguyễn Văn Văn (Đội Văn) lập căn cứ ở giồng Ông Buồm (Khánh Thạnh Tân). Năm 1920, thực dân Pháp đưa quân vào đánh phá căn cứ giồng Ông Buồm. Đội Văn dẫn cánh quân chạy vào Bảy Núi (Thất Sơn, An Giang), bị giặc truy đuổi, hy sinh. Số nghĩa quân còn lại bám căn cứ giồng Ông Buồm tiếp tục chiến đấu. Sau đó, Nguyễn Văn Đang, Sáu Đáng, Ba Đây, Tư Đó,... bị thực dân Pháp bắt và đày đi biệt tích. Xem *Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Khánh Thạnh Tân,*

Chương I

ĐẢNG BỘ BẾN TRE RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

I- ĐẢNG BỘ BẾN TRE RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO 1930-1931

1. Nhân dân Bến Tre dưới ách thống trị của thực dân Pháp

Sau khi xâm chiếm Bến Tre (năm 1867), thực dân Pháp đã bắt tay vào việc thiết lập bộ máy cai trị. Chúng đã lập ra sở tham biện Bến Tre (Inspection) do chánh tham biện người Pháp trực tiếp điều khiển. Năm 1876, sở tham biện được đổi thành hạt tham biện. Đến cuối năm 1899, Toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định đổi các hạt tham biện thành tỉnh, đứng đầu một tỉnh do chủ tỉnh hay chánh tham biện người Pháp trực tiếp cai trị. Thực dân Pháp đã sử dụng địa chủ phong kiến tay sai để đàn áp bóc lột nhân dân và duy trì những quyền lợi của chúng ở Việt Nam. Chế độ cai trị khắc nghiệt của thực dân, phong kiến đã bóp chết các quyền tự do, dân chủ, của nhân dân ta.

Cuối thế kỷ XIX, sau khi cơ bản đã bình định xong nước ta, dập tắt các cuộc khởi nghĩa vũ trang, ổn định bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt đầu thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, vơ vét tài nguyên kinh tế của nước ta để làm giàu cho chính quốc.

Bến Tre là một tỉnh nông nghiệp, việc khai thác của người Pháp chủ yếu là tập trung vào lúa gạo và dừa. Thực dân Pháp đã xúc tiến việc phát triển hệ thống giao thông và thủy lợi để tạo thuận lợi cho việc chuyên chở hàng hóa và khai thác đất đai, thu gom lúa gạo để xuất ra nước ngoài, thu lợi nhanh

mà không cần đầu tư vốn lớn vào xây dựng các nhà máy, xí nghiệp. Năm 1930, diện tích canh tác toàn tỉnh là 132.000ha, thì có 110.000ha đất ruộng lúa, 6.000ha đất vườn dừa, số đất còn lại (16.000ha) trồng các loại cây khác. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp kém phát triển. Đến năm 1930, toàn tỉnh có 32 nhà máy xay xát gạo, hai nhà máy ép dầu dừa, một xí nghiệp rượu, một nhà máy điện, vài cơ sở sản xuất gạch ngói, xà phòng, nước mắm... Số lượng công nhân (công nghiệp, thủ công nghiệp) chiếm khoảng 2% dân số[1].

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, sự phân hóa xã hội diễn ra ngày càng sâu sắc. Giai cấp địa chủ được duy trì và khuyến khích phát triển để biến thành chỗ dựa của bọn thực dân thống trị nước ta. Địa chủ chiếm hữu nhiều vùng đất kể cả những mảnh đất nông dân khai phá được. Số lượng địa chủ tăng nhanh, năm 1867 toàn tỉnh có 20 địa chủ chiếm hữu từ 100ha trở lên, đến năm 1930 đã tăng lên 44 địa chủ, cùng 168 địa chủ có từ 50-100ha. Phần lớn đất đai nông dân khai phá được lần lượt rơi vào tay địa chủ.

Tư sản trong tỉnh có số lượng ít ỏi, đa số là người Hoa. Họ nắm vai trò chủ yếu trong thương nghiệp và kinh doanh trong lĩnh vực giao thông thủy bộ. Tư sản người Việt có năm người[2].

Nông dân chiếm đại bộ phận dân cư, nhưng không có ruộng đất, phải làm thuê hoặc mướn đất của địa chủ để cày cấy. Họ phải nộp tô cho địa chủ từ 5-6 giạ/công đất mỗi năm (mỗi năm chỉ canh tác một vụ lúa, năng suất 5-10 giạ/công). Ngoài ra, còn phải nộp thêm các khoản phụ thu (tô phụ), làm công lễ cho chủ trong những ngày giỗ, tết. Nhiều người do hoàn cảnh khó khăn

1. *Địa phương chí tỉnh Bến Tre,* Hội Nghiên cứu Đông Dương, 1930, bản đánh máy do Nguyễn Văn Bá dịch, tr. 30.

2. Năm người gồm: một nhà Nho, Vân Võ Văn, thầy Nhẫn, Đồng Xuân Các, Tám Trân.

phải cầm cố đất, vay nặng lãi, bán lúa non, đến mùa vụ gặt xong là trắng tay.

Bị địa chủ bóc lột, họ còn phải chịu gánh nặng của thuế khóa do thực dân phong kiến đặt ra như thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý khác. Hằng năm, mỗi người dân phải đóng thuế thân 4,5 đồng (hạng vô sản), 5,5 (nếu là hạng hữu sản) (giá lúa 0,3 đồng/giạ) và một khoản phụ thu cho làng. Nhiều người không có tiền đóng thuế thân phải chịu cảnh trốn xâu lậu thuế, rời bỏ quê hương. Cuộc sống của nông dân vì thế vô cùng cơ cực. Thực dân Pháp thực hiện chính sách "ngu dân để trị" nên hạn chế mở trường. Trên 90% người dân bị mù chữ. Cuộc sống khó khăn, khi bệnh tật không có thuốc chữa trị.

Tủi nhục vì cảnh nô lệ mất nước cộng với cuộc sống cơ cực nghèo đói, dốt nát đã nung nấu trong lòng nhân dân một mối căm thù thực dân, phong kiến áp bức bóc lột.

Từ khi thực dân Pháp xâm chiếm đất nước ta, nhân dân Bến Tre với lòng yêu nước bất khuất, đã liên tiếp đứng lên đánh Pháp để cứu nước, cứu mình, nhưng các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại. Đầu thế kỷ XX, những người yêu nước đã bí mật lập ra các hội kín, gia nhập Thiên Địa hội, Hội Khuyến học, nhen nhóm tinh thần yêu nước, chuẩn bị khi có thời cơ đánh đổ thực dân Pháp xâm lược. Các sách, báo yêu nước và cách mạng như *Hồi trống tự do* của Trần Hữu Độ, *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc, *Cô Lê trò Lý* của Nguyễn Văn Vinh, báo *Việt Nam Hồn,...* được lan truyền trong thanh niên, trí thức và những người yêu nước.

Phong trào yêu nước của nhân dân Bến Tre tuy còn hạn chế về chủ trương, đường lối, phương châm, phương pháp cách mạng, nhưng nó đã tạo ra điều kiện thuận lợi, là mảnh đất tốt đẹp để chủ nghĩa Mác - Lênin bám rễ, đâm chồi, nảy nở, đưa

cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân trong tỉnh bước vào một thời kỳ mới: thời kỳ đấu tranh cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Đảng bộ Bến Tre ra đời

Sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đảm nhiệm sự phân công của Quốc tế Cộng sản về Quảng Châu (Trung Quốc) để chỉ đạo phong trào cách mạng ở Đông Nam Á. Tại đây, Người đã thành lập một tổ chức cách mạng lấy tên là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, thu hút những thanh niên có chí khí ở trong nước sang Quảng Châu học tập, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, gieo mầm cách mạng rồi đưa về nước hoạt động.

Sau khi mở xong khóa 1 đào tạo cán bộ nòng cốt cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tổng bộ đã cử hai đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi vào Sài Gòn xây dựng cơ sở và lựa chọn những thanh niên ưu tú đưa sang Quảng Châu dự các lớp huấn luyện do Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên mở để đào tạo thành những cốt cán cho phong trào.

Đến Sài Gòn, Phan Trọng Bình đã được cụ Trần Nguyên Phụ[1] giới thiệu Lê Văn Phát (tức Hương lễ Đẩu, quê ở Mỹ Nhơn, Ba Tri) để kết nạp vào hội và đưa sang Quảng Châu dự khóa huấn luyện thứ hai[2] (tức khóa đầu tiên ở Nam Kỳ). Sau đó, Kỳ bộ Nam Kỳ đã lần lượt gửi nhiều thanh niên ưu tú sang Quảng Châu học, trong số đó có các đồng chí: Trần Ngọc Giải (quê ở Thới Thuận, quận An Hóa), Lê Hoàng Chiếu (quê ở Phú Vang, quận An Hóa), Nguyễn Văn Ngọc (tức Vương Hoài Nghĩa, sinh

1. Trần Nguyên Phụ là một yếu nhân trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, bị thực dân Pháp bắt đưa vào an trí ở Bến Tre.

2. Chuyến đi này ở Nam Kỳ chỉ có ba người: Lê Văn Phát và hai người nữa quê ở miền Trung là Ngô Thiêm và Lê Mạnh Trinh.

sống tại tỉnh lỵ Bến Tre), nữ đồng chí Nguyễn Trung Nguyệt (quê ở làng Bình Đại, quận An Hóa).

Sau khóa học, trở về nước, các học viên đã trở thành những cán bộ ưu tú của cách mạng. Đồng chí Lê Văn Phát trở thành Ủy viên của Kỳ bộ Nam Kỳ. Đồng chí Trần Ngọc Giải và Lê Hoàng Chiếu về Mỹ Tho xây dựng cơ sở của hội. Sau đó, hai đồng chí này đã thành lập Tỉnh bộ Mỹ Tho.

Ở Bến Tre, tổ chức của hội được hình thành và hoạt động vào khoảng cuối năm 1926, đầu năm 1927. Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Ngọc (Vương Hoài Nghĩa), Trương Minh Tài (thầy giáo Tài, quê ở Mỏ Cày), Hồ Thả (thợ bạc thị xã), Tám Trừ (thợ bạc ở Giồng Trôm), Phạm Văn Minh (tức Minh Thẹo) và đồng chí Mai Văn Đặng (Ba Đặng) do đồng chí Nguyễn Văn Ngọc làm Bí thư, đặt trụ sở tại hiệu ảnh "Tướng Quán" đường Clêmăngxô (Clémanceau)[1], tỉnh lỵ Bến Tre.

Tháng 9-1927, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc đã đến Ba Tri tổ chức các chi bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Tân Xuân, An Hiệp, An Đức, Mỹ Nhơn, Phú Lễ, An Bình Tây... Cũng trong thời gian này, ở tỉnh lỵ, đã tổ chức được một chi bộ do đồng chí Phạm Văn Minh làm Bí thư.

Ở Mỏ Cày, có các chi bộ Phước Hiệp, Bình Khánh, An Thạnh, Tân Thành Bình, Định Thủy.

Ở huyện An Hóa, lúc bấy giờ thuộc tỉnh Mỹ Tho, Tỉnh bộ Mỹ Tho đã xây dựng được hai chi bộ: Chi bộ Thới Thuận và Chi bộ ghép Lộc Thuận - Phú Vang. Sau đó, cơ sở của hội phát triển sang các làng Tân Thạch, Giao Long, An Khánh, kết nạp được nhiều hội viên.

1. Đường Clêmăngxô nay là đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Bến Tre.

Các chi bộ hoạt động dưới sự chỉ đạo thống nhất của Tỉnh bộ. Hoạt động chủ yếu của hội là tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, giải thích tôn chỉ, mục đích của hội để kết nạp hội viên mới, hướng phát triển của hội là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức bao gồm giáo viên và viên chức cấp dưới có tinh thần yêu nước, chống đế quốc.

Đến năm 1929, ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã lan rộng trong quần chúng, nhất là trong giới công - nông. Trước yêu cầu bức thiết của tình hình cách mạng, các Kỳ bộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tự động chuyển qua tổ chức Đảng Cộng sản, thành ra ở nước ta có ba tổ chức cộng sản.

Đầu năm 1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại diện Quốc tế Cộng sản, từ Xiêm (Thái Lan), qua Xingapo về Hồng Kông (Hương Cảng) chủ trì hội nghị đại biểu của các tổ chức cộng sản trong nước (có đại diện của hai tổ chức là Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng dự hội nghị) để thành lập một Đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đó, đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương). Đảng chủ trương chọn những hội viên tích cực trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để kết nạp vào Đảng.

Tháng 4-1930, Tỉnh ủy lâm thời Mỹ Tho thực hiện quyết định của Xứ ủy Nam Kỳ về việc xây dựng cơ sở đảng ở Bến Tre, cử một Ban Cán sự gồm ba đồng chí: Nguyễn Văn Nguyễn (phụ trách chung), Nguyễn Văn Ân (Mỹ Tâm), Nguyễn Văn Trí đến Bến Tre xây dựng cơ sở đảng.

Đến Bến Tre, hai đồng chí Nguyễn Văn Trí và Nguyễn Văn Ân đã chọn Tân Xuân là nơi có nhiều hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên để gây dựng cơ sở đảng trước, rồi phát triển tổ chức ra các làng trong tỉnh. Ở Tân Xuân, hai

đồng chí đã bắt liên lạc với đồng chí Trần Văn An[1] - hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tổ chức tuyên truyền, giáo dục quần chúng vào Nông hội với trên 100 hội viên. Từ các hội viên Nông hội này, đồng chí Nguyễn Văn Ân đã chọn một số hội viên tích cực, hăng hái để kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Cuối tháng 4-1930, trên cơ sở những đảng viên vừa mới được kết nạp cùng một số đảng viên chuyển từ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên sang, đồng chí Nguyễn Văn Ân (Mỹ Tâm) thay mặt cho Tỉnh ủy Mỹ Tho, tổ chức một cuộc họp tại nhà đồng chí Nguyễn Văn Cung để thành lập chi bộ Tân Xuân. Chi bộ gồm 11 đảng viên: Trần Văn An, Nguyễn Văn Cung, Nguyễn Văn Trước (tức Năm Thành), Nguyễn Văn Sau (em đồng chí Trước), Trần Văn Biên, Trần Văn Biện, Nguyễn Văn Sét, Phan Văn Tạo, Trần Văn Ngươn, Phạm Kim Đính, Đặng Thị Thâm (sau đó, kết nạp thêm đồng chí Huỳnh Thiên Niên), do đồng chí Trần Văn An làm Bí thư. Đây là hạt nhân lãnh đạo cách mạng đầu tiên của tỉnh.

Chi bộ Tân Xuân đã tổ chức các buổi diễn thuyết bí mật, rải truyền đơn, treo cờ Đảng, dán khẩu hiệu..., để tuyên truyền, giáo dục đường lối cách mạng của Đảng cho nhân dân; đồng thời, tổ chức quần chúng vào các đoàn thể cách mạng như Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ đỏ và Cứu tế đỏ, hình thành một lực lượng cách mạng đông đảo sẵn sàng đấu tranh.

Sau khi thành lập xong chi bộ đầu tiên ở Tân Xuân, đồng chí Nguyễn Văn Trí chuyển qua cù lao Minh hoạt động, giao cho đồng chí Nguyễn Văn Ân phụ trách xây dựng Đảng ở cù lao Bảo. Chi bộ Tân Xuân cũng phân công đảng viên sang các làng An Đức, An Hiệp, An Bình Tây, Phú Lễ,

1. Đồng chí Trần Văn An sinh năm 1905, quê ở ấp Tân Trang, làng Tân Xuân, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Phú Ngãi, Phước Tuy,... (Ba Tri) để tuyên truyền vận động quần chúng. Đồng chí Nguyễn Văn Ân đã thành lập Chi bộ Phú Lễ - Phú Ngãi.

Tháng 6-1930, theo sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Kỳ, Liên Tỉnh ủy Mỹ Tho - Bến Tre được thành lập, do đồng chí Nguyễn Thiệu làm Bí thư[1]. Đồng chí Trần Văn An được cử vào Liên Tỉnh ủy. Liên Tỉnh ủy Mỹ Tho - Bến Tre có nhiệm vụ xây dựng cơ sở đảng ở Mỹ Tho, Bến Tre và các tỉnh miền Hậu Giang.

Liên Tỉnh ủy cho xuất bản tờ báo *Dân cày*[2] để tuyên truyền cổ động phong trào giải phóng dân tộc, chống thực dân Pháp, tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và cử đồng chí Nguyễn Thiệu sang Bến Tre hoạt động.

Sau cuộc biểu tình ngày 1-5-1930 ở Tân Xuân, địch theo dõi biết hoạt động của Đảng Cộng sản đã ra sức truy lùng những cán bộ, đảng viên, nhưng nhờ nắm vững nguyên tắc hoạt động bí mật, nên các tổ chức đảng và tổ chức quần chúng vẫn được bảo tồn và phát triển.

Được sự hỗ trợ của đồng chí Nguyễn Thiệu, các chiến sĩ cộng sản ở Bến Tre tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng bằng các hình thức rải truyền đơn, dán khẩu hiệu hoặc nhân các ngày kỷ niệm, tổ chức míttinh, biểu tình lên án bọn đế quốc, kêu gọi công - nông - binh liên hiệp chống đế quốc phong kiến, đòi dân sinh, dân chủ, đòi tự do, chống khủng bố; tổ chức diễn thuyết, tranh luận làm rõ quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản đấu tranh với những quan điểm của nhóm Thanh niên Cao vọng (Thanh niên Cao vọng

1. Lúc mới thành lập Liên Tỉnh ủy gồm có năm đồng chí: Khình (tức Nguyễn Thiệu), Cộng (tức Nguyễn Văn Ngự), Nhuận (tức Nguyễn Trọng Hanh), Mười (tức Trần Văn An), Nguyễn Thị Lựu. Sau đó, Xứ ủy bổ sung thêm hai đồng chí Phạm Hùng và Nguyễn Văn Phượp.

2. Báo *Dân cày* do đồng chí Phạm Hùng làm chủ bút được phân phát cho các tỉnh Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh, Rạch Giá, Cần Thơ.

Đảng do Nguyễn An Ninh tổ chức), tranh thủ, lôi kéo những người yêu nước trong các nhóm này tham gia cách mạng.

Từ Tân Xuân, Phú Lễ, Phú Ngãi, phong trào lan rộng ra các xã Bảo Thạnh, Mỹ Chánh, Châu Bình và tại tỉnh lỵ. Khoảng tháng 10-1930, Chi bộ Châu Bình được thành lập do đồng chí Huỳnh Khắc Mẫn (Mười Mắn) làm Bí thư.

Ở cù lao Minh, đồng chí Nguyễn Văn Trí đã liên lạc với số hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bình Khánh, Phước Hiệp thành lập Chi bộ ghép Bình Khánh - Phước Hiệp do đồng chí Phạm Văn Giựt làm Bí thư. Sau đó, tổ chức đảng phát triển ở An Thạnh, Mỏ Cày (Chi bộ ghép Mỏ Cày - Thom), Tân Thành Bình. Các đồng chí: Nguyễn Văn Nhữ (Nguyễn Kiến Nghĩa, quê ở Trà Vinh) và đồng chí Dương Quang Đông đã phát triển được một số đảng viên ở Thành Thới, Khánh Thạnh Tân. Đến tháng 10-1930, Bến Tre đã tổ chức được bảy chi bộ ở cù lao Minh, cù lao Bảo[1] và một số đảng viên hoạt động rải rác ở các làng.

Ở An Hóa, phong trào cách mạng phát triển mạnh từ những năm 1927-1929. Từ tháng 9-1929, đồng chí Lê Hoàng Chiếu đã thành lập Chi bộ (ghép) An Nam Cộng sản Đảng Lộc Thuận - Phú Vang - Vang Quới. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tháng 4-1930, đồng chí Nguyễn Văn Phượp đã tổ chức cuộc họp chuyển chi bộ này thành chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ Lộc Thuận - Phú Vang - Vang Quới gồm có: Đỗ Nghĩa Trọng, Lê Văn Huấn, Phạm Thành Công, Phạm Văn Tô, Lê Văn Quân do đồng chí Đỗ Nghĩa Trọng làm Bí thư[2]. Chi bộ Thới Thuận do đồng chí Trần Ngọc Giải tổ chức,

1. Bảy chi bộ: Bình Khánh - Phước Hiệp, Tân Thành Bình, Mỏ Cày - Thom, Tân Xuân, Phú Lễ - Phú Ngãi, Châu Bình và thị xã Bến Tre.

2. Sau vụ án đường Barbier, thực dân Pháp truy bắt một số đồng chí, trong đó có đồng chí Lê Hoàng Chiếu bị kết án 5 năm tù giam tại nhà tù Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc (Vương Hoài Nghĩa) cũng bị bắt.

gồm có: Nguyễn Văn Sách, Ngô Văn Ngài, Lê Văn Biếu và Võ Văn Màu; đồng chí Trần Ngọc Giải được cử làm Bí thư (sau đó, đồng chí Trần Ngọc Giải bận công tác ở Tỉnh ủy Mỹ Tho, đồng chí Nguyễn Văn Sách làm Bí thư).

Chi bộ Bình Đại do Huỳnh Khắc Mẫn (Mười Mắn) tổ chức, gồm có các đồng chí: Thức, Chúc, Đặng Văn Ngôn, Võ Văn Bảo (Bộ Bảo) và Trần Văn Triết (Hương thơ Triết), do đồng chí Chúc làm Bí thư.

Tháng 8-1930, đồng chí Nguyễn Thiệu và Nguyễn Văn Ngự (Liên Tỉnh ủy Mỹ Tho) đã thành lập Chi bộ Giao Long gồm bảy đồng chí: Trần Văn Cấm, Huỳnh Văn Tắc, Dương Văn Mới, Nguyễn Văn Hài (Bộ Hài), Châu Văn Mai, Huỳnh Văn Là, Huỳnh Văn Giao, do đồng chí Trần Văn Cấm làm Bí thư[1].

Chi bộ ghép Tân Thạch - An Khánh - Phú An Hòa được thành lập gồm bốn đồng chí: Bùi Văn Kiệm, Nguyễn Văn Dậu, Đỗ Văn Đồ, Nguyễn Văn Tỷ, do đồng chí Bùi Văn Kiệm làm Bí thư.

Ở Chợ Lách (lúc bấy giờ thuộc tỉnh Vĩnh Long), từ năm 1927 đã có hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên đầu tiên là Trần Văn Kiết[2]. Đầu năm 1931, đồng chí Đặng Văn Quang từ Vĩnh Long đến nhà ông Trần Văn Danh (Hương chủ Danh, là cha của đồng chí Trần Văn Kiết) ở Phú Phụng liên hệ với những người yêu nước, thành lập Chi bộ Phú Phụng, gồm

1. Dựa theo lời kể của đồng chí Huỳnh Văn Tắc.

2. Trần Văn Kiết sinh năm 1911, quê ở Phú Phụng - Chợ Lách, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Sài Gòn. Năm 1928, ông sang Pháp du học. Năm 1930, ông vào Đảng Cộng sản Pháp, được cử đi học Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô), được bầu làm Ủy viên Trung ương khóa I, năm 1937 về nước làm trong Tòa soạn báo *Dân chúng*. Năm 1939, ông bị thực dân Pháp bắt giam ở khám Lớn, đày đi Tà Lài. Năm 1941, ông vượt ngục về Sài Gòn, làm Thành ủy viên Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1943, ông bị mật thám bắt tra tấn đến chết.

bốn đồng chí: Đặng Văn Quang, Ba Nhiễu (bí danh Trắc), Sáu Thu, Ba Xuyên, do Đặng Văn Quang làm Bí thư.

Cuối năm 1930, Liên Tỉnh ủy tăng cường hai đồng chí: Nguyễn Văn Nguyễn và Nguyễn Văn Phượp sang hoạt động ở cù lao Minh và cù lao Bảo, trực tiếp lãnh đạo đưa phong trào cách mạng tiến lên.

Đầu năm 1931, tỉnh Bến Tre có hơn 20 chi bộ[1] với hơn 100 đảng viên. Phong trào từng bước tiến lên. Các cuộc biểu tình, mít tinh, bãi thị, rải truyền đơn, treo cờ Đảng,... liên tiếp diễn ra trong tỉnh.

Tháng 5-1931, tại một cửa hiệu thợ bạc ở tỉnh lỵ Bến Tre, đồng chí Phạm Hùng, thay mặt cho Liên Tỉnh ủy, đã tổ chức một cuộc họp thành lập Tỉnh ủy Bến Tre do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm Bí thư. Cơ quan của Tỉnh ủy đóng gần cầu Cá Lóc (thị xã Bến Tre), sau khi đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn bị bắt, cơ quan dời về đường Cơlêmăngxô (Clémanceau).

Tỉnh ủy lo chấn chỉnh tổ chức, củng cố các cơ sở đảng ở địa phương, đồng thời xúc tiến việc xây dựng cơ sở đảng ở Trà Vinh theo sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Kỳ.

Tờ báo *Búa Liềm* - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ ra đời, đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm chủ bút, đồng chí Trần Thị Vọng (bí danh Chút Chít) phụ trách in ấn và bí mật phân phát cho chi bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng.

Hệ thống giao thông liên lạc được củng cố. Đường dây liên lạc bí mật nối liền Bến Tre với Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh,... được hình thành.

1. Đầu năm 1931 có các chi bộ: Tân Xuân, Phú Lễ, Phú Ngãi, Châu Bình, Châu Phú, Bình Thành - Sơn Đốc, Tân Hào, Lương Quới - Lương Hòa, Phước Long, Tân Thanh, An Đức, An Hiệp, Tân Hưng, Bảo Thạnh, Vĩnh Hòa, Ba Mỹ, thị xã, Bình Khánh - Phước Hiệp, Mỏ Cày - Thom, Tân Thành Bình (Mỏ Cày), Thành Thới, Khánh Thạnh Tân, Phú Khánh, An Quy (Thạnh Phú).

Sự ra đời của Tỉnh ủy đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong phong trào đấu tranh của nhân dân Bến Tre. Từ đây, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân trong tỉnh có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, có đường lối cách mạng khoa học, đúng đắn. Đây là nhân tố quyết định góp phần vào những thắng lợi của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bến Tre trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Đảng bộ lãnh đạo phong trào 1930-1931

Ngay sau khi thành lập, các chi bộ đảng đã tích cực vận động quần chúng tham gia các cuộc biểu tình, bãi công, bãi thị, rải truyền đơn, treo cờ Đảng,... nhằm biểu dương lực lượng, mở rộng ảnh hưởng của Đảng đến các tầng lớp nhân dân và uy hiếp tinh thần địch.

Ngày 1-5-1930, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, Chi bộ Tân Xuân đã tổ chức một cuộc biểu tình biểu dương lực lượng của 200 quần chúng tại ngã ba Cây Da Đôi thuộc làng Tân Xuân. Lực lượng biểu tình với giáo, mác, gậy gộc, tập hợp thành đội ngũ chỉnh tề, trương băng cờ, hô vang các khẩu hiệu tiến vào đập phá nhà việc ở ấp Tân Trang, kéo đến xóm Cây Dương (ấp Tân An, gần chợ Tân Xuân) hô khẩu hiệu thị uy rồi giải tán. Đoàn biểu tình cũng phân công một bộ phận rải truyền đơn trên đoạn lộ Tân Xuân - Ba Tri. Cuộc biểu tình đầu tiên này đã gây được ảnh hưởng lớn trong nhân dân, tạo được khí thế cách mạng của quần chúng.

Tháng 10-1930, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ trong cả nước để chống khủng bố trắng ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Đảng bộ Bến Tre đã liên tiếp tổ chức các cuộc míttinh, biểu tình trong những

tháng cuối năm 1930 đầu năm 1931 để hưởng ứng phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Mở đầu cho cao trào 1930-1931 là cuộc biểu tình của hơn 10.000 quần chúng cách mạng ở vùng Ba Châu (Châu Bình, Châu Thới, Châu Phú) do đồng chí Huỳnh Khắc Mẫn (Mười Mắn) và đồng chí Nguyễn Thiệu lãnh đạo.

Quần chúng cách mạng mang giáo, mác, gậy gộc, tập hợp thành đội ngũ chỉnh tề trương băng rôn, cờ đã hùng dũng kéo đến nhà việc Châu Bình hô vang các khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp!

- Đả đảo cường hào, địa chủ gian ác!

- Người cày có ruộng, nhà máy về thợ!

- Việt Nam của người Việt Nam!

- Chống khủng bố trắng, ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh!

Khí thế cách mạng sôi sục của quần chúng đã làm cho bọn hội tề làng Châu Bình hoảng sợ bỏ chạy. Lực lượng biểu tình kéo vào đập phá nhà việc, đốt hết sổ sách của hội tề và đánh trống vang dội.

Sau đó, đoàn biểu tình tiếp tục kéo đến phá trụ sở hai làng Châu Thới, Châu Phú. Qua mỗi làng, đoàn dừng lại tổ chức míttinh, hô hào nhân dân vùng lên đấu tranh giành quyền lợi.

Cuộc biểu tình vũ trang mỗi lúc một đông thêm và kéo dài đến 12 giờ khuya mới kết thúc.

Trong khi đó, đội tự vệ đã đốn ngã hai cây me chắn ngang lộ 26 để cản xe giặc, bảo vệ quần chúng nổi dậy.

Bốn giờ sáng hôm sau, thực dân Pháp đưa lính đến đàn áp, chúng lùng sục khắp nơi nhưng không tìm ra manh mối. Cuộc biểu tình quy mô lớn có vũ trang đầu tiên thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần nhân dân trong tỉnh.

Sau cuộc biểu tình này, bộ máy tề ở ba làng này bị lung lay. Thực dân Pháp và tay sai chưa hết hoang mang, thì ngày 27-10-1930, một cuộc biểu tình quy mô lớn lại diễn ra ở các làng: Tân Xuân, Phú Lễ, Phú Ngãi, Ba Mỹ, Phước Tuy, Bảo Thạnh, Châu Bình, Châu Phú, Châu Thới (Ba Tri), Phong Nẫm, Phong Mỹ (Châu Thành, nay thuộc huyện Giồng Trôm), do các đồng chí Nguyễn Thiệu, Huỳnh Khắc Mẫn[1], Nguyễn Văn Trước[2], Nguyễn Văn Ân lãnh đạo.

Lực lượng biểu tình có trên 1.000 người, chia làm hai cánh: cánh thứ nhất tập trung tại làng Tân Xuân, cánh thứ hai tập trung ở làng Châu Bình, mỗi cánh đều có tổ chức đội tự vệ chặt cây ngăn lộ, phá cầu đường, ngăn cản địch đến đàn áp.

Những người tham gia đều được trang bị giáo, mác, gậy gộc, mang cờ, băng khẩu hiệu, tập hợp làm míttinh, sau đó, chuyển thành cuộc biểu tình vũ trang tuần hành qua các làng, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc và địa chủ quan làng!

- Người cày có ruộng, nhà máy về thợ!

- Việt Nam của người Việt Nam!

- Chống khủng bố trắng, ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh!

Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bọn hội tề hoang mang trốn chạy, quần chúng kéo vào các nhà việc đốt sổ sách. Khí thế cách mạng lên cao.

Hốt hoảng trước sức mạnh của quần chúng, thực dân Pháp đưa nhiều lực lượng ở Bến Tre, Ba Tri đến đàn áp. Tại ngã ba lộ Quẹo (Tân Xuân, Ba Tri), đội tự vệ của ta đã chống cự kịch

1. Đồng chí Huỳnh Khắc Mẫn (tên thường dùng là Mười Mắn) là Bí thư Chi bộ Châu Bình.

2. Đồng chí Nguyễn Văn Trước là Bí thư Chi bộ Tân Xuân ngay sau khi đồng chí Trần Văn An được rút về bổ sung cho Liên Tỉnh ủy.

liệt với bọn lính. Chúng dùng súng bắn xả vào đoàn biểu tình, đồng chí Ba Ngươn - Đội trưởng tự vệ hy sinh, một số phụ nữ bị thương, địch bắt đi một số cán bộ khác.

Ở Phong Nẫm, địch phục kích tại bến đò, bắt được một số cán bộ lãnh đạo, trong đó có đồng chí Nguyễn Thiệu - Bí thư Liên Tỉnh ủy.

Sau đó, chúng tiếp tục tăng cường lực lượng cảnh sát, mật thám kết hợp với bọn hội tề, lính quận, lính làng truy lùng ráo riết đảng viên, cốt cán, quyết dập tắt phong trào.

Trước sự khủng bố gắt gao của địch, nhiều cơ sở bị vỡ, lực lượng cách mạng bị tiêu hao, hoạt động của đảng viên, cán bộ bắt đầu gặp khó khăn. Để khắc phục tình trạng trên, Liên Tỉnh ủy Mỹ Tho - Bến Tre kịp thời chỉ đạo các chi bộ nhanh chóng củng cố tổ chức, ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục quần chúng, giữ vững phong trào.

Liên Tỉnh ủy tăng cường hai đồng chí: Nguyễn Văn Nguyễn và Nguyễn Văn Phượp sang hoạt động ở cù lao Minh và cù lao Bảo, trực tiếp lãnh đạo đưa phong trào cách mạng tiến lên.

Nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Liên Tỉnh ủy, phong trào nhanh chóng được phục hồi, trong điều kiện địch khủng bố cơ sở đảng vẫn không ngừng phát triển. Đầu năm 1931, tỉnh Bến Tre có hơn 20 chi bộ với hơn 100 đảng viên. Phong trào từng bước tiến lên. Các cuộc biểu tình, míttinh, bãi thị, rải truyền đơn, treo cờ Đảng,... liên tiếp diễn ra trong tỉnh.

Trong tháng 1-1931, truyền đơn, biểu ngữ đã xuất hiện ở một số nơi trong tỉnh. Tại tỉnh lỵ, cơ sở cách mạng trong Nhà in Vân Võ Văn đã tổ chức diễn thuyết kêu gọi công nhân trong

nhà in đình công để kỷ niệm "3 vị L"[1]. Học sinh các trường tiểu học trong tỉnh tổ chức míttinh, nghe đồng chí Võ Văn Khánh diễn thuyết.

Đêm 25-2-1931, Chi bộ Tân Hào đã tổ chức một cuộc míttinh tại Gò Trạm để kỷ niệm ngày thành lập Đảng. Gần 400 quần chúng ở Tân Hào, Long Mỹ, Thuận Điền, Lương Phú đã đến nghe đồng chí Phạm Văn Sính, Bí thư Chi bộ Tân Hào diễn thuyết. Tên Đội Hiền và Cai Lương hay tin đã dẫn lính theo lộ 5 đến đàn áp, chúng dùng súng bắn xả vào đoàn míttinh, làm chết anh Trụ và xông vào bắt quần chúng. Nhân dân với dao, búa, gậy gộc đã vây đánh bọn lính. Đội Hiền bị bẻ gãy súng, Cai Lương bị đánh trọng thương và tước lấy súng. Bọn lính hoảng sợ bỏ chạy, cuộc míttinh cũng giải tán. Trong cuộc đấu tranh này, địch đã bắn chết ba người (Trụ, Phan Văn Tùng, Đông) và sau đó bắt thêm 43 người khác. Trong khi địch đang hoảng sợ phải đối phó với cuộc míttinh ở Gò Trạm, thì một cuộc biểu tình khác đã nổ ra ở Bình Thành trong đêm 25-2-1931 do Chi bộ Bình Thành tổ chức. Gần 3.000 quần chúng ở các làng Tân Thanh, Tân Hào, Phước Long, Bình Hòa, Bình Thành với giáo, mác, gậy gộc, băng cờ đã kéo đến trụ sở tổng Bảo Lộc (gần chợ Giồng Trôm). Qua các ngả đường, đoàn biểu tình đã rải truyền đơn, hô khẩu hiệu. Trước khí thế cách mạng của quần chúng, bọn hội tề hoảng sợ bỏ chạy, quần chúng xông vào phá nhà Cai tổng Đỗ Thành Nhựt. Hội đồng Phẩm, con của Cai tổng Nhựt đã dùng súng bắn chết anh Huỳnh Lung ở làng Tân Thanh.

Từ tháng 3 đến tháng 5-1931, phong trào lên đến đỉnh cao với 16 cuộc biểu tình lớn nhỏ nổ ra khắp nơi trong tỉnh như Tân Thủy, Tân Hưng, Tân Xuân, Châu Bình, Long Mỹ,

1. "3 vị L" tức là ba lãnh tụ và nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XX có họ mà chữ cái đầu là chữ L: V. Lênin (1870-1924), Các Lípnếch (1871-1919), Rôgia Lúcxămbua (1871-1919) đều mất trong tháng Giêng.

Bình Thành (Ba Tri), Phú Nhuận, Phước Long (Châu Thành), An Thạnh, Phước Hiệp (Mỏ Cày), An Thạnh, An Quy (Thạnh Phú), Lộc Thuận (An Hóa).

Đặc biệt trong ngày 18-4-1931, có tám cuộc biểu tình lớn nổ ra trong tỉnh, quần chúng cách mạng đã đốt cháy bốn nhà việc.

Song, lúc này địch khủng bố khốc liệt hơn, phần lớn các cơ sở đảng và quần chúng cách mạng bị đánh phá, nhiều đảng viên, cán bộ ưu tú bị bắt giam ở nhà tù Bến Tre, Sài Gòn, đày ra Côn Đảo, Tỉnh ủy liên tục gặp khó khăn.

Tháng 7-1931, đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn sang Trà Vinh công tác bị lính quận Càn Long bắt, đồng chí Nguyễn Văn Phượp thay thế làm Bí thư một thời gian, sau đó, được lệnh điều về trên để củng cố cơ quan Xứ ủy. Tỉnh ủy chỉ còn bốn đồng chí. Phong trào cách mạng bị lắng xuống.

Cùng với phong trào cách mạng cả nước, cao trào 1930-1931 ở Bến Tre đã góp phần tô thắm truyền thống yêu nước của dân tộc.

Đảng bộ Bến Tre tuy mới ra đời, nhưng đã sớm nắm chắc ngọn cờ dân tộc dân chủ của Đảng đề ra, vận dụng và giải quyết mối quan hệ đúng đắn giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. Ngay từ đầu, Đảng bộ tỉnh đã sớm đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào quần chúng mà tuyệt đại bộ phận là nông dân, tập hợp được đông đảo nhân dân đi theo Đảng, hình thành và giữ vững khối liên minh công - nông. Đảng bộ tỉnh đã xây dựng được đội ngũ cán bộ cốt cán từ tỉnh đến cơ sở, bám chặt trong nhân dân, kết hợp chặt chẽ việc phát động quần chúng với việc phát triển đảng viên nên đã hình thành được một mạng lưới tổ chức đảng rộng khắp từ bảy chi bộ (tháng 10-1930) đến khoảng 20 chi bộ (năm 1931). Các hình thức đấu tranh của quần chúng nổ ra liên tục đều khắp, bằng nhiều hình thức phong phú từ rải truyền đơn, treo cờ Đảng, míttinh, biểu

tình tuần hành thị uy, trừng trị bọn tay sai ác ôn. Nhờ đó, phong trào yêu nước trong tỉnh có sự phát triển nhảy vọt về chất lượng.

Cao trào 1930-1931 đã tạo cơ sở vững chắc để nhân dân Bến Tre bước vào cuộc đấu tranh mới chống chính sách khủng bố tàn bạo của thực dân Pháp, nhằm giữ vững và phát triển phong trào cách mạng.

II- ĐẤU TRANH ĐỂ KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1932-1935)

Sau cao trào 1930-1931, thực dân Pháp và tay sai khủng bố gắt gao phong trào. Chúng tung mật thám, binh lính, hội tề lùng bắt cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng, kiểm soát gắt gao nhân dân, đồng thời ra sức tuyên truyền lừa mị, nói xấu cách mạng. Những tù chính trị đã mãn hạn tù thì bị địch quản thúc, quản chế, hằng tháng phải đến trình diện với chính quyền ở làng, quận. Chúng còn khuyến khích phát triển tôn giáo, mê tín dị đoan, ru ngủ quần chúng. Một số quần chúng trước đó có tham gia phong trào cách mạng, giờ thấy địch khủng bố ác liệt, xin vào đạo để tránh bị địch đàn áp.

Tháng 5-1932, đồng chí Nguyễn Văn Trước, Bí thư Tỉnh ủy đi dự hội nghị Xứ ủy ở Sài Gòn, do địa điểm hội nghị bị lộ, đồng chí bị bắt cùng nhiều đồng chí trong Xứ ủy. Sau khi đồng chí Bí thư bị bắt, Tỉnh ủy Bến Tre bị tan rã. Đây là lần tan rã đầu tiên của Tỉnh ủy Bến Tre.

Trước sự đánh phá của địch, phong trào cách mạng trong tỉnh gặp nhiều khó khăn. Hệ thống tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể quần chúng bị phá vỡ, đường dây liên lạc bị đứt. Mặc dù phong trào bị tổn thất nặng, bị địch khủng bố ác liệt, song số đảng viên và quần chúng vẫn tin tưởng vào Đảng. Các đồng chí

còn lại đã tìm mọi cách liên hệ với nhau, củng cố lại tổ chức và phong trào, phát động quần chúng đấu tranh. Đến năm 1934, nhiều đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam ở các nhà tù lần lượt trở về tỉnh. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng đông hơn. Tổ chức cơ sở đảng được khôi phục ở nhiều làng như Tân Thủy, An Đức, Châu Bình. Quận ủy Ba Tri được thành lập. Ở Mỏ Cày, đồng chí Nam Hải (có thể là bí danh của đồng chí Tống Văn Trân) trốn thoát khỏi nhà tù Côn Đảo về Mỏ Cày đã cùng các đồng chí Nguyễn Văn Khái, Phạm Văn Tống cho ra tờ *Tranh Đấu* để tuyên truyền vận động đồng bào, củng cố tư tưởng cán bộ, đảng viên. Báo in bằng su soa, mỗi kỳ phát hành từ 50 đến 70 tờ, ra đến số 5 thì đình bản vì các đồng chí Nguyễn Văn Khái, Phạm Văn Tống bị bắt, đồng chí Nam Hải chuyển đi nơi khác.

Phong trào cách mạng dần dần hồi phục. Các hoạt động rải truyền đơn, treo biểu ngữ xuất hiện ở nhiều nơi như Mỏ Cày, Thạnh Phú, Ba Tri và ngay cả thị xã Bến Tre. Trong các ngày kỷ niệm công xã Pari (ngày 14-7), quốc tế chống chiến tranh, Quảng Châu công xã,... nhân dân đều có tổ chức mít tinh, treo cờ Đảng, rải truyền đơn. Nổi bật là ở Mỏ Cày, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ An Thạnh và Chi bộ Khánh Thạnh Tân, số dân đi làm phu đào kinh An Thạnh - Mỏ Cày đã đấu tranh với bọn thầu và bọn hội tề gian lận trong đo đất khoán cho từng người. Bọn hội tề không giải quyết, số dân đi làm phu kéo xuống quận lỵ đấu tranh. Quận trưởng Mỏ Cày buộc tề và chủ thầu phải đo lại đất và phải trả thêm tiền công cho dân đi làm phu.

Trong lúc phong trào đang dần dần hồi phục, thì năm 1935, thực dân Pháp và tay sai đã lùng bắt nhiều cán bộ, đảng viên. Từ tháng 1 đến tháng 5-1935, chúng đã đưa nhiều đồng chí ra Tòa án Bến Tre xử 1 đến 5 năm tù và 10 năm biệt xứ.

Đảng bộ Bến Tre là một trong những Đảng bộ có quá trình hình thành sớm. Đảng bộ tỉnh đã nhanh chóng bắt rễ

và ăn sâu trong quần chúng nhân dân tạo được một phong trào cách mạng rộng khắp và mạnh mẽ trong tỉnh. Đảng viên xuất thân từ các thành phần công nhân, thợ thủ công, nông dân, các tầng lớp này có tinh thần yêu nước sâu sắc, được rèn luyện thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng, kiên định, vững vàng, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng. Trong các cuộc đấu tranh, đảng viên luôn nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, kiên cường, không ngại hy sinh hoặc khó khăn, gian khổ. Chính vì vậy, trong những năm 1932-1935, tuy phong trào bị địch đàn áp khốc liệt, Tỉnh ủy bị tan rã, nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt, bị tù đày; nhưng những đảng viên còn lại vẫn tìm cách bắt liên lạc với cấp trên, với các đồng chí còn lại ở địa phương, củng cố tổ chức, giữ mối liên hệ mật thiết với quần chúng, khôi phục phong trào.

Những thắng lợi đã giành được trong những năm 1932-1935 có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đó là cơ sở để đưa phong trào cách mạng ở địa phương tích cực tham gia vào phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936-1939.

Qua phong trào 1930-1931 và thời kỳ đấu tranh khôi phục phong trào 1932-1935, Đảng bộ tỉnh Bến Tre được tôi luyện và trưởng thành một bước, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về xây dựng lực lượng, phát động quần chúng đấu tranh, duy trì và củng cố phong trào cách mạng của quần chúng.

III- ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI CÁC QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ (1936-1939)

Trong khi phong trào cách mạng ở địa phương đang gặp khó khăn do khủng bố đàn áp của địch, thì tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến thuận lợi.

Vào năm 1935, khi các tập đoàn phát xít hiếu chiến Đức, Ý, Nhật đang ráo riết chuẩn bị chiến tranh đe dọa hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (tháng 7-1935) họp đã nhận định: Chủ nghĩa phát xít là kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới. Nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế là phải tập hợp lực lượng rộng rãi chĩa mũi nhọn vào chủ nghĩa phát xít hiếu chiến.

Ở Pháp, Đảng Cộng sản đã liên minh với Đảng Xã hội, Đảng Cấp tiến thành lập Mặt trận Nhân dân Pháp[1] (tháng 11-1935). Trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội tháng 5-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp đã thắng thế và lên cầm quyền, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban bố một số cải cách dân chủ đối với thuộc địa như:

- Thả tù chính trị.

- Lập ủy ban điều tra tình hình thuộc địa, đặc biệt là tình hình Bắc Phi và Đông Dương.

- Thi hành một số cải cách cho lao động, đồng thời quyết định cử một phái bộ của nghị viện do Thượng nghị sĩ Giuýtxtanh Gôđa (Justin Godar) cầm đầu sang điều tra ở Đông Dương.

Những sự kiện đó đã tác động đến tình hình Đông Dương, một thuộc địa của Pháp. Do sức ép của Chính phủ và phong trào dân chủ, bọn cầm quyền Pháp ở Đông Dương phải miễn cưỡng thực hiện việc thả tù chính trị. Nhiều đảng viên, cán bộ của Đảng bị giam ở các nhà tù đế quốc được thả ra. Các đồng chí trở về địa phương đã móc nối liên lạc, tiếp tục hoạt động gây dựng lại cơ sở đảng. Hệ thống tổ chức của Đảng được khôi phục, nhưng còn rất mỏng. Việc Đảng hoạt động bí mật không còn phù hợp đã hạn chế khả năng phát triển của phong trào cách mạng trong tình hình quốc tế và trong nước đã có sự thay đổi.

1. Lúc đó, ta quen gọi là Mặt trận Bình dân.

Yêu cầu bức thiết là Đảng phải biết tranh thủ những điều kiện thuận lợi của tình hình chính trị ở nước Pháp, có hình thức và phương pháp thích hợp để đưa phong trào tiến lên.

Tháng 7-1936, Hội nghị Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp đề ra nhiệm vụ cách mạng Đông Dương là: đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, chống phát xít, chống chiến tranh. Đảng đã quyết định tạm hoãn khẩu hiệu "Độc lập dân tộc và người cày có ruộng". Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc phản đế, Mặt trận nhân dân phản đế để đấu tranh cho những mục tiêu nói trên. Hội nghị quyết định triệt để lợi dụng các hình thức công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp để tập hợp giáo dục quần chúng mở rộng ảnh hưởng của Đảng[1].

Dưới ánh sáng nghị quyết của Đảng, một cao trào dân chủ được hình thành và lan rộng trong cả nước.

Ở Bến Tre, sau khi thực dân Pháp ân xá chính trị phạm, số đảng viên cốt cán từ các nhà tù trở về địa phương ngày càng đông. Về tới địa phương, các đồng chí đã tìm cách liên lạc với số cán bộ, đảng viên còn lại đang hoạt động bí mật và số quần chúng cách mạng để khôi phục cơ sở đảng, cơ sở quần chúng; đồng thời tìm cách khôi phục các cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh, quận để lãnh đạo phong trào chung. Các chi bộ đảng lần lượt được khôi phục ở thị xã và các làng Tân Xuân, Mỹ Chánh Hòa, Vĩnh Hòa, Phú Ngãi (Ba Tri), Phước Long (Châu Thành), Định Thủy, Khánh Thạnh Tân, An Thạnh (Mỏ Cày). Giữa năm 1936, Tỉnh ủy được củng cố lại[2] do đồng chí Nguyễn Văn Triệu (tức Ba Chà) làm Bí thư. Các quận ủy cũng được thành lập lại. Quận ủy Ba Tri do đồng chí Nguyễn Tẩu làm Bí thư.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 6, tr. 73-96.

2. Tỉnh ủy gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Triệu (Ba Chà), Nguyễn Tẩu, Nguyễn Văn Trà, Huỳnh Thiên Tầng, Nguyễn Văn Bích.

Tuy được khôi phục nhưng số chi bộ đảng còn ít, phong trào đấu tranh còn yếu. Sau khi được củng cố, chấp hành Nghị quyết Hội nghị Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7-1936), Tỉnh ủy đã chủ trương đưa một bộ phận đảng viên có uy tín trong quần chúng ra hoạt động công khai và bán công khai[1] để liên lạc với các tổ chức quần chúng công khai như các hội ái hữu trong thợ cưa, thợ cắt tóc, các hội thể dục thể thao, hội truyền bá chữ Quốc ngữ, hội vạn cấy để hướng dẫn các tầng lớp quần chúng tham gia đấu tranh cách mạng.

Bộ phận hoạt động công khai đã tổ chức ra Chi cục Đông phương thư xã tại thị xã để làm nơi liên lạc giữa cơ sở cách mạng với các cơ quan của tỉnh, giữa bộ phận bí mật và công khai, giữa quần chúng và cán bộ, đảng viên. Đồng thời để mở rộng ảnh hưởng của Đảng đối với các tầng lớp bên trên, Đảng bộ tỉnh đã gửi thư triệu tập các cuộc họp với thân hào nhân sĩ, trí thức tiến bộ, vận động họ cùng liên hiệp hành động để đấu tranh đòi những quyền lợi bức thiết về dân sinh, dân chủ.

Đảng bộ tỉnh đã xuất bản báo *Cờ chiến đấu* làm phương tiện tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo quần chúng đấu tranh; cho phổ biến các sách, báo của Đảng; vận động nhân dân, trí thức, công chức trong các công sở mua báo *Dân chúng;* tổ chức các buổi diễn thuyết nhằm phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, của Mặt trận Dân chủ, nâng cao giác ngộ về quyền lợi của giai cấp cho quần chúng lao động, nhất là công nhân, nông dân.

Nhân các ngày kỷ niệm của quốc tế như ngày 1-5 và 14-7[2], ngày kỷ niệm "3 vị L", Đảng và các tổ chức công khai hợp pháp đã tổ chức đấu tranh bằng các hình thức như míttinh, rải truyền đơn nhằm nâng cao tinh thần, ý chí đấu tranh và ý thức đoàn kết quốc tế cho quần chúng.

1. Nhóm này do đồng chí Nguyễn Văn Bích, Tỉnh ủy viên phụ trách.
2. Ngày 14-7: ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Pháp.

Vào giữa năm 1936, nắm lấy việc Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp dự định cử một phái đoàn sang Đông Dương điều tra tình hình, thu thập nguyện vọng quần chúng, Trung ương Đảng đã phát động một cuộc vận động thu thập nguyện vọng nhân dân, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội thông qua bản "thỉnh nguyện chung".

Tại Bến Tre, hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội do Đảng phát động, tháng 7-1936, Tỉnh ủy đã tổ chức cuộc họp ở làng Vĩnh Hòa (Ba Tri) để thành lập Ủy ban hành động của tỉnh. Đến cuối năm 1936, Ủy ban hành động được thành lập ở các quận và nhiều làng trong tỉnh như Tân Thành Bình, Thạnh Ngãi (Mỏ Cày), Sơn Hòa, Lương Hòa (Châu Thành),... tập hợp đông đảo đồng bào, các giới tham gia. Ủy ban hành động đã tổ chức phân phát truyền đơn, báo chí, míttinh, hội họp phổ biến tình hình, hướng dẫn quần chúng làm đơn, kiến nghị gửi đến các cấp chính quyền thực dân.

Với sự lãnh đạo của Đảng bộ và qua các Ủy ban hành động, nhiều cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ đã nổ ra liên tục, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Mở đầu cho phong trào là cuộc đình công của 130 công nhân ở các trại cưa Bến Tre (ngày 21-1-1936) đòi chủ tăng lương.

Ngày 7-1-1938, thợ bạc Bến Tre đấu tranh đòi tăng lương 30%.

Ngày 11-1-1938, công nhân Nhà in Vân Võ Văn (Võ Văn Vân) đấu tranh đòi tăng lương, buộc chủ nhà in phải tăng lương 30%.

Cùng với phong trào đấu tranh ở thành thị, các chi bộ đảng đã lãnh đạo nông dân đấu tranh đòi giảm thuế, đòi chia lại công điền, công thổ, tăng tiền công cấy, tiền công gặt.

Năm 1938, nông dân ở các làng Phước Tuy, Phú Ngãi, Tân Xuân, Mỹ Thạnh, Bình Hòa,... đấu tranh với bọn chủ đất, đòi

tăng tiền công gặt, giảm giờ làm, không được bắt làm quá 10 tiếng đồng hồ/ngày, cho công cấy ăn cơm ngày hai bữa, đòi nhà cầm quyền phải để cho nông dân mướn công điền với giá rẻ, cho mượn lúa ăn và lúa giống khi mất mùa... Trong một cuộc đấu tranh trực diện với tên Quận trưởng Ba Tri, hắn phải chấp nhận tăng tiền công từ 0,20 đồng lên 0,25 đồng/ngày cho công cấy và gặt, được nghỉ trưa và ăn hai bữa cơm trong ngày.

Ngày 5-4-1938, tại làng Phước Long (Châu Thành), nhân có tên Phó Tham biện đến, 35 nông dân kéo đến trực diện đưa kiến nghị xin giảm thuế, hạ thuế thân xuống mức thuế vô sản, chống bắt bớ vô cớ, xin cho dân đấu giá mướn công điền...

Ngày 5-8-1938, Ban trị sự lâm thời Ái hữu làng Bình Khánh gửi đăng báo *Dân chúng* lời hiệu triệu với nội dung: "Anh em chúng ta đang sống trong cảnh khốn cùng, làm trối chết mà vẫn thiếu ăn. Không ngày nào chúng ta khỏi phập phồng lo sợ. Đứng trước hoàn cảnh ấy mình phải lo mà cứu lấy mình... Đoàn kết lại hỡi anh, chị em!". Ngày 13-8-1938, 30 nông dân làng Phước Hiệp hội họp thành lập "Hội Ái hữu nông dân" có chương trình và điều lệ cụ thể, Ban trị sự được bầu cử dân chủ với bảy ủy viên do Trần Văn Tiếng (tự Xong) làm Chánh hội trưởng. Tại làng Sơn Hòa, ngày 25-10-1938, toàn thể dân làm nghề chài lưới, đóng đáy[1] sông đưa kiến nghị đòi được công nhận việc lập Hội tương tế và phản đối nhà cầm quyền cho mật thám theo dõi Ban trị sự lâm thời của tổ chức này. Ở Mỏ Cày, tháng 11-1938, 30 nông dân ở làng Định Thủy đón tên Phó tham biện người Pháp đến chợ Vàm Nước Trong đưa kiến nghị đòi được mướn công điền, được cử đại diện tham gia việc phân phối công điền trong xã và xin bỏ thuế thân. Ở các làng An Thạnh và Đa Phước Hội, nông dân đấu tranh đòi hủy bỏ thuế vô lý đánh vào những người trồng và buôn bán

1. *Đáy* là vật dụng đặt dưới lòng sông dùng để bắt tôm, cá.

thuốc giồng Mỏ Cày. Sáu mươi nông dân làng Phước Hiệp đấu tranh với Cai tổng Minh Đạt đòi được giúp lúa ăn cho những người đang bị đói và không được để bọn đầu cơ tăng giá lúa lên đến 1,7-1,8 đồng/giạ. Ở làng Sơn Đông, ngày 6-12-1938, trên 40 nông dân nghèo làm đơn tố cáo tên Cai tổng Thái lấy đất công điền chia cho hội tề mướn, dân nghèo không được mướn, tên Cai tổng Thái còn vu khống cho người đứng đơn là cộng sản và đe dọa khủng bố họ. Cùng ở xã Sơn Đông, Hương hào Đua cùng đồng bọn đánh chị Trần Thị Đê đi cấy thuê đến hộc máu phải đi nằm nhà thương Chợ Rẫy, nhưng làng tổng đã bao che cho bọn này đứng ngoài vòng pháp luật, sự việc được đưa lên tố giác trên báo *Dân chúng* ở Sài Gòn và đòi nhà cầm quyền phải trừng trị bọn cường hào ức hiếp dân.

Ở An Hóa, các tổ chức quần chúng công khai hợp pháp như: hội gặt, vạn cấy, hội mai táng, hội cứu tế, hội banh và hội lương hữu (một hình thức của ái hữu) phát triển mạnh ở nhiều làng. Các ủy ban hành động được thành lập ở các làng An Khánh, Tân Thạch, Phú An Hòa, Giao Long, Phước Thạnh, Châu Hưng, Lộc Thuận, Phú Vang... Các ủy ban này tổ chức nhiều cuộc míttinh thu thập nguyện vọng nhân dân, vận động đấu tranh đòi thực hiện dân chủ và cải thiện dân sinh. Nhân dân hai làng Lộc Thuận và Phú Vang kéo đến chính quyền quận An Hóa đưa kiến nghị đòi chia công điền. Nhân dân Lộc Thuận còn đấu tranh chống tên Chà Đò (người Ấn Độ) đòi giảm tiền góp chợ. Ở làng Thới Thuận, ngày 22-11-1938, hơn 50 dân nghèo làm nghề chài lưới biểu tình tại làng Thới Thuận đòi hủy bỏ thuế xịp[1]. Tại làng Tân Thạch, quần chúng làm đơn kiện đến quận, tỉnh tố cáo bọn hội tề tham nhũng, ức hiếp dân, chính quyền Mỹ Tho buộc phải cách chức sáu tên trong ban hội tề; 70 chủ xe ngựa lộ trình Rạch Miễu - An Hóa đình công

1. *Xịp* là vật dụng đẩy, dùng để bắt tôm, cá.

kéo về phản đối Chủ quận An Hóa tùy tiện thu thuế xe ngựa không đúng quy định của Thống đốc Nam Kỳ đã bãi bỏ loại thuế này hai năm trước. Ở làng Giao Hòa, 40 nông dân nghèo đưa đơn lên Chủ tỉnh Mỹ Tho yêu cầu bãi bỏ việc đấu giá gian lận của hội tề làng này về sở đất công điền, hủy bỏ lệ đấu giá, đem đất công điền chia ra từng phần cho dân nghèo mướn với giá rẻ, để có điều kiện làm ăn sinh sống.

Ở Thạnh Phú, một số người đứng đầu là Mai Văn Hui đưa tin lên báo *Dân chúng* tố giác dòng họ của Hương cả Vi ở Phú Khánh chèn ép người khác để họ đưa sáu người trong gia tộc vào chiếm hết Ban hội tề. Báo *Dân chúng* yêu cầu Thống đốc Rivoal và Chủ tỉnh Bến Tre mở cuộc điều tra. Nông dân hai làng Đại Điền và Phú Khánh tố cáo Hội tề Đại Điền âm mưu gạt dân nghèo ra ngoài, dành công điền cho bọn nhà giàu và thân nhân của họ mướn để lấy đất thu tô, bọn hội tề nghi anh Nhứt là thợ hớt tóc ở chợ Giồng Luông xúi giục và đưa bài đăng báo nên đuổi anh đi nơi khác không cho ở trong làng (làng Đại Điền), 40 người làm công cho các chủ đáy trên sông Cổ Chiên kéo đến nhà việc đòi tăng tiền công; 50 nông dân kéo đến chỗ làm việc của tên Cai Thì (Cai tổng Minh Trị) đấu tranh đòi phải thực hiện ngày làm công 8 giờ, được ăn hai bữa cơm và tăng tiền công. Ở Thạnh Phong, nông dân gửi kiến nghị lên Tòa án kiện tên phó Hoài đã cướp đất của nông dân khai phá. Nông dân Phú Khánh, Đại Điền, Thạnh Phú, An Thuận, An Quy đấu tranh chống địa chủ dùng giạ lưới, giạ nang để ăn gian lúa đong tô của nông dân, buộc chúng phải dùng giạ đúng 40 lít.

Ngoài ra, nông dân ở Ba Tri còn gửi hai bức điện tín đến Thống đốc Nam Kỳ và Hội AJAC[1] nhờ Thống đốc xin ân xá cho các chính trị phạm Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai,

1. Hội AJAC: Hội liên hữu báo giới Nam Kỳ do Nguyễn Văn Sâm làm Hội trưởng.

Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Sô vì họ không phạm luật, bị bỏ tù vô lý. Điện tín ký tên 26 dân làng Mỹ Thạnh, 26 dân làng Tân Xuân và 24 dân làng An Đức, Bến Tre. Hai bức điện tín này được đăng công khai trên báo *Dân chúng* số ra ngày 14-9-1938[1].

Trong nhà tù, tù nhân trong khám Bến Tre đã tuyệt thực, phản đối chế độ bạc đãi tù nhân, đòi cải thiện chế độ ăn uống.

Đến cuối năm 1938, Chính phủ Lêông Bờlum ngày càng ngả theo phái hữu, bọn cầm quyền ở Đông Dương quay lại chính sách phản động trước đây, ra sức khủng bố phong trào, ra lệnh cấm hội họp, cấm lưu hành sách báo của Đảng; phong trào đấu tranh của quần chúng vì thế không được mạnh mẽ như trước. Trong năm 1939, Đảng bộ Bến Tre chỉ phát động được các cuộc đấu tranh lẻ tẻ chống bắt lính ở một số nơi và hai cuộc bãi thị ở thị xã và Mỏ Cày của tiểu thương trong tháng 1-1939.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương. Chúng gây nhiều tổn thất cho Đảng bộ tỉnh, hàng loạt cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là các đồng chí hoạt động công khai trong tỉnh bị địch bắt bớ, giam cầm. Phong trào cách mạng trong tỉnh lắng xuống.

Cao trào dân chủ 1936-1939 là một cuộc vận động cách mạng rộng lớn của nhân dân. Qua cao trào này, trình độ chính trị và trình độ tổ chức của cán bộ, đảng viên được mở rộng và nâng cao, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng được phổ biến rộng rãi.

Đảng bộ tỉnh đã vận dụng nhiều hình thức hoạt động từ công khai hợp pháp đến bất hợp pháp, bí mật để mở rộng ảnh hưởng

1. Các sự kiện trên trích từ báo *Dân chúng,* cơ quan tranh đấu công khai của Đảng ra hằng ngày, các số báo ra trong năm 1938 và 1939.

và uy tín của Đảng, tập hợp quần chúng bằng nhiều hình thức đấu tranh thích hợp gắn liền với lợi ích thiết thực của quần chúng, nên đã tranh thủ được đông đảo quần chúng tham gia.

Một ưu điểm khác của phong trào là có sự phối hợp giữa thành thị và nông thôn, phối hợp cuộc đấu tranh của công nhân, thợ thủ công ở thành thị với nông dân, ngư dân, tiểu thương.

Phong trào bị khủng bố, cơ sở đảng bị phá vỡ do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do ta chậm chuyển hướng tổ chức và hoạt động, có những lúc nguyên tắc hoạt động bí mật không được tuân thủ triệt để.

Tóm lại, trong cao trào dân chủ 1936-1939, Đảng bộ tỉnh đã mở rộng được ảnh hưởng trong các tầng lớp nhân dân, đặt cơ sở hết sức quan trọng để Đảng có thể đoàn kết mọi lực lượng dân tộc, dân chủ quanh mình, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trong giai đoạn tới.

IV- ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BẾN TRE THAM GIA CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỲ (THÁNG 11-1940)

Sau những ngày đầu Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, một mặt, Chính phủ Đalađiê (Daladier)[1] đẩy nước Pháp vào cuộc chiến tranh để bảo vệ quyền lợi đế quốc chủ nghĩa của chúng; mặt khác, chúng ráo riết đàn áp phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Pháp. Ở Đông Dương, thực dân Pháp đã thẳng tay khủng bố phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo để dễ dàng vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh ở chính quốc.

Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng đã

1. Chính phủ Pháp do ông Êđua Đalađiê (Édouard Daladier: 1884-1970) làm Thủ tướng vào đầu Chiến tranh thế giới thứ hai.

chỉ thị cho cán bộ, đảng viên hoạt động công khai nhanh chóng rút vào bí mật và giữ vững mối liên hệ với quần chúng. Các tổ chức đảng tiếp tục duy trì cơ sở ở thành thị nhưng phải chuyển trọng tâm về công tác nông thôn, biến nông thôn thành chỗ đứng chân vững chắc của cách mạng, kết hợp chặt chẽ phong trào thành thị với phong trào nông thôn.

Tháng 11-1939, Hội nghị Ban Trung ương Đảng họp đã chủ trương chuyển hướng chiến lược, đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên nhiệm vụ hàng đầu, tạm thời gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và bọn địa chủ phản động. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào hàng ngũ cứu nước[1]. Sau Hội nghị Ban Trung ương Đảng lần thứ 6, tình hình trong nước và thế giới có những biến đổi lớn.

Giữa tháng 6-1940, Chính phủ Pháp đầu hàng Đức và nước Pháp bị phátxít Đức chiếm đóng, nhiều thuộc địa của Pháp rơi vào tay các nước phát xít Đức, Ý.

Ở Viễn Đông, lợi dụng cơ hội Pháp bị phátxít Đức chiếm đóng, phát xít Nhật nhảy vào xâm lược Đông Dương. Ngày 22-9-1940, quân đội Nhật Bản từ Quảng Tây (Trung Quốc) vượt biên giới tiến công quân Pháp ở Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy.

Nhân thời cơ đó, Chi bộ Đảng ở Bắc Sơn đã lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa cướp chính quyền thành lập đội du kích, lấy vùng Bắc Sơn, Vũ Nhai làm căn cứ.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã mở ra thời kỳ vũ trang khởi nghĩa của dân tộc ta.

Sau sự kiện Lạng Sơn, chính phủ thực dân Pháp đã hèn hạ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 6, tr. 509-567.

đầu hàng, dâng Đông Dương cho phát xít Nhật và nhận làm tay sai cho Nhật. Như vậy, nhân dân ta phải sống dưới hai tầng áp bức của phátxít Nhật và thực dân Pháp.

Tháng 10-1940, do sự xúi giục của Nhật, Chính phủ Thái Lan đã cho quân xâm lược biên giới Campuchia. Thực dân Pháp đã điều động binh lính Việt Nam sang Campuchia làm bia đỡ đạn cho chúng. Hầu hết anh em binh lính Việt Nam lúc này đều không muốn hy sinh vô ích cho bọn thực dân. Nhiều cơ sở cách mạng trong binh lính đã đề nghị với Đảng cho phép được khởi nghĩa, nếu để địch điều động ra chiến trường thì cơ sở sẽ bị xáo trộn và phải chết một cách vô nghĩa.

Trước yêu cầu bức thiết của các cơ sở cách mạng trong anh em binh lính, đồng thời bị thúc đẩy trước tình hình phong trào cách mạng đang bị địch đánh phá ác liệt, nhiều cơ sở đảng và quần chúng bị tiêu hao dần, Xứ ủy Nam Kỳ đã cân nhắc qua nhiều cuộc họp và cuối cùng quyết định chuẩn bị khởi nghĩa. Đồng chí Phan Đăng Lưu được cử ra Bắc xin ý kiến của Trung ương Đảng. Nhưng khi đồng chí Phan Đăng Lưu về đến Sài Gòn ngày 22-11-1940 để truyền đạt chỉ thị của Trung ương Đảng về việc hoãn cuộc khởi nghĩa thì mệnh lệnh khởi nghĩa đã được truyền đi khắp nơi.

Ở Bến Tre, Đảng bộ tỉnh nhận được chỉ thị chuẩn bị khởi nghĩa của Xứ ủy giữa lúc phong trào cách mạng trong tỉnh đang gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp năm 1939 đã gây cho Đảng bộ tổn thất nặng nề. Nhiều đồng chí trong cấp ủy và đảng viên bị bắt. Tỉnh ủy chỉ còn ba đồng chí. Nhiều tổ chức của Đảng vừa mới khôi phục bị đánh phá tan rã. Đến năm 1940, Tỉnh ủy được củng cố do đồng chí Đỗ Nghĩa Trọng làm Bí thư.

Sau khi nhận được chủ trương của Xứ ủy, Tỉnh ủy đã tổ

chức cuộc họp[1] tại nhà Tám Nhỏ ở vùng Rạch Vọp (Châu Bình) bàn kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa. Cuộc họp đang tiến hành thì Mai Văn Đặng - Cai tổng Bảo Thuận - dẫn lính đến bao vây. Đồng chí Huỳnh Thiên Tầng - liên lạc viên của Xứ ủy, bị bắn trọng thương và bị bắt. Đồng chí Đỗ Nghĩa Trọng - Bí thư Tỉnh ủy, bị truy bắt. Do đó, Xứ ủy đã cử đồng chí Phạm Thái Bường về Bến Tre làm Bí thư Tỉnh ủy để vừa củng cố phong trào vừa chuẩn bị khởi nghĩa.

Do cơ sở cách mạng ở nhiều địa phương bị vỡ, đường dây liên lạc giữa tỉnh với các huyện bị gián đoạn, đồng chí Phạm Thái Bường và Tỉnh ủy mới chỉ móc nối liên lạc được với một số xã trong tỉnh thì ngày giờ quy định cho cuộc khởi nghĩa đã đến. Mặc dù có những hạn chế trước đây, nhất là việc chuẩn bị mục tiêu quan trọng cho cuộc khởi nghĩa ở thị xã, thị trấn chưa kịp tiến hành nhưng Đảng bộ tỉnh đã kiên quyết lãnh đạo quần chúng nổi dậy phối hợp với phong trào chung.

Ở các làng Mỹ Nhơn, Mỹ Chánh, Mỹ Hòa, Lộc Thuận, Phú Vang, Phú Quới, Thành Thới, nhân dân đã thành lập các đội tự vệ, in truyền đơn, chuẩn bị băng cờ, giáo mác sẵn sàng nổi dậy.

Đêm 22 rạng sáng 23-11-1940, nhân dân Bến Tre đã dũng cảm nổi dậy dưới lá cờ đỏ sao vàng, lá cờ khởi nghĩa Nam Kỳ.

Ở Thành Thới (Mỏ Cày), đồng chí Phạm Thái Bường, Bí thư Tỉnh ủy, đã huy động khoảng 20 quần chúng ở xã Thành Thới phá cầu Cái Chát lớn, Cái Chát nhỏ và rải truyền đơn trên đường đi từ cầu Cái Chát lớn đến An Thạnh.

Ở Lương Quới (Châu Thành), các đồng chí Lê Văn Chân, Lê Văn Tốt và Võ Văn Ngói (Quản Ngói) đã vận động khoảng 200 người ở Lương Quới, Lương Hòa, Châu Hòa, Phong Mỹ họp

1. Cuộc họp này có hai đồng chí Đỗ Nghĩa Trọng, Huỳnh Thiên Tầng và một số đồng chí khác tham gia.

míttinh tại miếu Cây Gừa (thuộc ấp Lương Thuận, xã Lương Quới) kêu gọi quần chúng đứng lên khởi nghĩa. Sau đó, cuộc míttinh biến thành cuộc biểu tình tuần hành biểu dương lực lượng, quần chúng xông vào nhà việc các xã Lương Quới, Phong Mỹ phá trụ sở, giấy tờ, tài liệu sách. Cùng lúc đó, một bộ phận quần chúng được bố trí phá hoại trên lộ 26 từ Mỹ Lồng xuống Giồng Trôm đã cắt dây thép (dây điện thoại), hạ cây me làm chướng ngại vật ngăn cản không cho xe địch đến đàn áp.

Ở làng Mỹ Chánh Hòa (Ba Tri), dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân ở các ấp Mỹ Hòa, Hòa Bình và Rạch Vọp đã tập trung tại ngã ba Mỹ Hòa biểu tình tuần hành kéo vào nhà việc Mỹ Chánh. Đoàn biểu tình đã hô vang khẩu hiệu:

- Đả đảo thuế thân!

- Đả đảo địa chủ, quan làng!

Tiếng hô khẩu hiệu vang dội của quần chúng làm cho bọn hội tề hoảng sợ bỏ chạy. Đoàn biểu tình xông vào đập phá nhà việc rồi giải tán.

Ở làng Bình Hòa, đồng chí Mười Thiệu trong khi treo cờ Đảng gặp Phó Hương quản Bùi Văn Đệ dẫn lính đi ngang. Đồng chí Thiệu dùng dao chém tên Đệ bị thương ở đầu rồi chạy thoát.

Ở Lương Phú, nhân dân đánh trống mõ, đốt pháo tre, biểu tình tuần hành biểu dương lực lượng.

Nhân dân các xã An Khánh, Tân Thạch, Quới Sơn, Giao Long, Giao Hòa, An Phước, Phú An Hòa tổ chức míttinh biểu tình tuần hành trên tỉnh lộ 17 đến ngã tư An Hồ. Đoàn biểu tình xông vào nhà việc Tân Thạch đập phá, đốt sổ sách.

Tại Phú Túc, đồng chí Nguyễn Văn Song dẫn đầu đoàn người gồm 50 người mang theo dao, búa đến vây nhà Hương sư Huấn, thu một súng hai nòng, rồi đến nhà địa chủ Đạo buộc hắn khui kho lúa cấp cho dân nghèo.

Tại Quới Thành, đồng chí Mai Hoa Quỳ dẫn 20 thanh niên đến nhà Hương cả Đài buộc giải tán Ban hội tề.

Ở Tân Phú, đồng chí Nguyễn Văn Khá và một số thanh niên đã đi phá kho lúa của Đốc phủ Mầu ở cù lao Ngũ Hiệp (Mỹ Tho).

Ở Lộc Thuận, Phú Vang, Vang Quới (An Hóa) mặc dù có chuẩn bị, nhưng do đứt liên lạc không nắm được thời giờ quy định nên cuộc khởi nghĩa không nổ ra được.

Cuộc khởi nghĩa mới chỉ nổ ra trong một vùng nông thôn nhỏ hẹp, thiếu sự hưởng ứng kịp thời rộng rãi của nhân dân toàn tỉnh, lại chưa đủ điều kiện chuyển lên phát động chiến tranh du kích để duy trì và phát triển cuộc khởi nghĩa. Do đó, địch đã tập trung lực lượng nhanh chóng dập tắt phong trào.

Để trả thù một cách tàn bạo nhất, đồng thời cũng nhằm mục đích tiêu diệt tận gốc rễ phong trào cộng sản ở xứ thuộc địa này, thực dân Pháp đã dìm cuộc khởi nghĩa trong biển máu. Thực dân Pháp cho binh lính đốt nhà đồng bào, lùng sục bắt cán bộ, đảng viên và quần chúng. Ở Bến Tre, chúng bắt trên 400 người[1] tra khảo cực hình; nhiều cán bộ, đảng viên ưu tú bị đày đến các nhà tù Bà Rá, Tà Lài và Côn Đảo. Đồng chí Phạm Thái Bường và các đồng chí trong Tỉnh ủy đều bị bắt. Tỉnh ủy bị tan rã lần thứ hai. Đảng bộ Bến Tre một lần nữa bị tổn thất nặng nề.

Cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tuy bị thất bại, nhưng ý chí kiên cường bất khuất và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của các chiến sĩ Nam Kỳ vẫn mãi rực sáng, tô thắm truyền thống yêu nước và quật cường của dân tộc Việt Nam. Cuộc khởi nghĩa đã cung cấp cho Đảng ta nhiều bài học quý báu về khởi nghĩa

1. Theo báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ từ ngày 23-11-1940 đến hết tháng 12-1940, nhà cầm quyền Pháp đã bắt 2.901 người ở các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Bến Tre.

vũ trang và thật sự là một cuộc tập dượt cho Đảng tiền phong và nhân dân ta tiến lên vũ trang khởi nghĩa toàn thắng trong Cách mạng Tháng Tám sau này[1].

V- KHÔI PHỤC TỔ CHỨC ĐẢNG, CHUẨN BỊ MỌI MẶT, TIẾN TỚI CHỚP THỜI CƠ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG TÁM NĂM 1945 (1941-1945)

1. Nhanh chóng khôi phục tổ chức đảng

Đầu năm 1941, Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra với mức độ ác liệt và trên quy mô lớn. Sau khi chiếm đóng nước Pháp và phần lớn lục địa châu Âu, phát xít Đức tấn công Liên Xô. Ở châu Á, phát xít Nhật đã chiếm phần lớn lục địa Trung Quốc, đặt chân lên bán đảo Đông Dương, chuẩn bị mở rộng chiến tranh ra toàn bộ khu vực Thái Bình Dương. Một mặt trận liên minh rộng lớn của các lực lượng dân tộc và dân chủ chống phát xít đang hình thành trên thế giới.

Thời cuộc diễn biến ngày càng khẩn trương, đòi hỏi Đảng cần có sự chuyển biến kịp thời về sự chỉ đạo chiến lược cách mạng để làm tròn vai trò lịch sử của mình đối với giai cấp và dân tộc.

Nắm vững tình hình quốc tế và sự đòi hỏi của phong trào cách mạng trong nước, ngày 28-1-1941, đồng chí Hồ Chí Minh lên đường về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941) tại Pắc Bó, tỉnh Cao Bằng.

1. Trong thư *Kính cáo đồng bào* đề ngày 6-6-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhận xét: cuộc khởi nghĩa sở dĩ chưa thành công, không phải vì đế quốc mạnh, mà: một là, vì *thời cơ chưa chín;* hai là, vì *dân ta chưa hiệp lực đồng tâm.* Ít năm sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã ký Sắc lệnh số 163, ngày 14-4-1948, tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất cho đội quân khởi nghĩa Nam Kỳ.

Dựa trên cơ sở phân tích đúng đắn, sâu sắc tình hình thế giới và trong nước, hội nghị vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phát xít Pháp, Nhật, xác định rõ cuộc cách mạng trước mắt của nhân dân Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh bao gồm các tổ chức cứu quốc nhằm tập hợp các lực lượng yêu nước của nhân dân ta trong mặt trận đấu tranh cách mạng vì độc lập, tự do, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, triệt để phân hóa cao độ kẻ thù[1].

Hội nghị khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.

Tháng 6-1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô. Trước họa phát xít, Mỹ, Anh, Pháp buộc phải liên minh với Liên Xô chống phát xít.

Cuối năm 1942, chiến tranh thế giới có những chuyển biến thuận lợi cho quân Đồng minh và các lực lượng cách mạng. Quân đội Liên Xô giành nhiều thắng lợi và đang tiến hành phản công trên nhiều mặt trận. Ở châu Á, quân đội Nhật sa lầy ở Trung Quốc và khốn quẫn ở Thái Bình Dương, càng thúc đẩy mâu thuẫn Nhật - Pháp ở Đông Dương ngày thêm sâu sắc.

Tháng 8-1944, Thống đốc Nam Kỳ Hốpphen (Hoeffel) chỉ thị cho các chủ tỉnh tăng thuế thân từ 4,5 đồng lên 6 đồng đối với người không có tài sản và từ 5,5 đồng lên 10 đồng cho đến 40 đồng đối với người có tài sản. Tăng thuế điền thổ, thuế môn bài. Lập các nhà kho, thu thóc tạ để vơ vét lúa gạo xuất cảng và cung cấp cho phát xít Nhật. Phát xít Nhật ra lệnh cho Pháp tạo những điều kiện thuận lợi cho chúng thu mua tơ lụa, vải sợi, thu dụng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 7, tr. 97.

thợ thủ công, trưng thu các nguồn hải sản, trưng dụng các phương tiện vận tải (thuyền, xe bò, ngựa), đặc biệt là bắt dân ta nhổ lúa để trồng đay. Đối với tỉnh Bến Tre là nơi vốn có nhiều người thạo nghề dệt vải, chúng tìm cách bóc lột số thợ dệt này. Trong một thông tri gửi Chủ tỉnh Bến Tre, Thống đốc Nam Kỳ cho biết: "Đô đốc thủy quân Hoàng gia Nhật Bản yêu cầu bảo lãnh cho người đại diện của hãng Tôkyô Menca (tên là Masa Hirata) được quyền sử dụng thợ dệt Bến Tre vào việc kéo bông thành sợi. Nhằm vơ vét vải, sợi phục vụ chiến tranh xâm lược, phát xít Nhật đã bóc lột thợ dệt Bến Tre một cách tàn nhẫn[1].

Chính sách vơ vét, bóc lột của phát xít Nhật làm cho đời sống của nhân dân ta lâm vào cảnh bần cùng, khốn quẫn. Ở Bến Tre, tuy không bị nạn đói như ở các tỉnh miền Bắc, nhưng các mặt hàng nhu yếu phục vụ cho đời sống đều khan hiếm, thiếu thốn như vải sợi, hộp quẹt, dầu lửa, giấy mực... Người dân phải tự túc về vải mặc (trồng bông dệt vải), người nào không tự túc nổi thì lấy bao bố tời làm quần áo, lấy trái mù u đập ra lấy hạt xỏ xâu phơi khô, đốt thay đèn dầu.

Lúc này, phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo đang có những bước phát triển mạnh mẽ, vững chắc ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh đã đi sâu vào các tầng lớp nhân dân và đã giành được tình cảm và sự ủng hộ của đông đảo nhân sĩ, trí thức, các nhà tư sản dân tộc. Trong khi đó phong trào cách mạng ở Nam Bộ rất khó khăn. Xứ ủy và các Tỉnh ủy liên tục bị đánh phá, phần lớn cán bộ, đảng viên bị bắt, bị tù đày, số còn lại phải lánh đi nơi khác.

Sự chuyển biến mau lẹ của tình hình quốc tế và trong nước đặt ra cho những người Cộng sản ở Bến Tre cũng như các tỉnh

1. Nguyễn Phan Quang: "Cuối năm 1944, đầu năm 1945, thực dân Pháp, phát xít Nhật ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân Nam Bộ", in trong sách *Theo dòng lịch sử dân tộc,* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, t. 2, tr. 586.

Nam Bộ một nhiệm vụ khẩn trương là phải nhanh chóng khôi phục tổ chức đảng và tổ chức quần chúng đã bị tan rã sau những cuộc đàn áp đẫm máu của thực dân Pháp trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.

Từ năm 1941, những đồng chí bị bắt giam ở các nhà tù đã tìm cách vượt ngục trở về địa phương khôi phục phong trào. Đồng chí Nguyễn Hoàng Đức[1] vượt ngục Tà Lài đợt hai về hoạt động bí mật ở Ba Tri. Năm 1943, đồng chí Nguyễn Tẩu được địch thả ra, quản thúc ở Ba Tri. Đồng chí Nguyễn Tẩu đã liên lạc với những đảng viên còn lại ở Ba Tri, Châu Thành, Thạnh Phú,... để nắm lấy chủ trương của Đảng, củng cố lại các chi bộ, khôi phục bộ máy lãnh đạo của Đảng ở tỉnh, quận.

Đầu năm 1944, ở Ba Tri đã khôi phục được nhiều chi bộ như ở Tân Thủy, An Hiệp, Phú Lễ, Tân Xuân, Ba Mỹ, Châu Bình và thành lập được Quận ủy. Sau đó tổ chức đảng được khôi phục ở Thạnh Phú, Mỏ Cày, Châu Thành.

Để có sự chỉ đạo chung trong toàn tỉnh, nhất là trong tình hình còn một số đảng viên hoạt động bí mật ở địa phương chưa bắt liên lạc với các đồng chí ở tù mới về, vào tháng 2-1944, Quận ủy Ba Tri đã triệu tập một cuộc họp ở Giồng Chuối (Ba Tri) có đại biểu của Thạnh Phú, Mỏ Cày, Châu Thành đến dự.

Hội nghị nhất trí tổ chức một bộ phận lãnh đạo trung tâm, lấy tên là "Ủy ban sáng kiến" do đồng chí Nguyễn Tẩu lãnh đạo, lấy danh nghĩa để tập hợp các đồng chí còn hoạt động bí mật ở địa phương nhằm nhanh chóng xây dựng và phát triển cơ sở đảng trong tỉnh.

1. Đồng chí Nguyễn Hoàng Đức còn gọi là Nguyễn Tấn Đức hay Xích. Đợt vượt ngục này có các đồng chí: Trần Văn Giàu, Nguyễn Công Trung, Dương Quang Đông, Tô Ký, Châu Văn Giác, Trần Văn Kiết (Văn), Trương Văn Nhâm và Nguyễn Hoàng Đức.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ khẩn trương xây dựng các tổ chức quần chúng, nhất là vận động công nhân vào các nghiệp đoàn, tổ chức Nông hội, các tổ chức Tương tế, Ái hữu, đẩy mạnh phong trào đấu tranh với các khẩu hiệu chống phát xít Nhật đòi tự do, dân chủ.

Báo *Sự thật* của Ủy ban sáng kiến được bí mật phát hành trong các cơ sở cách mạng, giáo dục nội bộ và quần chúng, vạch rõ con đường đi lên của cách mạng. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban sáng kiến, cơ sở đảng và cơ sở quần chúng đã phát triển khá rộng. Nhiều quận như Châu Thành, Thạnh Phú, Ba Tri, Mỏ Cày cũng đã lập được Quận ủy.

Tháng 12-1944, Ủy ban sáng kiến đã triệu tập các Quận ủy về họp tại làng Phước Long (nay thuộc Giồng Trôm) cử ra Tỉnh ủy lâm thời[1] do đồng chí Nguyễn Tẩu làm Bí thư để thống nhất lãnh đạo phong trào.

Trong khoảng thời gian này, Xứ ủy Nam Kỳ đã được thành lập[2]. Cuối năm 1943, một số đồng chí trong Xứ ủy đã chắp nối liên lạc với đồng chí Nguyễn Hữu Ngoạn (phái viên của Trung ương từ miền Bắc cử vào) và nhận được các tài liệu Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh và các hội cứu quốc. Các đồng chí Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông trong Xứ ủy Tiền phong đã đến Bến Tre, nhưng do chưa liên lạc được với Tỉnh ủy lâm thời Ba Tri nên đã thành lập ở thị xã Bến Tre một Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Đỗ Văn Khuyến làm Bí thư.

1. Trong Tỉnh ủy lâm thời có các đồng chí: Nguyễn Tẩu, Lê Hợi, Nguyễn Phục Hưng, Nguyễn Văn Khái, Võ Châu Thành, Nguyễn Văn Mầu, Hồ Vinh, Phạm Hữu Di (Mười Di).

2. Lúc này, ở Nam Kỳ có hai Xứ ủy: Xứ ủy Tiền phong do Trần Văn Giàu làm Bí thư, Xứ ủy Giải phóng do Dân Tôn Tử làm Bí thư.

Nhờ liên lạc được với Xứ ủy, nên các đồng chí ở thị xã đã nắm được tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 và việc thành lập Mặt trận Việt Minh. Tháng 2-1945, các đồng chí Võ Tấn Nhứt, Nguyễn Thanh Trà, Đỗ Văn Khuyến đã thành lập Mặt trận Việt Minh ở thị xã, tập hợp các giới quần chúng, giáo chức, công chức tham gia. Như vậy, lúc này ở Bến Tre có hai hệ thống tổ chức đảng dưới sự chỉ đạo của hai tỉnh ủy lâm thời song song hoạt động và chưa liên lạc được với nhau.

Tháng 3-1945, đồng chí Dương Khuy, đại diện Xứ ủy Nam Kỳ đã triệu tập hội nghị thống nhất hai tỉnh ủy thành tỉnh ủy chính thức. Tháng 4-1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập hội nghị đại biểu bầu ra Tỉnh ủy chính thức[1], đồng chí Nguyễn Tẩu được cử làm Bí thư. Việc thống nhất hai Tỉnh ủy có ý nghĩa vô cùng quan trọng, Đảng bộ thể hiện sự đoàn kết, cùng tập trung vào nhiệm vụ chung là lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám.

2. Chuẩn bị lực lượng nắm thời cơ

Chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn cuối cùng, phần thắng nghiêng về phe Đồng minh. Hồng quân Liên Xô đã giải phóng nhiều nước Đông Âu, đang truy kích quân đội phát xít Hítle đến Béclin, hang ổ cuối cùng của chúng. Ở Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng đang bị quân Đồng minh phản công, liên tiếp bị thất bại. Tình hình đó làm cho bè lũ Nhật - Pháp ở Đông Dương thêm học hặc với nhau. Đảng ta chủ trương lợi dụng sự xâu xé giữa Nhật - Pháp để đẩy mạnh cao trào chống Nhật trong cả nước.

Đúng như dự kiến của Đảng, đêm 9-3-1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng thực dân Pháp chiếm lấy

1. Tỉnh ủy vùng Ba Tri.

Đông Dương. Ngày 10-3-1945, máy bay của quân Nhật bỏ bom đánh chìm tuần dương hạm Admiral Charner của Pháp trên sông Tiền (gần cồn Rồng) và đánh chìm hai tàu Pháp là Avalanche và Espirance. Số binh lính, viên chức người Pháp trốn chạy bị số tề các làng bắt giao cho Nhật. Sau đảo chính thực dân Pháp, phát xít Nhật dựng lên chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim để thống trị nhân dân ta, vơ vét người và của để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược.

Ở Bến Tre, phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn đưa Phan Văn Chỉ lên làm Tỉnh trưởng bù nhìn và giữ nguyên bộ máy tay sai của Pháp từ quận xuống làng. Bọn thân Nhật lập ra Đảng Quốc gia độc lập, tuyên truyền "độc lập", lừa bịp nhân dân. Bọn phản động trong đạo Cao Đài Tây Ninh tuyên truyền rùm beng cho thuyết "Đại Đông Á", thuyết "đồng chủng", "đồng văn", tổ chức lạc quyên, kêu gọi nhân dân ủng hộ chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim. Bọn Nhật và tay sai ra sức bắt lính, vơ vét lúa gạo, của cải. Đời sống nhân dân vô cùng điêu đứng.

Lợi dụng các chính sách lừa mị của chính quyền bù nhìn tay sai Nhật, Đảng bộ tỉnh đã tận dụng mọi điều kiện hoạt động bán công khai để tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết, nhiều cuộc tranh luận trong các rạp hát, trong các nghiệp đoàn vạch trần những thủ đoạn bịp bợm của phát xít Nhật, đập lại những luận điệu phản động của bọn "quốc gia", lôi kéo những người nhẹ dạ nhất thời bị chiêu bài độc lập tự do lừa gạt, trở lại con đường cách mạng chân chính.

Sau ngày 9-3-1945, tình thế cách mạng chung trong cả nước càng thêm sôi sục. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc phát triển rộng rãi. Đảng ta chủ trương thành lập khu giải phóng ở các tỉnh Việt Bắc, đồng thời nhiều khu du kích khác cũng ra đời như Đông Triều, Hòa - Ninh - Thanh ở

Bắc Bộ, Ba Tơ ở Trung Bộ, thời cơ của cuộc Tổng khởi nghĩa ngày càng tới gần.

Ngày 25-6-1945, Xứ ủy Nam Kỳ họp hội nghị ra quyết định chỉ đạo các địa phương khẩn trương chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa, hướng dẫn những công việc cần tiến hành trong cuộc khởi nghĩa để lật đổ chính quyền địch, tổ chức chính quyền nhân dân cách mạng các cấp sắp đến.

Chấp hành nghị quyết của Xứ ủy và xuất phát từ tình hình phong trào cách mạng trong tỉnh, sau khi tổ chức đảng đã được kiện toàn một bước, Tỉnh ủy đã đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ là đẩy mạnh công tác tổ chức, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang sẵn sàng đón thời cơ giành chính quyền.

Ngay từ tháng 4-1945, Tỉnh ủy chủ trương phát triển các tổ chức quần chúng Nông hội và nghiệp đoàn, mở rộng tổ chức Việt Minh, tập hợp các tầng lớp tiểu tư sản ở thị xã, lôi kéo công chức, trí thức vào Mặt trận.

Nhờ hoạt động sâu rộng, các tổ chức cách mạng phát triển tương đối nhanh, nhất là trong tầng lớp công nhân, nông dân, đội quân chủ lực của cách mạng. Đến tháng 7-1945, các nghiệp đoàn có tới 900 người, Nông hội đã thu hút 7.000 hội viên; riêng Ba Tri có tới 3.000 hội viên.

Hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước và của các đoàn thể cứu quốc, phát xít Nhật đã tìm cách nắm lấy lực lượng thanh niên làm hậu thuẫn. Xứ ủy Nam Kỳ muốn nhân cơ hội này đưa người của ta ra nắm lấy tổ chức của địch, xây dựng thành một tổ chức cách mạng nên đã cử bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ra liên hệ với Nhật Bản lập ra Thanh niên tiền phong. Ngày 15-5-1945, tổ chức Thanh niên tiền phong được thành lập tại Sài Gòn do Phạm Ngọc Thạch làm thủ lĩnh.

Ở Bến Tre, khoảng tháng 7-1945, tổ chức Thanh niên tiền phong được thành lập do Ca Văn Thỉnh làm thủ lĩnh. Thanh niên tiền phong ra đời thu hút đông đảo thanh niên, trí thức, công chức, sinh viên, học sinh tạo nên một khí thế cách mạng sôi sục trong các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông thôn. Đảng bộ tỉnh đã bí mật đưa người của ta vào nắm lấy các chức vụ chủ chốt, giáo dục thanh niên, hướng nó thành một tổ chức của cách mạng. Tỉnh ủy đã đưa đồng chí Nguyễn Văn Cái làm Tổng thư ký Thanh niên tiền phong tỉnh và đưa đồng chí Huỳnh Kỳ Thanh vào làm thủ lĩnh Thanh niên tiền phong thị xã. Cán bộ ta đã nắm được các chức vụ chủ chốt như thủ lĩnh, tráng trưởng Thanh niên tiền phong ở các quận, làng và các ấp. Trường huấn luyện Thanh niên tiền phong ở Hưng Khánh Trung và trường huấn luyện Bảo an binh[1] đều có cơ sở của ta.

Không khí cách mạng ngày càng sôi sục, lực lượng Thanh niên tiền phong do Đảng ta lãnh đạo dần dần đảm nhận các công việc canh gác, giữ gìn trật tự, tham gia các công tác xã hội.

Ở nông thôn, thanh niên tích cực luyện tập võ nghệ, rèn dao găm, mã tấu, hát các bài ca cách mạng như: *Lên đàng, Thanh niên, Xếp bút nghiên* của Lưu Hữu Phước,... Khí thế cách mạng lôi kéo đông đảo thanh niên, học sinh và ngay cả số con em của địa chủ, công chức, hội tề cũng tham gia phong trào. Ở các thị trấn như Mỏ Cày, Ba Tri, Thạnh Phú, Đảng ta liên tục tổ chức các cuộc míttinh, biểu tình, có hàng ngàn người tham gia, giáo dục tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc, phong kiến, vạch rõ độc lập giả hiệu của phát xít Nhật và biểu dương lực lượng.

Cao trào cách mạng đã làm tê liệt bộ máy chính quyền cơ sở của địch. Nhiều nơi, binh lính, cảnh sát, những tên cai tổng,

1. Đồng chí Đỗ Phát Quang vào Trường huấn luyện của Đảng Quốc gia Độc lập ở Hưng Khánh Trung, Nguyễn Văn Tất vào Trường Bảo an binh.

hội tề không còn hống hách như trước, nhiều tên hoang mang, tìm cách liên lạc với ta để thanh minh về thái độ chính trị của họ hoặc ngả theo cách mạng.

Khoảng cuối tháng 7-1945, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị mở rộng tại ngã tư Giồng Dầu (ngã tư Phú Khương ngày nay) để kiểm điểm lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa.

Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa[1] do đồng chí Nguyễn Tẩu phụ trách, nắm lực lượng vũ trang trong tỉnh, đồng thời tổ chức các đội cứu quốc quân tỉnh, huyện, xã.

Đảng chủ trương chọn lọc trong Thanh niên tiền phong và trong các tổ chức nghiệp đoàn, Nông hội những thanh niên khỏe mạnh, có tinh thần dũng cảm để thành lập Cứu quốc quân, Cảm tử quân, hình thành lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

Chỉ trong thời gian ngắn vừa tổ chức, vừa luyện tập, đến trước ngày Tổng khởi nghĩa, lực lượng cách mạng tỉnh có một số đội viên Cứu quốc quân làm nòng cốt và một lực lượng đông đảo Thanh niên tiền phong cùng hàng ngàn hội viên Nông hội, nghiệp đoàn.

Như vậy, với thời gian trên ba tháng chuẩn bị, vừa xây dựng phát triển lực lượng vừa đẩy mạnh phong trào, Đảng bộ tỉnh đã tạo được tình thế cách mạng trong tỉnh với lực lượng chính trị hùng hậu và lực lượng vũ trang quần chúng làm nòng cốt, sẵn sàng đón lấy thời cơ dùng bạo lực giành chính quyền.

3. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Bến Tre

Sau khi tiêu diệt phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô đã chuyển sang chiến trường châu Á, tiến quân vào Đông Bắc Trung Quốc tiêu diệt hoàn toàn đạo quân Quan Đông, lực lượng chủ lực của phát xít Nhật.

1. Ủy ban khởi nghĩa gồm năm đồng chí: Nguyễn Tẩu, Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Văn Cái, Lê Hợi và Võ Tấn Nhứt.

Ngày 15-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Đó là thời cơ vô cùng thuận lợi để cách mạng ở các nước bị phát xít Nhật xâm lược giành thắng lợi.

Ở Đông Dương, quân đội Nhật Bản hoang mang tê liệt. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim tan rã. Tin phát xít Nhật đầu hàng nhanh chóng truyền đi khắp nước. Mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa phát ra từ Tân Trào làm nức lòng toàn Đảng, toàn dân.

Ngày 19-8-1945, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi ở Thủ đô Hà Nội.

Ngày 20-8-1945, Xứ ủy Nam Kỳ họp Hội nghị ở chợ Đệm phổ biến kế hoạch Tổng khởi nghĩa ở Nam Bộ.

Ngày 23-8-1945, khi đại biểu của Tỉnh ủy đi dự Hội nghị Xứ ủy về, lực lượng Cứu quốc quân và Thanh niên tiền phong các địa phương đã tập trung đầy đủ.

Trong hai ngày 23 và 24-8-1945, nhiều nơi trong nước đã nổi dậy khởi nghĩa như ở Huế, ở Cai Lậy (Mỹ Tho)... Ở quận An Hóa, nhân dân đã khởi nghĩa cướp chính quyền quận. Ngày 24-8-1945, ở các làng Hưng Khánh Trung, Phước Mỹ Trung (Mỏ Cày), lực lượng khởi nghĩa đã chiếm trụ sở làng, giải tán tề. Tin thắng lợi các nơi truyền về thôi thúc nhân dân Bến Tre nổi dậy giành chính quyền.

Theo kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa, trong đêm 23-8-1945, khắp nơi trong tỉnh đã trương biểu ngữ, phát truyền đơn của Ủy ban khởi nghĩa kêu gọi nhân dân lật đổ chính quyền bù nhìn, thiết lập chính quyền cách mạng.

Ngày 24-8-1945, Mặt trận Việt Minh tỉnh ra công khai lấy câu lạc bộ thị xã[1] làm trụ sở để thăm dò thái độ của bọn ngụy quyền, đồng thời để biểu thị uy thế của cách mạng. Bọn cầm đầu ngụy quyền tỉnh không dám đàn áp.

1. Địa điểm tại Trường Trung học cơ sở (cấp II) Bến Tre ngày nay.

Trưa 25-8-1945, tên Cò Lắm, chỉ huy lực lượng Bảo an binh ở thị xã đi xuống Mỏ Cày thu gom vũ khí của bọn Cai tổng và hội tề. Đây là cơ hội tốt nhất để ta chiếm Trại Bảo an binh, chỗ dựa duy nhất và cuối cùng của bọn thân Nhật. Tỉnh ủy ra lệnh cấp tốc khởi nghĩa giành chính quyền lúc 16 giờ chiều cùng ngày.

Với sức mạnh quật khởi, lực lượng quần chúng khởi nghĩa mà nòng cốt là đảng viên, Cứu quốc quân, hội viên Nghiệp đoàn và Nông hội, Thanh niên tiền phong nhất tề xông lên với giáo, mác, tầm vông tràn tới chiếm Trại Bảo an binh[1] buộc chúng phải đầu hàng. Lực lượng khởi nghĩa nhanh chóng tiến chiếm các công sở, tòa án, bưu điện, kho bạc, nhà máy điện, bốt cảnh sát, tiến chiếm Dinh tỉnh trưởng... Trước khí thế khởi nghĩa của quần chúng, quân Nhật và tay sai hoàn toàn tê liệt không dám chống cự. Tỉnh trưởng Phan Văn Chỉ phải đầu hàng, xin nộp chính quyền cho cách mạng. Chính quyền tay sai Nhật sụp đổ nhanh chóng. Chính quyền về tay nhân dân lúc 17 giờ chiều 25-8-1945. So với thời gian đã định trong kế hoạch, ta giành được chính quyền sớm hơn dự định.

Các đội Thanh niên tiền phong, Cứu quốc quân được phân công canh giữ các trụ sở, án ngữ các ngả đường, giữ gìn trật tự trị an, lùng bắt những tên phản động, những tên tề, tổng ác ôn. Quần chúng đổ ra đường hân hoan mừng thắng lợi. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên các công sở.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở thị xã có ảnh hưởng quyết định đến cuộc khởi nghĩa ở các huyện.

1. Trại Bảo an binh (Garde civil local), còn gọi là Dinh Thủ Hộ (trước 1975, nơi này là trại Quang Trung, sau giải phóng năm 1975 là trụ sở Công an tỉnh cũ), ta chiếm 80 súng trường, hai súng đại liên Hóckít, sáu trung liên và nhiều đạn.

Cùng ngày, cuộc khởi nghĩa ở Mỏ Cày thắng lợi. Đêm 25 rạng 26-8-1945, cuộc khởi nghĩa tiếp tục thắng lợi ở Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành.

Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh được thành lập, gồm: Phạm Văn Bạch - Chủ tịch, Phạm Văn Hạt (bác sĩ Hạt) - Phó Chủ tịch, Tổng thư ký - Phan Văn Kỉnh và các ủy viên là Nguyễn Văn Tồn (phụ trách tài chính), Đỗ Phát Quang (phụ trách quân sự), Lê Hợi (phụ trách giao thông), Trần Quế Tử (phụ trách xã hội).

Cuộc khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã thành công nhanh chóng trên toàn tỉnh. Ngày 26-8-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bến Tre làm lễ ra mắt đồng bào. Cuộc míttinh tổ chức long trọng tại sân vận động tỉnh, dưới rừng cờ hoa và biểu ngữ rực rỡ, hàng vạn con tim bồi hồi xúc động trước lời tuyên bố của đại biểu Ủy ban nhân dân cách mạng: Cách mạng đã thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân, đồng bào cả nước được giải phóng khỏi ách thống trị của phát xít Nhật và hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, nước nhà đã được độc lập, cuộc đời nô lệ đã chấm dứt...

Chính quyền nhân dân các cấp được thiết lập trong toàn tỉnh.

Ngày 27-8-1945, thi hành lệnh trừng trị bọn phản cách mạng có nợ máu với nhân dân, ở các nơi như thị xã, Giồng Trôm, Ba Tri, Mỏ Cày, Thạnh Phú đã xử tử hình một số tên tay sai của thực dân Pháp có nhiều nợ máu trước đông đảo đồng bào[1].

Cách mạng Tháng Tám là bước nhảy vọt vĩ đại đánh dấu một cuộc biến đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử dân tộc ta, đập

1. Ở thị xã: xử tử tên Quản Hiền (mật thám Pháp).
- Ở Mỏ Cày: xử tử tên Cai tổng Sanh.
- Ở Thạnh Phú: xử tử tên Cai tổng Huỳnh Văn Thì, Cai tổng Tâm.
- Ở Ba Tri: xử tử tên Cai tổng Mai Văn Đặng, Đoàn Văn Lầu.
- Ở Giồng Trôm: xử tử tên Cai tổng Châu Văn Tường.
- Ở Sóc Sãi: xử tử tên Giáo Chớ.

tan sự thống trị của thực dân ngót 100 năm kể từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, lật đổ chế độ phong kiến kéo dài hàng nghìn năm. Với thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc thuộc địa tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới mà trực tiếp là nhân dân các nước Đông Dương.

Cách mạng Tháng Tám ở Bến Tre là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài gian khổ của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre trong 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng (1930-1945). Trải qua 15 năm đấu tranh đầy gian khổ hy sinh, Đảng bộ tỉnh đã vượt qua những khó khăn thử thách, kiên trì lãnh đạo nhân dân nổi dậy đấu tranh qua cao trào 1930-1931, phong trào dân chủ 1936-1939, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Đó chính là những bước tập dượt cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám ở Bến Tre là sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, dựa vào khối liên minh công - nông đã được củng cố vững chắc để tranh thủ các tầng lớp, thành phần yêu nước khác vào một mặt trận, lôi kéo các phần tử trung gian, lưng chừng, chĩa mũi nhọn vào phát xít Nhật, thực dân Pháp và tay sai, tạo điều kiện cho cách mạng nhanh chóng giành thắng lợi.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Bến Tre còn là kết quả của công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Đảng

bộ Bến Tre qua nhiều lần bị địch đàn áp, khủng bố ác liệt tưởng chừng như không thể đứng dậy nổi, nhưng nhờ có một đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên cường bất khuất, được tôi luyện vững vàng trong đấu tranh cách mạng đã bền bỉ vượt qua khó khăn, gian khổ, hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng, sự nghiệp cách mạng thắng lợi, xây dựng Đảng vững mạnh để làm hạt nhân lãnh đạo cách mạng, khi thời cơ đến, cùng nhân dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Do đặc thù của phong trào cách mạng bị địch đàn áp đánh phá đã xuất hiện hai hệ thống tổ chức đảng, nhưng đã nhanh chóng được thống nhất lại làm một Tỉnh ủy để lãnh đạo phong trào chung. Sự đoàn kết trong nội bộ Đảng đã tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh vô địch để chiến thắng kẻ thù.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã tạo ra tiền đề, điều kiện mới để nhân dân Bến Tre bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Chương II

ĐẢNG BỘ BẾN TRE LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I- NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN (TỪ THÁNG 9-1945 ĐẾN CUỐI NĂM 1950)

1. Xây dựng, củng cố thực lực mọi mặt, chuẩn bị kháng chiến (9-1945 – 1-1946)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chế độ thực dân, phong kiến bị xóa bỏ; dân tộc Việt Nam được hưởng tự do, độc lập. Nhưng do bản chất xâm lược và thù địch với cách mạng, bọn đế quốc đứng đầu là Mỹ, Anh, Pháp cùng với bọn Quốc dân Đảng Trung Quốc âm mưu tiêu diệt cách mạng Việt Nam, bóp chết nước cộng hòa non trẻ. Đặc biệt, thực dân Pháp đã thống trị ba nước Đông Dương hơn 80 năm, không chịu từ bỏ âm mưu xâm lược, gấp rút thu vét quân đội của chúng ở Viễn Đông và Bắc Phi trở lại xâm lược Việt Nam, Lào, Campuchia lần thứ hai.

Khoảng trung tuần tháng 9-1945, hai mươi vạn quân Tưởng Giới Thạch với danh nghĩa quân đội Đồng minh đến Bắc Đông Dương giải giáp quân Nhật Bản đã kéo vào miền Bắc nước ta, mang theo bọn Việt Nam Quốc dân Đảng tay sai và các đảng phản động khác, tìm mọi cách lật đổ chính quyền cách mạng. Chúng đã gây cho Chính phủ cách mạng và nhân dân ta muôn vàn khó khăn. Ở miền Nam, quân đội Anh khi vào giải giáp quân Nhật đã giúp đỡ cho nhiều đơn vị thuộc quân đội thực dân Pháp lén lút vào Sài Gòn và trang bị vũ khí cho những tên thực dân Pháp trước đây bị phát xít Nhật giam giữ được chính quyền cách mạng thả ra.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định. Quân dân Sài Gòn - Gia Định đã nổ súng đánh trả, mở đầu cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Sau một tháng bị quân và dân ta vây hãm trong thành phố, bị tổn thất nặng nề do những trận tập kích liên tục, chịu khốn đốn vì bị triệt mất đường tiếp tế, quân đội Pháp phải chờ thêm viện binh mới có đủ sức phá nổi vòng vây, đánh chiếm rộng ra các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ.

Ngày 8-2-1946, thực dân Pháp tập trung lực lượng mở cuộc tấn công chiếm tỉnh Bến Tre, tỉnh cuối cùng ở Nam Bộ còn do chính quyền cách mạng kiểm soát. So với các tỉnh khác, Bến Tre đã có hơn năm tháng sống trong độc lập, tự do để xây dựng và phát triển thực lực về mọi mặt chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Tình hình Bến Tre sau khi giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám có những mặt cơ bản giống như các tỉnh ở Nam Bộ. Chính quyền cách mạng tiếp quản một nền nông nghiệp đã bị Nhật - Pháp vơ vét đến khô kiệt, thương nghiệp đình đốn, hàng công nghiệp khan hiếm, tài chính trống rỗng. Đời sống vật chất của nhân dân tuy chưa tới mức đói nhưng thiếu thốn mọi bề.

Lực lượng chính trị quần chúng, nhất là Mặt trận đoàn kết dân tộc, tức Mặt trận Việt Minh chỉ mới được thành lập trước cuộc Tổng khởi nghĩa không lâu, nên chất lượng chính trị còn non kém. Lực lượng vũ trang cách mạng của tỉnh là các đơn vị Cộng hòa vệ binh mới được xây dựng gồm những đội viên Cứu quốc quân đã tham gia cướp chính quyền và một số Bảo an binh đi theo cách mạng trang bị kém (chỉ có súng trường và ít khẩu tiểu liên, đạn dược thiếu), chưa có kinh nghiệm chiến đấu, kể cả tác chiến du kích. Lực lượng dân quân tuy được tổ chức ở khắp các xã và thị trấn, nhưng còn lỏng lẻo, trang bị hầu hết là vũ khí thô sơ. Bản thân Đảng bộ do bị

tổn thất nặng nề trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 mới bước đầu khôi phục từ cuối năm 1944 đầu năm 1945, hai hệ thống tổ chức của Đảng mới được thống nhất lại, lực lượng đảng viên quá ít, nhiều cơ sở chưa có chi bộ, trình độ đảng viên do chưa được học tập lý luận, đường lối, phương pháp công tác cách mạng nên có nhiều bỡ ngỡ, lúng túng trong nhiệm vụ mới là lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo kháng chiến. Nhiều xã khi cướp chính quyền chưa có tổ chức đảng, việc cướp chính quyền là do một số nòng cốt thực hiện. Sau khi đã tạm thời ổn định được hệ thống tổ chức chính quyền và hệ thống lãnh đạo Đảng từ cấp tỉnh đến cơ sở, ngày 23-9-1945, Tỉnh ủy họp hội nghị[1] để đánh giá tình hình trong tỉnh từ sau ngày giành được chính quyền và thảo luận quán triệt, chấp hành các chỉ thị của Trung ương và Xứ ủy. Cuộc kháng chiến đã bùng nổ ở Sài Gòn, Tỉnh ủy nhận rõ nhiệm vụ chuẩn bị cho quân và dân ở Bến Tre bước vào kháng chiến để bảo vệ thành quả cách mạng lúc này là quan trọng và cấp bách nhất.

Nhưng để kháng chiến thắng lợi phải có thực lực, phải củng cố cơ quan chính quyền nhân dân các cấp, tranh thủ thực hiện chính sách của Mặt trận Việt Minh đem lại lợi ích cho nhân dân, nhất là nông dân để động viên nhân dân hết lòng kháng chiến, bảo vệ chính quyền, bảo vệ cách mạng. Phải củng cố Mặt trận đoàn kết dân tộc và các đoàn thể của Mặt trận, trên cơ sở đó tích cực phát triển các lực lượng vũ trang chuẩn bị chiến đấu, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Theo sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy đã tổ chức một đoàn thuyền đón các đồng chí ở tù Côn Đảo về Bến Tre bổ sung vào đội ngũ cán bộ của tỉnh. Nhiều đồng chí sau này trở thành những cán bộ lãnh đạo của tỉnh như đồng chí Võ Văn Khánh, Trần Trường Sinh,...

1. Địa điểm tại Dinh tỉnh trưởng cũ.

Sau khi thực dân Pháp trở lại đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định và mở rộng lấn chiếm sang các tỉnh Nam Bộ, ngày 25-10-1945, Xứ ủy lâm thời triệu tập Hội nghị mở rộng tại Thiên Hộ (Cái Bè, Mỹ Tho). Tham dự hội nghị có các xứ ủy viên và đại biểu các thành ủy, tỉnh ủy. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trì hội nghị. Hội nghị đã quyết định một số nội dung chủ yếu như: củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển chiến tranh nhân dân; thành lập Ủy ban kháng chiến các cấp; tổ chức các chiến khu và các đơn vị quân đội tập trung, đủ sức đối phó với địch; củng cố các lực lượng làm công tác trừ gian; xây dựng cơ sở bí mật trong các thành phố, thị xã bị địch chiếm đóng; thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến khi địch đánh chiếm; lập các binh công xưởng để sản xuất vũ khí và sửa chữa vũ khí.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của chính quyền và nhiệm vụ chuẩn bị kháng chiến, theo chỉ thị của trên, bên cạnh Ủy ban hành chính tỉnh, Ủy ban kháng chiến tỉnh được thành lập do đồng chí Nguyễn Hoàng Đức làm Chủ tịch và năm ủy viên[1] cũng đều là đảng viên. Tỉnh ủy đặt nhiệm vụ trọng tâm là lãnh đạo kháng chiến. Một số cán bộ, đảng viên được điều sang chỉ huy lực lượng dân quân tự vệ. Đồng thời, Tỉnh ủy quyết định thành lập lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc do đồng chí Nguyễn Tẩu làm Giám đốc.

Bộ máy chính quyền các cấp được hình thành ở các làng, những người có uy tín, nhân sĩ, trí thức được cử vào làm việc trong Ủy ban[2]. Tỉnh ủy tách 20 làng của huyện Châu Thành và huyện Ba Tri để lập huyện Tán Kế, Huyện ủy được chỉ định do đồng chí Phan Cẩm Tờn làm Bí thư.

1. Năm ủy viên là: Võ Tấn Nhứt, Đỗ Phát Quang, Nguyễn Văn Tất, Nguyễn Thanh Trà, Lê Hợi.

2. Một số xã, ta đưa nhân sĩ, trí thức vào làm chủ tịch.

Chấp hành các sắc lệnh của Chính phủ lâm thời và thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, chính quyền nhân dân đã tiến hành xóa bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý mà chính quyền thực dân phong kiến đặt ra, giảm thuế điền thổ xuống 20%, chia lại ruộng công, ra lệnh giảm tô từ 5 đến 7 giạ/công xuống còn 1,5 giạ, xóa bỏ các nợ cũ và các hình thức tô phụ như lễ vật trong các ngày giỗ, tết. Các ban khuyến nông được thành lập, động viên, hướng dẫn nông dân tăng gia sản xuất, đẩy mạnh khai hoang phục hóa, vận dụng những kinh nghiệm canh tác tiến bộ để tăng gia sản xuất.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Mặt trận Việt Minh, nhân dân Bến Tre đã tự nguyện góp 700 lạng vàng trong "Tuần lễ vàng" (từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945) để lập quỹ Độc lập xây dựng đất nước và mua sắm vũ khí trang bị cho quân đội. Về tài chính, Ủy ban kháng chiến tỉnh cho phát hành tín dụng phiếu Đồ Chiểu 1 đồng, 2 đồng, 10 đồng, 20 đồng để giải quyết nạn khan hiếm bạc lẻ, phục vụ tiêu dùng của nhân dân.

Về mặt văn hóa - xã hội, các trường sơ học và tiểu học được mở lại, các lớp bình dân học vụ xóa nạn mù chữ cũng được tổ chức khắp nơi. Một phong trào già trẻ, trai gái sôi nổi đi học, coi học tập văn hóa là biểu thị lòng yêu nước. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, trộm cắp, tập quán hủ lậu được bài trừ.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh được quan tâm. Chính quyền cách mạng đã sử dụng đội ngũ cán bộ y tế của chế độ cũ để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đối phó với bệnh dịch tả đang hoành hành trên diện rộng trong toàn tỉnh, chính quyền cách mạng và các đoàn thể ở các địa phương thành lập các tổ y tế ở xóm, ấp, phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, phổ biến nhiều toa thuốc và cách trị bệnh tả, nên đã nhanh chóng dập tắt dịch bệnh.

Theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Đảng bộ, chính quyền và Mặt trận Việt Minh tỉnh Bến Tre đã tiến hành cuộc vận động tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày bỏ phiếu quy định thống nhất trong toàn quốc là ngày 6-1-1946, nhưng do tình hình chiến tranh ác liệt, được Trung ương chấp thuận nên Bến Tre đã tổ chức sớm hơn vào ngày 25-12-1945. Mặc dù phải lo chuẩn bị đối phó với chiến tranh, nhưng đông đảo nhân dân đi bỏ phiếu và đã bầu ra năm đại biểu Quốc hội đại diện cho nhân dân Bến Tre là các ông Phạm Văn Bạch, Nguyễn Văn Cái, Đỗ Phát Quang, Nguyễn Văn Tẩu và Trần Quế Tử. Điều đó đã thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân và uy tín của Mặt trận Việt Minh.

Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Phan Triêm làm Chủ nhiệm, đã ra sức vận động, tổ chức hầu hết nhân dân tham gia các đoàn thể Mặt trận. Chấp hành sự chỉ đạo của Xứ ủy, tổ chức Thanh niên tiền phong được giải thể, số tích cực trong Thanh niên tiền phong được chọn vào Đoàn Thanh niên cứu quốc và các đơn vị vũ trang. Được Mặt trận quan tâm và giúp đỡ, các nhân sĩ, trí thức yêu nước đã đem hết khả năng cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Nhiều người sau này trở thành những trí thức cách mạng trong chính quyền và Mặt trận[1].

Đảng, chính quyền, Mặt trận và lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt chính sách tôn giáo, giáo dục, thuyết phục các chức sắc, tín đồ Công giáo, Phật giáo, Cao Đài Ban Chỉnh, Cao Đài Tiên Thiên hiểu rõ chủ trương, chính sách của cách mạng, ủng hộ kháng chiến.

Công tác chuẩn bị kháng chiến được gấp rút tiến hành. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến, lực lượng dân quân

1. Như giáo sư Ca Văn Thỉnh, kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt...

tự vệ được tổ chức đều khắp các xã ấp, ngày đêm luyện tập quân sự, bố trí canh gác, giữ gìn an ninh và tham gia công việc khác như phá giao thông, đào công sự, dựng chướng ngại vật.

Ngoài các đội dân quân, các đoàn viên thanh niên cũng hăng hái học tập quân sự, sắm vũ khí để tham gia đánh giặc. Để giải quyết vấn đề vũ khí cho lực lượng dân quân và các đội Cộng hòa vệ binh, Ủy ban kháng chiến đã tổ chức một công binh xưởng đầu tiên và cử đồng chí Võ Tấn Nhứt phụ trách.

Nguyên liệu dùng cho công binh xưởng được huy động từ nhiều nguồn, do nhân dân nhiệt tình đóng góp trong "Tuần lễ đồng thau", do phong trào thu nhặt sắt vụn của nhân dân và nguồn thuốc nổ trong các trái thủy lôi của phát xít Nhật trôi dạt vào bờ biển. Hưởng ứng "Tuần lễ đồng thau", nhân dân đã đem nồi đồng, mâm thau và cả lư đồng thờ cúng tổ tiên; sư sãi đã đem cả chuông chùa hiến cho cách mạng. Công binh xưởng đã sản xuất được lựu đạn có đuôi, mã tấu, giải quyết được một phần trang bị cho dân quân và các đơn vị Cộng hòa vệ binh.

Trường Cộng hòa vệ binh cũng được thành lập do đồng chí Huỳnh Kỳ Thanh phụ trách để mở khóa đào tạo cán bộ quân sự.

Để chi viện cho các tỉnh bạn đang kháng chiến, Bến Tre đã cử một phân đội (một trung đội) Cộng hòa vệ binh do đồng chí Lực chỉ huy gồm 30 chiến sĩ có tinh thần cảm tử cùng quân và dân Sài Gòn chiến đấu ở mặt trận phía nam Sài Gòn. Một đơn vị khác (cỡ đại đội) gồm 100 chiến sĩ do đồng chí Nguyễn Văn Tất chỉ huy được phái đi cùng quân và dân Vĩnh Long đánh địch. Đơn vị đã tham gia trận đánh ở thị trấn Chợ Lách và thị trấn Càng Long gây được sự tin yêu của tỉnh bạn.

Sau khi mặt trận phía nam Sài Gòn của ta bị vỡ, quân Pháp chiếm Mỹ Tho và Gò Công, một bộ phận Đệ nhất sư đoàn Cộng hòa vệ binh Nam Bộ của Trương Văn Giàu, bộ đội

Gò Công của Lê Văn Lung, bộ đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương,... về đóng tại quận An Hóa. Nhân dân tận tình giúp đỡ lương thực cho các đơn vị này để đứng chân tại địa bàn, củng cố lực lượng và chuẩn bị chiến đấu.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng, tháng 11-1945[1], Đảng bộ Bến Tre rút vào hoạt động bí mật, Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác được thành lập do đồng chí Trần Trường Sinh phụ trách, Đảng bộ tỉnh lấy danh nghĩa công khai là Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác để lãnh đạo phong trào. Việc phát triển đảng viên mới vẫn được tiến hành tích cực theo Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương về kháng chiến kiến quốc ngày 25-11-1945: "Về Đảng phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, tuyển thêm đảng viên"[2]. Đến cuối năm 1945, đội ngũ đảng viên của Đảng lên đến 1.000 người.

Tháng 12-1945, Tỉnh ủy họp hội nghị nhằm đánh giá tình hình mới, dự kiến tình huống xảy ra, vạch phương án tác chiến và kế hoạch phá hoại, vận động, hướng dẫn nhân dân tản cư làm "vườn không nhà trống". Thực hiện chủ trương của Đảng, nhân dân Bến Tre tiến hành phá hoại cầu đường, làm bè, đắp cản ngăn sông. Nhân dân ở tỉnh lỵ, các thị trấn tản cư về thôn quê. Cơ quan Tỉnh ủy tạm chuyển về khu vực Mỹ Lồng[3], đồng thời xây dựng căn cứ ở Cái Cát (Thạnh Phú) chuẩn bị cho việc di chuyển cơ quan lãnh đạo khi cần.

Ngày 20-1-1946, thực dân Pháp cho máy bay bắn phá chợ Mỹ Lồng, tàu chiến bắn vào vàm Bến Tre và hai bờ

1. Để bảo vệ Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ đang diễn ra cuộc đấu tranh một mất một còn giữa ta và địch, ngày 11-11-1945, Đảng ta tuyên bố "Tự giải tán", nhưng thực chất, Đảng ta rút vào hoạt động bí mật.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 28.

3. Xã Mỹ Thạnh, Giồng Trôm ngày nay, cách thị xã 6km.

sông Hàm Luông, Cổ Chiên, vàm Giao Hòa chuẩn bị tấn công chiếm tỉnh Bến Tre.

Hơn 5 tháng giành và giữ chính quyền đã cho ta thời gian xây dựng lực lượng về mọi mặt, củng cố chính quyền nhân dân, mở rộng Mặt trận Việt Minh, phát triển các tổ chức cứu quốc, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho nhân dân Bến Tre bước vào cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng.

2. Năm đầu kháng chiến (ngày 8-2-1946 đến tháng 12-1946)

Ngày 8-2-1946 (tức mùng 7 tháng Giêng âm lịch), thực dân Pháp tập trung lực lượng gồm cả bộ binh, pháo binh, có máy bay, tàu chiến yểm trợ, hình thành ba cánh quân: từ Rạch Miễu (Tân Thạch) theo đường số 6, từ sông Tiền theo kênh Giao Hòa và một mũi chính từ sông Hàm Luông theo rạch Bến Tre đánh vào tỉnh lỵ.

Cả ba cánh quân của địch đều bị lực lượng vũ trang ta chặn đánh quyết liệt, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, trước các mũi tiến công ồ ạt của quân Pháp được máy bay, tàu chiến và đại bác yểm trợ, các đơn vị vũ trang của ta là những đội du kích nhỏ bé, trang bị vũ khí thô sơ với những công sự đơn sơ không ngăn được bước tiến của giặc. Vì vậy, mặc dù ta có thời gian chuẩn bị nhưng ngay trong ngày đầu, ngày 8-2-1946, địch đã chiếm được tỉnh lỵ Bến Tre, tiến chiếm quận Ba Tri. Ngày 10-2-1946, quân Pháp đánh chiếm Mỏ Cày, Thạnh Phú và các điểm then chốt ở cù lao Minh. Chúng đóng lại đồn ở tỉnh lỵ, các quận lỵ, các vùng xung yếu dọc đường giao thông và các vùng tôn giáo. Chiếm đóng đến đâu, địch tung quân càn quét, đốt nhà, cướp của, bắn giết những người chúng cho là Việt Minh hòng áp đảo tinh thần của nhân dân.

Thực dân Pháp đưa những tên tay sai, hội tề về lập lại bộ máy ngụy quyền, tung tiền bạc mua chuộc, dụ dỗ lôi kéo

những công chức cũ trở lại làm việc cho Pháp, sử dụng bọn lưu manh, tề điệp ác ôn làm do thám, chỉ điểm cài vào xóm, ấp tìm đánh phá cơ sở cách mạng.

Trước thế tấn công của giặc Pháp, các cơ quan lãnh đạo của tỉnh cùng một số đơn vị vũ trang bám về các làng Thạnh Phú Đông, Phước Long, Tân Hào Đông, Hưng Lễ (Tán Kế) sau đó chuyển về căn cứ Thạnh Phú.

Căm thù trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của các chi bộ đảng ở các địa phương, những người yêu nước có uy tín đã tập hợp quần chúng, tự tạo vũ khí, đánh giặc để lấy súng, lập ra các đơn vị bộ đội, du kích chiến đấu. Ở cù lao Bảo, có bộ đội Tân Hào của đồng chí Đồng Văn Cống, bộ đội của Lê Văn Tá (Chín Tá) ở Châu Hòa, Châu Bình, bộ đội anh Phải (Phan Văn Phải), anh Kích (Phan Văn Kích) ở Thạnh Phú Đông, Phước Long...

Ở cù lao Minh, có bộ đội Phạm Hồng Thái của anh Đặng Văn Tỷ, anh Măng ở Tân Thành Bình, phân đội Hồ Chí Minh cơ động của đồng chí Nguyễn Văn Tất, bộ đội Quang Trung của anh Sáu Xem (Lê Văn Xem). Ở An Hóa, có bộ đội Bùi Sĩ Hùng, bộ đội anh Bài (Lê Văn Bài),... thực chất đây là những đơn vị bộ đội địa phương làm nòng cốt cho phong trào du kích ở địa phương.

Ngày 12-2-1946, một trung đội lính lê dương do hai tên Việt gian dẫn đường từ Bến Tre theo lộ 5 (nay là tỉnh lộ 887) càn vào Tân Hào. Đội du kích Tân Hào do đồng chí Đồng Văn Cống chỉ huy phục kích tại cầu Ba Ngõi, chặn đánh quân địch, diệt ba tên. Chúng hoảng hốt rút lui.

Sau khi quân Pháp chiếm An Hóa, bộ đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương và Cộng hòa vệ binh đã rút về Châu Bình. Ngày 17-2-1946, bộ đội Bình Xuyên và Cộng hòa vệ binh đã

chặn đánh một cánh quân Pháp càn vào xã Châu Bình, diệt khoảng 50 tên. Ngày 18-2-1946, địch huy động gần ba tiểu đoàn có tàu chiến, máy bay yểm trợ hành quân theo ba hướng đánh vào xã Châu Bình. Dương Văn Dương - Tư lệnh bộ đội Bình Xuyên - đã anh dũng hy sinh.

Đến tháng 4-1946, hệ thống liên lạc giữa các cơ quan Tỉnh ủy với cấp dưới dần được củng cố, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với địa phương được chặt chẽ hơn. Ở các xã, tổ chức đảng được khôi phục, củng cố từ ba đến năm đảng viên làm nòng cốt lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Bến Tre đã tổ chức chuyến vượt biển của đồng chí Nguyễn Thị Định và các đại biểu Quốc hội Khu 8 ra Hà Nội báo cáo với Trung ương về tình hình của Nam Bộ. Đoàn đã được gặp Bác Hồ, các đồng chí trong Chính phủ và Quốc hội. Chuyến đi ấy đã mở ra con đường tiếp nhận vũ khí của Trung ương cho chiến trường Nam Bộ sau này.

Ở Bến Tre lúc này, ngoài tai họa do bọn xâm lược gây ra còn có nạn trộm cướp hoành hành gây lo âu cho nhân dân. Để bảo đảm an ninh trật tự xã hội, động viên sức người, sức của của nhân dân vào cuộc kháng chiến, Đảng bộ tỉnh chủ trương phải nhanh chóng trừng trị một số tên đầu sỏ, phản động cướp của, giết người[1], tranh thủ giáo dục số đông trở về làm ăn lương thiện. Chỉ trong một thời gian ngắn, an ninh trật tự trong các vùng kháng chiến đã được ổn định, nhân dân tin tưởng vào Đảng, yên tâm làm ăn và hăng hái tham gia mọi mặt công tác kháng chiến.

Tháng 5-1946, Tỉnh ủy chuyển căn cứ từ Thạnh Phú về huyện Tán Kế (Giồng Trôm ngày nay) để thuận tiện cho việc chỉ đạo phong trào kháng chiến của toàn tỉnh. Công tác

1. Như bắt, diệt tên Võ Bá Tòng ở Phong Mỹ, Tán Kế (Giồng Trôm).

xây dựng Đảng, phát triển lực lượng cách mạng được Tỉnh ủy coi là nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Sau khi thực dân Pháp tái chiếm, một số đảng viên dao động bỏ cơ sở, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho cán bộ tỉnh và huyện xuống các làng rà soát lại số đảng viên, củng cố các chi bộ hoặc tổ chức các chi bộ mới. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc cũng được củng cố, tập hợp đông đảo nhân dân.

Để nâng cao trình độ lý luận, năng lực công tác của cán bộ, đảng viên, Tỉnh ủy chủ trương mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về lý luận cách mạng, về công tác mặt trận, năm bước công tác cách mạng cùng với học tập đường lối phương châm kháng chiến. Báo *Đoàn kết* của Mặt trận Việt Minh được phát hành đến tận cơ sở. Các đội tuyên truyền của tỉnh và huyện thường xuyên đến các xã, ấp tuyên truyền tin tức thời sự, chính sách, động viên toàn dân tham gia kháng chiến.

Thanh niên hăng hái tòng quân gia nhập bộ đội, tham gia vào lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu chống địch càn quét bảo vệ xóm, ấp. Hơn 300 tu sĩ Phật giáo, Cao Đài và nhiều trí thức, học sinh trong vùng địch chiếm ra bưng biền tham gia kháng chiến. Nhiều nơi, nhân dân đã dùng mưu mẹo diệt những tên lính Pháp đi lẻ lấy súng, xin gia nhập đội du kích.

Với chiến tranh nhân dân, bằng chiến thuật phục kích, tập kích, dùng mưu mẹo diệt địch cướp súng địch, các đội du kích nhỏ bé dần dần phát triển thành những đơn vị bộ đội tập trung cơ động hoạt động trong từng địa bàn, tổ chức những trận đánh nhỏ lẻ của từng đơn vị, tiến lên phối hợp lực lượng của nhiều đơn vị đánh những trận tác chiến tập trung diệt hàng trung đội. Tháng 5-1946, bộ đội ở An Hóa đã diệt đồn Thới Thuận. Bộ đội Tân Hào do đồng chí Đồng Văn Cống chỉ huy đã tổ chức nhiều trận đánh diệt địch, nổi bật là trận đánh

ở Giồng Chùa (Tân Hào) ngày 25-6-1946, bộ đội Tân Hào phối hợp với bộ đội Đoàn Trần Nghiệp phục kích diệt hai trung đội địch, thu 25 súng. Vừa đánh giặc vừa xây dựng lực lượng, lấy súng giặc tự trang bị cho mình, các đơn vị vũ trang nhanh chóng trưởng thành. Bộ đội Tân Hào từ chỗ chỉ có một tiểu đội với bốn súng lửa, mã tấu, lựu đạn lúc mới thành lập, sau hơn ba tháng chiến đấu, đã có trên 100 chiến sĩ được trang bị 80 súng trường và trung liên. Thanh thế của bộ đội Tân Hào làm cho quân địch ở trong tỉnh phải kiêng sợ.

Bộ đội Đoàn Trần Nghiệp kết hợp với du kích địa phương tiến công diệt đồn Cầu Mống xã Hương Mỹ, Mỏ Cày nằm trên tuyến giao thông tỉnh lộ Bến Tre - Thạnh Phú. Đồn này là một kho lúa của người Hoa (nhà hai tầng) chứa 10 ngàn giạ lúa do một đại đội địch đóng giữ. Tám giờ sáng 20-8-1946, ta nổ súng tiến công, địch ngoan cố dựa vào công sự kiên cố chống cự, mãi đến 23 giờ, ta mới tiêu diệt được đồn này, 10 ngàn giạ lúa âm ỉ cháy nhiều ngày sau mới tắt. Đây là trận đánh ban ngày diệt đồn cấp đại đội đầu tiên ở Bến Tre. Trong trận này, đồng chí Phan Văn Phải, Chỉ huy trưởng đã anh dũng hy sinh.

Bộ đội Quang Trung kết hợp với bộ đội Phạm Hồng Thái phục kích trên tỉnh lộ 30 đánh một đại đội quân Pháp, diệt 11 tên, bắt sống hai tên, phá hủy hai xe quân sự, giải thoát cho đồng chí Nguyễn Tân Tấn - cán bộ Ban Tuyên truyền tỉnh và một nhà sư Phật giáo ở xã Cẩm Sơn, Mỏ Cày.

Ở An Hóa, kết hợp cơ sở nội ứng[1], ta diệt đồn ngã tư Nhà bảo sanh An Hóa do hai trung đội lính Âu Phi đóng giữ, ta thu 45 súng trường, hai trung liên, hai tiểu liên và một cối 60mm.

1. Các đồng chí Trần Xuân Vỹ (Sáu Vỹ), Tư Nhung, Năm Nhiều là cán bộ quân báo huyện An Hóa, đã vận động được một sĩ quan Angiêri tên là Kađe (Kader) làm nội ứng.

Do tình hình các đội du kích tập trung đã trưởng thành, đồng thời do yêu cầu của chiến tranh cách mạng cần thiết phải từng bước nâng cao trình độ tác chiến tập trung của lực lượng vũ trang, phải tập trung các đơn vị nhỏ xây dựng thành những đơn vị lớn, được trang bị và huấn luyện tốt hơn để có thể tác chiến quy mô lớn hơn. Theo chủ trương của Quân khu 8, tháng 9-1946, đơn vị Vệ quốc đoàn đầu tiên của Bến Tre ra đời trên cơ sở thống nhất các lực lượng trong toàn tỉnh, lấy phiên hiệu là Chi đội 19[1]. Đồng chí Đồng Văn Cống là Chi đội trưởng, Nguyễn Công Trung là Chính trị viên. Địa bàn chi đội đảm nhiệm bao gồm Bến Tre, An Hóa, Gò Công. Chi đội trực tiếp chỉ huy bảy phân đội (tương đương đại đội) gồm Phân đội 2, 3, 7, 9, Đoàn Trần Nghiệp, Nguyễn Trung Trực, Lê Lợi và Tiểu đội chiến sĩ quốc tế[2].

Ngày 14-9-1946, Chi đội 19 đánh tiêu diệt đồn Nhà Giấy (Lộc Thuận), diệt vài chục tên lính ở Thới Lai xuống cứu viện và bốn xe lính lê dương do Lêông Lơroa chỉ huy.

Cùng với việc phát triển lực lượng bộ đội, các đội du kích xã có bước phát triển về số lượng, bộ máy chỉ huy hình thành từ tỉnh đến các quận, làng. Ban Chỉ huy Tỉnh đội dân quân do đồng chí Mai Văn Khẳng làm Tỉnh đội trưởng, đồng chí Nguyễn Tẩu làm Chính trị viên để thành lập Tỉnh đội bộ dân

1. Theo lời kể đồng chí Đồng Văn Cống, phát biểu tại Hội nghị thông qua *Lịch sử kháng chiến chống Pháp* ngày 24-6-1987: chi đội được thành lập tại nhà Thôn Lục, xã Phước Long. Về thời gian ra đời Chi đội 19 là vào tháng 9-1946, chúng tôi dựa vào tài liệu: Những tư liệu thu thập được qua cuộc Hội thảo *Lịch sử kháng chiến chống Pháp (1945-1954)* còn lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre. Theo tài liệu về lực lượng vũ trang Nam Bộ tháng 6-1946, không có ghi Chi đội 19.

2. Sau khi thành lập, Chi đội 19 còn 4 phân đội, tách 3 đơn vị Đoàn Trần Nghiệp (Phan Văn Kích chỉ huy), Nguyễn Trung Trực (Dương Văn Lợi chỉ huy) và Lê Lợi (Lê Văn Tá chỉ huy) sang thành lập Chi đội 20 ở Vĩnh Long - Trà Vinh. Tiểu đội lính quốc tế gồm những lính Pháp, Angiêri, Đức (anh Mic, anh Măn, anh Đô), Nhật, Nga (Platon, tức Thành Nga) vừa đánh giặc vừa làm công tác vũ trang tuyên truyền rất độc đáo.

quân. Ở các quận, làng, các cấp ủy đảng đều có phân công cán bộ cốt cán phụ trách. Phong trào đánh địch của lực lượng dân quân diễn ra sôi nổi, có nhiều mưu mẹo, sáng tạo, liên tục làm tiêu hao nhiều quân địch.

Lợi dụng chủ trương của thực dân Pháp lập lại bộ máy hội tề, Tỉnh ủy chủ trương giáo dục số người tốt trong số hội tề cũ ra làm việc cho địch để nắm tin tức, tình hình của địch cung cấp cho cách mạng, bảo vệ cơ sở và nhân dân khi cần thiết sẽ rút số hội tề này ra. Đến cuối năm 1946, Tỉnh ủy đã ra lệnh "rút lui hội tề", đưa những nòng cốt của ta ra vùng tự do để làm suy yếu bộ máy ngụy quyền, tạo uy thế của cách mạng. Đồng thời, công tác diệt tề, trừ gian được đẩy mạnh. Nhân dân vùng tạm chiếm nổi dậy bằng nhiều hình thức như vây bắt những tên hội tề, trừng trị những tên gian ác, giáo dục những người biết hối cải trở về với nhân dân. Cuối năm 1946, hưởng ứng đợt đấu tranh đòi địch thi hành Tạm ước Việt - Pháp (Thỏa hiệp án Việt - Pháp), ngày 14-9-1946, Tỉnh ủy chủ trương một đợt nổi dậy toàn diện, phát động quần chúng nổi dậy bằng các hình thức như míttinh, biểu tình, rút lui hội tề, trấn áp do thám gián điệp, bao vây đồn bốt, phá hoại giao thông, tạo khí thế sôi nổi trong nhân dân.

Chỉ trong một thời gian ngắn, bộ máy tề ngụy bị phá rã từng mảng, chính quyền nhân dân được lập lại ở nhiều xã. Cuối năm 1946, thực dân Pháp phải rút bớt lực lượng ở chiến trường Nam Bộ để đưa ra Bắc Bộ. Vì vậy, lực lượng địch ở Bến Tre bị dàn mỏng, không đủ sức để đối phó với phong trào du kích của ta đang phát triển, nên chúng phải rút bỏ hàng loạt đồn bốt ở Thạnh Phú, Mỏ Cày, Bến Tre. Vùng tự do của ta được mở rộng thêm, chiếm hai phần ba đất đai trong tỉnh. Trong vòng chín tháng, tuy bị địch chiếm đóng và đặt bộ máy thống trị, liên tục mở các cuộc càn quét khủng bố nhưng tinh

thần yêu nước của toàn dân và sự lãnh đạo kiên cường của Đảng bộ và sự nỗ lực của các cấp, quân - dân - chính Bến Tre đã ở tư thế vững vàng hơn trước, có kinh nghiệm chiến đấu hơn. Với thế mới, lực mới, nhân dân Bến Tre cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống địch lấn chiếm (từ tháng 12-1946 đến cuối năm 1950)

Trước tình hình Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa càng nhân nhượng để tranh thủ giải quyết vấn đề Việt Nam bằng con đường thương lượng thì thực dân Pháp càng lấn tới. Chúng đã ngang nhiên tấn công chiếm Lạng Sơn - Hải Phòng và đang chuẩn bị kế hoạch đánh úp Trung ương và Chính phủ ta ở Hà Nội. Nhận rõ thực dân Pháp vẫn theo đuổi âm mưu đặt lại nền thống trị thực dân ở nước ta như cũ; không còn con đường nào khác, ngày 18 và ngày 19-12-1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và quyết định phát động *Toàn quốc kháng chiến* vào ngày 12-12-1946[1]. Trung ương Đảng đề ra những chủ trương và đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến được đồng chí Trường Chinh giải thích và phát triển rõ ràng trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi*.

Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:*

... "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!...

Chúng ta phải đứng lên!

...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.8, tr. 150.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta"[1].

Lời kêu gọi thiết tha, hùng tráng, đầy tin tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang vọng núi sông như là mệnh lệnh thiêng liêng của Tổ quốc giục giã toàn thể nhân dân Việt Nam với truyền thống quật cường từ ngàn đời đứng lên đánh giặc, cứu nước.

Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và theo đường lối kháng chiến do Trung ương Đảng vạch ra, nhân dân Bến Tre với thế trận toàn dân, toàn diện càng có thêm nghị lực và lòng tin tưởng đẩy mạnh kháng chiến để phối hợp với toàn quốc. Trong những tuần đầu phối hợp với nhân dân Thủ đô Hà Nội và các thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng,... đánh địch trong nội thành, các lực lượng vũ trang Bến Tre đã liên tục tấn công vào các đồn bốt, chặn đánh, bẻ gãy các cuộc hành quân của thực dân Pháp.

Ngày 23-1-1947 (tức ngày mùng 2 Tết Đinh Hợi), hai tiểu đoàn của Pháp có xe bọc thép yểm trợ chia làm hai cánh càn vào Thạnh Phú Đông và Tân Hào Đông. Chi đội 19 chặn đánh một cánh quân Pháp ở lộ Quẹo (Tân Hào), chia cắt đội hình của địch. Chiến sĩ Mic (người Đức) trong Tiểu đội Quốc tế đã xông lên chiếm xe tăng của địch, quay súng máy bắn vào đội hình của chúng. Kết quả, ta diệt gần hết một tiểu đoàn địch, thu 150 súng, có một trung liên 12,7mm, một súng PIAT chống tăng, phá hủy một xe bọc thép. Đây là một trận đánh mưu trí, dũng cảm, giành được thắng lợi lớn, bẻ gãy cuộc hành quân lấn chiếm của giặc. Với chiến công này, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Chiến công cho đồng chí Phạm Văn Lới và Mic (chiến sĩ người Đức).

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 480.

Trung đội 2, Chi đội 19 sau trận đánh ở Tân Hào, với súng chiến lợi phẩm thu được trang bị khá mạnh, quân số được bổ sung đã nhận lệnh tiêu diệt đồn Vàm Nước Trong (Định Thủy - Mỏ Cày). Chín giờ sáng 18-2-1947, đơn vị nổ súng tiến công địch, dùng hỏa lực áp đảo nhanh chóng xung phong đánh chiếm, diệt tại chỗ 31 tên, bắt sống ba tên, thu toàn bộ vũ khí.

Để phá kế hoạch bình định của địch, hỗ trợ địa phương xây dựng cơ sở, Chi đội 19 mở đợt hoạt động ở cù lao An Hóa. Đêm 15-3-1947, chi đội đã tiêu diệt đồn Tân Định do trung đội bảo an đóng giữ, phục kích diệt gọn một tiểu đội Hắc y của Lêông Lơroa, đánh thiệt hại nặng một đại đội lính Âu - Phi từ Mỹ Tho đến chi viện, bắn tên Lêông Lơroa bị thương.

Tuy diệt địch không nhiều, nhưng nhân dân An Hóa rất phấn khởi, vì đã diệt được hai tên Đội Trừ và Cai Phạm là hai tên khét tiếng ác ôn chỉ huy đội quân Hắc y. Sau đó, chi đội hỗ trợ cho du kích địa phương bức rút đồn Kiến Vàng (Phú Long), diệt đồn Thép Đôi (Thới Thuận), diệt nhiều tề, điệp, xây dựng cơ sở đưa phong trào đấu tranh của nhân dân ở An Hóa lên một bước mới.

Ngày 19-5-1947, hai trung đội của Chi đội 19 đã phục kích ở Phú Lễ chặn đánh quân Pháp từ Ba Tri càn vào Tân Xuân, diệt sáu xe, 132 tên, thu gần 100 súng.

Thực hiện chủ trương "kinh tế chiến", "giao thông chiến", quân và dân Bến Tre đã bao vây phong tỏa không cho lương thực, hàng hóa từ vùng tự do ra vùng địch, phá cầu đường, đắp cản, phục kích trên đường giao thông. Nhiều đoạn trên lộ 30, tỉnh lộ 26 Giồng Trôm - Bến Tre bị phá hỏng. Trên các đường giao thông thủy như sông Cái Chát nhỏ ở làng Thành Thới, vàm Tân Hương... nhân dân đã dựng chướng ngại vật,

đắp cản ngăn sông không cho tàu địch vào. Thực hiện khẩu hiệu "tiêu thổ kháng chiến", nhân dân phá những nhà tường kiên cố không cho quân Pháp lấy đóng đồn bốt. Các ban công tác và các đội vũ trang đã đột nhập vào tỉnh lỵ, quận lỵ chặn đánh những tốp lính bung ra cướp bóc khủng bố nhân dân, diệt ác trừ gian, phá hủy kho tàng làm cho địch phải tăng cường phòng thủ. Quân dân Bến Tre đã thực hiện đúng chỉ thị của Trung ương Đảng: không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ ra đánh Trung, Bắc. Việc hành binh phải tìm cách có ý thức uy hiếp Sài Gòn. Nhất là phá quân nhu, đạn dược ở Sài Gòn...[1]

Để thống nhất theo biên chế tổ chức của quân đội ta, đồng thời thực hiện Nghị quyết quân sự toàn quốc lần thứ ba (họp từ ngày 12 đến ngày 15-6-1947), Chi đội 19 được bổ sung quân số, trang bị và tăng cường cán bộ thành lập Trung đoàn 99 do đồng chí Đồng Văn Cống làm Trung đoàn trưởng, Đỗ Huy Rừa làm Trung đoàn phó và đồng chí Võ Văn Thời làm Chính trị viên[2].

Sau thành lập, Trung đoàn 99 đã phân tán lực lượng đứng chân ở các huyện đánh địch để bảo vệ địa bàn.

Với hơn một năm kháng chiến, đội ngũ cán bộ, đảng viên, dân quân du kích đã kiên trì, vững vàng có nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng được củng cố, phát triển. Tổ chức Công giáo kháng chiến, Cao Đài 12 phái thống nhất được gia nhập Mặt trận, các Hội mẹ chiến sĩ, Hội chị chiến sĩ được thành lập để chăm sóc bộ đội, chiến sĩ. Phong "trào hũ gạo nuôi quân" được phát động rộng rãi, mỗi bữa ăn các mẹ, các chị dành một nhúm gạo nuôi quân.

Tháng 3-1947, Tỉnh ủy đã cho mở trường cán bộ Việt Minh tỉnh Bến Tre tại Bần Mít thuộc làng Thạnh Phong (Thạnh Phú).

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.8, tr. 156.

2. Theo lời kể của đồng chí Đồng Văn Cống, quyết định thành lập trung đoàn từ ngày 16-6-1947, đến ngày 23-6-1947 mới biên chế tổ chức.

Đến cuối năm 1947, trường đã mở được ba lớp, đào tạo gần 200 cán bộ cho các ngành, đoàn thể, cốt cán cấp tỉnh, huyện.

Tháng 4-1947, Tỉnh ủy họp tại làng Phước Long, Châu Thành (nay thuộc huyện Giồng Trôm), đồng chí Nguyễn Thị Thập - đại diện cho Xứ ủy đến dự. Tỉnh ủy kiểm điểm lại quá trình lãnh đạo một năm đầu kháng chiến, đề ra chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào kháng chiến trong tỉnh lên một bước mới, phối hợp với chiến trường toàn quốc. Hội nghị bầu lại Tỉnh ủy, đồng chí Võ Văn Khánh được bầu làm Bí thư.

Sau cuộc tấn công lên Việt Bắc mùa đông năm 1947 bị thất bại thảm hại, thực dân Pháp phải chuyển từ chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" sang chiến lược lâu dài. Nền chính trị rối ren và nền kinh tế kiệt quệ của nước Pháp lúc này không thể cung ứng đủ để tiến hành một cuộc chiến tranh thuộc địa lâu dài, hao người, tốn của, bắt buộc chúng phải thực hiện chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", "dùng người Việt đánh người Việt".

Thực dân Pháp rút bớt quân ở chiến trường Bắc Bộ quay về bình định vùng tạm chiếm ở Nam Bộ, nơi cung cấp lực lượng dự trữ chủ yếu cho cuộc chiến tranh.

Đối với Bến Tre, là một tỉnh nằm trong địa bàn bản lề giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, thực dân Pháp sử dụng nhiều tiểu đoàn cơ động và các lực lượng vũ trang giáo phái phản động[1] mở các cuộc càn quét để tiến công mở rộng địa bàn chiếm đóng. Chúng ra sức củng cố ngụy quyền, phát triển ngụy quân, thực hiện chiến tranh tổng lực đốt sạch, cướp sạch, giết sạch nhằm triệt phá kinh tế của ta và vơ vét nhân lực, vật lực cho chiến tranh xâm lược của chúng.

1. Các lực lượng vũ trang của đạo Cao Đài Tây Ninh, đạo Thiên Chúa, đạo Hòa Hảo.

Sau khi lên làm Quận trưởng An Hóa, tên Lêông Lơroa lấy quận An Hóa làm thí điểm thực hiện âm mưu, thủ đoạn mới rất thâm độc và ác liệt để đàn áp, khủng bố, bắn giết nhân dân... Chúng bắt dân đắp một con đường xuyên qua rừng rộng 5m, dài 20km cặp theo sông Ba Lai từ giữa cù lao (từ xã Châu Hưng) đến biển. Hình thành hệ thống đồn tua liên hoàn nhau, đồn này cách đồn kia 4-5km. Tháng 6-1947, Lơroa xây dựng ba đại đội UMDC[1]. Đây là những đội biệt kích khét tiếng ác ôn, được huấn luyện kỹ, từ tập săn đuổi, chém giết, hành quân, chiếm đóng, càn quét đến đủ thủ đoạn nham hiểm: bắt gia đình có quan hệ với kháng chiến đi trước, lính đi kế, gia đình binh lính để theo cướp bóc lương thực tài sản của nhân dân. Nhân dân đặt tên đội quân UMDC là "uống máu dân chúng". Với thủ đoạn bình định đánh phá như trên, địch gây cho ta nhiều khó khăn trong mối quan hệ giữa nhân dân và cách mạng.

Đầu năm 1948, sau khi lấn chiếm An Hóa, địch tập trung quân lấn chiếm vùng tự do của ta ở cù lao Bảo.

Thực hiện kế hoạch De Latour (Đờ Latua)[2], thực dân Pháp lập ra một hệ thống đồn bốt dày đặc như mạng nhện, lấn chiếm đến đâu, địch xây dựng đồn bốt, tháp canh đến đó. Quân Pháp mở các cuộc hành quân càn quét, đánh vào các vùng căn cứ để tiêu diệt lực lượng cách mạng, chúng không từ một hành động dã man nào khi càn quét vào các xã, đốt phá, giết người, mổ bụng, chặt đầu, moi gan, chôn sống, quăng thây vào lửa...; gây ra nhiều vụ tàn sát đẫm máu ở Bến Tre. Điển hình như các vụ tàn sát ở Phước Thạnh (Châu Thành) giết 124 người, ở Hữu Định tàn sát

1. UMDC viết tắt của chữ "Unité Mobile de Defense Chrétien" - tức Đơn vị lưu động bảo vệ đạo Thiên Chúa. Theo tài liệu Địa dư quân sự của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, in năm 1959, tr. 118, cho biết: UMDC được thành lập từ tháng 10-1947 đến tháng 6-1951, số đơn vị này lên đến 80, đóng rải rác ở hai tỉnh Trà Vinh, Bến Tre, quân số lên đến 5.000 người.

2. De Latour là tên của một viên tướng Pháp.

94 người (tháng 1-1947). Giữa tháng 2-1947, tên Lêông Lơroa lấy được danh sách tự vệ của hai ấp Bình Thạnh và Bình Huề, xã Bình Đại, chúng đã bắt 80 tự vệ có tên trong danh sách, chặt đầu đựng bằng cần xé đem về chợ Bà Khoai, rồi thả xuống cầu Tàu (Bình Thới). Tại Cầu Hòa (Mỹ Thạnh, Tán Kế, nay thuộc xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm), ngày 19-12-1947, giặc Pháp giết 170 người, phần lớn là phụ nữ và trẻ em. Ở Rẫy Mới (xã Bình Hòa, Giồng Trôm), ngày 5-8-1948 chúng tàn sát 88 người. Ở cồn Thùng (Sóc Sãi), chúng tàn sát 160 người. Chúng bắn giết cả trâu, bò, đốt phá nhà cửa, lúa thóc, dùng máy bay ném bom và bắn phi pháo thiêu hủy cả chợ. Các chợ An Thới, Ba Vát, Bang Tra, Thạnh Phú đều bị đốt phá sạch.

Để đẩy mạnh phong trào kháng chiến, huy động sức mạnh của nhân dân vào sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, Tỉnh ủy đã phát động phong trào thi đua yêu nước rộng rãi trong tỉnh với khẩu hiệu "thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua".

Hưởng ứng chủ trương của Tỉnh ủy, các ngành, các giới, các đoàn thể đều tổ chức đại hội kiểm điểm thành tích đã đạt được và có biện pháp, kế hoạch huy động lực lượng vào trận tuyến chống giặc Pháp xâm lược, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

Một sinh khí phấn khởi thi đua bừng lên trong tỉnh. Lực lượng quân đội có phong trào luyện quân lập công, các đơn vị vũ trang tích cực luyện tập quân sự, đẩy mạnh tấn công vào các lực lượng cơ động của địch đi càn quét, vào hệ thống đồn bốt. Đại đội 883 của Trung đoàn 99 đã chặn đánh bẻ gãy cuộc càn của hai tiểu đoàn Pháp vào Châu Bình, Châu Hòa. Bộ đội huyện Mỏ Cày diệt đồn Ba Dự (Mỏ Cày). Biệt động đội và bộ đội huyện Chợ Lách diệt đồn Bác Vật Vinh, đồn Vanhxăng (Vincent, Chợ Lách). Kết hợp với hoạt động của lực lượng

vũ trang tỉnh, huyện, lực lượng dân quân du kích đã bao vây đồn bốt, bắn tỉa tiêu hao sinh lực địch và đánh phá thường xuyên các tuyến đường giao thông của địch. Các đội công an xung phong vào thị xã, thị trấn diệt ác ôn. Ngành công an đã phát động quần chúng phòng gian bảo mật, chống do thám, gián điệp. Chiến tranh nhân dân phát triển rộng khắp. Hàng ngàn thanh niên tình nguyện đầu quân, hàng vạn đồng bào phá hoại cầu đường, đắp mô, đào kênh, hàn sông, đắp cản như các cản vàm Tân Hương, sông Cái Chát nhỏ, vàm Cái Quao... Công nhân các công binh xưởng, thợ rèn sản xuất các loại vũ khí thô sơ, nông cụ phục vụ nông nghiệp.

Nhằm bảo đảm nhu cầu thiết yếu của cuộc kháng chiến, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, cuối năm 1948, chính quyền cách mạng đã tiến hành tịch thu đất đai của Việt gian và quản lý ruộng đất của địa chủ vắng mặt, cấp 5.000ha cho hơn 2.000 hộ nông dân không đất hoặc thiếu đất sản xuất. Nhân dân tin tưởng, phấn khởi, hăng hái phát triển sản xuất và đóng góp cho kháng chiến.

Nhiều vùng, đồng bào đã tập trung sản xuất lúa, các loại cây lương thực, trồng bông dệt vải không để đất hoang, bảo đảm tự túc về lương thực, vải mặc.

Hàng vạn nông dân, thanh niên, phụ nữ tham gia vào công tác đào kênh vừa làm thủy lợi, vừa mở giao thông "nội địa", tránh đi ngoài sông lớn dễ gặp tàu của địch thường xuyên tuần tra. Những con kênh đó cho đến nay vẫn còn phát huy tác dụng. Đó là kênh An Thới - An Định - An Thạnh, kênh Thành Thới - Khánh Thạnh Tân, kênh Tân Thanh Tây - Hưng Khánh Trung,... có con kênh mang tên "Phụ Nữ", bởi vì, lực lượng chính tham gia đào kênh này là chị em phụ nữ địa phương, kênh dài 10km nối từ xã Quới Điền (Thạnh Phú) đến xã Hương Mỹ (Mỏ Cày).

Về văn hóa, giáo dục, phong trào diệt dốt và công tác giáo dục tiểu học tiếp tục được mở rộng. Ty Giáo dục tỉnh được thành lập để quản lý việc giảng dạy bình dân học vụ và tiểu học. Trong vùng tự do, các trường tiểu học được duy trì, thu hút hàng ngàn con em của cán bộ, bộ đội và nhân dân theo học. Gần 80% người mù chữ được xóa mù. Đoàn Văn hóa kháng chiến Bến Tre được thành lập, tập hợp cán bộ có khả năng sáng tác thơ ca, nhạc kịch. Ty Thông tin thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn lưu động phục vụ quần chúng.

Ngành y tế xây dựng nhiều trạm xá, nhà vệ sinh, vận động nhân dân ăn chín, uống chín. Các y, bác sĩ đã nghiên cứu sản xuất nhiều loại thuốc trị bệnh cho nhân dân như thuốc trị sốt rét và các loại bệnh thông thường.

Các cấp ủy Đảng được kiện toàn từng bước theo hướng đi sâu vào lãnh đạo chiến tranh, nắm chắc lực lượng vũ trang, phát động quần chúng tham gia công tác kháng chiến. Từ phong trào thi đua ái quốc, Đảng tuyển lựa những quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng. Đến cuối năm 1949, số lượng đảng viên tăng lên 4.500 người.

Chấp hành sự chỉ đạo của trên, tháng 8-1948, Hội Liên Việt tỉnh Bến Tre được thành lập do ông Hoàng Nhữ Nam - một địa chủ tiến bộ ở Đại Điền (Thạnh Phú) làm Hội trưởng, đồng chí Nguyễn Nhơn Nghĩa làm Tổng thư ký, để tập hợp những nhân sĩ, trí thức, địa chủ yêu nước vì nhiều điều kiện khác nhau chưa tham gia vào công tác mặt trận. Hội đã tích cực vận động những người có tiền, của ủng hộ kháng chiến.

Tháng 1-1948, chính quyền cách mạng lấy xã An Hội 1, An Hội 2 thành lập thị xã Bến Tre. Hội nghị quân dân chính họp ngày 10-12-1948 quyết định giải thể huyện Tán Kế sáp nhập về Châu Thành và Ba Tri như cũ. Theo quyết định của

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tên gọi quận và làng từ đây được thống nhất gọi là huyện và xã.

Năm 1949, thực dân Pháp tiếp tục lấn chiếm vùng tự do của ta ở huyện Châu Thành (Lương Phú, Phước Long...) và các xã còn lại của huyện Ba Tri. Ngoài lực lượng Cộng hòa vệ binh, lính "thân binh", lính Công giáo, thực dân Pháp còn sử dụng lính Cao Đài, Hòa Hảo đóng đồn bốt. Chúng tăng cường bắt lính, đôn quân, xây dựng lực lượng, cướp bóc tài sản của nhân dân. Thâm độc hơn, địch tung do thám, gián điệp vào vùng tự do để nắm tình hình phục vụ cho đánh phá cơ sở cách mạng.

Lực lượng vũ trang tỉnh - Đại đội 885 đã tổ chức nhiều trận đánh địch ở vàm Thủ Cửu (Thạnh Phú Đông), ngã ba Sơn Đốc.

Ở An Hóa, năm 1948, Lêông Lơroa cho UMDC đóng đồn Nhà Thờ Kinh Điều, xã An Khánh, làm căn cứ tiền tiêu để lấn chiếm toàn quận An Hóa. Đồng chí Trần Xuân Vỹ phụ trách quân báo đã tổ chức được Đội Trình, Cai Thưa làm nội tuyến. Ta đánh chiếm đồn, vận động đồng bào Công. giáo thiêu hủy, san bằng đồn, thu trên 50 súng, có ba súng cối, hai súng FM, đồng chí Hạnh - trinh sát của ta hy sinh. Trận diệt đồn Nhà Thờ Kinh Điều có ý nghĩa lớn là dù UMDC hùng mạnh vẫn có thể đánh được; sĩ quan UMDC có thể vận động được; đồng bào Công giáo có tinh thần yêu nước sẵn sàng tham gia công tác cách mạng.

Trong thời gian này, tổ công tác của Huyện đội An Hóa do Bùi Chí Trung chỉ huy đã đột nhập vào chợ Bình Đại đốt cháy tàu Hêlen (Hélène) của địch, đoạt một súng đại bác 37mm và một số vũ khí, sau đó hóa trang kỳ tập diệt bốt Cồn Nghêu (Thừa Đức). Công an xung phong do đồng chí Thiều chỉ huy đã phục kích tại xã Quới Sơn, bắn tên Lêông Lơroa gãy chân. Tại thị trấn Bình Đại - nơi Lêông Lơroa đặt đại bản doanh, ta vận động được nhiều con em của địa chủ, con em của quan chức

trong bộ máy chính quyền địch rời gia đình tham gia kháng chiến (như trường hợp anh Nghĩa là con của Quận trưởng Dung, khi anh Nghĩa hy sinh được công nhận liệt sĩ).

Cuối năm 1949, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị mở rộng gồm đại biểu các đảng bộ địa phương, các ngành, các đơn vị vũ trang tại xã Minh Đức, có đồng chí Phạm Thái Bường, đại diện Khu ủy đến dự. Hội nghị đã kiểm điểm quá trình lãnh đạo kháng chiến của Đảng bộ, đề ra nhiều chủ trương nhằm đẩy phong trào kháng chiến lên một bước phát triển mạnh mẽ và toàn diện hơn, phá âm mưu lấn chiếm theo kiểu "vết dầu loang" của địch, giữ vững và xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt, tích cực đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

Hội nghị đã bầu lại Tỉnh ủy, đồng chí Trần Xuân Lê được cử làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Nhơn Nghĩa làm Phó Bí thư.

Trong thời gian này, Tỉnh ủy đã tổ chức các ban chuyên môn của Đảng như Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Ban Mặt trận, Ban Kiểm tra.

Thực hiện chỉ đạo của trên, Tỉnh ủy đã cử một số cán bộ chủ chốt của Đảng đi học Trường Trường Chinh Nam Bộ, học tập các đề tài mới do Trung ương Cục miền Nam biên soạn chuẩn bị cho việc tiến hành chỉnh huấn.

Trong hai năm 1949-1950, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy đã mở ba khóa huấn luyện cho cán bộ sơ cấp trong tỉnh.

Đầu năm 1950, thực dân Pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch bình định lấn chiếm Nam Bộ. Về quân sự, chúng chia Khu 8 thành ba chiến trường, tỉnh Bến Tre là chiến trường độc lập (Secteur autonome), thuộc chiến trường 3.

Trong khi địch đang ra sức bình định lấn chiếm vùng tự do tại Bến Tre thì lực lượng ta đã tạo được thắng lợi lớn trong vụ binh biến Mã Kim Sơn.

Mã Kim Sơn là một trung úy Hòa Hảo quê ở Cần Thơ được Pháp đưa về Châu Bình cùng với hơn 100 lính đóng giữ tám đồn, tua trong xã. Đồng chí Bùi Văn Đang (Bộ Đang), cán bộ quân báo của tỉnh đã tổ chức cho cô Lâm Thị Sẫm tiếp cận móc nối Mã Kim Sơn lập công với cách mạng. Đồng thời, ta cử người vào rước cô ruột của Mã Kim Sơn ở Cái Vồn đến Châu Bình để vận động Mã Kim Sơn đầu hàng. Qua cơ sở, ta đã trực tiếp gặp Mã Kim Sơn và bàn kế hoạch lấy đồn đưa Đại đội Hòa Hảo về với cách mạng.

Ngày 8-2-1950, đồng chí Nguyễn Văn Phán (Ba Phán), Huyện đội phó Ba Tri, giả làm một sĩ quan Pháp và 10 chiến sĩ ta cải trang làm lính quận xuống xã có Mã Kim Sơn đi cùng. Đúng 11 giờ, tiểu đội cải trang được Mã Kim Sơn dắt vào đồn Bàu Gốc. Sơn lệnh cho tên Thiếu úy Trưởng đồn Bàu Gốc tập hợp lính để điểm danh, bỏ súng tại đồn, giao đồn cho chi khu Giồng Trôm đóng giữ. Trong lúc bọn lính ra sắp hàng để điểm danh, lực lượng ta xông vào chiếm đồn.

Tiếp đó, lực lượng cách mạng lấy đồn Nhà Việc. Các chiến sĩ ta bắt trói đồng chí Võ Văn Trì (Ba Trì) - trinh sát Đại đội 883, giả làm cán bộ địa phương bị bắt dẫn vào đồn để nạp. Bọn lính tập trung lại để xông vào đánh đồng chí Trì. Lực lượng ta lợi dụng sơ hở, chiếm các vị trí có lợi, uy hiếp địch. Mã Kim Sơn kêu gọi binh lính đầu hàng hồi 16 giờ ngày 8-2-1950. Sau đó, Mã Kim Sơn dẫn lực lượng ta đi chiếm năm đồn khác trong xã: Sân Banh, Bầu Nhâm, Sáu Truyện, Nhà Thờ Bình Khương...

Như vậy, nội trong ngày 8-2-1950, bằng việc kết hợp binh vận với vũ trang, ta đã lấy được bảy đồn, làm thất bại một bước âm mưu của địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Để đáp ứng yêu cầu về quân sự cần tăng cường khối chủ lực, Trung đoàn 99 đã tập trung ba đại đội độc lập để thành

lập tiểu đoàn cơ động mang phiên hiệu Tiểu đoàn 310. Ngay sau ngày thành lập, Tiểu đoàn 310 cùng với chủ lực của Quân khu 8 tham gia chiến dịch Trà Vinh.

Sau chiến dịch Trà Vinh, tháng 5-1950, Bộ Chỉ huy Khu 8 và Tỉnh ủy Bến Tre mở hội nghị ở cù lao Minh, có số cán bộ tiểu đoàn chủ lực của Khu đang đứng chân ở Bến Tre tham dự. Hội nghị quyết định mở chiến dịch Bến Tre lấy vùng bắc Mỏ Cày trong phạm vi các xã: Tân Bình, Hưng Khánh Trung, Vĩnh Thành (Cái Mơn), Vĩnh Hòa, Tân Thanh Tây, Hòa Lộc, Nhuận Phú Tân và Đa Phước Hội nhằm phá kế hoạch lấn chiếm cù lao Minh của địch, giải phóng thêm một số vùng, giữ vững và củng cố căn cứ giải phóng của tỉnh.

Dự đoán khi chiến dịch mở ra, địch sẽ sử dụng các Tiểu đoàn cơ động 501, 502, lực lượng UMDC ứng cứu, ta diệt lực lượng này sẽ phá kế hoạch lấn chiếm của địch và mở rộng căn cứ du kích ở bắc Mỏ Cày.

Ban Chỉ huy chiến dịch gồm: đồng chí Nguyễn Đăng, Khu phó Khu 8, Chỉ huy trưởng; đồng chí Võ Văn Thời, Chính trị viên; hai Chỉ huy phó gồm đồng chí Đồng Văn Cống và đồng chí Bùi Sĩ Hùng.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: ba tiểu đoàn chủ lực (307, 308, 310), hai đại đội địa phương tỉnh, một đại đội địa phương huyện Mỏ Cày - Chợ Lách và lực lượng dân quân du kích xã, tỉnh huy động 1.000 dân công phục vụ chiến dịch.

Chiến dịch chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Khu vực Vĩnh Thành (Cái Mơn).

Giai đoạn 2: Khu vực các xã bắc Mỏ Cày.

Kế hoạch cụ thể đã giao cho các đơn vị. Thời gian mỗi giai đoạn từ 4 đến 5 ngày.

Đêm 3-7-1950, các đơn vị nổ súng. Tiểu đoàn 310 diệt đồn Lò Heo do một trung đội địch đóng giữ, Tiểu đoàn 307 nổ súng bao vây năm đồn; nhưng do sơ hở, ngày 4-7-1950, lính ở các bốt Hòa Khánh, Cây Da, Bà Thiết trốn chạy, ta chỉ bắt được một số tên. Ngày 5-7, binh lính đồn Ông Mèo ra đầu hàng. Tiểu đoàn 308 diệt đồn Bà Ươm, bức rút đồn Cầu Sắt (Cái Mơn).

Sáng 5-7-1950, một đại đội địch từ thị xã Bến Tre hành quân bằng tàu đổ lên Thạnh Ngãi đánh vào xã Vĩnh Hòa, Tiểu đoàn 310 chặn đánh diệt 20 tên, thu 10 súng, bọn sống sót bỏ chạy xuống tàu.

Ngày 7-7-1950, từ Mỹ Tho, địch dùng tàu đổ bộ Tiểu đoàn 1 BMEO[1] được máy bay, pháo chi viện giải tỏa cho Vĩnh Thành. Chúng lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 308. Sau một giờ chiến đấu ác liệt, ta đánh lui nhiều đợt xung phong, đánh bật chúng ra đồng, diệt 50 tên, thu 44 súng (có 3 trung liên), 2 máy vô tuyến điện và nhiều quân trang, quân dụng; 16 giờ cùng ngày ta lùi quân, quân viện của địch đã vào được Cái Mơn.

Bộ đội địa phương và dân quân vẫn tiếp tục bao vây các đồn tua trong khu vực chiến dịch. Lúc 16 giờ ngày 19-7, một tiểu đoàn địch từ Mỏ Cày hành quân theo vườn và băng đồng vào giải tỏa đồn Giồng Keo lọt vào trận địa phục kích của một đại đội thuộc Tiểu đoàn 307. Ta nổ súng, địch tháo chạy trong khi đội hình chưa khép được vòng vây, ta chỉ diệt 30 tên, số còn lại vào được Giồng Keo. Sau trận này, Tiểu đoàn 307 chuyển lên đứng chân ở phía bắc rạch Mỏ Cày - Giồng Keo sẵn sàng đánh địch. Ngày 21-7, địch đưa một tiểu đoàn có xe lội nước và pháo binh yểm trợ tiến đánh phía bờ nam rạch Mỏ Cày - Giồng Keo vào Giồng Keo và cuốn đồn rút chạy, Tiểu đoàn 307 không thực hiện được trận đánh.

1. BMEO: viết tắt của chữ "Bataillon de Marche en Extrême Orient" - Tiểu đoàn bộ binh ở Viễn Đông.

Chiến dịch Bến Tre kết thúc vào cuối tháng 7-1950, ta chỉ diệt bốn đồn tua, bức rút năm đồn, giải phóng một xã, chưa đánh được quân cơ động, do ta phán đoán đường địch đi viện chưa đúng và thiếu trận đánh chốt nên thắng lợi còn hạn chế.

Sau chiến dịch Bến Tre, Tiểu đoàn 307 về đứng chân ở các xã nam Mỏ Cày để tổng kết và bổ sung quân.

Trung tuần tháng 8-1950, Tiểu khu Bến Tre của địch thực hiện ý đồ lấn chiếm cù lao Minh. Chúng dùng tàu theo sông Hàm Luông chở một tiểu đoàn hỗn hợp quân UMDC do Lêông Lơroa chỉ huy đổ lên hai xã Tân Trung, Minh Đức.

Tiểu đoàn 307[1] đang ở xã Minh Đức, cách vàm Tân Hương 1,5km. Ý định của Tiểu đoàn là phải tiêu diệt gọn quân địch, Ban Chỉ huy cho hai tổ trinh sát bám địch, đồng thời, cho bộ đội bí mật hành quân ra hướng vàm Tân Hương triển khai chuẩn bị chiến đấu. Địch cũng chia làm ba mũi hành quân: một mũi từ vàm Tân Hương vào, hai mũi từ xã Tân Trung theo trục lộ Giồng Cui xuống đập Tân Hương.

Khi cả đội hình địch lọt vào trận địa phục kích, toàn đơn vị đồng loạt nổ súng. Sau 30 phút chiến đấu, ta diệt và bắt sống gần 200 tên, thu 70 súng (có 9 trung liên). Trận Tân Hương là một trận phục kích vận động tiến công có hiệu suất chiến đấu cao, đã diệt gọn hai đại đội địch, gây ảnh hưởng tốt đối với vùng giải phóng cù lao Minh. Sau trận này, khí thế cách mạng lên rất cao, có hơn 200 thanh niên tình nguyện nhập ngũ vào Tiểu đoàn 307.

Cuối tháng 10-1950, theo chủ trương của Hội nghị quân sự Nam Bộ (tháng 4-1950), Bến Tre nằm trong Phân liên khu miền Tây, Tiểu đoàn 310 và một bộ phận của Trung đoàn 99

1. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 307 gồm: Nguyễn Văn Tiên, Tiểu đoàn trưởng kiêm Chính trị viên; hai Tiểu đoàn phó là: Đỗ Văn Giọng và Vũ Đình Thông.

được rút lên xây dựng Trung đoàn Cửu Long của Phân liên khu. Bộ phận còn lại của Trung đoàn 99 trở thành bộ đội địa phương đặt dưới sự chỉ đạo của Tỉnh đội. Lúc này, lực lượng vũ trang Bến Tre gồm có: An Hóa: một trung đội và ba đội vũ trang tuyên truyền, Ba Tri: một đại đội mạnh (bốn trung đội), huyện Châu Thành: một đại đội, Chợ Lách và Mỏ Cày: một đại đội, huyện Sóc Sãi: một trung đội, Thạnh Phú: một trung đội phòng thủ của công binh xưởng không có bộ đội địa phương, tỉnh có một đại đội cơ động[1]. Lực lượng vũ trang của ta bị dàn mỏng, chưa kịp củng cố bổ sung, trong khi đó địch tích cực chuẩn bị lực lượng lấn chiếm vùng giải phóng của tỉnh ở cù lao Minh. Cuộc kháng chiến của nhân dân Bến Tre lại phải đứng trước một thử thách hết sức gay gắt.

II- KHÔI PHỤC PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN TỪ MỘT TỈNH HOÀN TOÀN BỊ CHIẾM ĐÓNG, VÙNG LÊN MẠNH MẼ PHỐI HỢP CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953-1954, GIÀNH THẮNG LỢI QUYẾT ĐỊNH (1951 – 7-1954)

1. Những năm tháng khó khăn, thử thách

Sau chiến thắng vang dội của chiến dịch biên giới Thu - Đông năm 1950, tiêu diệt gọn hai binh đoàn cơ động Âu - Phi tinh nhuệ của địch, đập tan phòng tuyến ngăn chặn của chúng ở biên giới Việt - Trung, mở thông con đường liên lạc giữa vùng tự do Việt Bắc với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã chuyển sang thế tiến công chiến lược, hoàn toàn giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ. Thực dân Pháp phải chuyển sang phòng ngự chiến lược và thấy trước con

1. Nhận xét và bố trí lực lượng (Trích báo cáo của Thanh tra Nam Bộ tháng 10-1950), tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử quân sự - Bộ Quốc phòng.

đường thất bại của cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Tuy nhiên, chúng còn hy vọng vào viện trợ quân sự của đế quốc Mỹ để kéo dài chiến tranh, cố bám lấy quyền lợi thực dân cũ của chúng ở Đông Dương. Để kéo dài chiến tranh trong thế phải phòng ngự chiến lược, chúng càng phải quay về càn quét, bình định hòng giữ vững vùng tạm chiếm, nhất là chiến trường Nam Bộ đông dân, nhiều của, giành giật quyết liệt nguồn nhân lực, vật lực với ta, thực hiện chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Nắm được tình hình sau chiến dịch Bến Tre, lực lượng Trung đoàn 99 của ta đã rút lên tập trung xây dựng chủ lực của Phân liên khu, địch tập trung lực lượng đánh chiếm cù lao Minh[1].

Ngày 18-10-1950, thực dân Pháp dùng tàu theo sông Hàm Luông đổ khoảng ba tiểu đoàn hỗn hợp UMDC, bảo an, Cao Đài, Hòa Hảo ồ ạt tấn công chiếm đóng bốn xã: Minh Đức, Cẩm Sơn, Hương Mỹ và Tân Trung (Mỏ Cày), cắt ngang cù lao Minh giữa hai huyện Mỏ Cày và Thạnh Phú. Sau đó, chúng nhanh chóng phát triển chiếm đóng theo kiểu "vết dầu loang" hết huyện Mỏ Cày và Chợ Lách.

Cuối tháng 11-1950, địch đã đóng 50 đồn tua ở nam Mỏ Cày, có xã như Thành Thới 12 ấp, chúng đóng 28 đồn tua. Cuối năm 1950, thực dân Pháp đã lấn chiếm xong huyện Mỏ Cày.

Đến tháng 2-1951, chúng bắt đầu lấn chiếm huyện Thạnh Phú và đến tháng 7-1951, biến Bến Tre từ một tỉnh có vùng giải phóng rộng thành một tỉnh hoàn toàn bị tạm chiếm, với hệ thống đồn bốt dày đặc như mạng nhện, toàn tỉnh có tới 1.036 đồn bốt và tháp canh[2]. Chiếm đóng đến đâu, giặc thẳng tay bắn giết, hãm hiếp, cướp bóc, đốt phá đến đó. Chúng giở những

1. Ngoài quân bảo an và Hòa Hảo, trên chiến trường Bến Tre địch bố trí hai tiểu đoàn.

2. An Hóa: 66 đồn, cù lao Bảo: 484 đồn, cù lao Minh: 486 đồn.

thủ đoạn khủng bố man rợ: cắt lưỡi, mổ bụng, moi gan, chặt đầu, bêu thây giữa chợ.

Song song với đóng đồn bốt, địch đã nhanh chóng thiết lập bộ máy kìm kẹp đến tận xã, ấp; tổ chức do thám gián điệp, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tuyên truyền cho viện trợ của Mỹ, dụ hàng, bắt thanh niên đi lính. Chúng đã gây cho phong trào kháng chiến Bến Tre tổn thất to lớn. Hầu hết đảng viên, cán bộ ở cơ sở bị đánh bật ra khỏi địa phương, dạt sang huyện khác hoặc tỉnh bạn. Cơ sở quần chúng bị xáo trộn, cơ quan tỉnh ủy, huyện ủy và các đơn vị vệ quốc đoàn rút về căn cứ rừng Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại, bị địch bao vây phong tỏa, liên tiếp mở các cuộc càn quét và đánh phá bằng phi, pháo. Hệ thống liên lạc giữa các cấp bị gián đoạn. Đời sống khó khăn, thiếu thốn lương thực, thuốc men... Cuộc kháng chiến của nhân dân Bến Tre bước vào thời kỳ vô cùng khó khăn, gian khổ.

Trong tình hình đánh phá ác liệt của thực dân Pháp, do chưa có kế hoạch và biện pháp đối phó nên thời gian đầu có tình trạng chạy xà đùa[1], nhưng sau đó, đã có chủ trương kịp thời ổn định tình hình, ổn định tinh thần tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, sắp xếp lại tổ chức, giản chính tinh gọn lại bộ máy tổ chức ở các huyện, xã, các cơ quan tỉnh. Đồng thời với tiến hành giản chính, tỉnh đưa một số cán bộ cao tuổi, không đủ điều kiện để bám vào hoạt động trong vùng tạm chiếm, trong dân, một số thanh niên, gia đình cán bộ,... vào vùng giải phóng của các tỉnh miền Tây tiếp tục tham gia kháng chiến. Tuyển chọn lại số đảng viên có đủ điều kiện bám vào vùng tạm chiếm, vào trong dân, sắp xếp lại tổ chức ở các xã. Tỉnh ủy mạnh dạn chủ trương đối với số chưa bị lộ bám lại tại chỗ, bám chặt nhân dân, làm nòng cốt lãnh đạo phong trào quần chúng đấu tranh với địch. Số có điều kiện sức khỏe, trung kiên, tích cực nhưng bị lộ được học tập, củng cố, sắp xếp

1. Chạy tán loạn không theo trật tự nào *(BT)*.

lại thành những chi bộ bí mật, tạo điều kiện để bám về địa phương, vào vùng địch chiếm hoạt động.

Tỉnh ủy kiểm điểm đánh giá tình hình, xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt là phải ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang, nhận rõ những thắng lợi của cách mạng cả nước đã giành được, thực dân Pháp từ chỗ tiến công để mở rộng chiếm đóng phải chuyển sang phòng ngự, co về củng cố vùng chúng tạm chiếm. Thực dân Pháp và tay sai ở Bến Tre tuy mạnh hơn ta về binh lực nhưng đó chỉ là tạm thời. Nhân dân được Đảng lãnh đạo, giáo dục sẽ càng căm thù chúng và nhất định vùng lên tiếp tục kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Nếu đảng viên được củng cố, vững vàng bám dân, phong trào kháng chiến sẽ được khôi phục. Tỉnh ủy kêu gọi toàn Đảng bộ phải vững vàng trước tình hình khó khăn, phải vượt qua để trở về bám đất, bám dân, tổ chức lãnh đạo nhân dân, kiên quyết chống địch, làm thất bại âm mưu cướp người, cướp của.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Tỉnh ủy tiến hành một loạt công tác ổn định và sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với hoàn cảnh mới theo khẩu hiệu "chi bộ ly xã trở về xã". Việc trước hết là lựa chọn những đảng viên trung kiên tích cực, xông xáo, dũng cảm hình thành lại tổ chức chi bộ đảng để đưa về bám địa phương. Nơi nào còn từ 3 đến 5 đảng viên thì lập lại chi bộ xã, ở các xã chỉ còn 1 đến 2 đảng viên thì họp hai, ba xã gần nhau thành lập chi bộ ghép. Nhiều đảng viên trong lực lượng vũ trang là cán bộ tiểu đoàn, đại đội, trung đội đã được đưa về tăng cường cho các chi bộ. Các tỉnh ủy viên và huyện ủy viên phân công nhau mở những lớp huấn luyện ngắn ngày cho đảng viên, cán bộ nắm những quan điểm cơ bản về tình hình và nhiệm vụ kháng chiến, về năm bước công tác vận động quần chúng, về nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và khí tiết người đảng viên, về công tác bí mật, để mỗi đảng

viên có đủ bản lĩnh và khả năng độc lập công tác khi trở về địa phương hoạt động. Những cán bộ, đảng viên không có điều kiện bám địa phương thì được chuyển về vùng giải phóng Khu 9 phân công công tác khác. Cơ quan Tỉnh ủy, chính quyền và Mặt trận được tổ chức lại thật tinh gọn.

Tỉnh ủy phân công các tỉnh ủy viên xuống các huyện trực tiếp làm bí thư huyện ủy. Cơ quan của huyện cũng được sắp xếp gọn nhẹ. Các huyện ủy viên được phân công xuống bám địa phương, trực tiếp phụ trách một số xã. Địa bàn một số huyện được sắp xếp lại: huyện Chợ Lách sáp nhập vào huyện Mỏ Cày, một số xã của An Hóa được nhập vào huyện Sóc Sãi[1]. Tỉnh ủy cũng thành lập ban cán sự thị xã để chỉ đạo công tác khôi phục cơ sở và phong trào đấu tranh ở thị xã. Các cơ sở công binh xưởng và các hồ sơ lưu trữ quan trọng cũng được chuyển về vùng giải phóng của Khu 9.

Các đại đội Vệ quốc đoàn được kịp thời củng cố, có nhiệm vụ canh gác, phòng gian bảo mật và chiến đấu bảo vệ căn cứ của tỉnh ở rừng Thạnh Phú, đồng thời, đưa một số cán bộ, chiến sĩ tăng cường về các xã để hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích ở các xã và xung quanh căn cứ. Các lực lượng vũ trang của huyện được tổ chức thành các đội vũ trang tuyên truyền, tham gia công tác, gây dựng cơ sở quần chúng, phát động phong trào đấu tranh dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy.

Như vậy, toàn bộ lực lượng của Đảng bộ được triển khai trên mặt trận giành dân với địch tới tận cơ sở xã. Trở về bám đất, bám dân là khẩu hiệu hành động, là quyết tâm sắt đá của mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, cũng như toàn Đảng bộ.

Trong gần sáu tháng đầu năm 1951, vừa ổn định tư tưởng, xây dựng quyết tâm vừa chỉnh đốn tổ chức, Đảng bộ Bến Tre

1. Gồm 11 xã phía trên đường số 6 và kênh Giao Hòa.

lao vào cuộc chiến đấu vô cùng khó khăn, gian khổ, đầy thử thách, hy sinh. Trở về bám địa phương, bám dân là một cuộc chiến đấu thầm lặng của từng người, từng tổ 2 đến 3 đảng viên, lấy tinh thần tự lực tự cường để đấu trí với địch, lấy khí tiết trung kiên, bất khuất để đè bẹp uy vũ tàn bạo của kẻ thù. Cán bộ, đảng viên phải len lỏi vượt qua mạng lưới đồn bốt dày đặc, mạng lưới gián điệp, chỉ điểm và các ổ phục kích của địch; phải ăn bờ, ngủ bụi, chịu đựng đói khát, phó thác thân mình cho mưa nắng, muỗi mòng. Các đồng chí ở Châu Thành, Sóc Sãi, Mỏ Cày phải ăn, ở trên ngọn dừa, ban ngày bám lùm bụi, đến đêm khuya mới vào xóm, ấp hoạt động. Các đồng chí hoạt động ở thị xã ban ngày phải bám cồn hoang ở giữa sông Hàm Luông, đêm đêm lội qua sông để vào thôn xóm, bắt liên lạc với từng cơ sở. Các đồng chí ở Thạnh Phú trên đường công tác gặp bão, ghe bị chìm, phải ôm cột đáy ngâm mình trong nước mặn mấy ngày liền, chịu đói, chịu khát.

Cuộc tiến quân trở về bám đất, bám dân của Đảng bộ Bến Tre đã trả một giá rất đắt, trên 600 cán bộ, đảng viên dũng cảm của Đảng đã ngã xuống, nhưng Đảng bộ vẫn không chùn bước. Chi bộ này bị địch đánh phá, chi bộ khác lại được tổ chức[1], cấp ủy viên này hy sinh, lại có đồng chí khác sẵn sàng thay thế, nối tiếp nhau trở về, thực hiện bằng được quyết tâm của Đảng bộ. Trong đấu tranh ác liệt chống kẻ thù, nhiều cán bộ, đảng viên đã nêu cao tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất.

Đồng chí Lê Hoài Đôn - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đoàn phụ trách vùng C (gồm các huyện Mỏ Cày, Chợ Lách, Sóc Sãi) đã hy sinh trong một chuyến công tác tại đồng An Quy. Bị địch bắt tra khảo, mổ bụng, trước khi chết, anh đã hô to:

1. Chi bộ các xã Tân Thành Bình, Tân Thanh Tây (Mỏ Cày), Sơn Hòa (Sóc Sãi), Hiệp Hưng (Giồng Trôm),... bị địch đánh phá nhiều lần mới bám rễ được trong quần chúng.

- Việt Nam độc lập muôn năm!

- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!

- Hồ Chí Minh muôn năm!

Đồng chí Nguyễn Văn Dậu, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch huyện Sóc Sãi bị giặc bắt tra tấn tàn nhẫn rồi đem mổ bụng. Trước hành động dã man của địch, đồng chí vẫn hô hào đồng chí, đồng bào tiếp tục kháng chiến và lớn tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm!". Đồng chí Nguyễn Thanh Trà, Tỉnh ủy viên, không may sa vào tay giặc, chúng đem về Bến Tre, tên Lơroa đích thân dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, đồng chí đã tự mổ bụng lấy máu viết lên tường khẩu hiệu "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Việt Nam độc lập muôn năm!". Địch vội vàng băng bó vết thương nhưng đồng chí đã bứt băng, móc ruột ra mà chết.

Đồng chí Phạm Văn Lấn, Bí thư Chi bộ Sơn Hòa (Sóc Sãi) bị giặc phát hiện, bao chặt hầm bí mật, đồng chí hủy tất cả tài liệu không để rơi vào tay giặc, sau đó, rút nhíp lựu đạn tự sát, nhưng lựu đạn không nổ, đồng chí lấy dao "con chó" mang theo bên mình mổ bụng cắt ruột để tự sát. Sự hy sinh anh dũng của đồng chí đã làm cho binh sĩ ngụy run sợ và kính phục.

Đồng chí Đỗ Quang Phát, Bí thư Chi bộ xã Thạnh Phú Đông bị bọn lính bắt, đã lừa địch về nhà để lấy súng rồi bất ngờ dùng mác chém chết tên đội. Bọn lính đã bắn chết đồng chí.

Một tiểu đội vũ trang tuyên truyền huyện Sóc Sãi khi vượt sông trở về địa phương bị tàu giặc phát hiện. Chúng truy theo dồn các đồng chí vào đầu cồn Dơi. Trong tình thế bất lợi, nhưng các đồng chí vẫn giữ đội hình, chiến đấu với kẻ thù đến người cuối cùng và viên đạn cuối cùng.

Đồng chí Hai Thép, Bí thư Chi bộ xã Phú Túc bị bọn lính bao vây chặt trong hầm bí mật, đồng chí đã xông lên ném hai

trái lựu đạn vào quân địch, còn trái cuối cùng, đồng chí đã ôm chặt vào bụng cho nổ.

Sự hy sinh anh dũng của đồng chí Hai Thép làm cho binh lính địch phải khiếp sợ và tôn sùng "sống anh dũng, chết làm thần".

Ở các vùng căn cứ, thực dân Pháp quyết tâm thực hiện mọi biện pháp tàn bạo hòng tiêu diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến, bao vây phong tỏa, triệt đường tiếp tế, thả chất độc vào nguồn nước ngọt, liên tiếp mở các cuộc càn quét, đánh phá bằng phi, pháo. Nhưng cán bộ, đảng viên và bộ đội ta vẫn giữ vững tinh thần lạc quan tin tưởng, kiên cường chịu đựng, vượt mọi gian nan thử thách, lấy gốc cây làm nhà, ăn dừa nước thay cơm, lặn lội trong rừng nước mặn, muỗi mòng, bền bỉ bám đất, bảo vệ an toàn cơ quan lãnh đạo.

Những phẩm chất cao đẹp của cán bộ, đảng viên, bộ đội càng làm cho nhân dân yêu thương đùm bọc, không quản ngại nguy hiểm đến tính mạng của mình. Hằng ngày, nhân dân lo canh gác, kịp thời báo tin tức, tình hình của địch, chắt chiu lo từng lít gạo, hũ nước, thuốc men, ủng hộ cán bộ, bộ đội.

Bị địch kiểm soát, khống chế gắt gao, nhân dân vẫn tìm trăm phương ngàn kế vượt mọi khó khăn nguy hiểm, lợi dụng những lần đi rừng, đi biển để tiếp tế lương thực, thuốc men cho căn cứ.

Nhân dân đào hầm bí mật trong nhà, ngoài vườn, hết lòng che chở, nuôi dưỡng cán bộ trở về ấp, xã nắm tình hình địch, canh gác, báo tin, liên lạc dẫn đường, chuyển tài liệu, tạo mọi điều kiện để cán bộ hoạt động.

Kể sao cho hết tấm lòng kiên trung một lòng một dạ với Đảng, với kháng chiến của người dân Bến Tre. Địch muốn tiêu diệt Đảng, tiêu diệt phong trào kháng chiến, nhưng Đảng vẫn tồn tại trong quần chúng.

Nhờ sự kiên cường bám trụ của cán bộ, đảng viên và sự che chở, đùm bọc của quần chúng, phong trào cách mạng nhanh chóng được phục hồi. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhiều chi bộ đã bám được xã, ấp, làm nòng cốt phát động cho phong trào đấu tranh của quần chúng, các tổ Mặt trận, Phụ nữ, Nông dân,... được xây dựng. Nhân dân đã nổi dậy đấu tranh từ hình thức thấp đến hình thức cao, chống bắt xâu, bắt lính, phá thế kìm kẹp của địch. Những vụ trừ gian diệt tề, cảnh cáo bọn ác ôn liên tiếp xuất hiện ở các huyện. Dân quân du kích đã có những trận đánh bọn lính đi tuần tiễu, chống càn quét chung quanh vùng căn cứ có kết quả. Từ tháng 10 đến tháng 12-1951, toàn tỉnh có 24 lần hoạt động vũ trang, 12 lần trừ gian, trong đó có các trận đánh của lực lượng đặc công huyện Mỏ Cày diệt bốt Gia Khánh (Hưng Khánh Trung), bốt cầu Rạch Bần (Thành Thới).

Sau khi địch lấn chiếm cù lao Minh, đánh phá vùng căn cứ cách mạng ở rừng Thạnh Phú, các cơ quan Tỉnh ủy, Tỉnh đội, Công an tỉnh dời về vùng căn cứ ở rừng Thừa Đức (Bình Đại).

Trong lúc phong trào kháng chiến Bến Tre gặp nhiều khó khăn, Trung ương Cục miền Nam luôn quan tâm theo dõi, tăng cường chỉ đạo, chi viện mọi mặt, giúp Đảng bộ Bến Tre khôi phục phong trào. Tháng 9-1952, Trung ương Cục cử đồng chí Phạm Thái Bường về trực tiếp chỉ đạo phong trào[1] và cử nhiều cán bộ có năng lực về bổ sung cho bộ máy lãnh đạo cấp tỉnh[2].

1. Đồng chí Phạm Thái Bường, phái viên Trung ương Cục phụ trách Vĩnh - Trà - Bến.

2. Đồng chí Đỗ Phát Quang, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh; đồng chí Đồng Văn Cống, Tỉnh đội trưởng; đồng chí Dương Tự Cẩm, Chính trị viên Tỉnh đội; đồng chí Võ Tấn Nhứt, Tỉnh đội phó; đồng chí Nguyễn Tấn Diệp, Tỉnh đội phó; đồng chí Nguyễn Văn Yên, Trưởng Ty Công an.

Ngày 24-9-1952, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị liên huyện Mỏ Cày và Sóc Sãi tại Dừa Đỏ, huyện Châu Thành (Vĩnh - Trà) do đồng chí Trần Xuân Lê - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì, có đồng chí Phạm Thái Bường - phái viên Trung ương Cục dự. Hội nghị đã biểu dương tinh thần dũng cảm hy sinh, trung với Đảng, hiếu với dân của cán bộ, đảng viên đã vượt mọi khó khăn nguy hiểm, kiên trì bám đất, bám dân, gây dựng cơ sở, phát động phong trào. Đồng thời, hội nghị cũng phê phán những biểu hiện của tư tưởng anh hùng cá nhân, phiêu lưu mạo hiểm, chủ quan khinh địch, không thấu suốt phương châm công tác vùng tạm chiếm của nhiều đồng chí. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chính trong thời gian tới là tích cực bám dân, xây dựng và phát triển cơ sở quần chúng, đẩy mạnh công tác địch - ngụy vận, ra sức giành người, giành của với địch, bảo vệ cán bộ, từng bước đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến lên.

Để làm quán triệt hơn nữa nhiệm vụ của toàn Đảng bộ và phương châm công tác vùng tạm chiếm của Trung ương Đảng, ngày 7-1-1953, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng tại vùng căn cứ Thừa Đức (Bình Đại). Hội nghị đã bàn sâu sắc các công tác dân vận, địch - ngụy vận, phong trào du kích chiến tranh, đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền, phá hoại âm mưu cướp người, cướp của của địch, đưa phong trào kháng chiến tiến lên từng bước vững chắc, chuẩn bị "đón thời cơ mới" theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục. Hội nghị đã bầu lại Tỉnh ủy[1], đồng chí Đỗ Phát Quang được bầu làm Bí thư thay cho đồng chí Trần Xuân Lê.

Được các nghị quyết của Đảng soi sáng, đồng thời do những chiến thắng trên chiến trường toàn quốc tác động và sự thay đổi lực lượng của địch ở địa phương, lực lượng kháng chiến có thêm điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi để phát triển mạnh mẽ.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 27 đồng chí.

Sau thất bại trong chiến dịch Hòa Bình (đầu năm 1952) tiếp đến thất bại trong chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952), thực dân Pháp phải rút quân ở các chiến trường để lập phòng tuyến giữ đồng bằng Bắc Bộ và tăng cường các binh đoàn cơ động để đối phó với khối chủ lực cơ động chiến lược của ta ở chiến trường bắc Đông Dương. Ở Bến Tre, chúng đưa Nguyễn Thi Giỏi về làm Tỉnh trưởng thay cho Lơroa, tổ chức lực lượng bảo an làm nhiệm vụ ứng cứu hệ thống đồn bốt, rút bớt đồn bốt[1] để tập trung quân xây dựng hai tiểu đoàn cơ động trong tỉnh. Lúc này, lực lượng UMDC được sáp nhập vào quân đội của chính quyền bù nhìn Bảo Đại (tháng 11-1952), một số binh sĩ UMDC bất mãn rời bỏ hàng ngũ, số còn lại tham gia quân đội của Bảo Đại. Do đó, ta càng có điều kiện để mở rộng chỗ đứng chân, xây dựng lực lượng đẩy mạnh phong trào.

Từ giữa năm 1952 đến cuối năm 1953, có thêm nhiều chi bộ bám được xã, ấp. Hàng trăm cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể đã trở về địa phương. Nhiều đội vũ trang tuyên truyền, nhiều đội du kích đã đứng vững trong vùng tạm chiếm. Cơ sở chính trị được củng cố và mở rộng. Đến tháng 7-1952, số hội viên trong các tổ chức quần chúng lên tới 48.405 người trong 84 xã. Một số chức sắc các tôn giáo và đông đảo tín đồ liên lạc với kháng chiến, xin tham gia các tổ chức cách mạng. Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh, huyện, xã được sắp xếp ổn định. Các huyện ủy đều đứng vững tại địa phương mình. Hệ thống liên lạc được tổ chức thông suốt giữa các địa phương. Lực lượng vũ trang cách mạng được phát triển tương đối đều, lực lượng đặc công tỉnh, huyện được tổ chức.

Song song đó, chính quyền động viên nhân dân khai phá đất hoang, phục hồi sản xuất nông nghiệp. Vụ mùa năm 1953-1954 gặp thiên tai, nắng hạn, trâu bò chết nhiều, nhưng nhờ sự nỗ

1. Ba tháng (9, 10, 11-1952) địch rút 120 đồn.

lực của nhân dân nên diện tích sản xuất tăng lên như ở An Hóa tăng lên 700 mẫu; ở Ba Tri, Thạnh Phú, đồng bào khai phá thêm đất hoang để làm ruộng, trồng tỉa. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển vì địch ít càn quét, cướp bóc như trước.

Tiểu thủ công nghiệp được khôi phục. Các nhà máy xay xát lúa, cơ sở dệt chiếu, làm bánh kẹo, làm tương,... được mở ra để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân[1].

Các cơ quan và đơn vị bộ đội ở vùng căn cứ tăng gia sản xuất (bắt nghêu, tôm, cá...), cải thiện đời sống cho nhân viên và chiến sĩ.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, các đội vũ trang tuyên truyền đã len lỏi vào các vùng yếu, vùng tạm chiếm để tuyên truyền vận động nhân dân. Mặt trận Liên Việt phát hành tờ báo *Cứu quốc*, Ty Thông tin ra tờ *Thông tin* lưu hành trong vùng tự do và cả trong vùng tạm chiếm nhằm cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân và phục vụ công tác địch - ngụy vận.

Về y tế, hệ thống quân dân y được tổ chức từ tỉnh đến cấp huyện và các đơn vị chiến đấu. Ở các lõm giải phóng, các ban y tế xã được thành lập để chăm sóc sức khỏe nhân dân. Được sự cho phép của Phòng Quân dân y thuộc Phân liên khu miền Tây, y tế Bến Tre đã sản xuất loại thuốc bổ Philatốp (Filatov). Phương châm sử dụng thuốc nam kết hợp tây y trong điều trị bệnh được phổ biến và áp dụng rộng rãi trong nhân dân.

Cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết liệt đòi hỏi phải nâng cao chất lượng lãnh đạo. Ngày 29-12-1951, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị *về cuộc vận động chấn*

1. Theo Báo cáo tình hình địch và ta trong 6 tháng đầu năm 1953 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bến Tre ngày 4-7-1953, tr. 11, cho biết: Ba Tri phát triển hai đò máy, một máy xay; ở Sóc Sãi có một máy xay, Châu Thành năm xã tăng dệt chiếu và lập lò dừa.

chỉnh Đảng, sau đó, Ban Tổ chức Trung ương đề ra kế hoạch chấn chỉnh Đảng gồm hai nội dung: vừa chỉnh huấn cán bộ các cấp, vừa chỉnh đốn các chi bộ. Tháng 4-1952, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định lấy chỉnh huấn Đảng làm công tác trọng tâm trước mắt của toàn Đảng trong giai đoạn này. Mục đích của chỉnh huấn Đảng lần này là nâng cao tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên và cán bộ, làm cho cán bộ, đảng viên theo đúng quan điểm và lập trường vô sản[1].

Tỉnh ủy đã cử cán bộ đi dự các lớp chỉnh huấn Đảng do Trung ương Cục mở (Trường Trường Chinh). Sau đợt học, các đồng chí trở về, chỉ đạo và hướng dẫn các huyện triển khai kế hoạch thực hiện chỉnh huấn.

Bộ máy chính quyền các cấp trong tỉnh được củng cố. Cấp tỉnh có Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh; cấp huyện, xã được tổ chức gọn nhẹ dưới hình thức Ủy ban quân dân chính thay cho Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, xã.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy chủ trương chỉnh huấn chính trị trong lực lượng bộ đội và du kích. Sau chỉnh huấn, các huyện đội củng cố các tổ chuyên môn quân sự, chính trị. Ba chế độ dân chủ: quân sự, chính trị, kinh tế được thúc đẩy thực hiện, tác phong lãnh đạo tập thể, dân chủ được đề cao. Các biện pháp trên đã góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Cuối năm 1953, tỉnh có một tiểu đội đặc công, mỗi huyện có nửa tiểu đội đến một tiểu đội đặc công. Bốn huyện: Ba Tri, An Hóa, Châu Thành, Thạnh Phú có 3.167 đội viên du kích ở xã, ấp. Mỗi huyện có từ nửa tiểu đội đến một tiểu đội vũ trang tuyên truyền.

Công binh xưởng Bến Tre đã xây dựng xưởng sản xuất vũ khí ở căn cứ Thạnh Phú và ở cồn Kẽm, Hốc Hỏa (Bình Đại)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 13, tr. 52.

cung cấp các loại lựu đạn, địa lôi phục vụ cho lực lượng vũ trang và du kích đánh địch.

Được sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nhân dân đã vùng lên đấu tranh chống địch vơ vét, cướp giật, chống thuế nhằm bảo vệ quyền lợi thiết thân của quần chúng. Nổi bật nhất là phong trào đấu tranh chống bắt lính đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Nhiều nơi quần chúng đã làm hầm bí mật, cất nhà ở ven rừng để bảo vệ thanh niên không cho giặc bắt lính. Đồng thời với lãnh đạo đấu tranh chống bắt lính, các cấp ủy đã lãnh đạo đẩy mạnh công tác địch - ngụy vận, xây dựng được nhiều cơ sở trong ngụy quân, ngụy quyền, trong các lực lượng bảo an, cảnh sát. Phong trào đào ngũ, rã ngũ lan rộng trong binh lính địch. Năm 1953, trong số 3.723 thanh niên bị bắt lính, đã có hơn 2.000 người bỏ ngũ trốn về. Nhiều nơi binh lính địch bỏ ngũ đã liên hệ với ta xin tham gia kháng chiến.

Cùng với đấu tranh chính trị và địch - ngụy vận, chiến tranh du kích phát triển khá đều. Trong năm 1953, lực lượng vũ trang đã chiến đấu 293 trận, 23 trận chống càn quét diệt bảy đồn bốt.

Phong trào diệt ác ôn được đẩy mạnh ở các huyện. Nhân dân đã nổi dậy trừng trị những tên ác ôn[1] làm cho địch phải chùn bước.

Như vậy, qua hai năm chiến đấu ác liệt với quân thù, Đảng bộ tỉnh đã khôi phục, củng cố các tổ chức đảng, tổ chức quần chúng, các đơn vị vũ trang, bán vũ trang. Phong trào kháng chiến từng bước vươn lên, phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa các mặt đấu tranh chính trị, vũ trang, địch - ngụy vận, làm thất bại một bước âm mưu bình định của kẻ thù, tạo điều kiện

1. Như diệt tên Ách Cho (Adjudant) ở Vĩnh Hòa, Đội Bảng ở Hưng Khánh Trung, tên Tầm (Phước Long), tên Ách Bích (Tân Hào), tên Ách Hò (Hưng Phong).

để phối hợp cùng toàn quốc trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, đập tan kế hoạch bình định lấn chiếm của địch.

2. Tích cực phối hợp với chiến trường toàn quốc trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, vùng lên mạnh mẽ, đập tan kế hoạch bình định chiếm đóng của thực dân Pháp

Vào Thu Đông năm 1953, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta bước sang năm thứ 8. Trên khắp chiến trường ba nước Đông Dương, tình hình kháng chiến phát triển thuận lợi. Vùng căn cứ du kích ở Lào, Campuchia rất rộng và liên hoàn. Chiến tranh du kích phát triển mạnh và đều ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bình Trị Thiên và nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ. Lực lượng vũ trang ba thứ quân, nhất là khối chủ lực cơ động chiến lược của ta có bước trưởng thành vượt bậc. Về phía thực dân Pháp, được đế quốc Mỹ viện trợ quân sự, tài chính và trực tiếp xây dựng kế hoạch tác chiến, chiến lược, chúng đã cố gắng tập trung lực lượng tổ chức một số lớn binh đoàn cơ động chiến lược, cố gắng giành lại quyền chủ động chiến trường bằng cách thu hút, giam chân khối chủ lực của ta; đồng thời, mở cuộc tiến công lớn vào vùng giải phóng, nhất là vùng giải phóng Khu 5, hy vọng xoay chuyển lại cục diện chiến tranh. Âm mưu của đế quốc Mỹ là cố hà hơi tiếp sức cho thực dân Pháp kéo dài cuộc chiến tranh, qua đó từng bước trực tiếp điều hành cuộc chiến tranh Đông Dương.

Trước cục diện mới, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã phân tích tình hình ta và địch, đề ra phương hướng chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954 là tập trung lực lượng đánh vào nơi quan trọng mà địch tương đối sơ hở nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đồng thời, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta trên những hướng xung yếu mà

chúng không thể bỏ, tạo điều kiện mới để tiêu diệt thêm nhiều sinh lực địch, phá vỡ khối cơ động chiến lược - con chủ bài duy nhất của Nava, Tổng Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp, giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến. Quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng được truyền tới các chiến trường tạo không khí phấn khởi, sôi nổi, chuẩn bị một tinh thần quyết chiến, quyết thắng, một niềm tin mãnh liệt trong Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang. Ai cũng thấy được ngày thắng lợi đang đến gần, ai cũng muốn được góp phần cống hiến xứng đáng vào thắng lợi chung.

Tháng 11-1953, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp tại căn cứ Thạnh Phú, có đại biểu của các huyện, các ngành, lực lượng vũ trang tham dự để bàn kế hoạch chấp hành quyết tâm chiến lược của Trung ương và sự chỉ đạo của Trung ương Cục đối với chiến trường Bến Tre. Tỉnh ủy nhận định: mặc dù phong trào tỉnh nhà mới được khôi phục, kẻ địch còn nhiều khả năng càn quét phản kích mạnh, ta còn nhiều khó khăn, nhưng trong thế tiến công của cả nước, tinh thần binh sĩ ngụy ngày càng giảm sút, thế và lực của ta dần dần được nhân lên gấp bội. Đảng bộ Bến Tre phải quyết tâm phát động toàn quân và dân nắm thời cơ, thực hiện đúng phương châm chỉ đạo của Trung ương Cục: lấy công tác địch - ngụy vận làm công tác trung tâm, kết hợp nổi dậy của quần chúng và tác chiến của lực lượng vũ trang, đánh trúng vào khâu yếu của địch, làm tan rã và tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, để chuyển từ vùng bị chiếm thành vùng giải phóng và vùng du kích.

Kế hoạch tấn công trong Đông Xuân của Tỉnh ủy chia làm hai đợt. Đợt 1 từ đầu tháng 1 đến cuối tháng 3-1954, chọn xã Thạnh Phong (Thạnh Phú) làm điểm đột phá, phát động quần chúng và gia đình binh sĩ phối hợp với các đội du kích hình thành các phương án tấn công vào đồn bốt địch.

Mở đầu đợt 1, ngày 7-1-1954, bộ đội đặc công tỉnh phá hủy khẩu pháo 90mm ở đồn Cầu Ván, xã Giao Thạnh (Thạnh Phú), hỗ trợ quần chúng bao vây đồn chỉ huy Cồn Rừng. Quân Pháp đưa hai Tiểu đoàn khinh quân số 501 và 502 đến giải tỏa, lực lượng vũ trang ta chặn đánh, bắn cháy ba tàu trên sông Cồn Ốc, đẩy lùi mũi tấn công của quân Pháp ở Vàm Rỗng, Bãi Đầm, diệt hàng trăm tên địch. Nhân dân trong các khu tập trung dỡ nhà trở về quê cũ, bộ đội ta siết chặt vòng vây triệt đường tiếp tế, buộc các đồn Cồn Rừng, Khâu Băng, Cồn Điệp, Hồ Cỏ, Cái Cát rút chạy.

Chiến thắng ở Thạnh Phú đã giáng một đòn mạnh mẽ vào tinh thần binh lính, thôi thúc các huyện thi đua lập công. Ngày 17-1-1954, du kích và lực lượng quần chúng kết hợp với nội ứng diệt và bức hàng bốn đồn ở Phước Thuận: Khém Trên, Khém Dưới, đồn Thủ, Ngã Tư Xóm Nổng. Ngày 19-1-1954, bộ đội huyện An Hóa diệt bốt Giồng Cà (Thừa Đức). Ngày 27-1-1954 (nhằm ngày 23 tháng Chạp), bộ đội huyện và du kích xã Lộc Thuận kết hợp cơ sở nội tuyến lấy bốt Lộc Thuận, diệt tên Đến, tên Trợ, bắt sống hơn một trung đội địch, thu 60 súng (có bảy tiểu liên), rồi lại nhà bắt sống Hương quản Xông là Việt gian ác ôn ở xã.

Ở huyện Ba Tri, dân quân du kích cùng quần chúng và gia đình binh sĩ bao vây, diệt và bức rút 18 đồn bảo an ở các xã An Đức, Phú Ngãi, Vĩnh Hòa, An Hòa Tây.

Vùng tự do của ta mở rộng ở An Hóa, Ba Tri, Thạnh Phú. Để đối phó với những đợt tấn công và nổi dậy của nhân dân Bến Tre, thực dân Pháp chủ trương rút bớt các đồn lẻ để tăng cường củng cố các cứ điểm chính, đồng thời sử dụng hai tiểu đoàn cơ động phối hợp với các đại đội bảo an ở các địa phương liên tục mở những cuộc càn quét vào các vùng căn cứ ở Thới Thuận, Thừa Đức, Phước Thuận (An Hóa), Bảo Thạnh (Ba Tri), Châu Bình (Giồng Trôm) hòng giành lại các vị trí đã mất.

Phát huy thắng lợi, tháng 2-1954, quân và dân Ba Tri kết hợp với cơ sở nội ứng diệt chín đồn ở các xã Tân Thủy, Hiệp Hưng, An Đức, An Hiệp, Vĩnh Hòa.

Ngày 14-2-1954, lực lượng vũ trang ta cùng quần chúng và cơ sở bên trong kỳ tập diệt Sở Chỉ huy Song Lộc (Lộc Tân, Thạnh Lộc), diệt nhiều sĩ quan và hạ sĩ quan, bắt tù binh, thu vũ khí.

Quân dân Châu Thành đã bao vây bức rút các đồn bốt ở Quới Thành, Thành Triệu, An Khánh, Mỹ Thành, Sơn Hòa, An Hiệp...

Bị quân ta tấn công khắp nơi, địch phải kéo căng lực lượng đối phó, bị đẩy vào mâu thuẫn không sao gỡ nổi, giữa rải quân chiếm đóng và tập trung quân cơ động.

Sự vùng dậy của nhân dân cùng các chiến thắng của bộ đội, du kích càng tác động mạnh mẽ đến tinh thần binh sĩ ngụy. Tình hình rã ngũ phát triển trong nhiều đơn vị địch. Đại đội 127 ngụy ở Giồng Trôm trong hai đêm có 45 tên đào ngũ, Đại đội 325 ngụy có 35 tên đào ngũ trong một ngày. Nhiều binh sĩ ở các đồn, các đại đội địch ở Tân Thủy, Giồng Chuối (Ba Tri) cũng bỏ về nhà làm ăn. Một tiểu đội ở Tân Thành được lệnh đi tuần tiễu đã mang súng trở về với nhân dân. Sự hoang mang rệu rã của binh sĩ ngụy ngày càng thúc đẩy quân dân Bến Tre tiến lên giành thắng lợi. Cùng với các huyện Thạnh Phú, Bình Đại, Ba Tri, tháng 3-1954, quân dân Mỏ Cày nổi dậy kết hợp cơ sở địch - ngụy vận diệt hàng loạt đồn và lô cốt ở Định Thủy, Tân Thiềng, Phước Hiệp... Các đồn bốt dọc lộ 30 từ Cái Mơn xuống Ba Vát bị phá. Du kích địa phương cùng bộ đội chặn đánh Tiểu đoàn 502 đến giải tỏa, diệt nhiều tên địch.

Nhân dân ở các xã Ngãi Đăng, Cẩm Sơn, Thành Thới cùng bộ đội diệt đồn bắt sống Thiếu úy Em ở cầu Rạch Bần. Đội du kích xã An Thới, Ngãi Đăng chặn đánh bọn lính đi cướp giật,

bắt sống bảy tên, trong đó có tên Ách "Tầm Vông". Đi đôi với cuộc tấn công và nổi dậy mở rộng vùng giải phóng, Tỉnh ủy chỉ đạo nhân dân nổi dậy phá tề, trừ gian và làm công tác phá giao thông. Hàng loạt tề xã, tề ấp bị giải tán. Nhiều đoạn lộ liên tỉnh, lộ làng bị phá nát, cầu cống bị đánh sập.

Kết quả ba tháng hoạt động của đợt 1, quân dân Bến Tre đã diệt 53 đồn chỉ huy và tháp canh, diệt 144 tên địch, làm bị thương 88 tên, bắt sống 234 tên, phá rã 1.350 tên, giải tán 30 tề xã và phần lớn tề ấp, thu 300 súng các loại. Vùng tự do mở rộng gồm phần dưới của huyện An Hóa, vùng ven biển Ba Tri đến Ba Châu và hai khu vực nam, bắc Mỏ Cày. Nhân dân phấn khởi động viên con em tham gia lực lượng vũ trang, dân quân du kích. Đoàn thể quần chúng phát triển rộng khắp. Hơn 300 cán bộ nòng cốt, du kích xuất sắc được kết nạp vào Đảng.

Ngày 25-5-1954, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị sơ kết đợt hoạt động, biểu dương các huyện điển hình trong phong trào địch - ngụy vận ở An Hóa, Ba Tri, Mỏ Cày... Tỉnh ủy cũng phê phán nhiều địa phương chưa đánh giá được những suy yếu của địch, chưa mạnh dạn đẩy mạnh cuộc vùng lên đúng mức. Tỉnh ủy đã phát động đợt 2 với quyết tâm đẩy mạnh tấn công và nổi dậy mạnh mẽ hơn, giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Các cuộc tấn công và nổi dậy diễn ra khắp các địa bàn trong tỉnh.

Ở Ba Tri, sau trận diệt đồn Châu Bình, diệt gọn một đại đội địch và diệt hai bốt trung tâm ở An Ngãi Trung, Phú Ngãi, hàng loạt đồn bốt ở An Ngãi Trung, Tân Xuân, Mỹ Nhơn,... phải cuốn chạy.

Ở An Hóa, ta diệt và bức hàng trên 30 đồn bốt từ Phước Thuận lên đến Bình Đại, Thới Lai, Vang Quới, cô lập bao vây dinh quận và chi khu Bình Đại.

Ở Mỏ Cày, lực lượng vũ trang và quần chúng đã bức hàng bốt Cầu Ông Ngò (An Định), khống chế lộ 30, kết hợp gia đình binh sĩ tấn công đồn Cầu Ông Tạo (Tân Phú Tây), kết hợp cơ sở bên trong đoạt tàu Sông Lô (đang tuần tiễu trên sông Cổ Chiên đoạn ngang xã Cẩm Sơn), bức rút một loạt đồn bốt ở các xã đầu trên của huyện, mở ra vùng giải phóng liên hoàn.

Châu Thành là một huyện yếu, trong đợt này được các đồng chí Đỗ Phát Quang (Bí thư Tỉnh ủy) và đồng chí Dương Tự Cẩm (Chính trị viên Tỉnh đội) trực tiếp chỉ đạo và lực lượng vũ trang tỉnh hỗ trợ, quần chúng đã nổi dậy diệt, bức hàng, bức rút đồn bốt ở Lương Quới, Phong Mỹ, Nhơn Thạnh, Thạnh Phú Đông, mở ra vùng giải phóng rộng từ Phong Mỹ đến Châu Bình và từ Long Mỹ đến Tân Hào.

Ở Sóc Sãi, nhân dân nổi dậy bức rút các đồn bốt trong các xã Tam Phước, Thành Triệu, Tường Đa.

Ở thị xã Bến Tre, lực lượng vũ trang và quần chúng kết hợp với cơ sở địch - ngụy vận lấy đồn Bình Phú và bốt Bình Nguyên.

Sau thời gian không đầy sáu tháng, với hai đợt tấn công dồn dập liên tiếp, nhân dân Bến Tre đã vùng lên với ý chí quyết chiến quyết thắng, đập vỡ từng mảng hệ thống đồn bốt dày đặc như mạng nhện của địch, phá banh và làm tan rã bộ máy ngụy quyền cơ sở, mở rộng vùng giải phóng chiếm 3/4 đất đai trong tỉnh.

Giải phóng đến đâu, chính quyền các cấp tiến hành tịch thu ruộng đất trang cấp cho nông dân, xây dựng trạm y tế, phòng thông tin, trường học, đổi mới sinh hoạt ở các vùng nông thôn do ta làm chủ.

Sau thất bại thảm hại ở Điện Biên Phủ và trước thế tiến công mạnh mẽ, dồn dập của quân dân ba nước Đông Dương, đội quân viễn chinh Pháp đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt

hoàn toàn. Ngày 21-7-1954, thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ đình chiến ở Đông Dương.

Theo Hiệp định này, Pháp thừa nhận nền độc lập thống nhất và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta, Pháp rút quân khỏi phía bắc vĩ tuyến 17, tạm thời quản lý miền Nam, việc thống nhất nước Việt Nam sau hai năm sẽ tiến hành bằng cách tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

Thế là sau chín năm kháng chiến vô cùng anh dũng, nhân dân ta đã giành thắng lợi hết sức to lớn, lần đầu tiên một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế kém phát triển đã đánh thắng một đế quốc thực dân hùng mạnh. Đây là chiến thắng oanh liệt trong lịch sử dân tộc Việt Nam cùng với những trang sử oai hùng phạt Tống, bình Nguyên, quét sạch Minh, Thanh, mãi mãi là niềm tự hào của mọi thế hệ.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc quốc tế. Đó là thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân đầu tiên do Đảng Cộng sản lãnh đạo, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

Cùng với cả nước, trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã không ngừng vươn lên vượt qua khó khăn, gian khổ, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng, đánh bại mọi âm mưu bình định lấn chiếm của thực dân Pháp, góp phần cùng cả nước làm nên thắng lợi to lớn đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp đã giúp cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre nhiều kinh nghiệm quý báu về nắm vững đường lối của Đảng, kiện toàn và phát triển tổ chức đảng, bám đất bám dân, nắm quần chúng, phát triển tổ chức quần chúng và thực lực cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang

dựa trên thực lực chính trị của quần chúng; đặc biệt là việc vận dụng phương châm đánh địch bằng vũ trang kết hợp với địch - ngụy vận. Đó là những kinh nghiệm quý báu tạo tiền đề cho cuộc Đồng khởi (năm 1960) sau này và là cơ sở để sản sinh ra phương châm "hai chân, ba mũi" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương III

ĐẢNG BỘ BẾN TRE LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (THÁNG 7-1954 ĐẾN NGÀY 1-5-1975)

I- ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ, CHỐNG "TỐ CỘNG, DIỆT CỘNG", GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (TỪ THÁNG 7-1954 ĐẾN CUỐI NĂM 1959)

1. Đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi dân sinh dân chủ (tháng 7-1954 đến giữa năm 1956)

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết, tạm thời chia nước ta làm hai miền với hai chế độ khác biệt. Từ đây, cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới: vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa tiếp tục đấu tranh để hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Lệnh ngừng bắn có hiệu lực ở Nam Bộ kể từ 8 giờ (giờ địa phương) ngày 11-8-1954[1].

Sau chín năm kháng chiến gian khổ, nay hòa bình được lập lại là niềm hạnh phúc lớn lao, mọi người dân từ trẻ đến già đều phấn khởi đón mừng hòa bình. Cán bộ lo phổ biến và tổ chức thi hành Hiệp định. Nhân dân chủ động tuyên truyền ý thức hòa bình cho binh lính và công chức cũ. Phần lớn những người trong hàng ngũ địch tỏ rõ vui mừng vì chấm dứt chiến tranh.

1. Theo Hiệp định Giơnevơ.

Nhân dân tản cư ở các nơi tấp nập trở về quê cũ dựng lại nhà cửa, sửa sang ruộng vườn, xây dựng cuộc sống. Các xã căn cứ, vùng giải phóng, người người đi lại tấp nập, trên bến, dưới thuyền, đường giao thông rực đỏ băng cờ, khẩu hiệu. Thôn xóm, mọi nhà nhộn nhịp, vui tươi.

Tuy nhiên, trong thâm tâm mọi người đều băn khoăn, lo lắng trước hoàn cảnh hiện tại. Sau chín năm kháng chiến gian khổ, chúng ta đã kiểm soát được 3/4 đất đai trong tỉnh[1]; có hệ thống Đảng, chính quyền các cấp tương đối mạnh; nông dân được trang cấp hàng ngàn hécta ruộng đất, nhân dân được làm chủ cuộc sống của mình.

Sau Hiệp định, trong tỉnh không còn quân đội, không còn chính quyền cách mạng, không có vùng giải phóng; các tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng của ta lập ra bị đặt vào tình thế phải hoạt động bất hợp pháp, bí mật, đối lập với chính quyền và quân đội địch.

Đất nước bị chia cắt, từ vị trí người chiến thắng, Đảng, quân đội và nhân dân ta phải quay trở lại sống dưới sự cai trị của nhiều loại kẻ thù mà trước đó đã bị ta giáng cho những đòn chí tử.

Liệu địch có nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định như đã ký kết hay không? Chắc chắn bọn ác ôn, địa chủ sẽ trả thù, trả oán. Quyền lợi về ruộng đất, quyền tự do, dân chủ còn giữ được hay không? Bộ đội chuyển quân đi tập kết, Đảng ta chỉ còn tay không làm sao đương đầu với địch? Đó là những băn khoăn,

1. Theo Hồ sơ 63 (ngày 17-6-1954) của Phân liên khu miền Tây (số 141T), Bến Tre có sáu huyện: Mỏ Cày (gồm liên huyện Chợ Lách cũ), Thạnh Phú, Sóc Sãi, Châu Thành, An Hóa, Ba Tri. Diện tích 2.075km^2, 107 xã, 489.600 người.

- Vùng căn cứ du kích tỉnh, huyện và giải phóng tỉnh, huyện là 1.687km^2, với 376.600 người.

- Vùng tạm chiếm 388km^2, với 113.000 người.

thắc mắc của nhân dân miền Nam nói chung, nhân dân Bến Tre nói riêng.

Tỉnh ủy đã triển khai một loạt công tác khẩn cấp, đề ra những chủ trương, nhiệm vụ cơ bản. Trước hết, trọng tâm công tác của Đảng bộ là hướng dẫn học tập tình hình và nhiệm vụ mới, chính sách mới, làm công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhận rõ thắng lợi to lớn của Hiệp định Giơnevơ, củng cố thêm niềm tin, đồng thời, thấy rõ âm mưu mới của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, xác định nhiệm vụ đi tập kết hay ở lại đều vinh quang.

Công tác sắp xếp, chuẩn bị lực lượng, làm công tác tư tưởng để chuyển quân tập kết đúng thời hạn quy định được tiến hành một cách khẩn trương. Chỉ trong vòng 15 ngày sau khi ngừng bắn, nhân dân Bến Tre đã lưu luyến tổ chức các đợt tiễn đưa trên 4.000[1] cán bộ quân - dân - chính - đảng, thương bệnh binh, thanh thiếu niên,... vào Cà Mau (Bến Tre nằm trong khu vực có thời hạn tập kết 200 ngày, các lực lượng gom vào Cà Mau để tàu chở ra Bắc). Trong số này, đại bộ phận là lực lượng vũ trang (hơn hai tiểu đoàn). Nhiều đám cưới và cuộc đính ước anh ra đi, chị ở lại hẹn ngày tổng tuyển cử thống nhất về đoàn tụ đã diễn ra trong tỉnh. Hơn 2.000 cán bộ, đảng viên được chọn lựa, bố trí ở lại tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Để đề phòng địch phản bội các điều khoản đã ký kết trong Hiệp định Giơnevơ, sẵn sàng đấu tranh vũ trang khi cần, Tỉnh ủy quyết định giữ lại một số cán bộ quân sự, một số vũ khí đủ trang bị cho một tiểu đoàn. Số vũ khí và dụng cụ công binh xưởng được phân tán, chôn giấu ở nhiều nơi.

1. Theo số liệu của Phân liên khu miền Tây ước tính khoảng 4.000 cán bộ quân - dân - chính - đảng ở Bến Tre đi tập kết ra Bắc, nhưng khi vào Cà Mau, có một số được bố trí trở lại tỉnh công tác.

Tuy cán bộ được bố trí ở lại và vũ khí chôn giấu không nhiều so với thực lực, nhưng việc làm đó thể hiện một chủ trương chiến lược, một tầm nhìn xa trông rộng của Đảng. Đồng thời biểu hiện tinh thần cảnh giác cách mạng, một dự liệu cho nhiều tình huống, mà bất kể trong tình huống nào ta cũng không bị động, lúng túng.

Các tuyến, trạm giao liên bí mật được gấp rút tổ chức. Một số cán bộ có kinh nghiệm trong công tác giao liên bí mật được chỉ định chuyên trách việc liên lạc với cấp trên và các địa phương.

Ngay trong khi tập kết chuyển quân rầm rộ vào cuối tháng 8-1954, đồng chí Phạm Thái Bường, đại diện Trung ương Cục miền Nam đến Bến Tre quán triệt tình hình mới, nhiệm vụ mới, đồng thời chỉ định Tỉnh ủy bí mật, tạm thời gồm các đồng chí:

Nguyễn Văn Khước, Nguyễn Văn Chót, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Tâm Cang, Võ Văn Phẩm, Nguyễn Văn Diệp, Trương Thanh Hoàng (Ba Tường). Đồng chí Nguyễn Văn Khước được cử làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Chót làm Phó Bí thư.

Tỉnh ủy tiến hành chỉ định các huyện ủy, thị ủy bí mật. Các huyện ủy chỉ định các chi ủy bí mật, đồng thời, phân công địa bàn hoạt động của các cán bộ, đảng viên với mục đích tạo thế hợp pháp, bám chặt quần chúng, phát động quần chúng đấu tranh. Tổ chức đảng phải hết sức bí mật, chặt chẽ, còn tổ chức quần chúng chủ yếu là lợi dụng các hình thức hợp pháp để hoạt động.

Trên 2.000 cán bộ, đảng viên ở lại hoạt động tại tỉnh đến cuối năm 1954 được Đảng bộ bố trí đều khắp ở các xã, cả các vùng yếu, thị xã, thị trấn, rút vào bí mật thực hiện chuyển hướng tổ chức đảng, tổ chức quần chúng trung kiên, thực hiện chuyển đổi vùng hoạt động của cán bộ, hoạt động theo phương

châm: giỏi công tác, khéo che giấu lực lượng; biết kết hợp công tác hợp pháp và công tác bất hợp pháp; lợi dụng các hình thức tổ chức và hoạt động hợp pháp để tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh và phải chú trọng bảo tồn lực lượng của ta. Việc kiện toàn lại các chi bộ rất phức tạp vì thời kỳ này, ngoài số cán bộ được phân công ở lại còn có số đảng viên nằm tại xã không đi miền Tây trong thời kỳ chống thực dân Pháp, có đảng viên tích cực, có đảng viên cầu an, tiêu cực. Số đảng viên đi miền Tây trở về người có giấy giới thiệu, người không có giấy giới thiệu. Có đảng viên được chỉ định đi tập kết vào miền Tây được sắp xếp trở về (hồi kết), có số trốn trở về (đào kết); từng huyện ủy viên xuống từng xã, hoặc liên xã điều tra, thẩm định kỹ nên thời gian kéo dài ba đến bốn tháng mới xong.

Các tổ chức quần chúng ở nông thôn chuyển thành các tổ chức công khai và bán công khai như: vần công, vạn vần đổi công, hội tương tế, ái hữu, hội đình, hội miễu, hội lân, hội banh, v.v..

Ở thị xã, thị trấn, công nhân lao động, giới trí thức được tổ chức thành các nghiệp đoàn. Đoàn Thanh niên Lao động gọi tắt là Thanh Lao không còn hệ thống dọc, chỉ có chi đoàn gắn với tổ chức đảng và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ.

Những hạt nhân tích cực trong quần chúng đã được xây dựng thành lực lượng nòng cốt trong từng xóm, ấp, trong các tổ chức quần chúng công khai, bán công khai, hình thành hệ thống "nòng cốt rễ chuỗi" bám chặt nhân dân, nối liền Đảng với quần chúng. Trong hệ thống "rễ chuỗi", một đảng viên trực tiếp chỉ đạo từ một đến ba nòng cốt; một nòng cốt trực tiếp nắm từ ba đến năm quần chúng tích cực; một quần chúng tích cực tuyên truyền vận động từ năm đến mười quần chúng theo quan hệ tình cảm, gia đình, cùng chòm xóm hay nghề nghiệp làm ăn.

Cùng với việc sắp xếp, củng cố tổ chức, triển khai thế trận mới, Đảng bộ chỉ đạo các địa phương tiếp tục hoàn thành việc tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động, bọn Việt gian theo địch tạm cấp cho nông dân không đất hoặc thiếu đất canh tác, nâng tổng số ruộng đất chia cho nông dân lên 100.000ha, trao giấy chứng nhận của chính quyền cách mạng.

Tỉnh ủy tiến hành trao tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba và Huy hiệu Bác Hồ cho các chức sắc tín đồ phái Cao Đài Ban Chỉnh, trao bằng khen cho những người có công với nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Để hướng dẫn và chỉ đạo đấu tranh chính trị trong hoàn cảnh mới, Tỉnh ủy chủ trương phát hành một tờ báo rộng rãi trong nhân dân. Tờ *Hòa bình thống nhất* ra đời. Báo in sáp do đồng chí Võ Văn Phẩm phụ trách, sau đó, do đồng chí Nguyễn Văn Châu phụ trách[1].

Những công tác được thực hiện trên đây đã đặt nền móng bước đầu về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho nhân dân trong thời kỳ đấu tranh chính trị hòa bình sắp tới.

Chiến tranh chấm dứt, hòa bình được lập lại đã tạo nên sinh khí mới trong toàn Đảng, toàn dân. Khí thế cách mạng lên cao, Tỉnh ủy chủ trương huy động toàn dân tổ chức míttinh, biểu tình biểu dương lực lượng chào mừng hòa bình và đòi đối phương phải nghiêm chỉnh thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.

Từ cuối năm 1954, dưới sự phát động của toàn Đảng bộ, những cuộc míttinh mừng hòa bình diễn ra sôi nổi ở Bến Tre. Quy mô và quyết liệt nhất là cuộc biểu tình ở Bình Đại, Châu Thành, Mỏ Cày.

Ở Bình Đại, ngày 19-8-1954, ta tổ chức hàng ngàn người míttinh, biểu tình mừng hòa bình. Quận trưởng Bình Đại đưa lính đến giải tán, quần chúng không nhượng bộ. Cuộc đấu

1. Lúc đầu báo lấy tên là *Hòa bình* sau đổi là *Hòa bình thống nhất.*

tranh giữa binh lính và quần chúng diễn ra gay gắt trên con đường trước chùa Bà Chấn dẫn ra dinh quận. Địch đã nổ súng vào đoàn người tay không làm năm người chết, bị thương 17 người và bắt đi 30 người. Cuộc biểu tình chuyển thành đấu tranh chống khủng bố, đòi địch bồi thường nhân mạng, thả những người bị bắt. Quận trưởng Bình Đại phải nhận lỗi và bồi thường phí tổn mai táng những người đã chết và cứu chữa người bị thương. Nhân dân đã tổ chức lễ truy điệu những người tử nạn tại miễu Bà Nhiên, không khí căm thù sôi sục ngay trong cuộc đấu tranh đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại.

Ở Châu Thành, ngày 25-8-1954, địch bắt một cán bộ kháng chiến tại xã Phú Đức. Nhân dân trong xã đã biểu tình nêu khẩu hiệu "phản đối khủng bố, trả thù người kháng chiến cũ", đòi "phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ". Trên đường tiến về tỉnh lỵ, nhân dân các xã lân cận gia nhập vào đoàn biểu tình, số lượng lên đến 5.000 người. Khi đoàn biểu tình đến quốc lộ 60, tại ngã tư Tuần Đậu, Võ Công Mưu đưa lính đến ngăn chặn, bắt giải tán. Nhân dân không chịu lùi bước, binh lính đã bắn vào đoàn biểu tình làm một người chết, bị thương trên 20 người. Cuộc biểu tình phải giải tán.

Ở Mỏ Cày, ngày 13-9-1954, lính ngụy ở bốt Tài Đại, xã Khánh Thạnh Tân mang súng bắt dân đi làm xâu. Vừa ra khỏi bốt, chúng gặp anh Đứa - một nông dân đang đi nhổ mạ liền chạy bắt anh đi làm bốt, bị anh Đứa phản đối với lý do là anh đang dọn đất cấy lúa, chúng đánh anh trọng thương. Tức thì, cả chục nông dân khác đang làm trên các thửa ruộng gần đó cùng kéo đến, hô: "Đả đảo lính đánh dân". Bọn lính hoảng sợ chạy về bốt. Anh Đứa được nông dân và bà con xung quanh khiêng đến bốt đấu tranh. Đồng bào ở các ấp nghe tin ùn ùn kéo đến vây chặt quanh bốt đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng. Bọn lính trong bốt không chịu bồi thường,

quần chúng nói nếu không bồi thường thì đi xuống quận, nhờ quận trưởng giải quyết. Địch cho hai tên lính khiêng anh Đứa và đi cùng đoàn người biểu tình xuống quận. Đoàn người qua chợ Thom (An Thạnh) lấy trống chầu đánh lên vang dội, rồi qua Đa Phước Hội. Trên đường đến quận, đoàn biểu tình được nhân dân các xã tham gia, ủng hộ. Hàng ngàn người nối nhau dài khoảng 5km, vừa đi, vừa hô khẩu hiệu, đánh trống vang dội, tràn vào quận lỵ. Đây là cuộc đấu tranh quy mô lớn, tự phát của quần chúng, không có lãnh đạo, chỉ huy rõ ràng. Khi đoàn người đến giáp ranh xã An Thạnh - Đa Phước Hội, Huyện ủy phát hiện, liền chỉ đạo cho Chi ủy xã An Thạnh đưa một số chi ủy viên, đảng viên ra tìm hiểu và tìm cách hạn chế tổn thất nhưng đã quá trễ.

Khi đoàn biểu tình đi đến ngã ba Thom (ngoại ô thị trấn Mỏ Cày), Quận trưởng Mỏ Cày đưa hai đại đội bảo an ra ngăn chặn, nhân dân hô vang khẩu hiệu: "Đả đảo lính đánh dân", đòi cho được gặp quận trưởng. Bọn lính xông vào ngăn cản, nhân dân đã dùng gạch, đá chống lại bọn chúng. Cuộc xô xát diễn ra quyết liệt, địch dùng súng bắn xả vào đoàn biểu tình, làm chết 11 người, bị thương 36 người và bắt 200 người. Hai tên lính khiêng anh Đứa nhân lúc xô xát, quăng anh Đứa xuống đất và dùng cây đánh anh. Chúng cho xe quân sự xúc chở số người chết đổ xuống sông Cổ Chiên. Đoàn đấu tranh của nhân dân mất trật tự và rút chạy tứ tán.

Sau cuộc biểu tình trên, Tỉnh ủy cử đồng chí Nguyễn Văn Diệp - Tỉnh ủy viên, người từng làm Bí thư Huyện ủy Mỏ Cày, từng sống chết với nhân dân Mỏ Cày trong kháng chiến chống thực dân Pháp về Mỏ Cày cùng Huyện ủy có biện pháp đối phó; đồng thời, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam qua phái đoàn của ta trong Ủy ban liên hiệp đình chiến ở Phụng Hiệp, Cần Thơ.

Tại địa bàn xã Nhuận Phú Tân, một cuộc họp với cán bộ các xã có lực lượng tham gia đấu tranh do đồng chí Nguyễn Văn Diệp và Nguyễn Văn Khái (Chín Rằng) chủ trì. Hội nghị đánh giá cao tinh thần cách mạng và lòng căm thù của nhân dân, nhưng do bước đầu đấu tranh chính trị, quần chúng chưa được triển khai học tập về đường lối, chủ trương, phương châm, phương pháp tổ chức và lãnh đạo đấu tranh với kẻ thù đã sa vào mưu đồ, hành động khiêu khích của địch để bị chúng dùng vũ lực bắn giết làm tổn thất nặng nề. Hội nghị chủ trương phải tiến hành phát động trong nội bộ Đảng, lực lượng cách mạng và trong nhân dân vạch trần âm mưu, thủ đoạn của địch, phát động lòng căm thù, ổn định tinh thần, tư tưởng cho quần chúng để tiếp tục đấu tranh.

Hội nghị cũng rút ra những bài học về lãnh đạo, chỉ đạo các cuộc đấu tranh chính trị sắp tới là phải nắm chắc, đánh giá đúng khả năng hành động của địch để không sa vào bệnh chủ quan, tránh rơi vào âm mưu khiêu khích của địch. Trong lãnh đạo, phải linh hoạt, sáng tạo và nhạy bén. Trước mắt là phát động quần chúng làm đơn từ, kiến nghị gửi đến Ủy hội quốc tế, Ủy ban liên hiệp đình chiến ở Nam Bộ, đến các cấp chính quyền Ngô Đình Diệm, Hội luật gia, tòa soạn các báo,... đòi Ủy hội quốc tế cử phái đoàn đến điều tra, giải quyết. Đồng thời, hội nghị nhất trí cử đồng chí Nguyễn Văn Khái (Chín Rằng) vào miền Tây gặp tổ lưu động của Ủy ban quốc tế về giám sát và kiểm soát tại Việt Nam (làm nhiệm vụ giám sát việc thi hành Hiệp định đình chiến của hai bên) ở Phụng Hiệp, tố cáo hành động giết người của địch, yêu cầu Ủy hội quốc tế đến can thiệp.

Trung tuần tháng 10-1954, một tổ trong Ủy ban quốc tế ở Sài Gòn về Bến Tre điều tra. Ngụy quyền tỉnh, quận cố ý ngăn cản không cho người dân gặp tổ quốc tế đưa đơn kiến nghị và mua chuộc tổ quốc tế hòng cố ý che giấu tội ác, bưng bít sự thật.

Tỉnh trưởng cố giữ không cho phái đoàn điều tra qua Mỏ Cày, nhưng các thành viên trong đoàn Ba Lan kiên trì đấu tranh nên đến ngày thứ hai, chúng phải đưa phái đoàn qua Mỏ Cày. Tại Mỏ Cày, chúng giữ phái đoàn trong dinh quận, cho lính phong tỏa bên ngoài. Ta tranh thủ sự ủng hộ của đại diện Ba Lan và Ấn Độ, buộc địch phải cho phái đoàn đến tại hiện trường vụ thảm sát vào ngày thứ ba.

Để tiếp xúc với phái đoàn, ta bố trí cả ngàn người gồm đủ các tầng lớp, tôn giáo mai phục sẵn dọc theo con giồng từ Mỏ Cày đến chợ Thom. Khoảng 8 giờ sáng ngày thứ ba, một đoàn xe của tổ lưu động của Ủy hội quốc tế có cắm cờ của Ấn Độ, Ba Lan, Canađa từ Mỏ Cày lên An Thạnh. Khi đoàn xe đến giáp ranh xã Đa Phước Hội và An Thạnh (gần khu vực thảm sát), đồng bào xông ra, nhưng xe của đoàn Ấn Độ đi đầu không dừng lại, chỉ chặn được chiếc xe thứ hai chở đoàn Ba Lan dừng lại. Theo hợp đồng, khi xe của đoàn Ba Lan dừng lại thì xe của đoàn Ấn Độ dừng lại, cả tổ dừng lại tại ấp An Bình, xã An Thạnh. Nhân dân được bố trí gần đó lần lượt đến vây quanh tổ Ủy hội quốc tế, móc đơn giấu từ trong người ra trình với đoàn, tố cáo hành động của bọn lính quận ngăn cản không cho dân tiếp xúc với Ủy hội quốc tế. Đại biểu của Ấn Độ điện về Mỏ Cày kêu quận rút bọn lính được bố trí xua đuổi người dân để tổ lưu động của Ủy hội quốc tế được tiếp xúc với người dân. Nhân dân kéo nhau vào nộp đơn, tố giác hành động của địch. Cuộc tiếp dân của tổ lưu động Ủy hội quốc tế kéo dài mấy giờ liền. Tổ lưu động của Ủy hội quốc tế kết luận là lính ở Mỏ Cày đã vi phạm Hiệp định Giơnevơ, xả súng bắn vào dân và buộc quận Mỏ Cày phải thả những người bị giam giữ, chữa trị cho những người bị thương.

Các cuộc biểu tình trên tuy bị địch đàn áp, quần chúng bị tổn thất, nhưng ta kịp thời vạch trần bộ mặt thật của địch,

quần chúng càng căm thù và từ cán bộ lãnh đạo đến nhân dân đều nhận thức rõ đấu tranh chính trị kết hợp với pháp lý Hiệp định có khả năng ngăn chặn hành động tàn bạo của kẻ thù.

*

* *

Để thực hiện âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, hòng ngăn chặn làn sóng chủ nghĩa xã hội tràn xuống Đông Nam Á, đế quốc Mỹ đã ráo riết tăng viện trợ, đưa nhiều cố vấn và nhân viên quân sự của Mỹ vào miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm để làm công cụ cho chúng.

Được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, cuối năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thiết lập được bộ máy thống trị ở miền Nam.

Sau khi ký kết Hiệp định Giơnevơ, Nguyễn Văn Là vẫn làm Tỉnh trưởng Bến Tre, đã tiến hành sắp xếp, củng cố lại bộ máy như sau:

Thay đổi 2/3 quận trưởng, củng cố các ty, ban ngành đầu não ở tỉnh, mỗi ban tề ấp có từ ba đến năm tên. Chính quyền xã gọi là Ban đại diện hay Ban hội tề có năm tên.

Về quân sự, sau khi chuyển Tiểu đoàn 581 và Tiểu đoàn 582 (lực lượng cơ động thời Lơroa) về trên, tháng 10-1954, chúng đôn dân vệ cùng với bắt thanh niên thành lập năm đại đội vệ binh cơ động. Khi ta chuyển quân tập kết, địch đã đưa quân đóng lại các đồn bốt, các công sở mà ta làm chủ trong thời kỳ chuyển vùng.

Cuối năm 1954, Nguyễn Văn Hối (vây cánh của Ngô Đình Thục) được đưa làm Tỉnh trưởng hành chính thay cho Nguyễn Văn Là; Trung úy Phát phụ trách mặt quân sự.

Ngày 1-1-1955, địch thành lập tỉnh đoàn bảo an, chuyển năm đại đội vệ binh và bắt thêm lính lập ra năm đại đội bảo an đoàn. Tại thị xã, chúng bố trí một tiểu đoàn bảo an, hai đại đội phòng vệ thành dưới quyền điều khiển của tiểu khu, còn tỉnh đoàn bảo an quản lý, điều khiển bọn bảo an đồn trú và dân vệ. Mỗi xã chúng tổ chức một tiểu đội lính gọi là xã đoàn dân vệ, mỗi tổng thành lập một tổng đoàn dân vệ từ 24 đến 36 tên.

Ngụy quyền tổ chức các đoàn công dân vụ lưu động xuống các xã phối hợp với chính quyền địa phương theo chỉ thị của Phủ đặc ủy Công dân vụ Sài Gòn, tiến hành làm bộ sổ gia đình, kiểm tra nhân số, theo dõi, bắt cán bộ kháng chiến cũ. Tất cả nhân dân từ 18 tuổi trở lên phải làm giấy căn cước. Chúng lập lại địa bạ, truy thu thuế điền, đánh thuế những mặt hàng công nghiệp tăng 100%; tăng các loại thuế hoa chi, thuế môn bài lên 30%. Đồng thời, ngụy quyền tổ chức nhiều đoàn chiến tranh tâm lý, đi sâu vào xã, ấp tuyên truyền *"độc lập, chủ quyền"* đề cao Ngô Đình Diệm, nói xấu miền Bắc. Chúng lập ra các tổ chức phản động như "Tập đoàn công dân" trong Công giáo, "Việt Nam phục quốc hội" trong Cao Đài Tây Ninh, "Phong trào cách mạng quốc gia" trong công chức. Sau khi Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống chính quyền Sài Gòn, địch còn lập ra tổ chức Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới làm hậu thuẫn cho chính quyền. Ở Bến Tre, chúng ra sức tuyên truyền tư tưởng chống cộng trong đạo Thiên Chúa, trang bị vũ khí cho các linh mục và số thanh niên thánh nghiệp.

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm đưa sáu vạn giáo dân Bùi Chu, Phát Diệm từ miền Bắc di cư vào bố trí sinh sống ở các địa bàn xung yếu của tỉnh như Giao Thạnh (Thạnh Phú), An Hiệp (Châu Thành), các xã vùng ven biển Bình Đại, Ba Tri.

Việc đưa lực lượng tín đồ Thiên Chúa vào Bến Tre chiếm tỷ lệ 1/10 dân số kèm theo những chính sách gọi là "ưu đãi";

cắm đất, khoanh vùng, đuổi nhà dân địa phương, lập trại, tạo ra một vành đai bảo vệ những khu vực quan trọng của ngụy quyền, gây mâu thuẫn giữa người dân di cư và người dân địa phương, chia rẽ giáo, lương... Chúng mua chuộc, nắm lấy các linh mục Thiên Chúa, sử dụng lực lượng tôn giáo để ngăn cản hoạt động của cách mạng, lôi kéo nhân dân xa rời cách mạng, làm mất phương hướng đấu tranh, truyền bá tư tưởng cầu an và làm cơ sở xã hội cho chúng sau này.

Song song đó, Mỹ - Diệm ban hành và thực hiện chính sách "cải cách điền địa". Nội dung của nó được quy định trong các đạo dụ: Dụ số 2 (ngày 8-1-1955), Dụ số 7 (ngày 5-2-1955) quy định chính sách tô, thuế mới và khế ước tá điền.

Cách mạng đã chuyển giai đoạn mới với kẻ thù mới và mục tiêu đấu tranh mới. Trung ương Đảng đã đề ra một số chủ trương, biện pháp mới để tiếp tục đưa cách mạng miền Nam đi lên.

Ngày 21-7-1954, Hiệp định đình chiến được ký kết, thì tháng 9-1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, ra *nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng*. Bộ Chính trị nhận định: Nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta chưa phải hoàn thành, cuộc đấu tranh ái quốc không vì đình chiến mà kết thúc, cuộc đấu tranh đó còn đang tiếp tục nhưng phương thức đấu tranh cần phải thay đổi, chúng ta cần hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc trong hình thức đấu tranh mới. Theo Bộ Chính trị, phương pháp đấu tranh cách mạng ở miền Nam là chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị với phương châm lúc này là tranh thủ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp. Đối với tổ chức quần chúng và tổ chức đảng, phải tranh thủ tồn tại hợp pháp và hoạt động hợp pháp. Các hình thức đấu tranh kịch liệt như khởi nghĩa và đấu tranh du kích cần đình chỉ ngay[1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 15, tr. 233

Những hình thức như biểu tình, đình công, bãi khóa, bãi thị, v.v., cũng cần sử dụng một cách thận trọng và phải tiến hành trên nguyên tắc có lý, có lợi, có mức[1].

Bước sang năm 1955, về địa giới hành chính của tỉnh Bến Tre có sự thay đổi. Đầu năm 1955, thực hiện chủ trương của Xứ ủy, Bến Tre chuyển giao huyện An Hóa (huyện Bình Đại) về tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) thuộc Đảng bộ Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ. Ngày 22-10-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Kiến Hòa, điều chỉnh lại địa giới hành chính ở các quận, thành lập bốn quận mới: Trúc Giang, Hàm Long, Giồng Trôm, Bình Đại. Do đó, cuối năm 1956, Xứ ủy quyết định sắp xếp lại Đảng bộ An Hóa theo địa giới hành chính mới, chuyển hẳn về Đảng bộ Bến Tre thuộc Đảng bộ Liên Tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ. Huyện Chợ Lách giải thể, sáu xã vùng trên đưa về Vĩnh Long, các xã còn lại thuộc huyện Mỏ Cày.

Đầu năm 1955, sau khi số cán bộ chủ chốt của tỉnh được học tập tình hình nhiệm vụ mới ở miền Tây trở về, đồng thời tiếp thu nghị quyết của Bộ Chính trị, Đảng bộ tổ chức triển khai ở từng huyện, huyện ủy viên phụ trách xã về trực tiếp tổ chức học tập cho đảng viên, cốt cán và quần chúng cách mạng.

Nội dung của đợt học tập này là quán triệt Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), ngày 15-7-1954 bàn về tình hình và nhiệm vụ mới[2], chỉ rõ mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ không thay đổi, phương châm từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị. Đảng viên, cán bộ phải dựa vào dân, bám quần chúng lãnh đạo nhân dân, dựa vào Điều 14C trong Hiệp định Giơnevơ năm 1954: "Mỗi bên cam kết không dùng cách trả thù hay phân biệt đối xử nào với những cá nhân hoặc tổ chức, vì lý do hoạt

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 15, tr. 283-315, 162-172.

động của họ trong lúc chiến tranh và cam kết bảo đảm những quyền tự do dân chủ của họ" để chống mọi âm mưu của địch, chống tăng tô, xáo canh giữ vững thành quả cách mạng, phải nắm chắc pháp lý Hiệp định Giơnevơ. Công tác binh vận được Đảng bộ khẳng định là một công tác có vai trò chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân.

Ngay sau khi hòa bình lập lại, từ kinh nghiệm địch - ngụy vận trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ đã chú trọng công tác binh vận, nhận thức công tác binh vận có vai trò chiến lược của cách mạng miền Nam, là cuộc vận động cách mạng trong hàng ngũ binh lính địch, thực hiện khẩu hiệu "công, nông, binh liên hiệp". Đảng bộ triển khai rộng rãi Chỉ thị số 92/BKĐ của Xứ ủy[1], chỉ rõ yêu cầu khách quan, chủ quan của công tác binh vận trong đường lối cách mạng miền Nam và những biện pháp tiến hành.

Các đảng bộ đã có ý thức và ra sức lựa chọn một số đảng viên, đoàn viên, nòng cốt để bồi dưỡng lý luận cách mạng, công tác vận động quần chúng, năm bước công tác cách mạng, công tác xây dựng Đảng và công tác bí mật, gài vào các cơ quan, chính quyền và quân đội địch tạo điều kiện "chui sâu, trèo cao", hoạt động theo phương châm "trường kỳ mai phục, súc tích thực lực, chờ đợi thời cơ, hành động có lý, có lợi".

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng lúc này chú trọng xây dựng lập trường, khí tiết, lý tưởng chủ nghĩa cộng sản và nhân sinh quan cách mạng, xác định rõ thái độ của người cộng sản.

Mặt khác, Đảng bộ cũng giáo dục phương châm, phương thức đấu tranh kết hợp công khai hợp pháp, nửa hợp pháp với bí mật, kết hợp xây dựng phong trào với xây dựng cơ sở, xây dựng

1. Tháng 10-1954, tại căn cứ Chắc Băng trong rừng U Minh huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ được tiến hành.

lực lượng, chống tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, chủ quan coi thường địch, bộc lộ lực lượng gây thiệt hại cho cách mạng.

Tỉnh ủy chủ trương: Tất cả các đảng viên phải thực hiện phương châm hoạt động bí mật. Đối với số đảng viên trước đây đã bị lộ mặt và các đồng chí trong cấp ủy tỉnh, huyện tuyệt đối không ra trình diện với địch, lĩnh giấy thông hành, nhưng để tiện việc đi lại từ địa phương này đến địa phương khác các đồng chí tự tạo mọi điều kiện để có giấy tờ, phải thay tên, đổi họ và quê quán. Các đồng chí đã có điều kiện công khai hợp pháp thì hòa trong nhân dân lĩnh giấy thông hành, nhưng phải cảnh giác, nếu bị địch nghi ngờ phải rút vào bí mật. Phải theo đúng phương châm ngăn cách, bất hợp pháp với địch, với nhân dân phải liên hệ chặt chẽ, mật thiết.

Kế thừa kinh nghiệm "chi bộ ly xã trở về xã" trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Tỉnh ủy chủ trương cán bộ, đảng viên phải bám đất, bám dân, bám chắc địa bàn hoạt động, lấy nhân dân làm cơ sở, lấy xã, ấp làm căn cứ, đặt thành vấn đề kỷ luật cho cán bộ, đảng viên nào thoát ly cơ sở. Đây là một chủ trương có tác dụng quyết định cho sự tồn tại, giữ vững cũng như phát triển phong trào trong tình huống khó khăn. Ta nắm được dân, tổ chức quần chúng bằng hệ thống "rễ chuỗi" có ý nghĩa quan trọng trong thời kỳ này.

Rút kinh nghiệm buổi đầu lãnh đạo đấu tranh chính trị, được trên uốn nắn giúp cho Đảng bộ nhận thức được yêu cầu và phương châm đấu tranh trong tình hình mới. Đấu tranh chính trị trực diện với địch phải nhằm đạt được bốn yêu cầu:

- Giải quyết quyền lợi thiết thân của nhân dân.
- Giác ngộ cách mạng cho nhân dân qua đấu tranh.
- Phân hóa, cô lập hàng ngũ giặc.
- Phát triển, củng cố lực lượng cách mạng.

Trong đấu tranh phải khéo léo, mềm dẻo, đấu tranh phải có lý, có lợi, đúng mục đích; phải dựa vào sức mạnh của quần chúng mà dùng lý lẽ thuyết phục, giằng co với địch, không quá mềm yếu, nhưng cũng không quá khích buông bỏ yêu cầu; phải biết tranh thủ lôi kéo sự đồng tình của gia đình binh sĩ, nhân viên ngụy quyền và binh sĩ ngụy, cô lập bọn ác ôn ngoan cố.

Từ đầu năm 1955, Đảng bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị chuyển hướng qua các khẩu hiệu ôn hòa, dùng lý lẽ để đấu tranh, thuyết phục. Hình thức đấu tranh phổ biến như: dân canh chống cướp, đòi bầu cử dân chủ Hội đồng hương chính, đòi tự do dân chủ, giữ vững quyền lợi về ruộng đất, bảo vệ quyền lợi về kinh tế.

Nhân dân đấu tranh không tham gia các tổ chức phản động tránh né đi quân dịch, không đi nghe các buổi tuyên truyền nói xấu cách mạng; khi bị bắt ép thì lên tiếng chất vấn, tìm cách phá rối trật tự, không chịu hô khẩu hiệu hoặc hô sai các khẩu hiệu do địch đưa ra. Ban đêm, lấy cớ bắt trộm, cướp, nhiều lần nhân dân đã bắt bọn chỉ điểm, do thám, công dân vụ, khi chúng đi rình rập theo dõi trong thôn xóm.

Vào tháng 5 và tháng 7-1955, hàng mấy vạn đơn từ, kiến nghị quần chúng đã gửi đến Ủy hội quốc tế, các cấp chính quyền địch, yêu cầu thiết lập lại quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi được gửi thư ra miền Bắc.

Khi Ngô Đình Diệm cho ban hành Dụ số 2 (ban hành ngày 8-10-1954), Dụ số 7 (ngày 5-2-1955) và Dụ số 57 (ngày 22-10-1956) buộc nông dân phải trả lại ruộng đất được cách mạng cấp trong thời kỳ kháng chiến và truy nộp tô cho địa chủ, thì một phong trào đấu tranh đòi giữ nguyên canh, không nộp tô quá mức quy định trong kháng chiến đã dấy lên trong toàn tỉnh. Với lý lẽ sắc bén và dựa vào lực lượng đông đảo, một

số cuộc đấu tranh của quần chúng giành được thắng lợi, buộc địch phải nhượng bộ. Song, cũng có một số cuộc đấu tranh bị địch đàn áp, quần chúng tham gia đấu tranh bị bắt bớ, tù đày.

Nhằm chống lại âm mưu độc tài chính trị dưới trò hề "trưng cầu dân ý" (ngày 26-10-1955), truất phế Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống chính quyền Sài Gòn và trong kỳ bầu cử Quốc hội bù nhìn (ngày 4-3-1955), nhân dân tổ chức nhiều hình thức đấu tranh để phản kháng như biểu tình vạch trần trò hề bịp bợm của Ngô Đình Diệm, phá rối bầu cử, không đi bỏ phiếu, rải truyền đơn của cách mạng,v.v.. Ở nhiều huyện, địch bắt ép đi bỏ phiếu, nhân dân tổ chức phá thùng phiếu, bấm thủng hình Ngô Đình Diệm trên lá phiếu rồi bỏ vào thùng phiếu. Đặc biệt, ở xã An Định (Mỏ Cày), một tổ hành động đã giết chết tên giáo Thiện giữ thùng phiếu. Ở xã Phước Thuận (Bình Đại), nhân dân vò xé, bôi bẩn các lá phiếu, hoặc lấy phiếu bầu gói bã mía, phân trâu, bò... rồi bỏ vào thùng phiếu. Cuộc bầu cử ở hai xã trên hoàn toàn thất bại.

Tháng 11-1955, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đến Bến Tre, trong thời gian ở tỉnh để khảo sát tình hình, đồng chí đã trực tiếp giúp cho Tỉnh ủy nhiều ý kiến chỉ đạo quý báu. Đồng chí lưu ý khả năng phản bội Hiệp định Giơnevơ của Mỹ - Diệm, căn dặn Đảng bộ Bến Tre trong bất kỳ tình huống nào cũng phải dựa vào dân để phát triển lực lượng, sẵn sàng đối phó khi địch phá hoại Hiệp định, đàn áp phong trào cách mạng; nhắc nhở con đường phát triển cách mạng là phải bằng con đường bạo lực với hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ. Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn đã giúp cho các đồng chí lãnh đạo Bến Tre sớm hình thành được phương hướng cách mạng cho tỉnh.

Trong hoàn cảnh gay go, phức tạp, thực hiện Chỉ thị số 17-N (tháng 3-1956) của Trung ương, Đảng bộ tiến hành sắp

xếp lại tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm cho cán bộ, đảng viên bám chặt trong dân để lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Tỉnh ủy bầu bổ sung đồng chí Bùi Ngọc Nghi và Nguyễn Tấn Quang vào Tỉnh ủy.

Thực hiện phương châm, đường lối xây dựng Đảng của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy phải củng cố Đảng, đi đôi với phát triển đảng viên mới, coi trọng củng cố hơn phát triển, coi trọng chất lượng hơn số lượng. Phát triển Đảng theo yêu cầu tinh giản, bí mật, lấy giáo dục cán bộ, đảng viên làm chính. Chỉnh đốn về tư tưởng: giáo dục nhằm bồi dưỡng lòng tin ở Đảng, ở quần chúng, ở sự nghiệp cách mạng.

Qua hai năm thực hiện đường lối đấu tranh chính trị đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ, Đảng bộ đã chuyển hướng kịp thời về tổ chức và phương pháp đấu tranh, khéo kết hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh với giữ gìn lực lượng cách mạng; biết gắn liền những khẩu hiệu chính trị thích hợp với khẩu hiệu dân sinh, dân chủ, đã phát động được hàng triệu lượt người, đủ các tầng lớp quần chúng tham gia đấu tranh. Phong trào ngày một rộng, mạnh kể cả thành thị và nông thôn. Tinh thần đấu tranh cách mạng được nâng lên, đoàn kết được mọi tầng lớp, tranh thủ được tề ngụy, khối đoàn kết công nông được củng cố, Mặt trận đoàn kết đấu tranh chống Mỹ - Diệm đòi hòa bình thống nhất đang hình thành. Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh, huyện đến cơ sở; từ thị xã, thị trấn đến nông thôn, trong vùng tôn giáo,... được giữ vững, đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng (một đảng viên trên 100 quần chúng). Lực lượng nòng cốt cách mạng nắm nòng cốt quần chúng theo hệ thống rễ chuỗi đều khắp. Các tổ chức hợp pháp, bán hợp pháp của quần chúng như vạn cấy, vần đổi công, hội đình chùa, hội banh,... phát triển rộng mạnh, để cơ sở cách mạng dựa vào đó mà sinh hoạt, tập hợp quần chúng.

Nhân dân Bến Tre đã biểu lộ rõ lòng yêu nước và ý chí kiên cường của mình, đồng thời, cũng nhận rõ âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tội ác phản bội bán nước của bọn tay sai. Tổ chức giao liên gồm hai bộ phận: giao liên bí mật và giao liên công khai bảo đảm liên hệ giữa các cấp địa phương được thông suốt, mau chóng.

Thực hiện khẩu hiệu "công - nông - binh liên hiệp" với những chủ trương, chính sách vận động phù hợp, công tác binh vận trong tỉnh phát triển mạnh. Thời gian này, Bến Tre đã xây dựng được trên 1.100 cơ sở nội tuyến trong tỉnh và 400 cơ sở ngoài tỉnh, trong số này có hơn 20% là đảng viên và đoàn viên Đoàn Thanh Lao.[1] Ta đã tổ chức phát chứng minh thư trong gia đình binh sĩ, phát triển được trên 300 hội viên Hội yêu nước trong binh sĩ ngụy, xây dựng được 50 chi hội trong tỉnh, hai chi hội trong quân chủ lực ở Pleiku và khu dinh điền Vị Thanh (Cần Thơ).

Với cơ sở như trên, ta đã khống chế được 95% tề xã và dân vệ, kể cả cảnh sát thị xã. Trong tám đại đội bảo an tỉnh, ta khống chế được từ 60 đến 80% (tiêu chuẩn khống chế là: cơ sở cách mạng bên trong qua chức vụ của mình hoặc qua việc nắm cảm tình binh sĩ, đủ sức chi phối hoạt động của đơn vị đó). Cơ sở trong lòng địch có tác dụng hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng, tạo điều kiện cho cán bộ hoạt động, bảo vệ lực lượng cách mạng, hạn chế sự truy lùng và khủng bố của địch. Thắng lợi của hai năm đấu tranh chính trị là những cơ sở, điều kiện và tiền đề vững chắc cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre bước vào cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt trong những năm tiếp theo[2].

1. Tên viết tắt của Đoàn Thanh niên lao động.

2. Trong bản *Tình hình đặc biệt tỉnh Kiến Hòa từ ngày 20 đến 23-1-1960,* tài liệu của Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu, Phòng II của địch đã thừa nhận: "Tại Kiến Hòa tổ chức nội tuyến của Việt cộng rất chặt chẽ và đã thành công, do chính quyền ta chưa nắm vững được từ các bộ máy hành chính tỉnh đến hội đồng xã, bảo an, dân vệ, hiện tại ta mới triệt chừng 1/10 nội tuyến mà thôi...".

2. Đấu tranh chống "tố cộng, diệt cộng", giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng

Theo Hiệp định đình chiến ký kết tại Hội nghị Giơnevơ, hai năm sau (năm 1956), phải có tổng tuyển cử tự do toàn quốc để thống nhất đất nước, nhưng Ngô Đình Diệm phản bội, công khai trả lời Công hàm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dứt khoát không thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Sau khi thanh toán xong các lực lượng vũ trang giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên và các phần tử thân Pháp, chính quyền Diệm phát động "tố cộng, diệt cộng" giai đoạn 2 với quy mô lớn, tập trung lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế cùng bộ máy đàn áp đồ sộ và bằng mọi thủ đoạn, biện pháp từ lừa mị, bịp bợm, dụ dỗ đến khủng bố tàn sát đẫm máu hòng tiêu diệt triệt để phong trào cách mạng miền Nam, hô hào "lấp sông Bến Hải", "Bắc tiến".

Ở Bến Tre, sau khi hoàn thành việc thanh lọc hàng ngũ và quân sự hóa bộ máy ngụy quyền cấp tỉnh, vào năm 1956, Mỹ - Diệm đưa thêm lực lượng công an, tình báo, Công dân vụ, hàng trăm sĩ quan ác ôn từ Sài Gòn, Định Tường về. Bọn "Công an Ngô Quyền", "Công an Duyên hải" của Nha cảnh sát đô thành Sài Gòn cũng được tăng cường cho ngụy quyền Bến Tre để hình thành ở đây một đội quân chống cộng với đầy đủ tính chất phát xít của nó. Những tên phản động trong Thiên Chúa giáo, do thám, chỉ điểm trước còn hoạt động dè dặt, giờ trỗi dậy hung hăng ra mặt chống phá cách mạng.

Với lực lượng kể trên (gồm 3.000 tên, trong đó có 9 đại đội bảo an), chúng chia ra đóng ở tỉnh lỵ, 7 quận lỵ, thành lập 24 tổng đoàn dân vệ, mỗi tổng đoàn 12 tên, mỗi tổng đoàn cơ động phụ trách trong phạm vi 3 đến 4 xã để thường xuyên yểm trợ cho hơn 1.300 dân vệ đóng đồn bốt, tháp canh ở xã, ấp.

Từ năm 1956, Mỹ - Diệm đã liên tiếp mở chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" ở Bến Tre song song với các chính sách kìm kẹp nhân dân, bắt lính đôn quân. Mở đầu cuộc tấn công vào Đảng và đội quân chủ lực của Đảng ở nông thôn là nông dân, Ngô Đình Diệm đã ra Dụ số 57 (ngày 20-10-1956) với khẩu hiệu lừa bịp "Hữu sản hóa nông dân", "Thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội". Dụ số 57 quy định: mỗi địa chủ được phép giữ lại 100ha ruộng đất (ngoài ra còn nhiều khoản phụ khác), số còn lại để bán cho chính quyền, "truất hữu" bằng cách mua lại để bán cho nhân dân. Theo quy định trên thì bọn địa chủ ở miền Nam với 2/3 diện tích đất chiếm hữu đều không bị "truất hữu". Những tên đại địa chủ có ruộng đất vượt quá "quy định" được chính quyền Ngô Đình Diệm trả cho một số tiền lớn (10% tiền mặt, 90% trái phiếu lãi suất 3% năm) để chuyển sang hoạt động kinh doanh theo lối tư bản.

Đối với nông dân, vì không có tiền mua lại số ruộng đất "truất hữu" đó nên hầu hết số ruộng đất này lại rơi vào tay bọn địa chủ, bọn quan chức địa phương và bọn sĩ quan trong quân đội của chúng. Được chính quyền Ngô Đình Diệm bảo hộ, những tên địa chủ cường hào chạy trốn trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nay đã quay trở về bắt nông dân lập khế ước nộp tô và truy nộp tô đã bị cách mạng xóa bỏ trong những năm kháng chiến.

Trong vòng không đầy ba năm từ sau ngày hòa bình lập lại, chính quyền tay sai và bọn địa chủ phản động ở Bến Tre đã cướp lại 76.836ha ruộng vườn của nông dân. Chúng tăng tô từ 1 giạ hoặc 1,5 giạ/công ruộng lên tới 3 giạ, có nơi 5 hoặc 6 giạ/công ruộng, trong lúc một công đất năng suất từ 7 đến 8 giạ. Hằng năm nông dân phải chịu thiệt, đóng tăng tô có đến 1 triệu giạ lúa.

Chúng đã lập ra bốn khu trù mật: Thành Thới (Mỏ Cày), An Hiệp (Châu Thành), An Hiệp (Ba Tri), Thới Thuận (Bình Đại)

với ý đồ gom dân vào đây để kìm kẹp, khống chế, tách dân ra khỏi cách mạng, nhằm tiêu diệt cán bộ cách mạng, tăng cường phát triển ngụy quân.

Khu trù mật Thành Thới làm thí điểm cho cả miền Trung Nam Bộ, được ngụy quyền xem là một Vị Thanh - Hỏa Lựu thứ hai. Khu trù mật Thành Thới được địch khởi công xây dựng vào ngày 30-9-1959 với ý đồ kiểm soát, khống chế phía sông Cổ Chiên, vừa ngăn chặn các cuộc tiến công của ta ra tỉnh lộ 30. Chúng đã huy động 2.000 dân ở các tỉnh miền Tây (Định Tường, Long An, Vĩnh Long, An Giang, Vĩnh Bình, An Xuyên, Ba Xuyên) và 2.000 dân ở bốn quận: Trúc Giang, Hàm Long, Thạnh Phú, Mỏ Cày đi làm xâu tại khu trù mật (đào kênh, đắp nền, làm đường...)[1]. Trong ngày khánh thành khu trù mật Thành Thới (ngày 15-7-1960), Ngô Đình Diệm và nhiều nhân vật cấp cao trong bộ máy chính quyền Sài Gòn cấp trung ương, cấp tỉnh đến dự, hết lời ca ngợi thành tích hoàn thành khu trù mật với những viễn cảnh tốt đẹp cho người dân nơi đây, nhưng trên thực tế thì hoàn toàn trái ngược, cảnh đau thương, chết chóc diễn ra hằng ngày, nhân dân bị o ép vào sống trong khu trù mật khổ sở, kinh tế đời sống vô cùng khó khăn. Tại khu trù mật thường xuyên có một đại đội bảo an đóng giữ. Chỉ trong thời gian từ tháng 9-1959 đến khi khu trù mật bị nhân dân san bằng (tháng 11-1964), chúng đã giết chết 124 người, đánh đập làm thương tật 97 người, bắt bớ, tù đày hàng ngàn người, 467 ngôi nhà và trường học bị phá sạch.

Ngày 6-5-1958, Diệm đưa Lê Xuân Khánh, một tên chống cộng khét tiếng về làm Trưởng Ty Công an Kiến Hòa[2], gây nhiều nợ máu với Đảng bộ và nhân dân Bến Tre.

1. Theo tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Xuân Khánh, sinh năm 1915, quê quán xã Vang Quới, Bình Đại, công tác trong ngành cảnh sát an ninh của Pháp từ năm 1937.

Chúng bắt dân đổi thẻ căn cước, phân loại gia đình theo A, B, C để kìm kẹp khống chế. Gia đình loại A là những gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người đi tập kết, trước nhà phải treo bảng đỏ. Những người trong gia đình loại A ngoài việc địch bắt bớ, tra khảo, bắt ly khai cộng sản, bất kể ngày đêm nếu có lệnh tập trung của địch phải đến trụ sở hội đồng hương chính xã điểm danh, đi thưa, về trình.

Gia đình loại B là gia đình có cảm tình hoặc liên quan với cách mạng, trước nhà treo biển màu vàng, hằng tháng phải làm cam kết ly khai cộng sản, hằng ngày phải lao động "công ích". Những gia đình loại C là những gia đình theo quốc gia, trước nhà treo biển xanh được địch đối xử ưu đãi. Chúng thực hiện phương châm dựa vào loại C để đánh vào loại A, làm cho loại B khiếp sợ. Địch còn tổ chức ra "ngũ gia liên bảo" dùng gia đình này giám sát gia đình khác. Chúng bắt mỗi gia đình phải treo đèn trước cửa, mỗi nhà phải chuẩn bị đèn, cây, dây, mõ,... tham gia canh gác, báo động, lùng bắt người lạ mặt vào xóm, ấp. Thâm độc hơn, những tên chỉ huy còn treo giải thưởng cho binh lính, sĩ quan phá gia đình cán bộ cách mạng bằng cách mua chuộc, dụ dỗ vợ cán bộ,... nhằm đánh vào chỗ dựa tinh thần của cán bộ thoát ly. Trong khi địch dùng bạo lực phát xít đánh vào lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, nhưng Trung ương vẫn chưa có chủ trương mới, nên Xứ ủy vẫn giữ đường lối đấu tranh chính trị, súc tích lực lượng, cấm hoạt động vũ trang sợ manh động tổn thất cho phong trào chung. Do vậy, nhiều cấp ủy địa phương lúng túng nên phong trào cách mạng của quần chúng gặp nhiều khó khăn, tổn thất.

Trong cuộc họp Huyện ủy Bình Đại đầu năm 1957, đồng chí Nguyễn Thị Định đại diện Tỉnh ủy phổ biến Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6-1956 và truyền đạt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy

về nhiệm vụ và phương hướng đấu tranh trước mắt. Hội nghị thảo luận và tranh luận đến 20 ngày về con đường phát triển của cách mạng sắp tới nên võ trang hay đấu tranh chính trị đơn thuần, Huyện ủy cho rằng trước sự khủng bố ác liệt của kẻ thù, ta phải sử dụng bạo lực vũ trang để chuyển biến tình thế. Quần chúng trong huyện và nhiều nơi đang đòi hỏi cấp bách.

Đồng chí đại diện Tỉnh ủy cho rằng, nếu tổ chức lực lượng võ trang đánh địch sẽ vi phạm Hiệp định và đi chệnh đường lối đấu tranh chính trị của Đảng.

Hai ý kiến không dung hòa nhau, đồng chí Nguyễn Văn Khước - Bí thư Tỉnh ủy phải xuống dự họp phân tích tình hình và nhấn mạnh: Vấn đề hết sức quan trọng hiện nay là giữ gìn và súc tích lực lượng, còn việc bao giờ được võ trang và sử dụng lực lượng vũ trang đến mức nào ta phải chờ lệnh Đảng. Dù cuộc tranh luận về quan điểm bạo lực vũ trang tạm dừng lại, các đồng chí trong Huyện ủy Bình Đại chưa thỏa mãn, nhưng vẫn phục tùng tổ chức.

Để phù hợp với tình hình cách mạng mới, giữa năm 1957, Xứ ủy quyết định đưa tỉnh Bến Tre thuộc Liên Tỉnh ủy miền Tây về trực thuộc Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ.

Trước hành động đánh phá ác liệt của địch đối với phong trào cách mạng, Tỉnh ủy đã kiểm điểm, đánh giá tình hình và đề ra một số chủ trương khẩn cấp như: củng cố lại các cấp ủy đảng và chi bộ ở cơ sở, giữ vững mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở đảng với quần chúng, tăng cường khối đoàn kết nhất trí trong nhân dân; củng cố cơ sở cách mạng, phát động quần chúng duy trì và đẩy mạnh đấu tranh chính trị chống khủng bố, bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng; tranh thủ gia đình binh sĩ, đẩy mạnh công tác binh - tề vận, chọn người cài cắm vào hàng ngũ địch, phân hóa bọn ác ôn, bọn lưng chừng và có đối sách

phù hợp. Ở xã, ấp, ta thành lập các đội tự vệ dưới danh nghĩa "dân canh chống cướp", phối hợp với phong trào đấu tranh chính trị để bảo vệ cán bộ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Tỉnh ủy đã tổ chức cho toàn Đảng bộ học tập hiểu rõ mục tiêu của cách mạng, quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng, tư tưởng chiến lược tiến công để củng cố thêm lòng tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng, khắc phục những tư tưởng lệch lạc như: quá tin và dựa vào pháp lý Hiệp định Giơnevơ, buông lơi khâu củng cố thực lực. Từ năm 1957, Đảng bộ vừa tích cực xây dựng lực lượng chính trị, vừa lãnh đạo phong trào toàn dân đấu tranh chống khủng bố, chống bắt lính, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng, đấu tranh chống gom dân vào khu trù mật, cuối cùng là vận động nhân dân trở về đất cũ. Đồng thời, Đảng bộ cũng chủ trương đẩy mạnh tuyên truyền trong nông dân và cả trong địa chủ, phân tích âm mưu của Mỹ - Diệm, về thực chất của Dụ số 57, cùng với việc vận động nhân dân chống "xáo canh, tăng tô" và "giữ nguyên canh, tăng cường đoàn kết nông thôn". Trong quá trình đấu tranh quyết liệt với kẻ thù vô cùng tàn bạo để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng, Đảng bộ đã hình thành được lực lượng đấu tranh chính trị, tập hợp đông đảo phụ nữ và các gia đình binh sĩ ngụy tham gia ở khắp các xã, ấp. Bản chất chính trị của kẻ thù là lừa mị, giả dối, nên càng đấu tranh thì tổ chức đấu tranh của quần chúng ngày càng tinh thục, phương pháp đấu tranh ngày càng sắc bén. Quần chúng đã biến các cuộc "tố cộng"của địch thành trò hề đả kích lại chính chế độ Mỹ - Diệm. Đấu tranh chính trị của quần chúng cũng đã góp phần chặn bàn tay đẫm máu của kẻ thù, bảo vệ được nhiều cán bộ của Đảng và quần chúng cách mạng.

Ngoài việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh hằng ngày với địch, cán bộ, đảng viên vẫn bám dân, giữ vững liên lạc và tích cực làm công tác binh - tề vận.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, giữ gìn phẩm chất khí tiết người cộng sản, nâng cao lập trường giai cấp cho đảng viên, đầu năm 1958, Tỉnh ủy điều động năm đồng chí cán bộ là bí thư huyện ủy và tương đương đi mở lớp lưu huấn ở các huyện, mỗi đồng chí phụ trách từ một đến hai huyện. Mỗi lớp có từ năm đến bảy học viên là bí thư xã. Thời gian mỗi lớp học khoảng 10 ngày. Đồng chí Võ Văn Phụ (Mười Sinh), Nguyễn Văn Trước (Tám Trường) mở lớp ở Thạnh Phú, đồng chí Phan Văn Giảng (Hai Lân) mở lớp ở Sóc Sãi và Mỏ Cày, đồng chí Nguyễn Văn Thành (Bảy Đá) mở lớp ở Ba Tri, Mỏ Cày, đồng chí Nguyễn Văn Hanh mở lớp ở Châu Thành (khu vực Giồng Trôm sau này).

Tài liệu dùng cho các lớp gồm:

- Năm bước công tác cách mạng.
- Chủ nghĩa cộng sản sơ giải.
- Công tác dân vận.
- Nhiệm vụ đảng viên.
- Khí tiết người cộng sản.

Báo *Hòa bình thống nhất* được tiếp tục xuất bản[1].

Các đồng chí không may sa vào tay địch, giam tại khám Lá Bến Tre đã có những hình thức đấu tranh chống chế độ lao tù của Mỹ - ngụy, nổi bật là số tù tiểu khu[2] đã có mặt từ năm 1955 đến năm 1960. Mặc dù bị địch kềm kẹp gắt gao, ta đã củng cố các cơ sở đảng trong nhà lao lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Giữa năm 1956, Chi bộ Khám Lá Bến Tre được hình thành gồm 20 đảng viên do đồng chí Nguyễn Nhơn Nghĩa,

1. Tháng 10-1958, đồng chí Nguyễn Văn Châu bị địch bắt, báo *Hòa bình thống nhất* tạm đình bản. Đến cuối năm 1958, báo tiếp tục xuất bản do đồng chí Nguyễn Văn Thành (Ba Kiên, còn có tên khác là Bảy Đá) làm Trưởng biên tập cho đến ngày 20-3-1960, báo *Hòa bình thống nhất* đổi thành báo C*hiến thắng.*

2. Số tù nhân này do bọn tình báo và lực lượng quân sự bắt từ năm 1955 đến năm 1957 nên gọi là tù tiểu khu.

đồng chí Trịnh Thiên Tuế lãnh đạo, có chân rết là Ban Cán sự (như tổ đảng) phụ trách tù nhân ở từng huyện.

Chi bộ xác định nhiệm vụ là: điều tra, nắm cho được lực lượng tù nhân, giáo dục ổn định tinh thần, giữ vững khí tiết cách mạng, không khuất phục trước sự đàn áp của kẻ thù, cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn dụ dỗ, lường gạt của chúng. Đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, trong đấu tranh với địch. Giữ gìn phẩm chất, tư cách của người đảng viên, người cách mạng.

Sau khi hình thành, chi bộ đã liên hệ được phần lớn đảng viên từ bên ngoài và cơ sở cách mạng bị địch bắt vào, xây dựng tình cảm quê hương, bạn bè, không khí trong nhà lao dần dần thay đổi, niềm tin được nâng lên, tinh thần ổn định. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, nhiều cuộc đấu tranh cho dân sinh, dân chủ của tù nhân đã diễn ra với quy mô lẻ tẻ như đòi cho tù nhân được uống nước nấu chín, đòi đủ cơm ăn, đòi rau, cá sạch, đòi mở cửa sớm cho tù nhân ra tập thể dục, v.v..

Cuối năm 1956, một cuộc đấu tranh của toàn trại đã nổ ra, tù nhân không chịu ăn cá mòi thiu, đòi thay đổi thức ăn, địch cho lính vào hăm dọa, chửi bới, đánh đập, nhưng với lý lẽ khôn khéo của ta, địch phải nhượng bộ, bắt nhà thầu thay đổi thức ăn.

Giữa năm 1957, tên Trưởng trại gọi đồng chí Lâm Bình - đại diện tù nhân lên văn phòng rồi hăm dọa, đánh đập, đồng chí kêu cứu. Liền đó, toàn trại đã hưởng ứng, hô vang khẩu hiệu "Đả đảo đánh đập" vang dội trong đêm khuya. Tên Trưởng trại mở cửa khám chạy trốn, địch hoảng hốt cho ốc hụ báo động. Chi ủy liền chỉ đạo ổn định tình hình, không cho sơ hở để địch lợi dụng khủng bố, và cử ngay ba tù nhân làm đại diện để sẵn sàng tiếp xúc với bọn chỉ huy của địch.

Đúng như dự kiến, sau đó, hai sĩ quan của cơ quan quân sự tỉnh và một số tùy tùng đã kéo vào nhà giam, tập hợp tù nhân ra sân trại. Đại diện tù nhân ôn tồn phản ảnh sự việc, địch phải xin lỗi về hành động của tên Trưởng trại, hứa sẽ đổi trưởng trại khác.

Qua năm 1958, anh em tù nhân tiểu khu bắt đầu và liên tục đấu tranh đòi xét xử vì thời gian bị giam cầm đã quá quy định (lúc đó, chính quyền Ngô Đình Diệm quy định thời gian giam giữ không quá hai năm, nhưng tất cả số tù nhân đã ở tù gần và trên ba năm). Mỗi khi có sĩ quan, quan chức, phái đoàn vào thị sát khám Lá đều bị tù nhân trực diện đấu tranh buộc chính quyền tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre) phải cầu cứu Nha Công an ở Sài Gòn đưa người xuống Kiến Hòa, mở cuộc điều tra, làm hồ sơ lại để xét xử bí mật.

Trong quá trình tổ chức và lãnh đạo phong trào đấu tranh tại khám Lá Bến Tre, chi bộ nhà tù bốn lần bị bể, có sáu đồng chí bị địch khảo tra, đánh đập tàn nhẫn nhưng tất cả đều giữ vững khí tiết, đấu tranh quyết liệt với địch và đã hy sinh[1], bốn đồng chí bị địch đưa ra xét xử tại Tòa án quân sự Sài Gòn về tội lập chi bộ nhà tù. Giữa năm 1959, địch phát hiện ra 24 đảng viên chi bộ nhà tù. Tất cả đều bị địch đưa đến cơ quan Ty Công an tra tấn suốt một ngày. Tất cả đều đổ lỗi cho người khai, không nhận. Địch đưa đi biệt giam sáu tháng rồi thả về.

Trong quá trình hình thành và hoạt động, Chi bộ Nhà lao đã nhận được nhiều bạch thư, chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo ở bên ngoài, nhận báo *Hòa bình thống nhất,* tài liệu và cả tập sách *Vượt Côn Đảo* từ bên ngoài gửi vào và qua các cán bộ chuyên trách thông tin của chi bộ[2] đã tìm mọi cách truyền lại

1. Các đồng chí Sáu Đấu, Mười Mường, Chế Ngọc Triều, Ba Nhái, Cưởng (Châu), Bảy Chì.

2. Đồng chí Rô (Đào Văn Cảnh).

tinh thần cho chi ủy, cho các tù nhân, góp phần khích lệ tinh thần, củng cố thêm lòng tin cho cán bộ, đảng viên đang bị địch giam giữ trong nhà tù.

Trong những năm 1957-1959, chi bộ đã giao nhiệm vụ làm công tác binh vận cho những đồng chí có điều kiện. Bằng mọi cách, tổ binh vận của chi bộ đã xây dựng 30 cơ sở binh vận trong đại đội bảo an, cảnh sát chung quanh khám Lá, một số đã giới thiệu cho bên ngoài quan hệ.

Cũng trong thời gian này, việc xây dựng lực lượng vũ trang ngầm được tiến hành hết sức bí mật. Việc này chỉ do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy nhận chỉ thị cấp trên và chỉ đạo qua đồng chí tỉnh ủy viên và cán bộ chủ chốt được phân công. Tên các đồng chí của đội quân ngầm không được ghi vào các văn bản, không được bàn ngoài số cán bộ được giao. Nguyên tắc bí mật được thực hiện triệt để. Khoảng giữa năm 1957, Bến Tre đã tổ chức được hai đội quân ngầm: đại đội ở cù lao Minh do đồng chí Lê Minh Đào làm Chính trị viên, Bí thư Chi bộ; đại đội ở cù lao Bảo do đồng chí Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân) làm Chính trị viên, Bí thư Chi bộ. Còn ở cù lao An Hóa, đồng chí tỉnh ủy viên phụ trách lực lượng ngầm đã bàn bạc với đồng chí Bí thư Huyện ủy chuẩn bị tiến hành tổ chức.

Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân ngày càng phát triển với nhiều hình thức phong phú: gửi thư, đăng báo, gửi kiến nghị tố cáo vạch mặt bọn ác ôn. Quần chúng đã kéo được Hội luật gia ngụy từ Sài Gòn đến Sóc Sãi điều tra tình hình và buộc địch phải đổi tên Quận Sơn "hùm xám Sóc Sãi" ở đây đi nơi khác.

Ở Khánh Thạnh Tân (Mỏ Cày), quần chúng đã buộc địch phải ra lệnh giam tên đại diện Nhơn ác ôn.

Ngày 7-6-1958, những người kháng chiến cũ bị địch bắt giam tại nhà ngục Cuty - Pleiku (phần lớn trong số những người bị bắt giam tại đây quê ở Bến Tre) đã lợi dụng lúc địch đưa đi xây đắp phi trường Chudron, nổi dậy giết tên lính gác, bắt trói toàn bộ số sĩ quan, binh lính của đại đội giữ trại, thu 24 súng, vượt sang biên giới Campuchia, sau đó, vượt trại Srépok để về miền Nam, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tháng 12-1958, để hưởng ứng phong trào đấu tranh của toàn quốc lên án Mỹ - Diệm đầu độc, giết hại 1.000 tù nhân ở trại giam Phú Lợi, Tỉnh ủy đã huy động hơn 500 đồng bào Bến Tre kéo lên Sài Gòn biểu tình. Một trăm người của đoàn biểu tình bị địch bắt giam. Được tin, hàng vạn quần chúng trong tỉnh đã kéo về thị xã, các thị trấn biểu tình và tổ chức lễ cầu siêu ở các chùa, thánh thất, nhà thờ trong tỉnh để tố cáo bọn giết người.

Phong trào chống không làm khế ước, chống xáo canh, tăng và truy tô ở khắp vùng nông thôn diễn ra liên tục, quyết liệt. Nông dân quyết tâm bám giữ mảnh đất của mình. Để giữ được ruộng đất, nông dân đã phải đổ máu. Điển hình là vụ một nông dân dùng dao chém tên địa chủ ở chợ Giồng Luông, xã Đại Điền, Thạnh Phú.

Những tấm gương anh dũng bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ xuất hiện nhiều nơi trong những năm 1957-1959. Khi cán bộ bị địch bắt, quần chúng dùng những phương cách như đứng ra nhận là người thân thuộc, họ hàng để bao che, nổi trống, mõ hô có cướp rồi xách cây, dây xông ra cản đường địch, quần chúng đã nhiều phen cứu thoát được cán bộ. Nhân dân xã Hưng Khánh Trung (Mỏ Cày) đã giải thoát được đồng chí Ba Trí - cán bộ huyện Mỏ Cày, khi đồng chí bị địch bắt, cũng bằng cách kéo hàng trăm người cùng nhau đến chống cướp, buộc địch phải tháo lui.

Nhân dân còn tổ chức làm đám tang, làm lễ cầu siêu cho những cán bộ bị địch giết ở trại giam Phú Lợi để biểu thị sự phản đối của quần chúng và vạch trần tội ác của địch. Năm 1958, khi đồng chí Đoàn Văn Đẹt (Bình Khánh) là đầu mối giao liên huyện Mỏ Cày bị giặc giết, mấy ngàn người ở các xã lân cận đã kéo đến dự đám tang, tổ chức míttinh tố cáo tội ác của địch, buộc bọn giết người phải nhận lỗi trước quần chúng và bồi thường thiệt hại cho gia đình nạn nhân. Cuộc biểu tình chống địch giết hại đồng chí Hai Đẹt là cuộc đấu tranh chính trị hợp pháp có tiếng vang lớn ở Mỏ Cày.

Trong cuộc đấu tranh chống "tố cộng, diệt cộng", có thể nói khắp ba cù lao, không sao nói hết những gương hy sinh anh dũng tuyệt vời của cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng. Cán bộ, đảng viên phải nằm hầm, ngủ bụi, sống trên đọt dừa, chịu đựng biết bao nguy hiểm, quyết dựa vào dân mà hoạt động. Nhân dân căm thù địch sâu sắc, dù biết cái chết kề bên vẫn hết lòng đùm bọc, che giấu cán bộ, đảng viên với đủ mọi kiểu cách, làm vách đôi, tủ hai ngăn, hầm bí mật trong nhà. Khi địch bất ngờ ập tới, nhiều mẹ, nhiều chị đã bằng mưu kế nhận cán bộ là chồng, anh em để che mắt địch hoặc kịp báo động để cán bộ xuống hầm bí mật.

Mẹ Trần Thị Kế ở xã Hưng Phong (Giồng Trôm) - vợ đồng chí Phạm Công Văn, địch biết chồng mẹ không đi tập kết ở lại hoạt động bí mật, chúng bắt mẹ tra tấn dã man, buộc mẹ phải chỉ chỗ ở của chồng mình. Thà chết mẹ không khai. Trước kẻ thù mẹ dõng dạc trả lời: "Chồng con tao ở trong tim tao, bây muốn kiếm mổ ra mà kiếm". Mẹ bị địch đánh chết trong nhà giam. Hay em Nguyễn Thị Chi 15 tuổi ở xã Phước Thạnh, khi địch ập vào nhà trong lúc mẹ em đi vắng, em thà bị địch tra khảo, nhưng nhất định không chỉ hầm bí mật, chỗ đồng chí Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân) đang ở. Đồng chí Nguyễn Thị Định về

Phước Thạnh, địch bao vây nhà. Hai em Thành và Công giả cãi lộn nhau làm bể nồi cám heo lấp miệng hầm che mắt địch. Chị Nguyễn Thị Hạnh - một cán bộ huyện Thạnh Phú bị địch bắt, đánh đập tàn nhẫn đến lúc chỉ còn thở thoi thóp, da bọc xương. Bà Ba Chắc - một quần chúng yêu nước, khăn gói đi thăm nuôi, thấy chị Hạnh sắp chết, bị địch đem bỏ ở nhà xác, bà cùng cô y tá Đồng bất chấp hiểm nguy, cứu thoát chị từ cõi chết trở về. Còn biết bao gia đình có công với cách mạng, nhiều bà mẹ anh hùng không thể nào kể hết, đã vì nghĩa lớn, không quản hy sinh, mất mát để bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên trong những năm tháng cực kỳ gian khổ ác liệt này.

Chúng ta cũng không thể nào quên gương hy sinh anh dũng của cán bộ, đảng viên như: đồng chí Nguyễn Văn Duy, Huyện ủy viên - Bí thư xã Lương Hòa, đồng chí Trần Văn Lộ ở Hiệp Hưng (Giồng Trôm), đồng chí Trần Hoàn Vũ, Bí thư Chi bộ thị trấn Bình Đại, đồng chí Võ Tấn Nhứt - Tỉnh ủy viên - Tỉnh đội phó, cán bộ kháng chiến cũ. Nhiều đồng chí bị bắt tù đày đã biến nhà tù thành trận địa đấu tranh, đã bị địch tra tấn dã man đến chết như đồng chí Mừng, đồng chí Phan Văn Châu (Cưởng) cán bộ báo *Hòa bình thống nhất*. Cuộc đấu tranh trong nhà tù tác động đến các cuộc đấu tranh ở bên ngoài. Hai mặt đấu tranh đó cổ vũ, thúc đẩy lẫn nhau.

Không thể khoanh tay chờ chết, nhân dân đã tự mình thực hiện pháp lý của mình. Những tên Việt gian, công an, cảnh sát, do thám chỉ điểm, tình báo bị trừng trị ngày càng nhiều làm cho bọn ác ôn phải chùn tay. Nhiều cơ sở nội tuyến đã góp phần diệt ác ôn bằng cách riêng của mình.

Ngày 29-4-1958, tổ thanh niên ngầm trong đội banh[1] xã Phước Hiệp gồm: Phan Văn Thử, Phan Văn Sự, Phạm Văn

1. Đội bóng *(BT)*.

Phạt, Trần Văn Đức, Trần Văn Đơ đã đập chết tên cảnh sát Đa ác ôn mang ra một súng trường Mas. Sau đó, địch đưa tên Cái ác ôn về làm cảnh sát. Hơn một năm sau, ngày 2-10-1959, Phạm Minh Thắng (Dòn) bắn chết tên cảnh sát Cái ác ôn, mang ra một súng trường Mas. Tại Tân Phú Tây, ta diệt tên Sứ; xã Tân Trung diệt tên cảnh sát Luông. Ở Thới Thuận (Bình Đại), nhân dân đã diệt tên Ngô Văn Giang và giật súng của bọn Thanh niên cộng hòa, một số địa phương chủ trương diệt ác ôn, chỉ điểm. Tại xã An Ngãi Tây (Ba Tri), thanh niên lập mưu diệt tên Đội Gẫm và hai tên lính, thu ba súng. Đến giữa năm 1958, địch nhận thấy giai đoạn 2 "tố cộng, diệt cộng" gặp nhiều khó khăn, chẳng những không diệt được "cộng sản" mà trái lại phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang ngầm càng phát triển. Để đối phó với phong trào cách mạng của quần chúng, địch tập trung lực lượng đánh trả ác liệt, đàn áp khủng bố dã man. Tình hình chung làm cho không ít cán bộ hoang mang, dao động, hoài nghi khả năng võ trang tuyên truyền, nảy sinh tư tưởng cầu an.

Từ những tháng cuối năm 1958, đầu năm 1959, Xứ ủy chỉ đạo cho các Liên Tỉnh ủy không cho hoạt động vũ trang, đưa phần lớn cán bộ, đảng viên bị lộ đi "điều lắng" để giữ gìn lực lượng. Chủ trương điều lắng của ta có nguyên tắc và biện pháp rất rõ ràng "nhằm bảo vệ cán bộ, đảng viên, nhưng không làm suy yếu lực lượng và phong trào cách mạng". Cán bộ, đảng viên trực thuộc cấp nào, do cấp đó xét tình hình thực tế mà quyết định cho "điều lắng".

Cán bộ, đảng viên "điều lắng" được cho thời hạn ba tháng để tạo chỗ nơi ăn ở mới và có quy định quan hệ liên lạc với tổ chức chu đáo. Khi tạo được nơi đứng chân, báo cáo cho tổ chức để được giới thiệu liên lạc, sinh hoạt và nhận công tác với địa phương mới.

Số đảng viên còn lại ở địa phương chia làm hai bộ phận: Chi bộ A gồm các đồng chí hoạt động bí mật, Chi bộ B gồm các đảng viên hoạt động hợp pháp. Hai chi bộ tồn tại trong một xã nhưng ngăn cách với nhau.

Ngày 23-3-1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Từ ngày 25-4 đến ngày 10-5-1959, chúng phát động chiến dịch "đồng tâm diệt cộng" quy mô lớn, đầu tiên ở Kiến Hòa (Bến Tre) rồi đến Vĩnh Bình (Trà Vinh), Định Tường (Mỹ Tho), Long An. Địch coi dân Kiến Hòa là bất trị. Chúng huy động lực lượng lớn khoanh vùng, ruồng ráp vào từng ấp, từng nhà, lùng sục, dùng chó béc giê đánh hơi, chĩa[1] xâm hầm bí mật, bắt bớ, bắn giết cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng.

Tháng 4-1959, Quốc hội Việt Nam Cộng hòa thông qua Đạo luật 91 và được Ngô Đình Diệm ban hành mang tên "Luật 10/59" về thành lập các tòa án quân sự đặc biệt để xử những người cộng sản; theo Luật 10/59, tội xử chỉ có hai mức: tử hình và khổ sai, kéo dài ba ngày là tối đa, không có giảm khinh, không có kháng án. Thực chất của Luật 10/59 là đánh vào tất cả các lực lượng cách mạng và nhân dân miền Nam.

Ngày 4-7-1959, Quốc hội Việt Nam Cộng hòa lại thông qua Luật số 21 cho phép Ngô Đình Diệm dùng máy chém để thi hành bản án tại Tòa án quân sự đặc biệt.

Ở Bến Tre, bất kỳ người nào mà địch gọi là Việt cộng hoặc "chứa chấp" Việt cộng đều bị chúng buộc tội, "nhà nào chứa chấp Việt cộng sẽ bị chặt đầu cả nhà". Công an, mật vụ giở sổ theo dõi: ai biểu tình, ai xin miễn dịch, ai phản đối trưng cầu dân ý, ai chưa dứt khoát với cộng sản sẽ trừng trị.

Với khẩu hiệu "bắt lầm hơn bỏ sót", địch đã thẳng tay bắt bớ, đánh đập khảo tra. Hàng loạt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách

1. Chĩa: loại cây sắt nhọn đầu.

mạng bị bắt, bị giết, tù đày. Đình Hội Yên (Mỏ Cày), đình Bình Hòa (Giồng Trôm), đình Phước Tuy (Ba Tri), đình Bình Huề (Bình Đại) trở thành nơi tra tấn, giam cầm. Khám Lá Bến Tre chật ních không còn chỗ giam người, tù nhân phải nằm la liệt ngoài sân. Tại đình Bình Hòa và đình Hội Yên, chúng đã giết mỗi nơi trên 100 người, bắt tù đày 200 người. Máu đổ ngập sân đình (theo người giữ đình Bình Hòa kể lại phải rửa sân đình nhiều ngày mới sạch máu).

Tư tưởng cán bộ, đảng viên có nhiều vướng mắc về phương châm đấu tranh nhưng vẫn chấp hành sự chỉ đạo chung, nhiều nơi cán bộ, đảng viên có súng trong tay, song không dám sử dụng vì sợ vũ trang manh động sẽ vi phạm nguyên tắc nên địch thừa cơ hội bắt bớ, giết hại tràn lan.

Theo số liệu chưa đầy đủ từ năm 1954 đến năm 1959 tại Bến Tre, địch đã giết hại 2.519 người, bỏ tù 17.000 người, hàng vạn người bị bắt bớ, đánh đập, khảo tra. Sau ngày đình chiến, các xã ở Bến Tre đều có chi bộ, đảng viên còn lại 2.000 người; cuối năm 1959, toàn tỉnh còn 18 chi bộ với 162 đảng viên trong 115 xã. Hàng trăm cơ sở trong lòng địch bị khủng bố hoặc bị đứt liên lạc với đầu mối bên ngoài.

Hội nghị Tỉnh ủy tháng 5 năm 1959 tại ấp Phước Lý, xã Bình Khánh (Mỏ Cày)

Cho đến giữa năm 1959, phong trào cách mạng Bến Tre vẫn ở thế thoái trào. Địch biết rằng, sự chỉ đạo chung của Đảng ta từ năm 1954 đến lúc này là đấu tranh chính trị đơn thuần, nên chúng càng tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất quyết liệt, cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng bị tiêu hao. Trong Thường vụ Tỉnh ủy có ba đồng chí, gồm: đồng chí Nguyễn Văn Khước điều động về Liên Tỉnh ủy, Nguyễn Tấn Quang (Tức) bị giặc bắt, khai báo, từ đó, địch bắt nhiều cán bộ khác; còn lại đồng

chí Võ Văn Phẩm - Bí thư Tỉnh ủy. Chủ trương, đường lối mới của Đảng chưa có, do vậy, Tỉnh ủy Bến Tre họp hội nghị để nhận định tình hình và tìm giải pháp đấu tranh với giặc, giữ vững trận địa tư tưởng, lấy lại lòng tin của Đảng bộ và nhân dân, bảo tồn lực lượng cách mạng, đồng thời củng cố lại Tỉnh ủy.

Tháng 5-1959, Tỉnh ủy họp tại ấp Phước Lý, xã Bình Khánh (Mỏ Cày). Cuộc họp có các đồng chí: Võ Văn Phẩm, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Tâm Cang, Bùi Ngọc Nghi, vắng đồng chí Nguyễn Thanh Liêm (Tư Chí) trong Tỉnh ủy. Đồng thời, hội nghị mở rộng mời các đồng chí Phan Văn Giảng, Lê Minh Đào và Nguyễn Văn Thành (Ba Kiên) tham dự.

Hội nghị đã phân tích sâu sắc tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch.

Về phía địch: Áp dụng chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam với sự chi viện tối đa về đôla và vũ khí, Mỹ - Diệm ra sức xây dựng ngụy quân, ngụy quyền đủ mạnh, nhằm tiêu diệt cho được Đảng ta, dập tắt phong trào cách mạng miền Nam.

Hơn hai năm đầu đọ sức với địch, Đảng ta dựa vào dân, với thế chính nghĩa của cách mạng, dựa vào Hiệp định Giơnevơ, khai thác triệt để luận điệu dân chủ giả hiệu và những thủ đoạn mị dân của địch mà tổ chức quần chúng đấu tranh vạch mặt chúng và đã giành được thắng lợi rất cơ bản. Mỹ - Diệm đã vấp phải thất bại, nhưng dựa vào viện trợ, vũ khí của Mỹ, chúng càng lồng lộn, điên cuồng đàn áp dã man hơn phong trào cách mạng. Bản chất chủ nghĩa thực dân mới là lừa mị, nhưng khi chúng phải dùng đến bạo lực phản cách mạng để chống lại nhân dân ta tức là chúng thất bại về chính trị.

Về phía ta: Trước tình hình Mỹ - Diệm công khai xóa bỏ Hiệp định Giơnevơ, đơn phương dùng thủ đoạn phát xít, khủng bố trắng hòng tiêu diệt cách mạng miền Nam, đường lối đấu

tranh chính trị đơn thuần không còn thích ứng. Riêng ở Bến Tre, Đảng bộ vẫn kiên trì lãnh đạo nhân dân tiếp tục thực hiện đường lối đấu tranh chính trị của Đảng, trong những năm 1957-1959, phong trào cách mạng trong tỉnh luôn trong thế bị động, thoái trào. Cán bộ, đảng viên cơ sở cách mạng bị tiêu hao, tan rã gần hết.

Số đông cán bộ, đảng viên rất căm thù địch, nóng lòng chờ lệnh Đảng. Trong thời gian ấy, tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên không tránh khỏi diễn biến phức tạp: thắc mắc, nôn nóng vũ trang, cầu an, co thủ, bỏ địa bàn không nhận nhiệm vụ cách mạng. Tuy nhiên, một số cán bộ, đảng viên các cấp trong tỉnh vẫn vững vàng, bám chặt trong dân, giữ vững liên hệ với tổ chức, tuyên truyền giáo dục động viên đồng chí, đồng bào giữ vững lập trường, khí tiết cách mạng.

Sở dĩ, cách mạng Bến Tre bị tổn thất nặng nề ngoài nguyên nhân thiếu chủ trương đối phó với giặc còn có nguyên nhân do lúc đầu hoạt động của cán bộ, đảng viên còn chủ quan, lộ liễu, chưa nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc bí mật của Đảng, bộc lộ lực lượng. Nghiêm trọng hơn là do bọn đầu hàng phản biến làm tay sai cho giặc như Nguyễn Tấn Quang (tự Tức) là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Nguyễn Thăng - Bí thư Huyện ủy Ba Tri... đã khai báo để địch bắt cán bộ, kể cả những người hoạt động trong lòng địch, bắt những gia đình nuôi chứa cán bộ, khui hầm vũ khí của ta ở An Hòa Tây (Ba Tri) và Cái Cát (Thạnh Phú) (khoảng 100 súng) nên khi Đồng khởi ta thiếu vũ khí, phong trào gặp nhiều khó khăn.

Tuy vậy, cho đến giữa năm 1959, Tỉnh ủy còn năm đồng chí, huyện Sóc Sãi, thị xã vẫn còn cán bộ cốt cán; các huyện ủy đều còn tổ chức. Trong tỉnh còn khoảng 10% số xã còn chi bộ, ở các "xã trắng" vẫn còn cán bộ đang lắng tại chỗ giữ mối quan hệ với nhân dân. Giao thông liên lạc giữa tỉnh và huyện vẫn được giữ vững.

Nhân dân Bến Tre tuy có hoang mang dao động, nhiều người tỏ ra e ngại, rụt rè khi tiếp xúc với cán bộ, nhưng trong lòng rất căm thù giặc, mong Đảng có chủ trương mới vùng lên đổi đời.

Sau khi đánh giá tình hình, hội nghị đã thảo luận đi đến quyết định chủ trương các mặt công tác của Đảng bộ trong thời gian sắp tới như sau:

Về đấu tranh chống giặc, Tỉnh ủy chủ trương lấy khẩu hiệu "chống khủng bố" làm trung tâm. Tùy từng địa phương, từng lúc do yêu cầu bức xúc, cụ thể của quần chúng mà kết hợp khẩu hiệu dân sinh, dân chủ. Hình thức đấu tranh nhẹ nhàng "đấu tranh dư luận" để huy động đông đảo quần chúng, thu hút mọi lực lượng, mọi giới tham gia, chú trọng các đối tượng chức sắc tôn giáo, các cơ quan ngôn luận, dân biểu,... dồn dư luận vào thị xã, thị trấn. Thực hiện khẩu hiệu "sạch làng, tốt xóm", phát hiện bọn do thám, gián điệp nằm trong xã, ấp, vận động thân nhân giáo dục, ngăn chặn, hạn chế hoạt động của chúng.

Đối với những tên ác ôn, ngoan cố, ta dùng biện pháp "vi cảnh hóa" để trừng trị, nghĩa là ta trừ khử rồi tung dư luận là chúng giật nợ, cờ bạc gian lận, hoặc bị giết vì thù oán cá nhân, nhưng hành động phải thận trọng, khôn khéo, không để bộc lộ lực lượng. Trong hoàn cảnh mới, Đảng bộ phải hết sức đề cao công tác bí mật. Từ việc đi lại, ăn ở, tổ chức cơ quan, tổ chức giao liên, sử dụng cán bộ,... đều phải triệt để tôn trọng nguyên tắc bí mật của Đảng, phải biết triệt để sử dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để che giấu lực lượng của Đảng, phải không ngừng nâng cao cảnh giác, tỉnh táo đề phòng mọi sự xâm nhập, phá hoại của bọn gián điệp và những phần tử đầu hàng, phản bội.

Ở các địa bàn, ta tổ chức các trạm gác bí mật báo tin kịp thời khi giặc đột nhập. Trường hợp cán bộ bị địch bắt, bằng

mọi cách huy động quần chúng để giải thoát. Tỉnh ủy viên có vũ khí được sử dụng để bảo vệ mình khi cần.

Về công tác xây dựng Đảng, hội nghị kiên quyết đả phá tư tưởng cầu an, co thủ không dám tiếp xúc tuyên truyền giáo dục thậm chí đến cả quần chúng tốt, hoặc bỏ sinh hoạt.

Trong tình hình lúc này mỗi cán bộ, đảng viên không nên phát ngôn bừa bãi, trách cứ Đảng chưa có chủ trương mới kịp thời dễ gây tâm lý bất mãn trong Đảng bộ và nhân dân. Hơn lúc nào hết phải xây dựng lòng tin tưởng tuyệt đối ở Trung ương Đảng và Bác Hồ.

Hội nghị quyết định các cấp ủy tổ chức phổ biến quán triệt nghị quyết trên và có kế hoạch tổ chức thực hiện. Các cán bộ, đảng viên tự rời bỏ địa phương phải trở về móc nối với tổ chức, tiếp tục sinh hoạt và công tác.

Về công tác phát triển Đảng, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ:

Các Đảng bộ cần phát hiện những người tốt đã trải qua thử thách để bồi dưỡng phát triển Đảng, Đoàn.

Công tác giao liên trong Đảng bộ phải được củng cố lại, tổ chức hai đường giao liên công khai và bí mật để đề phòng bất trắc, mỗi đường dây, mỗi trạm, nút phải có chính và phụ để giữ vững mối quan hệ từ trên xuống, từ dưới lên.

Về công tác binh vận, hội nghị chủ trương móc nối lại cơ sở nội tuyến trong tỉnh đã bị đứt liên lạc, động viên, giáo dục họ giữ vững lòng tin đối với cách mạng, đồng thời, tiếp tục chọn lựa người cài vào hàng ngũ địch. Tích cực vận động tranh thủ gia đình binh sĩ, tạo điều kiện cho việc tranh thủ binh sĩ đồng tình, hạn chế địch đàn áp, khủng bố.

Quá trình hình thành và ra được nghị quyết hội nghị trên đây là quá trình đấu tranh về quan điểm trong từng thành viên cấp ủy. Phần tự phê bình và phê bình trong cấp ủy tập

trung vào việc chống tư tưởng hoài nghi, chống dao động, cầu an, sợ giặc, buông bỏ nhiệm vụ.

Hội nghị đã bầu bổ sung đồng chí Phan Văn Giảng và đồng chí Nguyễn Văn Trung vào Tỉnh ủy, bổ sung đồng chí Nguyễn Thanh Liêm (Tư Chí) vào Ban Thường vụ. Sau hội nghị, Tỉnh ủy phân công từng đồng chí trong cấp ủy về phụ trách chỉ đạo huyện.

Hội nghị Tỉnh ủy tại ấp Phước Lý dựa vào ý kiến thảo luận và quyết định của tập thể nên mỗi tỉnh ủy viên đều nhận thức được cái đúng, cái thiếu sót của mình, thấy được phương hướng, bước đi, biện pháp cụ thể trong bước đường đấu tranh sắp tới. Nghị quyết của hội nghị đã được các huyện và ngành binh vận triển khai thực hiện tốt ở các huyện Châu Thành, Mỏ Cày, Minh Tân, Thạnh Phú và thị xã. Riêng huyện Ba Tri, Bình Đại, Giồng Trôm do các đồng chí Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Thanh Liêm phụ trách. Đồng chí Nguyễn Thanh Liêm (Tư Chí) vắng mặt trong hội nghị, nên việc phổ biến nghị quyết ở các huyện Ba Tri, Bình Đại không kịp thời và sự chuyển biến còn chậm.

Sau hội nghị trên, các huyện ủy, các chi bộ xã phát động quần chúng đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị như:

- Chống địch khủng bố, bắn giết, đánh đập tù đày.

- Chống đuổi nhà gom dân lập khu trù mật, chống bắt xâu, bắt lính.

- Chống tố cộng, diệt cộng.

- Chống đàn áp, bắt buộc nhân dân ly khai cách mạng, ly khai cha, chồng, con.

- Đòi địch thi hành quyền dân sinh, dân chủ, chống vơ vét, cướp bóc...

Nhiều tên tề xã, bọn cầm đầu các tổ chức chính trị phản động, hàng trăm tên do thám và bọn chỉ điểm nằm trong xã, ấp bị nhân dân giết hoặc đánh trọng thương được ngụy trang

dưới hình thức "vi cảnh hóa", địch không lần được thủ phạm. Một số nằm im không dám hoạt động. Ở nhiều xã, nhiều vùng các vụ bắt bớ, bắn giết cán bộ và nhân dân đã giảm hẳn. Nhiều đảng viên, cán bộ đi điều lắng, hoặc đổi vùng, trở lại quan hệ với tổ chức, học tập nghị quyết, sinh hoạt Đảng, thực hiện tự phê bình. Tư tưởng dao động, cầu an, tiêu cực được đả phá mạnh mẽ. Ý thức trách nhiệm, tinh thần công tác được xây dựng. Cơ sở cách mạng trong lòng địch, ngoài nhân dân được móc nối lại, động viên, giáo dục, giao công tác, từng bước có kết quả.

Tuy nội dung Nghị quyết Hội nghị Phước Lý vẫn còn hạn chế trong thế phòng ngự, để chờ đợi chủ trương đường lối mới của Trung ương, chưa phát triển lên giành thế chủ động với giặc, nhưng nó có ý nghĩa quan trọng tạo nên một bước khởi động, chuẩn bị tư tưởng, tổ chức và thực lực cho Đảng bộ Bến Tre thực hiện cuộc "Đồng khởi năm 1960".

II- CUỘC ĐỒNG KHỞI LỊCH SỬ, CHUYỂN HƯỚNG PHONG TRÀO, TẠO RA BƯỚC NGOẶT CÁCH MẠNG NĂM 1960

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 và kế hoạch nổi dậy của Tỉnh ủy

Đầu năm 1959, tình hình cách mạng miền Nam vẫn hết sức đen tối. Với việc công bố Luật 10/59, Mỹ - Diệm đã thẳng tay đàn áp cách mạng miền Nam, điều đó chứng tỏ chính quyền Mỹ - Diệm không thể cai trị được như trước. Nhân dân miền Nam không thể chịu đựng mãi ách thống trị phát xít. Tình thế khởi nghĩa từng phần đã chín muồi.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng), ra Nghị quyết về đường lối cách

mạng miền Nam. Nghị quyết nêu ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam[1]:

- Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

- Đường lối cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Lấy sức mạnh quần chúng nhân dân, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

- Phương pháp đấu tranh trước mắt là kết hợp sử dụng hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, kết hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ. Hội nghị nhấn mạnh ở những nơi sử dụng lực lượng vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị. Hội nghị xác định phải thành lập một mặt trận rộng rãi ở miền Nam, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc, phong kiến.

Cuối năm 1959, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng về tới các địa phương miền Nam đã thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng ở nông thôn và thành thị, mở ra cao trào cách mạng mới.

Tháng 12-1959, Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ họp tại căn cứ Tam Thường (Hồng Ngự - Kiến Phong) có đại biểu các Tỉnh ủy về tham dự. Đồng chí Nguyễn Thị Định - Phó Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre được cử đi dự hội nghị này.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 20, tr. 57-96.

Tại Hội nghị Liên Tỉnh ủy, những vấn đề cơ bản của Nghị quyết 15, Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy đã được tiến hành thảo luận kỹ. Liên Tỉnh ủy quyết định phát động quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch giành quyền làm chủ ở nông thôn; giao nhiệm vụ cho các tỉnh phải khẩn trương tổ chức xây dựng lực lượng chính trị, đồng thời với lực lượng vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy ở xã, ấp.

Liên Tỉnh ủy quyết định ngày hành động thống nhất trong toàn địa bàn là ngày 15-1-1960. Cũng tùy điều kiện từng tỉnh mà định ngày vào đợt nhưng phải tiến hành trong tháng 1-1960, phát động quần chúng ở xã, ấp nổi dậy với phương châm:

- Có miếng không có tiếng (được việc mà không có tiếng vang).

- Tránh lăn dây (không đưa tất cả vào đấu tranh bất hợp pháp).

- Tránh kiến bu đường (ý đừng để một vài nơi nổi cộm lên giặc dễ tập trung tiêu diệt).

Liên Tỉnh ủy cho các tỉnh sử dụng danh nghĩa Tiểu đoàn 502 trong mọi hoạt động vũ trang (sau trận thắng Gò Quản Cung, Tiểu đoàn 502 có danh tiếng với địch).

Trước khi đồng chí Nguyễn Thị Định về đến Bến Tre, Tỉnh ủy đã nhận được bạch thư tóm tắt nghị quyết, chủ trương và yêu cầu chỉ đạo đối với cuộc nổi dậy của Liên Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Văn Phẩm (Tám Chữ) - Bí thư Tỉnh ủy truyền đạt chủ trương mới cho một số tỉnh ủy viên phụ trách huyện ở cù lao Bảo. Đồng chí Lê Minh Đào, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được ủy nhiệm truyền đạt ở cù lao Minh, trên tinh thần cơ bản là: Đảng đã cho phép hoạt động vũ trang, phát động quần chúng nổi dậy phá kìm kẹp, diệt ác ôn điển hình, đánh và lấy một

số đồn bốt có điều kiện chắc thắng. Căn cứ vào khả năng và tương quan lực lượng của từng địa phương mà mỗi đồng chí phụ trách huyện có kế hoạch hành động cụ thể, phát động quần chúng nổi dậy gỡ đồn diệt ác, phá kìm, phát động quần chúng thực hiện không nên làm thay quần chúng[1]. Tuy không được phổ biến đầy đủ, trọn vẹn Nghị quyết 15 của Trung ương, nhưng mỗi đồng chí tỉnh ủy viên đều hiểu là Trung ương đã có lệnh cho hoạt động vũ trang. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cùng Huyện ủy Bình Đại bàn bạc thống nhất đi đến quyết định đánh đồn Lộc Thuận (Bình Đại) ngày 19-12-1959 để thăm dò phản ứng của địch. Trong đồn này, ta có cơ sở nội ứng là anh Cây, người do đồng chí Lê Chí Nhân - Bí thư Chi bộ cài vào, sẵn sàng phối hợp hành động. Bằng kết hợp cơ sở binh vận và lực lượng vũ trang, ta chiếm được đồn Lộc Thuận, thu bảy súng, hai máy đánh chữ.

Ngày 30-12-1959, đồng chí Nguyễn Thị Định về đến Mỏ Cày, tuy không gặp được đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, nhưng đồng chí biết được ở tỉnh đã nhận được chủ trương của Liên Tỉnh ủy, phát động quần chúng và quyết định ngày nổi dậy là ngày 17-1-1960. Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, chia cắt các địa bàn, các đồng chí trong Tỉnh ủy trước đó được phân công phụ trách các huyện nên khó có thể tập trung trong thời gian ngắn. Để tranh thủ thời gian, tận dụng yếu tố bất ngờ, ngày 1-1-1960, tại nhà chị Bảy Tốt (ấp Tân Huề, xã Minh Đức), đồng chí Nguyễn Thị Định tổ chức cuộc họp cán bộ, dự họp có các đồng chí: Lê Minh Đào, Nguyễn Văn Song (Năm Hỏa), Trần Văn Giàu (Ba Cầu), Phạm Văn Huấn[2] và một số huyện ủy viên Mỏ Cày.

1. Theo đồng chí Nguyễn Tâm Cang: đồng chí Võ Văn Phẩm - Bí thư Tỉnh ủy quy định thời gian cho nổi dậy đồng khởi của tỉnh là ngày 17-1-1960.

2. Đồng chí Huỳnh Thanh Mua (Hai Chiến) - Bí thư huyện Thạnh Phú không đến kịp để dự hội nghị, đồng chí Nguyễn Thị Định truyền đạt riêng.

Đồng chí Nguyễn Thị Định đã truyền đạt lại tinh thần Nghị quyết 15 và chủ trương của Liên Tỉnh ủy. Sau khi phân tích, đánh giá, so sánh lực lượng giữa ta và địch, cuộc họp thống nhất: Phát động quần chúng trong đó chú trọng vận động gia đình binh sĩ nổi dậy phá hệ thống kìm kẹp ở xã, ấp, trừng trị bọn tay sai chỉ điểm, bọn ác ôn trong bộ máy tề xã, tề ấp, dân vệ, kết hợp với cơ sở trong lòng địch để bức hàng, bức rút, lấy đồn, giải phóng xã, ấp.

Sau cuộc họp, các đồng chí lãnh đạo các huyện Mỏ Cày, Minh Tân, Thạnh Phú trở về khẩn trương chuẩn bị.

Ngày 12-1-1960, đồng chí Nguyễn Thị Định đến xã Bình Khánh (Mỏ Cày) gặp đồng chí Nguyễn Tâm Cang (Hai Thủy) - Tỉnh ủy viên phụ trách quân sự, binh vận và thị xã (tuy có lệnh điều về Liên Tỉnh ủy, nhưng do tình hình chung nên đồng chí còn ở lại tỉnh) để truyền đạt Nghị quyết 15 của Trung ương và kế hoạch nổi dậy. Cuộc họp tại ấp An Thạnh, xã Bình Khánh (Mỏ Cày) còn có ba đồng chí cán bộ tỉnh tham dự, gồm: Nguyễn Văn Thành (Ba Kiên), Lê Minh Đào, Trần Văn Giàu (Ba Cầu). Đồng chí Ba Định trình bày tóm tắt nội dung Nghị quyết 15 của Trung ương, điểm then chốt là tùy nơi, tùy lúc, miền Nam có thể sử dụng vũ trang để hỗ trợ, duy trì phát triển phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân, đấu tranh chính trị là "chủ yếu".

Cuộc họp đã nêu và giải quyết các vấn đề chính như sau:

Nghị quyết 15 của Trung ương đến với Bến Tre như nắng hạn gặp mưa rào. Đảng cho sử dụng vũ trang để hỗ trợ đấu tranh chính trị đáp ứng được nhu cầu tình thế và sự mong ước của Đảng bộ và nhân dân. Sắp đến, tình thế giữa ta và địch diễn biến thế nào ta chưa lường hết, nhưng dẫu sao Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh được vũ trang để chống giặc, bảo tồn và phát triển cách mạng, không còn bị gò bó, lúng túng trong đấu tranh chính trị đơn thuần.

Trung ương nhấn mạnh đấu tranh chính trị là chủ yếu, ta nên hiểu thế mạnh của ta là chính trị, bản chất của chủ nghĩa thực dân mới là lừa mị, nhưng khi địch dùng bạo lực phản cách mạng khủng bố, đàn áp nhân dân tức là thế chính trị của địch đã mất, ta lấy thế mạnh của ta tấn công vào chỗ yếu của giặc. Ta nên hiểu chủ trương của Đảng đấu tranh chính trị là chủ yếu, tức là nói chung về mặt toàn cuộc và chiến lược nhưng trong quá trình đấu tranh với giặc tùy nơi, tùy lúc phải biết sử dụng hình thức, lực lượng đấu tranh một cách linh hoạt và thích đáng.

Tuy nhiên, khi bắt đầu thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, tình hình trong tỉnh có những khó khăn như sau:

- Tỉnh ủy chưa họp toàn thể để quán triệt, thông suốt Nghị quyết Trung ương và đề ra kế hoạch nổi dậy chung cho cả tỉnh, cho nên giải pháp cần lựa chọn của ta lúc này là tích cực hưởng ứng ngày nổi dậy thống nhất toàn tỉnh theo sự chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

- Biện pháp đấu tranh của Đảng đề ra rất mới mẻ, tình hình giữa địch và ta sẽ diễn ra như thế nào, khó mà tiên đoán được. Đảng bộ cần phải có sự lãnh đạo chung của tập thể Tỉnh ủy, để nắm tình hình, rút kinh nghiệm, phát hiện vấn đề cần giải quyết, kịp thời thông báo phổ biến, tranh thủ ý kiến, chủ trương của bộ tham mưu thống nhất.

- Đồng chí Nguyễn Thị Định nhận trách nhiệm cùng đồng chí Lê Minh Đào tranh thủ gặp ngay đồng chí Võ Văn Phẩm để khẩn trương thực hiện chủ trương đó.

- Bến Tre không có một tổ vũ trang có thực chất và cũng không có vũ khí. Do đó, ngày nổ ra hành động, ta cần chú ý dùng cách đánh kỳ tập, sử dụng nội ứng để lấy vũ khí của giặc trang bị cho mình, nơi không có điều kiện thì sử dụng mọi vũ khí thô sơ diệt ác, trấn áp bọn do thám chỉ điểm, tề xã, tề ấp để

phát động nhân dân đứng lên phá kìm kẹp giành quyền làm chủ, đấu tranh chính trị với địch, làm công tác binh vận. Hoạt động vũ trang phải khôn khéo tránh nặng về đấu tranh vũ trang đơn thuần mà buông lơi công tác phát động quần chúng, mọi hoạt động vũ trang phải phục vụ cho yêu cầu nổi dậy của quần chúng, để giữ vững phong trào quần chúng.

- Cuộc họp nhất trí chọn ba xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy (Mỏ Cày) thuộc vùng căn cứ của tỉnh làm điểm, do đồng chí Nguyễn Tâm Cang trực tiếp chỉ đạo. Tại đây đã có nhiều yếu tố thuận lợi, có các chi bộ đảng mạnh, cơ sở binh vận và nhân dân một lòng theo Đảng.

Sau cuộc họp trên, các đồng chí lo triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương và tổ chức thực hiện ở ba xã điểm, đồng thời phân công giao việc cho từng địa phương.

- Đồng chí Lương Văn Chỉ (Bảy Văn), Phó ban Binh vận tỉnh được cử đến huyện Minh Tân cùng Huyện ủy chuẩn bị kế hoạch phối hợp cơ sở nội tuyến diệt đồn.

Để có sự phối hợp giữa thành thị và nông thôn, Tỉnh ủy chỉ đạo cho thị xã tiến hành các công tác như:

- Theo dõi âm mưu, kế hoạch đối phó của địch khi cuộc nổi dậy nổ ra.

- Tổ chức giao liên công khai và bí mật thường xuyên báo cáo về Thường trực Tỉnh ủy.

- Trong nội ô chọn một điểm hành động diệt ác ôn, lấy vũ khí gây tiếng vang trong thị xã hỗ trợ cho phong trào chung.

- Rải truyền đơn, dán khẩu hiệu đều khắp trong nội ô.

- Hướng dẫn dư luận nhân dân thị xã ủng hộ, tuyên truyền phong trào nổi dậy, nhất là các chính sách của cách mạng, chĩa mũi nhọn vào Mỹ - Diệm và tay sai.

- Tổ chức cơ sở mua thuốc chữa bệnh, hóa chất, dụng cụ cần thiết cho quân y và tổ sản xuất, sửa chữa vũ khí.

- Củng cố, phát triển cơ sở cách mạng trong các tầng lớp nhân dân thị xã.

Đồng chí Nguyễn Tâm Cang trước đó đã được đồng chí Lê Minh Đào truyền đạt tinh thần Nghị quyết 15 theo bạch thư của Liên Tỉnh ủy, cũng đã vạch kế hoạch nổi dậy ban đầu, sau khi họp bàn với đồng chí Nguyễn Thị Định, đã bổ sung và kịp thời hoàn chỉnh kế hoạch nổi dậy ở ba xã điểm.

Ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh liền ranh nhau, giống như hình chữ nhật, chiều ngang khoảng 4km, chiều dài 8km, hướng đông bắc giáp sông Hàm Luông, bao quanh ba mặt là sông Cái Quao và Định Thủy. Tiếp giáp với hai con sông theo chiều dài của ba xã có tỉnh lộ 30.

Dân cư ba xã khoảng 10.000 người, sống bằng nghề làm ruộng, vườn. Nhân dân ba xã có truyền thống cách mạng kiên cường. Trong chín năm kháng chiến, các cơ quan tỉnh, huyện thường lấy xã Bình Khánh làm địa bàn trú đóng. Năm 1956, Ban Binh vận tỉnh về đóng ở ba xã, trong những năm 1958-1959, Mỹ - Diệm đánh phá ác liệt, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Binh vận tỉnh vẫn bám được trong vùng một cách an toàn.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy tháng 5-1959 tại ấp Phước Lý, mỗi xã đã xây dựng được đội bảo vệ có từ 20 đến 30 đội viên. Thực hiện khẩu hiệu "chống khủng bố", ta đã bắt hàng chục tên do thám lưu động và nằm vùng bằng hình thức "vi cảnh hóa" đánh đập trọng thương, số còn lại không dám hoạt động.

Về phía địch: Ở ba xã đều có đồn dân vệ, mỗi đồn một tiểu đội, có hệ thống tề xã, tề ấp, lực lượng bảo vệ hương thôn và tổ

chức ngũ gia liên bảo, trừ một số ít có hận thù với cách mạng, cậy thế giặc ức hiếp nhân dân, còn đa số cũng đã bị phân hóa.

Ngoài ra trong ba xã còn có một trung đội tình báo lưu động, một tổng đoàn dân vệ, công dân vụ và công an lưu động tỉnh và Sài Gòn thường xuyên hoạt động.

Về phía ta: Cả ba xã còn hình thức chi bộ nhưng sinh hoạt thường chỉ có bí thư chi bộ tiếp xúc với từng đảng viên không định kỳ. Mỗi xã có từ năm đến mười đoàn viên Thanh Lao, số nòng cốt chỉ mới khôi phục lại ở một số ấp.

Riêng xã Định Thủy có hai cơ sở nội tuyến trong tề xã: Nguyễn Văn Bông (Ủy viên tài chính) và Đặng Văn Huề (Ủy viên cảnh sát). Bốt công sở xã đóng tại Vàm Nước Trong[1], có 11 người (nếu tính luôn cảnh sát Huề là 12 người), do Cảnh sát Huề (cơ sở ta) làm Đoàn trưởng dân vệ, Nguyễn Hiệp Phú làm Phó đoàn dân vệ, trong bốt ta có thêm ba cơ sở: đồng chí Phan Văn Thậm (Phan Định) - đoàn viên Thanh Lao, anh On (đoàn viên Thanh Lao) và anh Giỏi.

Đồng chí Nguyễn Thị Định đến ở ấp Định Nhơn (Định Thủy), còn đồng chí Nguyễn Tâm Cang ở ấp Thanh Thủy (Định Thủy) để trực tiếp chỉ đạo. Thông qua hệ thống giao liên, đồng chí Nguyễn Tâm Cang đã bắt liên lạc với đồng chí Lê Bình An (thường gọi là Một On) - Bí thư Chi bộ Định Thủy.

Đồng chí Nguyễn Tâm Cang đã tổ chức họp bộ phận thường trực vùng điểm gồm ba đồng chí: Nguyễn Tâm Cang, Nguyễn Văn Thành (Ba Kiên) và Nguyễn Xuân Kỷ. Cuộc họp dự đoán tình hình khi ta nổi dậy thì địch sẽ tập trung đàn áp, do đó, cần có kế hoạch đối phó tránh bị địch đàn áp, tổ chức lực lượng hậu cần, cứu thương, tăng cường giao liên công khai và bí mật, tránh né, che giấu lực lượng khi cần.

1. Hiện nay, chỗ bốt này đã bị lở không còn di tích.

Sau khi được phổ biến tinh thần cơ bản Nghị quyết 15 của Trung ương và đề ra yêu cầu kế hoạch thực hiện, các xã tuy còn băn khoăn, tập trung nhất là: "Khi ta nổi dậy thì giặc sẽ phản ứng thế nào? Đường lối của Đảng là sử dụng vũ trang hỗ trợ, mà lực lượng vũ trang chưa có? Phát động nhân dân nổi dậy, mà lại đấu tranh chính trị với địch, sợ nhân dân khó lòng hưởng ứng", nhưng các xã đều phấn chấn, tỏ rõ quyết tâm của mình vì đây là thời cơ được "tháo cũi sổ lồng". Trong khi chuẩn bị nổi dậy, đồng chí Đoàn Văn Tranh, Ủy viên Thường trực Huyện ủy Mỏ Cày bị địch bắt. Chúng đánh đập dã man để khai thác, nhưng đồng chí thà chết chứ không tiết lộ bí mật kế hoạch nổi dậy.

2. Diễn biến phong trào Đồng khởi

Diễn biến phong trào nổi dậy ở ba xã điểm:

Tại xã Định Thủy:

Ngày 15-1-1960, nhân cơ hội Đoàn ca kịch phong trào cách mạng quốc gia đang biểu diễn tuyên truyền "tố cộng" tại trại cây ông Năm Chương (Định Thủy)[1], ta bố trí cho cảnh sát Đặng Văn Huề là cơ sở nội tuyến của ta đưa thư yêu cầu Đội Tý và Tổng đoàn dân vệ về để bảo vệ Đoàn ca kịch. Đội Tý kéo Tổng đoàn dân vệ từ Hòa Lộc về đóng ở thất Cao Đài, cách công sở xã khoảng 200m. Để tranh thủ thời gian, Ban lãnh đạo cùng Chi bộ xã chỉ đạo lực lượng xung kích tổ chức đánh úp Tổng đoàn dân vệ ngay trong đêm biểu diễn 15-1-1960 nhưng không thành, vì đồng bào thấy có một số tự vệ của ta trà trộn vào nên không đi xem hát, vì vậy, buổi biểu diễn của Đoàn ca kịch giải tán. Tổng đoàn dân vệ về đóng ở đình Định Phước (đình Rắn), cách công sở xã và đồn Vàm

1. Khi thực dân Pháp tái chiếm xã Định Thủy (thời kỳ chín năm kháng chiến), chợ Vàm Nước Trong không còn.

Nước Trong 4km. Đồng chí Nguyễn Tâm Cang liền bàn với đồng chí Lê Bình An - Bí thư Chi bộ Định Thủy lợi dụng đêm tối, địch lơ là canh gác, tổ chức đưa lực lượng xung kích vào đình Định Phước đánh úp Tổng đoàn. Ta bố trí lực lượng chia làm ba mũi: mũi 2 và mũi 3 gồm các tự vệ của ta theo ruộng lúa bò vào sát đình, chờ tín hiệu một mũi xung phong, còn một mũi ém ngoài ruộng lúa chờ giặc ra bắt; mũi 1 (mũi đột phá) do đồng chí Lê Bình An phụ trách cùng đồng chí Điểm (Sáu Điểm), Trần Văn Xê (Ba Sự), cảnh sát Huề và một số nội tuyến của ta là lính dân vệ trong đồn Vàm Nước Trong giả đi tuần vào đình uy hiếp, bắt Đội Tý và lính Tổng đoàn. Khi cách đình 15m, cảnh sát Huề hô to: tôi là Chín Huề, Ủy viên cảnh sát, vô bàn với thầy dẫn lực lượng vào ấp Định. Đội Tý và bọn lính chạy ra, Đội Tý thấy có ba đồng chí Lê Bình An, Sáu Điểm và Trần Văn Xê nên sinh nghi, chúng đề nghị cảnh sát Huề cho mượn ba đồng chí ở lại để dẫn đường. Cảnh sát Huề lo sợ hắn sẽ bắt ba đồng chí, liền nói trong Tổng đoàn có hai anh (Vạn và Vị) là người của xã rất rành đường, không cần mượn người đi tuần. Thấy địch đã phòng bị, không thể đánh úp được, đồng chí Lê Bình An liền ra hiệu cho lực lượng ta rút lui.

Lúc 5 giờ sáng 17-1-1960, đồng chí Lê Bình An gặp đồng chí Nguyễn Tâm Cang báo cáo tình hình trong đêm 16-1-1960. Thấy khả năng bị lộ, địch sẽ nghi ngờ đánh phá cơ sở nội tuyến của ta, đồng chí Nguyễn Tâm Cang chỉ đạo phải huy động lực lượng xung kích, bố trí vây kín Tổng đoàn, theo chiều rộng, bịt kín các ngả đường, bí mật triển khai lực lượng bám sát lính Tổng đoàn, gặp những tên đi lẻ là tiêu diệt, lấy súng; đồng thời, liên lạc với nội tuyến chỉ đạo phải lấy gấp đồn Vàm Nước Trong, thu vũ khí trang bị cho lực lượng xung kích để tấn công tiêu diệt Tổng đoàn. Về phía địch,

sáng 17-1-1960, Đội Tý xem xét chung quanh đình, phát hiện nội tuyến thông đồng với Việt cộng định tấn công Tổng đoàn, hắn cử hai tên lính mang báo cáo lên quận Mỏ Cày. Đến 8 giờ sáng 17-1-1960, được tin Đội Tý cùng một lính dân vệ đến tiệm tạp hóa của bà Năm Thiểu[1] tại ngã tư Định Phước để uống nước, lực lượng xung kích (gồm ba đồng chí: Bảy Thống, Ba Bi, Chín Chim) giả là những người đi tảo mộ vào tiệm, bất ngờ ôm Đội Tý vật xuống, tước súng của dân vệ, rồi dùng súng tước được bắn chết Đội Tý, bắt sống lính dân vệ, thu hai súng (một Mi mas và một súng Mas).

Khoảng 9 giờ sáng 17-1-1960, tại đồn Vàm Nước Trong, lực lượng xung kích cùng quần chúng do đồng chí Lê Bình An, Bí thư Chi bộ lãnh đạo, phối hợp với cơ sở bên trong lấy gọn đồn, thu 12 súng và đạn, giải tán bộ máy tề xã.

Số súng trên được trang bị cho một tiểu đội xung kích đi hỗ trợ bao vây bọn Tổng đoàn, hàng trăm người trong xã theo trợ lực.

Bọn Tổng đoàn không có chỉ huy, cũng không dám ra hàng, chúng phân tán lủi theo ruộng lúa trốn chạy. Được nhân dân giúp sức, lực lượng xung kích vây bắt, đến 16 giờ chiều diệt hết Tổng đoàn, thu 24 súng (có hai tiểu liên, nhiều đạn và lựu đạn).

Đến 16 giờ 30 ngày 17-1-1960, một đại đội bảo an từ quận Mỏ Cày dùng xuồng máy đổ quân đánh vào ấp Thanh Thủy, chúng tiến quân chưa đầy 200m, bị một tiểu đội xung kích của ta chặn đánh, buộc quân địch chạy về Mỏ Cày.

Với vũ khí thu được của địch, ta tổ chức bốn tiểu đội vũ trang tuyên truyền.

1. Tiệm của bà Năm Thiểu là một tiệm bán tạp hóa, có bán nước uống (cà phê).

Một tiểu đội ở lại Định Thủy được phân công bám khúc sông từ cầu Ông Bồng đến xã Phước Hiệp để chặn đánh địch, dùng xuồng máy chi viện cho Phước Hiệp.

Ba tiểu đội còn lại đi hỗ trợ cho hai xã Phước Hiệp, Bình Khánh ngay trong đêm 17-1-1960.

Đêm 17-1-1960, xã Định Thủy họp míttinh có hơn 1.000 đồng bào tham dự. Cán bộ ta nhân danh "Những người yêu Tổ quốc, yêu hòa bình" lên án hành động độc tài phát xít của Mỹ - Diệm, đồng thời công bố một loạt chính sách về ruộng đất, chính sách của cách mạng đối với nhân viên ngụy quân, ngụy quyền và gia đình binh sĩ. Kết thúc cuộc míttinh, ta kêu gọi nhân dân đoàn kết, đấu tranh chính trị trực diện với ngụy quyền các cấp để hạn chế hành động khủng bố của giặc.

Tại xã Phước Hiệp:

Chi bộ xã Phước Hiệp được tin xã Định Thủy nổi dậy giành thắng lợi, đã huy động lực lượng xung kích cùng quần chúng tiến hành bắt và giải tán tề ấp, do thám, chỉ điểm và các tổ chức chính trị phản động, đồng thời reo hò kéo đến bao vây đồn dân vệ Phước Hiệp, viết thư gửi vào đồn khuyên địch đầu hàng.

Bọn tề xã và dân vệ Phước Hiệp tuy ác ôn, nhưng nghe tin quân địch ở Định Thủy đã đầu hàng nên rất hoang mang, chúng cố thủ trong đồn chờ quân tiếp viện.

Khoảng 20 giờ đêm 17-1-1960, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Tâm Cang, ba tiểu đội vũ trang được điều đến Phước Hiệp để hỗ trợ.

Một mặt, ta gom thân nhân binh lính trong đồn, giải thích, động viên họ vào đồn khuyên nhủ chồng, con của mình; một mặt, sử dụng lực lượng xung kích lấy thân cây chuối sơn đen ngụy trang như súng, ban đêm, hành quân quanh đồn nhằm để cho

thân nhân ngụy quyền và binh sĩ thấy lực lượng quân chủ lực của cách mạng về Phước Hiệp.

Ta nổ súng diệt một tên, làm bị thương một tên khác. Binh lính trong đồn tỏ ra bối rối nhưng không chịu đầu hàng, cố thủ trong đồn chờ cứu viện. Sáng 18-1-1960, địch cho ba ghe máy chở lính bảo an xuống cứu viện cho Phước Hiệp. Lực lượng vũ trang ta phục kích dưới rạch Ba Vông một đoạn. Khi ba ghe của địch lọt vào ổ phục kích, ta nổ súng, diệt tên trung úy và nhiều tên khác, chúng phải bỏ ghe chạy bộ về Mỏ Cày. Binh lính đồn Phước Hiệp không được tiếp viện, bị ta vây chặt, nửa đêm 18-1-1960, bỏ đồn, trốn chạy về Mỏ Cày.

Xã Phước Hiệp hoàn toàn giải phóng.

Tại xã Bình Khánh:

Ngày 17-1-1960, khoảng 9 giờ sáng, các đồng chí trong tổ hành động gồm Trần Văn Thời (Văn Anh), Ba Thường, Tư Khuynh, Năm Phạm đã dùng mẹo dụ địch, diệt ba tên Công an, thu hai súng, một tên chạy thoát. Khoảng 11 giờ đêm 17-1-1960, được sự hỗ trợ của hai tiểu đội vũ trang tuyên truyền, đông đảo quần chúng xuống đường đánh trống mõ bao vây đồn bốt, lùng bắt ác ôn, làm cho bọn tề xã và dân vệ xã hoảng sợ, bỏ súng ống chạy trốn trước khi lực lượng cách mạng vào đồn, ta thu tám súng trường và nhiều lựu đạn, san bằng đồn bốt.

Như vậy, đêm quy ước toàn tỉnh Bến Tre nổi dậy ở ba xã Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp hoàn toàn thắng lợi, tiêu diệt một Tổng đoàn dân vệ, hai đồn dân vệ và bức rút một đồn công sở xã, phá rã tề xã, tề ấp, giải tán các tổ chức phản động và do thám, ta thu 32 súng, nhiều đạn và lựu đạn, giải phóng hoàn toàn ba xã, cũng có nghĩa là ba xã trở thành mục tiêu tập trung phản kích của địch. Phân tích, đắn đo, cân nhắc lợi hại của

phong trào cách mạng trong tỉnh, các cán bộ và lực lượng vũ trang quyết tâm bám trụ tại ba xã. Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh công tác tư tưởng, chống chủ quan khinh địch, lơ là cảnh giác, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc chuẩn bị ứng phó với địch.

Một mặt ta phát động, hướng dẫn nhân dân cải tạo địa hình, cắm chông, gài lựu đạn, tổ chức canh gác. Tất cả cán bộ, lực lượng vũ trang phải gọn nhẹ, chuẩn bị sẵn sàng chống địch phản kích. Tổ chức míttinh, lập các phiên tòa xét xử những tên ác ôn ngoan cố; một mặt, động viên hướng dẫn nhân dân đấu tranh chính trị trực diện giữ thế hợp pháp, hình thành thế trận tấn công địch bằng sức mạnh tổng hợp, bảo tồn lực lượng vững chắc hơn. Các chi bộ vận động nhân dân đóng góp lương thực, tài chính dự phòng khi địch càn quét.

Ngày 19-1-1960, tại xã Bình Khánh, đồng chí Nguyễn Tâm Cang đại diện Tỉnh ủy thành lập đội vũ trang đầu tiên của tỉnh mang phiên hiệu Đại đội 264, Ban Chỉ huy gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Song (Bảy Song), Nguyễn Văn Ba (Mười Phục), Đinh Văn Chức (Tám Chức); đồng thời, tổ chức ba tiểu đội vũ trang[1].

Tổ chức bộ phận quân báo do đồng chí Hai Nga và đồng chí Trung Nghĩa phụ trách, xây dựng tổ sản xuất vũ khí do đồng chí Ba Thành và đồng chí Ba Tam phụ trách. Tổ vũ khí đã sáng tạo ra hai cây súng "ngựa trời" để đánh giặc. Tổ cứu thương do đồng chí Nguyễn Xuân Kỷ phụ trách chung, có các y tá Nguyễn Thị Hạnh và anh Tám Hoảnh làm công tác chuyên môn. Các đoàn thể quần chúng phát triển, lực lượng nòng cốt được củng cố.

1. Một tiểu đội về hoạt động phá kìm kẹp, tuyên truyền vũ trang ở Minh Tân do đồng chí Ba Châu làm Tiểu đội trưởng, một tiểu đội do đồng chí Xi làm Tiểu đội trưởng hoạt động ở Thạnh Phú, một tiểu đội do đồng chí Cho làm Tiểu đội trưởng hoạt động tại huyện Mỏ Cày.

Cùng với ba xã do Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, Huyện ủy Mỏ Cày phát động nhân dân các xã: Hương Mỹ, Minh Đức, Tân Trung, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng,... đồng loạt nổi dậy theo kế hoạch.

Ở Hương Mỹ, do đồng chí Phạm Văn Huấn phụ trách, chỉ đạo tập hợp trên 50 người tổ chức thành năm tổ, tổ chức bao vây đồn bốt, lấy bụp dừa giả làm súng cùng quần chúng xuống đường lùng bắt bọn tề, mật thám, họp míttinh xử tội những tên có nợ máu, cảnh cáo những tên tay sai. Ngay trong đêm 17-1-1960, nhân dân san bằng công sở Hương Mỹ, thu sáu súng.

Ngày 25-1-1960, một tổ xung kích đã phục kích chém bị thương tên cảnh sát Phủ, thu một tiểu liên.

Ở Ngãi Đăng, đêm 17-1-1960, một tổ xung kích đã đón đường đánh chết hai tên dân vệ, thu hai súng, kết hợp với cơ sở nội tuyến gỡ đồn dân vệ.

Ở Cẩm Sơn, tổ xung kích cùng nhân dân diệt tên Xéo và hai tên lính thu bốn súng, cổ vũ nhân dân trong xã nổi dậy đốt bốt Cẩm Sơn.

Ở Minh Đức, năm cơ sở trong đồn bốt đã về với nhân dân mang theo năm súng. Các xã khác trong huyện: Đa Phước Hội, An Định... Chi bộ phát động quần chúng đánh trống, mõ, lùng bắt tề điệp ác ôn, phá các hình thức kìm kẹp.

Ở huyện Minh Tân, Huyện ủy lấy Nhuận Phú Tân làm điểm với ý định dùng lực lượng quần chúng kết hợp với nội tuyến gỡ đồn, nhưng đến giờ chót nội tuyến không dám hành động nên đêm 17-1-1960 không nổi dậy theo kế hoạch chung.

Ngày 18-1-1960, ta bắn cảnh sát Trực bị thương, thu một súng. Cùng thời gian ở Tân Thanh Tây, lực lượng xung kích diệt một tên lính, thu một súng.

Được một tiểu đội vũ trang tuyên truyền tỉnh giúp sức, Huyện ủy quyết định đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ quần chúng diệt ác phá kìm trên diện rộng.

Đội vũ trang đã phục kích tiểu đội bảo an ở Phước Mỹ Trung, thu hai súng. Ở Thành An, trong một đêm truy bắt 42 tên tề, do thám, mở tòa án nhân dân trừng trị bốn tên ác ôn, những tên khác ta cảnh cáo, giáo dục trả về gia đình.

Thế làm chủ của ta mở rộng trên nhiều ấp của các xã Tân Thanh Tây, Hưng Khánh Trung, Khánh Thạnh Tân, Tân Phú Tây, Thạnh Ngãi, Hòa Lộc... Trong hơn một tuần lễ nổi dậy kể từ ngày 17-1-1960, huyện Mỏ Cày, Minh Tân đã san bằng tám đồn bốt, thu trên 50 súng, trừng trị 30 tên tề điệp, ác ôn.

Cùng với huyện Mỏ Cày và huyện Minh Tân, nhân dân các huyện trong tỉnh đã nổi dậy gỡ đồn bốt, diệt ác ôn, giành quyền làm chủ.

Ở Giồng Trôm, do đồng chí Nguyễn Văn Trung - Tỉnh ủy viên phụ trách, lực lượng xung kích và quần chúng kết hợp với cơ sở nội tuyến gỡ đồn Bình Chánh (đêm 16 rạng sáng 17-1-1960), diệt tên Đội Tiền, Cai Xệ và một số tên khác, thu một tiểu liên, mười súng trường Mas. Tiếp đó, bằng phương thức kết hợp lực lượng vũ trang ta với cơ sở nội tuyến đã diệt và bức rút các đồn ở Bình Thành, Tân Hào, Lương Hòa, Phú Điền (Thuận Điền), Châu Bình.

Lực lượng xung kích cùng quần chúng phối hợp với cơ sở nội tuyến gỡ đồn Cái Mít (Thạnh Phú Đông), phá kìm kẹp ở xã Phước Long, Thuận Điền, Long Mỹ...

Tại Thạnh Phú, theo kế hoạch phối hợp với Mỏ Cày gỡ bốt Đại Điền và Thới Thạnh nhưng không thành, quần chúng chia thành từng đội lùng bắt 12 tên tề điệp, địa chủ cường hào.

Ba giờ chiều 17-1-1960, tổ xung kích hóa trang làm công an địch dẫn một cán bộ đóng vai "Việt cộng" bị bắt tiến đến bốt An Quy. Thừa lúc địch bất ngờ, ta bắn chết tên Sấm ác ôn, đoạt đồn và thu 12 súng. Đồn An Quy bị diệt đã cổ vũ nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kềm, mở ra vùng căn cứ ở "cù lao Quốc Tế".

Sau một tuần nổi dậy, Thạnh Phú thu 15 súng, cộng thêm hai súng cũ tổng cộng là 17 súng, được phân cho hai đội vũ trang hoạt động vùng Đại Điền, Thới Thạnh và vùng dưới từ An Quy tới Thạnh Phong.

Tại thị xã, đồng chí Phan Duy Khôi - Trưởng ban Cán sự bị bắt trong khi chuẩn bị đánh úp bọn bảo an gác cầu Nhà Thương, đồng chí Nguyễn Duy Nhung (Ba Trí) và hai thanh niên bị lộ xin ra chiến đấu. Sau đó, tỉnh cử đồng chí Trần Văn Giàu (Ba Cầu) về phụ trách thị xã.

Tại Ba Tri, Huyện ủy đã phát động quần chúng phá kìm, trừ gian, diệt tề, diệt đồn Tân Xuân bằng hóa trang kỳ tập ngày 23-1-1960, thành lập một tiểu đội vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cho quần chúng tại năm xã nổi dậy.

Ở Châu Thành, do đồng chí Phan Văn Giảng (Hai Lân), Tỉnh ủy viên phụ trách. Để hưởng ứng phong trào chung, đồng chí Hai Lân đã họp Huyện ủy vạch kế hoạch hành động và phân công các đồng chí trong Huyện ủy phụ trách từng khu vực.

19 giờ 30 phút ngày 17-1-1960, lực lượng vũ trang ta phối hợp với cơ sở nội tuyến diệt đồn Phước Định (Phước Thạnh) thu 11 súng. Sau đó, huyện thành lập đội vũ trang tuyên truyền chia từng tổ hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm ở các xã.

Để cổ vũ, phát động đông đảo quần chúng nổi dậy đưa lên thành cao trào, Huyện ủy tổ chức cuộc míttinh lớn (đêm 19-1-1960) tại cánh đồng Phước Xuân có 3.000 người ở các xã An Khánh, Phú An Hòa, Tân Thạch,... đến dự, đèn măng xông

thắp sáng cả một vùng. Đồng chí Phan Văn Giảng đứng lên hiệu triệu quần chúng, đồng thời, lập Tòa án nhân dân xử tên Hương chủ Giỏi chuyên giật đất, tăng tô, bắt nhiều tên tề, bọn chỉ điểm, địa chủ thú tội trước nhân dân, tiến hành chia ruộng đất của địa chủ cho nông dân.

Ở Tam Phước, đêm 26-1-1960, quần chúng nổi dậy đốt ba tháp canh, gỡ đồn Hữu Định bằng cách kết hợp với cơ sở nội tuyến (chiều 30-1-1960), thu bảy súng. Ta lên án Hương sư Nhất (Tam Phước), tuyên bố tịch thu ruộng đất chia cho nông dân và sau một tuần bị ta bao vây bắn tỉa, binh lính đồn An Khánh rút chạy. Trước và sau Tết Nguyên đán, ta làm chủ phần lớn các xã Phước Thạnh, Hữu Định, Song Phước, An Hóa, Giao Long, Giao Hòa, Quới Sơn, An Khánh, Tam Phước, Thạnh Phú Đông, Phước Long, Thuận Điền, Nhơn Thạnh và thu trên 40 súng.

Ngoài việc trang bị cho lực lượng tự vệ xã số vũ khí thu được, huyện còn tổ chức hai đội vũ trang tuyên truyền. Một đội do đồng chí Phạm Hữu Trực (Tư Lập) lãnh đạo hoạt động vùng Sóc Sãi (cũ); một đội do đồng chí Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân) lãnh đạo hoạt động ở các xã giáp với Giồng Trôm, tiến hành diệt ác, phá kìm, phát động quần chúng, gây dựng cơ sở.

Sau khi Bến Tre nổi dậy theo tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương, địch hoàn toàn bị bất ngờ, lúng túng, hốt hoảng. Ngụy quyền tỉnh ra lệnh cho binh lính cố thủ đồn bốt, đồng thời, báo cáo lên ngụy quyền Sài Gòn về tình hình tại Kiến Hòa (Bến Tre). Tổng thống ngụy quyền Ngô Đình Diệm, Đại tướng Lê Văn Tỵ - Tổng Tham mưu trưởng quân đội ngụy, Đỗ Cao Trí, Thiếu tướng Lê Văn Là và Trần Tử Oai xuống Bến Tre thị sát. Sau khi nghiên cứu tình hình, Ngô Đình Diệm tuyên bố "cái ung nhọt Kiến Hòa rất nguy hiểm, nếu không loại trừ ngay thì sẽ sụp đổ chế độ". Chúng cách chức Tỉnh trưởng Lê Ba, đưa Thiếu tá Nguyễn Huỳnh về làm Tỉnh trưởng,

Thiếu tá Cao Minh Quân làm phụ tá; cách chức Quận trưởng Mỏ Cày và thay đổi hàng loạt quận trưởng khác. Đồng thời, chúng tung bọn gián điệp, tình báo vào vùng giải phóng ráo riết hoạt động thu thập tình hình của ta.

Ngày 21-1-1960, chúng điều về ba xã một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, hai đại đội đóng tại chợ Phước Hiệp, một đại đội đóng tại ấp An Hòa (Bình Khánh). Tiểu đoàn này chuyển quân về Phước Hiệp bằng xuống máy. Một xuồng máy vừa ra khỏi cầu Ông Bồng thì bị đội vũ trang của ta được bố trí sẵn chặn đánh, địch chết và bị thương 10 tên (trong số này có tên trung úy đại đội trưởng). Chúng bỏ cả xác chết và vũ khí chạy thoát thân.

Ngày 26-1-1960, địch đưa lính bảo an về đóng lại hai đồn Định Thủy và Bình Khánh mỗi đồn một trung đội và tăng cường cho đồn dân vệ Phước Hiệp một trung đội bảo an. Sau khi đóng đồn, chúng lùng sục vào xóm, ấp bắn giết đồng bào, hãm hiếp phụ nữ, cướp tài sản.

Lực lượng vũ trang của ta ngày đêm bám địch, bao vây đồn, phục kích bắn tỉa tiêu hao, tiêu diệt địch, kinh nghiệm tác chiến và phối hợp chiến đấu ngày càng hiệu quả hơn, tổ chức những trận đánh phục kích lớn. Nổi bật là trận đánh một đại đội thủy quân lục chiến, từ ấp An Hóa thọc sâu vào trung tâm ấp An Thạnh. Trung úy Nguyễn Thế Lương và tốp giặc đi đầu lọt vào đúng hướng và tầm súng "ngựa trời" của ta. Ba cây súng đều nhả đạn, khói mịt mù, nhiều lính giặc bị thương. Em Hiếu và bốn chiến sĩ xung kích từ công sự cá nhân dùng mã tấu xông vào đội hình địch, em Hiếu chém chết tên Trung úy Lương và đã hy sinh, nêu cao khí phách anh hùng của thiếu niên Bến Tre. Trận này, địch chết và bị thương 26 tên. Trong khi đó, trung đội bảo vệ địa bàn chặn đánh địch trên tỉnh lộ 30 đoạn An Định - Mỏ Cày (gần cầu Sập) phá hỏng một xe quân sự, nhiều tên chết và bị thương.

Như vậy, địch huy động gần hai tiểu đoàn quân (có một tiểu đoàn thủy quân lục chiến thuộc lực lượng tổng trù bị của địch), ngoài ra, còn có lực lượng công an, tình báo, gián điệp liên tục càn quét ba xã Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp gần một tháng nhưng ta vẫn bảo tồn và phát triển lực lượng, phong trào quần chúng được giữ vững, không những thế còn gây cho giặc nhiều tổn thất.

Nhưng trong tình hình này phải làm thế nào để đẩy mạnh đấu tranh chính trị trực diện, mà vẫn giữ thế hợp pháp cho quần chúng theo đường lối Nghị quyết 15 của Trung ương. Do vậy, đồng chí Nguyễn Tâm Cang cùng chi bộ các xã bàn bạc quyết tâm, phát động quần chúng tổ chức cho kỳ được một cuộc đấu tranh chính trị trực diện để rút kinh nghiệm. Xã Phước Hiệp được chọn làm điểm.

Sau cuộc họp, Chi bộ xã Phước Hiệp đi đến thống nhất chủ trương và xây dựng kế hoạch quyết tâm phát động nhân dân đấu tranh chính trị trực diện.

Sáng 26-2-1960, giặc càn vào ấp 7, xã Phước Hiệp, một phụ nữ bị lính bảo an hãm hiếp, nhân dân rất căm phẫn. Được tin này, Chi bộ liền họp và phân công đồng chí Phó Bí thư xã thuyết phục gia đình nạn nhân, sau đó, phát động quần chúng đi đấu tranh trực diện tại quận Mỏ Cày.

Hơn 200 người của xã Phước Hiệp và các xã lân cận đã khiêng nạn nhân kéo lên thị trấn đấu tranh, nhân dân Đa Phước Hội, An Định và thị trấn cũng gia nhập vào đoàn biểu tình, tổng số lên đến 5.000 người. Đoàn biểu tình còn được binh lính dù đang đi hộ tống Lê Văn Tỵ đến Mỏ Cày nghiên cứu tình hình, đồng tình ủng hộ.

Do áp lực của nhân dân quá mạnh, lại thêm có bọn lính của ngụy quyền Trung ương đang có mặt tại quận, Quận trưởng sợ

bẽ mặt với cấp trên nên không dám chần chừ, phải trực tiếp giải quyết yêu sách của nhân dân:

- Chịu đưa người bị hãm hiếp đi chữa bệnh;

- Hứa điều tra nghiêm trị bọn lính đã có hành động sai trái;

- Cam kết chấm dứt càn quét, khủng bố.

Như vậy, cuộc đấu tranh chính trị trực diện đầu tiên của nhân dân sau ngày nổi dậy với quy mô lớn và giành thắng lợi gây ảnh hưởng lớn toàn tỉnh. Qua cuộc đấu tranh này, Tỉnh ủy rút ra kết luận khả năng đấu tranh chính trị trực diện của nhân dân để giữ thế hợp pháp vẫn còn thực hiện được. Tuy ở ba xã, giặc tiếp tục càn quét, đánh phá nhưng nhân dân đã mạnh dạn tiếp xúc, tranh thủ binh sĩ và đấu tranh giữ gìn tài sản, bảo vệ sinh mệnh của mình, hạn chế nhiều hành động khủng bố của địch.

Riêng ở huyện Thạnh Phú, một tiểu đội vũ trang tự vệ do đồng chí Cương, Bí thư Chi bộ xã Đại Điền (Thạnh Phú) phụ trách, chống lại một trận càn của một trung đội bảo an tại ấp Phong, làm bị thương nhiều tên địch. Cuối cùng, do tương quan lực lượng địch quá mạnh, đồng chí Cương cùng mười đồng chí khác đã anh dũng hy sinh.

Ngày 28-2-1960, Thường trực Tỉnh ủy họp sơ kết qua một tháng nổi dậy để thống nhất quan điểm, nhận thức, yêu cầu, biện pháp trong Đảng bộ, khôi phục vai trò lãnh đạo, ý thức trách nhiệm của Tỉnh ủy trước Đảng bộ và nhân dân Bến Tre.

Dự họp có các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy như: đồng chí Võ Văn Phẩm, đồng chí Nguyễn Thị Định, đồng chí Nguyễn Tâm Cang. Địa điểm họp tại ấp An Thạnh (Bình Khánh - Mỏ Cày).

Cuộc họp đánh giá: Hơn một tháng nổi dậy theo tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương, ta đã giành thắng lợi lớn ở ba

xã điểm, làm tan rã mọi tổ chức của địch, phát động nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, đồng thời, tiếp tục đấu tranh chống kẻ thù phản kích, giữ vững phong trào.

Cán bộ, lực lượng vũ trang bám trụ trong vùng, tiếp tục phát động nhân dân bằng nhiều hình thức: tuyên truyền trực tiếp cá nhân, họp dân, tổ chức Tòa án nhân dân xét xử những tên phản động, thực hiện chính sách khen thưởng nghiêm minh. Đồng thời, tổ chức được một cuộc đấu tranh chính trị trực diện với ngụy quyền cấp quận, với 5.000 người tham gia và đã giành thắng lợi.

Lực lượng cách mạng: Đảng, Đoàn, nòng cốt cách mạng phát triển rất nhanh. Mỗi xã xây dựng được một tiểu đội vũ trang tự vệ, được trang bị một tổ súng, còn lại là vũ khí thô sơ. Thời gian này, ta xây dựng cho tỉnh bốn tiểu đội vũ trang tuyên truyền và các tổ chức chuyên môn phục vụ lực lượng vũ trang như: quân báo, cứu thương, tổ vũ khí...

Sau một tháng nổi dậy ở Bến Tre, tuy mới chỉ có 50% tổng số xã nổi dậy, nhưng đã làm bọn ngụy quyền từ Trung ương đến cơ sở phải hoảng sợ, vội vã điều quân đến phản kích. Điều đó chứng tỏ nhận xét, đánh giá về địch của ta hoàn toàn chính xác, tuy chúng đông, đầy đủ phương tiện vật chất nhưng chứa đầy mâu thuẫn, không mạnh như ta tưởng, nó giải tỏa được nỗi băn khoăn lo ngại, do dự trong bước mở đầu thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Tỉnh ủy khắc phục kịp thời một số hiện tượng sai lầm có tính nguyên tắc như tất cả các cơ sở bí mật đều đứng ra đánh giặc lấy bốt như hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, hoặc gặp đâu đánh đó không có yêu cầu, mục đích rõ ràng. Tỉnh ủy cũng đề phòng được việc ám sát cá nhân, trả thù cá nhân. Cuộc họp thống nhất một số việc làm trước mắt:

- Khôi phục và tăng cường tổ chức hoạt động của bộ phận thường trực Tỉnh ủy để có sự chỉ đạo thống nhất toàn tỉnh.

- Xúc tiến xây dựng lực lượng vũ trang: tỉnh một đại đội, huyện một trung đội, xã một tiểu đội. Về trang bị cho xã, một tổ vũ khí còn lại là vũ khí thô sơ, ưu tiên cho các xã vùng căn cứ tỉnh, huyện và các xã theo trục đường giao liên. Ở các vùng giải phóng, ra sức củng cố tư tưởng và tổ chức, phát triển Đảng, đoàn viên Thanh Lao, nòng cốt, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng chống khủng bố, đòi dân sinh, dân chủ làm cho địch bị động, đồng thời, giáo dục quần chúng chuẩn bị tư tưởng, làm cho quần chúng hiểu rõ âm mưu của địch, đưa quần chúng ra chống khủng bố giành thắng lợi mới. Phải nắm vững, đề cao vai trò và tác dụng của lực lượng đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp của quần chúng mới giữ được phong trào, bảo vệ được cơ sở cách mạng làm cho địch bị động hơn nữa.

- Cuộc họp tiến hành phê bình và tự phê về trọng trách của mỗi người trong lãnh đạo, chỉ đạo thời gian qua.

Sau cuộc họp sơ kết, phong trào cách mạng trong tỉnh sôi nổi hẳn lên, có nhiều xã, ấp vùng duyên hải và ven sông Ba Lai, Cổ Chiên, Băng Cung của ba huyện Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú đã quét sạch bọn do thám, chỉ điểm. Số cơ sở cách mạng nằm yên tránh giặc ở Sóc Sãi cũng trở lại tuyên truyền vận động nhân dân, móc nối với cán bộ trên để nhận chủ trương hành động. Các huyện Mỏ Cày, Châu Thành và kế tiếp đó là hai huyện Minh Tân và Giồng Trôm chuyển lên khá mạnh.

Cuộc nổi dậy thắng lợi trên khắp các địa bàn trong tỉnh tạo điều kiện cho hoạt động tuyên truyền, báo chí phát triển. Theo chủ trương của Tỉnh ủy, tháng 3-1960, báo *Hòa bình thống nhất* đổi tên thành báo *Chiến thắng* do đồng chí

Nguyễn Văn Thành phụ trách, với số lượng 700 đến 800 bản mỗi số để cổ vũ, động viên toàn tỉnh nổi dậy giành thắng lợi mới.

Mặc dù diễn biến tình hình giữa ta và địch vẫn theo xu thế thuận lợi cho cách mạng, nhưng để củng cố, duy trì phong trào cách mạng trong tỉnh, ta phải xây dựng được lực lượng vũ trang tuyên truyền tập trung cơ động, bước đầu là một đại đội.

Đầu tháng 2-1960, đồng chí Nguyễn Thanh Liêm (Tư Chí), đồng chí Lê Minh Đào đã điều động, tập hợp các chiến sĩ của Ba Tri, Giồng Trôm, Châu Thành và một số cán bộ để thành lập đại đội vũ trang của cù lao Bảo lấy phiên hiệu C269. Ban Chỉ huy gồm các đồng chí: Trần Khắc Chung - Đại đội trưởng; Trần Văn Bì (Vệ quốc) - Chính trị viên, Bí thư Chi bộ; đồng chí Tiễn và đồng chí Cầm - Đại đội phó. Quân số của C269 có 25 cán bộ, chiến sĩ, được trang bị 22 súng.

Vừa mới thành lập, Đại đội 269 đã tổ chức đánh hai trận ở chợ Phước Mỹ (Phước Long) và ở Tân Hào. Thắng lợi tuy nhỏ nhưng gây tiếng vang lớn, đưa khí thế quần chúng lên cao.

Đầu tháng 3-1960, do yêu cầu tác chiến, Tỉnh ủy điều C269 cùng 20 súng trường sang cù lao Minh phối hợp với lực lượng C264 chuẩn bị đánh địch phản kích.

Sáng 23-3-1960, ta tổ chức mò súng tại khúc sông cầu Ông Bồng cặp theo ấp Định Hưng và Định Thủy để dụ địch. Bộ đội ta bố trí trận địa phục kích sẵn một tổ (năm đồng chí) có nhiệm vụ ngăn chặn lính ở quận đến tiếp viện (tại mặt trận này, ta lấy được một súng trung liên Mỹ[1]). Đại đội thủy quân lục chiến của địch do Trung úy Nước chỉ huy chia làm hai cánh thủy, bộ lọt vào trận địa phục kích, ta nổ súng trên cả ba mặt trận: đường bộ, đường sông, mặt cảnh giới.

1. Đây là cây trung liên đầu tiên của lực lượng vũ trang Bến Tre. Trước đó, ta có một súng nhưng bị hỏng cò, không có băng đạn.

Kết quả trận Định Hưng, ta diệt và làm bị thương trên dưới 50 tên, có tên Trung úy Nước chỉ huy, thu 30 súng và nhiều đạn dược.

Thắng lợi trong trận Định Hưng đã thể hiện tư tưởng tấn công táo bạo của Đảng bộ, phán đoán địch đúng và sự chuẩn bị chiến trường, bố trí trận địa và sử dụng lực lượng thích hợp.

Tháng 3-1960, Ngô Đình Diệm đến Bến Tre khảo sát tình hình và trấn an bọn ngụy quân, ngụy quyền tỉnh, quận. Ngô Đình Diệm ra lệnh tung lực lượng bảo an tỉnh, quận, lực lượng chủ lực về Bến Tre hòng dập tắt "cái ung nhọt Kiến Hòa".

Ngày 25-3-1960, Mỹ - Diệm huy động hàng ngàn quân hỗn hợp, gồm thủy quân lục chiến, lính dù, biệt kích có máy bay, pháo yểm trợ do Bộ Tổng tham mưu ngụy trực tiếp chỉ huy, mở chiến dịch gọi là "Bình trị Kiến Hòa" tập trung đánh phá ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh. Lực lượng của địch tung vào chiến dịch cụ thể như sau:

- Hai lữ đoàn thủy quân lục chiến số 400/7 và 400/8.

- Hai tiểu đoàn quân biệt kích 400.

- Một tiểu đoàn dù.

- Ba tiểu đoàn khinh quân.

- Lực lượng bảo an lưu động Cần Thơ, Mỹ Tho, Trà Vinh (gồm hai tiểu đoàn).

- Một quân đoàn cơ giới chiến xa gồm 70 thông vận.

- Bốn thiết xa vận.

- Mười bảy tàu "Hải đoàn xung phong".

- Hai pháo đoàn (có 4 canon 105mm).

- Hai máy bay[1].

1. Theo tài liệu quân báo tỉnh Bến Tre. Tính chung, địch huy động khoảng 10.000 quân.

Tham gia chiến dịch còn có bọn công an Ngô Quyền, đặc cảnh miền Đông, công an Duyên Hải, thám báo, công dân vụ. Tổng Chỉ huy chiến dịch là Đỗ Cao Trí. Kế hoạch tổng quát của địch là: "Thừa đêm tối đổ quân bao vây chặt ba xã Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh. Sáng sớm, sẽ sử dụng nhiều cánh quân đánh vào trung tâm. Đội hình tiến quân "đầu nhọn đuôi dài" hình thành thế bao vây, chia cắt địa bàn ra từng mảnh nhỏ để tiêu diệt từng phần".

Các bộ phận của Tỉnh ủy được lệnh di chuyển khỏi địa bàn nhưng tất cả các con đường bộ, đường sông bị địch án ngữ, nên phải quay về ấp An Thạnh (Bình Khánh) bàn kế hoạch chống càn. Nhận định hướng tiến quân của giặc, lực lượng ta bố trí như sau:

- Một tiểu đội trang bị nhiều súng "ngựa trời" đón cánh quân giặc càn vào ấp Phước Hảo, cố gắng tiêu diệt nhiều địch, nhưng không để giặc tiếp cận bao vây, khi giặc đến thì nổ súng rồi rút lui.

- Các ngả đường vào ấp Phước Lý và An Thạnh (Bình Khánh), ta bố trí chông, lựu đạn, gài chướng ngại vật để chặn đường tiến quân của địch.

- Tập trung lực lượng đánh địch ở hướng ấp Phước Tân (Bình Khánh) với yêu cầu giành thắng lợi ngay trận đầu để hạ uy thế giặc.

Địch tiến quân theo dự đoán của ta, đi tới đâu chúng cũng bắn giết, đốt phá, cướp bóc. Chúng đã chôn sống 36 thanh niên, trung niên, giết hại 80 đồng bào ta.

Ngày đầu tiên khi địch vừa đổ quân vào ba xã, lực lượng vũ trang tỉnh và du kích xã đã sẵn sàng tư thế và đánh phủ đầu theo chiến thuật du kích trên khắp địa bàn của ba xã. Cánh quân kéo vào ấp Phước Hảo, vừa đến cuối ấp, toán đi đầu đã

bị tiểu đội vũ trang nổ súng, làm giặc bị thương vong một số. Giặc hoảng hốt bắn loạn xạ và dừng lại.

Cánh quân Phước Tân từ đồng trống bò vào mặt trận ta, chờ chúng đến gần ta mới nổ súng. Địch chết và bị thương hàng chục tên. Tốp đi sau bắn dữ dội, một chiến sĩ ta hy sinh. Chúng không dám tiến quân, lui ra đường đất Bình Khánh - Phước Hiệp nằm chờ.

Các cánh quân của địch nổ súng rền trời, chúng không hiểu là tiếng súng của ai, càng sợ hãi, tiến quân chậm chạp. Ta vận động lên ấp 6 Phước Hiệp, phục kích hai tuyến:

- Tuyến 1: đầu ấp 6, kế bên Rạch Ranh chặn hướng địch từ Cái Quao lên.

- Tuyến 2: cách tuyến 1 khoảng 400m chặn đánh địch từ đồn Phước Hiệp bọc hậu.

Ta tổ chức phục kích ở ấp 6 Phước Hiệp, trước trận địa là rạch Ranh, ta đào công sự sát bờ mía. Chờ địch qua rạch Ranh đi dồn cục, lọt vào trận địa, súng ngựa trời và các loại súng trung liên, súng trường nổ đồng loạt vào đội hình của chúng. Bị đánh bất ngờ địch đạp lên nhau rút chạy. Chúng bỏ lại 50 xác chết.

Sau trận này, địch dè dặt hơn, bộ đội ta lừa thế tránh mũi nhọn của chúng, rút qua ấp 7, Phước Hiệp để vòng về Bình Khánh.

Sau 10 ngày chiến đấu, ta diệt trên 250 tên địch. Các bà, các chị tìm cách tranh thủ binh lính địch, đánh lừa chúng hành quân hướng khác hoặc cầm chân địch để bộ đội, du kích có thời gian tránh né.

Sau khi rút qua ấp 7, Phước Hiệp để vòng về Bình Khánh, phía sau lưng địch, ta bố trí trận địa phòng ngự. Trong đêm 25-3-1960, họp cán bộ, lực lượng vũ trang và hai chi bộ

Phước Hiệp, Bình Khánh chủ trương phát động nhân dân đứng lên đấu tranh phủ đầu không cho địch cướp phá tại chỗ; đồng thời, tổ chức lực lượng ra quận lỵ đấu tranh đòi địch rút quân. Đồng chí Nguyễn Thị Định và đồng chí Nguyễn Thị Khao (Út Thắng) - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Mỏ Cày, cùng các đồng chí trong Tỉnh ủy lo việc vận động quần chúng và lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị quy mô này.

Sáng 1-4-1960, hàng ngàn đồng bào ở ba xã Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh dùng hàng trăm ghe, xuồng chở theo quần áo, mùng mền, nồi, xoong, heo, gà, bồng bế cả con cháu "tản cư ngược" lên thị trấn Mỏ Cày tố cáo lính chủ lực cướp của, đốt nhà, giết người, hãm hiếp phụ nữ. Hơn 5.000 người ở khu vực lân cận cũng được huy động vào thị trấn để tiếp sức, lực lượng đấu tranh lên đến gần 10.000 người. Đoàn người ở chật ních các trường học, thánh thất, văn phòng dân biểu Hạ nghị viện[1], vây kín trụ sở quận, yêu cầu Quận trưởng cho dân tạm nương náu, khi nào lính "áo rằn" rút đi bà con mới trở về. Đồng thời, báo cáo cho Quận trưởng biết lính "áo rằn" chửi quân địa phương, chửi cả Quận trưởng, Tỉnh trưởng, coi thường các nhà chức trách địa phương. Bị kích động, đồng thời, cũng để gỡ thế bí, bọn ngụy quyền đã phải báo lên Tổng Tham mưu ngụy quyền Sài Gòn yêu cầu cho rút quân chủ lực về.

Cuộc đấu tranh kéo dài 12 ngày đêm. Được nhân dân thị trấn Mỏ Cày và cả một số cảnh sát, binh sĩ địch đồng tình ủng hộ, tiếp tế cơm nước, phối hợp đấu tranh lý lẽ với địch, buộc chúng phải rút quân.

Trong lúc đó, tại ba xã Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh, đồng bào đã ra đường "thăm hỏi" binh sĩ, dò la tin tức,

1. Quốc hội của ngụy quyền gồm hai viện: Thượng nghị viện và Hạ nghị viện; người đắc cử vào Thượng nghị viện gọi là Thượng nghị sĩ, còn đắc cử vào Hạ nghị viện gọi là Dân biểu.

chống bọn lính giết người, cướp của, chống địch hãm hiếp. Gia đình binh sĩ ở tại chỗ và cả gia đình binh sĩ những nơi khác đến trực tiếp đấu tranh đòi chồng, con em trở về. Các gia đình có con em chết trận thì đòi xác về chôn, đòi bồi thường nhân mạng, đã tác động tinh thần binh lính địch.

Đến ngày thứ 12 của cuộc đấu tranh, ngày 12-4-1960, tên Đại tá Nguyễn Văn Y từ Sài Gòn xuống ra lệnh rút quân khỏi ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh. Chiến dịch "Bình trị Kiến Hòa" chẳng những không tiêu diệt được cái "ung nhọt Kiến Hòa" mà còn chuốc lấy thất bại hết sức nặng nề. Cuộc chống càn kết thúc, ta chấn chỉnh tổ chức, trang bị, thành lập trung đội bảo vệ địa bàn, điều C264 mở đường và chuẩn bị mọi mặt cho Tỉnh ủy chuyển về Châu Bình.

Trung tuần tháng 4-1960, Tỉnh ủy mở hội nghị tại Châu Bình (Giồng Trôm) tổng kết phong trào nổi dậy của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương.

Hội nghị đã thông qua dự thảo báo cáo tổng kết tình hình, rút kinh nghiệm trong gần bốn tháng thi hành Nghị quyết 15 của Trung ương. Bản tổng kết đã đánh giá: Thực hiện Nghị quyết của Trung ương trong khi tình hình ở Bến Tre gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, tin và dựa vào dân, Đảng bộ Bến Tre đã vượt lên mọi khó khăn, khắc phục mọi nhược điểm, quyết tâm thi hành cho kỳ được và đúng chủ trương, đường lối của Đảng. Từ chỗ ta trong thế bị động phòng ngự, sau ba tháng đã chuyển lên phản công, bước đầu giành thế chủ động chiến lược. Đảng từ hoạt động bí mật chuyển sang hoạt động công khai.

Đảng viên, đoàn viên được tập hợp, nhận công tác lại và phát triển mới trên 500 đồng chí, xây dựng được hơn 1.000 nòng cốt nắm quần chúng.

Tỉnh đã xây dựng được hai đại đội vũ trang và một trung đội bảo vệ căn cứ. Tuy quân số, vũ khí còn thiếu nhưng thành tích tác chiến rất đáng tự hào. Ta đã diệt, bắt sống, làm bị thương 600 tên địch, thu 150 súng các loại, trừng trị 100 tên do thám, gián điệp có nợ máu với nhân dân. Mỗi huyện xây dựng được bán tiểu đội hoặc tiểu đội vũ trang tuyên truyền. Có 20 xã xây dựng một tiểu đội vũ trang tự vệ. Các tổ chức: quân báo, quân y, tổ sản xuất vũ khí ra đời góp phần xây dựng vào hoạt động vũ trang trong thời gian qua.

Đấu tranh chính trị trực diện: từ lẻ tẻ đến tập trung có hơn 20 ngàn lượt người. Đặc biệt có hai cuộc đấu tranh tập trung kéo vào thị trấn, trực diện với quận trưởng ngụy có tới 4.000 đến 5.000 người tham gia, như cuộc đấu tranh chính trị ở xã lân cận vào quận lỵ Mỏ Cày (ngày 27-2-1960) và cuộc đấu tranh của đồng bào Công giáo nhà thờ La Mã và nhân dân các xã lân cận trong huyện Giồng Trôm (ngày 21-3-1960) do Huyện ủy chỉ đạo, đã kiên trì đấu tranh, buộc Quận trưởng Giồng Trôm nhận đơn, hứa hẹn thực hiện những yêu cầu của nhân dân. Các cuộc đấu tranh chính trị quy mô trên đã chứng tỏ hình thức đấu tranh chính trị trực diện nhưng giữ thế hợp pháp cho nhân dân vẫn thực hiện được.

Trong thực tế của cuộc nổi dậy, Tỉnh ủy hoàn chỉnh dần đường lối tấn công địch để phát triển cách mạng. Qua đó, rút ra kinh nghiệm, phương châm đánh địch bằng "hai chân, ba mũi", giáp công trong một người hay trong một trận đánh, sau này, Trung ương đã đúc kết thành phương châm chỉ đạo chiến lược chung cho toàn miền Nam xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau đó, hội nghị tiến hành tự phê bình và phê bình và bầu Tỉnh ủy. Các đồng chí trong Tỉnh ủy đều chuẩn bị báo cáo tự phê bình để hội nghị đóng góp ý kiến. Các đồng chí tự phê bình và được phê bình đều tỏ rõ thái độ

trung thực, thẳng thắn, có lúc bộc lộ gay gắt nhưng vẫn giữ được sự đoàn kết. Đồng chí Võ Văn Phẩm tự nhận có khiếm khuyết trong sự chỉ đạo, lãnh đạo thời gian này, hội nghị thống nhất để đồng chí thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

Hội nghị bổ sung các đồng chí Huỳnh Thanh Mua và đồng chí Nguyễn Thị Khao (Út Thắng) vào Tỉnh ủy. Gần kết thúc hội nghị, đồng chí Nguyễn Tâm Cang được lệnh về Liên Tỉnh ủy nhận công tác khác, do đó hội nghị bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân) vào Tỉnh ủy, bầu đồng chí Võ Văn Phẩm làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Tỉnh ủy gồm chín đồng chí được phân công như sau:

- Đồng chí Nguyễn Thị Định - Bí thư Tỉnh ủy phụ trách công tác dân vận và phong trào đấu tranh chính trị trực diện.

- Đồng chí Võ Văn Phẩm - Phó Bí thư, phụ trách quân sự, binh vận và giao liên.

- Đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) - Ủy viên Thường vụ phụ trách tổ chức, tuyên huấn.

Các tỉnh ủy viên:

- Nguyễn Thanh Liêm (Tư Chí) phụ trách huyện Bình Đại.

- Phan Văn Giảng (Hai Lân), phụ trách huyện Châu Thành, Sóc Sãi.

- Nguyễn Văn Trung, phụ trách huyện Giồng Trôm, thị xã.

- Nguyễn Thị Khao, phụ trách huyện Mỏ Cày, Minh Tân.

- Huỳnh Thanh Mua (Hai Chiến), phụ trách huyện Thạnh Phú.

- Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân).

Hội nghị đề ra việc chấn chỉnh các ban, ngành quân sự, chính trị, binh vận và các ban giúp việc Tỉnh ủy: Tuyên huấn, Dân vận...

Về xây dựng lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy chỉ đạo sáp nhập C269 và C264 xây dựng thành một đại đội mạnh của Tỉnh ủy, mang phiên hiệu 261. Ban Chỉ huy Đại đội gồm: đồng chí Trần Khắc Chung (Sáu Chung) làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Xinh (Tư Ẩn) - Đại đội phó, đồng chí Trịnh Văn Nở (Tư Nguyễn) - Chính trị viên.

Số cán bộ còn lại đưa về các huyện xây dựng các đại đội của huyện và làm cán bộ tham mưu, tác chiến, chính trị và về trường huấn luyện quân sự.

Để đào tạo cán bộ cho ngành quân sự, ngày 1-7-1960, trường đào tạo cán bộ tiểu đội mang tên Võ Tấn Nhất khai giảng khóa đầu tiên với 130 học viên, tại huyện Thạnh Phú.

Ở các xã giải phóng, sau khi nổi dậy phá tan thế kìm kẹp, diệt đồn bốt, giải tán các tổ chức chính trị phản động, đập tan chính quyền địch, ta lập Tòa án nhân dân xét xử bọn tề ngụy, công an, do thám, địa chủ, cường hào gây nhiều tội ác với nhân dân. Tuy không tổ chức chính quyền cách mạng, nhưng nhân dân đứng ra quản lý mọi mặt xã hội do Đảng lãnh đạo.

Ở các xã chưa được giải phóng, ta nhanh chóng xây dựng các tổ, đội vũ trang, tự vệ mật, củng cố cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng. Ở thị xã, cơ sở cách mạng phát triển trong nhà máy đèn, bến phà, các trường trung học. Lực lượng chính trị ở mỗi xã đã tập hợp được từ 100 đến 1.000 người sẵn sàng đi đấu tranh. Đến mùa thu năm 1960, Bến Tre đã có thể huy động cho một cuộc đấu tranh từ 5.000 đến 10.000 người. Các ban chuyên môn nghiệp vụ giúp việc Tỉnh ủy, huyện ủy được thành lập.

Theo dõi chặt chẽ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ở các tỉnh, sau đồng khởi ở Bến Tre thắng lợi, tiếp theo là chiến thắng Tua Hai (Tây Ninh)

ngày 22-4-1960, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị về đẩy mạnh công tác tuyên truyền động viên quần chúng, chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, xây dựng thế làm chủ của nhân dân, giữ thế hợp pháp để chủ động tiến công địch.

Ngày 15-7-1960, Thường vụ Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ mở hội nghị sơ kết cuộc nổi dậy và tiến công đợt 1[1]. Hội nghị nhận định:

Trong đợt 1, các tỉnh đều hoạt động mạnh, nhưng với kết quả khác nhau, do tương quan giữa ta và địch, nhưng chủ yếu do phương thức phát động quần chúng nổi dậy ở các tỉnh với mức độ khác nhau... Hội nghị đã giành nhiều thời gian thảo luận, phân tích rút ra những bài học kinh nghiệm của Bến Tre về công tác vận động quần chúng và phương thức nổi dậy đồng loạt.

Để thực hiện chủ trương của Xứ ủy, Hội nghị Liên Tỉnh ủy quyết định lấy ngày 23-9-1960 (ngày Nam Bộ kháng chiến) các tỉnh trong toàn Khu nổi dậy, tập trung trong 15 ngày, kể từ ngày 23-9 đến ngày 10-10-1960.

Ở Bến Tre, sau đồng khởi đợt 1, phong trào và lực lượng cách mạng phát triển, lực lượng chính trị được tổ chức chặt chẽ. Ở các xã, ấp đều có lực lượng dân quân tự vệ, mỗi huyện xây dựng được một trung đội. Hệ thống công trường sửa chữa, sản xuất vũ khí được xây dựng từ tỉnh xuống huyện, xã. Tổ chức đảng nhiều nơi được khôi phục, phát triển thêm nhiều đảng viên mới. Hệ thống giao liên được củng cố chặt chẽ, thông suốt. Tư tưởng quần chúng được phát động. Khí thế cách mạng lên cao.

1. Ở Bến Tre đồng chí Võ Văn Phẩm (Tám Chữ) và đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) đi dự hội nghị này.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy quyết định phát động đợt đồng khởi mới theo sự chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy trong thời gian từ 15 đến 20 ngày, bắt đầu từ ngày 24-9-1960, Tỉnh ủy đề ra yêu cầu và phương châm trong đợt này là:

- Tích cực sử dụng ba mũi (vũ trang, chính trị, binh vận) tấn công địch chuyển phong trào lên khắp tỉnh.

- Tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch làm cho chúng suy yếu; xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, bảo đảm tấn công địch liên tục, mạnh mẽ.

- Chọn điểm đúng, bố trí diện cho rộng, nổ ra cho đều, dứt điểm nhanh, gọn.

- Linh hoạt, cơ động đánh vào điểm yếu, chỗ bất ngờ làm cho địch bị động.

Trong đợt 2, Tỉnh ủy chọn hướng chính là huyện Giồng Trôm, hướng phụ là huyện Mỏ Cày. Điểm chỉ đạo của tỉnh là năm xã: Phong Nẫm, Phong Mỹ, Châu Phú, Châu Thới, Châu Bình nối liền nhau bên bờ sông Ba Lai. Ở các xã này, phong trào quần chúng mạnh, có cơ sở nội tuyến trong các đồn dân vệ, đặc biệt ở đồn Châu Phú, ta đã móc nối được cơ sở nội tuyến là Nguyễn Văn Chống - Đại đội trưởng "nghĩa binh công giáo". Trước đó (ngày 25-8-1960), đồng chí Phạm Văn Bê (Phạm Phước Hậu) - Bí thư Huyện ủy Giồng Trôm, đồng chí Mười Tâm - cán bộ binh vận tỉnh - đã gặp anh Nguyễn Văn Chống trao đổi thống nhất kế hoạch làm binh biến ở các đồn Châu Phú, Nhà Thờ và Châu Thới làm ngòi nổ cho phong trào nổi dậy chung trong huyện. Đồng khởi đợt 2 được ngụy quyền biết trước với tên gọi "đợt chuyển lên 10 ngày" do tịch thu tài liệu ở Định Tường. Tuy nhiên, thời gian và địa điểm thì ngụy quyền chưa xác định được. Do địch đề phòng, nên ta cần phải nghi binh, đánh lạc hướng địch, tạo điều kiện thuận lợi cho nổi

dậy ở nông thôn. Trong hai ngày 21 và 22-9-1960, Tỉnh ủy huy động hàng vạn dân kéo vào thị xã đi chợ nhồi (trong một ngày đi chợ nhiều lần - *BT*), mua lương thực, thực phẩm, tung tin "Việt cộng" sắp đánh lớn vào thị xã. Ngày 23-9-1960, thị xã vắng tanh, chợ không nhóm, các tiệm, quán đều đóng cửa. Bọn ngụy quyền hoang mang không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Tiếp đó, trưa 23-9-1960, Đại đội 261 phục kích diệt gọn một trung đội bảo an ngụy trên lộ 6 (Bến Tre - Tân Thạch). Cùng ngày, một trung đội vũ trang của Giồng Trôm cũng diệt gọn một trung đội bảo an địch trên đường Lương Quới - thị xã. Đến đêm 23-9-1960, tự vệ thị xã diệt đồn dân vệ Cầu Nhà Thương, tước vũ khí của dân vệ Cầu Cái Cối, nổ súng ở ngoại ô thị xã.

Cho rằng thị xã sẽ bị tấn công, sáng 24-9-1960, địch cấp tốc điều hai tiểu đoàn bảo an từ Giồng Trôm về phòng thủ thị xã.

Từ chiều 24-9-1960, trong tiếng trống mõ vang động, Bến Tre bước vào "đồng khởi" đợt 2.

Tại đồn Châu Phú, lúc 15 giờ ngày 24-9-1960, theo lệnh của cảnh sát Chống, binh lính trong đồn gom súng lại để bảo an quận đến kiểm tra. Cùng lúc, tiểu đội vũ trang C261 giả làm lính bảo an đã kéo thẳng vào đồn tước súng, bức hàng. Đồn Châu Phú bị nhân dân kéo đến phá tan.

Từ đồn Châu Phú, lực lượng vũ trang cùng anh Chống ngồi xe lam tiến vào bốt Nhà Thờ Châu Phú. Kho súng trong bốt đã bị cơ sở nội tuyến khống chế, trở tay không kịp, bọn lính ở đây đã nhanh chóng đầu hàng.

Anh Chống cùng lực lượng vũ trang tiếp tục đến đồn Châu Thới, phá bung cửa đồn cho quân ta tràn vào và kêu gọi địch đầu hàng. Cũng đêm 23-9-1960, lực lượng vũ trang các xã nam Giồng Trôm đồng loạt bao vây các đồn bốt còn lại,

phá kìm kẹp trên một khu vực rộng lớn sát các ấp vùng ven thị trấn, vành đai thị xã.

Tại xã Thạnh Phú Đông, bộ đội huyện đã phục kích tiêu diệt gọn Tổng đoàn dân vệ do tên Đội Út ác ôn chỉ huy, thu tám súng trường, một thompson, vây chặt đồn tề và văn phòng Tổng. Đại đội tỉnh bao vây bốt Long Mỹ, cơ sở bên ngoài vận động gia đình tề, binh sĩ tham gia gọi chồng, con ra hàng. Ta vừa tiến công, vừa nghi binh hù dọa. Suốt một ngày đêm, đến 8 giờ sáng 24-9-1960, cảnh sát Thanh - Trưởng đồn cùng bọn dân vệ phải ra hàng, nộp cho ta hơn 30 súng và đạn dược. Nhân dân đã san bằng đồn. Ngay sau đó, lực lượng vũ trang nhanh chóng kéo đến đồn Thạnh Phú Đông tăng cường cho lực lượng vây đồn và cho gia đình tề mang thư vào gọi hàng, Cai tổng Khanh biết đồn Long Mỹ đã đầu hàng, hắn cùng bọn tề và binh lính ra hàng. Ta thu gần 80 súng ở cả hai đồn, bắt gần 100 tù binh. Ta giáo dục rồi cho về với gia đình, dùng thuyền máy đưa 30 tù binh thả tại thị xã Bến Tre, để gây tiếng vang. Ta cho chúng mang theo nhiều tài liệu tuyên truyền, nhất là chính sách của Đảng đối với binh sĩ ngụy. Việc thả tù binh trên đã ảnh hưởng sâu rộng trong hàng ngũ binh sĩ và cả gia đình binh sĩ, làm sáng tỏ chính sách nhân đạo của cách mạng.

Sáng 25-9-1960, hơn 2.000 đồng bào kéo vào thị trấn Giồng Trôm và nhà thờ La Mã (Hiệp Hưng) loan tin đại đội nghĩa binh Công giáo đã theo cách mạng; yêu cầu được chính quyền địch bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, không được khủng bố, bắn phá và đòi bồi thường cho chồng con đi lính bị mất tích. Lực lượng vũ trang phân tán ra từng bộ phận nhỏ giúp các xã nam Giồng Trôm vây đồn, phá bốt mở ra vùng giải phóng từ Thạnh Phú Đông đến Phú Nhuận, ven thị xã.

Ngày 30-9-1960, địch tung hai tiểu đoàn biệt kích, một tiểu đoàn trở lại Giồng Quýt, một tiểu đoàn dùng tàu đổ lên

Hiệp Hưng, ta chặn đánh chúng tại cầu Việt Sử, diệt hơn 30 tên, thu một số vũ khí.

Ở Mỏ Cày, địch phòng thủ tương đối chặt, ngày 2-10-1960, tỉnh điều Đại đội 261 từ Giồng Trôm vượt sông Hàm Luông, kết hợp với nội ứng lấy đồn Cái Quao, giải phóng xã An Định. Từ An Định, bộ đội ta kéo xuống bao vây bức rút đồn tề Tân Trung. Khi ta vây đồn tề Minh Đức, tên cảnh sát Chà ngoan cố chống trả. Nhưng trước áp lực của cách mạng và đông đảo gia đình binh sĩ, chúng phải rút chạy.

Phát huy khí thế tiến công, lực lượng vũ trang huyện, du kích cùng đông đảo quần chúng trong đó có nhiều gia đình binh sĩ đã bao vây bức hàng, bứt rút hàng loạt đồn bốt ở các xã Tân Thanh Tây, Hưng Khánh Trung, Nhuận Phú Tân, Phước Mỹ Trung,... làm chủ tuyến đường Mỏ Cày - Bến Tre. Đặc biệt, ta bức hàng đồn Cầu Ông Tạo (xã Tân Phú Tây) bằng mũi binh vận với cách thức "bà lấy đồn cháu" trong đêm 5-10-1960, thu 17 súng và bức hàng đồn Giồng Keo (Tân Bình) bằng cách thức "vợ lấy đồn chồng" trong đêm 8-10-1960, thu 19 súng.

Ở Thạnh Phú, vào đợt 2, Huyện ủy dùng lực lượng địa phương kết hợp với cơ sở trong tín đồ Công giáo Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, tước vũ khí bọn "tập đoàn công dân", bao vây bức hàng đồn Thạnh Hưng. Toàn huyện nổi dậy mạnh mẽ giải phóng năm xã vùng biển. Ta tấn công bức hàng đồn tề xã Phú Khánh (Thạnh Phú) và tua gác Cầu Tàu bên bờ sông Hàm Luông. Lực lượng ta nghi binh bao vây trụ sở làm việc của Cai tổng Thới, Tổng đoàn dân vệ và đồn tề Đại Điền, tấn công đồn tề xã Thới Thạnh, khu vũ trang Công giáo Bến Luông do cha Chính chỉ huy. Bọn ác ôn bị cô lập, trốn chạy qua Trà Vinh. Lực lượng vũ trang cùng cán bộ cơ sở và nhân dân chiếm lĩnh căn cứ, thu toàn bộ vũ khí gồm 80 tiểu liên và súng trường, nhiều đạn dược, phóng thích các hàng binh.

Ở các huyện Châu Thành, Bình Đại, Ba Tri, nhân dân nổi dậy mạnh mẽ. Đặc biệt ở Ba Tri vào đợt 2, Huyện ủy chia địa bàn thành bốn mảng, mỗi mảng do huyện ủy viên phụ trách, có sự chi viện của C260 (trung đội bảo vệ địa bàn tỉnh). Trong khi huyện đang chuẩn bị, ngày 22-9-1960, cơ sở nội tuyến đã khởi nghĩa lấy đồn Cầu Ngang. Quận trưởng ra lệnh cắm trại, giới nghiêm và loại trừ những binh sĩ tình nghi.

Đêm 24 rạng 25-9-1960, nhân dân Ba Tri đồng loạt nổi dậy. Ngay trong ngày 25-9-1960, nhân dân ở mảng 1 làm chủ ở nhiều ấp, tạo thành vành đai ngăn chặn địch đi tiếp viện đến các xã phía bắc và phía tây huyện, tạo điều kiện cho 9 trong số 12 xã mảng 2, 3 và 4, giải phóng hoàn toàn xã, ấp trong thời gian từ ngày 26-9 đến ngày 3-10-1960.

Trong đợt 2, Ba Tri đã gỡ được 15/20 đồn bốt, 9/17 xã và hơn 60/96 ấp giải phóng hoàn toàn, mở ra vùng giải phóng rộng nối liền các xã ven sông Ba Lai, ven biển với các xã ven sông Hàm Luông, tiến công giải phóng một vùng rộng lớn từ Tân Thủy đến Ba Mỹ và các xã An Đức, Tân Hưng, An Ngãi Tây. Địch bị dồn vào thị trấn Ba Tri, khu Công giáo An Ngãi Trung và yếu khu xã Diệu (An Hòa Tây).

Quân dân Châu Thành bằng kỳ tập gỡ bốt Tân Lợi (Sóc Sãi cũ), diệt bốt Phước Thạnh, An Khánh bằng sự kết hợp giữa nội tuyến với lực lượng chính trị, vũ trang; bức hàng hai bốt dân vệ ở Thành Triệu, Tường Đa. Quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp ở các xã Tường Đa, Phú Túc giải phóng một loạt xã ven sông Ba Lai, Hàm Luông.

Quân dân Bình Đại tự lực bức hàng đồn Thừa Mỹ, giải phóng xã Thừa Đức, dồn địch vào khu trù mật Thới Thuận. Thủ Ba Lai, căn cứ Rạch Gừa... mở thông hành lang ven biển chuyển thế tranh chấp nhiều xã vùng trên. Đồng khởi đợt 2 bùng lên khoảng 20 ngày và tiếp tục cho đến cuối năm 1960.

Có thể nói, sau thắng lợi lớn đợt ngày 23-9-1960, cả ba mặt hoạt động: chính trị, binh vận, vũ trang trong tỉnh đều phát triển mạnh. Thế chính trị của quần chúng và uy thế cách mạng được nâng cao để nâng ba mặt hoạt động chính trị, vũ trang, binh vận cao hơn, theo phương châm tấn công liên tục, tấn công bồi, tấn công nhồi. Tỉnh ủy chỉ đạo đấu tranh chính trị, mở nhiều đợt tấn công chính trị toàn diện hợp đồng thống nhất trên diện rộng toàn tỉnh. Ở vùng giải phóng, ta tổ chức míttinh, biểu tình với quy mô lớn nhằm biểu dương lực lượng, nâng cao uy thế chính trị của quần chúng, tố giác, trấn áp, hạ uy thế, cô lập địch tại chỗ, với những khẩu hiệu đòi lật đổ Ngô Đình Diệm, đòi Ngô Đình Diệm từ chức...

Vùng địch kiểm soát, lấy thị xã làm điểm, tập trung lực lượng đấu tranh chính trị của các huyện về thị xã cùng lực lượng tại chỗ do tỉnh trực tiếp chỉ đạo, đấu tranh trực diện với bọn đầu não ngụy quân ngụy quyền, tố cáo tội ác, đòi bồi thường sinh mạng, tài sản do chúng gây ra, đòi thả những người bị bắt, tích cực vận động binh lính địch, phát hiện binh sĩ, nhân viên ngụy quyền tốt để bắt mối giáo dục, vận động họ đi theo cách mạng hỗ trợ cho việc gây dựng cơ sở cách mạng ở thị xã.

Ở các huyện, mỗi xã đều đưa lực lượng chính trị của mình đấu tranh với các cấp chính quyền địch, buộc chúng phải bị động đối phó ở khắp mọi nơi.

Địch phải thú nhận: Trong đợt chuyển lên 10 ngày Việt cộng tăng cường mọi hoạt động quấy rối, phá hoại, biểu tình, ám sát, cướp đồn,... họ đẩy dân chúng ra đấu tranh trực diện với chính quyền địa phương và đặt chính quyền địa phương vào tình trạng bất an ninh và khó xử[1].

1. Xem *Bản nghiên cứu về tình hình tỉnh Kiến Hòa năm 1960* (Việt Nam Cộng hòa - Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu, Phòng II).

Cuối năm 1960, ta đã giải phóng hoàn toàn 51 xã trên tổng số 115 xã, 21 xã giải phóng một phần. Nhân dân làm chủ 300 ấp trên tổng số 500 ấp. Hệ thống kìm kẹp của địch ở nông thôn cơ bản bị phá rã. Ta diệt trên 100 đồn bốt, thu 1.700 súng.

Cơ sở đảng và thực lực cách mạng phát triển rộng, mạnh. Đảng bộ Bến Tre có 937 đảng viên, 80 xã có chi bộ. Các đoàn thể quần chúng được hình thành và phát triển ở các xã, ấp. Trong phong trào đồng khởi, lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng ra đời. Tỉnh đã xây dựng được hai đại đội vũ trang tập trung, huyện có từ một đến hai trung đội. Tỉnh đã giúp cho Mỹ Tho 150 súng trường, đưa phần lớn lực lượng vũ trang xây dựng các tiểu đoàn của Khu. Về mặt chính trị, phong trào đồng khởi đã phá vỡ từng mảng lớn hệ thống kìm kẹp của địch ở nông thôn, giành quyền làm chủ dưới hình thức tự quản, giải quyết những quyền lợi dân sinh, dân chủ của nhân dân. Hơn 80.000 mẫu ruộng được chia cho nông dân nghèo. Nội bộ nông dân đoàn kết giúp nhau sản xuất, bảo đảm đời sống.

Trong ba ngày từ 25 đến 27-12-1960, Tỉnh ủy triệu tập đại biểu quân - dân - chánh - đảng, các tôn giáo về dự Đại hội để thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh. Đêm 28-12-1960, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh, do ông Hồ Văn Ngôi làm Chủ tịch (được nhân dân bầu lên) đã ra mắt đồng bào trong cuộc míttinh của hàng ngàn người tại sân bóng xã Mỹ Chánh (Ba Tri)[1]. Chào mừng ngày Mặt trận Dân tộc

1. Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Bến Tre gồm có 13 người, do Hồ Văn Ngôi - đại diện tư sản dân tộc, làm Chủ tịch, Lê Quang Quới - đại diện trí thức làm Phó Chủ tịch. Các Ủy viên: Đặng Bá Tiên - Đại diện người Bắc di cư, Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân) - Tỉnh đội trưởng, Hòa thượng Thích Thiện Hảo - đại diện Phật giáo, Nguyễn Chánh Sách - đại diện Công giáo, Hồ Hữu Nghĩa - đại diện học sinh, Phạm Thị Quơi - đại diện phụ nữ, Đoàn Văn Lễ (Ba Lễ) - đại diện nông dân, Nguyễn Thị Định - đại diện cho Đảng Nhân dân cách mạng, Nguyễn Văn Chống - đại diện binh sĩ yêu nước, Nguyễn Văn Bình - đại diện Cao Đài Ban Chỉnh, Nguyễn Văn Ngợi - đại diện Cao Đài Tiên thiên.

giải phóng tỉnh ra đời, báo *Chiến thắng* in chữ chì đầu tiên ra mắt đồng bào, đăng tin buổi ra mắt Mặt trận tỉnh và chương trình 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Một trang sử mới được mở ra trên quê hương Bến Tre.

*

* *

Từ tháng 7-1954 đến cuối năm 1959, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã trải qua những năm tháng đấu tranh gian khổ và quyết liệt. Từ hơn 2.000 đảng viên cộng sản hoạt động ở Bến Tre, đến cuối năm 1959 chỉ còn 162 đảng viên do đã bị tù đày, giết hại vì chính sách khủng bộ trắng tàn bạo của kẻ thù. Chính trong những ngày tháng đen tối ấy, qua những đảng viên ưu tú của mình, Đảng ta đã giữ gìn và nhen nhóm tia lửa cách mạng trong lòng dân, dựa hẳn vào nhân dân, vượt qua mọi thử thách, gian nguy, lãnh đạo, tổ chức quần chúng đưa phong trào cách mạng tiến lên, kiên nhẫn chờ thời cơ và chuẩn bị nắm thời cơ phát động quần chúng nổi dậy theo Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng.

Đảng bộ Bến Tre đã đánh giá đúng chỗ mạnh, chỗ yếu của địch; chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và chỗ mạnh, chỗ yếu của phong trào quần chúng. Đây cũng là vấn đề có tính quy luật trong chỉ đạo chiến tranh, hiểu địch, hiểu ta trăm trận trăm thắng.

Muốn hiểu địch, hiểu ta và đánh giá đúng, phải đi vào thực chất, đánh giá đúng bản chất. Nhìn bề ngoài thấy địch có vẻ mạnh, nhưng đi sâu bên trong thì chúng chứa đầy mâu thuẫn, càng đi xuống cơ sở mâu thuẫn đó càng sâu sắc hơn. Nhìn bề ngoài thấy phong trào cách mạng có vẻ yếu, nhưng đi sâu bên trong thì còn ẩn chứa những tiềm năng to lớn. Từ nhận định đó, Tỉnh ủy đã phát hiện chỗ yếu cơ bản của địch ở nông thôn và chỗ mạnh cơ bản của ta cũng là nông thôn. Trên cơ sở đó,

Tỉnh ủy đã hạ quyết tâm phát động quần chúng "đồng khởi", giành được thắng lợi to lớn, tạo ra một bước ngoặt mới và cục diện mới ở địa phương.

Đảng bộ Bến Tre nắm vững những vấn đề chủ yếu trong nghệ thuật giành và giữ quyền làm chủ trong những điều kiện cụ thể lúc bấy giờ của miền Nam nói chung và của Bến Tre nói riêng. Đó là vấn đề lựa chọn vận dụng linh hoạt các hình thức nổi dậy của quần chúng kết hợp với hình thức tấn công của các lực lượng vũ trang nhằm diệt ác, phá kìm và giành quyền làm chủ. Đó là vấn đề sáng tạo các hình thức đấu tranh chính trị phù hợp, tạo ra thế chính trị công khai hợp pháp, làm cho quần chúng có thế cách mạng mạnh mẽ, buộc địch phải thừa nhận quyền làm chủ của nhân dân cả về chính trị và kinh tế ngay trong lòng chế độ chúng. Đó là vấn đề lựa chọn và vận dụng các hình thức tấn công binh, tề vận làm cho địch suy yếu cả về tinh thần và tổ chức, không đủ sức phản kích lại phong trào nổi dậy của quần chúng. Đó là vấn đề xây dựng xã, ấp chiến đấu, phát động chiến tranh du kích để kết hợp và hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và binh vận.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 15 của Trung ương, được sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Cục, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân Bến Tre sáng tạo một phương pháp tiến công kết hợp giữa ba mặt: quân sự, chính trị, binh vận, sau này, Trung ương đúc kết thành phương châm tấn công "hai chân, ba mũi".

Trong *Thư vào Nam* của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn có viết:

"Cuối năm 1959, tại nhiều nơi ở Nam Bộ, quần chúng đã vùng lên diệt ác, phá kìm, khiến cho bộ máy tề ngụy của hàng trăm thôn, xã phải tan vỡ. Đặc biệt, đêm 17-1-1960, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre, nhân dân huyện Mỏ Cày đã nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt mở đầu cho một

cao trào mới. Từ đó, làn sóng "đồng khởi" như nước vỡ bờ lan ra toàn tỉnh Bến Tre và khắp các tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ..."[1].

Tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Bến Tre, tháng 7-1982, Đại tướng Hoàng Văn Thái đã phát biểu: Phong trào Đồng khởi Bến Tre đã mở đầu cho cuộc tấn công và nổi dậy lần thứ nhất của cách mạng miền Nam, mở đầu cho cuộc khủng hoảng triền miên của chính quyền Mỹ - Diệm, rõ ràng phong trào Đồng khởi ở Bến Tre đã đi vào lịch sử như một ngọn cờ đầu, nó đã có một vị trí xứng đáng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam và xứng đáng được gọi là "quê hương đồng khởi" với tất cả nội dung và tính chất của nó...

Trong thơ chúc Tết đăng trên báo *Đồng khởi* thứ Bảy số Xuân 1989, nhà sử học Trần Văn Giàu đã viết: "Là một người chép sử, tôi nhận xét rằng ở mấy nơi như miền Trung và miền Nam hồi đó, ngay cả trước năm 1960 nữa, quả có những cuộc vũ trang đấu tranh giành quyền làm chủ, nhưng đồng khởi (với cả tên gọi của phong trào) như là cuộc nổi dậy mang tính quần chúng. Cuộc nổi dậy có tác động lâu dài, rộng lớn và đưa lại nhiều bài học kinh nghiệm rất cơ bản, là thành tích của đồng bào Bến Tre, Mỏ Cày - đại biểu xứng đáng cho cuộc quật khởi chung trên toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long. Không phải vô cớ mà Bến Tre, Mỏ Cày cũng là cái nơi sinh sản những chiến sĩ cách mạng độc đáo như tản cư ngược, như đạo quân tóc dài,... đều là những sản phẩm trực tiếp của đồng khởi cả...".

Những kinh nghiệm sáng tạo của Đảng bộ trong phong trào đồng khởi là hành trang, tạo điều kiện rất cơ bản để

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 397.

Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh tiến công giành thắng lợi mới to lớn hơn.

III- TIẾN HÀNH CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG, KẾT HỢP "HAI CHÂN, BA MŨI", ĐÁNH BẠI KẾ HOẠCH GOM DÂN LẬP ẤP CHIẾN LƯỢC CỦA ĐỊCH (1961-1964)

1. Nhanh chóng xây dựng, phát triển lực lượng, đẩy mạnh tiến công, giữ và phát huy thành quả đồng khởi

Sau cuộc Đồng Khởi năm 1960, cách mạng miền Nam phát triển lên cao trào. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới: tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng toàn dân, toàn diện, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng ba mũi: "chính trị, vũ trang và binh vận, trên cả ba vùng".

Tại Bến Tre, sau phong trào đồng khởi, cục diện chiến trường đã thay đổi rõ rệt. Địch rơi vào thế bị động, bộ máy kìm kẹp ở nhiều xã, ấp bị phá vỡ từng mảng, tinh thần binh lính, sĩ quan hoang mang cao độ. Ta từ thế bị động, bị tiêu hao chuyển sang thế tiến công đã giành thắng lợi lớn, cách mạng đang ở thế cao trào. Hình thái trên chiến trường đã xuất hiện ba vùng: vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng còn đang bị kìm kẹp (thị xã, thị trấn và vùng tôn giáo). Các tổ chức cách mạng được khôi phục và phát triển nhanh. Mặt trận Dân tộc giải phóng hình thành ở các cấp.

Đối phó lại phong trào cách mạng của quần chúng, ngăn chặn sự suy sụp đang diễn ra, Mỹ - Diệm đặc biệt quan tâm đến chiến trường Bến Tre. Địch cách chức Tỉnh trưởng Lê Như Hùng, đưa Trung tá Phạm Ngọc Thảo đến thay làm Tỉnh trưởng (ngày 26-11-1960); cách chức và thay đổi một loạt các tên chỉ huy chủ chốt ở các ngành quân sự, công an,

tình báo, các quận trưởng... Chúng giải thể các quân khu, lập ra ba vùng chiến thuật. Bến Tre nằm trong khu chiến thuật 32 miền Trung Nam Bộ, thuộc vùng 3 chiến thuật[1]. Ở cù lao Minh, địch lấy tám xã của Mỏ Cày, bốn xã của Thạnh Phú lập thêm quận Hương Mỹ[2], chọn các vị thế xung yếu như Rạch Gừa, Thới Thuận (Bình Đại), Thành Thới (Mỏ Cày), An Hiệp (Ba Tri), An Hiệp (Châu Thành) và Cầu Mống (Hương Mỹ), Cái Mơn (Chợ Lách), Rạch Dầu (Mỏ Cày), Giồng Tre, Cái Bông (Ba Tri) xây dựng thành các yếu khu. Địch ráo riết tiến hành bắt lính, phát triển do thám gián điệp, xây dựng lại bộ máy tề, đẩy mạnh càn quét, đánh phá hòng chiếm lại các vị trí đã mất.

Nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh là giữ vững và mở rộng quyền làm chủ đã giành được sau phong trào đồng khởi.

Đầu năm 1961, Tỉnh ủy họp hội nghị đề ra chủ trương là: nhanh chóng củng cố, phát triển thực lực cách mạng, xây dựng hệ thống tổ chức đảng thống nhất, tập trung từ tỉnh, huyện, đến các chi bộ, xây dựng vùng giải phóng. Đặc biệt, Tỉnh ủy chủ trương: tăng cường cán bộ, xây dựng lực lượng chuẩn bị mở cuộc tấn công vào thị xã.

Thực hiện nghị quyết trên của Tỉnh ủy, việc xây dựng phong trào tại thị xã đã phát triển tốt. Cơ sở cách mạng trong quần chúng phát triển đều khắp trong các ấp ngoại ô. Ta đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến trong công nhân bến phà,

1. Sắc lệnh số 98-QP của Tổng thống Chính quyền Sài Gòn ngày 13-4-1961, chia miền Nam Việt Nam thành ba vùng chiến thuật và biệt khu thủ đô. Mỗi vùng chiến thuật có nhiều khu chiến thuật. Tháng 12-1963, địch tổ chức ở Nam Bộ có hai vùng chiến thuật 3 và 4, Bến Tre nằm trong Vùng 4 chiến thuật.

2. Gồm các xã: Hương Mỹ, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng, An Thới, Bình Khánh, An Định, Tân Trung, Minh Đức (Mỏ Cày), Đại Điền, Thới Thạnh, Phú Khánh và Quới Điền (Thạnh Phú).

nhà đèn, Ty Công chánh, trong lực lượng cảnh sát, truyền tin, trại bảo an, lực lượng thiết xa của địch.

Để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển mạnh hơn, sau khi đánh giá tương quan giữa ta và địch tại thị xã, những yếu tố liên quan, vận dụng những kinh nghiệm lãnh đạo nổi dậy ở nông thôn, Tỉnh ủy Bến Tre đã quyết định dùng lực lượng vũ trang kết hợp cơ sở nội tuyến tấn công thị xã vào đêm 1-4-1961.

Theo kế hoạch, lực lượng ta tổ chức thành bốn cánh đánh vào thị xã: một cánh từ phía đông bắc thị xã đánh vào qua Hữu Định, cầu Bà Mụ, cầu Cá Lóc; một cánh từ tây bắc thị xã qua Bình Nguyên, Bình Phú đánh vào; hai cánh ở tả ngạn sông Bến Tre, trong đó, một cánh theo đường thủy, một cánh theo đường bộ đánh vào Dinh tỉnh trưởng và nhanh chóng kêu gọi quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Số cơ sở nội tuyến và học sinh trong nội ô thị xã sẽ phối hợp đánh địch.

Khi được tin Bến Tre tấn công thị xã, Khu ủy đã xuống lệnh hoãn cuộc khởi nghĩa. Lệnh tới không kịp, cuộc tấn công vẫn tiến hành.

Sắp đến giờ hành động, cơ sở của ta là cảnh sát Thanh làm phản, hắn mật báo cho Trung úy Lâm Minh Tân - Tỉnh đoàn phó bảo an, tên Tân liền cấp báo với bọn chỉ huy, địch tập trung lực lượng bố trí chặn các ngả đường, bắt các cơ sở nội tuyến. Lực lượng ta phải rút khỏi nội ô thị xã.

Sau trận này, một số cán bộ, cơ sở nội tuyến trong thị xã bị bắt. Tòa án đã xử ba án tử hình (Huỳnh Văn Xinh - nội tuyến trong bảo an, Bùi Văn Hiển - Trung sĩ truyền tin, Đặng Công Xuân - cán bộ nội ô của thị xã) và hai án chung thân khổ sai (Nguyễn Hữu Phòng và Lê Văn Tôn), hai án 20

năm khổ sai (Lê Văn A và Phan Văn Thoại)[1]. Sau đảo chính Ngô Đình Diệm, địch giảm án tử hình xuống chung thân.

Tháng 6-1961, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng kiểm điểm việc tấn công vào thị xã, rút ra những bài học bổ ích. Đó là bài học về chọn thời cơ khởi nghĩa và bảo đảm nguyên tắc bí mật; đồng thời uốn nắn tư tưởng nóng vội, chủ quan. Hội nghị đã đề ra phương châm đấu tranh sắp đến là vừa đẩy mạnh tấn công địch, vừa củng cố, phát triển thực lực cách mạng, bảo đảm chiến đấu lâu dài.

Đảng bộ đã tiến hành củng cố các tổ chức đảng từ huyện đến cơ sở. Những cán bộ, đảng viên điều lắng trước đây được gọi trở về địa phương hoạt động, sáp nhập Chi bộ A và Chi bộ B làm một, lựa chọn nhiều đoàn viên ưu tú kết nạp vào Đảng, đưa cán bộ, đảng viên tăng cường cho vùng yếu. Nhiều chi bộ mới được thành lập, từ 18 chi bộ với 162 đảng viên lúc mới đồng khởi đến năm 1961 đã tăng lên 80 chi bộ với 937 đảng viên.

Hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên sau đồng khởi có bước phát triển mới. Ở các xã vùng giải phóng, vùng tranh chấp đều có chi đoàn hoặc xã đoàn.

Sau cuộc đồng khởi, Tỉnh ủy cho mở trường Đảng lấy tên là trường Trần Trường Sinh (tên của đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách tuyên huấn có công đào tạo nhiều cán bộ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp đã hy sinh)

1. Trong phiên xử sau (ngày 7-4-1962), Tòa án quân sự đặc biệt cũng kết án hai người tham gia chỉ huy cuộc tấn công thị xã bị địch bắt được ngày 3-5-1961 tại Sài Gòn là: Bùi Ngọc Lạc chung thân khổ sai và Hồ Ngọc Bông 20 năm khổ sai. Xem: "Mặt trận Dân tộc giải phóng toan đánh chiếm thị xã Trúc Giang, bắt sống tỉnh trưởng Phạm Ngọc Thảo" in trong *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập II 1954-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr 1.635-1.646.

để bồi dưỡng những cán bộ chủ chốt, đóng tại Thạnh Phú. Đồng chí Võ Văn Phụ (Mười Sinh), đồng chí Lê Khắc Thiệu (Chín Bạch, Phó Bí thư Huyện ủy Bình Đại) được phân công phụ trách trường.

Sau khi mở khóa đầu tiên 15 ngày cho 30 học viên, là cán bộ ở các huyện Chợ Lách, Mỏ Cày, Thạnh Phú, đồng chí Võ Văn Phụ được Tỉnh ủy điều sang Bình Đại mở khung trường mới ở rừng Hốc Hỏa (xã Thừa Đức) để đào tạo cán bộ cho các huyện Bình Đại, Ba Tri, Châu Thành, Giồng Trôm.

Trong năm 1961, trường đã mở được 10 khóa, mỗi khóa có từ 30 đến 50 học viên.

Ở các huyện đều mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở và những đảng viên mới kết nạp từ trong phong trào đồng khởi.

Tỉnh ủy đã chú trọng xây dựng, kiện toàn các ban, ngành chuyên môn trực thuộc cấp ủy, tập trung xây dựng ba ngành quan trọng là quân sự, chính trị và binh vận, phân công các đồng chí trong cấp ủy trực tiếp phụ trách.

Từ sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng các cấp trong tỉnh ra đời, các tổ chức chính trị của quần chúng như: Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Hội Thanh niên giải phóng, Hội Lao động giải phóng,... lần lượt được thành lập và là thành viên của Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các tổ chức chính trị của quần chúng ngày càng phát triển, thu hút hàng ngàn hội viên vào hàng ngũ cách mạng. Đảng viên đi sâu, đi sát lãnh đạo các hội quần chúng, phát triển đến đâu củng cố tới đó.

Các tổ chức quần chúng ra đời góp phần quan trọng trong việc động viên, tập hợp và giáo dục đông đảo quần chúng chiến đấu dưới ngọn cờ cách mạng. Mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng ngày càng chặt chẽ.

Ở các xã giải phóng, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng đã làm chức năng chính quyền tự quản, tổ chức nhân dân chiến đấu, sản xuất, xây dựng cuộc sống mới.

Việc bồi dưỡng sức dân được thực hiện từng bước, ngoài việc trang cấp đất đai, chính quyền cách mạng tuyên bố xóa bỏ hoặc giảm bớt mức tô cho nông dân từ 40 đến 80% so với trước đồng khởi. Trên cơ sở được làm chủ ruộng đất, nhân dân trong các vùng căn cứ, vùng giải phóng vượt qua khó khăn, ra sức sản xuất để cải thiện đời sống và đóng góp cho cách mạng. Sự gắn bó với cách mạng như cá với nước của nhân dân Bến Tre đã làm tăng thêm sức mạnh và niềm tin thắng lợi vào cuộc kháng chiến.

Các mặt văn hóa, xã hội được phát triển, trường học được xây dựng ở xã, ấp; các trạm y tế, nhà hộ sinh được dựng lên. Ban Quân dân y tỉnh được hình thành, đã mở cấp tốc nhiều lớp đào tạo y tá, cứu thương phục vụ cho nhân dân và du kích.

Dọc các tuyến đường giao thông, nhiều băng rôn, khẩu hiệu, áp phích được treo, dán. Nhiều xã xây dựng phòng thông tin. Đặc biệt là ở Châu Thành, các chi bộ, các đội thông tin có sáng kiến đục thân dừa, lấy sơn viết khẩu hiệu vào đó.

Sau khi thành lập đội văn nghệ tỉnh, Ban Tuyên Văn Giáo tỉnh chỉ đạo xây dựng phong trào văn nghệ đến xã, ấp. Nhiều nơi đã thành lập đoàn ca kịch của xã như Phú An Hòa (Châu Thành), Lương Hòa, Thuận Điền, Mỹ Thạnh, Thạnh Phú Đông (Giồng Trôm), Bình Khánh (Mỏ Cày),... tiến tới thành lập Đoàn Văn công giải phóng tỉnh và đêm 25-6-1962, Đoàn đã biểu diễn lần đầu tiên tại chợ Hồ Cỏ (Thạnh Phong, Thạnh Phú).

Bộ mặt nông thôn giải phóng ngày càng được thay da, đổi thịt, thu hút quần chúng từ vùng địch tạm chiếm đến chữa bệnh và xem văn nghệ.

Nhân dân phấn khởi, hăng hái tham gia công tác cách mạng: xẻ kênh, đào chiến hào, đắp ụ cản địch... Các cấp ủy đã hướng dẫn nhân dân, du kích làm các loại chông bằng tre, cau, sắt... Đặc biệt, nhân dân các xã Tường Đa, Thành Triệu (Châu Thành),... mặc dù ở gần đồn bốt địch, nhưng ban đêm vẫn thắp đèn măng xông để vót chông.

Về lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy chủ trương phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Hệ thống chỉ huy quân sự từ tỉnh đến xã được củng cố, hoàn chỉnh về tổ chức. Ban Quân sự tỉnh được thành lập, đồng chí Nguyễn Văn Cứng (Sáu Quân) làm Trưởng ban[1]. Huyện có ban quân sự huyện và các xã đội. Để tăng cường công tác đảng đối với lực lượng vũ trang, ban quân sự thành lập ban cán sự đảng, tiểu đoàn xây dựng đảng ủy, ở đại đội đều có chi bộ lãnh đạo.

Bến Tre đã giúp cho Mỹ Tho 150 súng trường, đưa lực lượng xây dựng Tiểu đoàn 261 của Khu[2].

Sau khi tỉnh đưa lực lượng về khu xây dựng Tiểu đoàn 261, Bến Tre đã nhanh chóng xây dựng củng cố lại lực lượng đủ quân số như cũ, bộ đội địa phương huyện có từ hai trung đội đến đại đội, các xã đều có du kích tập trung từ hai tiểu đội đến trung đội. Du kích ấp, du kích mật được tổ chức ở các xã, ấp trong vùng yếu thị xã, thị trấn.

Để ngăn chặn địch càn quét, đánh phá, bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân ở các vùng giải phóng và tranh chấp mạnh, nhân dân đã xây xã, ấp chiến đấu hình thành một màng lưới thiên la địa võng, nối liền các ấp, các xã trên từng địa bàn có hàng rào bao bọc, có bố trí chông mìn, nhiều ổ chiến đấu, có

1. Năm 1963, đồng chí Sáu Quân làm Tỉnh đội trưởng.

2. Sau đó, Bến Tre có đưa lực lượng xây dựng các Tiểu đoàn 264, 265, 260, 263, 267 của Khu (dựa theo báo cáo về đồng khởi của đồng chí Nguyễn Thị Định).

khẩu hiệu để nghi binh, tác động và tranh thủ binh sĩ. Xã chiến đấu đã lấn sát giao thông chiến lược, gần đồn địch. Tại xã chiến đấu, du kích xã, ấp được bố trí canh gác, có hệ thống báo động dây chuyền, sẵn sàng đánh địch. Các tổ sản xuất vũ khí được xây dựng ở nhiều xã, đã sản xuất vũ khí thô sơ như: súng ngựa trời, lựu đạn, đạp lôi, sửa chữa vũ khí, rờ sạc (recharge) đạn phục vụ cho du kích đánh địch.

Trên thế trận du kích chiến tranh được hình thành, dưới sự lãnh đạo của cán bộ, đảng viên tại chỗ, hằng ngày, nhiều cuộc đấu tranh lẻ tẻ của hàng trăm người tại các xóm, ấp, dọc theo tuyến giao thông, xung quanh đồn bốt đã diễn ra chống địch bắn phá, khủng bố, giết chóc. Ở An Thạnh (Mỏ Cày), tên Phòng ác ôn ở chợ Thom đã bắt và đánh đập anh Nguyễn Ngọc Bích ở ấp An Bình đến chết, gia đình anh Bích đấu tranh quyết liệt tại quận, tỉnh và lên cả Sài Gòn. Cuộc đấu tranh kéo dài trên một năm, địch phải sa thải tên Phòng. Ở An Định, binh lính ở bốt Cầu Sập biệt kích vào nhà bắn chết bà Tờ, gia đình và đồng bào ở chung quanh liền khiêng xác bà kéo đến đấu tranh với bọn bảo an đóng trên tỉnh lộ 30, được bảo an đồng tình, lực lượng kéo đến Hương Mỹ để đấu tranh. Cuộc đấu tranh kéo dài hai ngày thì địch phải nhượng bộ nhận tội, chấp nhận bồi thường, hứa trừng trị bọn giết người...

Các chi ủy xã, các huyện ủy và Tỉnh ủy cũng liên tục tổ chức những cuộc đấu tranh tập trung quy mô bằng nhiều hình thức như đi chợ nhồi bãi thị, mang tang vật trực diện đấu tranh với bọn tề, đến đồn bốt hoặc đấu tranh tại quận, tỉnh.

Ngày 31-1-1961, gần 10.000 quần chúng các xã thuộc huyện Giồng Trôm kéo vào Dinh quận Giồng Trôm đưa đơn kiến nghị đòi địch dừng càn quét, bắn phá, cướp bóc. Địch xả súng bắn vào lực lượng quần chúng đấu tranh làm một số

người chết và bị thương, quần chúng liền khiêng xác người chết, người bị thương trở lại đấu tranh với địch đòi bồi thường nhân mạng. Trước khí thế đấu tranh quyết liệt của quần chúng, địch phải chấp nhận yêu sách, bồi thường và cấp quan tài để chôn cất nạn nhân.

Tháng 10-1961, 20.000 người từ các huyện đã kéo về thị xã đến Dinh tỉnh trưởng, Tòa hành chính để đấu tranh chống địch khủng bố, bắn giết, chống bắt lính... Địch ngoan cố cho lính dùng lựu đạn cay đàn áp, bắt gom đoàn người vào sân vận động thị xã, dùng mọi thủ đoạn đàn áp, dụ dỗ, cắt tóc của hàng trăm người, bắt phơi nắng, bỏ đói, khát... Ta kiên trì đấu tranh và được nhiều binh sĩ đồng tình cho quần chúng thị xã tiếp tế cơm nước, bánh trái, thuốc men... Cuộc đấu tranh kéo dài ba ngày, ngụy quyền Bến Tre phải chấp nhận yêu sách của quần chúng.

Nhận thức được chiến tranh đặc biệt là chiến tranh xâm lược thực dân, giấu mặt dưới chiêu bài "độc lập tự do" giả hiệu, lực lượng chính trị quần chúng đã nhằm đúng chỗ yếu này của địch để chủ động tiến công chúng và đã trở thành lực lượng phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang cả trong chiến dịch và chiến đấu.

Ngay sau cuộc đồng khởi năm 1960, Đảng bộ đã chú trọng bồi dưỡng và củng cố lực lượng chính trị của quần chúng gắn liền với việc củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, củng cố xây dựng vùng giải phóng. Từ trong thực tiễn đấu tranh trực diện với kẻ thù, đội quân chính trị của quần chúng mà nòng cốt là "đội quân tóc dài" hình thành từng bước ngày càng được tổ chức chặt chẽ, đấu tranh có "bài bản", có chỉ huy trong từng trận chiến đấu cụ thể. Ở cấp tỉnh, huyện, xã đều có thành lập ban đấu tranh chính trị do một đồng chí trong ban thường vụ cấp ủy phụ trách. Trong mỗi cuộc đấu tranh đều tổ chức bốn lực lượng: ban chỉ huy công khai lực lượng đấu tranh trực diện

với địch, lực lượng hậu cần và lực lượng trinh sát liên lạc. Kế hoạch đấu tranh được chuẩn bị tỉ mỉ, có dự kiến những tình huống bất ngờ, kể cả khi địch đàn áp phải rút lui để bảo tồn lực lượng. Trước khi ra trận, quần chúng được bồi dưỡng lý lẽ đấu tranh và được tập dượt thuần thục.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở nông thôn đã ảnh hưởng lớn đến quần chúng thị xã, thị trấn, tác động phân hóa binh lính, sĩ quan, nhân viên ngụy quyền. Đấu tranh chính trị đã thực sự hỗ trợ cho hoạt động vũ trang và công tác binh vận.

Hoạt động của lực lượng vũ trang ngày càng rộng, mạnh, giành thắng lợi lớn, là một mũi tấn công góp phần tích cực và trực tiếp hỗ trợ đấu tranh chính trị và công tác binh vận nhằm làm thất bại ý đồ của địch.

Dân quân du kích ở các địa phương đã có bước trưởng thành, không chỉ phối hợp với bộ đội huyện, tỉnh trong các trận đánh lớn mà còn sáng tạo nhiều hình thức tác chiến linh hoạt.

Dựa vào xã chiến đấu, các đội du kích, kết hợp chông, mìn đã liên tục đánh trả, ngăn chặn, tiêu hao địch trong các cuộc càn quét, biệt kích của địch, bao vây đồn bốt, bám đánh địch trên giao thông như du kích các xã Phước Hiệp, Bình Khánh, An Định, An Thới, Ngãi Đăng, Cẩm Sơn, Tân Trung, Tân Phú Tây (Mỏ Cày)... Ở khu trù mật Thành Thới (Mỏ Cày), An Hiệp (Ba Tri), du kích bao vây dùng lựu đạn và súng bắn tỉa tiêu hao những tên lính ra khỏi đồn bốt, cắt nguồn tiếp tế, kết hợp với diệt do thám. Địch bị cô lập, không được cứu viện và tiếp tế lương thực, nhiều đồn tua xung quanh phải rút về bốt chính.

Trên tỉnh lộ 26, lộ 6, du kích xã và nhân dân đã đắp mô, làm chướng ngại vật, đánh mìn, gây cho địch nhiều khó khăn.

Ngày 5-1-1961, Đại đội 261 phục kích trên đường 30 giữa Mỏ Cày - Cầu Sập diệt một đại đội địch, thu 30 súng. Tiếp đó, Đại đội 261 đã chống địch càn quét tại đồng An Quy, phục kích diệt đại đội bảo an của chi khu Hương Mỹ tại ngã ba Tân Trung, phục kích tại An Thới diệt gọn tổng đoàn dân vệ Minh Huệ. Nổi bật trong trận phục kích tại Giá Thẻ, trên đường 30 thuộc xã An Nhơn, Đại đội 261 đã diệt một đại đội địch, phá chiến thuật hành quân bao vây "gọng kìm" của chúng.

Nữ du kích ở Mỏ Cày đã khéo léo đột nhập vào thị trấn, chọn đúng thời điểm binh lính sơ hở, đột nhập vào bốt Lò Heo, diệt địch thu vũ khí; hai lần du kích mật nắm quy luật sơ hở của địch ở đồn An Bình, đột nhập chiếm bốt, bắt tù binh, thu vũ khí, sau đó, nhiều đồn địch ở Kinh Ngang, cầu Ông Đình, cầu Bếp Lý và nhiều bốt xung quanh thị trấn Mỏ Cày lần lượt bị triệt hạ. Trong phong trào này đã xuất hiện những tấm gương dũng cảm như Tạ Thị Kiều, Trần Thị Tuyết...

Công tác binh vận cũng được đẩy mạnh trong toàn tỉnh, đã diễn ra phong trào quần chúng, gia đình binh sĩ đi vận động chồng, con, em. Ta phát hiện nhiều người tốt để giáo dục từ cảm tình, đồng tình đến nội tuyến. Công tác binh vận ngày càng đi vào thực chất hơn, những cơ sở cũ được móc nối, nhiều cơ sở mới được xây dựng trong đồn bốt và trong lực lượng bảo an, dân vệ. Ở các huyện, đã sử dụng cơ sở binh vận kết hợp lực lượng vũ trang diệt đồn. Phong trào đào ngũ, rã ngũ của binh lính địch xuất hiện, nhiều binh sĩ đã mang vũ khí về với cách mạng.

Đầu năm 1961, chấp hành chỉ thị của Trung ương và Khu ủy, Tỉnh ủy Bến Tre đã xúc tiến chuẩn bị bến bãi và tổ chức ghe tàu ra Bắc, vừa thăm dò mở đường, vừa nghiên cứu tình hình địch... để báo cáo với Trung ương. Sau một thời gian chuẩn bị, tỉnh đã chọn được 18 cán bộ nòng cốt ở ba huyện: Thạnh Phú, Bình Đại, Ba Tri làm nghề đánh cá, quen đi biển. Đồng chí

Nguyễn Văn Khước - Khu ủy viên cùng đồng chí Nguyễn Thị Định - Bí thư Tỉnh ủy đã cân nhắc, chọn lựa và tổ chức thành hai đội (để đề phòng bất trắc). Sinh hoạt của hai đội tách rời nhau, không được quan hệ qua lại để bảo đảm bí mật. Tỉnh đã mua sắm được một ghe gắn máy buồm cánh dơi trọng tải 5 tấn, một ghe máy Yanmar 1016 có trọng tải 8 tấn. Đội ghe Bến Tre mang ký hiệu 106 NB. Khoảng 16 giờ ngày 16-8-1961, ghe thứ nhất xuất phát từ Rạch Voi, Ông Phó (Cồn Tra, Thạnh Phong, Thạnh Phú) gồm sáu người, đồng chí Đặng Bá Tiên (Sáu Giáo), nguyên là cán bộ người Bắc di cư vào Nam, Thư ký Đảng đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Nguyễn Văn Kiệm (Năm Tiến) làm Thuyền trưởng. Thuyền viên gồm: Đặng Văn Bê (Thọ), Ngô Văn Nhum (Hai Hùng), Trần Văn Giỏi (Mai Đen), Nguyễn Văn Sáu (Sáu Đức).

Ngày 18-8-1961, ghe thứ hai rời bến xuống ông Lưu Văn Lợi (Cồn Tra, Thạnh Phong, Thạnh Phú) gồm sáu người, đồng chí Lê Công Cẩn (Năm Công) làm Bí thư Chi bộ kiêm Thuyền trưởng. Thuyền viên gồm: Nguyễn Văn Luông (Hai Sơn), Bùi Văn Ẩn (Năm Thắng), Huỳnh Văn Mười (Năm Tiến), Nguyễn Văn Hớn (Năm Thanh), Huỳnh Phước Hải (Sáu Hải). Cả hai ghe cập bến Hà Tĩnh ở hai điểm khác nhau. Từ đây, các đồng chí được đưa ra Hà Nội.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khóa III) diễn ra vào tháng 7-1961 tại Hà Nội, đồng chí Đặng Bá Tiên thay mặt tỉnh Bến Tre báo cáo với Bộ Chính trị, Bác Hồ và các đại biểu dự hội nghị về tình hình Bến Tre chấp hành Nghị quyết 15 của Trung ương nổi dậy đồng khởi, về việc trang cấp ruộng đất cho nông dân, về đội quân tóc dài...

Sau đó, đoàn Bến Tre được chuyển sang Bộ Quốc phòng học tập để chuẩn bị cho việc vận chuyển vũ khí về Nam.

Từ cuộc vượt biển mở đường lần thứ nhất năm 1946 của đồng chí Nguyễn Thị Định và một số đại biểu Quốc hội, đến cuộc vượt biển lần thứ hai Bến Tre đã góp phần giúp Trung ương nắm chắc tình hình đi đến quyết định mở đường vận tải trên biển Đông chi viện cho chiến trường miền Nam.

Giữa năm 1961, đồng chí Nguyễn Thị Định được điều động về Khu ủy, đồng chí Võ Văn Phẩm (Tám Chữ) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Qua hơn một năm rưỡi, địch triển khai kế hoạch phản kích, tuy chúng có đóng chiếm lại một số đồn bốt gây cho ta không ít khó khăn, nhưng thực lực cách mạng vẫn được phát triển và trưởng thành trong thực tiễn đấu tranh. Lực lượng cách mạng được bố trí đều khắp ở cả ba vùng, hình thành một thế trận liên tục tấn công địch, giữ được thế chủ động trên chiến trường.

2. Đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, chống phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch

Tháng 5-1961, đế quốc Mỹ đã xây dựng xong chương trình hành động cho Nam Việt Nam nhằm mục tiêu giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh này. Cuối năm 1961, chính quyền Mỹ đã chính thức thông qua chiến lược "chiến tranh đặc biệt" và "kế hoạch Stalây - Taylo" nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Mỹ ngụy coi "bình định, dồn dân, lập ấp chiến lược" là nội dung cơ bản, là xương sống của "chiến tranh đặc biệt".

Thi hành quốc sách "ấp chiến lược", Mỹ - Diệm nhằm ba mục đích: trước hết là kìm kẹp nhân dân, chủ yếu là nông dân, hòng biến chỗ dựa của cách mạng thành chỗ dựa của chúng; tách các lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân theo lối "tát nước bắt cá" khiến cán bộ phải bật ra ngoài để chúng dễ bề tiêu diệt; đồng thời vơ vét nhân tài vật lực để lấy chiến tranh

nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt. Thực chất chính sách gom dân, lập "ấp chiến lược" là biến làng xã thành trại tập trung. Đây là một âm mưu nhằm đánh phá "tận gốc" phong trào đấu tranh của quần chúng, bóp chết từ đầu các cuộc nổi dậy của quần chúng.

Với hệ thống tổ chức được triển khai trong năm 1961, tại Bến Tre, địch tăng cường bắt lính để bổ sung cho lực lượng chủ lực, bảo an, dân vệ, quân số từ 5.135 tên (năm 1961) lên 7.341 tên (năm 1962). Cố vấn Mỹ được tăng cường ở các cơ quan tỉnh, các chi khu và biệt khu. Ngoài ra, còn có lực lượng "Thanh niên chiến đấu" làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ các ấp chiến lược.

Cùng với việc chuyển hướng chiến lược, bố trí lại chiến trường, xây dựng lực lượng, từ giữa năm 1962, địch tăng cường càn quét đánh phá vào các vùng giải phóng thực hiện gom dân lập ấp chiến lược. Đầu tiên, địch chọn ấp An Hòa[1] của xã An Hội, quận Trúc Giang (thị xã Bến Tre) làm điểm gom dân. Sau đó, mỗi quận chọn một xã, mỗi xã chọn một ấp rồi nhân rộng ra. Phương châm chính của chúng là "càn quét để lập ấp chiến lược và dùng ấp chiến lược làm bàn đạp để càn quét".

Để thực hiện ý đồ trên, địch tung lực lượng chủ lực, bảo an kết hợp với do thám, gián điệp tiến hành càn quét đánh phá ác liệt vào vùng giải phóng, chà đi xát lại nhiều lần, tiến hành bắn giết, bắt bớ, uy hiếp tinh thần người dân, buộc người dân phải dời nhà vào vùng chúng đã định sẵn. Ở Thạnh Phú, địch đưa một tiểu đoàn càn vào khu vực cù lao Quốc tế, từ Cái Cát lên giồng Bà Thiệm, đốt nhà, cướp của,

1. Theo tài liệu của địch còn giữ lại tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II: ấp chiến lược An Hòa được khởi công ngày 20-1-1962 đến ngày 30-3-1962 hoàn thành. Sau đó, các ấp chiến lược gồm: ấp Chánh (Tiên Thủy), ấp Chợ (Thành Triệu), ấp Mỹ (Đại Điền), ấp Thạnh Quý (Thạnh Phú),... được khởi công.

bắt dân vào ấp chiến lược, một vùng đất đai rộng trở nên xơ xác, tiêu điều. Ở Bình Đại, bọn bảo an chi khu càn vào vùng Rạch Mây ven sông Ba Lai đốt phá, cưỡng ép nhân dân vào ấp chiến lược Rạch Gừa.

Trong các khu gom dân, tề, lính bắt nhân dân đào chiến hào, đắp bờ thành, làm hàng rào kẽm gai, chia thành nhiều ô, mỗi ô có cửa ra vào. Trong ấp, địch cất chòi canh, có ban trị sự ấp chiến lược, kiểm soát gắt gao sự đi lại, hoạt động của người dân.

Có thể nói, với âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược và những thủ đoạn đánh phá tàn bạo kể cả sử dụng vũ khí hóa học, đế quốc Mỹ và tay sai đã bộc lộ tính chất ngoan cố, phát xít của chúng. Phong trào cách mạng Bến Tre đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của Đảng bộ là giữ vững và mở rộng quyền làm chủ đã giành được, đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, Tỉnh ủy khẳng định phá ấp chiến lược là một nhiệm vụ có tính cấp bách; đồng thời, cũng là nhiệm vụ lâu dài, cần phải phối hợp ba mặt tiến công quân sự, chính trị và binh vận với một kế hoạch tỉ mỉ và toàn diện.

Phong trào phá ấp chiến lược diễn ra với quy mô rộng lớn mang tính chất quyết liệt, một mất một còn giữa ta và địch. Cả hai bên đều hiểu rằng ai nắm được dân, giành được đất, kẻ đó sẽ thắng. Do đó, nhân dân Bến Tre không để cho địch rảnh tay lập ấp chiến lược, đàn áp phong trào cách mạng.

Địch dỡ nhà, nhân dân đã đấu tranh quyết liệt, có người ôm cột nhà, khi chúng leo lên mái nhà, người dân châm lửa đốt. Khi bị địch lùa vào khu gom dân, nhân dân tìm mọi cách trốn trở về đất cũ.

Lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích xã, ấp lúc phân tán, lúc tập trung, dựa vào xã, ấp chiến đấu bằng chông, mìn,

gài lựu đạn, ong vò vẽ,... linh hoạt đánh địch khi chúng đi gom dân, ban đêm cùng quần chúng phá rào, nhổ cọc sắt, cắt kẽm gai,... hoặc tổ chức tập kích vào những điểm trú quân của địch. Cùng với mũi tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân cũng liên tiếp nổi lên mạnh mẽ, với nhiều hình thức phong phú từ thấp đến cao. Nhân dân tổ chức biểu tình, mít tinh chống địch bắn phá, pháo kích gây tội ác, phá mùa màng. Họ kéo đến Tòa hành chính tỉnh, tòa soạn các báo ở Sài Gòn đưa đơn kiến nghị. Có những người mẹ, người chị đã cản đầu xe bọc thép khi chúng càn vào ruộng lúa.

Công tác binh vận được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, dần dần trở thành một trong ba mặt công tác của toàn Đảng, toàn dân, là công tác thường xuyên của hội viên, đoàn viên, của các ngành, các giới... Năm 1962, ta đã giáo dục 515 tề điệp, trưởng khu, liên gia trưởng, vận động giải tán 1.562 "thanh niên chiến đấu". Trong ba năm 1961-1963, đã có 10 đồn bốt bị diệt bằng sự phối hợp giữa lực lượng bên ngoài với cơ sở nội tuyến.

Do địch tăng nhanh lực lượng bảo an, dân vệ, củng cố được hệ thống đồn bốt, nhất là từ tháng 5-1962, chúng tăng cường càn quét với quy mô ngày càng lớn, tính chất ngày càng ác liệt, sử dụng chiến thuật trực thăng và xe thiết giáp ngày càng phổ biến, trong khi đó, lực lượng vũ trang của ta, nhất là bộ đội tập trung phát triển chưa kịp cả về số lượng, về trang bị kỹ thuật và cách đánh, nên địch đã lấn chiếm được nhiều địa bàn của ta. Thế tiến công của ta bị chững lại.

Trước tình hình địch xây dựng ấp chiến lược, Tỉnh ủy chỉ đạo các Đảng bộ, lực lượng vũ trang ba thứ quân huy động mọi khả năng đánh địch và phá ấp chiến lược.

Phong trào phá ấp chiến lược, kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị, tố cáo âm mưu và hành động của địch diễn ra quyết liệt. Các đảng bộ địa phương đã huy động quần chúng, lực lượng du kích tận dụng mọi cơ hội để phá bờ thành, nhổ cọc sắt, cuốn dây kẽm gai, nhổ chông về làm xã chiến đấu. Ban đêm, ta vào phá, ban ngày địch bắt nhân dân đắp sửa lại. Để đối phó lại, chúng tổ chức gài mìn dưới chân rào, trong bờ thành, đã làm cho nhân dân một số nơi bị thiệt hại.

Lúc đầu, nhiều địa phương còn chủ quan, coi thường âm mưu lập ấp chiến lược của địch và chưa có kinh nghiệm nên cuộc đấu tranh phá ấp chiến lược kết quả thu được không lớn.

Giữa năm 1962, quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam và sau nhiều lần tổng kết rút kinh nghiệm, Tỉnh ủy đã đánh giá đầy đủ âm mưu gom dân lập ấp chiến lược của địch, tập trung lãnh đạo quân dân trong tỉnh, quyết tâm phá cho được kế hoạch lập ấp chiến lược của địch, đồng thời, đặt công tác phá ấp chiến lược là công tác trọng tâm hàng đầu với một kế hoạch toàn diện, lâu dài của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phải kết hợp chặt chẽ ba mũi: chính trị, vũ trang, binh vận; kết hợp trong ngoài, phải tiến hành từng bước từ phá lỏng, phá banh đi đến phá dứt điểm, giải phóng xã, ấp. Tỉnh ủy chỉ đạo cán bộ, đảng viên phải bám vào ấp chiến lược, gần gũi nhân dân, vạch rõ tội ác của địch, xây dựng và phát triển cơ sở ngay trong ấp chiến lược để kết hợp với lực lượng bên ngoài. Phá ấp chiến lược phải phá toàn diện và đặc biệt chú trọng phá lỏng kìm kẹp, phá các tổ chức phản động, cả tổ chức thanh niên chiến đấu, chuẩn bị khả năng tự dứt điểm đồn bốt và ấp chiến lược giải phóng xã, ấp.

Thực hiện chủ trương trên, nhiều cán bộ, đảng viên đã bám vào ấp chiến lược, móc nối lại cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới. Nhiều đồng chí ở An Đức, An Bình Tây (Ba Tri) đã bám trụ

ngay trong ấp chiến lược, sống dưới hầm bí mật theo dõi nắm tình hình, khôi phục và phát triển cơ sở lực lượng ba mũi tại chỗ. Nổi bật trong phong trào phá ấp chiến lược ở xã Phú Lễ huyện Ba Tri, đã kết hợp với lực lượng vũ trang đánh địch, cơ sở mật bên trong ấp chiến lược mà phần lớn là chị em phụ nữ, đã tổ chức ném lựu đạn vào bọn lính đi hành quân dã ngoại, làm hầm chông, gài địa lôi đánh bọn lính đi tuần tiễu ban đêm, tuyên truyền vận động binh lính địch đào ngũ, rã ngũ. Xã Phú Lễ được chọn làm điển hình phá ấp chiến lược tại Hội nghị dân quân du kích Nam Bộ ngày 5-5-1964.

Các xã khác trong huyện Ba Tri đã đưa lực lượng thâm nhập vào ấp chiến lược. Lực lượng địa phương quân, đặc công cũng phân tán từng tổ, bám vào xây dựng cơ sở, kết hợp với lực lượng tại chỗ đánh địch. Tháng 9-1962, đặc công Ba Tri cùng với du kích mật An Bình Tây, tập kích vào Ban Chỉ huy bình định đóng tại An Bình Tây diệt 16 tên, bắt 12 tên, 7 tên chạy thoát, ta thu toàn bộ vũ khí. Du kích mật các xã Tân Thủy, Bảo Thạnh, Vĩnh Hòa, An Đức, Phước Tuy, An Hiệp cũng liên tiếp đánh địch, phá ấp chiến lược.

Ở các huyện, phong trào phá ấp chiến lược ngày càng đi vào thực chất, ta nắm được "thanh niên chiến đấu", nhiều ấp chiến lược vào ban đêm quần chúng và cơ sở tại chỗ giành được thế làm chủ, cán bộ từ bên ngoài vào hoạt động được thuận lợi và an toàn.

Tháng 7-1962, đồng chí Võ Chí Công, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam về nghiên cứu thực tế chiến trường Bến Tre, rút kinh nghiệm về sáng tạo và vận dụng phương châm, phương thức chống và phá âm mưu bình định gom dân lập ấp chiến lược của địch. Đồng chí Võ Chí Công đã góp ý kiến với Tỉnh ủy về phương hướng xây dựng và sử dụng lực lượng chính trị, vũ trang đánh địch trên chiến trường đồng bằng đông dân. Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò đòn xeo và

quyết định trực tiếp của mũi quân sự trong chiến tranh nhân dân chống lại chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ. Kết quả của chuyến đi này đã giúp Trung ương Cục có cơ sở thực tế để mở hội nghị chống và phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược toàn miền trong năm 1963.

Cuối năm 1962, địch đã lập được 113 ấp chiến lược, nhưng có hơn 100 ấp bị nhân dân phá đi, phá lại nhiều lần, có ấp địch xây dựng, ta phá đến 40 lần.

Chiến tranh du kích với những hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp đã động viên nhân dân Bến Tre, từ già đến trẻ tham gia tiêu diệt địch.

Từ sáng kiến đánh giặc bằng ong vò vẽ của đồng chí Nguyễn Văn Tư, Xã đội trưởng Tân Thành Bình[1], được phổ biến nhân rộng ra toàn tỉnh. Du kích An Thạnh đã đưa ong vò vẽ vào sát cửa đồn, trong đường giao thông đánh địch.

Ở An Định, du kích đắp pháo đài bao vây đồn địch ở chợ Cái Quao, đưa ong vò vẽ đặt tại cửa bốt, khi binh lính mở cửa đồn, bị ong vò vẽ vây đánh phải trốn vào mùng kêu cứu, tên Quận trưởng Hương Mỹ dẫn một đại đội bảo an đến giải tỏa bị du kích và đội quân ong vò vẽ khác vây đánh, phải bỏ chạy về Hương Mỹ. Chúng không hiểu rõ hư, thực đã kêu máy bay đến ném bom xung quanh chợ để cứu nguy cho đồn Chợ Cái Quao.

Ở Hữu Định, du kích kết hợp ong vò vẽ, trái nổ, dựa vào xã chiến đấu bám trụ chống càn với một tiểu đoàn địch đi càn quét, diệt và làm bị thương 10 tên, bắn cháy một xe M 113.

Ở Phong Nẫm (Giồng Trôm), đồng chí Lê Chính (Chín Ngươn) đã sáng tạo ra dàn mang ên[2], kết hợp với chông, ong vò vẽ, cùng du kích diệt 5 tên, làm bị thương 12 tên.

1. Năm 1965, đồng chí Nguyễn Văn Tư được phong tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang.

2. Dàn mang ên: một loại vũ khí tự tạo.

Giữa lúc phong trào du kích chiến tranh Bến Tre đang diễn ra tình trạng giằng co thì ngày 2-1-1963, quân dân Mỹ Tho giành thắng lợi lớn trong trận Ấp Bắc, cung cấp những kinh nghiệm có giá trị về cách đánh bại chiến thuật "trực thăng vận" và "thiết xa vận" của Mỹ - ngụy.

Ngày 25-3-1963, Trung ương Cục miền Nam phát động "thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công" trên toàn miền Nam. Khẩu hiệu: "vào sâu, đứng lại, đánh càn, giải phóng nông thôn" được phổ biến trong các đơn vị trên toàn miền.

Tỉnh ủy đã kịp thời phát động quân dân Bến Tre hưởng ứng phong trào "thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công". Tỉnh ủy đã triển khai Nghị quyết xây dựng lực lượng vũ trang, kiện toàn các cơ quan chỉ huy quân sự các cấp, bổ sung 150 đảng viên và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, chú trọng phát triển các đội du kích xã, ấp.

Hưởng ứng phong trào "thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công", một phong trào chiến tranh du kích lan rộng trong toàn tỉnh. Lực lượng vũ trang cùng nhân dân xây dựng xã chiến đấu, chuẩn bị công sự để trụ lại chống càn quét có kết quả.

Ngày 5-7-1963, lực lượng vũ trang tỉnh kết hợp với lực lượng vũ trang Giồng Trôm và du kích xã mở đợt tấn công mạnh, uy hiếp đồn Cái Mít, xã Thạnh Phú Đông; đồng thời, tổ chức trận địa phục kích đánh viện binh địch (Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 10, Sư đoàn 7).

Một đại đội địch dùng trực thăng đổ quân chưa kịp triển khai đội hình, đã bị ta tiêu diệt, bắn cháy một máy bay trực thăng, đồng thời truy kích diệt một đại đội khác. Chúng tiếp tục đổ hai đại đội còn lại xuống trận địa. Ta đã bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch, làm tiêu hao nặng một đại đội, buộc chúng phải rút quân.

Sau trận Gò Keo, lực lượng vũ trang ta trụ lại đánh địch ở Sơn Phú, Lương Phú (Giồng Trôm), Mỹ Nhơn (Ba Tri) và Cầu Ván (Thạnh Phú), đã tiêu diệt được nhiều tên địch; hỗ trợ lực lượng ba mặt tại chỗ bao vây tấn công địch, bức hàng, bức rút đồn bốt, phá ấp chiến lược, giải phóng xã.

Tấn công vũ trang phát triển mạnh mẽ, đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, binh vận và nổi dậy của quần chúng.

Những cuộc đấu tranh chính trị của hàng ngàn người kéo vào quận, tỉnh đấu tranh diễn ra liên tục, chống địch khủng bố, bắn giết, chống bắt lính, chống rải chất độc hóa học. Ngày 17-1-1963, gần 4.000 đồng bào các huyện, thị xã đã kéo đến Dinh tỉnh trưởng phản đối địch rải chất độc hóa học và bắt gom quần chúng vào sân vận động, phơi nắng, bỏ đói. Cơ sở cách mạng tại thị xã, cùng nhiều nhân sĩ trí thức, nhà buôn người Hoa, các nhà sư đã vận động tổ chức tiếp tế cơm nước cho lực lượng đấu tranh chính trị.

Ngày hôm sau, lực lượng quần chúng lại tiếp tục kéo đến Dinh tỉnh trưởng đấu tranh bồi thêm, đòi thả những người bị bắt... Địch đã nhượng bộ, thả hết những người bị chúng bắt giam.

Hưởng ứng phong trào của đồng bào phật tử ở Huế, Sài Gòn,... đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm, nhân dân và đồng bào phật tử Bến Tre đã đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú như: cầu siêu, cầu nguyện trong các chùa từ nông thôn đến thị xã, thị trấn; tố giác hành động khủng bố sát hại đồng bào phật tử ở Huế, Sài Gòn; biểu tình kéo vào quận, tỉnh đấu tranh đòi ngừng khủng bố đồng bào phật tử, chống bắn pháo bừa bãi, đòi Ngô Đình Diệm từ chức. Phong trào diễn ra rất mạnh và gay gắt ngay trong nội ô thị xã.

Ngày 14-4-1963, kỷ niệm ngày lễ Phật đản, bất chấp sự đàn áp của địch, 500 tín đồ Phật giáo đã tập trung tại chùa

Viên Minh, tuần hành trên các đường phố thị xã, tố giác chính quyền Ngô Đình Diệm khủng bố đạo Phật, đòi Ngô Đình Diệm từ chức.

Học sinh các trường trung học tại thị xã cũng tổ chức đấu tranh hưởng ứng và ủng hộ cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên và bà con tăng ni, phật tử Huế. Nhân buổi chào cờ đầu tuần, tại Trường Kiến Hòa, khi học sinh chưa ổn định hàng ngũ, một em học sinh đã kéo cờ Phật lên cột cờ, em Nguyễn Hữu Ngọc (Sáu Ngọc) đã đứng lên đọc kiến nghị phản đối địch bắt học sinh đi lính, phản đối địch rải chất độc hóa học, bắn giết nhân dân, địch phát hiện đến bắt em Nguyễn Hữu Ngọc.

Giữa năm 1963, trên toàn tỉnh, ta đồng loạt giải tán tổ chức "thanh niên chiến đấu", phá các tổ chức chính trị phản động và các hình thức kìm kẹp của địch. Ở Ba Tri, tại các xã An Bình Tây, An Hòa Tây, Phú Lễ, Tân Thủy, Bảo Thạnh, Mỹ Nhơn, Mỹ Thạnh, An Đức và thị trấn, ta phá rã 20 toán "thanh niên chiến đấu", thu 91 súng.

Trong quá trình xây dựng lực lượng tấn công vào ấp chiến lược, ta đã tổ chức được nhiều cơ sở binh vận ở các xã. Ở Minh Đức, địch xây dựng bốn ấp chiến lược, bằng xây dựng lực lượng tại chỗ và quan hệ với các xã có người bị bắt đi lính đưa từ nơi khác đến, ta đã xây dựng được một số cơ sở có đều ở các đồn bốt. Trong những tháng giữa năm 1963, Huyện ủy Mỏ Cày chỉ đạo bộ đội địa phương kết hợp du kích xã và cơ sở binh vận đã lần lượt diệt các đồn: Cổ Cò, Rạch Đập, Vàm Tân Hương, phá banh các ấp chiến lược; xã Minh Đức được giải phóng. Ở Chợ Thom, xã An Thạnh (Mỏ Cày) dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ban Binh vận huyện và Chi ủy xã đã sử dụng cơ sở binh vận kết hợp với du kích chủ động khởi nghĩa diệt bốt dân vệ và công sở An Thạnh giữa ban ngày khi nhân dân đang họp chợ, diệt toàn bộ địch, thu vũ khí, đạn dược.

Tại khu trù mật Thành Thới (Mỏ Cày), sau những đợt tấn công liên tục của quần chúng, hệ thống kìm kẹp bị phá vỡ, các đồn xung quanh bị lực lượng địa phương quân huyện, du kích liên xã Thành Thới, An Thới, An Thạnh bao vây, phong tỏa, phải chạy vào căn cứ trung tâm, lực lượng ta đột nhập đánh nhiều trận, diệt tên chỉ huy Út Phú ác ôn.

Đến cuối năm 1963, đại bộ phận các ấp chiến lược ở các vùng nông thôn đã bị phá banh, còn đồn bốt địch chung quanh đang trong tình thế bị bao vây phải kêu cứu liên tục.

Việc xây dựng xong bến bãi tiếp nhận hàng chiến lược được tiến hành khẩn trương: một cụm nằm trên xã Thạnh Phong (Thạnh Phú), bến vào kho bố trí trên phạm vi rộng từ Cồn Rừng, Khâu Băng, Eo Lói, Cồn Tra; một cụm bến (thực chất là trạm trung chuyển) ở Thới Thuận, Thừa Đức (Bình Đại).

Ngày 17-7-1963, Bến Tre đã đón chuyến tàu sắt đầu tiên chở hơn 100 tấn hàng cập bến an toàn. Từ sau đó, những chuyến hàng liên tục cập bến Khâu Băng phục vụ cho cuộc chiến đấu ở miền Nam[1].

Các bến bãi đóng tại Khâu Băng (Thạnh Phú), Thới Thuận, Thừa Đức (Bình Đại) được Đảng bộ địa phương và nhân dân hết lòng giúp đỡ và bảo vệ an toàn.

Cùng với đồng chí Nguyễn Văn Khước, cán bộ Khu ủy Khu 8, Huyện ủy Thạnh Phú đã cử đồng chí Bảy Hiệp, Thường vụ Huyện ủy và nhiều cán bộ quân sự, giao liên, an ninh đảm nhiệm công tác quan trọng này. Huyện ủy Bình Đại cũng chọn những đồng chí có năng lực là người địa phương của Thừa Đức và Thới Thuận bổ sung cho Tiểu đoàn bảo vệ vận tải.

1. Từ năm 1963 đến năm 1971, đã có 27 chuyến tàu đi về bến Thạnh Phú (trong đó hai tàu phải tự hủy), chở trên 2.000 tấn hàng. Ngày 20-10-1971, chuyến tàu cuối cùng chở 100 tấn hàng cập bến Thạnh Phú, do đồng chí Dương Tấn Kịch làm Thuyền trưởng.

Ban Chỉ huy gồm: Hai Bình, Sáu Tấn, Tư Sơn. Từ đầu năm 1963, ngành giao bưu vận Bến Tre được thành lập, đồng chí Trịnh Văn Nở (Tư Nguyễn), Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban, được giao nhiệm vụ liên lạc, bưu chính và vận tải, đặc biệt là vận tải hàng chiến lược gồm vũ khí, khí tài quân sự và hàng BVK (vàng và tiền). Như vậy, từ giữa năm 1963, ngoài nhiệm vụ chống địch càn quét, chống phá ấp chiến lược, giành và giữ dân, Bến Tre còn phải bảo đảm giữ đầu cầu tiếp nhận hàng chiến lược của Trung ương vào Nam theo đường biển và tổ chức hành lang vận chuyển hàng chiến lược nối liền Bến Tre với miền Tây và miền Đông Nam Bộ.

Đến đây, sự phá sản của kế hoạch Stalây - Taylo đã bộc lộ rõ, đế quốc Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng" cho tay chân lật đổ Ngô Đình Diệm, hòng đổ nguyên nhân thất bại cay đắng của chúng lên đầu ngụy quyền tay sai. Sau cuộc đảo chính tháng 11-1963, lật đổ Diệm - Nhu, ngụy quyền tay sai càng khủng hoảng, các phe phái lao vào vòng tranh chấp, xâu xé lẫn nhau, phần lớn lực lượng chủ lực ngụy được dùng vào việc đảo chính và chống đảo chính. Tinh thần của bọn ngụy quân, ngụy quyền càng hoang mang, tạo những điều kiện thuận lợi để quân dân miền Nam vùng lên đánh bại hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Để cứu vãn tình hình nguy cấp của chúng ở Bến Tre cũng như ở khắp miền Nam, đế quốc Mỹ phải điều chỉnh kế hoạch, chủ trương tập trung lực lượng bình định có trọng điểm, thực hiện theo kế hoạch mới mang tên Giôn xơn - Mắc Namara (Johnson - McNamara). Huyện Thạnh Phú là một huyện thuộc vùng biển của Bến Tre, đầu cầu tiếp nhận hàng chiến lược của Trung ương, là một trọng điểm bình định của chúng.

Ngày 7-1-1964, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân "Phượng Hoàng TG1" tập trung 6.000 quân, có không quân yểm trợ,

đánh vào hai xã Thạnh Phong, Giao Thạnh (Thạnh Phú) nhằm phá hủy đầu cầu tiếp vận, cắt đứt sự chi viện từ miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân là Tướng Lê Văn Kim - Tổng Tham mưu trưởng ngụy và Lâm Văn Phát - Tư lệnh khu chiến thuật Tiền Giang cùng một số cố vấn Mỹ, đại tá không quân Hoàng gia Anh thị sát. Lực lượng địch tham chiến gồm: bốn chiến đoàn thủy quân lục chiến (14 tiểu đoàn), một tiểu đoàn của Sư đoàn 7, sáu đại đội biệt kích, 60 máy bay (phần lớn là HU 1A), 14 tàu chiến, 19 giang thuyền, 26 xe M113, hai khẩu đội pháo (105mm và 155mm).

Mở đầu cuộc càn quét, địch cho trút bom đạn mù mịt (sa mù trận) hủy diệt địa hình rồi dùng máy bay, tàu chiến đổ quân tạo thành hai gọng kìm khép chặt xã Giao Thạnh và xã Thạnh Phong từ hai phía biển và đất liền. Tại đây, Tiểu đoàn 263 của Khu mới thành lập đang huấn luyện, cùng đơn vị bảo vệ bến, du kích địa phương, lực lượng bảo vệ trường huấn luyện,... dựa vào địa hình chặn đánh địch nhiều trận tại Hồ Cỏ, Cái Cát, Khâu Băng,... diệt hàng trăm tên địch.

Trên các con đường dự kiến địch sẽ hành quân, nhân dân đã cắm chông, gài mìn, lựu đạn,... bắn tỉa, làm giảm tốc độ hành quân của chúng và các cánh quân không hợp điểm theo kế hoạch.

Tại xã Thạnh Phong, chị em phụ nữ, cụ già, em nhỏ chặn đầu các toán quân, đấu tranh trực diện với cố vấn Mỹ. Ngôn ngữ bất đồng, chị em ra dấu biểu thị sự phẫn uất trước những hành động dã man của chúng. Có chị em phụ nữ dùng tay bịt nòng pháo địch không cho chúng bắn phá vào xóm, ấp.

Trong khi địch càn quét vùng căn cứ Giao Thạnh, Thạnh Phong, Tỉnh ủy chỉ đạo quân dân trong tỉnh nổi dậy tiến công địch.

Lực lượng vũ trang tỉnh đánh nhiều vị trí trong thị trấn Mỏ Cày, khu trù mật An Hiệp (Ba Tri), pháo kích thị trấn Giồng Trôm, tiểu khu quân sự và Tòa hành chính tỉnh. Bộ đội săn tàu phục kích bắn cháy tàu "Thập ác" chở Tiểu đoàn biệt động quân 41 trên sông Hàm Luông. Lực lượng biệt động thị xã đánh vào nhiều vị trí địch trong nội ô và ngoại ô, Bộ Tổng tham mưu quân ngụy buộc phải điều một số đơn vị đang tham chiến ở Thạnh Phú trở về thị xã phòng thủ. Sau 17 ngày trú quân ở Hồ Cỏ, Giao Thạnh, địch phải rút quân.

Qua 21 ngày đêm chiến đấu không cân sức, nhưng quân và dân Bến Tre đã đánh bại cuộc càn quét quy mô của Mỹ - ngụy, giữ được nguyên vẹn kho vũ khí (trên 300 tấn). Được sự phối hợp chặt chẽ của lực lượng đấu tranh chính trị, bộ đội ta đã diệt và làm bị thương 1.200 tên địch, trong đó, có viên Đại tá Ly (Lye), sĩ quan của quân đội Anh tại Viễn Đông đi trên máy bay thị sát mặt trận, bắn cháy 47 máy bay, thu 200 khẩu súng. Các đơn vị tham chiến được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba. Căn cứ Thạnh Phú được giữ vững, âm mưu phá đầu cầu tiếp vận của Mỹ - ngụy bị bẻ gãy.

Chiến thắng Thạnh Phú đã tạo ra một thế áp đảo quân địch, gây niềm tin mới cho quân và dân Bến Tre bước vào đợt tiến công và nổi dậy tiêu diệt hàng loạt ấp chiến lược, mở mảng, mở vùng khắp các địa bàn trong tỉnh.

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã ấp, Khu ủy Khu 8 đã có chủ trương thành lập đảng ủy xã, chi bộ ấp, thành lập chi bộ trong các đội du kích xã để đối phó với địch ngay trên từng địa bàn ấp. Tại Bến Tre, Khu ủy và Tỉnh ủy chọn xã Bình Khánh (Mỏ Cày) nơi có tổ chức đảng mạnh làm điểm.

Đầu năm 1964, Khu ủy cử đồng chí Nguyễn Nam Hồng, cán bộ tổ chức của Khu về xã Bình Khánh để thực hiện

chủ trương trên là chia chi bộ, lập xã ủy. Sau một thời gian, đã xây dựng được đảng ủy và chi bộ các ấp. Từ xã Bình Khánh, Tỉnh ủy nhân rộng ra toàn huyện Mỏ Cày. Đến cuối năm 1965, tại Mỏ Cày, đã xây dựng được 16 đảng ủy xã; toàn tỉnh xây dựng được trên 50 đảng ủy xã. Việc xây dựng đảng ủy xã và chi bộ ấp đã nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào tấn công bằng ba mũi quân sự, chính trị và binh vận ở cơ sở.

Đầu năm 1964, đồng chí Võ Văn Phẩm được điều về Khu, đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

3. Cao trào phá ấp chiến lược năm 1964

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, toàn Khu mở đợt phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Đầu tháng 3-1964, Tỉnh ủy họp đã chủ trương: Đẩy mạnh hoạt động du kích chiến tranh đều khắp ba vùng trong tỉnh để chủ động căng, kìm địch và đứng lại "đả viện" đánh càn quét, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy tấn công địch bằng ba mũi, gỡ đồn bốt, phá dứt điểm ấp chiến lược, làm thất bại hoàn toàn âm mưu bình định của địch trong tỉnh Bến Tre.

Tỉnh ủy quyết định mở chiến dịch phá ấp chiến lược, điểm chính ở cù lao Bảo, hướng chủ yếu là huyện Ba Tri, hướng phát triển là Mỏ Cày và Bình Đại, hướng kìm địch là Châu Thành, một đại đội vũ trang tỉnh hoạt động tại đây để thu hút địch. Ban Chỉ huy chiến dịch được thành lập gồm các đồng chí: Phạm Văn Bê (Phạm Phước Hậu) - Tỉnh ủy viên, Phó Chính trị viên Tỉnh đội, Lê Phát Tân (Hai Hồ) - Tỉnh đội phó, Tham mưu trưởng, Nguyễn Thanh Liêm (Tư Chí) - Thường vụ Tỉnh ủy, Nguyễn Văn Song (Năm Hỏa) - Huyện ủy Ba Tri, Lê Minh Đào và Lê Văn Phải (Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 263 của Quân khu).

Ban Chỉ huy đã tập trung toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh kết hợp với Tiểu đoàn 263 của Khu làm nòng cốt cho cuộc tiến công và nổi dậy đánh phá ấp chiến lược này.

Mở đầu chiến dịch, để đánh lạc hướng địch, Tỉnh ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang đồng loạt đánh địch trên các hướng Châu Thành, Giồng Trôm, Mỏ Cày, Bình Đại, tiêu diệt, tiêu hao một số đồn bốt trên các tuyến giao thông, cắt đứt sự chi viện của chúng; vừa để phân tán lực lượng địch. Đồng thời, các huyện ủy đã huy động và tổ chức quần chúng kéo vào thị xã đấu tranh gây cho địch lúng túng. Quân địch vội vã điều Trung đoàn 12 Sư đoàn 7 từ khu chiến thuật Tiền Giang đến thị xã Bến Tre để đối phó.

Trong lúc địch bị động đưa các trung đội bảo an đi giải tỏa các nơi thì ngày 16-3-1964, một đại đội của Tiểu đoàn 263 đánh đồn Mỹ Chánh (Ba Tri). Đây là một căn cứ quân sự trung tâm ở khu vực ba Mỹ (Mỹ Nhơn, Mỹ Chánh, Mỹ Thạnh) do một đại đội bảo an Cao Đài đóng giữ. Ta đánh sập đồn, một số tên chết và bị thương. Bộ đội trụ lại vây đồn; hàng ngàn quần chúng nổi dậy đánh trống mõ, uy hiếp địch. Bọn địch trong đồn hoảng sợ, ban đêm cắt rào chạy trốn. Trước khí thế tấn công mạnh mẽ của quân và dân ta, binh lính tại đồn Mỹ Nhơn, Mỹ Thạnh rút chạy về Tân Xuân. Binh lính ở Tân Xuân hoảng hốt bỏ đồn rút chạy sáng 17-3-1964. Đồn Bảo Thuận (Bảo Thạnh) bị ta vây chặt. Quận trưởng Ba Tri đưa một đại đội bảo an đi cứu nguy. Đại đội này vừa đến Bảo Thạnh liền bị quân ta đánh thiệt hại nặng, phải chạy về thị trấn. Binh lính ở các đồn Phú Lễ, Phước Tuy, Phú Ngãi cuốn chạy về Ba Tri và căn cứ Xã Diệu (An Hòa Tây).

Trước tình thế nguy ngập, địch buộc phải đưa Trung đoàn 12, Sư đoàn 7 đến Ba Tri. Lực lượng bảo vệ thị xã chỉ còn một đại đội bảo an. Nắm chắc tình hình, Tỉnh ủy đã huy động lực

lượng quần chúng và tổ chức một cuộc biểu tình lớn với hàng ngàn quần chúng, trong đó có gần 500 gia đình binh sĩ được chia thành từng đoàn, từng đội có chỉ huy chặt chẽ tiến vào thị xã. Sợ mất thị xã, Tỉnh trưởng Bến Tre vội vàng ra lệnh cho hai Tiểu đoàn 1 và 2 thuộc Trung đoàn 12, trở về bảo vệ tỉnh lỵ, Tiểu đoàn 3 mang phiên hiệu "Ó Đỏ" liều mạng xuống Ba Tri. Trong khi đó, quần chúng và gia đình binh sĩ ở Ba Tri đã liên tục đấu tranh với tên Quận trưởng không cho đại đội bảo an của quận đi phối thuộc. Tiểu đoàn "Ó Đỏ" đơn độc hành quân ra mặt trận đóng quân ở nền đồn Phú Lễ. Sau khi nghiên cứu địa hình, Ban Chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm tiêu diệt tiểu đoàn này. Huyện ủy Ba Tri huy động quần chúng lo tiếp tế cơm nước cho bộ đội và 300 dân công phục vụ chiến đấu. Các đơn vị được lệnh hành quân và triển khai ngay đội hình tác chiến.

Đúng như dự đoán, 7 giờ sáng 18-3-1964, Tiểu đoàn "Ó Đỏ" vừa rời công sự 500m thì bị bộ đội ta bao vây diệt gọn.

Đây là trận đánh lớn đầu tiên tiêu diệt tiểu đoàn chủ lực địch trên chiến trường Khu 8, chứng tỏ cán bộ quân sự của ta đã trưởng thành về nghệ thuật chỉ huy và sử dụng lực lượng trong chiến thuật phục kích vận động.

Sau khi Tiểu đoàn "Ó Đỏ" bị diệt, quân lính ở đồn bốt tại khu vực Bảo Thạnh, Tân Thủy, Phú Lễ, Phú Ngãi và Phước Tuy đều chạy về đồn Xã Diệu. Sáng 19-3-1964, trên 2.000 quần chúng và gia đình binh sĩ ở các xã Phú Lễ, Phú Ngãi và An Bình Tây kéo vào thị trấn Ba Tri, đấu tranh hai ngày liền đòi địch bồi thường thiệt hại do trận đánh gây nên. Tên Quận trưởng phải bồi thường 10.000 đồng. Các đồn bốt chung quanh thị trấn Ba Tri sợ hãi, binh sĩ đào ngũ, ra ngũ hàng loạt. Riêng ngày 20-3-1964, có 165 tên dân vệ, bảo an bỏ ngũ về với gia đình.

Như vậy chỉ sau năm ngày tiến công nổi dậy, quân và dân Ba Tri đã giành được thắng lợi lớn: tiêu diệt gọn một tiểu đoàn chủ lực địch, bức rút 12 đồn, giải phóng hoàn toàn chín xã (Mỹ Nhơn, Mỹ Thạnh, Mỹ Chánh, Tân Xuân, Bảo Thạnh, Phú Lễ, Phú Ngãi, Phước Tuy, An Ngãi Tây).

Chiến thắng Ba Tri đã làm rung chuyển vùng nông thôn rộng lớn, thối động mạnh tinh thần quân địch trên khắp các chiến trường trong tỉnh. Đó là kết quả chỉ đạo thành công của việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa tấn công quân sự với phong trào nổi dậy của quần chúng, làm tan rã từng mảng hệ thống chiếm đóng bình định của địch.

Ở Bình Đại, Ban Chỉ huy chiến dịch điều một trung đội của Tiểu đoàn 263 của Khu, một đại đội và khẩu đội ĐK75 của tỉnh bí mật đến hoạt động. Đêm 19-3-1964, ta đã tiêu diệt đồn Lộ Ngang, xã Vang Quới. Đại đội bảo an quận Bình Đại đến tiếp cứu. Chúng hành quân bằng xe chở hành khách. Để bảo vệ tính mạng của nhân dân, bộ đội ta đã phục kích sẵn nhưng không nổ súng. Lượt về chúng đi bộ, đại đội ta nhanh chóng tiến công tiêu diệt gọn đại đội địch, diệt tên Hoa - Quận trưởng Bình Đại, thu 37 súng, thừa thắng quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, giải phóng xã Vang Quới.

Khu trù mật Thới Thuận bị uy hiếp, do đó, tiểu khu Kiến Hòa buộc phải cho đoàn tàu 12 chiếc theo sông Ba Lai yểm trợ cho chúng rút quân về thị xã. Nắm chắc tình hình địch, ngày 15-3-1964, Ban Chỉ huy bố trí đại đội trợ chiến thành bốn cụm dọc theo tả ngạn sông Ba Lai. Đoàn tàu vượt qua Tân Xuân và khi đến Bình Khương thì bị ta chặn đánh bắn cháy bốn chiếc. Chúng kéo nhau về tỉnh lỵ. Tại vàm Bần Quỳ (Phong Mỹ) - nơi hẹp nhất của sông Ba Lai - ta bắn chìm tại chỗ bốn chiếc, bốn chiếc còn lại chạy thoát.

Tại mặt trận Châu Thành, với nhiệm vụ thu hút địch, Đại đội 2 cùng bộ đội huyện đã tiêu diệt đồn Tân Lợi (Tân Phú) và vũ trang tuyên truyền uy hiếp thị trấn Sóc Sãi (Hàm Long) hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng diệt ác, phá kìm.

Kết thúc cao điểm 1 mở mảng Ba Tri và Bình Đại thắng lợi, Ban Chỉ huy chiến dịch điều Đại đội 2 hoạt động kìm chân địch trên lộ giao thông 26 (đoạn Mỹ Lồng - Giồng Trôm) hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược và hoạt động căng kéo địch.

Đầu tháng 4-1964 vào cao điểm 2, lực lượng vũ trang tỉnh và Tiểu đoàn 263 của Khu chuyển sang hoạt động ở Mỏ Cày, Ban Chỉ huy chiến dịch đã chọn mặt trận Thom (An Thạnh) làm điểm của cuộc tiến công. Tại đây, có bốt công sở An Thạnh và cách đó 100m là bốt Cây Điệp, địch có một tiểu đội, trong đó có cơ sở nội tuyến của ta.

Theo ý định ban đầu, ta kết hợp với nội tuyến diệt đồn công sở xã và tổ chức mặt trận đánh quân cứu viện. Đến giờ hợp đồng nổ súng, nội tuyến không dám hành động. Đêm 8-4-1964, Đại đội đặc công diệt đồn Ngã Ba Cây Điệp; đồng thời, bao vây công sở xã tạo sức ép buộc địch phải đưa quân cứu viện. Sáng 9-4-1964, địch đưa Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 12 được mệnh danh là Tiểu đoàn "Ó Vàng" hành quân theo đường giao thông Mỏ Cày đến Thom. Tiểu đoàn "Ó Vàng" hành quân đúng như dự kiến và lọt vào trận địa phục kích của ta. Sau một giờ chiến đấu, Tiểu đoàn "Ó Vàng" bị tiêu hao gọn, năm xe M113 bị phá hủy, một máy bay khu trục và ba máy bay trực thăng bị bắn cháy. Chiến thắng quân sự đã làm đòn xeo cho quần chúng trong xã nổi dậy phá thế kìm kẹp, bao vây bức rút đồn bốt, giải phóng hoàn toàn xã An Thạnh. Phát triển thế tiến công, bộ đội địa phương, dân quân du kích và quần chúng bao vây, tiến công diệt và bức rút các đồn: Hưng Khánh Trung,

Nhuận Phú Tân, Thành An; các đồn địch trên tỉnh lộ 30 thuộc các xã An Định, Tân Trung, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng, An Thới. Tại Phước Mỹ Trung, lúc này thuộc quận Đôn Nhơn, trước đó khoảng 10 ngày, nội tuyến của ta vận động tám lính đem súng về với cách mạng. Địch tăng cường về chi khu Đôn Nhơn một tiểu đoàn, trong đó có ba nội tuyến của ta. Huyện ủy Mỏ Cày vạch kế hoạch cùng nội tuyến đánh dứt điểm chi khu, nhưng chúng đã rút bỏ chi khu trước khi ta triển khai tấn công.

Đường giao thông Mỏ Cày - Thạnh Phú bị cắt đứt, giao thông tiếp tế của địch bằng đường bộ bị gián đoạn.

Tiểu đoàn 263 chuyển quân xuống Thạnh Phú, tấn công tiêu diệt đồn Phú Khánh, hỗ trợ, tiếp sức cho lực lượng vũ trang và phong trào quần chúng tại chỗ nổi dậy bức rút đồn An Quy, An Nhơn và căn cứ Cầu Ván (Giao Thạnh), giải phóng hoàn toàn bốn xã vùng biển.

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Tiểu đoàn 263 được lệnh về Quân khu. Lực lượng vũ trang của tỉnh chuyển quân sang cù lao Bảo.

Để khuếch trương thắng lợi và để giúp Ba Tri mở mảng, mở vùng, Tỉnh ủy chủ trương diệt căn cứ xã Diệu do một đại đội dân vệ do tên Thượng Công Huẩn (Tổng Huẩn) chỉ huy.

Căn cứ xã Diệu nằm trên lộ giao thông Ba Tri - Tân Thủy thuộc xã An Hòa Tây tiếp giáp với xã Vĩnh Hòa, cách thị trấn Ba Tri 1.500m; chung quanh là ruộng và giồng đất trống trải; bên trong có chợ và nhiều dãy nhà ngang dọc. Cứ điểm này là tiền đồn ven biển của huyện Ba Tri. Ở đây, quân địch đã kiểm soát chặt chẽ giao thông vùng duyên hải Ba Tri. Nó được cấu trúc thành khu tứ giác với ba lô cốt bê tông và ba cao điểm xây bằng đá xanh. Tường đất cao 2m. Quanh bờ tường là những hố cá nhân sâu khoảng 1m với nhiều hàng

rào kẽm gai và mương bao bọc được cắm đầy chông. Căn cứ này được xây dựng từ thời thực dân Pháp nhưng ta chưa có cơ hội tiêu diệt.

Dựa vào công sự kiên cố, địch huyênh hoang tuyên bố với nhân dân trong vùng là thị trấn Ba Tri có thể bị mất, nhưng căn cứ quân sự xã Diệu không thể mất.

Theo đúng kế hoạch, 24 giờ đêm 18-4-1964, bộ đội đặc công kết hợp với cơ sở nội tuyến diệt căn cứ quân sự này. Kết quả, địch chết và bị thương 80 tên, ta bắt sống 10 tên, một số tên chạy thoát về Ba Tri. Tên Tổng Huẩn phải đền tội ác. Ta thu 70 súng các loại, 21 máy thông tin và nhiều trang bị quân sự. Binh lính ở đồn Giồng Nhàn sát thị trấn Ba Tri hoảng hốt bỏ chạy; hơn 150 tên dân vệ và bảo an bỏ ngũ.

Ta đã giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn lấn sát thị trấn Ba Tri, mở rộng hành lang giao thông vùng duyên hải, tạo thế liên hoàn giữa các vùng căn cứ chủ yếu của ba huyện: Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại.

Qua hai đợt tấn công và nổi dậy đánh phá ấp chiến lược, quân và dân Bến Tre đã giải phóng phần lớn vùng nông thôn, rộng nhất là hai huyện Ba Tri và Mỏ Cày, 16 ngàn dân thoát khỏi ách kìm kẹp của địch. Ta đã tiêu diệt, bức rút, bức hàng 40 đồn bốt - có hai khu trù mật, một chi khu, hai cứ điểm quân sự cấp đại đội; diệt gọn hai tiểu đoàn chủ lực địch.

Mùa hè năm 1964, chiến tranh nhân dân địa phương đã phát triển đến đỉnh cao. Để đáp ứng yêu cầu của chiến tranh, ngày 15-4-1964, Tỉnh ủy quyết định xây dựng tiểu đoàn chủ lực của tỉnh mang phiên hiệu 516 được hình thành từ ba đại đội bộ binh và đại đội trợ chiến của tỉnh với quân số trên 500 người. Ban Chỉ huy tiểu đoàn có các đồng chí: Trần Khắc Chung (Sáu Chung), Nguyễn Văn Nguyễn (Tư Nguyễn), Nguyễn Hữu

Vị (Tám Vị), Võ Văn Khoát (Chín Võ). Ngày 20-4-1964, tiểu đoàn ra mắt đồng bào tại xã Tân Xuân (Ba Tri).

Tháng 5-1964, tiểu đoàn sử dụng hai đại đội tập kích đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn biệt động quân số 41 ở yếu khu Nhơn Thạnh (Giồng Trôm). Đại đội khác tập kích diệt đồn cấp trung đội ở khu phố An Hóa (Châu Thành), tiêu hao nhiều sinh lực địch, gây ảnh hưởng tốt, cổ vũ phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng.

Để lập thành tích kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày Quốc khánh 2-9, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo lực lượng vũ trang tỉnh tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng ở khu vực Châu Thành. Sau khi nghiên cứu tình hình, Tiểu đoàn 516 hạ quyết tâm diệt đồn cấp trung đội xã Phú Túc, phục kích đánh quân viện trên lộ Thơ xã Thành Triệu. Đồn Phú Túc nằm ở ven sông Cửu Long, phía bắc thị trấn Sóc Sãi (Hàm Luông) và cách chi khu Trúc Giang 5km về phía tây; 1 giờ 30 phút ngày 20-8-1964, Đại đội 3 và Trung đội đặc công được tăng cường hai khẩu ĐK75, nổ súng tiêu diệt gọn đồn này. Địch chết 13 tên, bị bắt sống 9 tên; ta thu 24 súng các loại.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Đại đội 3 trở về đội hình tiểu đoàn làm nhiệm vụ đội dự bị cho trận phục kích đánh viện ở lộ Thơ.

Chín giờ ngày 20-8-1964, địch dùng hai tàu lớn đổ một tiểu đoàn lính dù ở ấp Phú Mỹ (Phú Túc) và dùng máy bay trực thăng đổ một tiểu đoàn của Sư đoàn 7 xuống cạnh đồn Phú Túc. Hai cánh quân này phối hợp càn vào xã Phú Túc. Lực lượng du kích chặn đánh diệt ba tên, bắn rơi một trực thăng. Sau đó, tiểu đoàn biệt động quân số 41 mang danh "Cọp Đen" từ Tường Đa đến lộ đất Phú Túc (ven sông Ba Lai) cùng với một tiểu đoàn (Sư đoàn 7) hành quân càn quét vùng Phú Túc

và Thành Triệu. Chúng chia làm hai mũi hành quân ra lộ Thành Triệu về Hàm Long. Như vậy, địch hành quân không đúng với ý định bố trí đánh địch ban đầu của ta. Các đại đội chuyển đội hình vận động đánh địch. Đại đội 2 nổ súng mạnh vào đội hình phía sau địch; Đại đội 1 vận động 150m qua kênh đánh vào sườn bên phải của chúng. Các cánh hợp đồng chiến đấu bao vây chia cắt địch thành từng bộ phận nhỏ. Sau 65 phút chiến đấu, Tiểu đoàn "Cọp Đen" bị tiêu diệt gọn. Tiểu đoàn chủ lực của Sư đoàn 7 bị thiệt hại nặng phải chạy về đồn Thành Triệu.

Trận này địch chết và bị thương gần 500 tên (gồm cả Ban Chỉ huy Tiểu đoàn và bốn cố vấn quân sự Mỹ), bị bắt sống 52 tên. Ta thu 225 súng các loại (có một cối 60mm, hai đại liên), 25 máy vô tuyến điện, có hai máy PRC9; hai máy siêu tần số TR20 và nhiều loại trang bị quân sự khác.

Bị thất bại nặng, khu chiến thuật Tiền Giang đã đưa ba tiểu đoàn lính dù, hai tiểu đoàn của Sư đoàn 7, một Tiểu đoàn bảo an số 23, hai Đại đội hải quân thuộc Hải đoàn 21, hai Đại đội thiết vận xa M 113, trên 30 máy bay và 14 khẩu pháo 105mm, 155mm đến Châu Thành hòng tiêu diệt Tiểu đoàn 516.

Chúng bố trí hai Đại đội bảo an Hàm Long, Trúc Giang và 26 xe M113 bao vây dọc theo tỉnh lộ 27, liên tỉnh 6. Hải quân chốt chặn các tuyến sông Hàm Luông và sông Cửu Long từ Tân Thạch đến An Hóa. Các tiểu đoàn chủ lực, bảo an chia ra thành nhiều mũi, nhiều cánh hành quân bộ, đổ quân bằng tàu, bằng máy bay trực thăng vào các xã: Tam Phước, Tường Đa, Phú Đức, Phú Túc, An Khánh, Thành Triệu và rải quân vây chặt các xã này hòng chặn đường rút lui của Tiểu đoàn 516.

Sau chiến thắng lộ Thơ, Tiểu đoàn 516 rút về xã An Khánh (Châu Thành) để củng cố. Ngày hôm sau, được lệnh

rút quân về căn cứ Giồng Trôm, Mỏ Cày. Khi hành quân đến xã Tam Phước thì mọi con đường đều bị địch chốt chặn. Tiểu đoàn phải quay trở lại xã An Khánh và tổ chức phòng ngự tại ấp Phước Tự.

Sáng 23-8-1964, địch ném bom, bắn pháo dữ dội gần khu vực phòng ngự của tiểu đoàn. Máy bay L19 quần đảo uy hiếp, phát loa kêu gọi chiêu hàng. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn đã nhận định hướng tấn công chủ yếu của chúng và phân tán lực lượng ra thành nhiều tổ chặn đánh địch. Đến chiều, địch chia ra làm nhiều mũi thọc sâu vào đội hình trú quân. Bộ đội ta nổ súng chặn đứng nhiều đợt xung phong của chúng. Sau hơn hai giờ chiến đấu quyết liệt, quân ta đã diệt và làm bị thương gần 100 tên địch.

Trong quá trình chiến đấu, nhiều bà mẹ, chị em phụ nữ đã không sợ bom đạn ra mặt trận tiếp tế cơm nước, chuyển thương binh về nơi an toàn. Mẹ Sáu ở An Khánh tuổi cao, sức yếu đã ra tận công sở đưa từng vắt cơm, ly nước cho chiến sĩ.

Đêm 23-8-1964, Tiểu đoàn 516 rút ra khỏi vòng vây của địch về đóng quân tại xã Thành Triệu, phân tán lực lượng mở đường vượt lộ, vượt sông Hàm Luông về căn cứ Giồng Trôm, Mỏ Cày. Các khẩu ĐK75 không di chuyển theo đội hình tiểu đoàn được, đồng chí Bí thư Huyện ủy Châu Thành đã có kế hoạch cất giấu an toàn. Đại đội đặc công, bộ đội huyện Châu Thành đã phân tán thành từng bộ phận nhỏ bám trụ tại các xã, ấp cùng du kích tiếp tục đánh kìm chân địch.

Như vậy, Tiểu đoàn 516 không những không bị tiêu diệt như ý muốn của kẻ thù, mà trái lại qua hai trận chiến đấu phá vòng vây, ta đã diệt hơn 300 tên địch. Thừa thắng, quân dân ta

đã bức hàng, búc rút nhiều đồn bốt, phá dứt điểm các ấp chiến lược ở các xã Tường Đa, Thành Triệu, An Khánh, Tam Phước, Phú An Hòa (Châu Thành).

Cuối năm 1964, sau hai đợt tấn công và nổi dậy đánh phá ấp chiến lược, 57 xã đã được giải phóng hoàn toàn, 27 xã đã dồn địch về một phía và nhiều xã đang chuyển lên thế tranh chấp mạnh, gần 300.000 dân đã thoát khỏi ách kìm kẹp của địch. Đây là thời kỳ mà thế và lực của phong trào cách mạng Bến Tre phát triển một bước nhảy vọt; là thời kỳ chiến tranh nhân dân địa phương phát triển đến đỉnh cao. Nhân dân vùng giải phóng đã ra sức xây dựng xã, ấp chiến đấu, đã cùng với du kích đắp bờ thành, đắp công sự, ổ, ụ chiến đấu, phát triển "đội quân ong vò vẽ" và các loại vũ khí thô sơ đánh địch càn quét, bảo vệ xóm làng. Những bãi, những khu đồng trống đã được bà con cắm chông, sào chống máy bay trực thăng "nhảy giò". Dọc đường giao thông liên xã nhân dân đã đào hầm hố tránh phi pháo địch. Việc trồng cây gây rừng, cải tạo địa hình đã trở thành một phong trào rộng lớn của quần chúng. Nhân dân đã tích cực đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, 8.000 thanh niên đã gia nhập lực lượng vũ trang. Từ năm 1961 đến 1965, tỉnh đã đưa lên tuyến trên 6.400 thanh niên, góp phần xây dựng bộ đội chủ lực Khu và Miền. Trong năm 1964, ta đã phát triển được 2.599 đảng viên mới. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chi bộ, phát triển đảng viên gắn liền với nhiệm vụ chính trị, xây dựng cơ sở đảng đều khắp phù hợp với tình hình thực tế và tương quan giữa xã, ấp đối phó với từng âm mưu, thủ đoạn của địch.

Chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đã bị thất bại thảm hại trên chiến trường Bến Tre cũng như trên chiến trường toàn miền Nam.

IV- ĐÁNH BẠI BÌNH ĐỊNH CỦA MỸ - NGỤY TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BẾN TRE - TỔNG TIẾN CÔNG, NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1968 (1965-1968)

1. Đánh bại bình định của Mỹ - ngụy trên chiến trường Bến Tre (từ năm 1965 đến cuối năm 1967)

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ đã chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1965) đã xác định: *"Nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước hiện nay rõ ràng là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta, của nhân dân ta từ Nam chí Bắc"*[1]. Trung ương Đảng đã kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta: *"Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà"*[2].

Năm 1965, đế quốc Mỹ ào ạt đổ quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu vào vào miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược của chúng là: "tìm diệt" và "bình định" nhằm tập trung tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến, đồng thời chúng ra sức "bình định" nông thôn để hòng quét sạch cơ sở chính trị của ta.

Mỹ - ngụy coi Bến Tre là chiến trường chủ yếu để thực hiện "bình định", nhằm vơ vét nhân tài vật lực làm nguồn cung ứng tại chỗ cho cuộc chiến tranh. Chúng tăng thêm cố vấn

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 26, tr. 635, 634.

Mỹ, tăng cường bắt lính, đôn quân phát triển ngụy quân, củng cố ngụy quyền. Cố vấn Mỹ nắm quyền chỉ huy trực tiếp đến các chi khu, trực tiếp chỉ huy các cuộc càn quét với sự yểm trợ của không quân và chi viện của Hạm đội 7 Mỹ.

Chúng đưa Nguyễn Phát Đạt về làm Tỉnh trưởng Bến Tre thay cho Trần Ngọc Châu và thay đổi hàng loạt quận trưởng và các chỉ huy chủ chốt trong các ngành quân sự, công an, tình báo. Đi đôi với các cuộc hành quân càn quét, không quân của Mỹ - ngụy đã ném bom, kể cả bom napan và dùng pháo bắn bừa bãi vào các khu dân cư, chùa chiền, thánh thất, trường học. Pháo ở Hạm đội 7 bắn vào các xã ven biển: Thạnh Phong, Giao Thạnh (Thạnh Phú), Thới Thuận, Thừa Đức (Bình Đại); sử dụng cụm pháo Bình Đức (Mỹ Tho) bắn vào các khu vực thuộc huyện Châu Thành.

Mức độ đánh phá của địch vào các vùng nông thôn tăng lên cả về quy mô và cường độ. Bom đạn Mỹ - ngụy đã gây ra nhiều vụ thảm sát đối với nhân dân Bến Tre. Chúng dùng bom napan hủy diệt trường Linh Phụng (Giồng Trôm), Tân Bình (Mỏ Cày), chợ An Thới, Minh Đức (Mỏ Cày).

Trước tình hình địch tăng cường đánh phá ác liệt, tháng 4-1965, Tỉnh ủy họp đánh giá: Địch đã thật sự leo thang đưa chiến tranh lên một bước mới, nhưng dù có tình huống nào xảy ra, với lực lượng ba mặt ở cả ba vùng như hiện nay, ta nhất định có khả năng thực hiện được những nhiệm vụ của cấp trên đề ra... Tỉnh ủy chủ trương: Nhanh chóng xây dựng lực lượng, xây dựng vùng giải phóng, chuẩn bị mọi điều kiện cùng toàn miền xông lên tấn công địch giành thắng lợi quyết định khi có thời cơ; đẩy mạnh tấn công địch bằng ba mặt, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, uy hiếp mạnh vùng yếu, thị xã, thị trấn, giữ và mở rộng vùng giải phóng, chuẩn bị tư thế sẵn sàng đánh phủ đầu quân Mỹ.

Tỉnh ủy quyết định mở đợt chỉnh huấn trong toàn Đảng, toàn quân và đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi trong quần chúng. Về yêu cầu, Tỉnh ủy chỉ rõ: Cuộc chỉnh huấn này phải được triển khai trong nhân dân thành một cuộc tuyên truyền vận động đẩy mạnh các mặt đấu tranh và xây dựng một cách cụ thể ở xã, ấp, gắn liền quyền lợi thiết thân của quần chúng với quyền lợi cách mạng, củng cố đội ngũ đấu tranh, đả phá triệt để các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch, nâng cao quyết tâm chiến đấu và khí thế cách mạng quần chúng, theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Tăng cường giáo dục giác ngộ về Đảng, lập trường chiến đấu đi đôi với giáo dục rèn luyện nâng cao trình độ công tác, phương châm, phương pháp cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên ở xã, ấp, đảng viên mới để rèn luyện trong Đảng có quan điểm cách mạng triệt để, quan điểm bạo lực và quan điểm quần chúng đúng đắn, rèn luyện cho mỗi đảng viên có nhân sinh quan cách mạng, quán triệt sáu bài học cơ bản cho đảng viên.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy đã phân công các tỉnh ủy viên về huyện trực tiếp chỉ đạo, tuyển chọn nhiều huyện ủy viên về làm bí thư chi bộ và đảng ủy xã. Trong số đó có 73 cán bộ và huyện ủy viên đi 80 xã giải phóng và tranh chấp mạnh để củng cố kiện toàn chi bộ, tăng cường cho lực lượng vũ trang nhiều cán bộ có năng lực; các đoàn thể, các ban ngành của tỉnh đều được củng cố nhằm phục vụ cho yêu cầu tấn công địch.

Đại hội Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng miền Nam diễn ra từ ngày 17 đến ngày 26-3-1965 quyết định phát động sâu rộng trong đoàn viên và thanh niên toàn miền

phong trào "năm xung phong"[1], sôi nổi thi đua giết giặc, tích cực đấu tranh chống bắt lính, đấu tranh chính trị và làm công tác binh vận.

Sau đợt sinh hoạt chính trị, trong đảng bộ và từ chi bộ mở rộng ra quần chúng, phong trào toàn dân quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đã thật sự chuyển động. Phong trào thanh niên tham gia du kích, gia nhập bộ đội, đi thanh niên xung phong,... diễn ra sôi nổi.

Ở Long Mỹ, Lương Phú, Thạnh Phú Đông (Giồng Trôm) trong đợt có hơn 200 thanh niên tham gia tòng quân. Hàng ngàn thanh niên ở thị xã, thị trấn, vùng yếu tìm mọi cách trốn ra vùng giải phóng xin gia nhập bộ đội giải phóng. Trong giới phụ nữ, đã dấy lên phong trào "thi đua năm tốt"[2], phong trào đăng ký đảm đang việc nước, việc nhà để chồng con tòng quân giết giặc. Lực lượng nữ thanh hăng hái đi dân công làm công tác vận tải lương thực, vũ khí từ hậu phương ra mặt trận. Trong năm 1965, ngoài phần bổ sung cho lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, Bến Tre còn đưa cả vạn tân binh và thanh niên xung phong về Khu và Miền.

Thực hiện quyết tâm dám đánh và đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tiếp tục đưa cách mạng miền Nam vào thế tấn công mới, tháng 5-1965, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị về

1. Năm xung phong gồm các nội dung:
- Xung phong tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch;
- Xung phong tòng quân và tham gia du kích;
- Xung phong đi dân công và thanh niên xung phong phục vụ tiền tuyến;
- Xung phong đấu tranh chính trị và chống bắt lính;
- Xung phong sản xuất nông nghiệp trong nông hội.

2. Phong trào "thi đua năm tốt" gồm các nội dung:
- Đoàn kết đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận tốt;
- Lao động sản xuất, tiết kiệm tốt;
- Chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh tốt;
- Học tập văn hóa, chính trị, chuyên môn tốt;
- Rèn luyện tư cách đạo đức tốt.

chính sách ruộng đất, phát động nông dân vùng giải phóng đoàn kết, sản xuất, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thực hiện chỉ thị trên, tháng 7-1965, Tỉnh ủy quyết định mở đợt sinh hoạt chính trị chú trọng phát động tư tưởng, nâng cao giác ngộ chính trị cho nông dân với ba mục tiêu "đoàn kết, sản xuất, giết giặc". Cuộc vận động được tiến hành với nhiều hình thức phong phú như tổ chức cho nông dân học tập thư của Đảng, tính sổ tội ác của địch và liên hệ bản thân, qua đó vận động nhân dân thực hiện những nhiệm vụ cách mạng.

Trung ương Cục miền Nam cử đoàn cán bộ do đồng chí Trần Nam Trung làm Trưởng đoàn, trong đó có bác sĩ Đoàn Thúy Ba, cùng số cán bộ Khu 8 do đồng chí Lê Việt Thắng lãnh đạo về Bến Tre công tác; lấy hai xã Thành Thới và An Định (Mỏ Cày) làm điểm của Khu phát động nông dân. Tỉnh ủy lấy xã Lương Hòa (Giồng Trôm) làm điểm của tỉnh phát động nông dân, cử đồng chí Nguyễn Văn Trung, Phó Bí thư Tỉnh ủy về chỉ đạo.

Đợt phát động này đã thu được kết quả to lớn: khoảng 90% nông dân vùng giải phóng trong tỉnh đã tham gia học tập chính trị, nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, đoàn kết nội bộ nông dân được củng cố. Tổ chức nông hội được kiện toàn với số lượng hội viên tăng, các hoạt động tương trợ trong sản xuất và đời sống phong phú.

Phong trào đẩy mạnh sản xuất, tòng quân giết giặc và đóng góp sức người, sức của trong các vùng nông thôn phát triển mạnh. Nông dân tham gia du kích, tự vệ chiến đấu. Việc mua công trái kháng chiến và bán lương thực cho cách mạng đã vượt mức quy định. Một số ruộng đất của địa chủ vắng mặt đã được tạm chia cho nông dân, góp phần bồi dưỡng lực lượng nông dân đẩy mạnh kháng chiến.

Trong thời gian ở Bến Tre, bác sĩ Đoàn Thúy Ba đã triển khai rộng rãi công tác vệ sinh phòng bệnh, công tác sinh đẻ có kế hoạch, giúp Bến Tre củng cố mạng lưới y tế trong vùng giải phóng.

Cùng với công tác phát động nông dân là việc củng cố Mặt trận Dân tộc giải phóng, các đoàn thể nông hội, thanh niên, phụ nữ. Công tác phát động gắn với việc củng cố lực lượng tấn công ba mặt: quân sự, chính trị, binh vận ở cơ sở; củng cố an ninh chính trị, thực hiện khẩu hiệu "sạch làng, tốt xóm".

Nhằm phát triển rộng rãi chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân du kích. Phương hướng xây dựng và tổ chức dân quân, du kích phải theo đúng đường lối giai cấp, nâng cao tính giai cấp trong lực lượng vũ trang, tăng cường và củng cố sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong các lực lượng vũ trang.

Nhiệm vụ cụ thể của dân quân, du kích theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục là:

- Chiến đấu giết giặc ở mọi nơi, mọi lúc;

- Bảo vệ cơ quan, bảo vệ nhân dân;

- Bổ sung cho lực lượng vũ trang tập trung và phục vụ tiền tuyến;

- Gương mẫu trong chấp hành các chính sách của Đảng về xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào, tổ chức làng, xã chiến đấu.

Trong các vùng giải phóng, để tránh thiệt hại do bom pháo địch gây nên, nhân dân đã xây dựng hầm chống phi pháo ở từng nhà, cùng nhau xây dựng hầm hố, chiến hào ở những nơi công cộng như trường học, chợ búa, những nơi thường hội họp sinh hoạt, thực hiện khẩu hiệu "hầm tốt hơn nhà tốt". Ở ven biển Thạnh Phú, Bình Đại, để chịu đựng với pháo của Hạm đội 7

của địch, nhân dân đã dỡ nhà lấy cột xây dựng những hầm sâu trong nổng cát, chịu đựng gian khổ, trụ bám giữ vững địa bàn đứng chân cho bộ đội, du kích bám đánh địch. Hầm được xây dựng kiên cố, trồng cây che phủ. Thế trận du kích chiến tranh ngày càng được mở rộng. Ở những nơi bị địch dùng bom pháo chà xát ác liệt, nhân dân đã ra đồng trống cất nhà, hình thành những cụm dân cư mới, trụ lại sản xuất và tham gia công tác cách mạng. Để phát hiện máy bay bỏ bom trộm ban đêm, nhân dân tổ chức canh gác, báo động để kịp đối phó.

Một thế trận mới được thiết lập, nhân dân ổn định tư tưởng, quyết tâm bám trụ. Công tác binh vận trong tỉnh thời gian qua đã thúc đẩy phong trào đấu tranh phản chiến của ngụy quân lên mạnh. Ở nhiều xã, ấp, nhân dân ta đã tổ chức đại hội gia đình binh sĩ để nắm lại số người còn đi lính hoặc làm việc cho địch, tìm cách vận động kêu gọi binh sĩ trở về với cách mạng, thực hiện khẩu hiệu "sạch làng, tốt xóm". Các xã An Thới, An Thạnh (Mỏ Cày), Long Mỹ, Thạnh Phú Đông (Giồng Trôm) và gần nửa số ấp giải phóng đã thực hiện tốt khẩu hiện trên, không có người đi lính hoặc làm việc cho địch. Cán bộ binh vận và quần chúng đã dùng nhiều hình thức để tuyên truyền, tổ chức học tập, phổ biến chính sách của Đảng cho các gia đình binh sĩ, gửi thư, tranh thủ những dịp binh sĩ về phép hoặc về ăn tết, để tuyên truyền, đặt quan hệ xây dựng thành cơ sở.

Các khẩu hiệu như "Hầm chông chống Mỹ, binh sĩ đừng đi", "Súng Mỹ lòng ta", "Mỹ thua về Mỹ, binh sĩ về đâu?" đã có tác dụng phân hóa kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào bọn Mỹ xâm lược.

Đầu năm 1966, nhận sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy đã đón hai nhà báo Liên Xô đi thực tế chiến trường Bến Tre. Cùng đi với các nhà báo nước ngoài có các cán bộ của Khu như đồng chí Bùi Thanh Khiết - Phó Chính ủy Quân khu (vừa làm

phiên dịch) và đồng chí Lương Văn Chỉ (Bảy Văn), các chiến sĩ bảo vệ, giao liên đã làm tốt nhiệm vụ Tỉnh ủy giao cho. Trong thời gian hai tháng đi thực tế chiến trường Bến Tre, các nhà báo chứng kiến sự tàn phá ác liệt của chiến tranh, tinh thần chiến đấu ngoan cường, anh dũng và sự gian khổ, thiếu thốn mà quân dân Bến Tre phải chịu đựng.

Chính quyền cách mạng đã tiến hành nhiều biện pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; phát động nông dân nhường cơm sẻ áo, trang trải đất đai, chăm lo cho những gia đình khó khăn, gia đình cách mạng; đào mương, khai kênh làm thủy lợi, vừa phục vụ sản xuất vừa mở đường vận chuyển hàng; đưa nhiều giống lúa mới, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất trồng trọt, nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Trường học, trạm y tế, nhà bảo sanh (nhà hộ sinh) được xây dựng ở xã, ấp.

Năm 1966, diện tích lúa hai vụ đạt 7.878ha, tăng hơn năm 1965 là 3.170ha. Toàn tỉnh có 812 lớp học với 20.319 học sinh cấp I và cấp II. Có 75 ban y tế xã, 108 trạm xá, 30 nhà bảo sanh, 320 tổ y tế ấp, 313 tủ thuốc. Năm 1967, thu tài chính 328.000.000 đồng.

Công tác xây dựng Đảng được tiếp tục trên cơ sở thắng lợi của năm 1965. Đồng chí Phan Văn Đáng, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam về Mỏ Cày chủ trương đợt phát động xây dựng Đảng, củng cố chi bộ một vòng, ba khâu (nắm chắc tình hình) đề ra nghị quyết sát đúng và tổ chức thực hiện nghị quyết bằng ba con đường: Đảng, đoàn thể và ban ngành chuyên môn. Qua đó, đã nâng cao vai trò lãnh đạo của chi bộ, xã ủy, lãnh đạo bằng nghị quyết và sử dụng ban ngành, đoàn thể để nhằm gắn chặt chi bộ, đảng viên trong tổ chức quần chúng.

Từ tháng 4 đến tháng 7-1966, địch tập trung hai tiểu đoàn của Trung đoàn 10, Sư đoàn 7, 8 đại đội bảo an, 12 đoàn bình định, một chi đoàn xe bọc thép M113 do Tỉnh trưởng Kiến Hòa, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 10 và tên Thiếu tướng (phụ trách bình định Trung ương) trực tiếp chỉ huy đánh vào các xã Mỹ Nhơn, Mỹ Thạnh, Mỹ Chánh và một số ấp của xã An Bình Tây, mở đầu cho kế hoạch bình định trọng điểm kiểu mẫu huyện Ba Tri - vùng ven biển, đông người - có 17 xã, 90.000 dân. Đồng thời, chúng dùng bom, pháo uy hiếp các xã xung quanh. Bọn bình định dùng thuốc khai hoang phá trống rừng "lạc địa" để đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi căn cứ. Chúng đã lợi dụng một số tín đồ Cao Đài ở Ba Mỹ để lập một đại đội vũ trang gọi là Đại đội "bảo vệ đạo" và đã mua chuộc một số chức sắc Cao Đài đưa vào trong bộ máy tề xã, tề ấp. Lấn chiếm đến đâu, ngụy quyền tiến hành xây cất trường học, trạm y tế, nhà bảo sanh, phân phát giống lúa mới,... đến đó để mua chuộc quần chúng. Những tháng cuối năm 1967, địch đánh chiếm các xã Phú Lễ, Phú Ngãi, Tân Xuân, Phước Tuy và một số ấp còn lại của xã An Bình Tây.

Ngay khi Mỹ - ngụy triển khai bình định, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho quân dân Ba Tri tích cực chống phá kế hoạch của chúng. Huyện ủy đã cử một số cán bộ ở lại bám xã, ấp phát động quần chúng đấu tranh. Bộ đội địa phương và du kích đánh địch ở nhiều nơi, diệt 300 tên, phá hủy hai xe bọc thép. Cùng với mũi vũ trang, các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng liên tiếp nổ ra chống địch bắn phá, cướp bóc. Tuy nhiên, do ta chưa đánh giá hết được âm mưu và quyết tâm bình định lần này của Mỹ - ngụy, nên kế hoạch chống phá bình định không toàn diện, biện pháp đánh địch chưa có hiệu quả và quyết tâm chưa cao. Hơn nữa, địch sử dụng lực lượng mạnh hơn ta gấp nhiều lần, tốc độ lấn chiếm nhanh, ta bị mất đất, mất dân.

Để tăng cường sự lãnh đạo cho Ba Tri chống phá bình định, tháng 7-1966, Tỉnh ủy đã cử đồng chí Nguyễn Văn Phiên (Tư Cường) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về làm Bí thư Huyện ủy; Tỉnh đội cử đồng chí Lê Phát Tân (Hai Hồ) - Tỉnh đội phó, Tham mưu trưởng cùng Tiểu đoàn 516 về Ba Tri phối hợp với địa phương đánh địch. Trong khi đi chuẩn bị chiến trường, đồng chí Lê Phát Tân cùng đồng chí Đức - bảo vệ, đã hy sinh.

Để hỗ trợ cho quân dân Ba Tri chống bình định, bộ đội tỉnh, bộ đội các huyện cùng du kích tiến công vào hệ thống đồn bốt trên lộ số 6 và 26. Ta đã đánh sập cầu Chẹt Sậy và diệt gọn một đại đội bảo an trong khu phố Mỹ Lồng.

Tháng 4-1966, bộ đội tỉnh đã đột kích vào trung tâm huấn luyện dân vệ Hưng Điền (Phú Hưng, thị xã) diệt 200 tên. Tiếp đó, tháng 7-1966, bộ đội tỉnh và địa phương quân huyện Mỏ Cày phục kích trên lộ Hòa Lộc (Mỏ Cày) diệt 200 tên, phá hủy một xe quân sự.

Tháng 10-1966, địch đưa quân càn quét vào vùng Bình Khánh, Phước Hiệp (Mỏ Cày), ta đánh diệt 130 tên.

Khi Sư đoàn bộ binh số 9 của Mỹ về đóng căn cứ ở Đồng Tâm (Mỹ Tho), Bộ Tư lệnh Quân khu họp bàn và nhận định: Sớm muộn quân Mỹ cũng đổ quân sang Bến Tre để phá căn cứ ven biển, nơi tiếp nhận hàng chiến lược từ miền Bắc và để bảo vệ cho tuyến sông Cửu Long rất quan trọng về mặt chiến lược.

Cuối năm 1966, Quân khu đã cử đồng chí Bùi Thanh Khiết (Hai Thanh) - Phó Chính ủy Quân khu cùng Tiểu đoàn 261 và một đại đội pháo tăng cường cho Bến Tre chuẩn bị cho chiến dịch Đông Xuân 1966-1967. Cũng trong thời kỳ này, Tỉnh đội đã chú trọng xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang tỉnh về số lượng và chất lượng; kiện toàn phân đội đặc công nước, được huấn luyện cách đánh tàu chiến địch; thành lập một đại đội

súng cao xạ 12,8mm để săn máy bay và một trung đội pháo 70mm đánh tàu và một phân đội trinh sát kỹ thuật vô tuyến điện ngày đêm theo dõi, nắm bắt tình hình địch trong vùng. Về công tác binh vận, Tỉnh ủy chỉ đạo phải đẩy mạnh công tác binh vận nhằm khai thác triệt để mâu thuẫn trong nội bộ địch, để tạo nên sự chuyển biến chính trị trong hàng ngũ quân ngụy. Ra sức làm tan rã một bộ phận quan trọng quân ngụy, vận động cách mạng mạnh mẽ trong binh sĩ, thúc đẩy hành động tiêu cực chiến đấu thật rộng rãi, gây một phong trào đấu tranh phản chiến từ lẻ tẻ đến tập thể; phát triển hơn nữa hành động đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của quần chúng, lôi kéo rộng rãi binh sĩ cùng nhân dân đấu tranh cho quyền lợi dân sinh, dân chủ.

Đông Xuân 1966-1967, ta mở chiến dịch Bình Đại - Ba Tri, hướng tấn công chủ yếu là Bình Đại, lấy Châu Hưng làm điểm. Để nghi binh, đánh lạc hướng địch, đêm 9-11-1966, hai đại đội của Tiểu đoàn 516 đã san bằng hai đồn ở Phú Khánh (Thạnh Phú), ngày 11-11-1966, chặn đánh quân cứu viện trên sông Hàm Luông, bắn chìm một tàu, tiêu hao nặng Tiểu đoàn biệt động quân số 41 và tiếp tục đón đánh Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 càn vào Bình Khánh, Phước Hiệp (Mỏ Cày), diệt 130 tên địch, bắn hỏng một xe M113. Trên hướng chính, quân ta tập kết địa bàn các xã thuộc cánh B Giồng Trôm (Phong Mỹ, Châu Hòa).

Đêm 4-1-1967, phân đội đặc công của Tiểu đoàn 261 diệt gọn bọn tề và Trung đội dân vệ Châu Hưng. Một bộ phận của Tiểu đoàn 516 đánh thiệt hại nặng đồn Giồng Quéo (Châu Hưng, Bình Đại), diệt gọn một trung đội "tuyên vận", làm bọn dân vệ đóng trong khu vực hoảng loạn tháo chạy.

Địch điều Tiểu đoàn biệt động quân số 32 của khu chiến thuật Tiền Giang về cứu nguy đã bị Tiểu đoàn 261 và

Tiểu đoàn 516 tập kích tiêu diệt. Chỉ trong bốn ngày đêm chiến đấu, Tiểu đoàn chủ lực Quân khu và Tiểu đoàn tỉnh đã diệt và làm bị thương 300 tên địch, thu 50 súng, bắn rơi một máy bay lên thẳng.

Phối hợp với hướng chính, bộ đội địa phương Bình Đại và du kích diệt đồn Vang Quới, vây ép, bức hàng, bức rút 11 đồn khác, giải phóng hoàn toàn các xã Thạnh Tân, Phước Thuận, Thới Lai và Châu Hưng.

Tháng 3-1967, Tỉnh ủy cử đồng chí Trịnh Văn Nở (Tư Nguyễn) - Tỉnh ủy viên, Chính trị viên Tỉnh đội tăng cường cho Ba Tri. Huyện ủy đã chủ trương phân tán, bộ đội huyện kết hợp với du kích và cán bộ xã, ấp tổ chức thành từng đội công tác, luồn vào vùng địch tạm chiếm tiến hành trừ gian, diệt ác, hỗ trợ cho du kích mật tại chỗ đánh địch. Cán bộ, đảng viên lần lượt trở về bám dân, khôi phục gây dựng cơ sở, phát động quần chúng đấu tranh.

Bộ đội tỉnh quyết bám địch, hỗ trợ cho địa phương. Trong một trận phục kích, ta đã diệt hai đại đội bảo an ở Giồng Trung xã Vĩnh Hòa, đưa cối 60mm pháo kích vào chi khu. Du kích các xã Phước Tuy, An Bình Tây, Tân Xuân, Phú Ngãi,... cùng nhân dân đã dùng chông, mìn, cạm bẫy bố phòng chung quanh địa bàn xã để ngăn cản các cuộc hành quân càn quét của địch.

Nhiều cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng chống địch kìm kẹp, đòi tự do đi lại làm ăn,... nổ ra rộng khắp. Nhiều tên ác ôn bị diệt, nhiều ban tề dao động, cầu an.

Sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang trong giai đoạn này đã giam chân hai tiểu đoàn quân chủ lực, tám đại đội bảo an, 12 đoàn bình định của địch ở Ba Tri một thời gian khá dài. Tuy nhiên, lực lượng vũ trang của ta chưa đánh được những đòn quyết định làm

đòn xeo cho quần chúng nổi dậy, do đó tình hình chiến trường Ba Tri chưa chuyển lên.

Để phân tán lực lượng địch, tạo điều kiện cho quân dân Ba Tri đánh địch, Tỉnh ủy, Tỉnh đội quyết định chuyển hướng tấn công sang cù lao Minh, tập trung lực lượng diệt chi khu Hương Mỹ, uy hiếp chi khu Thạnh Phú và chi khu Mỏ Cày.

Thấy tình hình Bến Tre nguy khốn, đế quốc Mỹ vội vàng mở cuộc càn quét với quy mô lớn. Sau bốn ngày mở cuộc càn quét nhỏ gọi là "Cửu Long I" để thăm dò từ ngày 6 đến ngày 15-1-1967, địch huy động một lực lượng lớn gồm một lữ đoàn thủy quân lục chiến, một tiểu đoàn lính Nam Triều Tiên, 57 tàu thuyền chiến đấu của Hạm đội 7, 152 máy bay, hàng trăm pháo các cỡ và một chi đoàn xe M113, mở cuộc càn mang tên "Sóng thần 5". Chúng sử dụng máy bay trên bầu trời Thạnh Phú, vừa tuyên truyền vừa đe dọa: Quân đội hùng mạnh của Mỹ và chư hầu như những cơn sóng thần khủng khiếp, sẽ quét sạch lực lượng vũ trang Bến Tre ra khỏi mặt đất như trận đại hồng thủy đối với loài người trước đây...

Đánh vào căn cứ Thạnh Phú, Mỹ - ngụy nhằm triệt phá kho tàng, bến bãi, đầu cầu tiếp vận hàng chiến lược từ miền Bắc chuyển vào, đồng thời, hỗ trợ cho kế hoạch bình định trọng điểm ở Ba Tri. Lực lượng vũ trang tỉnh, Tiểu đoàn 518 (bảo vệ đoàn 962), cùng quân và dân Thạnh Phú vững vàng, bám trụ tại xã, ấp sẵn sàng chiến đấu.

Trước khi đổ quân, đế quốc Mỹ đã ném ba lượt bom B52 dọc ven biển xã Thạnh Phong. Khi cánh quân địch đầu tiên đặt chân đến Giao Thạnh, chúng liên tục bị lực lượng vũ trang của ta giáng trả quyết liệt, hàng chục tên lính Mỹ chết và bị thương, một máy bay phản lực bị bắn rơi, hai tàu chiến bị bắn chìm, bắn cháy. Nhân dân xã Giao Thạnh dựa vào thế hợp

pháp của mình tổ chức biểu tình chống địch, đòi chúng không được ném bom, không được phá hoại nhà cửa, hầm trú ẩn,... đã làm chậm bước tiến của cánh quân này.

Ngày 8-1-1967, đế quốc Mỹ dùng nhiều tốp trực thăng định đổ quân xuống An Nhơn. Dựa vào trận địa đã bố trí sẵn, du kích An Nhơn tập trung hỏa lực, bắn cháy bốn chiếc làm cánh quân địch phải tản ra xa.

Tại Giao Thạnh, tổ chiến đấu của công trường sản xuất vũ khí huyện đã mưu trí chôn một trái bom lép sửa lại đầu nổ, tìm cách dụ địch lọt vào trận địa. Trái nổ đã gây thương vong trên 70 tên (tổ chiến đấu của công trường được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba). Hoảng sợ, lữ đoàn thủy quân lục chiến và tiểu đoàn lính Nam Triều Tiên theo bản đồ, dò dẫm thận trọng từng bước tiến vào Cồn Lớn, Khâu Băng, Cồn Chim, Cồn Điệp, Cồn Rạo... Trên đường tiến quân, chúng bị bắn tỉa, vướng lựu đạn, dẫm đạp mìn và sụp hầm chông của ta. Lực lượng của ta cũng đã bất ngờ pháo kích, tập kích vào khu vực trú quân của địch kết hợp với đấu tranh chính trị liên tục, làm bọn chúng mất ăn, mất ngủ.

Tại Cồn Tra, chị em phụ nữ, các cụ già, em nhỏ đã chặn một cánh quân Mỹ, đấu tranh buộc chúng phải dừng quân cả ngày. Ngày hôm sau, một tiểu đội lính Mỹ chống lệnh hành quân, buộc chúng phải kêu trực thăng xúc về hậu cứ. Ngày 15-1-1967 quân Mỹ phải rút quân mà không đạt được mục tiêu đề ra. Trong trận chống càn "Cửu Long I" và "Sóng thần 5", lực lượng vũ trang và quân dân Thạnh Phú đã loại khỏi vòng chiến đấu 265 tên (trong đó có 178 tên Mỹ, chư hầu và một đại tá ngụy), bắn cháy ba tàu, bắn rơi và bắn hỏng 14 máy bay, thu 400 súng, 10.000 đạn, hủy một súng cối, một đại liên, một máy thông tin PRC25, bảo vệ được đầu cầu hành lang.

Điểm nổi bật của trận chống càn này là lực lượng quần chúng đã đấu tranh trực diện với quân đội Mỹ. Tuy ngôn ngữ bất đồng, nhưng các mẹ, các chị đã ra dấu chống địch bắn pháo vào xóm, ấp và đã giành được thắng lợi.

Sau cuộc càn ngày 8-1-1967, Mỹ - ngụy lại mở cuộc càn quét lớn hơn vào khu vực Thừa Đức, Thới Thuận,... đánh vào bộ phận A100 (tiếp nhận hàng chiến lược) đóng tại đây. Chúng đánh trúng Nhà in *Chiến thắng* đóng tại Rạch Lầy, lấy máy in đem về thị xã triển lãm.

Ngày sau, Đài Phát thanh và báo *Kiến Hòa ngày nay* của ngụy tuyên truyền rùm beng là đã diệt toàn bộ Tòa soạn báo và Nhà in báo *Chiến thắng.* Nhưng chỉ mấy này sau, báo *Chiến thắng* mới phát hành được phân phát vào thị xã. Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy đã dự kiến tình huống xấu nhất có thể xảy ra, nên đã bố trí hai cơ sở in ở cù lao Bảo và cù lao An Hóa để phòng khi bất trắc.

Phối hợp trận chống càn ở Thạnh Phú, các địa phương đã tấn công liên tục vào đồn bốt địch bằng ba mũi: chính trị, quân sự và binh vận.

Ngày 9-1-1967, lực lượng đặc công tỉnh kết hợp với cơ sở binh vận diệt bốt Vang Quới (Bình Đại).

Đêm 12-2-1967, Tiểu đoàn 516 phối hợp với biệt động thị xã đột nhập vào căn cứ Tiểu đoàn 41 biệt động quân ở ngã ba Tân Thành, cách thị xã 3km, diệt 150 tên.

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng trong tỉnh, đầu năm 1967, quân Mỹ vào tham chiến trên chiến trường Bến Tre, phối hợp với quân ngụy mở các cuộc càn quét vào vùng giải phóng. Đồng thời, Mỹ chọn Bến Tre làm thí điểm áp dụng chiến thuật "hạm đội nhỏ trên sông", rút kinh nghiệm để đối phó với chiến tranh du kích ở đồng bằng sông Cửu Long. Mỹ đã

đưa Lữ đoàn xung kích 117 cùng hàng trăm tàu lớn, nhỏ, tàu xưởng sửa chữa đến Bến Tre. Tàu chiến địch án ngữ trên các cửa sông, tăng cường kiểm soát việc đi lại trên các sông Tiền, Hàm Luông, Cổ Chiên; xuồng chiến đấu luồn vào kênh rạch, đánh phá vùng nông thôn và các đầu cầu hành lang.

Để đánh bại chiến thuật "hạm đội nhỏ trên sông" của địch, Tỉnh ủy, Tỉnh đội đã chỉ đạo đơn vị đặc công nước, các tổ săn tàu nghiên cứu cách đánh, bố trí từng tổ phục kích trên bờ những dòng sông nơi tàu địch có thể đi qua, quyết tâm diệt địch.

Đêm 23-11-1967, tổ đặc công nước do Phan Bình Trung (Hoàng Lam) chỉ huy đã tập kích vào tàu Hải quân 833, có xưởng sửa chữa lưu động của Mỹ đậu tại vàm Bến Tre.

Tàu 833 bị nhận chìm, kéo theo toàn bộ trang thiết bị, máy móc, kho nhiên liệu, các tàu nhỏ đang sửa chữa, 22 khẩu pháo và hàng trăm sĩ quan và chuyên viên kỹ thuật Mỹ, Ôxtrâylia và Niu Dilân...

Nối tiếp chiến công, các chiến sĩ đặc công nước tập kích căn cứ nổi trên sông (ngày 29-12-1967) nhận chìm hàng chục tàu chiến lớn nhỏ, trong đó có tàu Hải quân 821, phá hủy 22 khẩu pháo, sáu xe M113, tiêu diệt nhiều tên Mỹ - ngụy tại vàm Băng Cung. Đội săn tàu đã phục kích trên các dòng sông nhiều ngày, bắn chìm, cháy nhiều tàu chiến và xuồng chiến đấu của địch.

Chiến thuật "hạm đội nhỏ trên sông" của đế quốc Mỹ bước đầu bị thất bại trên chiến trường Bến Tre.

Để đưa phong trào du kích chiến tranh, tấn công địch bằng ba mũi mạnh lên, tập trung vào đồn bốt địch, thị xã, thị trấn trên tuyến giao thông, Tỉnh ủy chủ trương tổ chức những đội du kích liên xã tấn công vào đồn bốt, du kích vùng ven thị xã,

thị trấn, có tổ chức và chỉ huy chặt chẽ, đồng thời phát động quần chúng xây dựng xã chiến đấu, đào chiến hào lấn sát đồn bốt, bao vây bắn tỉa. Các tổ sản xuất vũ khí của các xã đã tiến hành cưa bom, lấy thuốc nổ pháo lép của địch làm mìn, lựu đạn, phục vụ du kích đánh địch.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng vẫn phát triển mạnh mẽ. Hàng ngàn lượt đồng bào mà nòng cốt là đội quân tóc dài gồm các má, các chị, các em gái đã dũng cảm đi đầu trong các cuộc đấu tranh đòi những quyền lợi bức thiết, chống khủng bố, bắn giết, chống bom pháo. Tháng 4-1966, sau vụ ném bom napan giết hại học sinh Trường Linh Phụng, hàng vạn nhân dân đã kéo vào thị xã tố cáo hành động dã man của chúng. Ở An Định, Tân Bình (Mỏ Cày), hàng ngàn quần chúng cũng kéo đến quận Mỏ Cày đấu tranh chống địch ném bom xuống trường học. Tháng 5-1966, hàng vạn nhân dân ở Mỏ Cày, Châu Thành, Giồng Trôm đã kéo lên thị xã đấu tranh chống địch rải chất độc hóa học hủy diệt vườn tược, hoa màu.

Quân địch ở Mỏ Cày biệt kích lên chợ Thom (xã An Thạnh) bắn giết quần chúng, nhân dân đã kéo xuống Mỏ Cày tố cáo địch, đấu tranh đòi chấm dứt hành động trên, kiên trì đấu tranh buộc địch phải bồi thường cho gia đình các nạn nhân và phải sa thải tên sát nhân.

Hơn 60 phụ nữ đã xông ra chặn đầu xe địch, không cho chúng phá hoại hoa màu ở Thạnh Ngãi (Mỏ Cày).

Ở thị xã, phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo, của học sinh dâng lên mạnh mẽ; đã tổ chức các cuộc hội thảo, cầu siêu, tố cáo Mỹ, đòi Mỹ rút về nước, đòi chấm dứt khủng bố, bắn giết nhân dân.

Công tác binh vận được đẩy mạnh, tập trung vào vùng yếu thị xã, thị trấn, ven giao thông, khoét sâu mâu thuẫn giữa

binh lính ngụy với lính Mỹ, khơi dậy tinh thần dân tộc, đã phân hóa và làm chuyển biến được nhiều binh sĩ địch. Trong hai năm 1966-1967, ta đã xây dựng được trên 400 cơ sở trong lòng địch. Cơ sở binh vận đã kết hợp với lực lượng vũ trang diệt đồn Xóm Chòi - Hương Mỹ (Mỏ Cày), đồn Tân An (Chợ Lách), Mỹ Lồng (Giồng Trôm). Thất bại của địch về kế hoạch "bình định" cũng là một thất bại có ý nghĩa chiến lược trong mùa khô 1965-1966; không lấn được đất, không giành được dân, thì không vơ vét được người, được của, không tạo được thế đứng chân ổn định.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ quan tâm, tập trung xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng sát ấp, sát dân. Trong năm 1967, tỉnh đã phát triển 1.250 đảng viên mới, nâng tổng số lên 9.118 đồng chí, xây dựng 50 đảng ủy xã, chi bộ ấp.

Những thắng lợi trên cả ba mặt: vũ trang, chính trị và binh vận trên đây là tiền đề rất quan trọng để Đảng bộ, quân và dân Bến Tre cùng quân dân toàn miền bước vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968.

2. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968

a) Quán triệt quyết tâm chiến lược - chuẩn bị lực lượng:

Giữa năm 1967, sau hai năm tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đế quốc Mỹ đã vấp phải thất bại thảm hại trước tinh thần và ý chí chiến đấu của quân và dân ta. Các gọng kìm "tìm diệt" và "bình định" liên tục bị bẻ gãy, quân Mỹ càng sa lầy, bị động.

Nội bộ chính quyền Mỹ cũng bắt đầu dao động, chia rẽ. Trước sức ép của phái hiếu chiến, Tổng thống Mỹ Giônxơn quyết định đưa thêm vào miền Nam 10 vạn quân chiến đấu, nâng tổng số quân Mỹ tại miền Nam Việt Nam lên 480.000 tên vào cuối tháng 12-1967 và đến đầu năm 1968 tăng lên 505.000 tên.

Tháng 1-1967, Bộ Chính trị họp và quyết định: Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định và chủ trương: động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền; đưa cuộc chiến tranh của ta lên một bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định[1].

Ngay sau khi tiếp nhận được Nghị quyết Bộ Chính trị và Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam, Tỉnh ủy đã triệu tập hội nghị mở rộng để bàn kế hoạch thực hiện. Tỉnh ủy chủ trương: Khẩn trương phát động trong nội bộ và quần chúng, tạo sự nhất trí với chủ trương của Đảng, xây dựng và phát triển lực lượng ở cả ba vùng, đủ sức và sẵn sàng xông lên tấn công địch, giành thắng lợi to lớn, tạo điều kiện tiến lên giải phóng tỉnh.

Thực hiện chủ trương trên của Tỉnh ủy, công tác chuẩn bị được các cấp, các ngành khẩn trương, các tổ chức đảng cơ sở đã phát động quần chúng nêu cao quyết tâm chiến đấu sẵn sàng xông ra phía trước. Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng Đảng ở vùng yếu, thị xã, thị trấn, vùng tôn giáo; 38/42 xã tranh chấp yếu và vùng bị địch kìm kẹp đã có chi bộ về bám xã đứng chân hoạt động; phát triển đảng viên ở vùng yếu tăng gấp ba lần so với năm 1966 (1.286/428 đảng viên), bảo đảm trong các vùng yếu, vùng kìm kẹp đều có chi bộ, tổ đảng, đảng viên lãnh đạo quần chúng.

Trong thời gian này, thi hành sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy phân công đồng chí Đoàn Văn Đức - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, xây dựng cho Khu 102 cán bộ, đảng viên ở Bến Tre tăng cường vào trọng điểm của Khu tại Mỹ Tho. Sau khi hoàn tất theo yêu cầu, đồng chí Đoàn Văn Đức trở về tỉnh phụ trách mặt trận Châu Thành.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.28, tr. 141-170.

Với quyết tâm đánh chiếm cho được thị xã, Tỉnh ủy điều động đồng chí Phạm Văn Bê (Phạm Phước Hậu) - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về làm Bí thư thị xã, một số cán bộ làm phó ngành tỉnh về làm trưởng ngành của thị xã. Trong nội ô, hình thành các khu, xây dựng các chi bộ, điều 200 cán bộ các nơi về thị xã xây dựng lực lượng quần chúng trong các giới và xây dựng tự vệ mật. Các cấp ủy, ban binh vận các cấp khẩn trương móc nối xây dựng cơ sở trong lòng địch; điều các cơ sở về thị xã, thị trấn, các đơn vị tập trung của địch, phục vụ cho yêu cầu tấn công địch.

Theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền, chiến trường Quân khu 8 có hai trọng điểm tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Trọng điểm 1 là thành phố Mỹ Tho, trọng điểm 2 là thị xã Bến Tre.

Để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Bến Tre đề ra nhiệm vụ: Phát huy truyền thống của quê hương Đồng khởi, với tư tưởng tự lực tự cường, Đảng bộ, quân và dân Bến Tre đoàn kết một lòng, tập trung cao độ cùng với quân và dân toàn miền Nam tổng công kích và nổi dậy giành thắng lợi quyết định. Tỉnh ủy chủ trương: Dồn tất cả lực lượng lấy cho được thị xã khi bước vào tấn công, rồi từ thị xã tỏa ra giải phóng nông thôn. Để thực hiện được quyết tâm đó, Tỉnh ủy chỉ thị: ... toàn bộ vùng nông thôn, các nơi phải chớp thời cơ chung mà tự lực tấn công, phải dành mọi ưu tiên cho thị xã, khi thị xã cần gì kể cả cán bộ, vũ khí và mọi phương tiện khác, v.v. thì các nơi phải sẵn sàng và phải chấp hành nghiêm chỉnh. Với tinh thần khẩn trương xây dựng lực lượng, chỉ trong một thời gian ngắn, tỉnh đã có bốn tiểu đoàn bộ binh (516, 2, 3, 4), một tiểu đoàn đặc công, công binh, các đại đội săn tàu, Đại đội 12,8mm, ĐKZ75, cối 82mm, thông tin, trinh sát và bảy tiểu đoàn dân quân du kích. Ta đã xây dựng gần 200 cơ sở trong

lòng địch, phát động gia đình binh sĩ tuyên truyền chủ trương ngừng bắn trong dịp Tết Nguyên đán, vận động binh sĩ về gia đình ăn Tết nhằm giảm quân số thường trực tại tỉnh. Thầy và trò các trường trung học và bổ túc công nông đã tập hợp, biên chế thành một tiểu đoàn tham gia cuộc tấn công. Các huyện Châu Thành, Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, Chợ Lách, mỗi huyện có một đại đội bộ binh và một tiểu đoàn dân quân du kích. Riêng huyện Mỏ Cày, có hai tiểu đoàn dân quân, một đại đội liên quân du kích. Ở thị xã có một đại đội bộ binh và một trung đội biệt động. Các tiểu đoàn bộ binh và đại đội binh chủng trang bị hỏa lực mạnh và được huấn luyện theo phương án tác chiến mới nhằm nâng cao khả năng độc lập tác chiến và hợp đồng binh chủng với quy mô ngày càng lớn. Trước khi nổ ra cuộc tấn công, Bến Tre đưa về Khu một tiểu đoàn, về Miền một tiểu đoàn. Trong khi ta khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị thì địch vẫn đẩy mạnh kế hoạch "ưu tiên bình định" tỉnh Bến Tre. Do đó, song song với việc chuẩn bị trên, ta vẫn duy trì thế tiến công địch và đánh phá bình định thường xuyên để giữ thế chiến trường, giữ bí mật tuyệt đối kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Lúc này, lực lượng địch tại Bến Tre có hơn 13.000 tên gồm bốn tiểu đoàn chủ lực thuộc Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 bộ binh, 30 đại đội bảo an, hơn 5.500 dân vệ và một số đơn vị công an, cảnh sát, thường xuyên mở các cuộc càn quét đánh phá vào vùng căn cứ ta, đồng thời chúng tập trung một lực lượng lớn để bảo vệ, phòng giữ thị xã, tại các vị trí này địch bố trí hỏa lực mạnh để bảo vệ.

Ngày 10-1-1968, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị gồm các đồng chí cán bộ chủ chốt tỉnh, huyện cùng các ban ngành, lấy tên hội nghị là "Đông Xuân khởi nghĩa" để quán triệt Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị. Sau đó, mở nhiều hội nghị để thảo luận nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch tấn công. Trong việc chọn

hướng tấn công để tạo yếu tố bí mật bất ngờ, hội nghị nhất trí chọn hướng nam thị xã làm hướng tấn công chủ yếu, tuy có sông Bến Tre ngăn cách nhưng khi vượt sông ta tiếp cận ngay mục tiêu quan trọng, đó là Dinh tỉnh trưởng và bãi quân xa.

Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ huy thống nhất gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) - Bí thư Tỉnh ủy; Nguyễn Văn Trung - Phó Bí thư Tỉnh ủy; Nguyễn Văn Song (Năm Hỏa); Lê Minh Đào - Tỉnh đội trưởng; Nguyễn Văn Thạnh (Mười Thi) - Chính trị viên; Nguyễn Văn Ba (Lê Phục) - Tham mưu trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Khước (Năm Chung) - Khu ủy viên Khu 8 cũ về Bến Tre chỉ đạo chung.

Ngành tuyên huấn cũng xây dựng kế hoạch hợp đồng tác chiến, đưa lực lượng vào nội ô, tổ chức các đội tuyên truyền xung phong, đưa phóng viên thông tấn, đài minh ngữ về hai hướng phục vụ chiến trường.

Trưa 26-1-1968, Ban Chỉ huy thống nhất tỉnh nhận được mật lệnh tổng tấn công.

Tỉnh ủy cử các đồng chí Tỉnh ủy viên truyền đạt mật lệnh cho các huyện. Đồng chí Võ Văn Phụ (Mười Sinh) truyền đạt mật lệnh cho các huyện ở cù lao Minh. Tỉnh ủy đã điện cho lãnh đạo ba huyện đến điểm nhà má Năm (Giồng Võ, An Định) để nhận lệnh.

Ngay trong đêm 27-1-1968, đồng chí Mười Sinh cùng đồng chí bảo vệ mạo hiểm vượt sông đến điểm truyền đạt lệnh tấn công cho đồng chí Đặng Quang Ngọc - Bí thư huyện Thạnh Phú và đồng chí Nguyễn Văn Tư (Sĩ Phong) - Bí thư huyện Mỏ Cày. Lãnh đạo huyện Chợ Lách vắng mặt nên đồng chí Mười Sinh phải đến Chợ Lách chỉ truyền đạt cho đồng chí Chánh Văn phòng. Đồng chí Lê Hữu Nhị (Út Hảo, cơ sở binh vận của Y4) hiện đang có mặt ở Chợ Lách cùng các đồng chí ở huyện vạch

kế hoạch tấn công. Như vậy, mật lệnh đã được truyền đạt đến các huyện trong tỉnh.

Ngày 28-1-1968, tại ấp 2, xã Long Mỹ (Giồng Trôm), Ban Chỉ huy thống nhất đã triệu tập cán bộ chỉ huy quân sự các cấp để phổ biến mật lệnh và nắm chắc tình hình trước khi phát lệnh tấn công. Ngay trong đêm các đơn vị được lệnh hành quân đến điểm tập kết. Để tiện cho việc chỉ đạo, Ban Chỉ huy thống nhất đóng tại xã Nhơn Thạnh (Giồng Trôm) cách thị xã 1,8km về hướng nam.

b) Diễn biến cuộc tổng tấn công, nổi dậy:

Đúng 2 giờ 30 ngày 31-1-1968 (tức mồng 2 Tết Mậu Thân), các mũi tiến công của ta đồng loạt nổ súng. Ở hướng chủ yếu, sau khi pháo của ta bắn áp chế vào Dinh tỉnh trưởng, trung tâm hành quân, tiểu khu và khu cố vấn Mỹ, hai trung đội đặc công thủy do Hoàng Lam chỉ huy đã ém quân sẵn tại phía tả ngạn sông Bến Tre tiến đánh bãi quân xa, trại Đinh Tiên Hoàng, diệt sáu xe nồi đồng tạo điều kiện thuận lợi cho Tiểu đoàn 516 vượt sông đánh chiếm Dinh tỉnh trưởng. Hai trung đội đặc công thủy sau khi diệt các lô cốt và bãi quân xa, một trung đội chặn đánh Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 10 từ hướng vàm sông Bến Tre (phía tây thị xã), một trung đội vây Dinh tỉnh trưởng, hai trung đội ta dũng cảm chiến đấu đẩy lùi hàng chục đợt tiến công của địch, diệt nhiều tên trên hướng Mỹ Hóa, chợ Ngã Năm. Tuy nhiên, do lực lượng quá chênh lệch, lại không liên lạc hợp điểm với cánh quân từ Bình Phú xuống, các đồng chí phải độc lập chiến đấu giữ vững vị trí, nên gần nửa quân số đã anh dũng hy sinh.

Tiểu đoàn 516 vượt sông Bến Tre theo hai mũi. Mũi 1 vượt sông cách Bến Lở 100m về hướng đông. Vừa vượt sông vừa đánh tàu địch, chiếm được chợ Bến Tre, tiến theo đường

Hùng Vương. Đến Bến Lở, hỏa lực địch từ Dinh tỉnh trưởng bắn trả ác liệt, ta phải phân tán lực lượng thành từng trung đội, tiểu đội đánh chiếm từng dãy nhà, góc phố. Cùng lúc đó, mũi thứ 2 tiến theo đường Nguyễn Huệ diệt các tua, lô cốt, đánh thiệt hại nặng Đại đội bảo an 289 và trung đội dân vệ tại cầu Cá Lóc. Trong khi tại đại lộ Phan Thanh Giản[1], địch chiếm các điểm cao dùng đại liên, cối 60mm khống chế chặn đường tiến công của ta, do đó, Tiểu đoàn 516 không thể chiếm được Dinh tỉnh trưởng.

Trong lúc đó ở các hướng thứ yếu, lực lượng của ta cũng trên đường đánh chiếm thị xã. Ở hướng thứ yếu 1, Tiểu đoàn 2 từ Bình Phú tiến đến khu vực thất Cao Đài thì trụ lại, rồi rút quân, không hoàn thành nhiệm vụ phá khám cù lao Dê, giải thoát tù nhân và phối hợp với mũi của Hoàng Lam đánh vào Dinh tỉnh trưởng, trụ sở cố vấn Mỹ. Ở hướng thứ yếu 2, Tiểu đoàn 3 và hai trung đội đặc công chia làm hai mũi: một mũi đánh diệt Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 10 và bãi pháo sân vận động, một mũi đánh vào Đài Phát thanh, góc Sở Chỉ huy Trung đoàn 10; Tiểu đoàn 4 bao vây đánh ép một đại đội thuộc Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 10 đóng tại vườn ươm cầu Bà Mụ. 5 giờ sáng, đại đội đặc công tiến đánh Sở Chỉ huy Trung đoàn 10, Nguyễn Tường Viễn - Trung tá chỉ huy trung đoàn đi thị sát bị tử thương. Cũng trong đêm, hai trung đội đặc công đã tập kích sân bay Tân Thành, phá hủy bốn máy bay.

Đến sáng 1-2-1968, lực lượng của ta đã làm chủ phần lớn thị xã Bến Tre, bao vây chặt Dinh tỉnh trưởng, chúng phải điều Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 10 từ Mỹ Hóa đánh vào để giải vây.

Ngày 2-2-1968, lực lượng vũ trang của ta đánh diệt hậu cứ và kho Rạch Vông.

1. Nay là đại lộ Đồng Khởi.

Sang ngày thứ hai (ngày 2-2-1968), địch cho pháo bắn vào nội ô, các loại máy bay ném bom, máy bay trực thăng bắn hủy diệt khu chợ Bến Tre và nhiều dãy phố.

Điểm chủ yếu của chúng chỉ còn Dinh tỉnh trưởng nơi có công sự bê tông, tại đây có Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 10 bảo vệ. Về phần ta, đạn pháo thiếu, lực lượng bị tiêu hao. Trong nội ô, máy bay trực thăng chiến đấu của địch thay nhau bắn xối xả vào các dãy phố làm chết hơn 300 thường dân.

Ngày thứ ba (ngày 3-2-1968), ta bổ sung lực lượng quyết bám giữ vùng ta làm chủ. Lực lượng công an vũ trang, tự vệ mật truy quét bộ máy kìm kẹp của địch. Chiều 3-2-1968, Tiểu đoàn 516 đánh chiếm tiểu khu bảo an, đánh diệt hậu cứ và kho Rạch Vong. Ngày 3-2-1968 đường giao thông số 6 bị tê liệt, ta bao vây bức rút đồn Cầu Cống số 2, phá cầu và đánh hỏng nặng bến phà Rạch Miễu. Tình thế của bọn ngụy ở Bến Tre vô cùng nguy ngập, tên Tỉnh trưởng phải kêu cứu liên hồi, 16 giờ cùng ngày một tiểu đoàn Mỹ được trực thăng chuyển từ Bình Đức sang, chúng định đổ bộ xuống sân vận động thị xã Bến Tre. Đoàn trực thăng này một chiếc bị súng bộ binh và hai khẩu phòng không 12,8mm của ta bắn hỏng, chúng không đổ được quân phải quay lên dọn bãi, chiếm lại sân bay Tân Thành và đổ tiểu đoàn này ở đây trong đêm.

Trước tình hình đó, Ban Chỉ huy tiến hành cuộc họp khẩn cấp cùng với đồng chí Bí thư thị xã và thống nhất nhận định: Mỹ đã nhảy vào Bến Tre và có thể đổ thêm quân để phản kích. Ta chưa đủ khả năng dứt điểm Dinh tỉnh trưởng, Ban Chỉ huy thống nhất quyết định: tổ chức một lực lượng gọn, nhẹ được trang bị tốt đứng bám lại thị xã chiến đấu kìm chân địch, quyết giữ vững các khu vực ta đã làm chủ. Lực lượng còn lại rút ra khỏi nội ô bố trí trận địa để chuẩn bị sẵn sàng đánh địch phản kích.

Đúng như nhận định, 7 giờ sáng 4-2-1968, 21 chiếc máy bay trực thăng chở một tiểu đoàn Mỹ từ Bình Đức sang đổ xuống đồng Cây Da, xã Phú Hưng (đông bắc thị xã) để cùng tiểu đoàn Mỹ ở Tân Thành giải vây cho quân ngụy ở thị xã. Cùng lúc đó, tiểu đoàn Mỹ từ sân bay Tân Thành đánh xuống thị xã, chúng bị hai trung đội đặc công và du kích Phú Khương nổ súng chặn đứng; 11 giờ chúng mới đến nội ô sau đó chia thành nhiều mũi hành quân về hướng cầu Gò Đàng. Khi cách cầu khoảng 500m, một đại đội Mỹ đã lọt vào trận địa phục kích của ta. Bộ đội ta nổ súng chia cắt đội hình và diệt gọn đại đội này. Chúng liền gọi pháo và máy bay ném bom dội xuống trận địa. Đến 16 giờ, tiểu đoàn Mỹ từ Phú Hưng tiến vào thị xã, khi gần đến cầu Cá Lóc lại bị quân ta chặn đánh, tiểu đoàn này bị tiêu hao nặng.

Phối hợp với các mũi tấn công của lực lượng vũ trang vào thị xã, lực lượng tại chỗ gồm công nhân, học sinh, tự vệ mật, trinh sát an ninh,... dưới sự lãnh đạo của Thị ủy, của đảng viên và nòng cốt đã làm nhiệm vụ dẫn đường cho bộ đội tiếp tế lương thực, tải thương,... phối hợp chiến đấu hoặc truy lùng bắt nhiều sĩ quan, binh lính địch.

Ở các xã, ấp ngoại ô, du kích cùng quần chúng bao vây bức hàng hầu hết đồn bốt, truy lùng ác ôn, phá các hình thức kìm kẹp, vùng giải phóng của ta được mở rộng.

Bình Phú là xã yếu, tại đây địch đóng hai đồn, quân số trên một trung đội, địch kìm kẹp gắt gao. Ở xã, có ba đảng viên, hai nòng cốt, được Thị ủy tăng cường hai cán bộ. Tuy lực lượng cách mạng còn yếu, nhưng biết dựa vào quần chúng, gia đình binh sĩ, nắm thời cơ khi địch tập trung đối phó các mũi tấn công của ta trong nội ô, ta phát động quần chúng bao vây bức hàng bốt Cây Sung, bốt Trụ Sở, giải tán bộ máy tề, các tổ chức kìm kẹp, xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng lực

lượng du kích đứng chân đánh địch càn quét giữ địa bàn trong thời gian dài.

Ở Mỹ Thạnh An, Phú Hưng, du kích và quần chúng bao vây, bức hàng, bức rút nhiều đồn bốt: An Thuận, Mỹ An, Chợ Giữa, Cây Da...

Vùng làm chủ của cách mạng ở vùng tả ngạn được mở ra. Bộ máy kìm kẹp của địch tại các xã, ấp ngoại ô bị phá rã.

Phối hợp với thị xã, các huyện đều nổi dậy tấn công địch, Ở Mỏ Cày, đêm 31-1 rạng 1-2-1968, lực lượng ta gồm một đại đội và hai trung đội đặc công tấn công diệt đồn Việt Hoa. Nghe đồn Việt Hoa bị diệt, bọn dân vệ đồn Cầu Chợ hoang mang bỏ chạy. Lực lượng vũ trang ta chiếm và làm chủ dãy phố Trường Trung học Hàm Luông, tuyến phòng thủ của chi khu địch bị đe dọa, 7 giờ sáng tên Quận trưởng Mỏ Cày Nguyễn Quang Toản chỉ huy đại đội bảo an ra phản kích bị quân ta chặn đánh diệt gần một trung đội. Tên Quận trưởng chết, số còn lại rút chạy về chi khu. Lực lượng du kích và quần chúng bức hàng 12 đồn. Chiều 2-2-1968, ta tổ chức míttinh tuyên truyền tin chiến thắng tại chợ Mỏ Cày với hơn 200 quần chúng tham dự.

Sáng 4-2-1968, đại đội bảo an từ chi khu ra phản kích bị bộ đội ta chặn đánh diệt gần hai tiểu đội địch. Bị thiệt hại nặng chúng liền cho máy bay, pháo binh bắn phá hủy diệt khu phố chợ làm hơn 50 đồng bào chết và bị thương. Lực lượng ta đào chiến hào kiên trì bám trụ, bao vây chiến đấu và làm chủ thị trấn Mỏ Cày suốt bảy ngày đêm.

Đặc biệt, ở Chợ Lách là một huyện yếu, địch kìm kẹp gắt gao, trước ngày tổng tấn công, lực lượng của ta chỉ có 16 đồng chí, hình thành hai tiểu đội vũ trang tập trung, du kích mỗi xã có từ hai đến năm đồng chí, có xã chưa có, còn địch có một đại đội bảo an, hơn 700 dân vệ. Để chuẩn bị tốt cho cuộc tiến

công, ta gấp rút xây dựng lực lượng gồm một trung đội bộ binh, một tiểu đội trinh sát đặc công cho huyện và mỗi xã phát triển một tiểu đội đến một trung đội du kích làm nòng cốt cho phong trào. Mặc dù lực lượng ít nhưng với quyết tâm cao, đánh giá đúng địch, ta nắm vững thời cơ kết hợp ba mặt tại chỗ tấn công địch khắp các địa bàn. Huyện ủy chia huyện làm hai vùng: vùng trên gồm năm xã: Sơn Định, Vĩnh Bình, Phú Phụng, Bình Hòa Phước và Đồng Phú; vùng dưới gồm ba xã: Tân Thiềng, Long Thới, Hòa Nghĩa, lấy bốn xã: Sơn Định, Vĩnh Bình, Phú Phụng, Hòa Nghĩa làm điểm. Đêm 31-1-1968, lực lượng của ta tiếp cận mục tiêu, 7 giờ sáng 1-2-1968 ta nổ súng tiêu diệt đồn Cái Mít. Cùng với phong trào nổi dậy của quần chúng, lực lượng của ta tiếp tục phát huy khí thế bao vây bức hàng, bức rút nhiều đồn bốt khác. Nổi bật là ở bốt Đồng Phú, đồng chí Huỳnh Thị Kiên (Tám Phụng) đã vận động vợ của ba tên ác ôn trong đồn cùng 70 gia đình binh sĩ vào đồn kêu gọi binh lính; đồng thời, ta nghi binh dùng chuối cây sơn phết như khẩu pháo, đêm đêm hành quân quanh đồn. Sau bảy ngày đêm bao vây, bốt Đồng Phú đầu hàng. Qua chín ngày đêm tấn công và nổi dậy, quân dân Chợ Lách bức hàng, bức rút 43 đồn bốt, giải phóng hoàn toàn bốn xã, 25 ấp với 45.000 dân. Lần đầu tiên, ta mở rộng vùng yếu, vùng tôn giáo, xây dựng lực lượng địa phương vững mạnh. Ở Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú và Bình Đại, ta đã diệt, bức hàng, bức rút nhiều đồn bốt. Lực lượng vũ trang tổ chức nhiều trận đánh trên đường giao thông số 6 và 26. Ta đã cắt đứt và giữ vững đường liên tỉnh số 6 không cho địch tiếp viện, tạo điều kiện cho ta tấn công thị xã. Qua tấn công và nổi dậy trong cao điểm 2, tại trọng điểm thị xã và trên diện chung toàn tỉnh; ta đã nghiêm chỉnh thực hiện đúng mệnh lệnh hiệp đồng tấn công địch, đã tập trung lực lượng đẩy mạnh công kích sâu vào đầu não địch ở thị xã,

thị trấn, đồng thời, đẩy mạnh diện nổi dậy khởi nghĩa của ba mặt trên nhiều vùng nông thôn; đứng lại đánh phản kích; giữ được thế đứng dài ngày ở thị xã và một số thị trấn trên đường giao thông, diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch; làm giảm sức chiến đấu của Trung đoàn 10, Sư đoàn 7, lực lượng bảo an, đồn bốt; làm tan rã phần lớn bộ máy kìm kẹp của địch ở hạ tầng cơ sở, ngay cả trong nội ô thị xã; đập tan cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn Mỏ Cày; gỡ hàng trăm đồn bốt, mở thêm được nhiều vùng giải phóng áp sát nội ô thị xã, thị trấn Mỏ Cày, Chợ Lách, áp sát các tuyến giao thông. Đặc biệt, ta đã mở ra được một vùng yếu và toàn bộ vùng nông thôn Chợ Lách. Kết thúc đợt 1, tuy chưa dứt điểm được thị xã, nhưng ta đã dồn địch vào thế hoàn toàn bị động đối phó.

Tỉnh ủy chỉ đạo viết bức thư gửi Bác Hồ để báo cáo thắng lợi bước đầu tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, hạ quyết tâm giành thắng lợi to lớn hơn nữa. Sau đó, tỉnh lấy bức thư gửi cho Bác Hồ làm tài liệu phát động tại mặt trận.

Sau khi kết thúc đợt 1, Khu ủy đánh giá tình hình và chủ trương: Liên tục bao vây đánh lấn tạo điều kiện để dứt điểm thị xã, thị trấn, đồng thời, phải sẵn sàng tư thế đánh quân địch trong tỉnh hoặc bên ngoài chi viện kể cả quân Mỹ nhảy vào phản kích; giữ và mở rộng thêm vùng giải phóng, tạo điều kiện phát triển thế tấn công mạnh hơn bảo đảm đánh địch lâu dài. Trước khi bước vào đợt tấn công thứ 2 để phối hợp với toàn miền, Tỉnh ủy chỉ đạo: Phải tiếp tục phát triển mạnh thế tiến công, liên tục bao vây đánh lấn địch ở thị xã, thị trấn, đường giao thông, kiên quyết tiêu diệt, tiêu hao lực lượng địch kể cả quân Mỹ phản kích, giữ và mở rộng vùng giải phóng tạo điều kiện tiến công dứt điểm thị xã. Tỉnh ủy vẫn đặt trọng tâm tấn công chính là thị xã, sắp xếp bố trí lại lực lượng, đề ra phương thức tấn công phù hợp, kiện toàn lại tổ chức, biên chế lại các

lực lượng vũ trang tỉnh, huyện. Tỉnh ủy chỉ đạo triệt để phá kìm kẹp ở vùng nông thôn, ven thị xã, thị trấn. Tăng cường cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cho thị xã. Chuyển trả lực lượng dân quân, lực lượng chính trị, binh vận về địa phương làm nhiệm vụ tại chỗ. Tiểu đoàn 4 của tỉnh chia làm hai cánh hoạt động ở ngoại ô thị xã. Ngày 5-5-1968, mở đầu cho đợt tiến công thứ 2, lực lượng vũ trang ta đã đánh một đồn ở Phú Hưng nhằm hút lực lượng cơ động của địch đến để tiêu diệt. Lực lượng tập trung của ta đã chủ động đánh tiêu hao nặng hai tiểu đoàn chủ lực thuộc Trung đoàn 10 khi chúng bung ra hành quân yểm trợ cho bọn dân vệ chiếm đóng lại đồn bốt trên đường giao thông số 6. Sáng 7-5-1968, địch phát hiện có lực lượng ta đóng ở xã Hữu Định, chúng liền cho hai tiểu đoàn và một đại đội thám kích thuộc Trung đoàn 10 vượt đồng Phú Hưng, Hữu Định hòng bao vây diệt ta bằng hai cánh theo lộ Tú Điền, lộ giữa và theo kênh Chẹt Sậy. Khi địch lọt vào trận địa phục kích của ta, trên toàn mặt trận, lực lượng ta đồng loạt nổ súng đánh bật địch ra đồng trống. Ngay trong đợt nổ súng đầu tiên này, ta đã diệt 70 tên, bọn chúng liền cho máy bay ném bom và bắn hàng ngàn quả pháo xuống trận địa. Lực lượng ta vẫn kiên cường bám mặt trận kìm chân địch. Qua trinh sát kỹ thuật ta nắm được địch không còn lực lượng để chi viện nhưng lại không dám rút quân về sợ bị ta truy kích. Lợi dụng địa hình, bộ đội ta bí mật vận động tấn công vào đội hình, đánh trúng vào Sở Chỉ huy Trung đoàn 10, tên Thiếu tá Trung đoàn phó và tên Đại úy pháo binh chết tại chỗ, tên Trung đoàn trưởng chạy thoát. Ta diệt hai tiểu đoàn và một đại đội thám sát, thu 125 súng, tám máy thông tin PRC25.

Ngay sau trận Hữu Định, quân Mỹ lại nhảy vào cứu nguy cho quân ngụy. Ngày 8-5-1968, 14 tàu chiến chở một tiểu đoàn quân Mỹ từ vàm An Hóa vào sông Ba Lai lọt vào trận địa

phục kích của đại đội pháo binh (có trang bị B40, B41), ta bắn chìm và cháy tại chỗ 12 tàu, tiểu đoàn Mỹ đi trên tàu bị thiệt hại nặng. Đêm 8-5-1968, các lực lượng của ta di chuyển về đóng quân tại xã An Khánh (Châu Thành) để chuẩn bị tiến công vào thị xã. Địch phát hiện nên đã cho một tiểu đoàn Mỹ từ xã Giao Hòa lên lộ 6 chia thành nhiều mũi đánh vào An Khánh. Chúng ném 22 lượt bom và bắn hàng ngàn trái pháo xuống mặt trận.

Bộ đội ta kiên cường giữ vững trận địa, chiến đấu suốt 14 giờ liền và diệt nhiều tên Mỹ.

Đêm 11-5-1968, ta đánh vào thị xã. Đại đội đặc công diệt hai đồn ở xã Bình Phú.

Sáng 12-5-1968, ba đại đội bảo an, một chi đội xe M113 phản kích, chúng bị diệt gần 100 tên. Địch hoảng hốt ném hai đợt bom B52 xuống xã Phước Thạnh. Trong những ngày bám trụ đánh địch phản kích, tuy diệt được nhiều sinh lực địch, nhưng ta vẫn không đủ khả năng đánh dứt điểm thị xã, phải rút ra khỏi nội ô.

Tháng 5-1968, Tiểu đoàn 2 Bến Tre được điều về Quân khu. Ban Chỉ huy Tỉnh đội rút Đại đội 2 cùng số cán bộ chỉ huy Tiểu đoàn 516 và ba trung đội của ba huyện Thạnh Phú, Mỏ Cày, Chợ Lách để thành lập Tiểu đoàn 5.

Qua các đợt tiến công của ta, quân chủ lực ngụy đã tiêu hao phần lớn, buộc chúng phải đối phó bằng cách tăng viện binh và bom, pháo. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy nêu rõ: Cần có quyết tâm cao để đối phó với địch, củng cố tổ chức và giáo dục cán bộ, chiến sĩ quán triệt hơn nữa quyết tâm đánh Mỹ và chuẩn bị cho những trận chiến đấu mới.

Ngày 22-7-1968, ta được tin Trung đoàn 10 có máy bay B52 cùng lính Mỹ hỗ trợ càn quét vào địa bàn Giồng Trôm.

Quân Mỹ hành quân bằng tàu theo sông Giồng Trôm đánh vào các xã Lương Phú, Thuận Điền và Long Mỹ. Trung đoàn 10 đổ quân bằng trực thăng xuống Tân Hào, Hiệp Hưng. Với phương án tác chiến đã được vạch sẵn, lực lượng của ta bố trí trận địa đánh tàu địch trên sông Giồng Trôm (đoạn xã Lương Phú) để chặn đánh quân Mỹ không cho chúng đổ quân. Đồng thời, tổ chức một lực lượng chặn đánh quân lính thuộc Trung đoàn 10 đổ bộ.

Sáng 23-7-1968, địch ném sáu đợt bom B52 xuống các xã Lương Phú, Thuận Điền, Long Mỹ, Tân Hào. Vào lúc 7 giờ cùng ngày, 14 chiếc trực thăng chở hai đại đội chủ lực thuộc Trung đoàn 10 đổ quân xuống trận địa ta ở Gò Tranh. Đại đội phòng không 12,8mm bắn rơi tại chỗ bảy chiếc máy bay, bắn hỏng bốn chiếc khác. Tiểu đoàn 5 và Đại đội 3, Tiểu đoàn 516 nhanh chóng xuất kích diệt khoảng 200 tên. Sau đó, đoàn máy bay trực thăng thứ 2 của địch chở một tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn 10 đến tiếp cứu, đổ quân cách mặt trận 1.000m. Ta tiếp tục bắn hỏng một máy bay. Cùng lúc đó, địch bắn gần 500 trái pháo xuống các xã Lương Phú, Long Mỹ và cặp theo bờ sông Giồng Trôm dọn đường cho đoàn tàu 20 chiếc chở đầy quân Mỹ thuộc Lữ đoàn 3 chạy vào sông Giồng Trôm. Đoàn tàu đến đoạn sông xã Lương Phú liền bị các tổ săn tàu của ta diệt tại chỗ 16 chiếc. Tiếp đó, ta bắn chìm, bắn cháy thêm 12 chiếc khi chúng đến thực hiện kế hoạch "trục vớt tàu chìm".

Như vậy, trong vòng hai ngày 23 và 24-7-1968, ta bắn chìm, bắn cháy 28 tàu, bắn rơi và hỏng 12 máy bay trực thăng, diệt 500 tên Mỹ - ngụy.

Trận đánh này, báo chí trong nước đã bình luận ví như "Bạch Đằng Giang thời đại", đơn vị săn tàu được tuyên dương danh hiệu "Anh dũng kiên cường diệt nhiều giặc Mỹ".

Tháng 7-1968, Tỉnh ủy Bến Tre họp và chủ trương: Tiếp tục tấn công và nổi dậy, duy trì hoạt động thường xuyên và liên tục sử dụng lực lượng thích hợp đi đôi với củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, chính trị, chuẩn bị mọi mặt cho các đợt hoạt động lớn hơn.

Trong thời gian này, Mỹ đã đưa toàn bộ lực lượng Sư đoàn 9 Mỹ đến Bến Tre, phối hợp với Lữ đoàn xung kích 117 tổ chức những cuộc hành quân càn quét quy mô lớn vào vùng nông thôn, đồng thời, không quân Mỹ đánh phá liên tục vào vùng giải phóng, phá hủy nhà cửa, ruộng vườn. Bom đạn Mỹ đã làm hàng ngàn người chết và bị thương.

Ngày 3-11-1968, địch tập trung sáu tiểu đoàn của Trung đoàn 10 và 11, Sư đoàn 7 càn vào các xã Tân Hào, Phước Long, Thuận Điền, Long Mỹ và vùng căn cứ Giồng Trôm. Khi phát hiện có bộ đội ta, chúng liền tăng viện thêm một tiểu đoàn thủy quân lục chiến để bao vây tiêu diệt. Trong tình thế tương quan lực lượng bất lợi, lực lượng ta tạm rút về bám trụ tại Sơn Phú. Địch phát hiện vị trí đóng quân của ta, sáng 4-11-1968, chúng bắn vào Sơn Phú hàng trăm quả pháo. Tư lệnh Sư đoàn 7 ra lệnh bao vây chặt lực lượng của ta. Sau khi hình thành thế bao vây, các cánh quân địch tiến vào trận địa. Suốt ngày 4-11-1968, ta đánh bật hàng chục đợt tấn công của địch, đẩy chúng ra đồng trống, 24 giờ đêm ta sử dụng một trung đội đặc công cùng một trung đội bộ binh tập kích vào điểm trú quân của chúng, diệt gần 100 tên. Địch bị hút về một hướng, lực lượng của ta rút lui an toàn.

Ngày 8-9-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi *Thư khen đồng bào, chiến sĩ và cán bộ miền Nam,* trong đó có Bến Tre về những chiến công trong năm Mậu Thân 1968.

"Đồng bào, chiến sĩ và cán bộ miền Nam thân mến,

Quân và dân miền Nam anh hùng nêu cao tinh thần liên tục tiến công, liên tục đánh thắng. Trong dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và chúc mừng Quốc khánh vừa qua đã giành thêm nhiều thắng lợi mới. Đã mở hàng trăm cuộc tiến công và nổi dậy ở khắp miền Nam và đã thu được nhiều thành tích vẻ vang. Như là:

- Tây Ninh
- Bình Long
- Đà Nẵng
- Quảng Nam
- Quảng Nghĩa
- Bến Tre
- Gia Lai và nhiều nơi khác.

Thắng lợi to lớn này của miền Nam càng làm cho thế ta thêm vững, nước ta thêm mạnh.

Nhưng càng gần thắng lợi thì càng nhiều gian nan. Quân và dân miền Nam anh hùng quyết vượt mọi khó khăn, gian khổ, anh dũng và bền bỉ chiến đấu, nhất định sẽ giành được thắng lợi to lớn hơn nữa.

Chào thân ái và quyết thắng"[1].

Những tháng cuối năm 1968, phong trào du kích chiến tranh vẫn được giữ vững. Nhiều đội du kích ở Giồng Trôm, Mỏ Cày, Thạnh Phú và Châu Thành thường xuyên bám đánh địch. Du kích xã Long Mỹ dùng trái gài làm nổ tan xác ba trực thăng Mỹ khi chúng đổ quân xuống vùng căn cứ. Bộ đội đặc công nước, đặc công bộ, đội săn tàu cũng lập nhiều chiến công.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t. 15, tr. 490-491.

Ngày 1-11-1968, bộ đội đặc công nước tập kích căn cứ nổi của Mỹ trên sông Tiền nhận chìm một hạm và nhiều tàu chiến.

Ngày 15-11-1968, bắn cháy bốn tiểu hạm, 15 tàu, diệt nhiều tên Mỹ tại vàm Bến Tre.

Đến cuối năm 1968, sau một năm chiến đấu, quân dân Bến Tre đã tiêu diệt, tiêu hao 28.562 tên địch, diệt 195 đồn, giải phóng hoàn toàn 13 xã, bắn rơi 97 máy bay, đánh chìm, cháy 126 tàu, phá hủy 96 xe quân sự. Bến Tre đưa về trên ba tiểu đoàn bộ binh, 10.130 tân binh và thanh niên xung phong, trên 58 triệu đồng tiền Sài Gòn. Đến cuối năm 1968, tỉnh có 9.249 đảng viên trong 330 chi bộ. Đặc biệt trong năm 1968, công tác phát triển đảng được quan tâm. Tuy có gần 200 đảng viên hy sinh trong cuộc tổng tấn công nhưng số lượng đảng viên nhiều hơn năm 1967. Thắng lợi cơ bản của cuộc tổng tiến công nổi dậy là ta đã đẩy địch vào thế phòng ngự bị động, tạo niềm tin trong quần chúng nhân dân. Cơ sở đảng, cơ sở quần chúng ở vành đai thị xã được củng cố và phát triển. Tuy nhiên, về chỉ đạo, ta còn nặng dùng lực lượng bên ngoài để tấn công vào thị xã, nhẹ phát động, sử dụng lực lượng ba mũi bên trong nội ô nổi dậy, nên hạn chế thắng lợi.

Trong Hội nghị du kích chiến tranh toàn miền Nam tháng 10-1968, với những chiến công của mình, Bến Tre đã được Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam tặng thưởng Cờ danh dự mang tám chữ vàng "Anh dũng Đồng khởi, thắng Mỹ diệt ngụy"[1] và được công nhận là một trong ba ngọn cờ đầu của phong trào nhân dân du kích chiến tranh. Niềm vinh dự đó đã nói lên tinh thần kiên cường, bất khuất của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre phát huy truyền thống đồng khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, biết phát huy và vận dụng

1. Xem Quyết định số 409/QL của Bộ Chỉ huy Miền, ngày 2-9-1968.

phương châm "hai chân, ba mũi"; Đảng bộ và quân dân Bến Tre đã giữ vững thế cách mạng tiến công, thực hiện được quyết tâm thắng Mỹ, diệt ngụy ở địa phương, góp phần cùng cả nước đánh bại chiến tranh cục bộ, buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, rút quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

V- CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH, BƯỚC ĐẦU ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH (1969-1972)

1. Thời kỳ khó khăn ác liệt

Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn mạnh mẽ vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố chấm dứt chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc Việt Nam, đàm phán với đại diện nước ta tại Pari để tìm con đường chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Ngay từ khi chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Tổng thống Mỹ Níchxơn (Nixon) mới ra đời, Đảng ta đã nhận định "Học thuyết Níchxơn" và chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" tuy rất xảo quyệt, thâm độc, nhưng nó ra đời một cách lỗi thời, chỉ phản ánh sự cùng đường, bí lối trong thế thua, thế đi xuống của đế quốc Mỹ.

Trong những tháng cuối năm 1968, để cứu nguy cho quân ngụy, Mỹ đã trực tiếp đưa quân viễn chinh vào Bến Tre tham chiến. Chúng đưa hàng trăm cố vấn bố trí đến các chi khu và các đơn vị chiến đấu, tăng cường thêm pháo binh (từ 24 khẩu lên 54 khẩu) cùng sự chi viện tối đa và kịp thời của không quân. Nhiều trận địa pháo mới được xây dựng ở Đồng Gò,

Tân Thanh, Sơn Phú (Giồng Trôm), Thanh Tân (Mỏ Cày) và các trận địa pháo nổi đặt trên tàu, cơ động theo yêu cầu của hoạt động quân sự từng lúc có sự chi viện của pháo Hạm đội 7, pháo Bình Đức, Trà Vinh... hình thành lưới lửa đan nhau trùm khắp các địa bàn trong tỉnh. Có nơi phải gánh chịu đến ba trận địa pháo địch bắn phá. Lữ đoàn xung kích 117 với hàng trăm tàu chiến lớn, nhỏ và tàu tuần tiễu luôn có mặt trên sông lớn, ngăn chặn việc đi lại hoạt động của các lực lượng cách mạng, chia cắt các cù lao trong tỉnh, đồng thời, luồn vào các sông con, rạch nhỏ thăm dò đánh phá lực lượng cách mạng, khủng bố quần chúng, cắt đứt liên lạc giữa các khu vực giải phóng. Lực lượng của Sư đoàn bộ binh số 9 Mỹ ở Đồng Tâm, đánh vào các địa bàn ven thị xã, Châu Thành, Giồng Trôm, Mỏ Cày và các vùng giải phóng bằng chiến thuật "cóc nhảy", hành quân "không kỵ", quyết tâm đẩy lực lượng ta ra xa thị xã, các thị trấn, giao thông, chà xát, gom tát dân ở các vùng giải phóng, tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng. Hằng ngày, địch cho máy bay truy tìm lực lượng cách mạng, đặt máy thu tiếng động ở những nơi xung yếu. Khi phát hiện một bóng người, một chiếc xuồng, một mái chòi, một tiếng động của máy, chúng sử dụng hàng trăm quả pháo để tiêu diệt, nếu cần có thể gọi máy bay ném bom hủy diệt. Hằng đêm, địch cho pháo bắn phá các địa bàn, dùng máy bay đổ quân đánh vào các lõm địa hình, đánh vào các cơ quan, du kích, trạm giao liên và địch đã tổ chức nhiều cuộc hành quân cấp tiểu đoàn, trung đoàn, liên quân Mỹ - ngụy vào các vùng giải phóng, trụ lại vài ngày truy tìm lực lượng cách mạng. Ở khắp nơi trong tỉnh, ban đêm địch sử dụng máy bay lên thẳng có đèn soi rọi sáng tuần tra bắn phá và ném bom bằng các loại máy bay ở tầm cao.

Chúng dùng chất độc hóa học hủy diệt hàng vạn hécta ruộng vườn ở Mỏ Cày, Giồng Trôm, Châu Thành, Thạnh Phú.

Trong các cuộc càn quét, địch thẳng tay bắn giết, khủng bố, đánh đập nhân dân, đốt phá nhà cửa, hoa màu, hãm hiếp phụ nữ.

Vùng giải phóng tuy còn rộng nhưng đang bị địch uy hiếp, không ổn định, việc đi lại, đứng chân hoạt động của các lực lượng, các cơ quan lãnh đạo, đường giao liên, trạm quân y, v.v. gặp nhiều khó khăn, bị tổn thất về người và của.

Nhân dân ta chạy vào các vùng địch kiểm soát và vùng đệm, bị chúng lừa mị, mua chuộc, bắt ép làm giấy tờ "tỵ nạn cộng sản"... từ đó, tiến hành bắt thanh niên đi lính. Ở thị xã Bến Tre, địch đã xây dựng một đại đội cảnh sát dã chiến, cơ động đánh phá lực lượng cách mạng, đàn áp phong trào nổi dậy đấu tranh tại chỗ của quần chúng. Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 ngụy quân được củng cố hình thành hai chiến đoàn; một chiến đoàn tăng cường về Ba Tri, tiếp tục chương trình bình định, một chiến đoàn làm nhiệm vụ cơ động ứng chiến. Ở mỗi quận, chúng xây dựng một đại đội bảo an.

Trước tình hình trên, để đẩy mạnh mọi hoạt động trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy đã chủ trương: Phát động lòng căm thù và quyết tâm đánh Mỹ trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, đồng thời, nhanh chóng củng cố lại lực lượng và thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố mối quan hệ Đảng với dân, quyết vượt qua khó khăn ác liệt, đứng vững trên địa bàn, tại vị trí công tác và chiến đấu, sẵn sàng đánh và thắng Mỹ.

Thực hiện Chỉ thị số 41/CTNT ngày 11-11-1968 của Thường vụ Trung ương Cục *về cuộc vận động củng cố và xây dựng chi bộ đảng 4 tốt*, Tỉnh ủy[1] mở đợt phát triển đảng viên

1. Lúc này, Khu ủy Khu 8 quyết định rút đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) - Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre, về Khu phụ trách Nông hội, quyết định đồng chí Lê Văn Quang (Hai Thành) làm Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre thay đồng chí Nguyễn Văn Cánh. Đồng chí Lê Văn Quang trên đường về đến kinh An Long, Đồng Tháp Mười hy sinh trong trận càn của địch và tháng 11-1968, đồng chí Nguyễn Văn Cánh tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre.

và tiếp đó là xây dựng "chi bộ 4 tốt" với yêu cầu xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, lãnh đạo toàn diện, bảo đảm tấn công liên tục. Để tránh thiệt hại cho nhân dân ở các vùng giải phóng, Tỉnh ủy đã có chủ trương cho quần chúng tản ra đồng trống, vào các vùng đệm, hoặc vào vùng địch kìm kẹp, có bố trí cán bộ, đảng viên, nòng cốt bám theo để nắm quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch.

Trước tình hình chiến trường diễn ra ác liệt, được sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, với quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân và nhân dân Bến Tre, một phong trào chống Mỹ, đánh Mỹ diễn ra rộng mạnh và quyết liệt trong toàn tỉnh.

Lực lượng vũ trang tỉnh, huyện du kích xã, ấp, du kích mật đã chuẩn bị thế đứng chân, chuẩn bị trận địa và vũ khí quyết tâm đánh Mỹ.

Ở Châu Thành, từ ngày 3 đến ngày 10-2-1969, quân Mỹ và lực lượng bảo an ngụy đã mở hai cuộc càn vào Tam Phước và An Khánh. Tiểu đoàn 560 từ Mỏ Cày mới chuyển lên đã chặn đánh diệt một trung đội bảo an và 82 tên Mỹ, bắn cháy ba máy bay lên thẳng. Tại Châu Bình (Giồng Trôm), Tiểu đoàn 560 chặn đánh một tiểu đoàn Mỹ đi càn quét, diệt hàng trăm tên, bắn rơi và bắn cháy ba máy bay trực thăng.

Hiệp đồng với chiến trường toàn Khu trong cao điểm đầu Xuân Kỷ Dậu, từ ngày 22-2-1969, ta đã đánh bằng pháo binh, bộ binh, đặc công,... vào 20 mục tiêu của địch tại thị xã. Lực lượng vũ trang thị xã kết hợp với cơ sở binh vận tập kích Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 10 ngụy quân tại xã Bình Phú, diệt 120 tên; đại đội đặc công tỉnh tấn công vào trận địa pháo địch ở Đồng Gò (Giồng Trôm) phá hỏng năm khẩu pháo; Tiểu đoàn 560 luồn vào xã Tân Xuân (Ba Tri) hỗ trợ quần chúng phá kìm kẹp, đã chiến đấu với sáu đại đội bảo an của địch, diệt và làm bị thương 165 tên, có hai

tên Mỹ, giải tán toàn bộ lực lượng phòng vệ dân sự, phá rã bộ máy kìm kẹp ở xã, ấp.

Lực lượng du kích các xã, ấp, du kích cơ quan dùng mìn, lựu đạn gài đã chủ động đánh vào các cuộc hành quân "cóc nhảy" của Mỹ. Phân xưởng công binh xưởng do đồng chí Võ Viết Thanh lãnh đạo đóng ở khu vực Lương Phú (Giồng Trôm) đã dùng mìn diệt hàng trăm tên địch, làm thất bại nhiều cuộc đổ quân của Mỹ. Đội phẫu thuật tiền phương của Tỉnh đội do y sĩ Nguyễn Thế Đoàn (Hai Thủy) làm Đội trưởng đã nhiều lần chiến đấu dũng cảm, bắn rơi máy bay trực thăng, diệt và làm bị thương nhiều địch, bảo vệ an toàn cho thương binh. Đồng chí Võ Viết Thanh, y sĩ Nguyễn Thế Đoàn được Nhà nước tuyên dương và phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ở Giồng Trôm, Mỏ Cày, Châu Thành, phong trào "tìm Mỹ mà đánh" được phát động. Nhiều đồng chí được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang; được công nhận "dũng sĩ diệt Mỹ", "kiện tướng diệt Mỹ", "dũng sĩ diệt máy bay", v.v..

Cùng với đòn tiến công về quân sự, ta đẩy mạnh tiến công địch bằng chính trị, binh vận. Ở thị xã, các cuộc hội thảo được tổ chức lôi cuốn hàng ngàn quần chúng thuộc các tầng lớp công nhân, tín đồ các tôn giáo, học sinh, gia đình binh sĩ tố cáo Mỹ, đòi Mỹ rút về nước, thậm chí xảy ra xung đột với lính Mỹ trên đường phố. Cơ sở cách mạng được khôi phục, củng cố và phát triển trong nhiều giới trong thị xã. Lực lượng tự vệ mật được hình thành, phát triển. Nhân dân thị xã đã liên tục nổi dậy chống địch, đòi bồi thường thiệt hại sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, chống địch kìm kẹp, chống bắt lính. Nhân dân ở các vùng giải phóng di tản vào thị xã đã liên tục đấu tranh đòi địch cứu trợ, giải quyết nơi ở, đòi được về địa phương thu hoạch hoa màu, chống địch bắt làm giấy tờ tị nạn, chống bắt thanh niên đi lính.

Thực hiện sự chỉ đạo của trên, ngày 21-5-1969, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bến Tre được thành lập, do đồng chí Phạm Văn Huýt (Sáu Huấn) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, làm Chủ tịch. Ủy ban nhân dân cách mạng được thành lập ở các huyện, xã (xã giải phóng). Sự ra đời của Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp đã chứng tỏ phong trào cách mạng miền Nam ngày càng lớn mạnh, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân trong nước và nhân dân thế giới.

Sau khi quân Mỹ đã rút khỏi chiến trường Bến Tre (tháng 6-1969), Lữ xung kích 117 và một số phương tiện chiến tranh hiện đại khác cũng rút đi. Nhưng qua một bước củng cố, chủ lực ngụy và lực lượng bảo an của tiểu khu, các chi khu đã mạnh lên về quân số và trang bị, đã liên tục tổ chức những cuộc càn quét đánh vào các địa bàn ven thị xã, thị trấn, đường giao thông, các vùng giải phóng, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất và đặc biệt địch đã ráo riết chuẩn bị kế hoạch bình định lấn chiếm nông thôn giải phóng của ta.

Sau khi hoàn thành bước cuối cùng bình định ở Ba Tri, ngày 4-6-1969, tiểu khu Kiến Hòa sử dụng hai tiểu đoàn của Trung đoàn 10, Sư đoàn 7, 17 đại đội bảo an, 12 đoàn bình định đánh chiếm bốn xã: Minh Đức, Tân Trung, Ngãi Đăng, Cẩm Sơn (Mỏ Cày); đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi địa bàn, đóng 11 đồn, đưa bọn tề lưu vong trở về lập lại bộ máy kìm kẹp, bắt thanh niên đi lính, xây dựng lực lượng dân vệ giữ đồn bốt thay chân bọn chủ lực, bảo an đi bình định khu vực khác.

Giữa tháng 7-1969, địch chiếm xã An Thới, An Định, An Thạnh; tiếp đó, chiếm Thành Thới, Bình Khánh. Từ tháng 8 đến tháng 10-1969, địch đánh chiếm Lương Hòa, Châu Hòa, Hiệp Hưng (Giồng Trôm); An Nhơn, An Quy (Thạnh Phú); Thạnh Tân, Phước Thuận (Bình Đại). Vùng giải phóng của ta ở hai địa bàn trọng yếu Giồng Trôm và Mỏ Cày bị thu hẹp, cù lao Minh bị chia cắt.

Ngay sau khi địch đóng chiếm các xã: Minh Đức, Tân Trung, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng (Mỏ Cày), Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị bất thường tại xã Bình Khánh (Mỏ Cày) đánh giá tình hình, đề ra chủ trương chống bình định lấn chiếm của địch.

Trước hết, Tỉnh ủy điều động các tiểu đoàn của tỉnh về Mỏ Cày kết hợp với lực lượng vũ trang huyện, xã, bám đánh địch tại khu vực bị chúng càn quét, lấn chiếm. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo Huyện ủy Mỏ Cày và Đảng bộ các xã bị địch đánh phá phải trở về bám trụ, khôi phục, củng cố lại cơ sở cách mạng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố, chống bắt xâu, bắt lính, bảo vệ sinh mạng, tài sản của nhân dân; phối hợp lực lượng vũ trang đánh địch và chỉ đạo các xã chưa bị đánh chiếm khẩn trương củng cố lại lực lượng, chủ động sẵn sàng đối phó âm mưu bình định lấn chiếm của địch.

Hội nghị cử đồng chí Phạm Văn Bê (Năm Hậu) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy Mỏ Cày, Ban Chỉ huy Tỉnh đội cử đồng chí Nguyễn Văn Tư (Sĩ Phong) - Tỉnh đội phó và một số cán bộ về tăng cường cho Mỏ Cày, hình thành Ban Chỉ huy chống bình định. Huyện ủy Mỏ Cày đã cử các cán bộ huyện về phụ trách các xã Minh Đức, Tân Trung, Ngãi Đăng, Cẩm Sơn cùng các đảng bộ, chi bộ, lực lượng du kích các xã bám về khôi phục cơ sở, hướng dẫn quần chúng chống bình định.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, bộ đội tỉnh, bộ đội huyện Mỏ Cày và du kích các xã đã liên tục bám vào vùng địch lấn chiếm và đứng vững ở địa bàn kế cận tổ chức đánh địch. Trong 15 ngày đầu tháng 7-1969, ta đã đánh mười trận ở Cẩm Sơn, Ngãi Đăng, Minh Đức, An Định, Thành Thới, An Thạnh, diệt gần 500 tên địch. Một bộ phận của Tiểu đoàn 560 chặn đánh bọn lính Trung đoàn 10 Sư đoàn 7 bung ra đóng chiếm, diệt gần 200 tên. Đại đội địa phương quân

Mỏ Cày áp sát thị trấn tập kích một trung đội biệt kích. Du kích Minh Đức phục kích chặn đánh địch, diệt bốn tên bảo an, thu bốn súng.

Khi lực lượng chủ lực, bảo an rút ra khỏi các xã đã bình định, bọn tề, dân vệ, phòng vệ không dám hung hăng như trước, việc bám trụ của đảng viên, du kích xã được thuận lợi, quần chúng dần dần ổn định. Sự có mặt của cán bộ, lực lượng vũ trang đã củng cố thêm niềm tin cho quần chúng, cơ sở cách mạng được nhanh chóng khôi phục, nhiều cơ sở binh vận được móc nối xây dựng trong dân vệ, trong bộ máy tề và các đơn vị bảo an. Các mặt hoạt động đấu tranh chống địch đã thu được nhiều kết quả. Thực lực cách mạng và thế trận đấu tranh bằng ba mũi đã nhanh chóng hình thành trong vùng bị địch chiếm đóng. Nhân dân trong các vùng giải phóng phát huy tinh thần làm chủ xã, ấp, đã vượt qua mọi gian khổ và hy sinh, vừa chiến đấu vừa sản xuất. Năm 1969, địch càn quét, ném bom, rải chất độc hóa học nhiều hơn năm 1968 nhưng diện tích gieo trồng lúa đều tăng lên. Tại Bến Tre, lúa tăng vụ năm 1969 tăng mười lần so với năm 1963 (từ 1.250ha lên 14.000ha). Mạng lưới y tế vùng giải phóng đã phát triển rộng rãi từ tỉnh đến huyện, xã với một đội ngũ cán bộ đông đảo có trình độ chuyên môn tốt và tinh thần phục vụ cao.

Trong lúc cuộc đấu tranh giữa ta và địch đang diễn ra quyết liệt, một tổn thất vô cùng to lớn của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Hồi 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969 tại Hà Nội, Bác Hồ kính yêu, vị lãnh tụ thiên tài, cha già của dân tộc Việt Nam đã qua đời.

Ngày 3-9-1969, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra lời kêu gọi đồng bào cả nước: *"Triệu người như một, hãy biến đau thương thành hành động cách mạng, dũng cảm tiến lên, tiếp tục sự nghiệp vĩ đại*

của Hồ Chủ tịch, thực hiện thắng lợi lý tưởng và hoài bão của Người"[1].

Với tấm lòng nhớ thương Bác vô hạn, nhân dân Bến Tre ngay cả những vùng bị địch chiếm đóng đã mở máy thu thanh để lắng nghe đài Hà Nội và xúc động tưởng niệm Bác. Biến đau thương thành hành động cách mạng, phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công, lực lượng vũ trang liên tiếp tấn công địch. Tháng 9-1969, Tiểu đoàn 516, Tiểu đoàn 560 đã tập kích vào đội hình đóng quân của Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 10 Sư đoàn 7 tại chợ xã An Thới, làm tiêu hao nặng hai đại đội. Ngày hôm sau, bộ đội ta phục kích đánh quân tiếp viện làm tiêu hao nặng Tiểu đoàn 3 trung đoàn này. Tiếp đó, Tiểu đoàn 560 luồn sâu vào vùng bình định diệt gọn đại đội cảnh sát dã chiến tại ấp Cổ Cò, xã Minh Đức. Tiểu khu địch phát hiện hai tiểu đoàn của ta di chuyển lên hướng bắc Mỏ Cày, chúng đưa Trung đoàn 10, Trung đoàn 11 Sư đoàn 7 bám sát lực lượng ta. Trên địa bàn các xã Thành An, Khánh Thạnh Tân, Tân Thanh Tây, Tiểu đoàn 516, Tiểu đoàn 560 đã dựa vào địa hình có lợi và công sự vững chắc dũng cảm đánh địch, diệt và làm bị thương 400 tên, ta bảo toàn được lực lượng.

Càng về cuối năm 1969, việc chống bình định ở Bến Tre càng quyết liệt. Trong điều kiện thế chiến tranh nhân dân đang suy giảm, đồn bốt địch giăng khắp mọi nơi, nhân dân bị kiểm soát, kìm kẹp gắt gao,... lực lượng vũ trang vừa chiến đấu trụ bám địa bàn, giữ thế xen kẽ với địch, vừa xây dựng lực lượng, xây dựng cơ sở chính trị, phát động chiến tranh du kích.

Tỉnh ủy xác định rõ việc bám đất, bám dân, xây dựng thế đánh địch, làm thất bại kế hoạch bình định của địch là nhiệm vụ hàng đầu.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 30, tr. 231-232.

Cuối năm 1969, trong đợt tiến công mùa đông, các lực lượng tại chỗ ở Mỏ Cày đã vây ép 41 đồn tua. Tiểu đoàn 516 và Tiểu đoàn 560 đã diệt gọn hai đại đội, tiêu hao nặng một đại đội bảo an tại xã Minh Đức, thu 50 súng. Bộ đội địa phương Mỏ Cày diệt một trung đội bình định ở ấp An Vĩnh, xã Đa Phước Hội. Du kích xã Phước Hiệp, Định Thủy đánh bằng đầu đạn pháo diệt 48 tên. Du kích các xã: Ngãi Đăng, Cẩm Sơn, Thành Thới, An Thạnh, An Định, Bình Khánh bao vây chín đồn địch mới chiếm đóng. Du kích xã Hương Mỹ gài trái nổ diệt tên Quận phó Hương Mỹ.

Với phương châm tác chiến linh hoạt, các tiểu đoàn tỉnh đã tập trung đánh tiêu diệt tiểu đoàn, đại đội địch ở phía trước; khi đưa từng bộ phận nhỏ phối hợp cùng lực lượng ba mặt tại chỗ đánh địch ở phía sau, do đó, đã làm hạn chế tốc độ lấn chiếm bình định. Kế hoạch bình định chiếm đóng vùng nam Mỏ Cày của quân ngụy trong thời gian ngắn bị thất bại.

Cùng thời gian này, bộ đội địa phương huyện Bình Đại diệt gọn một đại đội bảo an; bộ đội huyện Thạnh Phú đánh bọn lấn chiếm diệt 88 tên; đội biệt động thị xã hóa trang, gài mìn hẹn giờ, diệt 147 tên địch trong nội ô thị xã. Lực lượng an ninh vũ trang đã hoạt động mạnh, thu nhiều kết quả trong việc diệt ác, trừ gian, bảo mật vùng giải phóng, chống chiến dịch "Phượng Hoàng" của Mỹ - ngụy, trừng trị hàng trăm tên ác ôn ngoan cố, giáo dục và cải tạo tề điệp, làm tan rã hàng trăm cán bộ bình định và phòng vệ dân sự.

Một tổ đặc công thủy do đồng chí Lê Văn Phích chỉ huy đã đánh sập cầu Bình Chánh dài 100m trên đường 26, làm gián đoạn giao thông của địch trong hai tháng. Có thể nói, trong năm 1969, quân dân Bến Tre tiếp tục giữ vững và phát triển thế tấn công vừa liên tục, vừa bền bỉ, dẻo dai, không tháng nào địch không bị đánh đau trên cả ba vùng bởi ba thứ quân của ta.

Phong trào du kích chiến tranh đã hoạt động mạnh mẽ, đều khắp; đánh trúng, đánh sâu vào sào huyệt địch; vận dụng nhiều cách đánh sáng tạo, hiệu suất cao; giữ vững thế trận liên tục tiến công vào thị xã, thị trấn và ngoại ô để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị diệt ác, phá kìm và công tác vận động binh lính đào ngũ, rã ngũ.

Theo tin tức của tờ *Bưu điện Oasinhtơn* ngày 22-12-1969 thì: Trong năm 1969, hai tỉnh Định Tường (Mỹ Tho), Kiến Hòa (Bến Tre) chính thức được coi là nơi thí nghiệm của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở đồng bằng sông Cửu Long. Song Sư đoàn Nam Việt Nam được cho là thay thế Sư đoàn 9 Mỹ ở hai tỉnh này đã bị thương vong nặng trong một số trận gần đó và trong một trường hợp, nó đã bị đòn nhừ tử; kết quả là chính quyền Nam Việt Nam đã thực hiện một bước chưa từng có là đưa một sư đoàn nữa đến giải vây cho sư đoàn này.

Đầu năm 1970, Bộ Tổng Tham mưu ngụy tăng cường về Bến Tre Lữ đoàn B thủy quân lục chiến, một tiểu đoàn pháo 18 khẩu, ba giang đoàn gồm 50 chiếc.

Từ ngày 8 đến ngày 14-1-1970, Lữ đoàn B thủy quân lục chiến đánh vào cánh A Giồng Trôm. Máy bay B52 ném bom rải thảm vào các xã Long Mỹ, Thuận Điền và Lương Phú. Chúng đã bắn chết và bị làm thương nhiều người, hãm hiếp hàng chục phụ nữ, đốt phá nhiều nhà cửa của đồng bào. Các cơ quan, tỉnh, huyện, quân y, bệnh xá của ta phải di chuyển liên tục.

Qua sáu ngày đêm, quân và dân trên địa bàn Giồng Trôm đã bám địch, dùng mìn, lựu đạn bố trí những trận địa kết hợp với chống càn đã diệt và làm bị thương 400 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, thu đạn dược và quân dụng.

Trong khi bọn thủy quân lục chiến ngụy càn quét ở Giồng Trôm, Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 ngụy đã mở nhiều cuộc càn

cấp tiểu đoàn, trung đoàn đánh vào khu vực bờ nam sông Tiền thuộc các xã Phú Túc, Phú Đức, An Khánh huyện Châu Thành. Địch tăng cường thủ đoạn đánh đêm, phục kích trên các đường hành lang. Ban đêm, trực thăng vũ trang rà sát ngọn cây, soi đèn bắn phá các nơi có địa hình rậm rạp, có lúc bất ngờ hạ cánh đổ quân tập kích vào căn cứ trú đóng của cơ quan và lực lượng vũ trang.

Ở thị trấn và vùng bị địch tạm kiểm soát, cảnh sát dã chiến, phòng vệ dân sự thường xuyên lùng bắt thanh niên đi lính. Ở vùng đã bình định xong, bọn "Thiên Nga", "Phượng Hoàng" vào từng nhà khống chế quần chúng, ngăn chặn ta trở về bám trụ. Tháng 3-1970, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu công bố "Luật người cày có ruộng", chuộc lại đất của địa chủ cấp cho nông dân, đồng thời, nhập các loại máy nông nghiệp bán cho nông dân với giá rẻ, cố dựng lên cảnh phồn vinh giả tạo để lừa mị, lôi kéo nhân dân, với âm mưu tách nông dân ra khỏi cách mạng, tiến tới cô lập lực lượng vũ trang. Nguyễn Văn Thiệu cho rằng, đây sẽ là một công cụ sắc bén nhất để chống lại cộng sản.

Đầu năm 1970, Quân khu đưa Tiểu đoàn 263 từ chiến trường Gò Công tăng cường cho Bến Tre. Tiếp đó, Quân khu chỉ đạo Bến Tre nhanh chóng bổ sung quân, củng cố Tiểu đoàn 518 (thay cho đơn vị cũ được rút về trên) chuẩn bị tiếp nhận vũ khí từ miền Bắc vào. Đồng thời, Ban Chỉ huy Tỉnh đội tổ chức thành lập đại đội đặc công, phiên hiệu C269.

Hưởng ứng phong trào thu nhặt bom đạn lép do tỉnh phát động, nhân dân khắp nơi đã hưởng ứng tìm bom, đạn lép giao cho các tổ sản xuất vũ khí chế tạo lại. Tổ sản xuất vũ khí xã Thạnh Phú Đông đã sản xuất ra mìn lá lúa, được Quân khu tặng giấy khen. Tổ sản xuất vũ khí xã Hòa Lộc chế tạo ra "cà nông Đại Thắng".

Ngày 18-1-1970, hiệp đồng với chiến trường toàn Khu, ta đã pháo kích vào 12 mục tiêu của địch. Lực lượng vũ trang cùng lực lượng xã ấp bao vây 80 đồn tua. Tiểu đoàn 263 chặn đánh viện binh địch tại Châu Bình, diệt một đại đội chủ lực. Tiểu đoàn 560 đánh thiệt hại hai đại đội bảo an ở Định Thủy. Bộ đội đặc công nước đánh chìm và cháy tám tàu ở gần bến phà Hàm Luông, diệt 100 tên. Ngày 14-2-1970, nắm chắc tình hình địch, Đại đội 3 Tiểu đoàn 516 phục kích sẵn tại ấp Giồng Sâu (xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm) diệt gọn Đại đội bảo an số 425, bắn rơi bốn trực thăng. Lữ đoàn B thủy quân lục chiến của địch phải chôn chân tại đây. Ngày 25-2-1970, Tiểu đoàn 516 phục kích diệt gọn một đại đội của lữ đoàn này tại ấp Giồng Đồng, thu 30 súng và hai máy thông tin. Đi đôi với tấn công địch, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng "chi bộ 4 tốt".

Ngày 18-3-1970, tại Campuchia, đế quốc Mỹ đã dùng Lon Non (Lon Nol) làm cuộc đảo chính lật đổ Thái tử Quốc trưởng Xihanúc (Sihanouk). Quân ngụy Sài Gòn nhảy sang chiến trường Campuchia, quân chủ lực đã rút ra khỏi tỉnh. Chấp hành sự chỉ đạo của trên, từ ngày 31-3 đến ngày 15-7-1970, quân và dân Bến Tre đã mở ba đợt tiến công địch. Tỉnh ủy đã chọn Bình Đại và Ba Tri làm trọng điểm, Mỏ Cày và thị xã làm diện.

Trong đêm 31-3-1970, hàng trăm mục tiêu của địch bị ta đánh phá. Tại trọng điểm Bình Đại, ta tiến công vào thị trấn diệt năm đồn tua, một ụ pháo, đánh thiệt hại đại đội bảo an của chi khu. Hai ngày sau, Tiểu đoàn 516 chặn đánh diệt 100 tên địch đi ứng cứu.

Trong 20 ngày đầu tháng 4-1970, ở các huyện có trên 150 công nhân xe lôi, xe lam tổ chức 46 cuộc đấu tranh với ngụy quyền quận, chống tăng thuế kiệm ước, chống bắt lính, bắt vào tổ chức phòng vệ dân sự, chống bắt công nhân chở lính đi càn quét.

Tại Mỏ Cày, công nhân nhiều lần nổi dậy cùng đồng bào các giới phá bỏ các hình thức kìm kẹp. Anh em đã dựng chướng ngại vật trên đường Nguyễn Đình Chiểu, Công Lý và Phan Thanh Giản. Ngày 11-4-1970, anh em công nhân xe lam đã ném lựu đạn giết năm tên cảnh sát, bảo an, làm bị thương bảy tên khác trong lúc bọn này đang xem tivi tại chợ Mỏ Cày. Đêm 2 và ngày 3-5-1970, quân dân Bến Tre đã đồng loạt tấn công thị xã, sáu chi khu quân sự và hầu hết các đồn bốt địch, diệt trên 200 tên địch, làm tiêu hao nặng ba đại đội bảo an, thu 40 súng.

Trong đêm 2-5-1970, quân dân huyện Mỏ Cày tấn công vào thị trấn, chi khu Cái Mơn, Hương Mỹ, các điểm bình định của địch ở khu phố Thom, chợ An Định, An Thới, Minh Đức và 32 đồn bốt trong huyện. Ở thị trấn Mỏ Cày, ta diệt và làm bị thương tám tên bảo an, cảnh sát. Ở chợ An Thới, ta đánh sập đồn công sở, diệt 20 tên tề, bình định. Nhân dân nổi dậy phá kìm kẹp, giải tán một trung đội phòng vệ dân sự. Trên đường giao thông Mỏ Cày - thị xã Bến Tre, du kích đánh tan xác một xe quân sự và diệt 28 tên địch. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam và lập thành tích kỷ niệm 80 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, du kích các huyện Châu Thành, Mỏ Cày, Giồng Trôm, Bình Đại liên tục tấn công địch (từ ngày 9 đến ngày 11-5-1970) loại khỏi vòng chiến đấu 200 tên, đánh chìm hai tàu giang cảnh gần cồn Tân Vinh (ngày 9-5-1970).

Trong hai ngày 17 và 18-5-1970, quân dân Bình Đại tấn công địch tại khu phố Lộc Thuận, đánh địch đi ứng cứu, diệt 300 tên địch, thu nhiều vũ khí và đạn dược, san bằng hai đồn.

Ở Ba Tri, Tiểu đoàn 263 kết hợp với bộ đội huyện diệt hai đồn ở xã Mỹ Chánh, đánh hỏng nặng một đồn ở xã Mỹ Nhơn; đồng thời, đứng lại đánh tiêu hao hai đại đội bảo an tại xã Mỹ Thạnh, diệt hàng trăm tên địch.

Phối hợp với trọng điểm, bộ đội địa phương và du kích tại Giồng Trôm, Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày và Thạnh Phú đã diệt 20 đồn tua, giết và làm bị thương 100 tên, bắt sống 20 tên, giải tán 55 phòng vệ dân sự. Bộ đội đặc công nước đánh chìm và đánh hỏng nặng ba tàu, hai chiếc phà tại bến phà Hàm Luông, diệt 150 tên. Quân, dân huyện Bình Đại, trong hai ngày 17 và 18-8-1970, đã diệt 300 tên địch, thu hàng trăm súng các loại.

Tại thị xã, đồng chí Nguyễn Thị Minh Hiền - tự vệ mật, đã dùng mìn hẹn giờ phối hợp với lực lượng vũ trang thị xã đánh diệt 83 tên, làm bị thương 75 tên cán bộ bình định tại hội trường công chức khi chúng dự lớp huấn luyện.

Để khuếch trương thắng lợi, đồng thời cổ vũ quân dân trong tỉnh tiến công địch, ngày 8-4-1970, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết phong trào du kích chiến tranh lần thứ tư, có hơn 50 đại biểu các huyện, xã, ấp trong tỉnh tham dự. Sau bảy ngày làm việc khẩn trương sôi nổi, hội nghị bình chọn 13 đơn vị điển hình như du kích các xã Minh Đức (Mỏ Cày), Phú Khánh (Thạnh Phú), Phước Hiệp (Mỏ Cày), ấp 1 Long Mỹ (Giồng Trôm)...

Hội nghị đánh giá cao vai trò và tác dụng của phong trào nhân dân du kích chiến tranh đánh địch trong đầu năm 1970. Các đại biểu dự hội nghị đồng hạ quyết tâm về địa phương lập nhiều thành tích hơn nữa, giữ vững lá cờ đầu "đồng khởi".

Hơn hai tháng phối hợp với chiến trường toàn miền, lực lượng vũ trang ba thứ quân đã diệt được nhiều sinh lực địch, làm lỏng phần lớn bộ máy kìm kẹp trong những vùng chúng vừa mới bình định, cơ sở cách mạng vẫn tồn tại và giữ thế tranh chấp với địch. Nhưng với tương quan lực lượng lúc bấy giờ, ta chỉ tiêu hao một số sinh lực địch, làm

chậm tốc độ bình định của chúng, chưa đủ sức giữ vững vùng giải phóng.

Qua một năm chiến đấu gian khổ, quân dân Bến Tre đã ngăn chặn làm kế hoạch bình định lấn chiếm cấp tốc của địch phải kéo dài, buộc chúng phải căng kéo đối phó. Tuy nhiên, trên diện rộng trong tỉnh, nhiều vùng giải phóng bị mất đất, mất dân, các căn cứ và hành lang vận chuyển bị đánh phá ác liệt, vùng giải phóng không ổn định, đời sống cán bộ, bộ đội, nhân dân rất khó khăn, phải sống và chiến đấu trong điều kiện hết sức gay go, gian khổ.

Mặc dù cường độ chiến tranh ngày càng cao, nhưng nhân dân trong tỉnh vẫn hăng hái sản xuất, các hoạt động văn hóa - xã hội được đẩy mạnh. Diện tích cấy lúa hai mùa tăng từ 100 đến 150%. Công tác giáo dục được chú trọng, nhiều trường lớp khai giảng gần đồn bốt địch. Lớp 8 (cấp III) đầu tiên bế giảng trong vùng bình định Mỏ Cày. Niên khóa 1969-1970, các trường phổ thông từ cấp II đến cấp III khai giảng đúng kỳ. Dân y các cấp đã hoàn thành việc chủng đậu, chích ngừa dịch tả cho đồng bào.

Phục vụ cho cuộc đồng khởi năm 1970, Đoàn văn công Giải phóng tỉnh Bến Tre đã chia làm nhiều đội xung kích theo sát bộ đội ngoài chiến trường, đột nhập vào thị xã, thị trấn và vùng ven phục vụ bộ đội và đồng bào. Tại thị xã, trong tháng 4-1970, Đội văn công xung kích 24 lần đột nhập vùng nội, ngoại ô phóng thanh truyền tin chiến trường, kêu gọi binh sĩ ngụy, trình diễn những tiết mục ngắn, gọn, biểu dương khí thế tấn công của quân dân trong tỉnh. Trong những lần phục vụ này có trên 3.000 đồng bào đến dự, đội còn bám sát đồn bốt, vị trí đóng quân của địch, tuyên truyền kêu gọi binh sĩ ngụy và phổ biến trên 20 bài ca cho 50 học sinh và thiếu nhi trong thị xã. Đội văn công xung kích bốn lần đột nhập vùng thị

trấn Giồng Trôm và xã Hiệp Hưng ven phân chi khu Sơn Đốc, trình diễn phục vụ 1.000 người dân, 12 lần phóng thanh tuyên truyền tin chiến thắng ở các vùng giải phóng. Đặc biệt, đội còn phối hợp với Đoàn văn công Lúa Vàng huyện Giồng Trôm, đội văn nghệ các xã Thạnh Phú Đông, Tân Hào và Hiệp Hưng tổ chức một cuộc hội diễn có trên 1.000 người đến dự. Các đội văn công xung kích góp phần vừa tấn công địch trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, vừa là nguồn cổ vũ động viên đồng bào, chiến sĩ tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Nhân dân trong tỉnh đã hoàn thành việc đóng đảm phụ năm 1969, trên 2/3 xã hoàn thành đóng đảm phụ năm 1970.

Trong năm tháng đầu năm 1970, các huyện Bình Đại, Ba Tri, Mỏ Cày có hơn 400 thanh niên đi tòng quân.

Tháng 5-1970, vùng IV chiến thuật của ngụy đã đưa các Trung đoàn 14, 15 Sư đoàn 9, Trung đoàn 11 Sư đoàn 7, Tiểu đoàn số 42, 44 biệt động quân từng lúc luân phiên đến Bến Tre chiếm đóng ở các xã cánh A Giồng Trôm, yểm trợ cho các liên đội bảo an lấn chiếm bình định các xã Thạnh Phú Đông, Tân Hào và Mỹ Thạnh. Hai Tiểu đoàn 42, 44 đánh phá vùng Ba Châu. Trung đoàn 10 Sư đoàn 7 đánh phá các xã ven sông Hàm Luông, ngăn chặn hành lang của ta, xây dựng căn cứ Phước Hưng (ở Bến Tranh - Phước Long). Trung đoàn 11 Sư đoàn 7 đánh vào đầu cầu liên tỉnh Bến Tre - Mỹ Tho (ở phía Sóc Sãi cũ).

Tháng 10-1970, địch sử dụng Sư đoàn 9 ngụy do tên Tư lệnh vùng IV trực tiếp chỉ huy, có pháo, máy bay yểm trợ ở mức cao tiến hành đánh phá vào khu vực Ba Vát, Tân Phú Tây, Thành An, Tân Thanh Tây, nơi mà chúng cho là sào huyệt của Việt cộng, nơi trú đóng của Y4 (khu Sài Gòn - Gia Định), khôi phục lại chi khu Đôn Nhơn tại Ba Vát, đồng thời, chiếm đóng

các xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy (Mỏ Cày) và các xã còn lại của Giồng Trôm. Đến cuối tháng 3-1971, địch chiếm hết các xã, ấp ven biển Thạnh Phú, kết thúc bước chiếm đóng của địch.

Bến Tre từ một tỉnh có 72 xã giải phóng hoàn toàn, chiếm 3/4 đất trong tỉnh trở thành một tỉnh bị giặc chiếm đóng, đồn bốt dày đặc với 916 đồn tua.

Song song với càn quét đánh phá ác liệt và đóng chiếm đồn bốt, địch tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý, chiêu hồi bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, đưa số cán bộ chiêu hồi lên máy bay kêu gọi, rải truyền đơn trên các vùng giải phóng. Chúng đặt tiền thưởng cho binh sĩ, sĩ quan, bọn tề có công vận động cán bộ, chiến sĩ ra đầu thú, hoặc lấy được vợ của cán bộ để lung lạc tinh thần cán bộ, chiến sĩ đang công tác. Đã có hàng trăm người, đa số là hội viên các đoàn thể, dân công, dân quân vì hoang mang bế tắc trước tình hình ác liệt, cuộc sống khó khăn đã ra chiêu hồi, điển hình là tên Tín, cán bộ dân quân tỉnh đã đầu hàng địch, tích cực hoạt động "lập công" cho địch, được địch đưa làm Trưởng chi chiêu hồi quận Hương Mỹ, gây ảnh hưởng không tốt ở khu vực Mỏ Cày.

Sau khi đóng chiếm xong, địch tiếp tục tiến hành càn quét, chà xát, truy tìm, tiêu diệt lực lượng cách mạng, đánh bật ta ra khỏi địa bàn, khôi phục lại bộ máy tề, điệp, kìm kẹp gắt gao nhân dân, bắt nhân dân vào Đảng Dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu, bắt thanh niên đi lính, vào phòng vệ dân sự.

Tháng 5-1971, địch tiến hành bước khai hoang, đốn cây cối, phá địa hình, đưa từng tiểu đoàn quân chủ lực, bảo an tiểu khu, bảo an Gò Công đến, có trang bị mìn, cưa máy phá địa hình ở các khu vực căn cứ cũ của ta như Thạnh Phú Đông, Phước Long, Tân Hào, Lương Phú... (Giồng Trôm), Minh Đức, Bình Khánh,

Phước Hiệp, Định Thủy, Tân Phú Tây, Thành An, Tân Thanh Tây... (Mỏ Cày). Bọn bảo an chi khu, dân vệ các xã bắt dân chặt cây dọc theo các tuyến giao thông, chung quanh đồn bốt, các khu vực ven sông, triệt phá những nơi cán bộ, du kích bám trụ.

Trước sự phản công quyết liệt, bằng những thủ đoạn vô cùng tàn bạo của địch, quân dân Bến Tre đã anh dũng chiến đấu, nhưng do ta chưa đánh giá hết âm mưu và hành động của địch quay về bình định nông thôn nên chưa kịp thời chuyển hướng tổ chức, chuyển hướng công tác và tác chiến để giữ cơ sở, nắm dân trong bất cứ trường hợp nào. Lực lượng vũ trang sau đợt tấn công năm 1968 gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về quân số, vũ khí, lương thực. Địch có điều kiện tập trung lực lượng bình định từng vùng theo kế hoạch "tằm ăn lá dâu" đẩy ta rơi vào tình trạng mất đất, mất dân. Phong trào cách mạng Bến Tre đứng trước khó khăn mới.

2. Bám đất, bám dân giành thế chủ động

Tiếp thu Chỉ thị số 26/CT70 ngày 26-8-1970 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đánh giá tình hình, xác định nhiệm vụ trước mắt của chiến trường Nam Bộ, tháng 8-1970, Tỉnh ủy họp hội nghị tại Giồng Trôm.

Hội nghị đánh giá: Đây là thời kỳ khó khăn, ác liệt nhất của phong trào cách mạng Bến Tre từ sau Đồng khởi năm 1960, gây cho ta tổn thất nặng nề, tác động đến tinh thần, tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Nhiệm vụ bức thiết đặt ra cho Đảng bộ lúc này là phải giáo dục đảng viên, chiến sĩ và quần chúng giữ vững ý chí đấu tranh, khắc phục xu hướng nằm im chờ thời của một số cán bộ, đảng viên; phải đẩy mạnh công tác dân vận, kiên trì bám đất, bám dân gây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào tấn công ba mũi tại chỗ, giành quyền làm chủ.

Tỉnh ủy nhận định: Tuy địch chiếm được đất nhưng không được lòng dân, chúng càng dùng bạo lực tàn ác, càng bị chống đối, mâu thuẫn giữa địch và quần chúng ngày càng tăng; hệ thống đồn dày đặc rải ra khắp tỉnh, chứng tỏ địch không đủ mạnh và nhiều sơ hở. Nhân dân Bến Tre rất tin tưởng cách mạng, có tinh thần chiến đấu kiên cường, qua thử thách gay go càng thêm tôi luyện. Dù có nơi ta chưa lãnh đạo kịp thời, nhân dân vẫn tự động đứng lên đấu tranh chống từng âm mưu, thủ đoạn của địch. Tỉnh ủy chủ trương chuyển hướng các tổ chức lãnh đạo và tổ chức quần chúng cho phù hợp với tình hình mới. Tỉnh ủy phân công các tỉnh ủy viên xuống các huyện trực tiếp làm bí thư huyện ủy, điều động hàng trăm huyện ủy viên và cán bộ huyện trực tiếp phụ trách xã. Tỉnh ủy khẳng định: Muốn chống được bình định, cán bộ, đảng viên phải bám đất, bám dân, phải tranh thủ nắm quần chúng và gia đình binh sĩ, phải tiến hành lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị, diệt ác, trừ gian, nắm tề, nắm dân vệ, xây dựng lực lượng tiến công ba mũi giành đất, giành dân, chuyển tương quan lực lượng tại từng ấp, từng địa bàn.

Do điều kiện chia cắt của chiến trường và tính chất từng địa bàn, Tỉnh ủy chủ trương bố trí cán bộ tỉnh đứng chân ở ba khu vực.

Khu vực 1: Nam Mỏ Cày. Trọng điểm gồm các xã An Định, Bình Khánh, Phước Hiệp.

Khu vực 2: Cánh A Giồng Trôm. Trọng điểm gồm các xã Thạnh Phú Đông, Phước Long, Tân Hào, Long Mỹ, Lương Phú.

Khu vực 3: Đông, tây Châu Thành. Trọng điểm gồm các xã Phước Thạnh, Hữu Định, An Phước, Tam Phước, An Khánh.

Mỗi khu vực tổ chức một phân ban Tỉnh ủy. Lực lượng vũ trang tỉnh bố trí ở ba khu vực, các huyện khác do Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo.

Đồng thời, Tỉnh ủy đã quyết định phân chia địa bàn Mỏ Cày thành hai huyện: huyện Mỏ Cày Nam và huyện Mỏ Cày Bắc. Đồng chí Lý Hùng Chiến, Phó Bí thư Huyện ủy Mỏ Cày được giao nhiệm vụ Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội Mỏ Cày Bắc, đồng chí Tạ Thị Huấn (Tư Hiệp) làm Bí thư Huyện ủy Mỏ Cày Nam.

Bộ phận của các cơ quan, ban ngành của Tỉnh ủy, Tỉnh đội tạm thời chuyển xuống địa bàn Thạnh Phú.

Đảng bộ và nhân dân quyết tâm thực hiện phương châm "ba bám": Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội bám địch; lấy xã, ấp làm địa bàn chính, đánh địch bằng ba mũi giáp công.

Bộ đội tỉnh, huyện phân tán từng trung đội, tiểu đội bám những địa hình then chốt làm nòng cốt cho phong trào quần chúng diệt ác phá kìm, giành dân, mở đường hành lang vận chuyển quan trọng nối liền với Mỹ Tho.

Cũng trong năm 1970, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, củng cố đội ngũ tiên phong lãnh đạo. Đánh giá về đảng viên trong tỉnh lúc này Nghị quyết nêu rõ:

Từ khi tiến hành xây dựng "chi bộ 4 tốt" đến nay, nhiều chi bộ, đảng viên được củng cố, kiên trì bám đất, bám dân, quan hệ tốt với quần chúng, làm việc có chương trình, kế hoạch, thường xuyên sinh hoạt, kiểm điểm, phát triển nhiều đảng viên mới. Đa số cấp ủy Đảng trong tỉnh được bầu cử dân chủ, bổ sung nhiều cán bộ trẻ, cán bộ nữ, có uy tín với quần chúng,... từ đó đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy chống bình định có kết quả, tạo điều kiện đưa dần Đảng bộ vào nền nếp cơ bản.

Tuy nhiên, trong Đảng bộ tồn tại một số thiếu sót:

Một số đảng viên lập trường tư tưởng chưa kiên định, bỏ việc hoặc ngóng chờ, thiếu tiên phong, gương mẫu, xa rời quần chúng. Một số vùng đông dân không có hoặc có ít đảng viên,

số quần chúng chạy về vùng yếu, chưa có đảng viên lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Việc vận dụng phương châm, phương thức tổ chức hoạt động chưa tốt, v.v., vì vậy, hạn chế khả năng lãnh đạo quần chúng tấn công địch. Tỉnh ủy đề ra yêu cầu, nhiệm vụ và phương hướng công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới là:

- Thực hiện Chỉ thị số 26/CT70 ngày 26-8-1970 của Trung ương Cục, các cấp cần ra sức phát triển đảng viên mới với quy mô hàng loạt, nhất là đảng viên không lộ, bám chắc quần chúng và có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nâng chất lượng đảng viên cũ, hình thành chi bộ lộ (công khai) và không lộ (bí mật), bố trí đều khắp trong các ấp, các tổ chức quần chúng, xác lập quyền lãnh đạo của Đảng, theo yêu cầu chuyển ấp, nắm dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ chống bình định của Đảng hiện nay và sắp đến.

- Củng cố kiện toàn chi bộ, nhất là chi bộ xã, ấp, chi bộ không lộ. Xây dựng chi bộ mới không lộ, bố trí đều khắp ở mỗi ấp, trong công nhân, học sinh và trong vùng tôn giáo. Cải tiến tác phong, lề lối làm việc theo đúng phương châm, phương thức tổ chức hoạt động, bảo đảm đảng viên, chi bộ tồn tại trong quần chúng để lãnh đạo quần chúng đấu tranh trong bất cứ tình huống nào.

- Tích cực đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ không lộ, tăng cường kiện toàn củng cố bộ máy chuyên môn các cấp cả về số và chất đủ sức lãnh đạo, điều khiển phong trào đấu tranh hiện nay và sắp tới nhất là ở xã, ấp.

- Bồi dưỡng, giáo dục cho đảng viên, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhất trí cao với đánh giá tình hình của Đảng, quán triệt được nhiệm vụ, nội dung của các mặt công tác then chốt. Xây dựng lập trường kiên định cách mạng, quyết tâm bám đất,

bám dân vượt qua gian khổ khó khăn, tin tưởng quần chúng, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tin ở thắng lợi của cách mạng, chống tư tưởng bi quan, hoài nghi, ngán ngại ác liệt lâu dài, gian khổ.

Với sự nỗ lực của Đảng bộ, đến cuối năm 1970, toàn tỉnh đã phát triển 1.097 đảng viên, có gần một nửa là đảng viên mật. Điển hình là ở xã Tân Trung (Mỏ Cày) phát triển 37 đảng viên, có 32 đảng viên mật, xã Vang Quới (Bình Đại) phát triển 15 đảng viên, có 10 đảng viên mật.

Ở các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Thạnh Phú, nhiều chi bộ, đảng viên đã về bám xã.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy ở Giồng Trôm, toàn Đảng bộ, lực lượng vũ trang đã nhanh chóng triển khai thế bám trụ, khôi phục lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh chống phá bình định của địch.

Ở các vùng căn cứ có địa hình vườn tược che khuất, chi bộ, du kích xã, ấp, quần chúng chí cốt với cách mạng bám trụ để kết hợp với vũ trang, các ban ngành trong tỉnh, huyện hình thành thế tấn công ba mũi bao vây đồn bốt, cải tạo địa hình, chống phá địch càn quét đánh phá. Đồng thời, vận động nhân dân ở những nơi sơ tán trở về đất cũ, xây dựng lực lượng tấn công chính trị và binh vận vào đồn bốt, nắm tề, xây dựng cơ sở binh vận, làm thay đổi tương quan lực lượng tại chỗ, xây dựng thành căn cứ đứng chân của các cấp, các ngành.

Ở các vùng giải phóng bị địch chiếm lại, địa hình trống trải, địch kìm kẹp chặt chẽ, việc trở về bám trụ được tiến hành thận trọng, từ một vài cán bộ, du kích trở về ngắn ngày nắm cơ sở, nắm quần chúng tích cực, tiến tới nắm gia đình binh sĩ, tề, phòng vệ dân sự, tạo thế bám trụ vững hơn, đưa cán bộ, đảng viên khác trở về phát triển cơ sở và phong trào tấn công

ba mũi, nắm dân, nắm gia đình binh sĩ, làm công tác binh vận, nắm tề, phòng vệ dân sự, dân vệ nhiều hơn. Từ thế trận trên hình thành thế làm chủ của quần chúng tại chỗ, từ làm chủ ban đêm đến làm chủ buổi chiều và ban ngày, tùy tương quan mà phát triển lên.

Trong điều kiện chiến đấu gian khổ, ác liệt, hầu hết cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đã trải qua những ngày gian khổ, thiếu thốn, khó khăn. Nhiều cơ quan, đơn vị phải sản xuất tự túc để nuôi sống mình. Thuốc men không đủ, nhiều cán bộ, nhân viên y tế đã bán cả tư trang, nhẫn cưới mua thuốc men cứu chữa thương, bệnh binh.

Mặc dù bị địch kìm kẹp gắt gao, lòng dân Bến Tre vẫn hướng về cách mạng. Nhân dân trong các vùng căn cứ, vùng giải phóng, vùng tranh chấp, ngày đêm bám ruộng vườn vừa sản xuất vừa đấu tranh chống địch cướp phá lúa gạo. Đồng bào đã tìm mọi cách cất giấu lúa gạo, thu gom lương thực, mua sắm vật dụng thuốc men tiếp tế cho cách mạng. Nhiều gia đình cho cách mạng mượn vàng, tiền, xuồng ghe..., nhiều gia đình binh sĩ đã ngả về cách mạng trở thành cơ sở cung cấp tin tức địch, nuôi chứa cán bộ.

Đi đôi với việc tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức về tình hình, nhiệm vụ, củng cố niềm tin cho quân và dân trong tỉnh, Tỉnh đội chỉ thị cho các đơn vị vũ trang căng địch và kéo địch ra để tiêu diệt, tiêu hao, mở rộng vùng, giành dân, giành đất phát triển thế và lực của ta.

Năm 1971, Mỹ - ngụy tiếp tục chương trình bình định tỉnh Bến Tre. Tiểu khu Kiến Hòa đã tung một trung đoàn quân chủ lực, một tiểu đoàn và 70 đại đội bảo an càn quét liên miên trên khắp ba dải cù lao. Địch tập trung bom pháo hủy diệt từng cụm, từng vùng còn lại, rải chất độc hóa học xuống những

vườn dừa và cây ăn trái. Quân bảo an ngụy mang chất nổ, cưa máy, dao để triệt hạ từng gốc dừa, chặt từng bụi chuối. Mặt khác, chúng xua bộ binh đến cào nhà, đốt nhà, cướp bóc của cải cốt đẩy đồng bào ta vào các khu dồn dân; dùng xe ủi đất phá bình địa các vùng như Bến Tranh (Phước Long), Linh Phụng (Long Mỹ), Cái Mít (Thạnh Phú Đông)... Chúng còn dùng bom 7.000 cân Anh dội xuống những vùng rừng lõm ở Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại.

Trong những vùng địch kiểm soát, chúng tăng cường bắt lính, bắt xâu... Ngoài đồng ruộng, không một bóng thanh niên đi làm.

Đầu tháng 5-1971, cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mỹ - ngụy đánh vào đường 9 Nam Lào đã bị thất bại thảm hại. Quân chủ lực của ngụy quyền Sài Gòn đã bị đánh quỵ, chiến thắng vang dội đó đã làm nức lòng quân và dân cả nước.

Tháng 5-1971, chấp hành Chỉ thị số 01/CT71 ngày 5-1-1971 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam *về nắm vững nhiệm vụ và phương hướng công tác trước mắt, ra sức xây dựng thế tiến công chiến lược mới*, nhanh chóng tạo thế, tạo lực làm thay đổi tương quan tại chỗ, sẵn sàng hiệp đồng với chiến trường toàn miền nổi dậy đồng loạt đánh phá bình định, Tỉnh ủy Bến Tre đã chỉ đạo toàn Đảng bộ, toàn dân bám chặt xã, ấp, nhanh chóng bung ra thực hiện phương châm ba bám: "Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội bám địch", lấy xã, ấp làm địa bàn chính tổ chức quần chúng gây dựng cơ sở, khôi phục và phát triển phong trào ba mặt, chuyển tương quan lực lượng tại chỗ, hiệp đồng cùng chiến trường toàn miền đánh phá bình định... Tỉnh ủy nhấn mạnh: Kiên quyết xây dựng cho được đảng bộ cơ sở vững mạnh, nhanh chóng củng cố lại cơ sở quần chúng, du kích xã, ấp, các ngành, bổ sung lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, chú trọng xây dựng cơ sở binh vận trong lòng địch. Tỉnh ủy cũng đã phân vùng, phân loại xã ấp, đề ra kế hoạch mở mảng, mở vùng.

Chỉ thị của Trung ương Cục đến Bến Tre có chậm trễ trong tình hình địch bình định ác liệt, nhưng Tỉnh ủy đã nhanh chóng quán triệt và triển khai các mặt hoạt động. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07/CT71 ngày 1-6-1971 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam *về chuyển hướng công tác và xây dựng Đảng,* Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng chi bộ với bốn yêu cầu nhằm làm cho chi bộ ấp, chi bộ mật, tổ trung kiên biết hoạt động, kiện toàn tổ chức xã ủy, chi bộ mạnh để hoạt động và lãnh đạo phù hợp với phương châm, phương thức mới. Cơ quan Tỉnh ủy từ căn cứ Thạnh Phú chuyển về đứng chân tại địa bàn Mỏ Cày Nam, đồng thời họp hội nghị mở rộng để quán triệt và triển khai kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 01/CT71 của Trung ương Cục.

Được những thắng lợi trên chiến trường cổ vũ phong trào tấn công địch bằng ba mũi có chuyển động và phát triển nhằm vào đối tượng chủ yếu là lực lượng kìm kẹp ở cơ sở và lực lượng hỗ trợ bình định, mở rộng diện diệt ác ôn. Do đó, bước đầu đã tạo được thế để đưa phong trào du kích chiến tranh lên một bước. Nổi bật là du kích xã Phước Mỹ Trung (Mỏ Cày Bắc) luồn vào chi khu Đôn Nhơn mưu trí gài mìn phá hủy một trực thăng, một xe quân sự địch. Du kích xã Phước Thạnh (Châu Thành) gài trái vây chặn bọn phá địa hình, diệt 90 tên. Tiểu đoàn 516 cùng du kích Thạnh Phú Đông bắn tỉa bọn khai quang, diệt 50 tên. Tiểu đoàn 263 đánh diệt 70 tên thuộc Liên đội bảo an Gò Công số 72 ở xã An Phước, Phú An Hòa; diệt một đoàn bình định tại Quới Sơn, bẻ gãy chiến thuật phân tán lực lượng của địch để truy tìm lực lượng ta ngay trong vùng bình định. Ở các xã ấp, bằng chông, mìn, lựu đạn kết hợp với bắn tỉa, du kích chống trả có hiệu quả nhiều cuộc biệt kích của địch. Ở xã Thới Thuận (Bình Đại), Cồn Bửng (Thạnh Phong - Thạnh Phú), địch đem trực thăng "xúc" dân gom vào thị trấn, bà con đã ôm lấy cột nhà cương quyết không đi. Ở xã

An Định (Mỏ Cày), 300 bà con đã hiệp đồng với du kích phá kế hoạch đốn cây, phá vườn tược của địch. Cùng với thắng lợi chung trên chiến trường toàn miền, ta đã đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch. Nhiều đồn bốt đã "án binh bất động" hoặc phải chấp nhận một số điều kiện của ta. Phong trào chống bắt lính, chống đi phòng vệ dân sự diễn ra liên tục trong xóm, ấp, trong lực lượng công nhân và học sinh trung học. Bằng những cuộc xuống đường, đấu tranh trực diện táo bạo, đồng bào ta đã giành với địch từng người thân, không để địch bắt lính, đôn quân, làm xâu, giải tán các toán phòng vệ dân sự. Trước họng súng, lưỡi lê, có những cuộc chống bắt lính tập trung với 500 người như ở Đại Điền (Thạnh Phú), ở cồn Tân Vinh, 200 người nhà binh sĩ ở Ba Tri chống Đại đội bảo an 995 đôn lên chủ lực.

Ngày 3-9-1971, có tới 23.536 đại biểu của 56 thánh tịnh Cao Đài Tiên Thiên về thị xã đại hội, có nhiều nhà báo từ Sài Gòn về dự, ra thông cáo đòi hòa bình, đòi Mỹ rút quân, đòi thi hành bảy điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Nhờ sự chuyển hướng kịp thời theo Chỉ thị số 01/CT71 của Trung ương Cục, cùng với những nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân và dân Bến Tre từ giữa năm 1971 trở đi, thực lực cách mạng được khôi phục, việc bám trụ ở nhiều khu vực của nhiều lực lượng vững hơn, tạo thế cài răng lược giữa ta và địch.

Cuối năm 1971, trên chiến trường Bến Tre, ta đã chuyển 258 ấp yếu lên tranh chấp mạnh. Đảng bộ Bến Tre ngày càng được củng cố, đến cuối năm 1971, tổng số có 8.676 đảng viên, toàn tỉnh xây dựng được 55 đảng bộ xã, 65 chi bộ trong 123 xã, 86 chi bộ nhỏ. Bộ đội tỉnh, huyện được củng cố, bổ sung thêm quân số, mỗi xã xây dựng được một đến hai tiểu đội du kích. Cơ sở binh vận được xây dựng trong 200 đồn bốt, trong các đơn

vị bảo an và trong lực lượng phòng vệ dân sự, vận động lôi kéo 1.839 binh sĩ đào ngũ, rã ngũ. Trong năm, có bảy đồn tua khởi nghĩa lập công.

Qua ba năm chiến đấu gian khổ trong điều kiện địch bình định ác liệt với quy mô lớn, quân dân Bến Tre phải thường xuyên đương đầu với hai trung đoàn quân chủ lực và một bộ phận bảo an Gò Công, với 20.000 quân bảo an, dân vệ, phòng vệ, công an, gián điệp và bộ máy tề ở địa phương, cùng sự yểm trợ tối đa của không quân và pháo binh. Mặc dù có nhiều gian khổ khó khăn, nhưng Đảng bộ kiên quyết chỉ đạo lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích xã, ấp trụ bám các địa bàn quan trọng, ngăn chặn từng bước lấn chiếm, đồng thời triển khai thế bám trụ xen kẽ với địch, nhờ đó giữ được cơ sở cách mạng, duy trì và phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh, chuyển tương quan lực lượng dần dần có lợi cho ta.

Tuy nhiên, trong quá trình chỉ đạo đấu tranh chống phá bình định, Tỉnh ủy còn chủ quan, đơn giản trong việc đánh giá tình hình, hữu khuynh, co thủ. Trong khi địch bình định chiếm đóng, cơ quan lãnh đạo chỉ huy lại không đứng chân trên địa bàn chủ yếu (chuyển về Thạnh Phú tuy chỉ một thời gian ngắn) do đó, sự chỉ đạo chiến trường bị hạn chế.

3. Chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định năm 1972

Cuối năm 1971, trên cơ sở thế và lực của ta đã phát triển, Trung ương Đảng đã chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược mùa Xuân năm 1972, giáng đòn quyết định vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Dựa trên phương hướng chiến lược của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, ngày 20-11-1971, Thường vụ Trung ương Cục ra Chỉ thị số 13/CT71 *khẩn trương hoàn thành bước 1,*

kịp thời chuyển sang bước 2, quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất trong thời gian tới.

Tháng 11-1971, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng, để quán triệt nghị quyết của trên và xây dựng quyết tâm.

Tỉnh ủy chủ trương:

- Khẩn trương học tập triển khai Chỉ thị số 13/CT71 của Trung ương Cục làm cho toàn Đảng bộ thông suốt quyết tâm chiến lược của trên, đồng thời, súc tích chuẩn bị khả năng ba mũi cơ sở, nhất là vùng tranh chấp nhằm vào mục tiêu, đồn bốt, bộ máy tề xã, ấp và các toán phòng vệ dân sự để chuẩn bị cho cuộc đồng khởi mới.

- Mở cuộc vận động chính trị lớn trong quần chúng khắp ba vùng, với nội dung nổi dậy phá bình định đổi đời, với tinh thần đứng lên tự cứu, tự giải phóng ấp, xã mình.

- Nhanh chóng tập trung ba tiểu đoàn của tỉnh, tổ chức huấn luyện để chuẩn bị cho các trận đánh lớn.

- Xác định điểm, diện, điều chỉnh bố trí cán bộ và lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận chuẩn bị kế hoạch từng vùng để bước vào chiến dịch.

Phương pháp tiến hành:

- Vừa triển khai học tập quán triệt, vừa tổ chức tấn công, lấy kết quả tấn công để động viên chính trị, xây dựng tư tưởng, đồng thời phát triển lực lượng.

- Mỗi cấp, mỗi lực lượng đều xác định điểm, diện, điểm phải tổ chức được trận then chốt mở màn chiến dịch.

Tỉnh ủy coi việc học tập phát động tư tưởng và xây dựng lực lượng là khâu quan trọng, do đó Tỉnh ủy phân công các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì việc phát động đội ngũ cốt cán của tỉnh, các đồng chí tỉnh ủy viên, thường vụ huyện ủy trực tiếp

phát động đội ngũ cốt cán của huyện, xã, ấp. Phát động đến đâu tổ chức thành lực lượng tiến công đến đó, bằng việc củng cố chi bộ, bổ sung du kích, tập hợp gia đình binh sĩ, nắm nội tuyến, bố trí lực lượng ba mũi tấn công từng mục tiêu, từng đồn bốt, xác định điểm, diện của xã, ấp để tập trung lực lượng khui điểm và mở rộng diện.

Trước khi vào chiến dịch, Tỉnh ủy, Tỉnh đội triển khai đường lối quân sự cho đội ngũ cốt cán quân sự, đồng thời, tổ chức Đại hội mừng công năm 1971 cho lực lượng vũ trang, bán vũ trang và an ninh vũ trang.

Các ngành, các đoàn thể nông dân, phụ nữ, thanh niên,... cũng tiến hành tổng kết hoạt động của ngành, đoàn thể trong năm 1971, đã tạo nên sinh khí mới trong toàn Đảng, toàn quân và quần chúng cách mạng trước khi vào chiến dịch.

Về tổ chức lực lượng, hình thành thế tấn công bằng ba mũi ở cơ sở: trong bước chuẩn bị tốt, vận động được 79.189 người vào các lực lượng, riêng lực lượng chính trị 19.424 người, trong lực lượng tấn công binh vận có 22.374 người, trong đó có người nhà binh sĩ, hình thành thế tấn công bằng ba mũi trên 100 đồn bốt, phục hồi 205 cơ sở nội tuyến, xây dựng thêm 178 cơ sở mới.

Lực lượng giao bưu và an ninh vũ trang tích cực soi mở hành lang, tổ chức lực lượng và phương tiện tại trạm đầu cầu sông Hàm Luông từ cù lao Minh qua cù lao Bảo để bảo đảm cho việc vận chuyển bộ đội tỉnh, cơ động mở chiến dịch trên mảng Giồng Trôm và Mỏ Cày. Bằng mọi cách giữ cho được sự lưu thông trên các cung đường thuộc tỉnh lộ 25, lộ 6 để phục vụ cho bộ đội tỉnh và khu, cơ động chiến đấu.

Tỉnh ủy xác định phương thức tấn công trong chiến dịch là: Phát huy sức mạnh ba thứ quân, kết hợp ba mũi: quân sự,

chính trị, binh vận mở chiến dịch tổng hợp ở khu vực điểm; kết hợp tấn công với nổi dậy, nổi dậy và tấn công để đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch, tiêu diệt địch, giành dân, giữ dân, giành quyền làm chủ.

Trong quá trình học tập, triển khai súc tích lực lượng chuẩn bị, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tấn công địch, tích cực xây dựng lực lượng, nhất là lực lượng tấn công bằng ba mũi ở cơ sở.

Cuối tháng 2-1972, Tiểu đoàn 560 cùng lực lượng địa phương quân Mỏ Cày Bắc, cùng quần chúng tại chỗ diệt tám đồn, diệt gọn một đại đội bảo an của chi khu Đôn Nhơn, giải tán phòng vệ dân sự ở các xã An Thạnh, Hưng Khánh Trung, Phước Mỹ Trung, Thạnh Ngãi mở ra một số lõm giải phóng. Ở Mỏ Cày Nam, địa phương quân huyện kết hợp với cơ sở binh vận diệt ba đồn ở Minh Đức, An Định, Bình Khánh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bằng ba mũi tiến công bao vây đồn bốt địch trên diện rộng. Ở Châu Thành, Tiểu đoàn 263 cùng lực lượng huyện diệt hai đồn và phục kích chặn đánh, diệt một đại đội bảo an của Tiểu đoàn 417 Gò Công. Tại Giồng Trôm, Tiểu đoàn 516 cùng du kích xã, ấp liên tục bao vây đồn bốt địch ở các xã Thạnh Phú Đông, Tân Hào, Long Mỹ, Phước Long, đánh tiêu hao nặng một đại đội bảo an chi khu. Các huyện Bình Đại, Thạnh Phú, Ba Tri chuyển lên vây đồn bốt, đưa lực lượng trinh sát vũ trang, tự vệ mật trừ gian, diệt ác, phát động quần chúng đấu tranh với địch phá lỏng thế kìm kẹp ở nhiều nơi. Do đó, lực lượng ba mũi ở cơ sở được nhân lên. Nhiều xã ở Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú,... du kích phát triển từ một tiểu đội lên trung đội, cơ sở binh vận từ 150 phát triển lên 300 nội tuyến, đồng tình, cảm tình.

Đầu tháng 3-1972, Quân khu 8 tăng cường đến Bến Tre một tiểu đoàn đặc công bộ (281) hoạt động trên địa bàn

Châu Thành Đông, các lực lượng vũ trang tỉnh trước đây phân tán từng đại đội, trung đội hoạt động, nay tập trung thành tiểu đoàn và khẩn trương huấn luyện quân sự theo yêu cầu tác chiến mới.

Cũng trong thời gian này, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã tiến hành nghiên cứu ba mục tiêu: Hậu cứ Trung đoàn 10 ở Bến Tranh, căn cứ pháo Đồng Gò và chi khu Trúc Giang. Sau khi đánh giá tình hình địch - ta, Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết định đánh tiêu diệt chi khu Trúc Giang, vì ở đây, ta xây dựng được Trung sĩ Lê Văn Nhân là nội tuyến trong chi khu sẵn sàng phối hợp hành động (thông qua chị Phương làm mật giao).

Chi khu Trúc Giang nằm trên trục lộ giao thông liên tỉnh: số 6 (Bến Tre - Mỹ Tho) và tỉnh lộ 17 (Trúc Giang - Bình Đại) cách thị xã Bến Tre hơn 6km về phía bắc. Ở đây, thường xuyên có một liên đội bảo an đóng giữ. Đêm 20-3-1972, Ban Chỉ huy Tỉnh đội sử dụng một đại đội đặc công của tỉnh cùng một đại đội đặc công của Tiểu đoàn 281 (Quân khu) kết hợp với nội tuyến tiến công tiêu diệt chi khu này. Do công tác chuẩn bị chiến trường chu đáo, lực lượng trong, ngoài hiệp đồng chặt chẽ nên sau gần một giờ chiến đấu, ta đã tiêu diệt gọn và làm chủ trận địa, địch chết và bị thương trên 100 tên, ta bắt sống năm tên, thu vũ khí và các phương tiện chiến tranh khác.

Đây là lần đầu tiên lực lượng vũ trang Bến Tre đánh diệt gọn một chi khu quân sự địch ở địa hình phức tạp, giành thắng lợi nhanh.

Cùng thời gian, cách chi khu Trúc Giang 800m về phía nam, một phân đội đặc công và đại đội của Tiểu khu 263 đã hiệp đồng nổ súng tập kích diệt một đại đội bảo an đóng giữ cầu Ba Lai. Ngày 27-3-1972, an ninh vũ trang của ta tập

kích vào Trung tâm chiêu hồi, Ty Công an ở nội ô thị xã, diệt và làm bị thương gần 100 tên. Tại Mỏ Cày, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với du kích và nhân dân tại chỗ diệt bảy đồn và có sáu vụ diệt ác trong vùng yếu. Tại Châu Thành Tây, thị xã, Giồng Trôm mỗi nơi gỡ một đồn địch. Những thắng lợi này đã tạo thêm thế mới để quân và dân Bến Tre bước vào đợt 1 chiến dịch.

Tháng 4-1972, chấp hành chỉ thị của Quân khu, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết định mở chiến dịch tiến công tổng hợp nhằm phối hợp với chiến trường toàn Quân khu tiêu diệt sinh lực địch, phát động quần chúng nổi dậy mở mảng, mở vùng ở nông thôn. Ban Chỉ đạo chiến dịch được thành lập gồm các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội. Bộ Tư lệnh Khu 8 đã cử đồng chí Lê Văn Khuyên (Tám Dần) - Phó Tư lệnh Quân khu về Bến Tre trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Ở từng khu vực điểm, Tỉnh ủy cũng chỉ định Ban Chỉ huy thống nhất. Cũng trong tháng 4-1972, đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) được đề bạt vào Khu ủy, nhưng vẫn còn ở chiến trường Bến Tre trong Ban Chỉ đạo chiến dịch.

Giai đoạn 1 của chiến dịch, Tỉnh ủy chọn Giồng Trôm làm trọng điểm mở mảng giải phóng, Ba Tri làm trọng điểm chuyển vùng yếu, Mỏ Cày Nam làm diện.

Tại Giồng Trôm, Tỉnh ủy bố trí hai tiểu đoàn bộ binh và một tiểu đoàn đặc công phối hợp cùng lực lượng địa phương. Tại Mỏ Cày Nam, bố trí Tiểu đoàn 590 mới xây dựng, một đại đội trợ chiến kết hợp với lực lượng địa phương.

Các huyện khác đều xây dựng từ một đến hai đại đội bộ binh cùng các binh chủng. Vào đợt 1 chiến dịch, ý đồ của Tỉnh ủy tổ chức tấn công vào bốn xã: Tân Hào, Long Mỹ, Thạnh Phú Đông và Phước Long, để diệt lực lượng viện binh, đưa phong

trào quần chúng nổi dậy tấn công ba mặt, hình thành cao trào gỡ đồn mở lõm, mở mảng giải phóng xã, ấp.

Đêm 1-4-1972, Tiểu đoàn 281 đặc công đánh thiệt hại nặng các đồn cấp đại đội như Bà Hòa, Ba Lạc, Cầu Cống trên tuyến giao thông số 5.

Tiểu đoàn 263 và Tiểu đoàn 516 chặn đánh quân cứu viện của địch ở xã Long Mỹ, diệt hai đại đội, tiêu hao một đại đội của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 10. Bộ đội huyện, du kích các xã phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh liên tiếp chặn đánh địch diệt từng tiểu đội, trung đội nhưng chưa đánh quỵ được viện binh, chưa đẩy được diện tấn công ba mũi tại điểm lên.

Du kích kết hợp cơ sở nội tuyến gỡ đồn ở Giồng Kè (Phước Long), Cồn Linh (Thạnh Phú Đông). Như vậy, tại trọng điểm Giồng Trôm, ta không giành được thắng lợi như kế hoạch đề ra nhưng đã ghìm chân các tiểu đoàn bảo an và lực lượng chủ lực tại đây.

Tại Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và Thạnh Phú, lực lượng ba mũi ở cơ sở đã hình thành thế bao vây kết hợp nội tuyến diệt 24 đồn. Đặc biệt, Ban Binh vận tỉnh chỉ đạo nội tuyến kết hợp với đặc công tỉnh diệt đồn cấp trung đội ở Bờ Xoài (Bình Khánh). Tiểu đoàn 560 chặn đánh diệt hai đại đội bảo an chi khu Hương Mỹ đi cứu viện tại An Định. Lực lượng quần chúng nổi dậy tiến công diệt tám đồn ở Minh Đức, Cẩm Sơn, Tân Trung, An Định và Bình Khánh. Cơ sở trong phòng vệ dân sự cùng quần chúng đã đốt năm trụ sở, giải tán 80 tên phòng vệ dân sự, gần 1.000 quần chúng và gia đình binh sĩ đã liên tiếp đấu tranh với bọn chỉ huy liên đội bảo an, bọn dân vệ ở các đồn bốt trên tuyến giao thông 30 (An Định - Hương Mỹ) để tìm chồng, con, em, tuyên truyền tin chiến thắng, giáo dục vận động hàng trăm tên bảo an bỏ ngũ.

Phối hợp với chiến trường trọng điểm, ở Mỏ Cày Bắc, lực lượng vũ trang địa phương và Tiểu đoàn 590 đã cùng quần chúng kết hợp với cơ sở binh vận diệt mười đồn, năm trụ sở tề xã và giải tán năm toán phòng vệ dân sự ở các xã Hưng Khánh Trung, Phước Mỹ Trung, Nhuận Phú Tân và Tân Thành Bình.

Tại huyện Thạnh Phú, quần chúng và gia đình binh sĩ bao vây nhiều đồn bốt địch. Bộ đội huyện cùng cơ sở nội tuyến diệt ba đồn ở An Thạnh, An Nhơn.

Ở Châu Thành, du kích mật, tự vệ mật đánh địch trên giao thông số 6, khu phố An Hóa, khu phố Tân Thạch diệt ác ôn, huy động quần chúng nổi dậy phá lỏng kìm kẹp, giải tán phòng vệ dân sự.

Sau một tháng tấn công và nổi dậy, Tỉnh ủy nhận định điểm chưa thắng lớn, bộ đội chưa diệt nhiều sinh lực địch, diện nổi dậy chưa rộng. Để đẩy mạnh tấn công mạnh mẽ hơn, đầu tháng 5-1972, Ban Chỉ đạo chiến dịch quyết định chuyển lực lượng vũ trang về địa bàn Ba Tri mở tiếp cao điểm "Rạng Đông".

Địa bàn Ba Tri tuy địa hình đồng bằng trống trải và bị địch bình định trong một thời gian dài, nhưng ở đây ta có cơ sở binh vận mạnh, có khả năng kết hợp ba mặt tiến công địch mở mảng, mở vùng; mặt khác, ta có điều kiện chặn đánh quân cứu viện trên đường 26 (Mỹ Lồng - Lương Quới). Từ đó, Tỉnh ủy hạ quyết tâm mở mảng Ba Tri trong thời gian bảy ngày nhằm ba yêu cầu:

- Chuyển vùng yếu Ba Tri, phá vỡ một bước quan trọng hệ thống kìm kẹp, phá chỗ dựa nhân, vật lực của địch;

- Mở ra một số lõm du kích trong vùng ruột, tạo thế tương quan có lợi cho ta;

- Thu hút địch, cho hai đại đội, bố trí trên lộ 26 (Giồng Trôm), tiêu diệt cho được một tiểu đoàn địch;

Tỉnh ủy chỉ đạo:

Khi ta đánh vào Ba Tri, các nơi như thị xã, mặt trận giao thông số 6, thị trấn Hương Mỹ tích cực hoạt động để phối hợp.

Ngày 12-5-1972, Đại đội đặc công tỉnh đã kết hợp cơ sở bên trong đánh diệt đồn Sân Banh Mỹ Chánh. Lực lượng quần chúng, du kích bao vây nhiều đồn ở các xã Mỹ Chánh, Mỹ Nhơn và Tân Xuân. Ngày 13-5-1972, Tiểu đoàn 401 bảo an tiểu khu phải đến giải tỏa. Tiểu đoàn 516 và Tiểu đoàn 263 chặn đánh địch. Cuộc chiến đấu đang diễn ra quyết liệt thì hai tiểu đoàn của Trung đoàn 10 từ thị xã xuống ứng cứu. Trên đường giao thông 26, đại đội đặc công, đại đội trợ chiến không hoàn thành nhiệm vụ chặn địch. Do đó, ở ba Mỹ (Mỹ Nhơn, Mỹ Chánh Hòa, Mỹ Thạnh), các lực lượng vũ trang phải chiến đấu với nhiều tiểu đoàn địch. Bọn bảo an Ba Tri đã chiếm đóng lại đồn Mỹ Chánh. Cơ sở nội tuyến ở các đồn bốt không dám hành động, địch dội bom, bắn phá ác liệt vào trận địa. Phong trào ba mũi ở cơ sở bị núng thế. Lực lượng vũ trang của ta không được bổ sung thêm quân số và vũ khí nên đã không bám trụ được dài ngày và phải rút về Giồng Trôm. Ta không mở được mảng ở Ba Tri như ý định.

Trong khi tiến công ở điểm, diện chung toàn tỉnh đã chuyển lên, hình thành thế tiến công liên tục, bao vây đồn bốt, chuyển thế tấn công ba mũi ở cơ sở, mỗi huyện tạo thành thế liên hoàn từ 30 đến 50 đồn tua, cắt đứt nhiều đoạn đường giao thông, buộc địch phải rải quân đối phó.

Tại Mỏ Cày Bắc, hiệp đồng ba mũi tấn công đã gỡ mười đồn tua và trụ sở tề, giải tán bốn toán phòng vệ dân sự. Mỏ Cày Nam gỡ tám đồn tua và trụ sở tề, giải tán 80 phòng vệ dân sự. Thạnh Phú gỡ ba đồn.

Điểm đáng chú ý là phong trào tấn công địch bằng ba mặt chuyển lên mạnh. Những nhân tố mới trong công tác binh vận

đã xuất hiện, vợ vận động chồng, cha vận động con khởi nghĩa diệt đồn như: chị Hoàng Nhu vận động em trai đưa lính trong đồn Vĩnh Hiệp (Vĩnh Thành - Chợ Lách) ra hàng Quân giải phóng; chị Nguyễn Thị Đá cùng chồng gỡ đồn Cổ Cò...

Ở thị xã, thị trấn, các đội biệt động, trinh sát vũ trang bằng khả năng hiện có đã đánh sâu, đánh hiểm, hỗ trợ cho quần chúng nội, ngoại ô diệt ác, phá kìm.

Trong lúc địch điều Trung đoàn 10 (Sư đoàn 7) đi chiến trường Đồng Tháp, ta đã vận động 500 người nhà binh sĩ hằng ngày trực sẵn trên đường giao thông 26, đón đường chúng hành quân, vận động phá rã 130 binh lính.

Trong giai đoạn 1 của chiến lược mùa Xuân năm 1972, về cơ bản ta đã giành được thắng lợi có tính toàn diện ở trọng điểm cũng như diện ở khắp ba vùng. Nhưng so với yêu cầu chưa đạt tốt theo quyết tâm và ý định. Trong sự chỉ đạo của Tỉnh ủy thiếu tập trung dồn khả năng diệt đồn, phá kìm kẹp giải phóng xã, ấp. Phong trào ở vùng yếu, thị xã, thị trấn tuy có vươn lên, nhưng chưa phát huy tốt thế ba mũi tấn công liên tục, sau những trận đánh sâu, đánh hiểm của lực lượng trinh sát vũ trang, biệt động ở thị xã, ở khu phố Tân Thạch (Châu Thành), Mỹ Lồng (Giồng Trôm) và cuộc đột nhập của địa phương quân Mỏ Cày vào thị trấn Hương Mỹ.

Ngày 9-5-1972, Thường vụ Trung ương Cục ra Chỉ thị số 03/CT72 về *tập trung lực lượng quân sự, phối hợp với nổi dậy của quần chúng và binh vận, dứt điểm, mở toang từng khu vực, giải phóng từng vùng nông thôn rộng lớn, làm chuyển biến hẳn cục diện chiến trường,* Tỉnh ủy đã sử dụng một bộ phận chủ lực cùng với lực lượng vũ trang địa phương mở chiến dịch tấn công tổng hợp đánh phá bình định trên chiến trường Quân khu 8 nhằm tiêu diệt từng đơn vị, tiến tới đánh quỵ Sư đoàn 7 ngụy và

một số đơn vị chủ lực khác, phá rã phần lớn bộ máy kìm kẹp của địch, giải phóng phần lớn vùng nông thôn ở tỉnh Mỹ Tho, Kiến Tường, Kiến Phong, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh; qua đó, làm thay đổi cục diện chiến trường của Quân khu 8 và chiến trường đồng bằng sông Cửu Long.

Tỉnh ủy mở hội nghị để quán triệt chỉ thị trên và học tập rút kinh nghiệm cách đánh "mở mảng, cuốn chiếu" giải phóng xã, ấp của bắc Bình Định.

Tỉnh ủy phân công các tỉnh ủy viên đi phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 03/CT72 đến các cấp ủy, lực lượng vũ trang và đẩy mạnh tuyên truyền, phát động quần chúng.

Cuối tháng 5-1972, đợt 2 giai đoạn 1 của chiến dịch kết thúc, Ban Chỉ đạo chiến dịch tập trung các lực lượng vũ trang về nam Giồng Trôm, rút kinh nghiệm.

Ngày 23-6-1972, Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 của ngụy đã rút khỏi chiến trường Bến Tre đi đối phó ở chiến trường Mỹ Tho và biên giới. Ngày 5-7-1972, bọn chỉ huy vùng 4 chiến thuật gấp rút xây dựng Chiến đoàn A bảo an gồm các Tiểu đoàn 418, 415 và 413 để thay thế vai trò quân chủ lực đã rút đi. Đây là chiến đoàn bảo an cơ động đầu tiên được xây dựng thí điểm ở Bến Tre.

Được sự chấp thuận của Bộ Tư lệnh Quân khu 8, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã họp và quyết định xây dựng một trung đoàn cơ động của tỉnh gồm các Tiểu đoàn 516, 263, 590 và các phân đội thông tin trinh sát, đặc công, trợ chiến, Trung đoàn được mang tên: Trung đoàn Đồng Khởi, Ban Chỉ huy Trung đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Ba (Mười Phục), Lê Văn Nhờ (Hai Nghĩa), Lê Văn Trò (Chín Quang), Trần Minh Tích (Ba Tích). Trung đoàn Đồng Khởi ra đời đánh dấu một bước phát triển mới của chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Ngày 7-7-1972, trung đoàn làm lễ ra mắt đồng bào Bến Tre ở xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam.

Giai đoạn 2 của chiến dịch, Tỉnh ủy chọn Mỏ Cày Nam làm điểm và điều ba tỉnh ủy viên, hai cán bộ trung cấp, mười cán bộ các ban Đảng về điểm cùng cấp ủy các địa phương phát động quần chúng, xây dựng lực lượng tấn công ở xã, ấp, sau đó, đoàn cán bộ tỉnh chuyển sang Mỏ Cày Bắc chuẩn bị cho hướng phát triển chiến dịch.

Tại trọng điểm Mỏ Cày Nam, ta chia làm hai khu vực: khu vực A gồm các xã Phước Hiệp, Bình Khánh, Định Thủy; khu vực B gồm An Thới, Thành Thới, An Thạnh.

Đầu tháng 7-1972, chấp hành mệnh lệnh phối hợp tiến công cùng chiến trường toàn Quân khu và toàn miền, Ban Chỉ đạo chuyển trọng điểm chiến dịch sang địa bàn Mỏ Cày Nam. Phát động quần chúng nổi dậy mở mảng, trọng điểm là ba xã: Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy và chọn hai xã An Thới và xã Thành Thới làm diện. Tỉnh ủy coi đây là đợt then chốt của toàn bộ chiến dịch tổng hợp năm 1972.

Để thăm dò khả năng đối phó của lực lượng Chiến đoàn A bảo an tiểu khu, ngày 3-7-1972, đặc công tỉnh phối hợp với cơ sở binh vận diệt đồn cấp đại đội ở Bình Khánh. Bảo an của chi khu Hương Mỹ đến cứu viện bị diệt hai đại đội. Ngày 6-7-1972, Tiểu đoàn 560 phục kích tại Phước Hiệp, diệt thêm một đại đội bảo an Mỏ Cày. Tiểu đoàn 590 phục kích đánh tiêu hao nặng một đại đội thuộc Tiểu đoàn 401 bảo an đi ứng cứu.

Du kích xã, ấp đã kết hợp với lực lượng quần chúng diệt ba đồn ở lộ Chùa (Minh Đức), Địa Nhưỡng (An Định), Bà Hòe (Thành Thới) đưa khí thế tiến công của các lực lượng ở trọng điểm lên cao. Bị tiêu diệt, tiêu hao nặng, tinh thần sa sút, binh lính trong các đồn bốt ở khu vực này co cụm lại.

Vào cao điểm 1 giai đoạn 2 của chiến dịch, Ban Chỉ đạo đề ra hai phương án chiến đấu:

Phương án 1: Sử dụng đặc công, pháo (cối), phối hợp với binh vận diệt chi khu Mỏ Cày và tổ chức đánh quân cứu viện, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng nổi dậy tiến công mở mảng, mở vùng.

Phương án 2: Diệt từng đồn, chặn đánh quân cứu viện, diệt từng tiểu đoàn địch; kiên trì bám trụ mở mảng trên diện rộng, buộc lực lượng bảo an cơ động tiểu khu đi ứng cứu, tạo điều kiện để bộ đội ta tiêu diệt chúng.

Đêm 9-7-1972, ta quyết định đánh chi khu Mỏ Cày nhưng vì công tác nghiên cứu chiến trường chưa kỹ, không ước lượng đúng mực nước thủy triều lên xuống của sông Mỏ Cày nên bộ đội ta không tiếp cận được mục tiêu. Kế hoạch diệt chi khu Mỏ Cày không thành, Ban Chỉ đạo nhanh chóng chuyển sang phương án 2.

Thực hiện phương án 2, ý đồ của Tỉnh ủy đưa lực lượng vây đồn trên diện rộng, ở khu vực A tiêu hao sinh lực của chúng, đồng thời uy hiếp hệ thống đồn bốt trên diện rộng ở khu vực B, hình thành một số trận diệt viện ở khu vực A.

Tại trọng điểm Mỏ Cày Nam, sau 15 ngày tấn công nổi dậy, ta diệt gọn ba tiểu đoàn, hai đại đội bảo an, đánh thiệt hại bốn tiểu đoàn bảo an cơ động tiểu khu, diệt tám đồn bốt (Lò Lu, Tư Lực, Hai Cầm, Năm Bê, Năm Tân (Thành Thới), Sáu Huề (Bình Khánh), Búng Ba Châu, Giồng Võ (An Định)), bức rút nhiều đồn bốt khác, giải phóng cơ bản xã Phước Hiệp và phần lớn các xã Định Thủy, Bình Khánh, Thành Thới, An Thới, hình thành hai khu vực giải phóng liên hoàn sát giao thông An Định - Mỏ Cày.

Tại Giồng Trôm, bằng ba mũi giáp công ta bao vây gần 30 đồn bốt, tập trung ở ba xã Lương Phú, Thuận Điền, Long Mỹ.

Khi lực lượng bảo an cơ động tiểu khu bị đánh tơi tả ở Mỏ Cày Nam, ở Giồng Trôm, địch phải đưa các liên đội và các đại đội bảo an biệt lập bổ sung cho tiểu khu, cộng với thế bao vây của lực lượng ở xã, ấp buộc địch phải rút 13 đồn bốt. Các xã Lương Phú, Thuận Điền và Long Mỹ hoàn toàn giải phóng. Huyện ủy đã vận động gia đình binh sĩ đi vận động chồng con, phá rã 200 tên bảo an, kết hợp giữa cơ sở binh vận và ba mũi diệt đồn Cầu Tàu (Sơn Phú).

Tại Mỏ Cày Bắc, thế tấn công bằng ba mũi phát triển ngay trong vùng yếu (Phú Sơn, Khánh Thạnh Tân, Vĩnh Hòa). Trên 500 gia đình binh sĩ cùng lực lượng chính trị của quần chúng đã bao vây trên 50 đồn bốt. Cơ sở nội tuyến kết hợp với lực lượng ba mũi đã diệt bốn đồn: Thanh Trung, Gia Phước (Hưng Khánh Trung), Lộc Thành (Tân Bình), Giồng Dầu (Tân Thanh Tây), đánh thiệt hại nặng chi khu Đôn Nhơn.

Tại thị xã, trinh sát vũ trang đã tập kích trung tâm thẩm vấn và đánh thiệt hại nặng trường huấn luyện dân vệ gần sân bay Tân Thành. Gia đình binh sĩ và quần chúng vùng ven và nội ô loan tin chiến thắng, dồn dư luận vào tiểu khu và các cơ quan đầu não của địch, phân hóa hàng ngũ của chúng. Hơn 300 gia đình binh sĩ nhiều đợt vào tiểu khu, "Nhà vĩnh biệt", trại gia binh, hậu cứ bảo an và Trung đoàn 10, phá rã trên 200 binh sĩ. Các cuộc đấu tranh trên buộc địch phải chôn chân tại thị xã một tiểu đoàn bảo an cơ động để đối phó.

Ngày 28-7-1972, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng. Hội nghị đã đánh giá tình hình sau bốn tháng tấn công nổi dậy.

Về quân sự: Trong bốn tháng nổi dậy, quân và dân trong tỉnh đã tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 17.500 tên, diệt và làm thiệt hại nặng lực lượng bảo an cơ

động, tiêu diệt ba tiểu đoàn, làm tiêu hao nặng các tiểu đoàn còn lại, phá rã 4.500 phòng vệ dân sự, đặc biệt lực lượng cơ động của các chi khu đã giảm sút, không đủ sức đối phó phong trào cách mạng tại chỗ.

Ta đã hình thành được thế tấn công bằng ba mũi giáp công trên diện rộng ở nông thôn, đã diệt 177 đồn tua, công sở, trong đó, có 56 đồn tua bị diệt bằng kết hợp cơ sở binh vận, bức rút 95 đồn, phá vỡ tuyến phòng ngự vững chắc của địch như ở Bình Khánh, Phước Hiệp, Thành Thới (Mỏ Cày), đường số 5 và tuyến sông Ba Lai (Châu Thành),... mở ra nhiều lõm giải phóng trên những địa bàn then chốt. Hội nghị Tỉnh ủy đã rút ra ba điểm lớn:

- Trong công tác tổ chức, chuẩn bị chiến trường tốt, cụ thể Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập ba phái đoàn chuẩn bị trên ba mặt quân sự, chính trị, binh vận, tăng cường cán bộ cốt cán lãnh đạo, có kiểm tra, đôn đốc.

- Ý đồ của Tỉnh ủy được quán triệt thông suốt trong cán bộ cốt cán, các cấp ủy huyện và cơ sở.

- Tuy nhiên, trong chỉ đạo, còn có thiếu sót: Lẽ ra sau khi ta giành thắng lợi ở An Định và Thành Thới mở ra tuyến ven sông Cổ Chiên 6km, ta nên tập trung lực lượng của Trung đoàn Đồng Khởi giữ tuyến Lò Lu, Tư Lực (An Thới) sát Thành Thới và tấn công phát triển sẽ giải phóng được hai xã An Thới và Thành Thới. Sau khi rút cán bộ chủ chốt về tỉnh học tập Chỉ thị số 07/CT72 ngày 9-8-1972 của Thường vụ Trung ương Cục *về phát động đợt học tập chính trị đặc biệt nhằm quán triệt yêu cầu tiến công cách mạng*, đưa các tiểu đoàn tấn công vùng yếu, không những không mở vùng được mà mất cả vùng mới mở ra ở Thành Thới và An Thới.

Trước những thất bại nặng nề, cuối tháng 7-1972, địch sử dụng nhiều lượt máy bay B52 đánh vào các vùng mới giải phóng

ở Thuận Điền, Long Mỹ (Giồng Trôm), Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày) hòng uy hiếp tinh thần và đánh vào lực lượng cách mạng.

Đầu tháng 8-1972, Quân khu 8 điều Trung đoàn Đồng Tháp về Bến Tre đứng chân hoạt động ở Châu Thành Tây. Trung đoàn Đồng Khởi được điều về Mỏ Cày Bắc, Ban Chỉ đạo chiến dịch sử dụng hai trung đoàn này hoạt động ở hai trọng điểm Mỏ Cày Bắc và Châu Thành Tây phối hợp căng kéo địch hỗ trợ cho phong trào quần chúng vây đồn, gỡ bốt. Đồng thời, Tiểu đoàn 516 đứng chân ở Mỏ Cày Nam cùng bộ đội huyện tiếp tục tiến công và kìm chân địch.

Ngày 11-8-1972, toàn tỉnh bước vào cao điểm 2 (giai đoạn 2) của chiến dịch.

Ngày 12-8-1972, Trung đoàn Đồng Khởi chuyển quân sang Mỏ Cày Bắc hình thành vùng điểm ở hướng nam lộ Giồng Keo - Ba Vát. Tại đây, ta đã đánh thiệt hại nặng công sở xã Thành An và Tiểu đoàn 418 đi cứu viện, trong bảy ngày bằng ba mũi giáp công ở xã ấp, ta đã gỡ năm đồn, bức rút năm đồn khác. Hướng phụ do đại đội địa phương quân huyện phụ trách khu vực Tân Phú - Thạnh Ngãi bức rút sáu đồn.

Lực lượng ba mũi ở xã ấp đã triển khai bao vây tấn công 60 mục tiêu. Riêng điểm đột phá ở cánh B[1] có hơn 800 gia đình binh sĩ đi vận động chồng, con, em, phá rã 80 binh sĩ... Từ đó, nhân mối cơ sở binh vận thêm 25 mục tiêu.

Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1972, đã có 13 cơ sở nội tuyến kết hợp với lực lượng bên ngoài san bằng bảy đồn bốt: Giồng Nâu, Phú Hòa (Nhuận Phú Tân); Cầu Tre, Cầu Dầu, Ba Bền (Phước Mỹ Trung); Gia Phước (Hưng Khánh Trung); Tân Thông 3 (Thanh Tân). Trên đà phát triển thế tấn công ba mũi,

1. Cánh B gồm các xã: Nhuận Phú Tân, Phước Mỹ Trung, Hưng Khánh Trung, Thanh Tân,...

kết hợp nội tuyến khởi nghĩa lập công đã diệt gọn công sở tề Tân Thanh Tây, bốt Bảy Song (Hưng Khánh Trung), trụ sở phòng vệ dân sự ở Khánh Thạnh Tân, bốt dân vệ Giồng Ao, bốt Cái Ngan (Thạnh Ngãi), bốt Cây Duối (Hưng Khánh Trung). Khí thế tấn công ba mũi tiếp tục đẩy mạnh, bức rút 15 đồn tua khác ở Nhuận Phú Tân, Hưng Khánh Trung, Tân Thanh Tây, Thành An, Thạnh Ngãi,... đã mở ra vùng giải phóng liên hoàn từ Thành An qua Tân Bình, từ Tân Thành Bình đến giáp xã Phú Sơn, từ Khánh Thạnh Tân đến giáp Vĩnh Thành. Ngoài ra, ta tập hợp hàng ngàn quần chúng và gia đình binh sĩ đi vận động binh lính các Tiểu đoàn bảo an 418, 415, hướng dẫn kháng lệnh, rã ngũ, án binh ngoài mặt trận... tạo điều kiện cho phong trào tấn công bằng ba mũi phát triển.

Trong chỉ đạo tại điểm Mỏ Cày Bắc, Tỉnh ủy có thiếu sót là khi giành thắng lợi chưa triệt để ở Hưng Khánh Trung, Nhuận Phú Tân, Khánh Thạnh Tân, ta lại chuyển sang Thạnh Ngãi, sơ hở để địch chiếm lại vùng mới mở ra. Nếu ta đưa Tiểu đoàn 560 cùng Trung đoàn Đồng Khởi đánh quỵ viện binh ngay từ đầu sẽ giành thắng lợi lớn hơn. Hiệp đồng với trọng điểm Mỏ Cày Bắc, tại Châu Thành Tây, Trung đoàn Đồng Tháp, bộ đội huyện và quần chúng địa phương đã bao vây, bức rút sáu đồn ở Tân Lợi (Tân Phú), Thành Triệu, Phú Túc, Phú Đức mở rộng vùng giải phóng. Bọn chỉ huy vùng IV chiến thuật phải đưa Trung đoàn 16 Sư đoàn 9 ngụy và Tiểu đoàn biệt động quân 42 vào Châu Thành ứng cứu, đồng thời, tăng cường máy bay B52 đánh phá. Trung đoàn Đồng Tháp đã liên tiếp chặn đánh, tiêu diệt, tiêu hao nhiều tên địch. Lực lượng ba mặt ở cơ sở yếu, nên ta không mở mảng, mở rộng vùng như ý định. Ở Mỏ Cày Nam, ta tiến công địch, giữ được các khu vực mới mở, mở thêm một số lõm giải phóng ở Thành Thới, Đa Phước Hội, Định Thủy và An Định. Các huyện Ba Tri,

Bình Đại, Giồng Trôm đều tích cực đẩy mạnh thế tiến công, bao vây trên 70 đồn; bức rút sáu đồn, mở ra một số ấp giải phóng. Ở Thạnh Phú, đêm 12-8-1972, lực lượng vũ trang huyện đã cùng với một phân đội của tiểu đoàn 518 (tiếp vận A - Quân khu) kết hợp với cơ sở nội tuyến diệt đồn Cồn Bửng (Thạnh Phong), chặn đánh tiêu diệt gần hết Đại đội 883 chi khu đi ứng cứu. Hàng trăm chị em phụ nữ khác đã cùng với lực lượng vũ trang xã, ấp đắp "pháo đài" bao vây tiến công địch diệt đồn Bần Mít (Thạnh Phong) và năm đồn khác ở Giao Thạnh, Thạnh Phú, An Quy, mở ra nhiều ấp giải phóng. Để phát triển thế tiến công địch, đầu tháng 9-1972, Ban Chỉ đạo chiến dịch điều Trung đoàn Đồng Tháp về Châu Thành Đông cùng với Tiểu đoàn 560 đánh địch mở mảng ở khu vực này.

Trung đoàn Đồng Khởi chuyển về địa bàn Giồng Trôm phối hợp tiến công với Trung đoàn Đồng Tháp, hình thành hai mũi ép địch vào đường giao thông 26, uy hiếp thị xã.

Ngày 6-9-1972, Trung đoàn Đồng Tháp và Tiểu đoàn 560 diệt địch trong khu phố An Hóa (Châu Thành Đông) và làm chủ khu vực này trong ba ngày liền, đồng thời, phục kích đánh thiệt hại nặng liên đội bảo an chi khu Trúc Giang đi cứu viện. Tình hình ở đây đang phát triển, giữa tháng 9-1972, Bộ Tư lệnh Quân khu 8 điều Trung đoàn Đồng Tháp về Mỹ Tho; Trung đoàn 16, Sư đoàn 9 ngụy cũng rời khỏi Bến Tre.

Trong khi đó, quân dân Mỏ Cày tiếp tục đẩy mạnh tiến công địa bàn bằng ba mũi giáp công, diệt năm đồn, bức rút chín đồn, xã Phước Hiệp hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 25-10-1972, đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) nhận công điện của Khu ủy triệu tập về Khu nhận công tác mới. Trong điều kiện không họp được đầy đủ các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chờ sự quyết định của

Khu ủy, đồng chí Lê Minh Đào (nguyên Tỉnh đội trưởng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) Phó Tư lệnh Quân khu 8 đang chỉ đạo chiến trường Bến Tre thay thế điều hành công việc chung của Tỉnh ủy.

Cuộc tấn công và nổi dậy Xuân Hè năm 1972 của quân dân Bến Tre đã giành được thắng lợi to lớn. Ta đã tiêu diệt 1.051 tên địch, làm bị thương, bắt sống 6.687 tên, phá rã 13.844 tên, diệt 185 đồn bốt, bức rút 162 đồn. Các xã Lương Phú, Thuận Điền, Long Mỹ, Phước Hiệp và 167 ấp hoàn toàn giải phóng chuyển 50 xã lên tranh chấp mạnh, 15 xã tranh chấp yếu, hơn 16 vạn dân giành quyền làm chủ.

Ngày 30-12-1972, Đại hội đại biểu quân - dân - chính - Đảng tỉnh tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm đã bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bến Tre lần I, gồm các vị:

- Ông Đoàn Văn Đức - Chủ tịch
- Ông Lê Văn Nhờ (Hai Nghĩa) - Phó Chủ tịch
- Ông Lê Minh - Ủy viên tài chính
- Ông Nguyễn Văn Khoe (Ba Khoe) - Ủy viên nông nghiệp
- Ông Lê Hà - Ủy viên thông tin
- Ông Hồ Thiện Hưng - Ủy viên y tế
- Bà Trần Thị Thủy - Ủy viên phụ trách thương binh - xã hội
- Ông Trịnh Văn Nở - Ủy viên quân sự
- Ông Lê Quang - Ủy viên an ninh.

Đánh giá thắng lợi năm 1972, trong Nghị quyết Tỉnh ủy năm 1974 đã ghi rõ: Thắng lợi năm 1972 cũng là thắng lợi của bài học tư tưởng tiến công, nắm vững quan điểm bạo lực, quan điểm quần chúng và tinh thần tự lực tự cường của Đảng và quân dân tỉnh nhà. Nó biểu hiện tinh thần đoàn kết nhất trí nổi dậy tấn công phất cờ tiền phong lãnh đạo của cán bộ,

đảng viên kể cả đảng viên mật ở vùng sâu, vùng yếu và đảng viên chiến đấu trong lòng địch.

Thắng lợi của năm 1972 là thắng lợi của sự nổi dậy tấn công đều khắp của quần chúng trên cả ba vùng kể cả những gia đình binh sĩ; là thắng lợi của việc vận dụng phương châm kết hợp ba mũi giáp công, phối hợp chiến đấu giữa bộ đội tập trung tỉnh, bộ đội huyện, dân quân, du kích và lực lượng an ninh vũ trang liên tục tấn công địch. Vừa đẩy mạnh ba mũi giáp công bao vây, bức rút, bức hàng đồn bốt ở vùng tranh chấp, vừa đánh sâu, đánh hiểm tiêu diệt kho tàng, đánh địch trên giao thông, trừ gian diệt ác vùng yếu, vùng kìm kẹp tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù.

Thắng lợi trên đây của quân dân Bến Tre đã góp phần cùng toàn miền tạo nên thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, làm sụp đổ ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Trong quá trình tiến công chiến lược, Đảng bộ cũng như lực lượng chính trị, vũ trang đều phát triển. Đảng bộ đã kết nạp thêm 1.000 đảng viên mới, nâng số đảng viên trong tỉnh lên 6.473 người, phát triển thêm 102 huyện ủy viên, 67 xã thành lập đảng ủy, 382 ấp có chi bộ đảng, 30.000 hội viên các đoàn thể, 3.590 đoàn viên thanh niên.

Lực lượng vũ trang tỉnh, huyện có bước trưởng thành. Tỉnh đã xây dựng được một trung đoàn và một tiểu đoàn độc lập, tuyển 861 tân binh và 270 du kích để xây dựng trung đoàn và các binh chủng. Cuối năm 1972, toàn tỉnh đã có 900 du kích xã, 1.362 du kích ấp, 272 du kích mật, 87 an ninh mật. Trên địa bàn các huyện đã hình thành 26 đại đội du kích liên quân do các ban chỉ huy huyện đội trực tiếp chỉ huy.

Các huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, Thạnh Phú, Giồng Trôm chuẩn bị lập một tiểu đoàn địa phương quân.

Tuy nhiên, trong việc chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong đợt tấn công năm 1972 còn có những thiếu sót là chưa đặc biệt coi trọng tấn công vào vùng sâu, vùng yếu, do đó, tương quan lực lượng giữa ta và địch chưa thay đổi.

Thắng lợi to lớn của cuộc tiến công chiến lược Xuân Hè năm 1972 có ý nghĩa chiến lược, giáng những đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Thắng lợi này cùng với thắng lợi đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 ở miền Bắc, đặc biệt là chiến thắng oanh liệt đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của không quân Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng đã buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari (Paris) ngày 27-1-1973, mở ra thời kỳ đấu tranh mới rất thuận lợi để nhân dân hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

VI- CHỐNG ĐỊCH PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH PARI, TIẾN LÊN HƯỞNG ỨNG CUỘC TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975, GIẢI PHÓNG TỈNH BẾN TRE (TỪ NGÀY 27-1-1973 ĐẾN NGÀY 1-5-1975)

1. Chống địch phá hoại Hiệp định Pari, giữ và mở rộng vùng giải phóng

Hiệp định Pari được ký kết, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đã chuyển sang một bước ngoặt lớn. Buộc phải ký Hiệp định, mặc dù đế quốc Mỹ còn rất ngoan cố, chưa từ bỏ âm mưu xâm lược miền Nam, nhưng trong thực tế, Mỹ chấp nhận chịu thua nhân dân Việt Nam về cơ bản, tạo nên tình hình so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Đó là cơ sở vững chắc để nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Thực hiện "kế hoạch thời cơ" của Khu ủy và Quân khu ủy, Tỉnh ủy đã huy động lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích

xã, ấp và quần chúng cách mạng ở cả ba vùng, đặc biệt là quần chúng vùng yếu, thị xã, thị trấn,... đồng loạt nổi dậy tranh thủ cắm cờ, giữ đất, chuyển vùng giành thêm những địa bàn đứng chân có lợi trước giờ ngừng bắn có hiệu lực.

Cho đến trước ngày 28-1-1973, ta đã chiếm lĩnh trên 200 ấp, nâng tổng số ấp do ta làm chủ lên 600 ấp trên tổng số 824 ấp trên toàn tỉnh, có nơi ta cắm cờ sát đồn bốt, giữ được thế bám trụ từ 15 đến 20 ngày sau ngày 28-1-1973.

Không cam chịu thất bại, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" giúp bọn ngụy quyền tay sai phá hoại Hiệp định, mở các cuộc hành quân càn quét lấn chiếm vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Chúng nêu khẩu hiện "bốn không": không có hòa bình, không ngừng bắn, không có giải pháp chính trị và không có tổng tuyển cử.

Ở Bến Tre, đúng vào giờ Hiệp Định ngừng bắn có hiệu lực, với kế hoạch đã được chuẩn bị trước, Mỹ - ngụy tập trung lực lượng tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét vùng giải phóng, hò hét "tràn ngập lãnh thổ" nhằm xóa bỏ hình thái xen kẽ da beo trên chiến trường.

Ngày 17-2-1973, địch tập trung chín tiểu đoàn bảo an (trong số 12 tiểu đoàn trong tỉnh) và bốn tiểu đoàn bảo an Gò Công lấn chiếm bốn xã của Giồng Trôm (ba xã giải phóng và một xã tranh chấp), đóng chiếm 15 đồn ở các xã Mỹ Thạnh, Thuận Điền, Lương Hòa, Lương Phú, Long Mỹ, Tân Hào, Hiệp Hưng. Chúng giao nhiệm vụ cho từng đại đội phải đóng cho được một đến hai đồn trong ngày. Đồn bốt làm cấp tốc, chỉ đắp bờ thành, đào hầm,... giao cho dân vệ địa phương đóng giữ rồi tiếp tục chiếm đóng nơi khác.

Ở các huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, địch tăng cường mỗi huyện hai tiểu đoàn bảo an tỉnh, còn các huyện khác do lực lượng chi khu, dân vệ địa phương càn quét, đóng đồn, xây bốt.

Đi đôi với hoạt động quân sự, địch củng cố 200 trung đội dân vệ ở vùng tranh chấp, thị xã, thị trấn, đưa 800 cán bộ bình định và cán bộ xây dựng nông thôn về xã, ấp đánh phá phong trào cách mạng. Đồng thời, chúng tăng cường bắt lính đôn quân nâng tổng số lên 25.500 tên với đủ sắc lính. Chúng tìm mọi cách khống chế ta về kinh tế, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp.

Hiệp định Pari được ký kết, Tỉnh ủy chủ trương: Mở một cuộc vận động chính trị to lớn và rộng khắp cả ba vùng, đưa khí thế quần chúng lên cao, phát huy rộng rãi cách đánh bằng ba mũi giáp công, kết hợp với pháp lý của Hiệp định, đẩy chúng vào thế suy sụp, tạo thế, tạo lực đánh địch nếu chúng liều lĩnh gây lại chiến tranh.

Ngày 1-3-1973, căn cứ vào Chỉ thị số 02/CT73 của Thường vụ Trung ương Cục về chỉ đạo các địa phương tích cực chuẩn bị một cao trào đấu tranh rộng lớn trong toàn miền và sự chỉ đạo của Khu, trên cơ sở kiểm điểm đánh giá tình hình giữa ta và địch trong đợt 10 ngày chống lấn chiếm, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 01/CT73 "Mở đợt hoạt động phối hợp đầu tháng 3-1973", với hai yêu cầu:

Trên cơ sở giữ vững thế triển khai lực lượng chính trị, vũ trang đứng chân có lợi ở cả ba vùng, phát huy và mở rộng thế làm chủ trong kế hoạch thời cơ và đợt tấn công chống lấn chiếm, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đẩy mạnh cao trào đấu tranh chính trị, binh vận và phát huy về mặt pháp lý của Hiệp định Pari, kết hợp chặt với đẩy mạnh tấn công vũ trang ở cả ba vùng, tích cực tiêu diệt và làm rã nhiều địch nhằm:

+ Tập trung thực hiện yêu cầu chủ yếu trước mắt là kiên quyết đánh bại lấn chiếm của địch, giữ vững các vùng giải phóng, làm chủ các đường hành lang liên tỉnh, liên huyện.

+ Tranh thủ mở rộng thêm vùng, hình thành các khu vực giải phóng làm chủ liên hoàn nhiều ấp, nhiều xã, liên huyện và chuyển phong trào vùng yếu lên một bước.

Đi đôi với đẩy mạnh tấn công toàn diện khắp ba vùng, ra sức xây dựng phát triển lực lượng vũ trang, chính trị theo chỉ tiêu đã đề ra. Trước mắt, tập trung cho xây dựng bộ đội tập trung huyện, tỉnh, du kích xã, ấp, bảo đảm diệt địch, giữ và mở vùng. Các yêu cầu nhiệm vụ trên đều rất quan trọng, nhưng trước mắt tập trung vào yêu cầu đánh bại lấn chiếm của địch, giữ vững các vùng giải phóng then chốt phía nam Giồng Trôm, Thạnh Phú, phía tây Châu Thành, các vùng quan trọng, khu vực trọng điểm tỉnh gồm các xã phía nam Giồng Trôm, khu vực ven biển Thạnh Phú, các xã An Khánh, Phú Túc, Tường Đa (phía tây Châu Thành).

Tỉnh ủy chỉ đạo: Phải nắm vững phương châm chính trị, binh vận làm chính trị, vũ trang làm hậu thuẫn trực tiếp có tính chất quyết định, chuyển mũi chính trị, binh vận lên cao trào với phương thức thích hợp, phát huy tác dụng pháp lý Hiệp định buộc địch phải thực hiện Hiệp định.

Tại Giồng Trôm, Tỉnh ủy và Huyện ủy kịp thời tổ chức phản công và tấn công đánh trả âm mưu lấn chiếm, bình định của địch bằng ba mũi giáp công ở xã, ấp, kết hợp với Trung đoàn Đồng Khởi và địa phương quân huyện. Ta vừa tích cực phản công chống lấn chiếm vùng ngoài, vừa tích cực diệt ác, phá kìm kẹp chuyển thế vùng trong gây tổn thất cho địch, làm giảm tốc độ lấn chiếm, buộc chúng phải chôn chân tại đây một lực lượng lớn quân bảo an tỉnh. Những nơi bị địch lấn chiếm,

lực lượng tại chỗ bằng ba mũi giáp công, bao vây đồn bốt, đưa dân về khôi phục sản xuất, giữ thế làm chủ vững chắc. Mặc dù đã đạt một số kết quả nhất định, song kiểm điểm sự chỉ đạo của ta từ sau Hiệp định đến Thông cáo chung ngày 13-6-1973, Đảng bộ chưa đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, mất cảnh giác, buông lỏng bạo lực và tư tưởng chiến lược tiến công, chập chờn, do dự giữa tình hình thực tế và sự chỉ đạo của trên, có ý trông chờ Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát và Ban liên hiệp quân sự bốn bên tại miền Nam Việt Nam.

Lực lượng vũ trang của ta sau một thời gian chiến đấu ác liệt, sức khỏe giảm sút, quân số, vũ khí chưa kịp bổ sung. Một bộ phận cán bộ, chiến sĩ mệt mỏi, xuất hiện tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, muốn xả hơi. Trong khi đó Nghị quyết binh vận của Trung ương Cục quy định theo chỉ thị cấm chỉ của Quân ủy Trung ương rất nghiêm ngặt: cấm tiến công địch, không được bao vây, pháo kích, đánh địch hành quân càn quét, phải gỡ hết mìn, lựu đạn, phá chướng ngại vật của xã, ấp chiến đấu, đánh đồn từ trung đội trở lên phải xin lệnh của Miền... Nghị quyết này được phổ biến đến xã, ấp. Trong tình thế như vậy đã ảnh hưởng đến quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân và tính chủ động tiến công, phản công của bộ đội. Vì vậy, chỉ trong sáu tháng đầu năm 1973, địch đã lấn chiếm trái phép 64 ấp, đóng thêm 119 bốt trong tỉnh (Giồng Trôm: 46 đồn, Mỏ Cày Nam: 23 đồn, Mỏ Cày Bắc: 17 đồn, Châu Thành Tây: 11 đồn, Châu Thành Đông: 5 đồn, Thạnh Phú: 4 đồn, Bình Đại: 5 đồn và thị xã: 8 đồn), nâng tổng số đồn bốt trong tỉnh lên 650 đồn. Tình hình chiến trường trong tỉnh lại gặp khó khăn mới.

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Đầu tháng 3-1973,

chấp hành ý kiến của Khu ủy, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị tại xã Bình Khánh (Mỏ Cày Nam), qua thảo luận, trao đổi, bỏ phiếu kín tín nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Phiên (Tư Cường) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, hội nghị bầu lại Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cũng vào đầu tháng 3-1973, Quân khu điều đồng chí Vũ Ngọc Cẩn (Năm Sương) về làm Tỉnh đội trưởng thay cho đồng chí Nguyễn Văn Ba (Lê Phục) - Quyền Tỉnh đội trưởng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 227-NQ/TW, ngày 13-10-1973 đã vạch rõ: *"Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên...*

Vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới..."[1].

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương, sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Nghị quyết tháng 8-1973 của Khu ủy, Tỉnh ủy Bến Tre kịp thời uốn nắn những lệch lạc, khuyết điểm, quán triệt những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 cho toàn Đảng, toàn quân, cho các ngành, các cấp, động viên Đảng bộ và quân dân vùng lên, kiên quyết tấn công địch, giữ vững vùng giải phóng.

Thực hiện quyết tâm trên, tháng 10-1973, Tỉnh ủy chủ trương mở đợt phản công chống bình định lấn chiếm của địch. Mỏ Cày Nam được chọn làm điểm, hai xã Phước Hiệp, Bình Khánh được chọn làm điểm đột phá mở mảng, với sự tham gia của Trung đoàn Đồng Khởi, các binh chủng trực thuộc tỉnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 34, tr. 232-233.

đội, bộ đội địa phương Mỏ Cày Nam, lực lượng ba mũi của các xã Bình Khánh, Phước Hiệp, An Định. Nhiều đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội, nhiều cán bộ các ngành tỉnh đã được bố trí phân công đi chiến dịch.

Mở đầu chiến dịch, bộ đội đặc công tỉnh đánh thiệt hại nặng đồn Phước Điền, bao vây đồn Chuồng Trâu, đồn Cầu Ông Hút (xã Bình Khánh). Du kích cùng quần chúng hai xã Bình Khánh và Phước Hiệp bao vây tám đồn. Tiểu khu đưa hai Tiểu đoàn bảo an 401 và 415 đến giải tỏa. Trung đoàn Đồng Khởi liên tục đánh địch, diệt hai đại đội thuộc Tiểu đoàn 401, làm tiêu hao một đại đội thuộc Tiểu đoàn 415. Bước đầu tấn công tại điểm chưa tốt, diệt viện binh chưa cao, trong khi đó, địch tăng thêm Tiểu đoàn 2, thuộc Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 cùng một Chi đoàn xe M113 vào điểm. Một lần nữa quân chủ lực ngụy phải quay trở lại chiến trường Bến Tre giúp quân địa phương thực hiện âm mưu bình định. Tỉnh ủy quyết tâm bám điểm, chỉ đạo lực lượng vũ trang, quần chúng kiên trì tiến công địch, đánh quỵ Tiểu đoàn bảo an 415, đánh diệt sáu xe M113 trên đường 30, kết hợp ba mặt tấn công bao vây đồn bốt ở điểm, căng kéo lực lượng bảo an tiểu khu, tạo điều kiện cho các huyện chuyển lên.

Đến ngày thứ 10, địch phải rút sáu đồn ở hai xã Bình Khánh và Phước Hiệp, mở ra ba ấp giải phóng. Ở Thành Thới, du kích bức rút một đồn. Trên diện chung, ở Thạnh Phú, bức rút ba đồn, mở ra hai ấp giải phóng ở khu vực Cả Cát. Ở Giồng Trôm, bức rút đồn Lá Lạc ở Hòa Lợi, Lương Hòa và ở Ba Tri, bức rút đồn Cống Đá ven căn cứ, giành lại thế chủ động.

Tuy có nhiều khó khăn, nhưng khi điểm của tỉnh mở ra, thì các điểm huyện cũng chuyển thế tấn công. Thắng lợi còn ở mức độ thấp nhưng nó đã làm tiền đề cho bước tấn công tiếp sau.

Tháng 11-1973, chiến dịch bước vào cao điểm, điểm tỉnh vẫn duy trì ở Mỏ Cày Nam. Trung đoàn Đồng Khởi bao vây hàng loạt đồn bốt ở Bình Khánh, đồng thời, bố trí trận địa phục kích trên các trục đường giao thông thủy bộ. Ngày 16-11-1973, sau khi ta đánh thiệt hại nặng hai đồn ở ấp Phước Tân (Bình Khánh), ba tiểu đoàn địch đến giải tỏa, lực lượng vũ trang ta đánh địch liên tục ba ngày, bắn cháy bốn tàu, diệt nhiều địch, buộc chúng phải rút quân.

Ngày 25-11-1973, ta tiếp tục chặn đánh các Tiểu đoàn 401, 451 đi ứng cứu, đánh diệt một đại đội (Tiểu đoàn 401), truy kích bắn cháy ba tàu, diệt và làm bị thương 300 tên.

Trong khi đó, du kích và quần chúng diệt năm đồn ở các xã Minh Đức, Thành Thới, Ngãi Đăng, bằng ba mũi kết hợp diệt một đồn ở Phước Hiệp. Ở Thạnh Phú, du kích và quần chúng kết hợp với cơ sở nội tuyến diệt hai đồn ở Quới Điền. Ở Ba Tri, ta diệt hai đồn ở Ba Mỹ và Tân Xuân. Ở thị xã, diệt một đồn ở Phú Hưng.

Như vậy, từ tháng 10 đến tháng 11-1973, ta đã tiêu diệt 2.390 tên địch, kết hợp ba mũi tấn công diệt 13 đồn, bức rút 39 đồn, mở ra 17 ấp, chuyển lên tranh chấp 49 ấp, giải phóng 7.000 dân. Ta đã giành lại được vùng giải phóng như trước ngày 28-1-1973.

Trong Đảng, đã có sự chuyển biến trong nhận thức về quan điểm bạo lực và tư tưởng tấn công, mặc dù còn có những khó khăn nhưng kiên quyết phản công và tấn công địch toàn diện, qua tấn công, ta càng hiểu địch hơn. Khi ta tấn công mạnh, địch phải lùi lại, chứng tỏ sự suy yếu và lúng túng của chúng. Tuy nhiên, trong bước này, ta cũng chỉ tấn công bằng lực lượng vũ trang tỉnh, huyện; diện tấn công của du kích và ba mũi ở cơ sở còn rời rạc. Mặt tấn công chính trị và binh vận còn hạn chế so

với yêu cầu phát triển của tình hình, còn thấp so với khả năng thực tế của quần chúng. Việc chuyển biến tấn công vùng yếu chưa mạnh.

Tháng 1-1974, tiếp thu Chỉ thị số 12/CT73 ngày 10-12-1973 của Thường vụ Trung ương Cục *chỉ đạo công tác chống phá bình định của địch trong mùa khô*, Tỉnh ủy mở cuộc chỉnh huấn theo nội dung Chỉ thị số 12/CT73 và tổ chức quán triệt Nghị quyết năm 1974 của Tỉnh ủy.

Nhiệm vụ cấp bách lúc này là công tác xây dựng Đảng, kiện toàn củng cố đảng bộ cơ sở, làm hạt nhân để chuyển biến tương quan tại xã ấp, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 1974 và 1975. Tỉnh ủy nhận định: Hiện nay, giữa ta và địch đang giành giật quyết liệt, vấn đề ai thắng sẽ tùy thuộc ở sự thay đổi tương quan ở xã, ấp.

Chủ trương, yêu cầu và phương hướng xây dựng năm 1974 và năm 1975 là: Mở một cuộc vận động lớn trong toàn Đảng nhằm làm cho đảng bộ các cấp, các ngành, đảng bộ các lực lượng vũ trang dồn sức cho việc kiện toàn củng cố đảng bộ cơ sở. Quán triệt tinh thần: Tất cả cho sự vững mạnh của chi bộ; tất cả cho sự chuyển biến tại xã, ấp; kiên trì và gắn chặt các khâu cơ bản về xây dựng Đảng trên cơ sở tiến công toàn diện, giành dân, nắm dân, giành quyền làm chủ để tiến hành xây dựng chi bộ. Đồng thời không ngừng phát triển lực lượng ba mặt ở cơ sở, liên tục tấn công địch, thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1974-1975 ở địa phương, làm cho chi bộ ngày càng vững mạnh.

Để thực hiện yêu cầu trên, Tỉnh ủy đề ra sáu biện pháp chính, trong đó Tỉnh ủy quyết nghị: Điều đại bộ phận tỉnh ủy viên, huyện ủy viên, cán bộ các ngành, đoàn thể xuống xã cùng làm với xã như một cuộc tình nguyện đi xây dựng cơ sở. Cán bộ xã phải xuống xóm, ấp, gắn chặt vào cơ sở quần chúng, thực

sự nắm dân, giành dân, tổ chức lực lượng quần chúng lãnh đạo tấn công địch và xây dựng ta mọi mặt ở cơ sở. Tuy nhiên, Tỉnh ủy chỉ đặc biệt tập trung cho các khu vực định mở ra, tiếp đó là các chiến trường xa như Bình Đại, Ba Tri, Châu Thành Tây. Riêng các địa bàn khác, Tỉnh ủy đã bố trí mỗi nơi một số cán bộ bên cạnh các huyện ủy, đứng đầu là Thường vụ Tỉnh ủy hoặc tỉnh ủy viên phụ trách điều khiển tấn công chuyển mở vùng, vừa đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

Trong công tác xây dựng Đảng lần này, Tỉnh ủy sẽ lấy một xã tranh chấp (định mở ra) và một xã vùng yếu (định chuyển lên toàn diện) làm thí điểm, chọn và lập đoàn cán bộ đi xây dựng (do Ban Tổ chức Tỉnh ủy đảm trách). Đồng thời, sẽ mở hội nghị tổng kết vào cuối quý III năm 1974.

Các huyện chọn một điểm chỉ đạo riêng nhằm vào các xã tranh chấp khu vực trọng điểm. Đoàn chỉ đạo thí điểm huyện tổ chức tinh gọn khoảng ba đến bốn cán bộ, có một cấp ủy viên chủ trì.

Tỉnh ủy cũng ra chỉ thị: Khẩn trương xây dựng vùng giải phóng thành căn cứ địa trước mắt.

Về mục đích, Tỉnh ủy chỉ rõ việc xây dựng vùng giải phóng nhằm bảo đảm thực hiện cách mạng trong vùng ta đang làm chủ vững mạnh nhanh chóng về mọi mặt, đủ sức đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù... làm chỗ dựa vững chắc đẩy mạnh tấn công địch, tạo thêm sức mạnh mới cho phong trào đấu tranh của nhân dân trong các vùng chúng kiểm soát. Trên cơ sở đó, góp phần tích cực làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống.

Trước mắt, phải làm cho từ cấp ủy đến tận đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ nhận thức rõ trong giai đoạn mới hiện nay việc xây dựng vùng giải phóng, căn cứ của cấp mình là nhiệm vụ

cực kỳ quan trọng. Trong năm 1974, Tỉnh ủy nêu rõ: Kiên quyết giữ cho được vùng giải phóng của ta đã có hiện nay, tiếp tục tấn công mở ra vùng giải phóng mới, mở ra tới đâu quyết tâm xây dựng và giữ cho được đến đó.

Nội dung xây dựng là: Phải làm cho chính trị vững, quốc phòng vững, kinh tế dồi dào, văn hóa giáo dục, y tế phát triển từng bước, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân về mọi mặt.

Chỉ thị cũng nêu lên những nhiệm vụ, yêu cầu xây dựng từng mặt cụ thể: chính trị, quân sự, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và công tác thương binh, liệt sĩ.

Từ ngày 3 đến ngày 5-2-1974, Đại hội đại biểu quân dân tỉnh họp tại xã Bình Khánh (Mỏ Cày), bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bến Tre lần II gồm chín người:

- Ông Đoàn Văn Đức - Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Nguyễn - Phó Chủ tịch
- Ông Lê Minh Nhứt - Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Thống - Ủy viên thư ký
- Ông Hồ Thiện Hưng - Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Khoe - Ủy viên
- Bà Trần Thị Thủy - Ủy viên
- Ông Lê Thanh Hà - Ủy viên
- Ông Lê Văn Phú - Ủy viên

Ngày 22-4-1974, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đại biểu tại xã Bình Khánh, Mỏ Cày. Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1974 là: Kiên quyết xây dựng lực lượng vững mạnh về mọi mặt, giữ cho được vùng giải phóng và vùng mới mở. Đồng thời, khẩn trương đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định của địch ở cả ba vùng; thu hồi và mở rộng vùng giải phóng cao hơn trước ngày 28-1-1973, chuyển vùng tranh chấp

lên thế làm chủ ba mặt; chuyển vùng yếu lên thế tranh chấp với nhiều mức độ, đi đến giải phóng ấp, giải phóng dân.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị đề ra trong năm 1974, Tỉnh ủy cho rằng vấn đề tổ chức thực hiện là khâu có ý nghĩa quyết định. Từ đó, Tỉnh ủy đã quyết định đưa 12 tỉnh ủy viên, 84 huyện ủy viên, 13 cán bộ sơ cấp các ngành tỉnh, huyện xuống xã (ưu tiên cho các xã định mở ra và các vùng yếu), trong đó có 25 đồng chí trực tiếp làm bí thư xã, trực tiếp chỉ đạo tấn công phục hồi lực lượng tấn công ba mũi ở xã, ấp.

Quyết tâm của tỉnh trong năm 1974 là mở cho được 16 xã, chuyển 48 xã yếu lên thế tranh chấp với nhiều mức độ:

- Trọng điểm trong năm 1974 là: nam, bắc Giồng Trôm; nam, bắc Mỏ Cày (tùy từng thời điểm chọn nơi đột phá của tỉnh).

- Hướng phát triển là: Châu Thành Tây và Thạnh Phú.

- Mũi chuyển vùng yếu là: Ba Tri và Bình Đại.

Tháng 2-1974, lực lượng vũ trang tỉnh chuyển về Giồng Trôm, quyết tâm mở mảng, mở vùng theo kế hoạch của Tỉnh ủy đã đề ra.

Bằng chiến thuật vây đồn, diệt viện, ba ngày đầu, ta diệt gọn một đại đội bảo an thuộc Tiểu đoàn 453 ở Tân Hào, phát động quần chúng bằng ba mũi bao vây tấn công, bức rút năm đồn ở Tân Hào, Thạnh Phú Đông, mở ra ba ấp giải phóng.

Từ tháng 2 đến tháng 6-1974, ta vẫn bám điểm Giồng Trôm, lực lượng vũ trang tỉnh kết hợp với du kích và quần chúng địa phương tiếp tục bao vây bức rút 12 đồn ở các xã Thuận Điền, Lương Phú, Long Mỹ.

Du kích và phong trào ba mũi tại chỗ ở các xã Lương Hòa, Thạnh Phú Đông, Phước Long, Long Mỹ phát triển thế tiến công bức rút mười đồn, mở ra bảy ấp giải phóng.

Nổi bật là ở xã Châu Bình, một phân đội vũ trang huyện kết hợp với du kích và quần chúng có đông đảo gia đình binh sĩ tham gia tấn công bức hàng đồn Gò Tràm, từ đó, phát triển thế tiến công bức rút hai đồn khác, ba ấp được giải phóng, đây là nhân tố mới trong chỉ đạo tấn công bằng ba mũi. Kinh nghiệm của Châu Bình được Tỉnh ủy nhân rộng ra.

Trong khi ở điểm tấn công mạnh, các huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, Châu Thành Đông, Giồng Trôm, Thạnh Phú cũng bằng ba mũi: quân sự, chính trị, binh vận tấn công diệt đồn, bao vây bức rút đồn bốt mở mảng, mở vùng.

Tháng 6-1974, phân đội đặc công tỉnh diệt gọn phân chi khu Hưng Phong (Giồng Trôm), phân chi khu Bình Khánh (Mỏ Cày).

Ở Mỏ Cày Bắc, diệt phân chi khu Thạnh Ngãi và đồn Giồng Nứa (Vĩnh Thành) bằng sự phối hợp quân sự với binh vận.

Ở Giồng Trôm, diệt một đồn ở Hiệp Hưng; ở Thạnh Phú, diệt một đồn ở An Nhơn; ở Bình Đại, đánh phục kích diệt một đại đội thuộc Tiểu đoàn 413 và một trung đội biệt kích.

Ba Tri từ một huyện yếu đã chuyển thế tấn công ba mũi ở cơ sở. Với lực lượng vũ trang của huyện kết hợp chính trị, binh vận đã diệt được sáu đồn, trong đó ở Tân Xuân, Mỹ Chánh diệt hai đồn do lực lượng của xã, ấp. Cán bộ, đảng viên ở 13 xã đã trở về bám được trong dân, gây dựng cơ sở, phát động quần chúng. Ở thị xã, thị trấn đã có bước chuyển lên diệt ác ôn, phá kìm kẹp. Quần chúng ở cả ba vùng được học tập, phát động đã hăng hái tham gia các hoạt động cách mạng như: đắp pháo đài, bao vây đồn bốt, cuốc đường, phá lộ, đi dân công phục vụ chiến trường.

Ở Châu Thành Đông, Châu Thành Tây, ta huy động mỗi đêm từ 200 đến 300 người tham gia tải đạn phục vụ chiến trường.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng liên tục diễn ra. Nổi bật là gia đình binh sĩ ở thị xã, vùng yếu đấu tranh chống khủng bố gia đình cách mạng ở các vùng nông thôn. Ở Mỏ Cày Bắc, khi địch bắt gia đình cách mạng ban đêm phải trông giữ cầu, giữ bốt, thì đông đảo gia đình binh sĩ, gia đình sĩ quan cùng kéo đến trông cùng với gia đình cách mạng.

Phong trào gia đình binh sĩ đi tìm kiếm giáo dục chồng, con, em, lôi kéo con em rời bỏ hàng ngũ địch ngày càng mạnh. Phong trào binh sĩ đào ngũ, bỏ ngũ trốn về gia đình hoặc tạm lánh trong chùa chiền, trốn tránh trong khu Công giáo Cái Mơn, Đạo Nam (Tân Vinh) ngày càng nhiều. Nhiều thanh niên và binh sĩ đào ngũ đã kéo ra vùng giải phóng tham gia công tác cách mạng. Phong trào phản chiến trong binh sĩ bảo an diễn ra; phong trào đấu tranh phá rã tổ chức phòng vệ dân sự phát triển mạnh ở các vùng yếu.

Ở thị xã, thị trấn có hàng ngàn người họp míttinh nhân ngày Giỗ tổ Hùng Vương để tuyên truyền giác ngộ quần chúng đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh. Trong đợt tấn công này, toàn tỉnh đã diệt và làm bị thương 3.290 tên địch, làm tan rã 1.058 tên, diệt 22 đồn, bức rút 59 đồn mở ra 32 ấp giải phóng, chuyển 87 ấp lên tranh chấp mạnh, 82 ấp yếu lên tranh chấp yếu, lấp ba ấp trắng, giành thêm 16.000 dân. Trong vòng sáu tháng, ta phát triển được 201 đảng viên, 195 đoàn viên thanh niên, 158 hội viên nông hội, 152 hội viên phụ nữ; toàn tỉnh có 5.022 đảng viên ở cơ sở, 1.859 (đảng viên không lộ), 3.547 đoàn viên, 13.819 hội viên nông hội, 10.997 hội viên phụ nữ, phát triển 17 nội tuyến, 35 cảm tình được bố trí trong 197 đồn tua và trong các đơn vị bảo an tiểu khu, chi khu.

Tháng 6-1974, Tỉnh ủy mở Hội nghị tổng kết 18 tháng chống bình định (từ tháng 1-1973 đến tháng 6-1974) chọn ra mười xã điển hình xuất sắc trong tỉnh. Hội nghị rút ra kết luận:

Đánh bình định phải hình thành thế tấn công ba mũi ở tại xã, ấp, đồng thời phải biết sử dụng linh hoạt sáng tạo và sát hợp ba mũi vào tình hình cụ thể ở địa phương thì nhất định sẽ gỡ được đồn, giải phóng được xã, ấp.

Từ ngày 4 đến ngày 6-8-1974, Tỉnh ủy họp hội nghị với gần 20 tỉnh ủy viên và có các đồng chí cán bộ ở Khu tham dự.

Hội nghị đã kiểm điểm sự lãnh đạo của tỉnh, đánh giá thắng lợi trong sáu tháng đầu năm 1974 và nhận định: Sáu tháng qua, ta đã tiếp tục phản công và phát triển tấn công giành thắng lợi, đạt yêu cầu, mở và chuyển vùng cả năm 1974, đã thu hồi những địa bàn quan trọng, hình thành thế căn cứ, hành lang, giữ được những khu vực mở ra, ổn định được sản xuất và đời sống, tiếp tục đưa dân về với 12 lõm liên hoàn, gần 70.000 dân, một xã, 146 ấp giải phóng hoàn toàn, sáu xã giải phóng cơ bản, tạo được thế đứng mới có lợi. Ta cũng đã chuyển nhiều vùng tranh chấp trên diện rộng đều khắp ở các huyện, lực lượng ba mũi ở cơ sở được phục hồi... Kết quả và xu thế trên đây đã tạo ra thế mới, lực mới, Tỉnh ủy biết phát huy tốt sẽ có sự tác động mạnh mẽ vào chiến trường, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trên giao cho Bến Tre sắp đến...

Trên cơ sở phân tích tình hình và dự đoán xu thế phát triển cục diện chiến trường, Tỉnh ủy quyết tâm: Động viên toàn Đảng bộ, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng trong tỉnh nỗ lực vượt bậc tiếp tục phản công và tấn công địch mạnh mẽ, liên tục và rộng khắp. Ra sức khắc phục các thiếu sót để đánh bại cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm của địch ở địa phương. Phấn đấu đến giữa năm 1975, diệt và làm rã một nửa sinh lực địch, kéo quân số chúng xuống 15.000, giải phóng 50 xã, mở rộng diện tranh chấp trên 2/3 số xã, ấp trong tỉnh, xây dựng nắm 400.000 dân, thu hẹp và làm mất tác dụng vùng địch kiểm soát, lập lại hình thái chiến trường như trước Xuân

Mậu Thân, xây dựng phát triển ta về mọi mặt, trên cơ sở đó, tiếp tục tiến lên đánh thắng địch trong mọi tình huống, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng ở địa phương...

Thực hiện quyết tâm trên, ngày 26-9-1974, Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ thị mở một đợt tiến công toàn diện để chủ động khoét sâu nhược điểm của địch, tiếp tục giành thắng lợi mới. Chỉ thị nêu rõ: Cao điểm này nhằm đánh vào lực lượng cơ sở và đồn bốt địch, tiếp tục mở, chuyển vùng; chú trọng xây dựng lực lượng và phát động quần chúng.

Bước vào cao điểm, lực lượng vũ trang của tỉnh được bố trí trên nhiều địa bàn trọng yếu làm nòng cốt thúc đẩy chiến tranh nhân dân, xây dựng củng cố toàn diện các xã, ấp. Tiểu đoàn 516 và Tiểu đoàn 263 về khu vực Giồng Trôm; Tiểu đoàn 560 về Mỏ Cày Nam; Tiểu đoàn 590 và đặc công của tỉnh ở Ba Tri. Các đơn vị hoạt động rất linh hoạt, khi tập trung diệt quân cơ động của địch, khi phân tán kết hợp với phong trào du kích và ba mũi ở cơ sở tiến công ở vùng tranh chấp và vùng yếu.

Ở Giồng Trôm, Tiểu đoàn 516 đưa từng đại đội đi lẻ cùng du kích xã Châu Hòa, Châu Bình bao vây bức rút năm đồn; mở ra bốn ấp. Tiểu đoàn 263 diệt ba đồn ở Thuận Điền. Ở Ba Tri, đại đội đặc công tỉnh đã luồn vào vùng yếu, diệt phân chi khu An Ngãi Tây. Ở Châu Thành, một đại đội của Tiểu đoàn 516 diệt một đồn và đã đánh chìm phà An Hóa, cắt đứt trục lộ 17 (Trúc Giang - Bình Đại); nhân dân ở khu phố An Hóa nổi dậy phá giao thông, diệt ác ôn, phá lỏng kìm kẹp của địch; du kích cồn Tân Vinh kết hợp với binh vận diệt một đồn. Ở Mỏ Cày Nam, Tiểu đoàn 560 và một đại đội của Tiểu đoàn 263 phục kích diệt một đại đội và tiêu hao nặng một đại đội của Tiểu đoàn 413 của địch trên đường Bình Khánh - An Định.

Tháng 10-1974, Tỉnh ủy chỉ đạo cho các địa phương súc tích lực lượng cho chiến dịch mùa khô 1974-1975. Cùng thời gian, Tỉnh đội đưa Tiểu đoàn 263 của tỉnh về Bình Đại phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương hỗ trợ cho quần chúng diệt, bức rút đồn bốt, đồng thời, diệt quân cơ động. Ta tiếp tục tiến công mạnh ở Mỏ Cày Nam, diệt một đại đội thuộc Tiểu đoàn 451, kìm chân lực lượng tiểu khu, chi khu dài ngày từ hai đến ba tiểu đoàn, tạo điều kiện cho quần chúng và lực lượng vũ trang bức rút năm đồn bốt, mở bốn ấp giải phóng ở Hiệp Hưng (Giồng Trôm). Đêm 9-10-1974, một đại đội của Tiểu đoàn 263 và bộ đội huyện Bình Đại hoạt động mạnh ở các xã Châu Hưng, Long Thạnh và bao vây đồn Đỉa. Sáng 10-10-1974, Tiểu đoàn 401 của địch phải đi ứng cứu.

Đúng như dự kiến của ta, 15 giờ ngày 11-10-1974, chúng rút quân bằng xe theo trục lộ 17 (thuộc hai xã Phú An Hòa và Quới Sơn). Tiểu đoàn 516 và một đại đội của Tiểu đoàn 263 được tăng cường một phân đội trợ chiến nổ súng đánh địch. Bị đánh bất ngờ, chúng đối phó lúng túng, chống trả yếu ớt. Sau 20 phút chiến đấu, ta diệt bảy xe GMC, một xe Jeep; 52 tên chết và bị thương, trong đó có một đại đội bị diệt gọn, tên Thiếu tá Sáng - Tiểu đoàn trưởng và toàn bộ Ban Tham mưu Tiểu đoàn bị diệt.

Tiểu đoàn bảo an 401 bị mất sức chiến đấu, lực lượng cơ động của tiểu khu bị suy yếu; tinh thần binh sĩ địch hoang mang sa sút. Thừa thắng, Tiểu đoàn 516 cùng du kích xã, ấp bao vây, bức rút các đồn bốt ở vùng yếu An Hóa, khu phố Tân Thạch, Quới Sơn, Hữu Định, ngăn chặn địch đi giải tỏa, diệt một trung đội bảo an của chi khu Trúc Giang, phá hủy hai xe quân sự trên lộ 6, mở ra hành lang giao thông từ Châu Thành Đông đến cánh B Giồng Trôm.

Những ngày cuối tháng 10-1974, phong trào tấn công bằng ba mũi đã diễn ra đều trên các địa bàn. Quân địch bị căng kéo

và đang gặp khó khăn rất lớn về vũ khí và quân số. Binh lính ở các đồn bốt và các tiểu đoàn bảo an tiểu khu, chi khu liên tiếp đào ngũ, rã ngũ, đồn bốt tiếp tục bị diệt, bị bức rút, bức hàng. Vùng giải phóng được mở rộng. Ở vùng yếu ta đã làm chủ sát đến thị trấn, thị xã và các tuyến giao thông huyết mạch. Thế kìm kẹp của địch bị phá lỏng ở nhiều nơi, nhất là vùng Giồng Trôm, Mỏ Cày, Châu Thành và Chợ Lách.

Đến cuối năm 1974, quân dân Bến Tre đã mở ra được 33 ấp giải phóng hoàn toàn, 21 xã giải phóng cơ bản, 13 xã giải phóng ở nhiều mức độ.

Giữa lúc quân dân Bến Tre phấn khởi trước sự chuyển biến nhanh chóng tình hình chiến trường có lợi cho ta, cũng là lúc một sự kiện lịch sử lớn lao quyết định sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đang diễn ra ở Thủ đô Hà Nội. Từ ngày 30-9-1974 đến ngày 8-10-1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trong hai năm 1975-1976[1].

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Quân ủy Miền chỉ đạo triển khai đợt hoạt động mùa khô 1974-1975, đợt đầu tiên trong kế hoạch tác chiến năm 1975.

Ngày 20-10-1974, Tỉnh ủy họp Hội nghị mở rộng tại xã Phước Long (Giồng Trôm), để quán triệt nghị quyết của trên. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Văn Phiên (Tư Cường) - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc nghị quyết của hội nghị đánh phá bình định toàn miền Nam, căn cứ sự phân tích đánh giá tình hình địch - ta trên mặt trận đánh phá bình định trong tỉnh đang trên xu thế phát triển có lợi cho ta, bất

1. Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp hai đợt:
- Đợt 1: Từ ngày 30-9-1974 đến ngày 8-10-1974.
- Đợt 2: Ngày 7-1-1975.
(Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 35, tr. 172-197).

lợi cho địch. Hội nghị ra nghị quyết nêu rõ: Động viên sự đoàn kết nhất trí thật cao của Đảng bộ và quần chúng trong tỉnh với quyết tâm giành thắng lợi năm 1974-1975 của Tỉnh ủy. Quyết phát huy truyền thống tự lực, tự cường và tinh thần nổi dậy tấn công của quê hương đồng khởi. Quyết khắc phục khó khăn nhược điểm của mình, tổ chức một cuộc tấn công và nổi dậy mới bằng sức mạnh ba mũi giáp công ở cơ sở đều khắp trên ba vùng chiến trường trong tỉnh, nhằm đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định của địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn. Khẩn trương xây dựng ta vững mạnh về mọi mặt. Trong mùa khô 1974-1975, sẽ làm thay đổi hẳn cục diện chiến trường, tạo ra một bước ngoặt so sánh tương quan hoàn toàn có lợi cho ta, bất lợi cho địch, tạo ra điều kiện vững chắc, tiến lên tự lực giải phóng tỉnh nhà.

Phương châm của đợt tấn công này là tấn công và phản công, lấy tấn công làm chính. Tấn công phải kết hợp chặt với xây dựng, làm cho thế lực ta càng mạnh.

Phương thức tấn công cơ bản là ba mũi cơ sở, cần vận dụng từng mũi nhuần nhuyễn, sáng tạo.

Phương thức hoạt động vũ trang chủ yếu là đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh rộng khắp ba vùng, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh liên tục... Đẩy mạnh tấn công ba mũi ở cơ sở rộng khắp, kết hợp với các chiến dịch tổng hợp với quy mô nhỏ, vừa và lớn để mở mảng. Lấy ba mũi cơ sở làm căn bản. Tấn công cao điểm và thường xuyên, lấy thường xuyên làm căn bản. Kết hợp giữa điểm với diện rộng, lấy diện làm nền tảng. Diện càng rộng thì điểm càng cao.

Phương thức mũi chính trị, binh vận của quần chúng chủ yếu đưa tấn công đồn bốt kìm kẹp tại chỗ, kết hợp vũ trang gỡ đồn bốt, mở, chuyển vùng kết hợp bố trí đấu tranh phủ đầu

ngăn chặn quân càn quét, giữ tài sản, chống cướp lúa, chống khủng bố, giữ thế dân, đồng thời, kết hợp với các chiến dịch tấn công binh vận đưa quần chúng, gia đình binh sĩ đi vận động phá rã các lực lượng bảo an cơ động, các binh chủng, cảnh sát ở thị xã, thị trấn. Hiệp đồng đấu tranh tập trung giữa nông thôn và thị xã, thị trấn, tấn công các đối tượng và lực lượng bên trên của địch.

Về xây dựng lực lượng: Tỉnh ủy chỉ đạo trước hết là tập trung xây dựng lực lượng ba mũi ở cơ sở, chấn chỉnh Ban Chỉ huy, bố trí tấn công ở các đồn điểm xã, ấp, các đồn bốt điểm của huyện, tỉnh phục vụ cho yêu cầu dứt điểm giải phóng xã, ấp theo quyết tâm đề ra.

Về công tác xây dựng Đảng: Tiếp tục củng cố Đảng bộ cơ sở theo tinh thần Chỉ thị số 01/CT74 ngày 11-1-1974 của Thường vụ Trung ương Cục *về tăng cường chỉ đạo công tác củng cố, xây dựng chi bộ cơ sở*, xây dựng 84 xã (51 xã giải phóng hoàn toàn, 33 xã giải phóng cơ bản) và 26 xã tranh chấp mạnh có xã ủy và mỗi ấp có chi bộ, có thực chất là chi bộ "đồng khởi", xã ủy "đồng khởi". Trong 14 xã yếu của Chợ Lách, Châu Thành Tây, Ba Tri, Bình Đại và các ấp ven thị xã, thị trấn phấn đấu phát triển một đến hai đảng viên, 134 ấp trắng có chi bộ phải xây dựng đảng bộ cơ sở mạnh làm được vai trò hạt nhân lãnh đạo ba mũi ở cơ sở, xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng và nhân dân.

Trên cơ sở đẩy mạnh tấn công ba mũi ở xã, ấp, kết hợp với lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, huyện, kết hợp thường xuyên với cao điểm, giữa điểm với diện; phối hợp phương thức chiến dịch tổng hợp mở mảng, mở vùng, giành dân với tốc độ nhanh. Gắn chặt ba khâu mở, giữ và xây dựng trong quá trình chống phá bình định, Tỉnh ủy cũng đề ra công tác an ninh trong năm 1974 phải đạt bốn yêu cầu:

- Tiếp tục học tập làm quán triệt nội dung tinh thần Nghị quyết 165 của Trung ương Cục trong Đảng bộ, xác định rõ ý đồ, âm mưu, thủ đoạn chiến tranh gián điệp của địch và vị trí công tác an ninh trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh và kiên trì phát động nội bộ và quần chúng, xây dựng hình thành phong trào an ninh nhân dân trên ba vùng, qua phong trào đó để chủ động ngăn ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi, đánh bại từng bước, bẻ gãy từng thủ đoạn tổ chức hoạt động gián điệp của địch, phục vụ cho giữ, mở, chuyển vùng giải phóng đại bộ phận nông thôn, đưa phong trào chính trị ở thị xã, thị trấn chuyển lên.

- Kiên trì và liên tục tấn công tiêu diệt thật nhiều ác ôn ở mỗi cấp, tấn công vào uy thế chính trị, làm tan rã đại bộ phận lực lượng công an, cảnh sát ngụy ở cơ sở, ngăn chặn và truy quét triệt để mạng lưới bí mật của chúng, phục vụ tích cực cho xây dựng, giữ vững vùng ta làm chủ và chuyển, mở vùng yếu theo tinh thần Nghị quyết số 74 của Tỉnh ủy.

- Tăng cường công tác lãnh đạo và không ngừng xây dựng, phát triển rèn luyện lực lượng, đội ngũ cốt cán an ninh mỗi cấp; đặc biệt là ở xã, ấp; lực lượng chiến đấu và lực lượng nghiệp vụ công tác phải mạnh về mọi mặt.

Về tổ chức triển khai nghị quyết kế hoạch đánh phá bình định, Tỉnh ủy chỉ đạo: Các đại biểu huyện dự hội nghị về họp huyện ủy, nhất là các huyện ủy viên phụ trách trọng điểm, thống nhất nhiệm vụ. Phân công từng huyện ủy viên tổ chức học tập quán triệt cho xã, nhất là các xã điểm, bổ sung kế hoạch ở xã. Sau đó, tổ chức họp quán triệt cho các ban ngành, đoàn thể và cho quần chúng.

Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Chiến trường Khu 8 được chia làm năm khu vực (tỉnh Bến Tre là khu vực 2 biệt lập, chủ yếu do lực lượng địa phương tự lực tiến công và nổi dậy).

Quân khu điều Trung đoàn 1 sang Bến Tre, hỗ trợ cho địa phương mở mảng, mở vùng.

Ngày 7-12-1974, tiểu khu Kiến Hòa đưa sáu tiểu đoàn bảo an đến bao vây, bắn pháo vào đội hình đóng quân của Trung đoàn Đồng Khởi. Ban Chỉ huy Trung đoàn sử dụng một bộ phận đánh tiêu hao địch, đồng thời, chuẩn bị phản công theo kế hoạch. Ngày 13-12-1974, Trung đoàn tổ chức trận địa phục kích diệt gọn ba đại đội của Tiểu đoàn bảo an 509, kết hợp với địa phương tiến công bức rút sáu đồn bốt. Tuy nhiên, địch vẫn tập trung lực lượng bảo an đánh phá mạnh khu vực đứng chân của trung đoàn, do đó, bộ đội ta không phát huy được thế tấn công tổng hợp, không diệt được quân cơ động, chỉ đánh từng đồn lẻ. Trong khi địch tập trung lực lượng vào Mỏ Cày Bắc, ba tiểu đoàn của ta tiến công yếu, lại không đúng theo hướng tấn công của Quân khu là nam Giồng Trôm và Ba Tri. Trong suốt đợt 1, ta chỉ diệt được một đại đội bảo an, diệt hai đồn, bức rút bốn đồn, giải phóng cơ bản xã Long Mỹ.

Như vậy ở Bến Tre, hướng quan trọng của Khu trong đợt 1 chưa thực hiện được nhiệm vụ và yêu cầu là một trọng điểm theo yêu cầu của Bộ Tư lệnh Miền chỉ đạo. Tiếp đợt 2, Bộ Tư lệnh quy định vào đêm 9 rạng 10-3-1975 cho toàn miền tổng tấn công và nổi dậy diệt địch, tạo thế, tạo lực cho trận quyết chiến cuối cùng.

Phối hợp với các chiến trường, quân dân Bến Tre nổ súng tấn công trên hai hướng cù lao Bảo và cù lao Minh ở hai trọng điểm: Ba Tri và Chợ Lách.

Trên hướng cù lao Bảo, ở trọng điểm Ba Tri, đêm 9-3-1975, lực lượng vũ trang tỉnh đã tấn công diệt gọn phân chi khu Tân Xuân, diệt hai đồn Cây Da và đồn ngã tư Mỹ Hòa, đánh thiệt hại nặng phân chi khu Phước Tuy. Quần chúng nổi dậy hợp đồng phá đồn bốt, họp míttinh kêu gọi địch ra hàng, truy lùng bọn địch lẩn trốn.

Chiều 11-3-1975, bốn gia đình binh sĩ cùng lực lượng quần chúng bức hàng bốn đồn: Giồng Dài, Giồng Găng, Cây Dương và Vàm Hồ ở Tân Xuân, thu vũ khí. Chiến sự diễn ra nhanh gọn, bất ngờ, chi khu Ba Tri không dám can thiệp.

Ngày 13-3-1975, tiểu khu Kiến Hòa đưa Tiểu đoàn bảo an 454 giải tỏa, chúng sa vào thế trận đã bày sẵn của quân dân ta. Sau một giờ nổ súng, ta đã diệt và làm bị thương 170 tên, thu 150 súng và bắt sống 20 tù binh.

Chiến thắng quân sự thúc đẩy phong trào quần chúng nổi dậy, trong hai ngày 14 và 15-3-1975 dân quân du kích cùng lực lượng khởi nghĩa bức rút bốn đồn ở Bảo Thạnh; bức hàng đồn Rạch Điều (Tân Xuân); bức rút, bức hàng bảy đồn bốt ở các xã Mỹ Chánh Hòa, Tân Thủy; đánh ngăn chặn Tiểu đoàn bảo an 453 tại Phước Tuy; diệt một đại đội bảo an của Tiểu đoàn 401 tại Bảo Thạnh kìm chân địch ở đây. Lực lượng vũ trang thọc sâu vào các hướng Tân Thủy, Bảo Thạnh, Phú Lễ, Phú Ngãi, Ba Mỹ và phát động quần chúng nổi dậy bao vây đồn bốt.

Hơn 20 ngày đêm chiến đấu liên tục tại trọng điểm Ba Tri, vận dụng nhuần nhuyễn ba mũi giáp công, lực lượng vũ trang vừa đánh tiêu diệt vừa làm tan rã địch, đồng thời, phát động quần chúng nổi dậy, diệt ác ôn, phá kìm kẹp, thọc sâu, đánh nhanh, bung ra mạnh, trụ lại tốt, đánh bại viện binh, làm chủ hoàn toàn vùng yếu Ba Tri, nơi mà địch đã dốc sức bình định trong nhiều năm qua.

Kết quả là đã bức hàng và tiêu diệt 60 đồn tua, giải phóng hoàn toàn xã Tân Xuân với 12.000 dân.

Phối hợp chặt chẽ với mặt trận Ba Tri, bộ đội địa phương huyện Giồng Trôm làm nhiệm vụ chốt chặn trên đường 26, kìm chân thường xuyên từ một đến hai tiểu đoàn địch không cho chúng đi tiếp cứu, đánh thiệt hại nặng Tiểu

đoàn 507 và 453, phá hủy hai xe quân sự, đánh sập cầu Bình Chánh.

Trên hướng cù lao Minh, Trung đoàn 1 của Quân khu tập trung lực lượng mở vùng yếu Chợ Lách theo kế hoạch. Ta sử dụng một tiểu đoàn bộ binh và một tiểu đoàn đặc công hoạt động hướng Sơn Định, Phú Phụng, bộ đội huyện Mỏ Cày Bắc thọc sâu vùng yếu Vĩnh Thành, Vĩnh Hòa, Phú Sơn, đồng loạt đánh vào hai phân chi khu Sơn Định, Tân Thiềng. Trong 15 ngày, quân dân ta đã diệt, bức rút, bức hàng 36 đồn tua, diệt 13 trung đội dân vệ, giải phóng hoàn toàn xã Tân Thiềng và 12 ấp của các xã: Long Thới, Phú Mỹ, Phú Sơn, Vĩnh Thành, mở mảng vùng Chợ Lách, tạo hành lang liên tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, giải phóng gần 10.000 dân.

Thắng lợi ở hai khu vực điểm, diện các huyện bằng lực lượng ba mũi tại chỗ cùng binh sĩ khởi nghĩa, nổi dậy diệt đồn, phá bốt mở nhiều mảng mới.

Mỏ Cày Nam mở mảng Cẩm Sơn, Minh Đức, Tân Trung, Hương Mỹ, bức chạy và diệt trên 20 đồn tua. Thạnh Phú chuyển thế hoạt động ở ven biển, đưa lực lượng tiến sâu vào bốn xã: Đại Điền, Phú Khánh, Thạnh Phú, Thới Thạnh, diệt hai đồn, tiêu hao nặng một đại đội của Tiểu đoàn 413 quân ngụy.

Kết quả trong cao điểm tháng 3-1975, toàn tỉnh đã giải phóng hoàn toàn ba xã, 12 xã giải phóng cơ bản, 30 xã tranh chấp mạnh, 50 xã tranh chấp yếu, 90% xã, ấp đều có chi bộ. Thắng lợi đó là tiền đề để quân dân ta bước vào trận quyết chiến cuối cùng giải phóng Bến Tre.

2. Hưởng ứng chiến dịch Hồ Chí Minh, quân và dân Bến Tre nổi dậy đồng loạt giải phóng tỉnh

Vận dụng Nghị quyết đặc biệt của Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 15 ngày 29-3-1975 *về chủ trương giải phóng hoàn*

toàn miền Nam, chỉ đạo việc nắm thời cơ thực hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, ngày 9-4-1975, Tỉnh ủy ra chỉ thị: Khẩn trương tổ chức lực lượng chính trị, vũ trang với tốc độ quy mô nhảy vọt, hình thành đội ngũ chặt chẽ, chớp thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn.

Chỉ thị gồm bốn điểm, nội dung cơ bản là phát động với hình thức, quy mô trong cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang, quần chúng trên cả ba vùng, kể cả gia đình ngụy quân, ngụy quyền; đẩy mạnh vận động và xây dựng lực lượng tấn công binh vận, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng khởi nghĩa. Khẩu hiệu hành động lúc này là: Dồn sức cho phía trước, dốc mọi lực lượng tiến công và nổi dậy, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện; đánh sụp ngụy quân; đánh đổ toàn bộ ngụy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân.

Sau khi học tập quán triệt chỉ thị trên, các cấp, các ngành xúc tiến chuẩn bị. Về lực lượng vũ trang tỉnh, củng cố ba tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có đủ quân số 300 chiến sĩ, phát triển thêm ba tiểu đoàn mới. Các huyện Châu Thành Đông, Châu Thành Tây và Chợ Lách, mỗi huyện đều xây dựng được một đại đội, quân số 100 chiến sĩ; các huyện Thạnh Phú, Bình Đại, Ba Tri đều có hai đại đội, 200 chiến sĩ; các huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và Giồng Trôm, mỗi huyện ba đại đội, 300 chiến sĩ. Du kích xã từ 50 đến 100 chiến sĩ, ấp từ 30 đến 50 chiến sĩ. Mỗi huyện tổ chức các tiểu đoàn dân quân theo quy định chung đưa về tỉnh là 10 tiểu đoàn, các huyện đều phải xây dựng thêm để phục vụ tấn công vào thị trấn.

Lực lượng khởi nghĩa được huy động khoảng 50.000 người bao gồm gia đình binh sĩ, gia đình tề, công nhân viên chức và quần chúng, được tổ chức từng đại đội, mỗi đại đội 100 người, trang bị vũ khí thô sơ chuẩn bị băng, cờ,... phục vụ tại tỉnh và phục vụ tại huyện.

Vừa xúc tiến chuẩn bị, vừa liên tục tấn công địch, ngay từ đầu tháng 4, lực lượng vũ trang cùng lực lượng ba mũi ở cơ sở tiếp tục vây đồn, đoạt bốt, mở thêm nhiều mảng mới, đưa lực lượng áp sát thị xã, thị trấn, móc nối cơ sở binh vận, chờ đợi thời cơ.

Ban Chỉ huy chiến dịch chỉ đạo cho lực lượng vũ trang tỉnh từ Ba Tri về tập kết ở Châu Thành (hướng đông bắc và tây bắc thị xã), chuẩn bị phương án tấn công thị xã.

Cán bộ tiểu đoàn, cán bộ tác chiến phân công nhau nghiên cứu chiến trường trên các hướng theo kế hoạch đã vạch ra.

Công đoàn tỉnh cử cán bộ đi kiểm tra, móc nối xây dựng cơ sở, ở các cơ quan: Ty Công chánh, Nhà máy đèn, Bến phà Hàm Luông, Cấp nước, Bệnh viện, Ty Kiến thiết, Ty Ngân khố...

Đội quân chính trị có hơn 20 vạn người được phân công bao vây 754 bốn đồn bốt và tháp canh, 11 phân chi khu rải khắp tỉnh, chu đáo, bí mật, sẵn sàng nổi dậy khi có thời cơ và hiệu lệnh.

Trong lúc tinh thần địch hoang mang, ta đẩy mạnh công tác binh vận, phá rã trên 7.000 binh lính, quan hệ móc nối với 1.181 trưởng, phó đồn và có trên 400 sĩ quan phối hợp hành động.

Tin chiến thắng từ các mặt trận bay về càng cổ vũ, động viên khích lệ quân dân trong tỉnh.

Trong khi triển khai thực hiện, do sơ hở, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 6 - Võ Công Nghiệp trên đường vượt lộ 6 hành quân về Giồng Trôm, bị địch tập kích bất ngờ lấy được tài liệu và kế hoạch tác chiến. Địch lập tức đánh phá địa bàn ven thị xã và điều các tiểu đoàn bảo an (415, 453, 457, 401) về phòng thủ thị xã, chặn các hướng vào thị xã theo phương án tác chiến của ta.

Ngày 27-4-1975, Ban Chỉ đạo chiến dịch quyết định chuyển điểm về Giồng Trôm, chọn phân chi khu Lương Quới

làm điểm đột phá để địch đưa các tiểu đoàn bảo an xuống ứng cứu, sau đó, ta sẽ tấn công vào thị xã theo phương án đã chuẩn bị. Đồng thời, cử đồng chí Trần Vệ Quốc - Phó Chính trị viên Tỉnh đội và một số cán bộ tiểu đoàn đi điều nghiên, chuẩn bị đánh địch ở mặt trận Lương Quới[1]. Ý định và quyết tâm của ta là đánh diệt phân chi khu Lương Quới để hút địch, tiêu diệt viện binh. Về mặt lãnh đạo, để kịp thời đối phó với mọi tình huống đột biến xảy ra ở mặt trận, Ban Thường vụ nhất trí cử đồng chí Nguyễn Văn Phiên (Tư Cường) đi chiến trường, giao Thường trực Tỉnh ủy cho đồng chí Đoàn Văn Đức - Ủy viên Thường vụ đảm trách.

Đêm 29-4-1975, ta tấn công làm thiệt hại nặng phân chi khu Lương Quới, diệt hai đồn trên trục đường 26 Lương Quới - Đồng Gò, sử dụng đặc công đánh cầu đúc Lương Quới (nhưng không đánh được vì đặc công hy sinh) và đánh cầu Chẹt Sậy (chỉ đánh sập một đoạn).

Sáng 30-4-1975, Tiểu đoàn 453 ngụy quân từ Phú Hưng xuống cứu viện phân chi khu Lương Quới. Tiểu đoàn 260 của ta chặn đánh chúng ở đoạn lộ từ miễu Cây Gừa (Lương Quới) đến Lương Hòa, diệt một đại đội.

Những diễn biến thắng lợi trên toàn miền nhanh chóng hơn dự kiến đã tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi để các chiến trường giành thắng lợi. Lúc 10 giờ 30 phút (11 giờ 30 phút giờ Sài Gòn) ngày 30-4-1975, Tổng thống Chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, quân ta cắm lá cờ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa

1. Theo lời kể của đồng chí Trần Vệ Quốc: lúc này, đồng chí Phan Định và Phó Chính trị viên Tỉnh đội Ba Thanh còn ở Châu Thành Tây, Tỉnh đội trưởng Võ Ngọc Cẩn (Năm Sương) bận nhiều công việc ở Ban Chỉ huy thống nhất, nên giao cho đồng chí Trần Vệ Quốc - Phó Chính trị viên Tỉnh đội, đi nghiên cứu thực địa, chuẩn bị chiến trường và trực tiếp chỉ huy chiến thuật "công đồn, đả viện".

miền Nam Việt Nam lên Phủ Tổng thống ngụy. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh ra lời kêu gọi toàn thể đồng bào trong tỉnh:

"Đồng bào thân mến!

Thời cơ giải phóng hoàn toàn quê hương đã đến!

Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bến Tre khẩn thiết kêu gọi toàn thể đồng bào trong tỉnh hãy nhận rõ tình hình và thời cơ vô cùng thuận lợi hiện nay, đoàn kết chặt chẽ, phát huy truyền thống anh hùng của ngọn cờ đầu đồng khởi, nhất tề đứng dậy, kiên quyết xông lên tấn công nổi dậy liên tục, quyết liệt hơn nữa khắp nông thôn và thị xã, thị trấn, quyết tâm tiêu diệt bọn tay sai ngoan cố, giành toàn bộ chính quyền, giải phóng hoàn toàn tỉnh Bến Tre thân yêu của chúng ta".

Đáp lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng khởi nghĩa, cơ sở binh vận gọi hàng phân chi khu Lương Quới, san bằng mười đồn bốt mở ra vùng giải phóng từ cầu đúc Lương Quới đến cầu Bình Chánh, giải phóng hoàn toàn xã Lương Quới[1], một ấp của xã Châu Hòa, một ấp thuộc xã Bình Hòa.

Hai tiểu đoàn Quân giải phóng bố trí tại Đồng Gò - Chẹt Sậy, Tiểu đoàn 516 áp sát xã Phú Hưng, Tiểu đoàn 260 hành quân áp sát xã Mỹ Thạnh An. Tại Châu Thành, ta bố trí một tiểu đoàn, bộ phận cối 82mm, Đại đội đặc công, do đồng chí Phan Định - Tham mưu trưởng chỉ huy đánh vào hệ thống phòng thủ và sân bay Tân Thành.

Đại đội địa phương quân Châu Thành bao vây chi khu Hàm Long. Lực lượng vũ trang, cùng du kích, lực lượng khởi nghĩa bao vây đồn bốt tuyến Mỹ Thành, An Hiệp, Sơn Đông, Mỹ Hóa...

1. Xã Lương Quới được giải phóng lúc 12 giờ ngày 30-4-1975. Xem *Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Lương Quới (1930-2015),* Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre, 2014.

Trong khi đó, địch ra sức phòng thủ tỉnh lỵ. Tiểu khu Kiến Hòa đã điều Tiểu đoàn 453 ngụy sau khi đi giải tỏa ở mặt trận Lương Quới về chốt chặn tại Phú Hưng chặn đường tiến công của ta từ hướng đông bắc vào thị xã (hướng chính). Chiều 30-4-1975, Phạm Chí Kim - Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Tiểu khu Kiến Hòa đã ra lệnh tử thủ, tổ chức phòng ngự sẵn sàng chiến đấu và lệnh cho pháo binh nã pháo vào khu vực Hữu Định chặn đường tiến quân của ta.

Chiều 30-4-1975, phối hợp với lực lượng vũ trang, quần chúng khởi nghĩa mở đợt tấn công vào hầu khắp đồn bốt của địch, bức rút, bức hàng gần 300 đồn tua, 2/3 phân chi khu và các căn cứ quan trọng: chi cảnh sát Ba Tri, yếu khu Trúc Bình, phân chi khu và trụ sở Vĩnh Thành... Cán bộ binh vận các cấp móc nối, nắm các đầu mối của địch kìm chế, thúc địch đầu hàng.

Ở thị xã, 12 giờ đêm 30-4-1975, Đội biệt động, lực lượng an ninh vũ trang ta khống chế các tên xã trưởng, giải tán lực lượng nhân dân tự vệ, cùng lực lượng khởi nghĩa bức rút, bức hàng nhiều đồn bốt vùng ven, san bằng hệ thống khu vực tả ngạn thị xã.

Hội Phụ nữ móc nối với cơ sở trong nội ô mang băng, cờ chuẩn bị cho ngày tiếp quản. Trong đêm 30-4-1975, sĩ quan, binh lính, viên chức ngụy trong thị xã lần lượt bỏ nhiệm sở, liên lạc giữa tiểu khu và các chi khu bị cắt đứt. Cán bộ, chiến sĩ, quần chúng cách mạng bị địch giam giữ đã tự động phá khám trở về.

Trong cơn hoảng loạn, Tỉnh trưởng Phạm Chí Kim ngoan cố ra lệnh tử thủ và bắn pháo xuống hướng Phú Hưng, nhưng đến phút chót, hắn và một số sĩ quan thân tín đã chạy trốn thoát thân hồi ba giờ sáng 1-5-1975 để lại tâm trạng lo âu, chới với của số

sĩ quan còn lại. Thiếu tá Bùi Tấn Bửu - Tham mưu trưởng Tiểu khu Kiến Hòa ra lệnh thiết quân luật, đồng thời, tổ chức họp Ban Chỉ huy, quyết định cử các sĩ quan Hiền và Chấn bàn giao tiểu khu cho cách mạng.

Trong đêm 30-4 rạng sáng 1-5-1975, Đại đội đặc công 269A của đồng chí Phạm Minh Thảo, đặc công chốt của đồng chí Mai Văn Ánh (Năm Hải) đã tập kích trận địa pháo của địch ở sân bay Tân Thành. Đội biệt động thị xã bức hàng đồn Mỹ Hóa, đội vũ trang của Ban Thanh niên thị xã, du kích Phú Khương bao vây bức hàng các bốt Tú Điền, Phú Khương, Vườn Ương và bốt Cầu Bà Mụ. Cờ cách mạng được treo ở ngã ba Tháp và Dinh tỉnh trưởng[1].

Đúng 7 giờ ngày 1-5-1975, Đại úy Chương cho xe đến ngã tư Tuần Đậu đón quân cách mạng vào tiểu khu. Đi trên xe, có Đại úy Chương, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu (Sáu Nguyễn) và hai cán bộ là Bảy Thảnh và Hai Thăng. Đồng chí Phan Định - Tham mưu trưởng cùng một số cán bộ vào Tòa hành chính, lệnh cho phía đối phương điều mười xe đến cầu Chẹt Sậy đón Ban Chỉ đạo chiến dịch vào tiếp quản thị xã (lúc 9 giờ sáng 1-5-1975).

Trước sự tấn công mạnh mẽ của quân và dân trong tỉnh, các chi khu, các căn cứ quân sự, đồn bốt lần lượt đầu hàng, giao lại cho lực lượng cách mạng từng nơi. Theo kế hoạch, từng bộ phận vào tiếp quản các cơ quan hành chính và quân sự trong nội ô. Cuộc tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975 trên chiến trường Bến Tre giành toàn thắng.

Hàng ngàn người từ phía ngã năm vào, từ ngã ba Tháp xuống, từ cầu Cá Lóc lên, từ bắc Hàm Luông, cầu Bến Tre

1. Lá cờ treo ở chỗ ngã ba Tháp do bà Nguyễn Thị Diệp (Tư Diệp) và một số chị em phụ nữ nội ô treo, còn lá cờ treo ở Dinh tỉnh trưởng, chưa xác minh được do người nào treo.

tràn sang, tay cầm cờ hoa đứng hai bên đường đón quân cách mạng vào tiếp quản thị xã.

Thị xã Bến Tre hoàn toàn giải phóng. Khắp các nẻo đường, trên các công sở, trên bến, dưới thuyền rực đỏ cờ chiến thắng. Mọi hoạt động của cuộc sống trở lại bình thường. Điện, nước, phà được anh em công nhân giữ vững, hoạt động ngay phục vụ cho nhân dân.

Tại tất cả các huyện trong tỉnh như Mỏ Cày, Ba Tri, Giồng Trôm, Bình Đại, Chợ Lách, Châu Thành đều diễn ra tấn công và nổi dậy mạnh mẽ. Sôi sục nhất là trong các ngày 30-4 và 1-5-1975, chớp thời cơ ngụy quyền Trung ương đầu hàng vô điều kiện, tinh thần các sĩ quan và binh lính địch sa sút, số ác ôn lẩn tránh, số lừng chừng co thủ do tác động từ chiến thắng của ta; các nơi, các cấp ủy đảng động viên hàng vạn người, quân cũng như dân xông lên mạnh mẽ tiến chiếm các công sở, đồn bốt địch, phá tề, giải tán phòng vệ dân sự, thu vũ khí, treo cờ cách mạng. Trong thời gian này, ở các địa phương, không có những trận đánh lớn của lực lượng vũ trang mà vận dụng nhuần nhuyễn ba mũi giáp công, nhất là gia đình binh sĩ xông vào đồn bốt khuyên nhủ chồng, con, em mình trở về, bức hàng chiếm bốt, gỡ đồn. Khí thế hào hùng nổi dậy của quần chúng trong những ngày đồng khởi lại tái diễn.

Chỉ trong hai ngày 30-4 và ngày 1-5-1975, hầu hết các thị trấn và vùng nông thôn rộng lớn đã tự lực quét sạch quân thù, giải phóng quê hương. Riêng đồn Bưng Cát (xã Tân Bình - Mỏ Cày Bắc), địch còn ngoan cố đến 12 giờ trưa 1-5-1975, ta bắn ba quả súng cối, diệt tên Phó đồn (Trưởng đồn và một lính đi vắng), bọn còn lại trong đồn mới chịu đầu hàng.

Bến Tre tự hào cùng với chiến thắng chung đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình, quét sạch bóng quân thù, tỉnh giải

phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã. Có thể khẳng định rằng, chưa bao giờ sức mạnh của nhân dân, tính chủ động mưu trí, sáng tạo của quần chúng lại được Đảng bộ Bến Tre huy động, tổ chức và phát huy với quy mô lớn, nhịp độ khẩn trương và hiệu lực mạnh mẽ như trong những ngày bão táp của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Quân và dân Bến Tre đã đập tan hoàn toàn bộ máy chiến tranh đồ sộ của chính quyền tay sai mà địch đã dày công xây dựng hơn 20 năm; diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng ngụy quân từ phòng vệ dân sự, cảnh sát, dân vệ và bảo an trên ba vạn tên; tiêu diệt, phá hủy, bức hàng, bức rút trên 700 đồn bốt, phân chi khu; chiếm toàn bộ các căn cứ, kho tàng, sân bay và trụ sở ngụy quân, ngụy quyền các cấp; thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch.

Trong trận quyết chiến chiến lược này, quân và dân Bến Tre đã giành thắng lợi nhanh chóng, trọn vẹn và triệt để, đã kết thúc 21 năm chiến đấu gian khổ quyết liệt, góp phần cùng cả nước bước vào một thời kỳ mới.

Chương IV

ĐẢNG BỘ BẾN TRE LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)

I- ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG HAI CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC Ở BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NAM VÀ PHÍA BẮC NƯỚC TA (1975-1979)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước được hòa bình, độc lập, thống nhất sau 30 năm chiến tranh chia cắt đã tạo ra niềm phấn khởi tự hào trong lòng mỗi người Việt Nam. Một khí thế cách mạng dâng lên sôi nổi trong Đảng bộ, quân và dân tỉnh Bến Tre. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể hăng hái bắt tay vào ổn định tình hình, xây dựng chính quyền cách mạng, lãnh đạo nhân dân khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Quần chúng phấn khởi với khí thế chiến thắng vĩ đại của dân tộc, tin tưởng vào Đảng, tham gia sôi nổi các buổi học chính trị và các công tác cách mạng. Đồng bào ở các vùng kìm kẹp, khu gom dân ở thị xã, thị trấn nô nức trở về quê cũ khai hoang phục hóa ruộng vườn, xây dựng lại cuộc sống.

Sau giải phóng, tỉnh đã tiếp quản hầu hết các cơ sở hành chính, quân sự, kinh tế, văn hóa, khoa học của chế độ cũ.

Bến Tre là một tỉnh có tiềm năng kinh tế đa dạng, phong phú như lúa, dừa, mía, cây ăn trái, thủy hải sản. Đất đai màu mỡ, khí hậu điều hòa, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp toàn diện. Lực lượng lao động dồi dào với hơn 900.000 dân (năm 1976).

Tuy nhiên, trong giai đoạn mới, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre phải đương đầu với những khó khăn, thách thức mới.

Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, sản xuất nhỏ là chính, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề với gần 30.000ha đất ruộng bị hoang hóa, hai phần ba diện tích vườn dừa bị tàn phá bởi bom pháo, chất độc hóa học, rừng ven biển hầu như bị hủy diệt. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp kém phát triển, toàn tỉnh không có một cơ sở công nghiệp nào quan trọng[1]. Bến Tre chỉ có một nhà máy điện, một nhà máy cấp nước, một vài cơ sở ép dầu, làm xà bông, nhà máy xay lúa, lò gạch, trại cưa... Một số nghề truyền thống vốn có trong tỉnh như dệt tơ lụa, dệt chiếu... do không cạnh tranh nổi phải phá sản hoặc bị đình trệ sản xuất. Kinh tế của tỉnh cũng như cả miền Nam trước giải phóng phụ thuộc vào viện trợ của Mỹ. Thị trường tư bản chủ nghĩa thường xuyên biến động, tư thương đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường. Khó khăn lớn nhất là tình trạng thiếu lương thực, bị sâu rầy, mất mùa liên tiếp trong hai năm (1977-1978), gây nên nạn thiếu đói.

Do chiến tranh diễn ra hết sức ác liệt trên chiến trường tỉnh nhà nên mức độ và diện tàn phá diễn ra ở các vùng nông thôn rất nghiêm trọng. Hầu hết các con đường tỉnh lộ, hương lộ đều hư hỏng nặng, cầu cống các loại đều bị hư hoặc xuống cấp, việc đi lại chuyên chở rất khó khăn. Phần lớn các công

1. Năm 1975, toàn tỉnh có một nhà máy điện diezen ở thị xã và ba cơ sở điện ở Mỏ Cày, Hàm Long (Châu Thành), Ba Tri; tổng công suất 2.436KW/h, một vài nhà máy xay xát lúa gạo, lò gạch, năm nhà máy ép dầu với công suất 2.000 tấn/năm.

trình công cộng như công sở, trạm y tế, trường học,... đều tạm bợ theo kiểu dã chiến. Sau chiến tranh, xăng dầu, phương tiện đi lại, vật liệu làm đường, làm cầu, cất nhà... khan hiếm. Vì vậy, việc khôi phục giao thông vận tải, xây dựng lại các công trình phục vụ công cộng ở xã, ấp, làm nhà ở của nhân dân, nhất là vùng nông thôn trong tỉnh rất khó khăn.

Chiến tranh và ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới đã để lại hậu quả nặng nề về xã hội: 25 vạn người chết và bị nhiễm chất độc hóa học; hơn 3 vạn gia đình liệt sĩ, hơn 1,5 vạn thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; gần 4 vạn sĩ quan, binh lính và nhân viên của chế độ cũ đầu hàng và tan rã trong tỉnh, một số hoang mang lo sợ bị trả thù; nhiều lao động không có việc làm, tập trung ở thị xã, thị trấn và các khu gom dân; các tệ nạn xã hội như trộm cắp, mại dâm, mê tín dị đoan,... vẫn còn rải rác ở một số nơi.

Trật tự trị an sau chiến tranh có những biến động phức tạp. Một số binh sĩ ngoan cố không chịu ra trình diện học tập cải tạo, tiếp tục nhen nhóm tổ chức, hoạt động phá hoại, tuyên truyền xuyên tạc gây hoang mang trong quần chúng. Bọn phản động quốc tế và tay sai đã tiến hành chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc nước ta, dựng nên vấn đề "nạn kiều" cưỡng ép người Hoa trốn đi nước ngoài và thực hiện chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với ta.

Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới tiếp quản còn non yếu, đội ngũ cán bộ, đảng viên còn thiếu[1], không thể bố trí đủ các xã, ấp, nhất là vùng yếu, vùng tạm chiếm cũ. Trong giai đoạn mới, chuyển từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

1. Theo *Dự thảo báo cáo một số đặc điểm cơ bản về tình hình từ sau giải phóng đến tháng 12-1975* của tỉnh, toàn tỉnh có 6 cán bộ cao cấp trong Thường trực Tỉnh ủy, 50 cán bộ trung cấp, 61 cán bộ hưởng lương sơ cấp, 874 cán bộ cơ sở hưởng lương cơ sở.

sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ nhiệm vụ chiến đấu sang làm nhiệm vụ chính quyền, quản lý kinh tế, cán bộ, đảng viên còn lúng túng, lề lối làm việc chưa chuyển kịp với tình hình mới, chưa có kinh nghiệm, nhận thức, tư tưởng còn giản đơn về xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ quan duy ý chí, nóng vội, chưa thấy hết khó khăn, phức tạp của tình hình. Trong quan hệ giữa Đảng và chính quyền còn chồng chéo, Đảng bao biện làm thay chính quyền.

Tất cả những khó khăn đó đã gây ra những trở ngại lớn cho công cuộc xây dựng xã hội mới ở Bến Tre. Với tinh thần cách mạng tiến công, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục giành những thắng lợi mới, đưa sự nghiệp cách mạng của tỉnh tiếp tục phát triển.

Tiếp thu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (ngày 29-9-1975) *về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới,* Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 của Trung ương Cục *quyết định chủ trương và những công tác cấp bách sau giải phóng hoàn toàn miền Nam* (tháng 7-1975), Đảng bộ tỉnh đã xác định nhiệm vụ mới cho toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh là: xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng vững mạnh; đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, ổn định tình hình; khôi phục và phát triển sản xuất, đời sống nhân dân; cải tạo kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ngày 17-5-1975, Ủy ban quân quản tỉnh[1] được thành lập, do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn (Trịnh Văn Nở) làm Chủ tịch

1. Ủy ban quân quản có 7 đồng chí: 1. Nguyễn Văn Nguyễn (Tư Nở) làm Chủ tịch; 2. Bùi Hữu Thời (Tư Thi) làm Phó Chủ tịch; 3. Phan Văn Thậm (Tư Định), Tham mưu trưởng Tỉnh đội làm Tham mưu trưởng Ban Quân quản; 4. Trần Văn Vương (Hai Chiến), Phó Công an tỉnh phụ trách an ninh; 5. Thành Nam làm Thư ký; 6. Tư Ái phụ trách tài chính; 7. Bảy Thuận làm bảo vệ nội bộ.

có nhiệm vụ truy quét tàn quân ngụy ngoan cố, trấn áp bọn phản động ngóc đầu dậy, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đồng thời, tiếp quản và điều hành toàn diện cơ sở kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Chính quyền cách mạng đã ra văn bản đầu tiên có tính pháp quy để quản lý xã hội, đó là Thông cáo số 1 "Quy định việc giữ gìn trật tự trị an". Thông cáo xác định giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ chính quyền cách mạng chính là nghĩa vụ của mỗi người dân, nhằm bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng, bảo vệ tài sản của nhân dân. Đồng thời, xác định nhiệm vụ cấp thiết là nhanh chóng ổn định trật tự trị an, ổn định sinh hoạt bình thường trong nhân dân. Sau Thông cáo số 1, liên tục 17 thông cáo khác ra đời xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt cần phải tổ chức thực hiện đó là truy quét tàn quân ngụy ác ôn, nguy hiểm, có nhiều nợ máu với cách mạng và nhân dân, còn ngoan cố lẩn trốn không chịu ra trình diện. Nội dung các thông cáo gồm: quy định việc tiếp quản các cơ quan hành chính, kinh tế, xã hội. Quy định việc thu gom vũ khí, chất nổ, tài sản, tài liệu của địch để lại. Quy định việc ghi danh trình diện của nhân viên, công chức hành chính, sĩ quan, binh lính các binh chủng, đảng viên các đảng phái phản động. Quy định việc sử dụng giấy tờ tùy thân, khai báo về hộ khẩu. Quy định việc tham gia giao thông của các phương tiện giao thông thủy, bộ. Tuyên bố giải tán các tổ chức kìm kẹp của địch ở hạ tầng cơ sở. Quy định xây dựng cơ cấu tổ chức chính quyền cách mạng ở khóm, ấp, xã, phường; nghiêm cấm các hình thức cờ bạc; quy định hình thành các tổ chức quần chúng. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền học tập bằng nhiều hình thức cho sĩ quan, binh lính chế độ cũ và nhân dân về chính sách 10 điểm của cách mạng và 18 thông cáo của Ủy ban quân quản tỉnh. Kết quả, đã có 32.024 người ra trình diện; trong đó, hệ quân có

25.201 người (có 1 chuẩn tướng, 33 cấp tá, 45 cấp úy, 1.259 hạ sĩ quan, 23.863 lính), hệ chính quyền có 5.913 người (cấp tỉnh 2.499 người, cấp huyện, xã 3.414 người).

Số được phân loại chuyển về trên quản huấn dài hạn 1.965 người. Cấp tỉnh thành lập ba trại giam, hai trại quản huấn, mỗi huyện thành lập một trại giam, hai trại quản huấn để cải tạo đối tượng tập trung. Đồng thời, mở nhiều đợt giáo huấn tại chỗ và cấp cho mỗi người một giấy chứng nhận đã học tập trao trả quyền công dân. Đây là thắng lợi bước đầu có ý nghĩa quan trọng trong công tác ổn định xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng. Đi đôi với học tập cải tạo, có kế hoạch truy quét, tấn công những tên ác ôn, nguy hiểm, ngoan cố không chịu ra trình diện, cố tình lẩn trốn, câu móc hoạt động thực hiện kế hoạch hậu chiến của Mỹ, ngụy. Qua các đợt truy quét, ta bắt giữ 1.006 đối tượng[1].

Công tác xây dựng Đảng có bước phát triển. Trung ương đã đưa nhiều đồng chí có năng lực về tăng cường cho tỉnh như Nguyễn Văn Trung, Võ Văn Phẩm, Nguyễn Nam Hồng, Nguyễn Văn Châu, Lê Minh Đào... Tỉnh ủy mới được chỉ định do đồng chí Nguyễn Văn Trung làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Phiên (Nguyễn Hùng) làm Phó Bí thư thường trực, đồng chí Võ Văn Phẩm là Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Các cấp ủy huyện, xã được củng cố. Các ban, ngành hình thành tương đối đầy đủ.

Đội ngũ cán bộ tỉnh được bổ sung thêm nhiều đồng chí từ các nhà tù về, cán bộ tập kết, cán bộ từ cấp khu giải thể trở về và một số cán bộ từ miền Bắc, nhất là tỉnh Vĩnh Phú kết nghĩa tăng cường cho tỉnh.

Để nhanh chóng xây dựng bộ máy chính quyền, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tăng cường cán bộ cho các vùng mới giải phóng

1. Theo *Lịch sử Công an tỉnh Bến Tre (1975-1995),* Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Bến Tre, 2011, tr. 23.

cơ sở cách mạng còn yếu. Các huyện Mỏ Cày, Châu Thành trong chiến tranh chia thành Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, Châu Thành Đông, Châu Thành Tây được sáp nhập trở lại như cũ. Toàn tỉnh có 7 huyện, 1 thị xã, 125 xã, 2 khu phố, 5 phường. Chính quyền cách mạng được xây dựng đều khắp các xã ấp trong tỉnh, 43 ty, ngành tỉnh có hệ thống đến huyện, xã; 125 ủy ban nhân dân xã, 644/738 ban nhân dân ấp. Đối với các ấp chưa có chi bộ, chưa có ban chấp hành đoàn thể, các xã phân công cán bộ hoạt động và xây dựng, phát triển lực lượng mới.

Song song với việc xây dựng chính quyền cách mạng, các đoàn thể quần chúng được xây dựng, củng cố và phát triển. Trong các vùng mới giải phóng, các đoàn thể quần chúng, các ban cán sự được tổ chức. Nhân dân phấn khởi gia nhập các đoàn thể, tham gia các hoạt động xã hội. Trong 8 tháng (từ tháng 5-1975 đến tháng 12-1975), toàn tỉnh đã phát triển được 1.100 đoàn viên Thanh niên Lao động, 5.257 hội viên Nông hội, 4.900 Thanh niên Giải phóng, 2.513 học sinh giải phóng, 238 đoàn viên Công đoàn Giải phóng. Các vạn vần đổi công, nghiệp đoàn được tổ chức, tập hợp 7.781 quần chúng các giới.

Chính quyền cách mạng đã tiến hành nhiều biện pháp để ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, tổ chức đưa 20.000 đồng bào hồi hương. Các hoạt động công cộng như: điện, nước, vệ sinh công cộng, giao thông vận tải đều trở lại hoạt động bình thường để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Chính quyền đã tổ chức cứu đói, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đồng bào ở thị xã, thị trấn, các khu gom dân, ấp chiến lược trở về quê cũ, phân phối gần 80.000 bao phân bón, trợ cấp 455.000 đồng cho đồng bào nghèo. Ngày 6-6-1975, Ủy ban quân quản tỉnh cử đoàn cứu trợ cho đồng bào 9 khu nội ô và 11 ấp ngoại ô thị xã.

Đoàn đã cứu trợ cho 757 gia đình với 3.727 nhân khẩu, tổng số tiền là 3.574.950 đồng. Hoạt động cứu trợ đã tạo tâm lý phấn khởi và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng với nhân dân. Bộ đội, du kích giúp dân tháo gỡ bom mìn, san bằng đồn bốt, mở rộng diện tích đất canh tác. Năm 1975, nhân dân đã sản xuất thêm 25.000ha đất ruộng, 80 đến 90% diện tích đất vườn được khai hoang phục hóa trồng các loại chuối, dừa, mía, rau, đậu... Phong trào thâm canh tăng vụ bước đầu được thực hiện, vụ đông xuân năm 1976, nông dân đã cấy sạ trên 12.000ha. Nhân dân Bến Tre đã giải quyết được nạn thiếu lương thực và làm nghĩa vụ với Trung ương 5.000 tấn thóc.

Đi đôi với sản xuất lương thực, nghề vườn có bước phục hồi khá. Nghề cá tiếp tục duy trì, bảo đảm đánh bắt liên tục, năng suất đánh bắt và sản lượng khai thác đạt khá, đã giải quyết được một phần thực phẩm hằng ngày cho nhân dân trong tỉnh và các nơi khác, cung ứng một khối lượng lớn cho Trung ương xuất khẩu, được công nhận là tỉnh có khả năng khai thác hải sản khá, dẫn đầu các tỉnh miền Nam về quản lý thu mua hải sản và cung ứng tôm đông lạnh xuất khẩu trong năm 1976.

Chính quyền cách mạng đã tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, quốc hữu hóa tài sản của tư sản mại bản (chiến dịch X2 tháng 7-1975) và thực hiện chủ trương thu đổi tiền của chính quyền Sài Gòn cũ và phát hành tiền của Ngân hàng Việt Nam (chiến dịch X3 tháng 9-1975), ngăn chặn tình trạng tư thương dùng tiền mua hàng hóa đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường.

Đồng thời với cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Đảng bộ và chính quyền quan tâm khôi phục sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết những khó khăn về nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng, đưa các nhà máy, xí nghiệp vào sản xuất. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được thành lập

với các cửa hàng phân phối các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống nhân dân.

Ngày 2-9-1975, tại sân vận động tỉnh, chính quyền cách mạng long trọng tổ chức míttinh kỷ niệm 30 năm ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hàng ngàn quần chúng nhân dân lần đầu tiên phấn khởi tham dự lễ kỷ niệm trong độc lập, tự do.

Về y tế, trên cơ sở đội ngũ cán bộ quản lý, y bác sĩ trong kháng chiến, chính quyền cách mạng đã lưu dụng số y, bác sĩ của chế độ cũ (261 người), các bệnh viện tiếp tục hoạt động để chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Mạng lưới y tế được triển khai xuống các huyện, xã. Các đội y tế lưu động đã khám, chữa bệnh miễn phí cho nhân dân, kịp thời dập tắt các ổ dịch bệnh. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, ăn sạch, ở sạch được phát động thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Thực hiện chỉ đạo trên, chính quyền cách mạng đã sử dụng số giáo viên kháng chiến (307 người) và thực hiện chính sách lưu dụng giáo viên cũ, giữ lại phần lớn số giáo viên của chế độ cũ (có 2.885 giáo viên các cấp I, II, III), tổ chức bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ để tiếp tục giảng dạy và mở thêm nhiều lớp đào tạo cấp tốc giáo viên bổ sung cho các trường. Ngành giáo dục đã xóa bỏ các trường tư, khôi phục các trường lớp cũ, mở thêm trường, lớp mới, vận động nhân dân hỗ trợ cây, tre, lá để dựng trường lớp. Năm học 1975-1976, năm học đầu tiên sau giải phóng đã được khai giảng với 142.000 học sinh (tăng hơn năm học 1974-1975 là 20.677 học sinh). Phong trào bổ túc văn hóa, bình dân học vụ được phát động. Nhân dân nô nức đi học.

Sau giải phóng, Vĩnh Phú là tỉnh kết nghĩa đã đầu tư xây dựng cho Bến Tre Đài Truyền thanh tại thị xã và một thư viện gồm hàng ngàn đầu sách.

Tỉnh đã có chủ trương nhanh chóng chuyển những hoạt động văn học nghệ thuật từ thời chiến sang thời bình phục vụ sát sườn những nhiệm vụ trước mắt. Bên cạnh đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, việc bài trừ văn hóa, văn nghệ phản động - tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới trên địa bàn tỉnh được xúc tiến mạnh mẽ và kiên quyết.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao tuy mới phát triển bước đầu nhưng có tính quần chúng rộng rãi, sôi nổi, có nội dung tốt và lành mạnh được đông đảo quần chúng tham gia. Trong hoàn cảnh đời sống vật chất còn thiếu thốn, khó khăn, gây nên tâm trạng băn khoăn trong một bộ phận quần chúng, chính nhờ có hoạt động văn hóa cách mạng do Đảng tổ chức và lãnh đạo đã đem lại cho nhân dân một nguồn vui mới, một sinh khí thoải mái trong đời sống văn hóa. Nhờ đó bước đầu kịp thời đáp ứng một số yêu cầu về hoạt động văn hóa, thể thao cách mạng, nên ảnh hưởng văn hóa nô dịch, phản động của chủ nghĩa thực dân mới bị đẩy lùi, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân lành mạnh, tiến bộ hơn trước.

Sau khi tình hình trong tỉnh được ổn định, các hoạt động xã hội trở lại bình thường, ngày 31-3-1976, Ủy ban quân quản tỉnh bàn giao nhiệm vụ lại cho Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh theo chỉ thị của Bộ Chính trị.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Đảng bộ, chính quyền và Mặt trận tỉnh đã tiến hành tuyên truyền vận động Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước. Ngày 25-4-1976, hưởng ứng cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, nhân dân Bến Tre đã nô nức đi bầu người đại diện của mình vào Quốc hội. Kết quả đã bầu được 9 đại biểu Quốc hội: Phan Thị Hồng Châu, Đồng Văn Cống, Nguyễn Thị Định, Trương Thanh Hoàng, Đặng Thị Mãnh, Trịnh Văn Nở, Nguyễn Văn Ngợi, Nguyễn Thành Phát, Võ Văn Phẩm.

Đảng bộ tỉnh đã triển khai học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mở nhiều lớp bồi dưỡng về lý luận, về công tác chính quyền cho cán bộ, đảng viên, củng cố nhận thức chính trị, đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh, hòa bình nghỉ ngơi, chỉ lo lợi ích cá nhân, quan liêu, hủ hóa.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh. Ngày 11-11-1976, Tỉnh ủy quyết định đổi tên báo *Chiến Thắng* thành báo *Đồng Khởi* do đồng chí Huỳnh Năm Thông làm Tổng biên tập. Ngày 20-12-1976, Tỉnh ủy quyết định thành lập Đài Phát thanh tỉnh, đồng chí Phạm Công Nghiệp (Thanh Nhân) được giao trách nhiệm trực tiếp lo xây dựng Đài. Đúng 7 giờ 30 phút ngày 7-3-1977, Đài Phát thanh Bến Tre truyền đi bản tin đầu tiên buổi lễ khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I (vòng hai).

Sau hơn một năm giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã hoàn thành nhiệm vụ ổn định tình hình an ninh trật tự, khôi phục sản xuất kinh tế, các hoạt động văn hóa - xã hội, ổn định đời sống nhân dân là tiền đề để tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I

Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã họp và quyết định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa 5 năm lần thứ hai (1976-1980).

Để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bến Tre triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

Trải qua 46 năm tồn tại và hoạt động trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, gian khổ dưới ách thống trị của kẻ thù

và chiến tranh ác liệt, đây là lần đầu tiên Đảng bộ tỉnh họp Đại hội đại biểu có đông đủ các thế hệ cán bộ, đảng viên đã từng lăn lộn với phong trào cách mạng trong tỉnh từ khi thành lập Đảng bộ đến ngày giải phóng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ I (vòng 2) họp từ ngày 7 đến ngày 18-3-1977, gồm có 303 đại biểu thay mặt cho hơn 8.000 đảng viên. Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo công tác của Ban Chấp hành, thông qua Nghị quyết về mục tiêu phấn đấu trong 5 năm 1976-1980, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh trong 2 năm 1977-1978 và kế hoạch cải tạo, phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội năm 1977. Trước khi đưa ra thảo luận và thông qua tại Đại hội, dự thảo Nghị quyết đã được hơn 2 vạn người trong tỉnh (kể cả cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng) góp ý kiến.

Đại hội đã nhìn nhận những thiếu sót, khuyết điểm trong những năm từ 1975 đến 1977: Sự yếu kém về kiến thức và năng lực quản lý kinh tế; thiếu cán bộ quản lý có năng lực, cán bộ chuyên môn khoa học - kỹ thuật giỏi, công nhân kỹ thuật và công nhân lành nghề. Sự thiếu đồng bộ của các ngành, các đoàn thể trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, nhất là các chủ trương về kinh tế. Công tác lưu thông phân phối chưa gắn liền với yêu cầu và nhiệm vụ chính trị, kinh tế; chưa thiết thực bảo đảm và khuyến khích phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các ngành còn nghèo nàn, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa trong giai đoạn mới. Chỉ mới bước đầu quy hoạch tổng thể về phân vùng sản xuất, chưa quy hoạch cụ thể cho từng vùng chuyên canh và từng ngành sản xuất, do đó, việc tổ chức lại sản xuất, phân bố lao động cho các ngành nghề chưa được thực hiện tốt, nhiều khó khăn phức tạp trong sản xuất và đời sống nhân dân chưa được khắc phục nhanh chóng

và có hiệu quả. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân chưa được phát huy và tôn trọng đầy đủ, đời sống nhân dân chưa được chú ý nâng cao. Khả năng cách mạng của quần chúng chưa được phát huy triệt để. Sự yếu kém của hệ thống chuyên chính ở cơ sở trong việc thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, chăm lo những vấn đề thiết thực trong đời sống hằng ngày của nhân dân[1].

Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nghị quyết của Đại hội đã phân tích tình hình trong tỉnh, nêu rõ phương hướng và biện pháp giải quyết những khó khăn trước mắt, hàn gắn vết thương chiến tranh, nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, củng cố và tăng cường chuyên chính vô sản, giữ gìn trật tự trị an, bước đầu tiến hành những biện pháp cải tạo đi đôi với xây dựng, đặt nền tảng cho việc chuyển nền kinh tế từ sản xuất nhỏ, tản mạn, tự phát, vô tổ chức, quá độ lên sản xuất lớn có tổ chức, có kế hoạch.

Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nâng cao dân trí, nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nắm chắc khâu trung tâm là tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện để bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân và làm nghĩa vụ góp phần xây dựng đất nước; đồng thời, ra sức phát huy thế mạnh kinh tế vườn, thủy sản. Đi đôi với phát triển nông nghiệp toàn diện phải khẩn trương xây dựng công nghiệp địa phương gắn chặt với nông nghiệp, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, chế biến nông sản, hải sản nhằm tăng giá trị tiêu dùng của sản phẩm, tạo nguồn hàng xuất khẩu để có tích lũy vốn phát triển kinh tế, xã hội.

1. Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ I.

Đặc biệt, Đại hội đã xác định nền kinh tế của tỉnh có ba thế mạnh: nghề ruộng, nghề vườn, nghề cá. Bến Tre có đủ điều kiện khai thác và phát huy ưu thế của nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, đất đai phì nhiêu, đa canh, toàn diện để giải quyết đời sống nhân dân, phát triển sản xuất, từng bước tạo tích lũy cho sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, công nghiệp hóa nền kinh tế địa phương theo đường lối xây dựng kinh tế của Đảng. Trên cơ sở xác định thế mạnh về kinh tế, Đại hội đã có quyết định cụ thể về bố trí ngành, nghề, phân bố và sử dụng lao động, xây dựng cơ cấu của nền kinh tế mới, gắn chặt công nghiệp và nông nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở.

Về xây dựng Đảng, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ tăng cường năng lực lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo cơ sở và quản lý kinh tế, ổn định bộ máy tổ chức của Đảng từ cấp ủy đến các ban ngành, tăng cường cán bộ có năng lực cho chính quyền và các ngành kinh tế, giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hóa cho đảng viên, đấu tranh chống tiêu cực.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1977-1979 gồm 34 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Trung được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Phiên (Nguyễn Hùng) làm Phó Bí thư thường trực, đồng chí Võ Văn Phẩm làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ I, tháng 7-1977, Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp bàn về phát triển nông nghiệp, chủ trương tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, giải quyết yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm đi đôi với khẩn trương tiến hành một bước công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp phải nhằm vào ba mục tiêu:

- Bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh và làm nhiệm vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp chế biến.

- Tăng nguồn hàng xuất khẩu, góp phần công nghiệp hóa đất nước và có vốn tích lũy.

Hội nghị chủ trương tiến hành cải tạo sản xuất nông nghiệp, xây dựng quan hệ sản xuất mới, vận động nông dân vào các tập đoàn sản xuất nông nghiệp, thành lập hợp tác xã thí điểm ở xã Bình Thành (Giồng Trôm), xây dựng các công trình phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh hoạt động của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Ngày 4-8-1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 15-CT/TW *về việc làm thí điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam.* Ngày 14-4-1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 43/CT-TW *về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam.* Theo Chỉ thị, hợp tác hóa nông nghiệp miền Nam phải đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, thích hợp từng vùng, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân. Ngày 15-11-1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 57/CT-TW *về việc xóa bỏ các hình thức bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và tàn dư bóc lột phong kiến; thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động; đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam.*

Thực hiện chủ trương của Đảng, tỉnh tiến hành điều chỉnh đất đai, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đưa nông dân vào làm ăn hợp tác. Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Cải tạo nông nghiệp do đồng chí Nguyễn Văn Nhờ (Hai Nghĩa), Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa

đối với nông nghiệp, đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp gồm ba giai đoạn: Từ năm 1977 đến năm 1978, thời kỳ chuẩn bị, tuyên truyền vận động nông dân vào làm ăn tập thể, tổ chức thí điểm một số tập đoàn sản xuất, hợp tác xã. Từ năm 1979 đến năm 1980, mở rộng phong trào hợp tác hóa, kiện toàn củng cố gắn với phát triển các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã. Từ năm 1981 đến năm 1985, hoàn thành hợp tác hóa dưới hai hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Chọn ấp Bình Lợi, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm làm điểm[1].

Các Hội nghị lần thứ tư (tháng 3-1978), lần thứ năm (tháng 8-1978), lần thứ bảy (tháng 1-1979) của Ban Chấp hành Đảng bộ tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp, mở rộng phong trào hợp tác hóa.

Trong hai năm liên tiếp (1977-1978), tình hình hạn hán, thiên tai, nạn sâu rầy xảy ra, đã làm cho nhiều vùng lúa bị mất trắng[2], sản lượng lúa trong tỉnh bị giảm. Bên cạnh đó, do gặp phải khó khăn là hàng hóa, nông sản không được tự do lưu thông (do tình trạng ngăn sông, cấm chợ) nên làm cho nhiều hộ nông dân bị đói, khoảng 20.000 người phải đến các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An sinh sống.

Để khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân đã đẩy mạnh khai hoang phục hóa, làm thủy lợi, thâm canh tăng vụ, diệt trừ sâu rầy, cải tạo đất, thay đổi giống lúa, trồng cao lương, hoa màu.

1. Theo báo cáo sơ kết học tập Chỉ thị số 235-CT/TW ngày 20-9-1976 của Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về *vấn đề ruộng đất ở miền Nam* và Quyết định số 188 ngày 8-12-1977 về cải tạo nông nghiệp của Tỉnh ủy Bến Tre.

2. Năm 1977 bị mất trắng 20.000ha, trên 20.000ha bị giảm năng suất từ 30 đến 50%, tổng sản lượng lương thực là 254.000 tấn, đạt 62,9% so với kế hoạch.

Trong ba năm 1977-1979, nhân dân Bến Tre đã khai hoang phục hóa được 7.570ha, trồng các loại dừa, mía, cây ăn trái. Phong trào làm thủy lợi tiếp tục được đẩy mạnh. Hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu được hình thành như kênh 9A (Bình Thành), Hữu Định,... Các trạm bơm Phú Ngãi, Bình Thành, Đồng Gò, Hương Mỹ, Đại Điền,... được xây dựng, phục vụ tưới tiêu nước cho đồng ruộng. Tuy nhiên, do trình độ kỹ thuật có hạn, một số trạm bơm không phát huy được tác dụng. Đồng thời với việc đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, thâm canh tăng vụ, nhiều nơi nhân dân đã trồng cây cao lương, nâng diện tích từ 737ha (năm 1977) lên 4.232,8ha (năm 1978), đạt 17.604 tấn, giải quyết một phần khó khăn lương thực. Nhân dân còn cải tạo giống lúa, thay những loại lúa có năng suất thấp bằng các loại ngắn ngày có năng suất cao.

Cán bộ, công nhân viên các cơ quan tham gia làm thủy lợi, sản xuất tự túc trồng lúa, hoa màu. Ngành nông nghiệp đã đưa phân bón, thuốc trừ sâu, hướng dẫn kỹ thuật chăm bón lúa cho nhân dân.

Đến năm 1979, với những cố gắng tích cực, khắc phục khó khăn, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhân dân Bến Tre đã giải quyết được nạn thiếu đói lương thực. Sản lượng lúa năm 1979 đạt 312.000 tấn, tăng 10% so với năm 1976.

Ngành lâm nghiệp tiến hành chăm sóc rừng cũ, trồng mới 1.200ha theo quy hoạch, lập các xí nghiệp cưa xẻ gỗ, thành lập một lâm trường khai thác gỗ ở tỉnh Phú Khánh. Cuối năm 1979, đã khai thác được 1.000m^3 gỗ tròn.

Công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp, tuy gặp nhiều khó khăn về nguyên, vật liệu, nhưng vẫn phát triển. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1979 đạt 47.000.000 đồng, tăng hơn 12% so với năm 1978.

Xí nghiệp cơ khí được tỉnh mở rộng và bốn xí nghiệp cơ khí huyện được xây dựng. Ngành điện đã xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy điện Đồng Khởi (Chẹt Sậy) gồm 5 máy GM với tổng công suất thiết kế 10.500kW, bảo đảm cung cấp đủ điện cho các trạm bơm, các cơ sở chế biến, cơ khí, bảo đảm ánh sáng phục vụ sinh hoạt ở khu vực thị xã.

Tuy nhiên, công nghiệp địa phương phát triển chậm, chưa tập trung xây dựng mạng lưới cơ khí bảo đảm cho sửa chữa, chế tạo phụ tùng thay thế thông thường, sản xuất máy móc nhỏ, máy cải tiến và công cụ để phục vụ cho các ngành sản xuất, vì vậy, tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải chưa nhiều. Tiểu thủ công nghiệp thiếu tổ chức quy hoạch phát triển theo ngành nghề, theo từng nhóm sản phẩm để thu hút người lao động, tận dụng các nguồn nguyên liệu để làm ra nhiều sản phẩm.

Công tác xây dựng cơ bản trong ba năm đã được đầu tư 54 triệu đồng, bằng 15 lần vốn đầu tư của năm 1976. Một số công trình phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp được hoàn thành như Xí nghiệp Xẻ gỗ lâm nghiệp I, Xí nghiệp Chế biến thức ăn gia súc, các cụm điện Giồng Trôm, Mỏ Cày, Nhà máy Cơ khí tỉnh, xây dựng hai trạm máy kéo ở cù lao Bảo và cù lao Minh với 180 máy kéo.

Ngành giao thông đã sửa chữa các cầu trên các trục lộ chính, khôi phục trục đường Mỏ Cày - Chợ Lách với hơn 10 cầu sắt lớn nhỏ, đồng thời, cải tạo ngành vận tải đường bộ, thành lập xí nghiệp công tư hợp doanh vận tải ô tô, sáu hợp tác xã vận tải ô tô ở sáu huyện, thị.

Ngành bưu điện đã tổ chức các trạm bưu điện ở các xã, củng cố phòng bưu điện các huyện, xây dựng hệ thống hữu tuyến thị xã Bến Tre - Ba Tri, thị xã Bến Tre - Châu Thành.

Các hoạt động văn hóa, xã hội được đẩy mạnh. Ngành y tế đã phát triển mạng lưới khám, điều trị bệnh, đào tạo cán bộ, bào chế thuốc bằng dược liệu địa phương.

Ngành giáo dục đã mở các trường sư phạm (trung học sư phạm, cao đẳng sư phạm), Đại học Sư phạm tại chức để đào tạo giáo viên bổ sung cho các trường. Số giáo viên các cấp từ 4.139 người năm học 1977-1978 đã tăng lên 6.781 người trong năm học 1979-1980 do số học sinh tăng nhanh. Phong trào bình dân học vụ, học bổ túc văn hóa tiếp tục được đẩy mạnh, tỉnh đã cơ bản hoàn thành xóa nạn mù chữ.

Phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển sôi nổi, mạnh mẽ. Trong các xóm, ấp, các đội văn nghệ quần chúng được thành lập với các hoạt động tự biên, tự diễn thu hút đông đảo đồng bào tham dự. Các đoàn nghệ thuật, đội chiếu phim đã xuống các vùng nông thôn, vùng căn cứ cách mạng cũ phục vụ nhân dân.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn về kinh tế, nhưng tỉnh đã có cố gắng chăm lo sức khỏe nhân dân. Số lượt người được khám, chữa bệnh, tiêm ngừa, uống thuốc phòng bệnh miễn phí tại các bệnh viện của Nhà nước ngày càng nhiều.

Việc phân phối hàng hóa vật tư, thuốc chữa bệnh cho nhân dân tuy chưa đầy đủ và còn thiếu sót nhưng vẫn bảo đảm phục vụ nhân dân những mặt hàng thiết yếu nhất và phân phối theo mức quy định.

Chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ được chú trọng hơn, đặc biệt là những gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Con em gia đình liệt sĩ được quan tâm chăm sóc, đi học được Nhà nước giúp đỡ.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, Tỉnh ủy đã chọn huyện Giồng Trôm làm huyện điểm, phân công đồng chí Võ Xuân Sinh (Ủy viên

Thường vụ Tỉnh ủy) làm Bí thư, đồng thời Tỉnh ủy bố trí tỉnh ủy viên trực tiếp làm bí thư huyện ủy các huyện khác. Tỉnh ủy đã đưa 34 cán bộ bổ sung cho các huyện ủy, đưa 43 ủy viên thường vụ huyện ủy và huyện ủy viên làm bí thư xã, 70 huyện ủy viên trực tiếp chỉ đạo xã. Tổ chức cơ sở đảng được chú trọng xây dựng và củng cố. Trong 132 xã, phường, thị trấn đều có tổ chức cơ sơ đảng (trong đó có 61 đơn vị có đảng bộ, 67 đơn vị có chi bộ cơ sở), cấp ủy của tổ chức cơ sở nơi đông nhất là 15 đảng ủy viên, nơi ít nhất là 3 chi ủy viên. Các ấp đều có chi bộ, tổ đảng và đảng viên hoạt động (749 ấp có 416 ấp có chi bộ, 321 ấp có tổ đảng hoặc đảng viên, 12 ấp chưa có cơ sở đảng). Trong hai năm, 1978-1979, đã củng cố và kiện toàn, bồi dưỡng, đề bạt 244 cấp ủy viên mới trong tổng số 1.042 cấp ủy viên của tổ chức cơ sở, tăng cường 143 cán bộ tỉnh và huyện về giữ chức danh chủ chốt ở xã. Các cơ quan cấp tỉnh và huyện đều có tổ chức cơ sở đảng. Các ngành cấp huyện được tăng cường cán bộ khoa học có trình độ đại học, trung cấp.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ tỉnh xác định là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng hàng đầu. Chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng Đảng phải gắn liền với kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước, củng cố các đoàn thể quần chúng. Việc lãnh đạo không chỉ bằng nghị quyết, chủ trương, mà còn phải thông qua công tác đào tạo, bố trí cán bộ, kiện toàn các ban chuyên môn làm tham mưu cho Đảng bộ tỉnh. Ngoài các ban chuyên môn như: Tuyên huấn[1], Tổ chức, Kiểm tra, Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Văn phòng cấp ủy, Tỉnh ủy thành lập Ban Nội chính, Ban Kinh tế, Ban Khoa giáo.

1. Tháng 8-1988, nhập Ban Tuyên huấn, Ban Khoa giáo và Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng thành Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Tỉnh ủy cũng đã triển khai đợt sinh hoạt chính trị phê bình và tự phê bình trong Đảng, phát Thẻ đảng viên theo Chỉ thị số 72-CT/TW ngày 5-8-1979 của Ban Bí thư *về việc tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng* và Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư *Về việc phát Thẻ đảng viên.*

Bộ máy chính quyền được củng cố thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp trong hai năm 1977 và 1979, đi vào thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình. Hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được củng cố về chính trị tư tưởng, ý thức phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống, tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có những cuộc họp rộng rãi với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, xã để bàn về phát triển sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận và các đoàn thể vận động quần chúng tham gia các hình thức sinh hoạt với khí thế sôi nổi, tạo nên những phong trào như: tham gia góp ý kiến văn kiện đại hội Đảng các cấp, bầu cử Hội đồng nhân dân, đại hội Mặt trận và các đoàn thể các cấp; phong trào xóa mù chữ và học bổ túc văn hóa; phong trào sản xuất lương thực, trồng cao lương, trồng màu chống đói; phong trào cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp; làm nghĩa vụ lương thực và bán sản phẩm cho Nhà nước; phong trào lao động tập thể xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, khai hoang phục hóa; phong trào làm nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị. Ngoài các phong trào chung, các đoàn thể có phong trào riêng cho giới mình như: thanh niên có phong trào ba xung kích làm chủ tập thể; phong trào làm kế hoạch nhỏ của thiếu nhi. Phụ nữ có phong trào lao động sản xuất, nuôi con khỏe dạy con ngoan và xây dựng

gia đình văn hóa mới. Nông dân có phong trào xây dựng các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Công đoàn có phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Qua các phong trào đã xuất hiện một số điển hình như xã Bình Thành, ngọn cờ đầu về hợp tác hóa nông nghiệp; xã Phú Phụng, ngọn cờ đầu về phong trào xóa mù chữ và bổ túc văn hóa; xã An Hiệp, ngọn cờ đầu về thâm canh, tăng năng suất lúa.

Qua các phong trào quần chúng, các đoàn thể quần chúng như Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ đã phát triển thêm gần 5 vạn đoàn viên và hội viên mới, tập hợp 650.000 quần chúng, đào tạo gần 10.000 cán bộ cho cấp huyện và cơ sở.

Về công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ, tỉnh đã cố gắng xây dựng, củng cố và mở thêm trường lớp, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ lãnh đạo quản lý, chuyên môn. Một số trường của các ngành kinh tế, văn hóa đã có chương trình đào tạo cán bộ trình độ trung cấp và sơ cấp nghiệp vụ. Trong ba năm từ 1977 đến 1979, đã đưa 230 cán bộ đi đào tạo tại các trường chính trị ở Trung ương. Trường Đảng tỉnh mở các lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cho 2.167 cán bộ cơ sở và sơ cấp. Trường lớp của các đoàn thể và các ngành đã đào tạo 19.575 cán bộ phục vụ phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cán bộ đoàn thể và cán bộ chuyên môn của ngành.

Sau ngày giải phóng, Nhà nước đã tiếp quản hầu hết cơ sở vật chất - kỹ thuật của chế độ cũ, quốc hữu hóa các cơ sở kinh doanh của tư sản nước ngoài và trong nước, Đảng và Nhà nước chủ trương phải nhanh chóng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế ở miền Nam. Tháng 3-1977, Bộ Chính trị quyết định rút thời gian hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh từ 5 năm xuống còn 2 năm (1977-1978).

Chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh đã tiến hành cải tạo 1.880 hộ kinh doanh công nghệ phẩm và vật tư kỹ thuật (có 86 hộ có quy mô lớn), hoàn thành cơ bản xóa bỏ cơ chế kinh doanh tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản thương nghiệp kinh doanh các ngành hàng công nghệ phẩm và vật tư kỹ thuật, chuyển được 726 hộ trong diện cải tạo sang sản xuất. Mạng lưới thương nghiệp được mở rộng khắp tỉnh với 310 cửa hàng (năm 1979). Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được cải tạo, đưa vào quốc doanh, công tư hợp doanh, tổ hợp sản xuất và gia công chế biến 3 cơ sở ép dầu dừa, 12 cơ sở sản xuất nước mắm, 5 cơ sở làm nước đá, 3 cơ sở sửa chữa cơ khí, bước đầu cải tạo các cơ sở sản xuất đường thô và đường cát.

Tuy nhiên, công tác cải tạo công thương nghiệp còn thiếu sót, việc quản lý yếu kém gây thất thoát tài sản, chưa tận dụng được thiết bị máy móc để phát triển sản xuất. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có phát triển, nhưng phương thức thu mua và phân phối cải tiến chậm, chất lượng kinh doanh và phục vụ kém, thiếu biện pháp quản lý giá cả và tổ chức thu mua sản phẩm. Cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh không gắn chặt với tổ chức lại sản xuất, cải tạo xong lại buông lỏng quản lý làm cho các yếu tố tiêu cực và phức tạp trên thị trường và trong đời sống kinh tế tồn tại và kéo dài. Việc cung cấp những mặt hàng thiết yếu còn quá ít, không công bằng. Tình trạng chiếm dụng vật tư, tiền bán hàng xảy ra ở nhiều nơi đã gây khó khăn cho ngành thương nghiệp. Hệ thống hợp tác xã mua bán ở xã, phường chưa được củng cố tốt, một số nơi có hiện tượng sa sút.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và xóa bỏ những hình thức bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến, tỉnh đã tiến hành vận động

địa chủ, phú nông hiến ruộng đất[1] để trang cấp cho nông dân, nghiêm cấm việc thu tô, giáo dục nông dân vào làm ăn tập thể dưới các hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Tỉnh ủy đã chọn xã Bình Thành (Giồng Trôm) làm thí điểm hợp tác hóa nông nghiệp. Sau khi xây dựng xong hợp tác xã thí điểm ở Bình Thành (đầu năm 1978), Tỉnh ủy đã cho nhân rộng ra toàn tỉnh. Đến năm 1979, toàn tỉnh có 15 hợp tác xã, 701 tập đoàn sản xuất, trong đó có 3 xã và hơn 50 ấp đã hoàn thành đưa nông dân vào sản xuất tập thể.

Phong trào hợp tác hóa gắn với ba cuộc cách mạng ở nông thôn đã đạt được một số thành tựu nhất định: hợp tác hóa là tiền đề để huy động sức mạnh của nông dân làm thủy lợi cải tạo đất, xây dựng giao thông nông thôn, xây dựng quân đội, bảo vệ an ninh trật tự tại nông thôn.

Bên cạnh những thành tích và kết quả đạt được, công tác cải tạo nông nghiệp còn có khuyết điểm, tiêu cực: nóng vội, không tuân thủ nguyên tắc tự nguyện (người nông dân chưa thật sự tự nguyện, tự giác đưa ruộng đất, tư liệu sản xuất vào làm ăn tập thể), nên không gắn bó với ruộng đồng, đi nơi khác làm ăn hoặc chăm sóc đất vườn, đất kinh tế phụ dẫn đến đồng ruộng thiếu người chăm sóc nên năng suất thấp. Mặt khác, một số cán bộ ban quản lý các tập đoàn sản xuất trình độ, năng lực yếu, thậm chí, có một số là phần tử cơ hội làm mất lòng tin của xã viên, tập đoàn viên, làm triệt tiêu truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, gắn bó ruộng đồng của nông dân.

Sau hàng chục năm bị chiến tranh tàn phá, nhân dân ta cần có thời gian hòa bình để khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Nhưng với mưu đồ chia rẽ và thôn tính

1. Trong ba năm từ 1977 đến 1979, đã xử lý trên 475 hộ địa chủ, phú nông, tư sản nông thôn, lấy 16.750ha đất chia cho 23.577 hộ nông dân.

nước ta, các thế lực thù địch đã tìm cách chống lại nước ta, phá hoại thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được.

Bọn Pôn Pốt - Iêng Xari của chế độ diệt chủng Khmer Đỏ dưới sự hậu thuẫn của thế lực phản động quốc tế đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược biên giới phía Tây Nam nước ta, lấn chiếm đất đai, tàn sát dã man dân thường, phá hoại công cuộc xây dựng đất nước.

Đế quốc Mỹ sau thất bại ở Việt Nam, vẫn nuôi ảo vọng xâm chiếm nước ta, tìm cách nắm các tổ chức phản động, lôi kéo những sĩ quan ngụy, những tên ác ôn có nợ máu với nhân dân, bọn phản động trong các tôn giáo Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo chống phá cách mạng.

Ở trong tỉnh, chúng đã móc ráp tổ chức các nhóm phản động như: Mặt trận quốc gia giải phóng, Mặt trận giải phóng Việt Nam, Lực lượng khôi phục tự do, Gươm thiêng ái quốc,... đặc biệt là nắm bọn phản động trong đạo Cao Đài Tây Ninh tổ chức ra Đảng Bảo Long phục quốc. Phương thức hoạt động của các nhóm này là đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, kết hợp với phá hoại vũ trang nhỏ lẻ, ném lựu đạn, ám sát cán bộ, cướp của, giết người ở nông thôn, tổ chức vượt biên.

Tháng 3-1978, Tỉnh ủy đã triển khai công tác quân sự địa phương và tổ chức cho toàn Đảng bộ, quân và dân Bến Tre học tập quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới, xác định rõ hai nhiệm vụ chiến lược là sản xuất, xây dựng và sẵn sàng chiến đấu, nâng cao ý thức, tư tưởng tiến công trong toàn Đảng bộ, vừa truy quét bọn phản động kết hợp với giáo dục cải tạo tại chỗ và tập trung khẩn trương xây dựng lực lượng bố trí chiến lược mới, bảo đảm an ninh chính trị tại nội địa, vùng biển và chiến đấu bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc.

Hội nghị lần thứ năm của Tỉnh ủy (tháng 9-1978) đã đề ra nhiệm vụ: Tập trung sức đẩy mạnh sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật làm tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công thương nghiệp đi đôi với tổ chức lại sản xuất các ngành, nghề, nhằm bảo đảm vững chắc đời sống nhân dân. Tăng nhanh sức mạnh kinh tế đồng thời khẩn trương củng cố và phát triển lực lượng quốc phòng tại chỗ, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ vững chắc an ninh nội địa và an ninh bờ biển, chống địch bạo loạn, gây rối biên giới và xâm nhập bằng đường biển. Tích cực chi viện cho vùng biên giới về sức người sức của cần thiết cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc giành được thắng lợi hoàn toàn, mặt khác sẵn sàng lực lượng để chủ động ứng phó có hiệu quả trong mọi tình huống.

Các lực lượng quân sự, công an được củng cố và phát triển, được huấn luyện nâng cao chất lượng sẵn sàng chiến đấu. Các đội tự vệ cơ quan, trường học, ở xã, ấp được tổ chức. Đến quý I-1979, toàn tỉnh có 44 tiểu đoàn tự vệ cơ quan, nhà trường và ở xã, ấp (dân quân nòng cốt 8 tiểu đoàn, tự vệ nhà trường 5 tiểu đoàn, tự vệ cơ quan 4 tiểu đoàn, dân quân rộng rãi 27 tiểu đoàn).

Lực lượng công an, quân đội và quần chúng đã liên tục tấn công phá vỡ nhiều tổ chức phản động như: lực lượng học sinh, sinh viên phục quốc; Đảng Cộng hòa lực lượng cứu nguy dân tộc; Mặt trận quốc gia liên kết; Mặt trận Dân tộc tự quyết; Mặt trận Liên tôn, Liên bang Đông Dương; Mặt trận Dân quân phục quốc; Hội đồng hòa giải quốc tế,... truy bắt bọn vượt trại giam (mùng 2 Tết năm 1978), bắt nhiều tên phản động trong tỉnh và bên ngoài xâm nhập, bắt nhiều vụ vượt biên trái phép, trốn ra nước ngoài.

Trước tình hình chế độ diệt chủng Khmer Đỏ do Pôn Pốt cầm đầu cho quân tấn công các tỉnh biên giới phía Tây Nam nước ta, tỉnh đã đưa bảy tiểu đoàn chủ lực cùng với một tiểu đoàn liên quân huyện, hai tiểu đoàn du kích liên quân luân

phiên tham gia chiến đấu ở mặt trận Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế ở chiến trường Campuchia.

Ngày 7-1-1979, với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia đã giành thắng lợi, giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh, chế độ diệt chủng Khmer Đỏ Pôn Pốt bị xóa bỏ. Lực lượng vũ trang Bến Tre đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ ở mặt trận Tà Keo - Tượng Lăng - ngã tư Chuk. Ngày 27-4-1979, theo chỉ thị của Bộ Tổng Tham mưu, Đảng ủy Quân sự Quân khu 9 và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Quân sự tỉnh, lực lượng vũ trang Bến Tre về tiếp nhận tỉnh Cần Đan, cùng với Đoàn chuyên gia giúp bạn toàn diện, xây dựng lại cuộc sống mới.

Tháng 4-1979, theo sự chỉ đạo của Trung ương và Ban B.68[1], tỉnh đã thành lập một đoàn chuyên gia sang giúp đỡ nhân dân tỉnh Cần Đan xây dựng đất nước do đồng chí Lê Văn Nhơn (Lê Chí Nhân), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn[2].

Ngày 17-2-1979, quân Trung Quốc xâm lược biên giới phía Bắc nước ta. Một lần nữa độc lập, tự do của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng.

Ngày 18-2-1979, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã họp khẩn cấp thông qua lời kêu gọi toàn dân đoàn kết chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 16-3-1979, Hội nghị lần thứ bảy của Tỉnh ủy ra Nghị quyết về cuộc kháng chiến chống bọn phản động Trung Quốc xâm lược.

1. Đoàn chuyên gia kinh tế.

2. Liên tiếp từ năm 1979 đến năm 1989, tỉnh đã cử bốn đồng chí làm trưởng đoàn: Lê Văn Nhơn, Lê Văn Nhờ (Hai Nghĩa), Võ Thành Công (Tám Bảo), Nguyễn Văn Ba (Mười Phục) và nhiều lượt cán bộ làm chuyên gia các ngành giúp bạn, đã giúp tỉnh Cần Đan trở thành một tỉnh vững mạnh toàn diện của Campuchia bảo vệ vững chắc vành đai Thủ đô Phnôm Pênh.

Nhân dân Bến Tre sôi sục ý chí căm thù, hàng ngàn cán bộ, công nhân viên, thanh niên, học sinh, dân quân tự vệ đã tổ chức míttinh, biểu tình xuống đường lên án hành động xâm lược Việt Nam của quân Trung Quốc. Từ thành thị đến nông thôn, trong nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện,... đâu đâu cũng sôi sục ý chí quyết chiến, quyết thắng. Ở nhiều nơi thanh niên đã dùng máu của mình viết bản quyết tâm xin tình nguyện đi bộ đội đánh giặc. Nhiều mẹ có chồng, các con đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chỉ còn lại một, hai người cũng sẵn sàng cho con tham gia bộ đội chiến đấu bảo vệ Tổ quốc[1].

Ngày 5-3-1979, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã công bố *Lệnh tổng động viên* trong cả nước để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược.

Hưởng ứng Lệnh tổng động viên, 6.500 thanh niên Bến Tre đã lên đường bảo vệ Tổ quốc. Bến Tre đã đưa một tiểu đoàn tham gia chiến đấu ở biên giới phía Bắc.

Qua 30 ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng từ ngày 17-2-1979 đến ngày 18-3-1979, quân dân ta đã đánh thắng quân xâm lược, bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Từ năm 1977 đến năm 1979, nhân dân Bến Tre đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường đoàn kết vượt qua khó khăn, thiên tai hạn hán, ổn định sản xuất, đời sống, cải tạo kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh trật tự trong tỉnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, thực hiện tốt nghĩa vụ cung cấp người và của cho đất nước, góp phần cùng cả nước đánh

1. Mẹ Bùi Thị Hà (năm 1979 là 50 tuổi) ở xã Khánh Thạnh Tân, là gia đình liệt sĩ có ba con và chồng đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chỉ còn lại một người con trai duy nhất, mẹ đã động viên con mình lên đường bảo vệ Tổ quốc.

thắng hai cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc nước ta.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới nước ta đã tạo ra những điều kiện cơ bản để khôi phục và xây dựng đất nước. Tuy nhiên, cách mạng nước ta vẫn còn có những khó khăn và thách thức vô cùng to lớn.

Sau thất bại ở Việt Nam, các thế lực thù địch vẫn ra sức chống phá cách mạng nước ta, gây mất ổn định về chính trị, phá hoại về kinh tế. Cách mạng Campuchia mới giành được thắng lợi, vẫn còn nhiều khó khăn do lực lượng chưa đủ mạnh. Theo đề nghị của Đảng và Nhà nước Campuchia, chúng ta để lại một bộ phận quân tình nguyện và chuyên gia cố vấn giúp bạn khôi phục đất nước và ngăn chặn tàn quân Pôn Pốt trở lại.

Do hậu quả chiến tranh, thiên tai khắc nghiệt và ảnh hưởng của việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chậm phát hiện những yếu kém của mô hình kinh tế cũ, chưa xác định được con đường và giải pháp thích hợp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nên những khó khăn về kinh tế - xã hội nước ta diễn ra gay gắt. Sản xuất trì trệ, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế bị giảm sút, giá cả tăng vọt. Nạn lạm phát ngày một tăng, đời sống nhân dân sa sút. Các tệ nạn xã hội như đầu cơ tích trữ, trộm cắp có chiều hướng gia tăng. Hiện tượng ngăn sông cấm chợ làm nản lòng người sản xuất, hạn chế sự lưu thông hàng hóa.

Nhu cầu của đất nước đòi hỏi phải tìm cách tháo gỡ những khó khăn đưa sản xuất, kinh tế và đời sống nhân dân tăng lên.

II- THÁO GỠ KHÓ KHĂN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1980-1985)

Từ ngày 18-8 đến ngày 27-8-1979, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) đã họp.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, thực trạng của đất nước, Hội nghị đã vạch ra cho toàn Đảng, toàn dân ta ba nhiệm vụ: đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; củng cố quốc phòng và an ninh; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong các hoạt động kinh tế và xã hội.

Hội nghị chủ trương sửa đổi các chính sách kinh tế hiện hành làm cho sản xuất "bung ra" đúng hướng như tăng giá mua nông sản một cách thỏa đáng, khuyến khích nông dân, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất tận dụng đất sản xuất. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp phải nắm vững ba nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ,... chống tư tưởng chủ quan nóng vội, cưỡng ép theo mệnh lệnh, làm ồ ạt gây thiệt hại cho sản xuất. Cải tạo công thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp với mục đích là đẩy mạnh sản xuất, không làm ồ ạt nóng vội, mệnh lệnh, cần có chính sách đúng đối với từng thành phần kinh tế.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) có ý nghĩa quan trọng góp phần tháo gỡ những trói buộc của cơ chế sản xuất cũ, tạo động lực mới cho sản xuất phát triển, do đó đã được nhân dân cả nước phấn khởi đón nhận.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II

Trên cơ sở nắm và vận dụng các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV), tháng 12-1979, Đảng bộ Bến Tre đã tiến hành họp Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II của tỉnh họp từ ngày 17 đến ngày 25-12-1979, gồm có 333 đại biểu thay mặt cho hơn 1 vạn đảng viên. Đề cương dự thảo báo cáo tình hình và nhiệm vụ tại Đại hội đã được hơn 1 vạn cán bộ, đảng viên, công nhân

viên chức, chiến sĩ và quần chúng đóng góp ý kiến. Đại hội đã thảo luận và thông qua nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm 1980-1981 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II gồm có 41 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Trung được bầu làm Bí thư; đồng chí Võ Văn Phẩm - Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Huỳnh Thanh Mua - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II của tỉnh đã tập trung đánh giá nêu bật nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa trong nhiệm kỳ 1977-1979. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi bước đầu. Quan hệ sản xuất mới được xác lập và hình thành ở nông thôn, một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đi vào sản xuất có hiệu quả. Tuy phong trào hợp tác hóa có khó khăn, phức tạp, nhưng đã có mô hình cụ thể. Các hoạt động lưu thông phân phối, văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội có nhiều cố gắng phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân. Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể được kiện toàn một bước và có phát triển. Công tác giáo dục đảng viên, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, xây dựng bộ máy được chú trọng hơn trước, có những chuyển biến mới. Phong trào quần chúng được duy trì trong hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đời sống. Trong từng phong trào xuất hiện những nhân tố mới, điển hình tiên tiến. Đời sống nhân dân trải qua những năm thiếu thốn, căng thẳng vì mất mùa hai năm liên tiếp (1977-1978), đã bắt đầu ổn định. Sản xuất và đời sống đã có sinh khí mới.

Trong điều kiện khó khăn, những thành tích đạt được có ý nghĩa rất quan trọng và là những mặt chủ yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1977-1979.

Đại hội cũng đã chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm cần khắc phục:

- Sản xuất nông nghiệp phát triển chậm, chưa toàn diện. Lương thực chưa bảo đảm vững chắc.

- Công nghiệp xây dựng chậm, tiểu thủ công nghiệp chưa được tổ chức và phát triển có kế hoạch để tận dụng lao động và nguyên liệu tại chỗ sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; ngành nghề phát triển chưa nhiều, sản phẩm và mặt hàng địa phương chưa phong phú.

- Xây dựng cơ bản còn dàn đều, thiếu tập trung hoàn thành những công trình trọng điểm để sớm đưa vào sử dụng. Trong xây dựng cơ bản còn nặng nề thủ tục, thời gian thi công kéo dài, gây lãng phí.

- Lưu thông phân phối còn nhiều biểu hiện tiêu cực, trì trệ, chậm cải tiến phương thức kinh doanh và phục vụ. Giá cả thị trường không ổn định. Quản lý kinh tế còn nhiều sơ hở và lỏng lẻo, gây ra tình trạng sa sút trong sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp.

- Trong công tác cải tạo đối với các ngành kinh tế, đặc biệt là cải tạo nông nghiệp có những thiếu sót về vận dụng chính sách và chỉ đạo thực hiện. Có lúc thiếu tập trung và kiên quyết, có lúc nôn nóng muốn làm nhanh, nhưng thiếu bảo đảm vững chắc, có nơi đã phạm sai lầm gò ép, mệnh lệnh đối với nhân dân, gây tiêu cực trong sản xuất.

- Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế thiếu cán bộ, thiếu cơ sở vật chất. Ý thức chăm lo đời sống nhân dân chưa được quán triệt sâu sắc. Việc xây dựng nông thôn mới, con người mới, nếp sống văn hóa mới làm chậm và chưa gây thành phong trào.

- Tình hình trật tự xã hội còn nhiều phức tạp. Tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, trộm cắp xảy ra gây tâm trạng lo lắng, thiếu yên tâm trong sản xuất. Chiến

tranh tâm lý của các thế lực thù địch ngày càng gay gắt, thâm độc, ảnh hưởng đến tư tưởng trong quần chúng nhân dân.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, tiến hành chưa thật tích cực, chưa vững chắc, thiếu đồng bộ, tình trạng yếu kém ở cơ sở kéo dài.

- Các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội còn xảy ra. Biểu hiện cửa quyền ức hiếp quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, đã làm cho quần chúng có tâm trạng buồn phiền, giảm lòng tin.

Đại hội đã phân tích sâu sắc nguyên nhân thành tựu và hạn chế:

- Đất nước vừa mới chấm dứt chiến tranh, những hậu quả, tàn dư của chế độ cũ để lại chưa được khắc phục lại phải tiếp tục chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam. Thiên tai nặng nề trong hai năm liên tiếp gây khó khăn cho sản xuất và đời sống nhân dân.

- Chưa quán triệt sâu sắc đường lối xây dựng kinh tế của Đảng trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ và vận dụng đường lối đó vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế địa phương. Việc thực hiện các chính sách cụ thể về kinh tề còn đơn giản, máy móc; không kịp thời giải quyết những trở ngại, khó khăn trong sản xuất và đời sống. Trong quá trình xây dựng phát triển kinh tế, có đề cao ý thức tự lực, tự cường, nhưng vẫn còn biểu hiện trông chờ, ỷ lại.

Trình độ quản lý kinh tế và năng lực tổ chức thực hiện các kế hoạch về kinh tế còn yếu kém. Quản lý kinh tế còn lỏng lẻo và nhiều sơ hở. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế và đời sống thiếu căn cứ vững chắc và chưa xuất phát từ cơ sở, vừa theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp vừa không sát với thực tế. Việc thi hành kế hoạch còn tùy tiện, thiếu trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật.

Trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa các ngành kinh tế nhất là cải tạo nông nghiệp, chưa nắm vững phương châm cải tạo gắn chặt với xây dựng và mục đích cải tạo là để phát triển lực lượng sản xuất cho nên nội dung chính sách còn đơn giản, cải tạo thiếu vững chắc.

Bộ máy các ngành, các cấp phát triển không đồng bộ, hiệu lực kém, thiếu cán bộ có kiến thức và năng lực tổ chức thực hiện. Công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác cán bộ chưa theo kịp yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới. Thưởng phạt thiếu nghiêm minh và không kịp thời.

Công tác vận động quần chúng chưa được chú trọng. Việc giáo dục quan điểm quần chúng, ý thức tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên và nhân viên nhà nước trong tình hình mới chưa thật sâu sắc, thường xuyên và thiếu biện pháp kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, các ngành[1].

Trên cơ sở ba thế mạnh kinh tế của tỉnh, Đại hội chủ trương xây dựng bốn ngành kinh tế mũi nhọn, thực hiện kinh doanh chuyên ngành, gắn chặt sản xuất với chế biến, lưu thông, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội nhấn mạnh mặt trận nông nghiệp mà sản xuất lương thực, thực phẩm là mặt trận hàng đầu, lấy phát triển sản xuất nông nghiệp làm cơ sở để xây dựng và phát triển các ngành kinh tế chủ chốt, phát huy thế mạnh của nền kinh tế tỉnh nhà về nông nghiệp, ngư nghiệp, bảo đảm vững chắc về lương thực, thực phẩm, phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu bằng nguyên liệu địa phương nhằm ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời, có tích lũy để tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa cho những năm sắp tới.

1. Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ II.

Trong những năm 1980-1981, tỉnh Bến Tre phải làm dư ăn và làm nghĩa vụ, phấn đấu cân bằng thu chi, tiến tới có bội thu và có tích lũy để tái sản xuất mở rộng. Nghị quyết của Đại hội đã nêu lên ba nhiệm vụ, sáu công tác và các biện pháp lớn về cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa, ổn định và nâng cao một số mặt đời sống nhân dân, tăng cường chuyên chính vô sản, củng cố quốc phòng và an ninh, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra, Đại hội nêu phương châm tổ chức thực hiện: "Thống nhất, đồng bộ, tập trung, tích cực, vững chắc, chủ động, kiên trì đến nơi đến chốn. Chống giản đơn, tùy tiện, chủ quan, bảo thủ"; hành động theo khẩu hiệu: "Tiếp tục tiến lên với tinh thần Đồng khởi mới. Tất cả cho sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tất cả vì đời sống nhân dân và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội".

Sau Đại hội, Tỉnh ủy đã triển khai học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV), chính sách kinh tế mới của Lênin (NEP), khoán sản phẩm theo Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư. Đây là những bước đột phá về đổi mới tư duy kinh tế của Đảng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần tự lực tự cường, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội.

Sản xuất nông nghiệp, tuy có nhiều khó khăn do thời tiết không thuận lợi, nhưng nhờ biết áp dụng thâm canh tăng vụ, đẩy mạnh khai hoang tự túc, cải tạo giống lúa, kết hợp với thủy lợi hóa nên năng suất và sản lượng lúa hằng năm đều tăng. Bình quân lương thực năm 1982 tăng lên 314kg/người.

Diện tích trồng dừa tăng, đến cuối năm 1982 có gần 40.000ha vườn dừa, diện tích mía có 10.000ha. Phong trào trồng xen ca cao, cà phê trong vườn dừa xuất hiện ở các xã Long Thới, Vĩnh Thành (Chợ Lách), Tiên Thủy (Châu Thành), Hưng Phong, Lương Quới (Giồng Trôm). Chăn nuôi gia súc gia cầm phát triển, toàn tỉnh có 22.000 con trâu bò, 120.000 con heo.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tỉnh đã tiến hành củng cố, phát triển các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Đến năm 1982, toàn tỉnh có 7 hợp tác xã, 666 tập đoàn sản xuất, tập hợp 30.600 hộ nông nghiệp, chiếm 17,8 tổng số hộ nông nghiệp với 16.700ha. Một số điển hình tiên tiến xuất hiện trong phong trào như hợp tác xã Bình An (Giồng Trôm), tập đoàn sản xuất Phú Lợi Thượng[1] (xã An Định), Thống Nhất (Châu Thành), An Huề (Thạnh Phú), Bình Huề 2 (Bình Đại), Phú Đa (Chợ Lách), An Hòa (thị xã).

Để đẩy mạnh sản xuất, cải thiện, nâng cao thu nhập của nông dân, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã thực hiện khoán sản phẩm (theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư) và khoán việc thay cho hình thức chấm công điểm đã có tác dụng khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất. Nhờ đó, sản xuất lương thực tăng lên so với trước.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được đẩy mạnh, tỉnh đã thành lập các công ty chuyên doanh (dừa, mía đường, thủy hải sản), xây dựng nhiều xí nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, thủy hải sản như xí nghiệp than hoạt tính, xí nghiệp chỉ sơ dừa, xí nghiệp xà bông, xí nghiệp nước mắm... Công nhân đã phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm vật tư, tiền vốn, khắc phục khó khăn về nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị phụ tùng, tìm vật liệu thay thế, tận dụng phế liệu để sản xuất. Giá trị tổng sản lượng công

1. Tập đoàn sản xuất Phú Lợi Thượng có năng suất lúa 10 tấn/2 vụ/năm.

nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hằng năm đều tăng, năm 1982 đạt 104 triệu đồng, gấp hơn 5 lần năm 1976 (20 triệu đồng).

Đời sống cán bộ, công nhân viên các cơ sở sản xuất kinh tế được cải thiện. Các cơ sở sản xuất đã thực hiện trả lương theo sản phẩm, kết hợp ba lợi ích, thúc đẩy sản xuất phát triển, giảm tình trạng lãng phí ngày công.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị, tỉnh đã tiến hành điều chỉnh giá cả, áp dụng các khung giá cho các đối tượng theo giá cung cấp, giá bán lẻ, giá kinh doanh thương nghiệp, bù giá vào lương.

Ngành thương nghiệp đã thành lập các công ty thương nghiệp cấp III trên các huyện, thị, mở thêm các cửa hàng mua bán, cải tiến phương thức thu mua, trao đổi hai chiều với người sản xuất, mở rộng quan hệ giao lưu hàng hóa ngoài tỉnh, tạo thêm nguồn hàng. Số sản phẩm giao nộp Trung ương đạt chỉ tiêu. Doanh số mua vào bán ra của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã năm 1981 tăng gấp 3 lần so với năm 1980, vượt 200% kế hoạch.

Tuy nhiên, việc huy động nắm nguồn hàng còn ít so với tổng sản lượng của tỉnh (chỉ đạt 60%), tổ chức và quản lý thị trường, thu mua chưa thích hợp gây thất thoát hàng hóa.

Về xây dựng cơ bản, tỉnh đã hoàn thành công trình các trạm bơm điện, trạm bảo vệ thực vật, Xí nghiệp nước mắm Phú Hưng, Xí nghiệp nước đá Vĩnh Hiệp, Khoa nhi Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.

Ngành giao thông đã tu sửa lộ 26, xây dựng mới cầu Ba Lai, cầu Kinh Ngang, đường từ ngã Năm (thị xã Bến Tre) đến bến phà Hàm Luông.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tỉnh đã xây dựng được hàng trăm công trình trường học, cầu đường, trạm y tế, nhà bảo sanh phục vụ nhân dân.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ tiếp tục phát triển. Các nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện được thành lập ở các huyện, xã. Các đoàn nghệ thuật của tỉnh đã tổ chức biểu diễn nhiều nơi trong và ngoài tỉnh. Trong năm 1982, tỉnh đã tổ chức hai hội nghị lớn là Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu và Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Bến Tre (tháng 7-1982).

Về giáo dục, số học sinh các trường phổ thông và cơ sở tăng lên. Năm học 1982-1983 có 218.000 học sinh. Phong trào thi đua hai tốt được tiếp tục đẩy mạnh. Nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện trong ngành giáo dục như Trường Trung học cơ sở Phú Đức (Châu Thành), Trường Trung học cơ sở Phú Lễ (Ba Tri), Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, Trường Trung học phổ thông Giồng Trôm, Trường Bổ túc công nông Mỏ Cày...

Vừa xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre vừa thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Bộ đội tỉnh Bến Tre đã giúp bạn truy quét bọn tàn quân Pôn Pốt, giữ vững an ninh trật tự, khôi phục và phát triển sản xuất. Từ năm 1979 đến năm 1981, Bến Tre đã chi viện 23 triệu đồng giúp tỉnh Cần Đan khôi phục sản xuất, kinh tế và ổn định đời sống.

Quan hệ hữu nghị giữa Bến Tre với Liên Xô và các nước được mở rộng. Nhiều đoàn khách nước ngoài đến thăm Bến Tre như đoàn cán bộ cao cấp do Anh hùng, phi công vũ trụ Titốp (Gherma Titov), Chủ tịch Hội hữu nghị Xô - Việt dẫn đầu, đoàn đại biểu Ủy ban sông Mê Công của Liên hợp quốc, đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản. Phân hội hữu nghị Việt - Xô tỉnh đã phát triển được 26 chi hội trong các cơ quan, đơn vị, trường học, xí nghiệp, bệnh viện, tập đoàn sản xuất. Tỉnh Bến Tre đã kết nghĩa với tỉnh Brianxcơ anh hùng của Liên Xô và kết nghĩa với tỉnh Bremen của Cộng hòa Liên bang Đức; xã Lương Hòa kết nghĩa với làng Môncađa (Cuba) và đoàn quân

sự cấp cao Cuba đến nghiên cứu về phong trào nhân dân du kích chiến tranh của tỉnh.

Trong bối cảnh các thế lực thù địch tiến hành "chiến tranh phá hoại nhiều mặt", Tỉnh ủy đã tuyên truyền, giáo dục trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong mọi tình huống. Kết hợp công tác quốc phòng, an ninh với đẩy mạnh sản xuất, cải tiến phân phối lưu thông, tăng cường quản lý trong việc buôn bán, nắm nguồn hàng, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trên mặt trận an ninh, lực lượng công an và quân sự đã kết hợp chặt chẽ giữ vững an ninh trật tự xã hội, đấu tranh chống bọn gián điệp, bọn tội phạm hình sự, đấu tranh chống bọn phản động trong tổ chức Cao Đài Tiên Thiên dùng "cơ bút" lừa mị nhân dân, ngăn chặn các tổ chức phản động nhen nhóm phá hoại cách mạng. Tháng 12-1979, Công an Bến Tre đã bắt giữ tổ chức phản động "Mặt trận dân quân phục quốc" từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Bến Tre xây dựng tổ chức chờ thời cơ bạo loạn cướp chính quyền.

Về công tác xây dựng Đảng, năm 1980, Tỉnh ủy đã mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ học tập Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư *về việc phát Thẻ đảng viên*. Từ năm 1980 đến năm 1982, đã đưa ra khỏi Đảng 1.197 đảng viên không đủ tư cách và đã phát Thẻ đảng viên cho 10.388/11.022 người. Đảng bộ đã lựa chọn và kết nạp được 3.746 đảng viên mới, đa số là đảng viên trẻ (1.685 đảng viên có trình độ văn hóa cấp II, cấp III), xóa bỏ tình trạng không có chi bộ hoặc đảng viên ở một số xã, ấp vùng kìm kẹp cũ. Các huyện Ba Tri và Thạnh Phú có nhiều thành tích, phát triển toàn diện, được Ban Bí thư công nhận và tặng cờ vững mạnh năm 1982.

Các ban, ngành, đoàn thể đã xây dựng quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ theo ngành, theo chức danh. Trong 7 năm, từ 1975 đến 1982, bằng nhiều cách đã bồi dưỡng, huấn luyện 28.427 cán bộ, công nhân viên, gần 296 cán bộ lãnh đạo, 397 cán bộ quản lý, 27.734 cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của tỉnh, huyện và cơ sở; trong đó có 35 tỉnh ủy viên, 92 huyện ủy viên, thị xã viên, 127 trưởng phó ty, trưởng phó ban, 155 bí thư xã, 1.133 cán bộ thuộc chức danh chủ chốt của xã, khoảng 6.000 cán bộ làm công tác cải tạo nông nghiệp, phần lớn là cán bộ quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Toàn tỉnh có 23.572 cán bộ, công nhân viên (không tính lực lượng công an, quân sự), trong số này có 723 cán bộ, công nhân viên quê ở miền Bắc. Ở khu vực sản xuất vật chất có 7.334 người, khu vực không sản xuất vật chất 16.238 người, chiếm 1,47% dân số tỉnh.

Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có 1 tiến sĩ, đại học và cao đẳng: 2.461 người (có 246 đảng viên), trung học chuyên nghiệp: 3.560 người, sơ cấp 1.013 người.

Các Trường Đảng tỉnh, huyện đã mở lớp đào tạo bồi dưỡng 2.133 cán bộ chủ chốt ở cơ sở, hàng ngàn cán bộ xã, ấp, bồi dưỡng trên 6.000 đối tượng phát triển đảng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III

Tháng 3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã được triệu tập. Đại hội tổng kết tình hình từ sau Đại hội IV, đề ra hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Từ ngày 1 đến ngày 5-2-1983, Đảng bộ tỉnh Bến Tre đã họp Đại hội đại biểu lần thứ III. Đại hội có mặt 380 đại biểu thay mặt cho hơn 11 ngàn đảng viên. Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo của Ban Chấp hành, quyết định các mục

tiêu và nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong 3 năm 1983-1985 và những nhiệm vụ cụ thể của năm 1983. Đại hội cũng đã quyết định những vấn đề quan trọng về xây dựng Đảng, tăng cường bộ máy chính quyền Nhà nước, củng cố quốc phòng - an ninh và đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III gồm 43 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Trung tiếp tục giữ chức vụ Bí thư, đồng chí Lê Minh Đào - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Huỳnh Thanh Mua - Phó Bí thư Thường trực. Tháng 9-1983, đồng chí Huỳnh Thanh Mua được điều về trên, đồng chí Nguyễn Nam Hồng được bầu làm Phó Bí thư Thường trực.

Nghị quyết của Đại hội nêu rõ phương hướng phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật, đồng thời, chuẩn bị điều kiện cho thời kỳ phát triển của những năm cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX. Nghị quyết khẳng định phải phấn đấu hoàn thành về căn bản cải tạo nông nghiệp trong năm 1985, kết hợp cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, ổn định thị trường và giá cả, ngăn chặn và đẩy lùi các mặt tiêu cực. Nghị quyết cũng nhấn mạnh đến việc xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện, thực hiện phân công và phân cấp cho huyện đi đôi với tăng cường cơ sở, chú trọng tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, coi đây là biện pháp quan trọng hàng đầu kết hợp cải tạo với xây dựng, phát triển sản xuất với nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng kinh tế đi đôi với củng cố quốc phòng và an ninh.

Trên cơ sở nắm và vận dụng đường lối xây dựng kinh tế của Đảng đã nêu trong các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và lần thứ V, Đại hội đã đề ra phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế địa phương trong chặng đường

đầu tiên của thời kỳ quá độ của tỉnh là: Tập trung sức khai thác và phát huy có hiệu quả hơn nữa ba thế mạnh kinh tế (nghề ruộng, nghề vườn, nghề cá) và bốn ngành kinh tế mũi nhọn (lúa, dừa, mía đường, thủy sản), ưu tiên phát triển nông nghiệp toàn diện mà hàng đầu là nông nghiệp sản xuất lương thực, thực phẩm và nông nghiệp chuyên canh cây công nghiệp. Phát huy thế mạnh về lương thực, thực phẩm để bảo đảm vững chắc cho đời sống nhân dân và phát triển chuyên canh cây công nghiệp, đồng thời phát huy thế mạnh của cây công nghiệp để bảo đảm sản xuất nhiều hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tăng ngân sách cho Nhà nước và thu nhập nhân dân, giải quyết những nhu cầu quan trọng của sản xuất và đời sống, từng bước tích lũy để thực hiện công nghiệp hóa nền kinh tế. Sự nghiệp phát triển kinh tế phải được tập trung thể hiện trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, sắp xếp và tổ chức lại các ngành kinh tế, phát triển sản xuất đi đôi với thực hành tiết kiệm, gắn liền sản xuất với phân phối lưu thông và xuất nhập khẩu, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, nhờ tự cân đối, điều chỉnh vật tư, phân thuốc cho cây lúa, tích cực chỉ đạo làm thủy lợi, thay đổi cơ cấu giống lúa thích hợp, tăng cường công tác bảo vệ thực vật, phong trào thâm canh cây lúa và mở ra các vùng lúa cao sản hình thành ở các huyện, thị xã, năm 1986, sản lượng lương thực đạt 452.000 tấn. Nhiều hộ nông dân chuyển sang trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày như bắp, đậu phộng, đậu nành, thuốc lá. Về đất vườn, tỉnh đã lập trại giống dừa 32ha tại Cồn Đeo (Hưng Phong) và bốn nông trường dừa ở ba huyện ven biển. Tuy nhiên, việc trồng dừa ở các huyện ven biển kém hiệu quả, cây dừa không phát triển được ở vùng nước mặn. Cây dừa, cây mía, diện tích có tăng nhưng không nhiều.

Chăn nuôi gia súc gia cầm tăng: heo 150.000 con; trâu, bò 63.000 con; gà vịt 2,2 triệu con.

Việc tổ chức lại sản xuất đất vườn theo Nghị quyết số 07 và cải tạo công thương nghiệp tư doanh theo Nghị quyết số 14 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được duy trì, nhưng cũng có mặt còn hạn chế không phát triển mạnh.

Trong ngư nghiệp, tổ chức được 700 hộ ngư dân với gần 2.000 lao động và 215 tàu thuyền vào 24 tổ hợp tác và 68 tổ đoàn kết đánh bắt thủy sản.

Kinh tế biển được mở ra theo quy hoạch và bước đầu đạt hiệu quả khá, nhất là việc khai thác, đánh bắt, thu mua, chế biến, liên kết và xuất khẩu. Sản lượng đánh bắt thủy hải sản năm 1985 đạt 40.000 tấn.

Tỉnh đã có nhiều cố gắng trong công tác cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất. Tuy có thiếu sót và khuyết điểm về bước đi, tổ chức và quản lý, nhưng kết quả bước đầu đã tạo một sự chuyển biến mới ở nông thôn, sản xuất phát triển đúng hướng, năng suất và sản lượng đều tăng, Nhà nước thu mua nông sản hàng hóa ngày càng nhiều hơn.

Về công nghiệp, ở nhiều huyện, thị xã đã hình thành dần hệ thống công nghiệp quốc doanh với nhiều ngành, nghề khác nhau, cùng với các dạng hoạt động tiểu thủ công nghiệp, bước đầu gắn bó với việc phát triển nông nghiệp toàn diện, tạo ra khả năng mới trong việc xác lập cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

Năm 1986, thực hiện Nghị quyết số 306-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 8-4-1986 *về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở,* năm 1986, tỉnh đã chọn Xí nghiệp 1-5 (Công ty Dừa) làm thí điểm. Các huyện,

thị và một số ngành sản xuất kinh doanh cấp tỉnh chọn mỗi ngành một đơn vị chỉ đạo điểm (đã có 21 đơn vị). Các đơn vị điểm đã bố trí lại sản xuất, sắp xếp lại phòng ban, lao động gián tiếp, xem xét lại các định mức lao động và định mức kinh tế - kỹ thuật, chấn chỉnh về kế hoạch và hạch toán kinh tế, về khoán sản phẩm, về hợp đồng kinh tế... Tuy có đạt kết quả bước đầu (nổi rõ ở điểm Xí nghiệp 1-5) nhưng chưa cơ bản và chưa nhân rộng ra được.

Công nghiệp chế biến sản phẩm từ dừa và thủy sản có tăng. Về hóa chất, sản xuất xà bông cũng tăng về sản lượng và chất lượng. Sản xuất thuốc chữa bệnh tương đối ổn định, đặc biệt là mô hình liên doanh sản xuất, hợp tác khoa học - kỹ thuật của huyện Ba Tri với Xí nghiệp Dược 24 của Bộ Y tế.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển. Sau khi có Quyết định số 245 của Ủy ban nhân dân tỉnh, qua triển khai đã mở ra được 100 cơ sở với các hình thức tập thể, cá thể, tự túc, kinh tế gia đình đi vào sản xuất (nổi rõ ở Châu Thành, thị xã), tạo ra sản phẩm mới, giải quyết một số lao động.

Trong năm 1986, trước những khó khăn về vật tư, nguyên liệu, ảnh hưởng của biến động giá - lương - tiền, các đơn vị sản xuất đã tìm cách khắc phục khó khăn, liên doanh liên kết, hợp tác khoa học - kỹ thuật, chủ động nguyên liệu vật tư để duy trì sản xuất, giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1986 đạt 1 tỷ 632 triệu (giá cố định năm 1982) (bằng 99,1% so với năm 1985). Tiểu thủ công nghiệp chiếm 1 tỷ 142 triệu, đạt 91,4% kế hoạch.

Về xây dựng cơ bản, tỉnh đã hoàn thành các công trình trọng điểm: 4 cụm Chỉ xơ dừa Ấn Độ, Xí nghiệp chế biến hải sản Tân Thạch, Xí nghiệp chế biến nước mắm Ba Tri, Nhà máy nước Sơn Đông... Tỉnh, huyện, thị xã và các tiểu vùng đã

xây dựng được một số cơ sở ban đầu của những cụm kinh tế - kỹ thuật - văn hóa theo quy hoạch phát triển.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, toàn tỉnh đã xây dựng 152 hợp tác xã mua bán ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Hệ thống kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bao gồm các công ty cấp II, cấp III, các trạm kinh doanh tổng hợp, các hợp tác xã mua bán với 1.237 cửa hàng và điểm mua bán hàng hóa từng bước chiếm lĩnh thị trường, loại trừ thương lái đầu cơ tích trữ, cải tạo những người buôn bán nhỏ, sắp xếp lại và ổn định trật tự trên thị trường địa phương. Nhiều xã, phường, thị trấn qua cải tạo đã xây dựng đủ bốn loại hình kinh tế tập thể: công, nông, thương, tín. Một số hợp tác xã mua bán đã trở thành mô hình tiên tiến về làm chủ phân phối lưu thông, kinh doanh và phát triển tổng hợp như các xã Lương Hòa, Châu Hòa (Giồng Trôm), An Định (Mỏ Cày), Tiên Thủy (Châu Thành), Vĩnh Thành (Chợ Lách), Phường 6 (thị xã Bến Tre), Mỹ Nhơn (Ba Tri), Phú Thuận (Bình Đại), Phú Khánh (Thạnh Phú).

Tỉnh ủy có chủ trương kết hợp các biện pháp để quản lý nguồn hàng tại gốc từ cơ sở, đồng thời với việc xử lý vấn đề giá cả, quản lý thị trường, tăng cường lương thực, hàng hóa đối lưu và giải quyết tiền mặt để tập trung thu mua, huy động hàng nông, thủy sản.

Việc củng cố, kiện toàn, nâng chất lượng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được quan tâm. Sau hội nghị triển khai Nghị quyết số 39 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện, thị xã đều có kế hoạch củng cố tổ chức kinh tế tập thể trên đất ruộng. Ở cơ sở đã gắn việc thực hiện Nghị quyết với đợt phê bình và tự phê bình đảng viên, cán bộ quản lý, thực hiện một bước trong sạch nội bộ. Tổ chức tập huấn các đề án về chấn chỉnh công tác kế hoạch, khoán sản phẩm, phân phối ăn chia, tổng kiểm kê vốn quỹ cho trên 3.000 cán bộ xã, ấp và ban quản lý... Đến năm

1986, toàn tỉnh có 7 hợp tác xã, 666 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, tập hợp hơn 18,2% hộ nông dân và 17,6% ruộng đất vào khu vực sản xuất tập thể. Từ đó, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được tăng cường, tác dộng vào cả trồng trọt, chăn nuôi, phát triển ngành nghề gắn với phong trào thâm canh, tăng năng suất đạt hiệu quả khá hơn (năng suất lúa ở khu vực tập thể tăng 2 tạ/ha so với năm 1985, bình quân đạt 40 tạ/ha, có nơi đạt 60-70 tạ/ha như ở Châu Thành, Giồng Trôm). Tiêu biểu là Tập đoàn sản xuất Phú Lợi Thượng (Mỏ Cày), Thống Nhất (Châu Thành), An Huề (Thạnh Phú), Phú Đa (Chợ Lách), An Hòa (thị xã), Hợp tác xã Bình An (Giồng Trôm).

Công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện được đẩy mạnh. Các huyện đã hoàn thành quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện, phân giao cơ sở, phân cấp quản lý.

Việc xây dựng kết cấu hạ tầng tại các huyện, thị cũng được thực hiện khá mạnh, phần lớn bằng ngân sách địa phương, đặc biệt phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm tại cơ sở như xây dựng cầu, đường, trường học, trạm y tế, nhà bảo sanh,... ở nông thôn tuy gặp nhiều khó khăn, vẫn được tiếp tục thực hiện (với gần 300 công trình). Trong điều kiện cầu, lộ xuống cấp và hư hỏng nặng, vật tư, tiền vốn, khả năng cơ giới hạn chế, tỉnh, huyện, thị xã cùng với nhân dân nỗ lực xây mới, sửa chữa, duy tu, nâng cấp hàng chục công trình cấp tỉnh và trên 30 công trình cấp huyện, thị như cầu Mỏ Cày, cầu Ông Bồng, cầu Hai Hổ... Công nghiệp giao thông có bước tiến bộ, có khả năng đóng mới tàu xi măng lưới thép, sửa chữa sà lan và các phương tiện khác.

Các hoạt động văn hóa, xã hội được chú trọng. Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 19, ngày 15-5-1984 về văn hóa - xã hội, đưa ra những định hướng quan trọng về văn hóa - xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo. Công tác giáo dục và đào tạo

có bước tiến bộ, số lượng học sinh mới tuyển, chuyển cấp, tốt nghiệp đều tăng. Cơ sở vật chất trường lớp và đội ngũ giáo viên được củng cố, tăng cường. Chất lượng giáo dục có nâng lên. Các trường chuyên nghiệp, dạy nghề cũng có tiến bộ trong giảng dạy, đào tạo. Tuy nhiên, so với nhu cầu, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, số trường dạy nghề còn thiếu, đời sống giáo viên, học sinh còn nhiều khó khăn.

Các cơ quan thông tin, báo chí như báo *Đồng Khởi,* Đài Phát thanh, Sở Thông tin đã tuyên truyền, chuyển tải thông tin đến tận cơ sở, nêu những gương người tốt, việc tốt, những mô hình, các đơn vị sản xuất - kinh doanh có hiệu quả.

Các hoạt động văn nghệ cũng phát triển mạnh. Năm 1984, có 20 đơn vị chiếu bóng. Tỉnh có 4 rạp chiếu bóng, 5 đội nghệ thuật chuyên nghiệp, nhiều cơ quan, xí nghiệp, xã phường có đội văn nghệ nghiệp dư.

Thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, tỉnh đã xác nhận và cấp tuất cho gần 30.000 liệt sĩ, xác nhận 6.266 thương binh, cứu trợ cho gần 20 ngàn người nghèo và gia đình liệt sĩ neo đơn. Từ năm 1975 đến năm 1984, tỉnh đã đầu tư gần 13 triệu đồng và 24.700 ngày công để xây dựng nghĩa trang tỉnh, nghĩa trang của ba huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú và 55 nghĩa trang xã, quy tập gần 13.000 mộ liệt sĩ về nghĩa trang.

An ninh - quốc phòng được bảo đảm, thực hiện tốt công tác tuyển quân hằng năm cả về số lượng và chất lượng, làm nhiệm vụ quốc tế. Công an đã chặn đứng và phá vỡ nhiều tổ chức nhen nhóm phản động tại chỗ và số câu móc vượt biên, làm tốt nhiệm vụ biên phòng bảo vệ bờ biển.

Công tác xây dựng Đảng, kiện toàn bộ máy, tăng cường hệ thống chuyên chính vô sản có bước tiến bộ mới. Đảng bộ tỉnh triển khai cho cán bộ, đảng viên học tập quán triệt Nghị quyết

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, nhất là những nghị quyết về xây dựng Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, tạo được sự nhất trí cao trong nội bộ và từ Đảng bộ đến nhân dân. Tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng, phát động phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội. Thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với đường lối, chính sách cụ thể, nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, kiến thức khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng.

Số cán bộ, đảng viên qua bồi dưỡng, phát triển và đào tạo có tăng lên về số lượng và nâng cao về chất lượng. Từ năm 1981 đến năm 1985, đã phát triển 3.746 đảng viên mới, trong đó, gần 2/3 là đảng viên trẻ và đã xóa bỏ tình trạng không có chi bộ hoặc đảng viên ở một số xã, vùng kìm kẹp trước đó. Đảng bộ tỉnh đưa 1.861 người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Đến cuối năm 1986, Đảng bộ Bến Tre có 11.022 đảng viên, có 430 tổ chức cơ sở đảng. Sự phát triển cả về số lượng và chất lượng đã nâng cao một bước vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị và phong trào cách mạng chung.

Các ngành, các đoàn thể quần chúng cấp huyện và cơ sở có chuyển biến rõ trong công tác. Đến năm 1985, trong số 8 huyện, thị, có 2 huyện giữ vững tiêu chuẩn vững mạnh (Thạnh Phú, Ba Tri), 2 huyện (Giồng Trôm, Mỏ Cày) và thị xã đề nghị xét công nhận vững mạnh, 2 huyện chuyển lên khá, không còn huyện yếu kém, nhiều tổ chức cơ sở đảng được công nhận Đảng bộ cơ sở vững mạnh.

Tuy nhiên, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội cũng còn nhiều hạn chế:

Sản xuất có phát triển khá, nhưng vẫn còn chậm so với khả năng và yêu cầu, tốc độ phát triển của các ngành kinh tế chưa thật đồng đều và vững chắc. Các thế mạnh kinh tế và các ngành kinh tế mũi nhọn được xác định đúng, nhưng bố trí cụ thể cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư cho sản xuất chưa đúng, vốn đầu tư còn phân tán, chưa tập trung cho những ngành và cơ sở then chốt có khả năng đem lại hiệu quả lớn, đặc biệt là chưa đầu tư đúng mức cho khai thác thủy sản và cây dừa là hai thế mạnh cơ bản của tỉnh. Những chủ trương phát triển kinh tế đúng đắn được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III và các nghị quyết của Tỉnh ủy do chưa có chính sách đầu tư đúng, thiếu biện pháp thực hiện đồng bộ, thiếu trách nhiệm trong tổ chức và quản lý, nên hiệu quả tổ chức thực hiện chưa cao; sự phát triển của các ngành kinh tế chưa cân đối, hiệu quả năng suất, chất lượng còn thấp; ngành nghề phát triển chậm, nhất là hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Chưa sử dụng tốt tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, nguyên liệu hiện có để phát triển sản xuất.

Công cuộc cải tạo nông nghiệp và công thương nghiệp bước đầu đạt được kết quả về sắp xếp và tổ chức lại lực lượng sản xuất, xác lập quan hệ sản xuất mới, nhưng do chủ quan, nóng vội, chạy theo thời gian và hình thức để hoàn thành sớm, nên tổ chức và quản lý lỏng lẻo, yếu kém, nhiều đơn vị kinh tế sau khi được cải tạo, sản xuất và kinh doanh chưa đúng thực chất kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn nhiều biểu hiện tiêu cực, có những tổ chức còn bị bọn xấu lũng đoạn làm thiệt hại cho Nhà nước và người lao động chân chính. Dù đã tiến hành cải tạo, nhưng sản xuất vẫn còn khó khăn, máy móc hư hỏng nhiều, lưu thông rối rắm, giá cả thị trường không ổn định, lao động thiếu việc làm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Đặc biệt, từ sau khi xảy ra biến động do tổng điều chỉnh giá - lương - tiền,

thị trường mất ổn định kéo dài, đồng tiền mất giá, mua bán khó khăn, sản xuất bị hạn chế, thu nhập của người ăn lương, người lao động chân chính giảm sút.

Nhiều xã nông thôn ở vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến, các xã ven biển đời sống vật chất, tinh thần còn nhiều thiếu thốn, các hoạt động văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu của nhân dân. Việc hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chăm lo bà mẹ trẻ em, giải quyết việc học hành cho con em nhân dân lao động đến tuổi đi học, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, người nghỉ hưu nhiều nơi còn kém, chưa có sự quan tâm đúng mức... Trường học, giáo viên còn thiếu nhiều, nhiều nơi học sinh phải học ba ca. Các loại bệnh thông thường và bệnh dịch vẫn còn xảy ra, có lúc mức độ khá cao. Tệ nạn xã hội và hủ tục tập quán lạc hậu còn nhiều và phổ biến, chưa được giải quyết tốt. Tỷ lệ phát triển dân số còn ở mức khá cao (2,1%/năm). Chưa chăm lo đầy đủ đời sống văn hóa của nhân dân, chưa thực hiện tốt chính sách đào tạo và chăm lo đời sống đối với đội ngũ làm công tác văn hóa, giáo dục, y tế ở cơ sở.

An ninh chính trị được giữ vững, nhưng trật tự an toàn xã hội còn nhiều diễn biến xấu, nạn trộm cắp, cướp của giết người, cờ bạc, say sưa càn quấy còn tiếp diễn. Nạn buôn lậu hàng hóa chưa ngăn chặn được. Tình hình câu móc, tổ chức vượt biên có lúc giảm, lúc tăng, chưa ngăn chặn và chấm dứt hẳn. Việc lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với lực lượng vũ trang và công an nhất là ở cơ sở chưa chặt chẽ. Lực lượng vũ trang và công an còn một số đơn vị chưa thật sự được xây dựng vững mạnh và trong sạch, vẫn còn những phần tử tiêu cực, ức hiếp quần chúng, một số trường hợp sai phạm trong bắt bớ, xâm phạm đến tính mạng của quần chúng. Việc giáo dục luật pháp và hoạt động phối hợp của các ngành pháp chế chưa thật thường xuyên và chặt chẽ. Luật pháp, trật tự, kỷ cương xã hội chưa được tôn trọng.

Trong công tác xây dựng Đảng vẫn còn xảy ra những biểu hiện tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, một số phần tử có biểu hiện thoái hóa, biến chất, vun vén riêng tư, ức hiếp quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể. Mặt khác, cũng có những biểu hiện thiếu trung thực, say sưa với thành tích, gia trưởng, độc đoán, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, mất đoàn kết vì quyền lợi, mâu thuẫn cá nhân, kèn cựa địa vị. Một số tổ chức đảng ở các cấp vì thiếu dân chủ, buông lơi tự phê bình và phê bình, tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, nể nang, bao che khuyết điểm, nên tồn tại những biểu hiện tiêu cực, yếu kém kéo dài nhiều năm.

Hệ thống chính quyền còn những hạn chế về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tổ chức thi hành pháp luật, chăm lo đời sống nhân dân. Hội đồng nhân dân các cấp chưa làm đúng vai trò cơ quan quyền lực của nhân dân. Quản lý nhà nước, nhất là ở cơ sở còn xảy ra nhiều việc vi phạm quyền dân chủ của công dân và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Các ngành có chức năng quản lý kinh tế, xã hội thiếu sự chuyển biến đồng bộ, một số ngành còn tình trạng trì trệ, yếu kém nhiều năm không được củng cố. Tệ quan liêu, cửa quyền còn phổ biến, làm giảm sút lòng tin đối với quần chúng. Bộ máy quản lý và điều hành ở các ngành, các cấp còn cồng kềnh, nặng nề, nhiều nấc trung gian, nên phát sinh tình trạng quan liêu.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng chưa được phát huy đúng mức vai trò đại diện cho quyền làm chủ tập thể của quần chúng bằng tổ chức và thông qua tổ chức. Hoạt động của các tổ chức kiểm tra chưa phát huy vai trò giám sát việc thi hành chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp và quy định của Nhà nước.

Việc thực hiện chính sách đối với cán bộ và sử dụng cán bộ chưa tốt, quy hoạch cán bộ kế thừa chậm và chưa đồng đều

ở các ngành, các cấp; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chưa theo kịp yêu cầu kiện toàn và đổi mới tổ chức. Bố trí và sử dụng cán bộ chưa hợp lý, đãi ngộ cán bộ chưa công bằng, hợp lý giữa khu vực hành chính sự nghiệp, cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể với các ngành hoạt động kinh tế gây tâm lý băn khoăn, thiếu phấn khởi.

Nhìn chung, sau hơn 10 năm kể từ ngày giải phóng (1975-1985), Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, đời sống của nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, giữ vững an ninh trật tự trong tỉnh, góp phần cùng cả nước đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc nước ta, thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp đỡ nhân dân tỉnh Cần Đan, Campuchia.

Tuy nhiên, do hậu quả của chiến tranh và ảnh hưởng của cơ chế quản lý hành chính tập trung quan liêu bao cấp tồn tại trong một thời gian dài làm cho kinh tế phát triển chậm. Sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền, giá cả tăng vọt, nạn lạm phát tăng, sản xuất kinh tế và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Trong tình hình khó khăn thử thách, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã họp, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đánh giá những thành tựu và hạn chế thiếu sót, rút ra những bài học kinh nghiệm là cơ sở quan trọng giúp Đảng bộ và nhân dân Bến Tre vận dụng vào thực tế của địa phương, tiếp tục vượt qua khó khăn thử thách, giành những thắng lợi mới.

Chương V

THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986-2015)

I- BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1990)

Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Hà Nội. Đại hội diễn ra trong bối cảnh trên thế giới đang có nhiều biến động. Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội khủng hoảng, khó khăn chồng chất.

Đại hội đã đánh giá những thành tựu, hạn chế, thiếu sót sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng . Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội đã chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm là do bệnh chủ quan, duy ý chí, suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội. Sai lầm và khuyết điểm về lãnh đạo kinh tế bắt nguồn từ khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng lý luận, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng.

Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm, mục tiêu tổng quát là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, đối ngoại, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, tập trung vào bố trí lại cơ cấu sản xuất, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xác định nền kinh tế nhiều thành phần là đặc trưng của thời kỳ quá độ; đổi mới công tác quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung

quan liêu bao cấp, xác lập cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đánh dấu sự đổi mới về nhận thức, tư duy để xoay chuyển tình thế, đưa nền kinh tế nước ta từng bước đi lên.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới. Tại Đại hội lần này, Đảng bộ tỉnh Bến Tre có hai đồng chí: Nguyễn Xuân Kỷ và Trương Vĩnh Trọng (Hai Nghĩa) được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội của đất nước. Thấy rõ thực trạng đất nước, tổng kết được những kinh nghiệm thực tiễn cũng như những thành công và tồn tại, yếu kém. Đại hội đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài hơn mười năm qua và đặt nền tảng cho việc tìm ra con đường thích hợp quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IV

Trên cơ sở tiếp thu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IV (vòng 2), tiến hành từ ngày 10-3-1987 đến ngày 15-3-1987. Dự Đại hội có 399 đại biểu thay mặt cho 568 tổ chức cơ sở đảng và trên 15.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội vinh dự đón tiếp đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, được Ban Bí thư cử về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã thông qua báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh khẳng định những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đạt được về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ sở

vật chất - kỹ thuật, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và công tác xây dựng Đảng.

Đồng thời, Đại hội đã chỉ ra những thiếu sót trong lãnh đạo phát triển kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng.

Trên cơ sở nắm vững năm mục tiêu kinh tế - xã hội đã nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, dựa vào tình hình thực tế của địa phương, Đại hội đã đề ra phương hướng và mục tiêu phấn đấu từ năm 1987 đến năm 1990 là: Ra sức ổn định và phát triển sản xuất, ổn định thị trường và giá cả, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là những người ăn lương Nhà nước và các đối tượng phải thực hiện chính sách; tiếp tục tiến hành cải tạo, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, tận dụng mọi tiềm năng về đất đai, lao động tay nghề, nhằm phát triển mạnh sản xuất, giải quyết công ăn việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; sản xuất đủ tiêu dùng, có dự trữ, có tích lũy, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và văn hóa, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh, tạo ra một bước chuyển biến mới về kinh tế - xã hội so với 5 năm trước; đồng thời, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho bước phát triển cao hơn trong những năm sau này.

Từ phương hướng, mục tiêu phấn đấu được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ sau:

1- Tập trung phát triển sản xuất, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, lấy phát triển sản xuất làm gốc để ổn định phân phối lưu thông, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm tốt hơn những nhu cầu cơ bản đời sống nhân dân.

2- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chủ yếu là xây dựng các công trình phục vụ cho nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu,

phát triển một bước kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất, lưu thông và đời sống.

3- Tiếp tục tiến hành công cuộc cải tạo xã hội nhằm mục đích phát triển lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới theo phương hướng tăng cường kinh tế quốc doanh, nâng cao chất lượng kinh tế tập thể, khuyến khích và giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế khác.

4- Tạo thế vững chắc về thị trường, giá cả, đời sống, đổi mới các hoạt động trên lĩnh vực phân phối lưu thông.

5- Thực hiện đúng đắn chính sách xã hội vì đời sống và hạnh phúc của nhân dân, vì lợi ích chính đáng của con người, bảo đảm công bằng xã hội đối với mọi người về quyền lợi và nghĩa vụ. Tăng cường đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật, mở rộng dạy nghề, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội, thực hiện nếp sống văn hóa mới, văn minh, lành mạnh và tiến bộ, giải quyết các tệ nạn xã hội, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong đời sống.

6- Tổ chức tốt phong trào quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Nâng cao cảnh giác, chủ động và kịp thời dập tắt mọi hoạt động chiến tranh phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh kinh tế, củng cố trật tự an toàn xã hội.

7- Tăng cường xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, kiện toàn và trong sạch hóa bộ máy nhà nước. Đổi mới tư duy về kinh tế, tổ chức, cán bộ và phong cách làm việc nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của Nhà nước, đủ sức lãnh đạo kinh tế - xã hội, giải quyết đời sống nhân dân, bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng và an ninh,

khắc phục những tiêu cực, thực hiện quá trình đổi mới theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 40 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Xuân Kỷ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Dương Văn Ẩn - Ủy viên Thường vụ trực, đồng chí Trương Vĩnh Trọng - Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IV, tình hình trong nước và trong tỉnh diễn biến phức tạp. Hậu quả nặng nề của cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền tác động mạnh đến các mặt kinh tế - xã hội. Tốc độ phát triển kinh tế của nước ta chậm lại. Ngân sách nhà nước bị bội chi do phải chi nhiều cho việc phòng thủ biên giới và thực hiện nghĩa vụ quốc tế, cho xây dựng cơ bản, trong khi đó nguồn viện trợ và vay của nước ngoài (chủ yếu là Liên Xô) bị giảm. Lạm phát tăng liên tục. Đồng tiền Việt Nam trượt giá nghiêm trọng. Đời sống nhân dân, nhất là lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức và các đối tượng hưởng chính sách xã hội gặp nhiều khó khăn. Phân phối lưu thông còn nhiều rối ren, ách tắc. Cơ chế quản lý kinh tế chưa chuyển đổi kịp với sự thay đổi của nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường đang hình thành, do đó kìm hãm tính năng động sáng tạo của các cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động. Hiệu lực quản lý của Nhà nước bị sút kém. Kỷ cương và pháp luật bị vi phạm. Những hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội như tham nhũng, buôn lậu, vỡ nợ tín dụng,... gia tăng. Bọn phản động núp dưới chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", "tự do" tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá cách mạng. Trong tư tưởng, một số cán bộ, đảng viên còn lượng sượng giữa cơ chế cũ và mới. Tuy nhiên, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã ra sức khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng.

Trong nông nghiệp, sau khi có Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư *về cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp* (gọi tắt là Khoán 100), nền nông nghiệp được khôi phục và bước đầu phát triển, nhưng hai năm 1986-1987, lại bị sa sút và không ổn định, do cơ chế Khoán 100 bộc lộ những nhược điểm. Tình hình cấp bách đặt ra là phải có sự đổi mới hơn nữa trong quản lý nông nghiệp.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW *về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp* (gọi tắt là Khoán 10). Theo tinh thần của Nghị quyết số 10-NQ/TW, đề ra cơ chế khoán mới, xác định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã (giao khoán ruộng đất cho nông dân được quyền tự chủ). Chủ trương này có tác dụng kích thích nông dân hăng hái sản xuất, nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa theo hướng khai thác thế mạnh của từng địa phương, giải quyết nhu cầu cơ bản về lương thực, thực phẩm, tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa cho tiêu dùng và xuất khẩu, phục vụ tốt cho ba chương trình kinh tế lớn.

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, hộ nông dân được giao quyền sử dụng đất lâu dài, chủ động bố trí sản xuất; được tự do lưu thông hàng hóa; mua bán sản phẩm, vật tư theo cơ chế thị trường, nhờ đó mà người nông dân gắn bó với đồng ruộng, tinh thần tự chủ của nông dân được phát huy, lợi ích được bảo đảm; đời sống được nâng lên. Từ đó, tạo động lực mới, giải phóng mọi năng lực sản xuất trong nông thôn; tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho từng hộ gia đình.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện Khoán 10, nhiều vụ tranh chấp đất đai xảy ra. Do các tập đoàn sản xuất chia theo

phương thức khoán trắng (thực chất chỉ là chia lại ruộng cho nông dân theo định mức lao động chính, lao động phụ, ăn theo). Cách chia ruộng đất theo hình thức trên gây mâu thuẫn giữa nông dân với nông dân (nông dân sở hữu nhiều đất nhưng ít lao động thì bị mất đất, trong khi đó, những người ít đất hoặc không có đất nhưng có nhiều lao động thì nhận nhiều đất; một số người có ngành nghề khác không chuyên làm ruộng lại được chia đất, một số ban quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nhận đất dôi dư nhiều hơn so với định mức, nhận đất gần, đất tốt). Mâu thuẫn trên bùng nổ và tạo ra làn sóng khiếu kiện đất đai của nông dân kéo dài.

Tình hình tranh chấp đất đai diễn ra khá phức tạp. Phần lớn các vụ tranh chấp là tầng lớp trung nông đòi lấy lại hết số ruộng đất cũ (đất tại nơi cư trú, đất xâm canh ở địa phương khác). Một số trường hợp nông dân ngang nhiên lấy lại hết ruộng đất cũ kể cả những người trước đây được Nhà nước cấp và đã tự giác "nhường cơm, sẻ áo" trước đó; đất của các tôn giáo (nhà thờ, chùa, thánh thất) trước đây đã giải quyết theo Quyết định số 188/CP ngày 25-9-1976 của Hội đồng Chính phủ *về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam Việt Nam,* số ruộng đất này ta đã chia cấp cho nông dân nghèo sản xuất ổn định từ lâu, nay họ cũng đòi lại. Ngoài ra, có một số con cháu của địa chủ, phú nông, sĩ quan chế độ cũ cũng nhân cơ hội này đòi lại ruộng đất, kể cả đất đã truất hữu. Mặt khác, ở một số địa phương, việc chuyển nhượng, mua bán, cho thuê mướn ruộng đất diễn ra một cách mặc nhiên, nhưng việc quản lý và chỉ đạo thực hiện Điều 53 Luật đất đai năm 1987 không nghiêm. Từ đó, dẫn đến tình trạng nông dân, con cháu địa chủ, phú nông tìm mọi cách đòi lại ruộng đất để bán lấy tiền, vàng. Đó cũng là một động lực thúc đẩy tình hình đòi lại

ruộng đất gay gắt hơn, làm cho nhiều hộ nông dân bị trắng tay, trong đó có số hộ gia đình chính sách (thương binh, liệt sĩ, cán bộ nghỉ hưu). Một số nơi tranh chấp dẫn đến xô xát, gây thương tích, đập phá tài sản... Xen vào đó, có phần tử xấu và bọn phản động kích xúi nông dân đấu tranh đòi lại đất. Chúng tung tin thất thiệt là "Nhà nước có chủ trương trả đất cho dân", lợi dụng tình hình tranh chấp phức tạp về ruộng đất để phá hoại sự đoàn kết ở nông thôn và làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây trở ngại cho sản xuất.

Để giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 31-8-1988 *về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất*. Thực hiện chủ trương này, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho các địa phương thu hồi những phần đất do cán bộ, đảng viên, ban quản lý tập đoàn, hợp tác xã bao chiếm, những hộ nhận khoán nhưng không chuyên sống về nghề làm ruộng; những phần đất trước đây cho cơ quan, đơn vị, cá nhân mượn để sản xuất tự túc; đất nông lâm trường chiếm quá quy hoạch được duyệt trang cấp lại cho nông dân, vận động nội bộ nông dân tự thương lượng, hòa giải theo phương châm "nhường cơm, sẻ áo". Tiếp tục giải quyết có lý, có tình vấn đề tranh chấp đất đai. Đồng thời, tỉnh đã vận động đưa trên 1.400 hộ với gần 2.600 lao động không có ruộng đất đi sản xuất ở Đồng Tháp Mười, mở ra hướng phân bố lại lao động, dân cư, tạo việc làm cho số lao động thiếu việc làm.

Căn cứ vào Chỉ thị số 47-CT/TW của Bộ Chính trị, các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy lãnh đạo các địa phương tổ chức thảo luận, quán triệt và phổ biến rộng khắp trong nhân dân. Thành lập nhiều đoàn cán bộ xuống xã, ấp, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, nhất là ở những điểm nóng để xem xét giải quyết cho từng đối tượng tranh chấp cụ thể. Hoặc để nông dân tự thương lượng với nhau có sự hướng dẫn của

chính quyền địa phương. Nếu trường hợp khó khăn thì đoàn thể quần chúng kết hợp với các đoàn thanh tra, kiểm tra để hòa giải; có trường hợp phải kết hợp áp dụng biện pháp kinh tế hành chính, có trường hợp phải giải quyết thêm đất cho hộ bị cào bằng; bồi hoàn hoa lợi cho các hộ có thừa đất giao cho hộ khác. Các địa phương còn chú ý tìm quỹ đất mới bằng cách sắp xếp lại các đơn vị (nông, lâm trường) để có đất cấp cho số hộ không có đất hoặc thiếu đất. Đến cuối năm 1991, tình hình tranh chấp đất đai có lắng dịu xuống.

Đồng thời, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý ruộng đất tỉnh phối hợp với các huyện, thị xã, xã, ấp tiến hành điều tra, đo đạc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 20.500ha cho 15.600 hộ nông dân (đến năm 1993), tiếp tục đầu tư kinh phí 100 triệu để tiếp tục điều tra đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân.

Tỉnh cũng đã chỉ đạo bố trí sắp xếp lại sản xuất đối với đơn vị quốc doanh (nông - lâm - ngư trường) ở các huyện thị, những đơn vị làm kém hiệu quả thì chuyển sở hữu như: Trại lúa giống huyện Ba Tri chuyển 15ha khoán lại cho hộ nông dân; Huyện đội Ba Tri giao 30ha cho nông dân sản xuất; Nông trường dừa của Huyện ủy, Huyện đoàn, Huyện đội Bình Đại giao lại 96ha cho nông dân quản lý; hơn 800ha đất nuôi nghêu của ba huyện ven biển Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, giao lại cho dân quản lý nuôi, thu hoạch.

Đi đôi với đổi mới quản lý nông nghiệp, tỉnh đã tăng mức đầu tư cho công tác thủy lợi từ 10 lên 16% tổng số vốn đầu tư ngân sách của tỉnh. Nhiều công trình thủy lợi lớn được xây dựng như: Vàm Đồn, Vàm Hồ, Châu Bình, Ao Vuông,... cùng hệ thống thủy lợi nội đồng đã ngọt hóa 10.000ha ở các huyện Thạnh Phú, Mỏ Cày, Bình Đại, Ba Tri, Giồng Trôm, tạo điều kiện để thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, trong 5 năm (1986-1990),

diện tích lúa tuy bị giảm gần 15.000ha, nhưng tổng sản lượng đạt xấp xỉ 5 năm 1981-1985 (1.750.000 tấn/1.770.000 tấn).

Về đất vườn, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, nhân dân đã bước đầu phá bỏ vườn cây tạp, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài cây dừa, cây mía, đã hình thành dần các mô hình kinh tế vườn phong phú, các vùng chuyên canh chuối già, cam, nhãn, chôm chôm, chanh,... được hình thành, mở ra triển vọng mới, tạo thêm nhiều mặt hàng nông sản cho tiêu dùng và xuất khẩu. Tuy nhiên, các mô hình còn mang tính tự phát của nhân dân, chưa ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, Nhà nước chưa có chính sách bảo hộ, bao tiêu sản phẩm các mặt hàng chủ lực xuất khẩu, nên chưa tạo được lòng tin, kích thích nông dân đầu tư sản xuất quy mô hơn.

Thời gian này, cây dừa và cây mía là hai mặt hàng chủ lực của kinh tế vườn. Diện tích trồng mía ổn định và phát triển, năng suất, sản lượng tăng. Cây dừa do giá thấp, không ổn định, giá dầu dừa trên thị trường ngoài nước rất thấp nên diện tích vườn dừa không tăng, có nơi nông dân đốn bỏ để trồng mía, cây ăn trái. Trong 5 năm (1986-1990), chủ yếu tập trung chăm sóc, thâm canh 25.000ha dừa đang cho trái tương đối ổn định, nên năng suất, sản lượng đạt khá (trên 115 triệu trái/năm). Tỉnh đã cho tạm dừng các dự án trồng dừa ở các huyện ven biển, do điều kiện tự nhiên và hiệu quả không cao, giao bớt đất rừng, đất nông trường dừa cho nông dân đầu tư chăm sóc, khai thác kết hợp nuôi tôm, cá với trồng rừng.

Chăn nuôi tiếp tục được duy trì và phát triển, chủ yếu là nguồn nuôi trong dân. Đàn heo biến động tăng giảm theo giá cả thị trường do giá cả thức ăn, con giống và giá thu mua không ổn định. Các cơ sở quốc doanh sản xuất con giống và

thức ăn gia súc đều bị lỗ. Riêng gia cầm, nhất là vịt đàn, vịt đẻ tăng nhanh.

Nuôi thủy sản phát triển mạnh so với 5 năm trước (1981-1985), nhất là phong trào nuôi tôm thẻ phát triển ở các huyện Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú. Diện tích nuôi từ 4.000ha (năm 1986) tăng lên gần 30.000ha (năm 1990), trong đó có 13.800ha nuôi chuyên canh. Sản lượng tôm, cá tăng từ 7.000 tấn (năm 1986) lên 11.000 tấn (năm 1990). Năm 1990, sản lượng khai thác đánh bắt và nuôi đạt khoảng 51.000 tấn tôm cá các loại. Tuy nhiên, tiềm năng thủy sản còn lớn nhưng chưa tập trung đầu tư, khai thác đúng mức nên năng suất, sản lượng chưa cao.

Để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, ngày 15-7-1988, Bộ Chính trị (khóa VI) ra Nghị quyết số 16-NQ/TW *về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.* Để cụ thể hóa Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 5-12-1988, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 30-CT/TU chỉ đạo các cấp ủy Đảng, các tổ chức đoàn thể phổ biến quán triệt tư tưởng chỉ đạo, nội dung đổi mới của Nghị quyết số 16-NQ/TW. Liên hệ kiểm điểm đúng sai về nhận thức trước đây, đồng thời xác định thực trạng lực lượng kinh tế ngoài quốc doanh, đề ra chủ trương, biện pháp cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển.

Việc đổi mới cơ chế quản lý các thành phần kinh tế bước đầu mang lại hiệu quả, lực lượng sản xuất mới đang bung ra, nền kinh tế sản xuất hàng hóa của tỉnh đang có xu thế phát triển. Các hộ kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân phát triển nhanh về số lượng và ngành nghề, thu hút nhiều lực lượng lao động. Nhiều hộ bỏ vốn đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất. Đến cuối năm 1990, toàn tỉnh có 8.940 cơ sở,

với số vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng, thu hút trên 130 ngàn lao động. Tập trung đầu tư khai thác và nuôi thủy sản, trồng cây ăn trái và các ngành chế biến đường, bánh kẹo, xay xát lúa gạo, chế biến dừa, cơ khí điện tử, vận tải thủy bộ, buôn bán, dịch vụ ăn uống...

Trong 5 năm 1986-1990, tỉnh đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhiều nhà máy, xí nghiệp như: xí nghiệp ép dầu 17.000 tấn/năm, 4 xí nghiệp đông lạnh xuất khẩu ở Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú và thị xã với tổng công suất 2.240 tấn/năm và xí nghiệp xay lúa xuất khẩu.

Thực hiện Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987, của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) *về ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh,* các cơ sở quốc doanh của tỉnh chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Năm 1990, có 46/101 xí nghiệp quốc doanh tỉnh, huyện làm ăn có hiệu quả, do linh hoạt áp dụng các biện pháp đồng bộ, quản lý chặt chẽ, kinh doanh có hiệu quả, số còn lại gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ, do trình độ quản lý, thiếu vốn, thiết bị kỹ thuật lạc hậu, đầu tư khoa học - công nghệ chưa tốt nên chất lượng sản phẩm, mẫu mã hàng hóa còn kém, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Một số xí nghiệp phải giải thể hoặc chuyển sang hình thức sở hữu khác. Quá trình chuyển sang cơ chế quản lý mới cũng là quá trình sàng lọc và sắp xếp lại các cơ sở quốc doanh của tỉnh, huyện.

Để tạo sự chuyển biến nổi bật trong công tác quản lý thị trường, ngày 1-3-1987, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 80-CT *về việc không được đặt trạm kiểm soát cố định hoặc có tổ chức kiểm tra lưu động trên các đường giao thông thủy bộ.* Chủ trương bãi bỏ các trạm kiểm soát được sự đồng tình nhất trí cao. Thực hiện chỉ thị trên, các trạm kiểm soát

trong tỉnh (như Giao Hòa, Hàm Luông, Phú Khương, Tân Thạch...) tạm ngưng hoạt động, hàng hóa được lưu thông dễ dàng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc từng bước giải quyết những khó khăn về đời sống.

Từ ngày 1 đến ngày 9-4-1987, để giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt và lâu dài theo tinh thần đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đã họp Hội nghị lần thứ hai và ra Nghị quyết *về giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.* Hội nghị đã chỉ rõ nguyên nhân làm cho kinh tế - xã hội xấu đi là do duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế và khẳng định phân phối lưu thông là khâu quan trọng của phát triển kinh tế. Phương hướng vừa cơ bản vừa cấp thiết để giải quyết là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, giải tán các công ty, ngành hàng làm ăn thua lỗ, mở rộng liên kết, liên doanh trong và ngoài tỉnh để thu hút vốn, vật tư hàng hóa... Các hợp tác xã mua bán ở huyện, xã, kinh doanh bị thua lỗ, cạnh tranh không nổi với tư thương cũng được giải thể.

Xuất khẩu của tỉnh có bước chuyển biến. Năm 1985, tỉnh chỉ có vài công ty xuất nhập khẩu trực tiếp, đến năm 1990 đã có công ty cấp tỉnh, cấp huyện và thị xã kinh doanh xuất nhập khẩu, vừa khai thác nguồn hàng trong tỉnh, vừa liên kết, liên doanh với các tỉnh bạn để có thêm nguồn hàng xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm (1986-1990) đạt 65 triệu USD (tăng gần 60 triệu USD so với 1981-1985). Đã cố gắng trả nợ 556.000 USD cho Ấn Độ. Đồng thời, đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế, công ty nước ngoài đến thăm dò để đầu tư và

nhiều tổ chức nhân đạo quốc tế viện trợ cho các chương trình y tế, giáo dục, sinh đẻ có kế hoạch...

Để khắc phục khó khăn về tài chính, kìm chế nạn lạm phát, Đảng bộ và chính quyền đã vận động nhân dân mua công trái xây dựng Tổ quốc, tăng cường quản lý vật tư, hàng hóa, tiết kiệm thu chi, đình hoãn những công trình xây dựng chưa cấp thiết, tập trung vốn vào những công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Về xây dựng cơ bản, tỉnh đã có nhiều cố gắng lớn, bằng nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh, phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng nhiều công trình quan trọng phục vụ sản xuất.

Ngày 17-1-1987, ngành điện lực đã khởi công xây dựng đường điện vượt sông Tiền và trạm biến áp 110KV Mỹ Tho - Bến Tre (từ xã Trung An, Mỹ Tho đến ngã ba Tân Thành, Bến Tre). Công trình dài 16km, tổng kinh phí đầu tư 5 tỷ đồng. Ngày 19-5-1989, công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng, đây là một công trình có ý nghĩa quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Tiếp đó, để đưa điện lưới quốc gia về cù lao Minh, ngày 20-11-1989, tỉnh cho khởi công xây dựng đường điện 35KV vượt sông Hàm Luông về Mỏ Cày, công trình được hoàn thành vào ngày 30-4-1990, với tổng kinh phí 2 tỷ đồng. Đầu năm 1990, ngành điện tiếp tục khởi công xây dựng đường điện 15KV về các huyện Thạnh Phú, Chợ Lách. Cùng thời gian này, đường điện 15KV từ An Hóa về thị trấn Bình Đại dài 34km, kinh phí đầu tư 1,5 tỷ đồng đã hoàn thành vào tháng 7-1990 và đường điện từ thị trấn Ba Tri về Tiệm Tôm cũng được khởi công xây dựng, hoàn thành vào ngày 29-8-1990. Đến cuối tháng 8-1990, tỉnh đã hoàn thành việc đưa điện lưới quốc gia về các huyện.

Ngành bưu điện đã bước đầu đổi mới trang thiết bị hiện đại giúp cho việc thông tin liên lạc trong tỉnh và giữa Bến Tre với các tỉnh và nước ngoài được thuận lợi. Đài báo thoại được cải tiến từ tổng đài tự động ATZ 65 số lên 80 số và lắp đặt cho các bưu cục trong tỉnh. Ngày 29-12-1989, Bưu điện tỉnh đưa vào sử dụng tổng đài viba số để phát triển thêm các dịch vụ điện thoại nhắn tin, telefax, truyền số liệu... Nhờ những công trình kỹ thuật mới mà đến cuối năm 1989, người dân Bến Tre có thể đàm thoại trực tiếp đến các nước trên thế giới.

Ngành giao thông đã trải nhựa quốc lộ 60, xây dựng các cầu Bình Chánh, Giồng Quéo, Gò Đàng, Lương Quới bằng bê tông. Các công trình bệnh viện tỉnh, bệnh viện huyện, Trường Đảng tỉnh, Trường Quân sự địa phương, Trường Trung học Kinh tế, Trường Cao đẳng sư phạm,... được xây dựng mới.

Các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được đẩy mạnh. Ngành giáo dục đã có bước đổi mới về nội dung và phương pháp. Mạng lưới giáo dục các cấp của ngành học: mẫu giáo, phổ thông, bổ túc văn hóa, được hình thành từ tỉnh đến huyện, xã. Ngành giáo dục cho phép mở nhiều loại hình giáo dục đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Trường lớp phổ thông, dạy nghề dân lập được thành lập. Đội ngũ giáo viên phấn đấu vượt khó bám trường lớp, duy trì phong trào dạy tốt, học tốt. Việc tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp bước đầu đi vào quy hoạch, mở trường chuyên bồi dưỡng năng khiếu, phát triển nhân tài, mở rộng diện đào tạo theo hợp đồng, nhằm hạn chế lãng phí sau đào tạo và thu hút thanh niên vào các trường học nghề. Ngành đã phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất khá tốt, nhưng chất lượng giáo dục chưa cao, đạo đức của một bộ phận học sinh có giảm sút. Trình độ chuyên môn của giáo viên chậm được nâng cao, thiếu giáo viên dạy tiểu học và giáo viên ngoại ngữ. Một số ít giáo viên,

cán bộ quản lý giáo dục không vượt qua được khó khăn đã xin nghỉ việc, bỏ việc hoặc chuyển công tác khác.

Công tác bảo tồn, bảo tàng, trùng tu di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng được chú trọng. Ngày 27-4-1990, khu mộ Nguyễn Đình Chiểu được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích Văn hóa - Lịch sử cấp quốc gia.

Công tác bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân được quan tâm theo hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu. Ngành y tế đã tập trung kiện toàn hệ thống y tế cơ sở, thực hiện các chương trình vệ sinh môi trường. Vận động nhân dân thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỷ lệ tăng dân số, tiêm chủng mở rộng, phòng chống có hiệu quả các loại dịch bệnh. Tỉnh dành 10,5% ngân sách đầu tư xây dựng thêm trạm xá, nhà hộ sinh xã, các trung tâm kế hoạch hóa gia đình. Đổi mới một phần trang thiết bị bệnh viện tỉnh và huyện. Mạng lưới y tế được củng cố và tăng cường. Từ 154 cơ sở trị bệnh năm 1985, đến năm 1990 tăng lên 188 cơ sở khám và điều trị. Đội ngũ cán bộ y tế, bác sĩ hằng năm được đào tạo và bổ sung thêm. Các trạm xá xã đều có y sĩ, y tá khám, chữa bệnh thông thường cho nhân dân. Tuy nhiên, chất lượng điều trị ở các bệnh viện và cơ sở y tế dù có được nâng lên so với trước, nhưng cũng còn một số nơi chưa tốt, thiếu phương tiện khám và điều trị bệnh.

Thực hiện chỉ đạo về tổng điều tra dân số (ngày 7-4-1989), qua bảy ngày làm việc của 3.314 điều tra viên trên địa bàn 156 xã, phường, toàn tỉnh thống kê được 238.894 hộ, với 1.185.165 nhân khẩu. Tổng số hộ và nhân khẩu điều tra được so với số liệu vẽ sơ đồ, lập bảng kê chung toàn tỉnh, huyện đều tăng.

Ngành thương binh - xã hội từng bước thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, thực hiện chính sách khen thưởng thành tích kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

cho nhân dân, cán bộ, gia đình liệt sĩ, thương binh (năm 1990 có 72.000 đối tượng được khen), quy tập hài cốt liệt sĩ đưa vào nghĩa trang, lập trại dưỡng lão để nuôi dưỡng những người già neo đơn, lập trường nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt.

Phong trào "Nhà nước và nhân dân cùng làm" tiếp tục phát triển, tỉnh đã xây dựng, sửa chữa nhiều công trình phúc lợi xã hội như: các trạm xá, cầu đường giao thông nông thôn, một số nhà văn hóa, xây dựng 184 nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách.

Đời sống nhân dân nói chung được ổn định, có một bộ phận được nâng lên, hạn chế được tình trạng cứu trợ hằng năm. Một số hộ kinh doanh, làm kinh tế biển, kinh tế vườn có thu nhập cao, đời sống khá hơn trước do biết kinh doanh, có vốn hoặc có lao động, tay nghề giỏi. Bên cạnh đó còn khoảng 15 đến 20% số hộ nông dân vùng nông thôn và một bộ phận dân nghèo ở thị xã, thị trấn đời sống thường xuyên gặp khó khăn (có cả gia đình thuộc diện chính sách).

Đời sống tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, mức hưởng thụ văn hóa, văn nghệ phong phú và đa dạng hơn trước. Nhiều hộ mua sắm được ti vi, cátxét, rađio, nên nắm được thông tin về kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật nhanh và nhiều hơn.

Tuy nhiên, đời sống của cán bộ, công nhân viên nhà nước, lực lượng vũ trang, cán bộ hưu trí, những người thuộc diện chính sách có nguồn thu nhập chính từ tiền lương, trợ cấp xã hội mức sống bị giảm sút.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-BCT ngày 30-7-1987 của Bộ Chính trị *xác định nhiệm vụ quốc phòng đến năm 1990 và những năm tiếp theo* và Quy định số 11-QĐ/TW, Quy định số 12-QĐ/TW ngày 30-7-1987 của Ban Bí thư

Trung ương Đảng, tỉnh đã tổ chức Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Cán sự huyện, thị xã do đồng chí Bí thư cấp ủy cùng cấp làm Bí thư. Ở cấp xã, đồng chí Bí thư làm chính trị viên xã đội, cán bộ xã đội được đào tạo tại Trường Quân sự địa phương về chính trị, nghiệp vụ và chức trách làm tham mưu cho cấp ủy. Lực lượng vũ trang được củng cố tinh gọn, phù hợp yêu cầu thực tế, giảm quân thường trực tỉnh, huyện. Lực lượng dân quân củng cố còn 1,8% trong tổng số dân. Mỗi xã có từ hai tiểu đội đến một đại đội dân quân.

Song song với củng cố về tổ chức, gắn việc đào tạo cán bộ xã đội, phường đội, có trên 500 lượt cán bộ xã đội được đào tạo tại Trường Quân sự địa phương về chính trị, nghiệp vụ và chức trách làm tham mưu cho cấp ủy trực tiếp.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tổ chức nhiều đợt diễn tập cho lực lượng bộ đội và dân quân tự vệ, nâng cao chất lượng phòng thủ sẵn sàng chiến đấu, hình thành khu vực phòng thủ của tỉnh, huyện và xây dựng lại thế trận chiến tranh nhân dân ở phường, xã. Toàn tỉnh đã vận hành cơ chế mới bằng thực nghiệm diễn tập 5/8 huyện, thị và 50/156 xã, phường, thị trấn. Công tác tuyển quân hằng năm đều đạt chỉ tiêu, trong 5 năm (1986-1990), tỉnh đã đưa gần 10.0000 thanh niên lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự.

Với sự giúp đỡ của chuyên gia và bộ đội Bến Tre, nhân dân tỉnh Cần Đan đã khôi phục và phát triển sản xuất kinh tế đời sống, ổn định an ninh trật tự, xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tổ chức bộ máy chính quyền cách mạng từ tỉnh, huyện, đến cơ sở. Xây dựng cơ sở vật chất cho sản xuất và các công trình công cộng. Những hoạt động hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Cần Đan (Campuchia) được phát triển nhiều mặt càng củng cố thêm tình hữu nghị, đoàn kết chiến đấu giữa Việt Nam và Campuchia.

Tháng 7-1989, theo lệnh của Bộ Quốc phòng, toàn bộ lực lượng bộ đội Bến Tre giúp bạn ở Cần Đan đã hoàn thành nhiệm vụ, rút quân về nước.

Trong thời gian mười năm giúp bạn, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã bổ sung cho Đoàn 9906 là 3.886 tân binh. Quân số của tỉnh Bến Tre đưa sang giúp tỉnh Cần Đan (Campuchia) có sáu tiểu đoàn với 1.650 cán bộ, chiến sĩ. Ngoài ra, tỉnh còn đưa ba tiểu đoàn làm nghĩa vụ quốc tế ở các tỉnh khác của Campuchia với quân số 1.050 cán bộ, chiến sĩ, đưa về Quân khu 9 một tiểu đoàn, Quân khu 7 hai tiểu đoàn.

Đoàn cán bộ chuyên gia và công nhân viên các ngành dân - chính - Đảng có 245 lượt đồng chí. Ngoài nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự, cứu đói, đã giúp tỉnh Cần Đan khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân Campuchia. Đồng thời giúp bạn xây dựng hệ thống chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã gồm: xây dựng 1 ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh (có 13 đồng chí), 22 ngành tỉnh (với 1.467 cán bộ, công nhân viên); cấp huyện, đã giúp xây dựng 12 ủy ban nhân dân huyện, thị (có 84 đồng chí) và các ban ngành của huyện; cấp xã, xây dựng 164 ủy ban nhân dân cách mạng xã, phường (có 1.148 đồng chí). Với sự giúp đỡ của Đoàn chuyên gia, tỉnh Cần Đan đã hồi sinh, phát triển toàn diện, bộ máy chính quyền các cấp đủ sức tự vận hành, đội ngũ cán bộ đủ sức hoạt động độc lập, tự chủ.

Trong những năm làm nghĩa vụ quốc tế, đã có 1.784 người con Bến Tre hy sinh trên đất bạn, 1.527 đồng chí trở thành thương binh. Hai đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (d 263B và d 712, tuyên dương ngày 25-11-1983), hai cá nhân được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (Nguyễn Văn Thuyền và Nguyễn

Văn Sứ, tuyên dương ngày 25-11-1983). Nhiều đơn vị, cá nhân được tặng thưởng huân, huy chương, bằng khen, giấy khen.

Công tác quốc phòng cũng còn những mặt hạn chế như việc kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh chưa có mô hình rõ rệt. Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng trong lực lượng vũ trang chưa đáp ứng kịp với thực trạng kinh tế, xã hội, nên có một số ít cán bộ, chiến sĩ phạm sai lầm, khuyết điểm. Lực lượng quân sự địa phương ở các xã, phường nhiều nơi hoạt động còn yếu.

An ninh trật tự trong tỉnh được giữ vững. Lực lượng công an đã phát hiện và ngăn chặn các hoạt động tình báo, gián điệp thâm nhập vào tỉnh, đấu tranh chống bọn phá hoại kinh tế, lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng, khám phá nhiều vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa (năm 1987, đã khám phá 110/164 vụ, bắt 99 đối tượng, xử lý hành chính 38 đối tượng. Thu hồi tài sản và tiền mặt trị giá 26.824.000 đồng), liên tục mở các đợt tấn công tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội. Kết hợp tốt tấn công và vận động đối tượng phạm tội ra tự thú. Công an kết hợp với lực lượng biên phòng bảo vệ bờ biển, đấu tranh ngăn chặn tình trạng vượt biên trái phép, trốn ra nước ngoài. Do tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, một số người vẫn còn mơ hồ, nghe theo lời của những phần tử xấu nên tình trạng vượt biên trái phép vẫn xảy ra. Về chiều sâu các vụ tổ chức đưa người đi vượt biên ngày càng tinh vi hơn, đối tượng trốn đi đến từ nhiều nơi rất phức tạp, khó phát hiện.

Ngành công an đã triệt phá nhiều băng cướp, lưu manh chuyên nghiệp, chuyển hóa nhiều đối tượng hình sự, ổn định một bước về trật tự công cộng, an toàn giao thông, góp phần làm lành mạnh xã hội. Tập trung bảo vệ việc thực hiện các

mục tiêu và ba chương trình kinh tế lớn, giải quyết các vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, chống đầu cơ buôn lậu được thực hiện nghiêm túc.

Tuy nhiên, tình hình an ninh tư tưởng, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội chưa thật ổn định, có mặt phát sinh phức tạp. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang ra sức tấn công ta bằng nhiều hình thức. Bên cạnh đó, công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội của ta còn yếu kém, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng. Đạo đức lối sống trong một bộ phận thanh, thiếu niên có biểu hiện suy thoái. Tình hình tranh chấp đất đai ở nông thôn diễn ra phức tạp, có lúc gay gắt. Nạn vỡ nợ tín dụng xảy ra tràn lan. Tài sản xã hội chủ nghĩa bị thất thoát... Pháp luật, kỷ cương có nơi, có lúc không được thực hiện nghiêm minh. Lực lượng công an tuy cố gắng giữ vai trò nòng cốt nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình có nhiều phát sinh phức tạp, một số ít cán bộ, chiến sĩ có biểu hiện tiêu cực, có trường hợp vi phạm pháp luật.

Việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức tự giác thực thi pháp luật trong nhân dân được chú trọng. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chấn chỉnh một bước, nhiều vụ việc tiêu cực được kiểm tra, xử lý.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể hưởng ứng "Những việc cần làm ngay" của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Báo *Đồng Khởi* mở chuyên mục "Những việc cần làm ngay" đăng bài của NX110[1], phê phán mạnh mẽ những trì trệ, tiêu cực, động viên, cổ vũ nhân tố mới, điển hình, tích cực trong đổi mới, đồng thời Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo giải quyết kịp thời những khiếu nại, tố cáo của nhân dân,

1. NX110 là bút hiệu của đồng chí Nguyễn Xuân Kỷ, Bí thư Tỉnh ủy.

xử lý các vụ, việc tiêu cực. Đã có hàng trăm ngàn lượt người dân trong tỉnh tích cực tham gia góp ý kiến vào các dự luật như: Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự, Luật đầu tư, Luật thuế, v.v.. Qua đó, đã củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng bộ tỉnh đã tiến hành củng cố quan điểm, lập trường giai cấp công nhân, đấu tranh chống những hiện tượng cơ hội hữu khuynh, không chấp nhận khuynh hướng đa nguyên chính trị, dân chủ cực đoan.

Đồng thời, Đảng bộ tỉnh đã củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức của các cơ quan đảng, đoàn thể, chính quyền theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối trung gian, tránh trùng lắp, chồng chéo chức năng và nhiệm vụ. Tỉnh đã giảm được 22 đơn vị hành chính trực thuộc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, 52 phòng trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh. Mỗi huyện và thị xã giảm 6 đến 7 đơn vị cấp phòng. Xã, phường giảm từ 35 đến 40 người xuống còn 15 đến 20 người, nơi cao nhất là 25 người.

Thực hiện Chỉ thị số 79-CT/TW ngày 11-3-1986 của Ban Bí thư *về việc tổ chức đợt tự phê bình và phê bình chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và đại hội các cấp*, Chỉ thị số 80-CT/TW ngày 11-3-1986 của Ban Bí thư *về đại hội đảng bộ các cấp* và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện tự phê bình và phê bình, tiến hành đại hội Đảng các cấp, năm 1988, toàn tỉnh đã tiến hành tổ chức đại hội Đảng hai cấp (cơ sở, huyện thị và tương đương). Sau các đợt tự phê bình và phê bình, với tinh thần đấu tranh nội bộ, nói thẳng, nói thật, phân tích những ưu, khuyết điểm và đề ra phương hướng khắc phục đã nâng lên một bước về nhận thức, tăng cường đoàn kết nội bộ. Củng cố hệ thống tổ chức của các đoàn thể, các cơ quan dân cử bằng tổ chức bầu cử mới ban chấp hành và Hội đồng nhân dân các cấp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị.

Các cấp ủy Đảng bước đầu đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc, đi sâu vào chức năng nhiệm vụ, hoạt động có quy chế, gần gũi với quần chúng, sâu sát cơ sở.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ có bước chuyển biến theo yêu cầu đổi mới. Trong 5 năm (1986-1990), đã đào tạo được 8.183 cán bộ các loại, trong đó có 2.383 cán bộ đảng, 1.159 cán bộ quản lý. Hầu hết cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp nhất là ở cơ sở đều được trang bị lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị *về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội,* và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 12-9-1987 của Tỉnh ủy về "Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội", các cấp ủy quan tâm tập trung lãnh đạo, củng cố thường xuyên tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên theo hướng tiến hành cuộc vận động chỉnh đốn làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã nâng cao tính năng động, sáng tạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị theo hướng đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

Sau đợt chỉnh đốn, có 60% đảng viên giữ vững được phẩm chất chính trị, quan điểm lập trường, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, 27% đảng viên trung bình, 13% đảng viên yếu kém. Đảng bộ tỉnh đã xử lý kỷ luật đưa ra khỏi Đảng 3.800 đảng viên thoái hóa, mất phẩm chất.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng cũng còn nhiều vấn đề cần khắc phục để chuyển biến kịp với yêu cầu đổi mới như năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên còn một số mặt hạn chế. Công tác lý luận của Đảng chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy, chậm tổng kết thực tiễn để rút ra bài học kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo, quản lý còn cồng kềnh, thiếu năng động, sáng tạo. Việc quy hoạch, đào tạo, quản lý, đề bạt, bố trí cán bộ còn nhiều mặt thiếu sót.

Công tác vận động quần chúng được quan tâm, nhất là sau khi thực hiện Nghị quyết số 8B-NQ/TW ngày 27-3-1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng *về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân,* các cấp ủy Đảng quan tâm hơn công tác quần chúng. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng được củng cố, phát triển, đổi mới phương thức hoạt động, mở rộng các hình thức tập hợp nhân dân. Các tổ chức nghề nghiệp (Hội luật gia, Hội làm vườn...) và các tổ chức xã hội trong các tôn giáo, các giới được thành lập, thu hút đông đảo quần chúng tích cực tham gia hoạt động ở cơ sở. Các tổ an ninh nhân dân được thành lập đều khắp các xóm, ấp góp phần bảo vệ an ninh trật tự, phát huy tinh thần đoàn kết tương trợ trong nhân dân.

II- GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, CỦNG CỐ, KIỆN TOÀN TỔ CHỨC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ VỮNG MẠNH (1991-1995)

Sau bốn năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đạt được những thành tựu quan trọng. Năng lực sản xuất và tiềm năng của các thành phần kinh tế được giải phóng và khuyến khích phát triển, nền kinh tế bước

đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đời sống của nhân dân dần dần được cải thiện. Hệ thống chính trị được tăng cường, từng bước đổi mới phương thức hoạt động, phát huy dân chủ, tăng cường quyền tự chủ trong các tổ chức xã hội. Niềm tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên. Tuy nhiên, tình hình chung vẫn còn nhiều khó khăn. Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Sản xuất trong tỉnh phát triển chậm, ba chương trình kinh tế mới đạt kết quả bước đầu nhưng chưa vững chắc, kinh tế quốc doanh sa sút, trang thiết bị công nghệ còn lạc hậu. Cơ cấu và thế mạnh kinh tế được xác định đúng hướng nhưng việc đầu tư khai thác chưa tập trung cao. Tệ tiêu cực và bất công xã hội chưa được ngăn chặn. Bộ máy đảng, chính quyền còn cồng kềnh. Lạm phát tăng cao, đời sống của những người ăn lương và một bộ phận nông dân tiếp tục giảm sút.

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp tác động xấu đến nước ta. Sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu đã ảnh hưởng xấu đến tâm lý, tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên, hoài nghi vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận gây nhiều khó khăn cho đất nước ta. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu và các thủ đoạn xảo quyệt chống phá nước ta cả về chính trị, kinh tế lẫn văn hóa, tư tưởng.

Cuộc khủng hoảng kinh tế trong nước vẫn còn tiếp diễn. Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre còn nhiều mặt mất cân đối, nguồn vốn ít, máy móc thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, lao động không có việc làm ngày càng tăng. Đời sống nhân dân còn khó khăn. Trật tự kỷ cương còn lỏng lẻo, tiêu cực xã hội có chiều hướng phát sinh. Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của

Nhà nước còn nhiều mặt hạn chế. Tổ chức bộ máy cồng kềnh, kém hiệu lực.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ V

Từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp. Đại hội đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI, rút ra những bài học kinh nghiệm trong tiến trình đổi mới. Đại hội khẳng định tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Đại hội thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.* Đại hội lần thứ VII của Đảng có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Với Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và những chính sách cụ thể, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta đã hình thành rõ nét; đồng thời phản ánh quyết tâm đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Từ ngày 19-11-1991 đến ngày 22-11-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ V (vòng 2) được tiến hành. Tham dự Đại hội có 351 đại biểu chính thức đại diện cho 535 tổ chức cơ sở đảng và trên 18.000 đảng viên trong tỉnh.

Đại hội đã đánh giá những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1990), đề ra mục tiêu chung cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre trong 5 năm 1991-1995: "Vượt qua khó khăn thử thách, đưa nền kinh

tế đa dạng nhiều thành phần, phát triển hàng hóa với số lượng lớn, toàn diện, đồng thời với việc củng cố vững mạnh các đơn vị kinh tế quốc doanh then chốt, sắp xếp, củng cố kinh tế tập thể và đẩy mạnh kinh tế hộ gia đình; tăng cường ổn định chính trị, củng cố quốc phòng và an ninh, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, nâng cao một bước đời sống và phúc lợi cho nhân dân".

Đại hội cũng nêu những yếu kém, khó khăn cần phải khắc phục:

Sản xuất phát triển chậm, lưu thông còn khó khăn. Ba chương trình kinh tế lớn, tuy có giành được một số thắng lợi bước đầu quan trọng, nhưng chưa thật vững chắc. Kinh tế quốc doanh sa sút. Trang thiết bị, quy trình công nghệ còn lạc hậu, tiềm năng kinh tế và lao động của tỉnh chưa được khai thác tốt. Đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương, trợ cấp xã hội và một bộ phận nhân dân lao động nghèo còn khó khăn. Tốc độ tăng dân số còn cao.

Cơ cấu và thế mạnh kinh tế được xác định đúng, nhưng việc đầu tư khai thác chưa tập trung cao nên chưa phát huy đúng mức tiềm năng kinh tế của tỉnh. Sự tích lũy từ nền kinh tế chưa cao.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội còn nhiều mặt sa sút nghiêm trọng. Tệ tiêu cực và bất công xã hội chưa ngăn chặn được. Lối sống thực dụng, hủ tục mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội phát sinh và phát triển. Tệ quan liêu cửa quyền, vi phạm dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn khá nghiêm trọng. Pháp luật kỷ cương chưa nghiêm, trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm.

Bộ máy đảng, chính quyền và các đoàn thể còn cồng kềnh. Một số cán bộ, đảng viên yếu kém năng lực và phẩm chất, không đảm đương nổi nhiệm vụ chưa được thay đổi. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có nâng lên, nhưng năng

lực thực tiễn còn hạn chế nhiều mặt, phổ biến là lãnh đạo, kiểm tra cụ thể thiếu chặt chẽ.

Những hạn chế, tồn tại có phần do hậu quả của cơ chế cũ để lại. Một số chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước ở cấp vĩ mô chưa phù hợp, chậm sửa đổi; do tình hình khó khăn phức tạp chung của cả nước và bối cảnh quốc tế tác động. Bên cạnh đó, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trên một số lĩnh vực còn lúng túng trong việc đề ra yêu cầu, nội dung đổi mới, phương thức lãnh đạo, tổ chức, quản lý nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường. Việc sắp xếp bộ máy, bồi dưỡng và bố trí lại cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa trong hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội chưa được triệt để tôn trọng và phát huy, có biểu hiện buông lỏng vai trò lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội.

Trình độ chính trị, kiến thức khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ của cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới. Chưa có những biện pháp thích ứng, kịp thời để tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, bộ máy quản lý nhà nước và chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp.

Chính quyền và ban ngành các cấp còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý, còn lúng túng, sơ hở trong điều hành nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, cũng như trong quản lý văn hóa, xã hội.

Phong cách, lề lối làm việc, phương pháp lãnh đạo thiếu đồng bộ, thiếu phối hợp hành động chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và các đoàn thể[1].

1. Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V (vòng 2).

Đại hội đã đề ra mục tiêu chung cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre trong 5 năm 1991-1995: "Vượt qua khó khăn thử thách, đưa nền kinh tế đa dạng nhiều thành phần, phát triển hàng hóa với khối lượng lớn, toàn diện, đồng thời với việc củng cố vững mạnh các đơn vị kinh tế quốc doanh then chốt, sắp xếp, củng cố kinh tế tập thể và đẩy mạnh kinh tế hộ gia đình, tăng cường ổn định chính trị, củng cố quốc phòng và an ninh, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, nâng cao một bước đời sống và phúc lợi của nhân dân".

Từ mục tiêu chung, Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre là: Tiếp tục giữ vững, ổn định và phát triển ba chương trình kinh tế, thực hiện cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, thương mại và dịch vụ, vận dụng và cụ thể hóa chủ trương chính sách kinh tế phù hợp với địa phương nhằm phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tập trung khai thác tốt nhất tiềm năng và thế mạnh kinh tế vườn, kinh tế biển. Phấn đấu đưa GDP tăng bình quân hằng năm từ 7 đến 8%, thực hiện tốt chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, chăm lo đời sống nhân dân. Củng cố an ninh - quốc phòng, nâng cao cảnh giác, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" và chiến tranh phá hoại nhiều mặt, bảo vệ an ninh trật tự, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục thực hiện chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 47 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Xuân Kỷ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng) làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Trần Văn Ngẫu làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ các cấp tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nắm vững Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh, tỉnh Bến Tre cũng trong tình trạng khó khăn chung của đất nước. Các thế lực thù địch tăng cường cấu kết với bọn phản động trong nước ra sức tuyên truyền quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, xuyên tạc đường lối của Đảng, gây chia rẽ nội bộ Đảng với nhân dân âm mưu hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tình hình thế giới có những biến động không có lợi cho ta. Nguồn vốn vay nước ngoài giảm. Đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn do cơ chế cũ để lại và những phát sinh trong quá trình đổi mới. Ngân sách thiếu hụt, đời sống nhân dân còn khó khăn, lao động thiếu việc làm còn nhiều.

Tuy nhiên, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh cũng có những thuận lợi. Đường lối đổi mới của Đảng đã và đang đi vào cuộc sống, Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng khẳng định rõ những vấn đề cơ bản về định hướng, quan điểm, bước đi trong quá trình xây dựng đất nước. Tiềm năng kinh tế của tỉnh khá phong phú, đa dạng. Đội ngũ cán bộ đã có một bước trưởng thành về trình độ tư duy và năng lực quản lý.

Đảng bộ tỉnh được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, ngày 7-2-1992 (mùng 4 Tết Nhâm Thân), Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã vinh dự đón đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đến làm việc và chúc Tết. Đồng chí Đỗ Mười đã đến thăm xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm; làm việc với Tỉnh ủy và nói chuyện với cán bộ chủ chốt của tỉnh. Đồng chí đã góp nhiều ý kiến quan trọng cho Tỉnh ủy về khai thác, chế biến làm tăng hiệu quả sản phẩm, phát huy các thế mạnh

kinh tế của địa phương, lãnh đạo kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh, đồng thời quản lý các thành phần kinh tế sản xuất - kinh doanh theo pháp luật, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã giúp cho Đảng bộ tỉnh có nhận thức sâu hơn về chủ trương, đường lối của Đảng để vận dụng sát hợp vào tình hình thực tế của địa phương.

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đạt nhiều thắng lợi.

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục phát triển. Sản lượng lương thực ổn định, đạt xấp xỉ kế hoạch hằng năm (năm 1993: 342.000 tấn). Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển, đàn heo đến tháng 4-1993 đạt 270.000 con. Nghề làm muối được khôi phục và phát triển. Bằng nguồn vốn của Trung ương, tỉnh đã tăng cường đầu tư xây dựng vùng kinh tế mới Thạnh Phú, điều động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Long An, Đồng Tháp Mười.

Về sản xuất công nghiệp, các cơ sở công nghiệp quốc doanh được củng cố sắp xếp lại[1] dần dần thích nghi với cơ chế thị trường. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1993 đạt 258 tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 1992. Các mặt hàng như khai thác hải sản, tôm đông lạnh, tân dược, đường cát, than thiêu kết từ gáo dừa đạt và vượt mức kế hoạch.

Tháng 7-1993, sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VI) và Chỉ thị số 30-CT/TU, Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, đánh giá cho thấy: Đã xóa định kiến trước đây xem nhẹ và phân biệt đối xử với thành phần

1. Năm 1992: giải thể 54 đơn vị (3 xí nghiệp cấp tỉnh, 51 xí nghiệp cấp huyện), còn 26 xí nghiệp.

kinh tế ngoài quốc doanh. Từng bước khắc phục những thiếu sót trong cải tạo quan hệ sản xuất đối với công thương nghiệp trước đây; tạo được niềm tin cho thành phần kinh tế ngoài quốc doanh yên tâm bỏ vốn đầu tư, phát huy tay nghề để sản xuất kinh - doanh. Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển khá nhanh, giải phóng được sức sản xuất, tiềm năng về vốn, lao động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều hàng hóa phong phú, đa dạng cho tiêu dùng và xuất khẩu như: thương mại, dịch vụ; chế biến nông sản, thực phẩm; khai thác thủy sản; vận tải hàng hóa và hành khách,... giải quyết việc làm cho một số người lao động, góp phần đáng kể tăng thu ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, còn nhiều vấn đề mới nảy sinh trong cơ chế thị trường mà ta chưa lường hết được, cần có chủ trương, giải pháp chấn chỉnh, bổ sung. Còn xem nhẹ, buông lỏng quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Thiếu sự định hướng phát triển đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Một số doanh nghiệp núp bóng danh nghĩa quốc doanh, liên doanh - liên kết chưa được kiểm tra gây thất thu thuế, làm thiệt hại tài sản Nhà nước. Tỉnh ủy khẳng định sự tồn tại lâu dài của các cơ sở sản xuất - kinh doanh ngoài quốc doanh. Thực hiện các chính sách thuế và tín dụng, khuyến khích các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra sản phẩm mới đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Củng cố các doanh nghiệp nhà nước vững mạnh để dần dần giữ vai trò then chốt hỗ trợ cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao công nghệ mới. Tăng cường củng cố các cơ quan chuyên ngành đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về mọi mặt đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh khoảng 7,5%/năm, bình quân đầu người đạt 148USD/người/năm.

Giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân 8,45%, thương mại dịch vụ tăng 12,6%; kim ngạch xuất nhập khẩu tăng chậm, chỉ đạt khoảng 16 triệu USD/năm.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) *về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn* (ngày 10-6-1993), Tỉnh ủy cụ thể hóa bằng Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 24-12-1993 *về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Bến Tre đến năm 2000*, Kế hoạch số 24-KH/TU của Tỉnh ủy (khóa V) được triển khai thực hiện ở các ngành, các cấp. Qua học tập, quán triệt, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thống nhất cao với Nghị quyết, những mục tiêu, giải pháp mà Nghị quyết đề ra nhằm từng bước đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, Nghị quyết đã đi vào cuộc sống, được rộng rãi các tầng lớp nhân dân đồng tình và tạo ra động lực mới cho nhiều vùng nông thôn trong tỉnh vươn lên phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo và tăng cường đầu tư tăng lên 8,85%, tập trung vào các công trình trọng điểm, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình quan trọng như cống Cây Da, cầu Chẹt Sậy (ngày 30-4-1992), Thư viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh lộ 886 (từ chợ ngã Năm đến phà Hàm Luông)...

Ngành giao thông đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn về nguyên, vật liệu, đẩy nhanh tiến độ thi công cầu đường. Ngày 25-8-1993, khánh thành và đưa vào sử dụng hai cầu trên tỉnh lộ 887 là cầu Cái Cấm (dài 149,3m, rộng 8m, bê tông cốt thép vĩnh cửu) và cầu Chợ Xép (dài 50,4m, rộng 8m, bê tông cốt thép vĩnh cửu). Năm 1993, đã tập trung xây dựng hoàn thành 8 công trình trọng điểm.

Ngành bưu điện cải tạo nâng cấp các tuyến liên lạc trong và ngoài tỉnh, hiện đại hóa mạng lưới bưu điện. Được sự

đầu tư của Tổng Công ty Bưu chính viễn thông và Ủy ban nhân dân tỉnh, tháng 6-1992, Bưu điện Bến Tre đã lắp đặt tổng đài điện tử TDX-1B 4.000 số tại trung tâm tỉnh và 7 vệ tinh ở huyện; viba số vệ tinh tỉnh, huyện. Tổng kinh phí đầu tư 1,4 triệu USD và 10 tỷ đồng. Tổng đài TDX-1B, đưa vào sử dụng khi gọi đi các nơi kể cả nước ngoài khỏi phải qua tổng đài. Đây được coi là công trình trọng điểm của ngành, tạo điều kiện thông tin liên lạc thuận lợi đi các nơi, góp phần trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Về thu - chi ngân sách có nhiều cố gắng, khắc phục tình trạng thất thu thuế, bảo đảm cân đối thu - chi. Ngân hàng đã mở rộng đầu tư tín dụng cho các thành phần kinh tế, đầu tư vốn trung hạn cho nông dân vay để cải tạo vườn tạp, khai thác, nuôi trồng thủy sản, xử lý nợ tín dụng. Nạn lạm phát được đẩy lùi. Đời sống nhân dân được cải thiện.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển. Giáo dục - đào tạo được củng cố ổn định và phát triển một số mặt. Học sinh tốt nghiệp các cấp đều tăng. Số học sinh thi đỗ vào các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học mỗi năm cũng tăng, số học sinh bỏ học giảm. Công tác phổ cập giáo dục bước đầu có phát triển nhưng còn chậm. Công tác xây dựng trường lớp thực hiện tốt, góp phần hạn chế lớp học ba ca. Tháng 12-1990, tỉnh khởi công xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu tại ấp 1, xã Phú Khương trên diện tích 7.360m^2.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển. Các chương trình y tế quốc gia, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được thực hiện tốt. Để công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt hiệu quả, tháng 5-1992, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, trực thuộc Ủy ban

nhân dân tỉnh (sau đổi thành Trung tâm Bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em). Tổ chức triển khai "chương trình hành động vì trẻ em" của tỉnh, thực hiện có hiệu quả nhiều chương trình chăm lo cho trẻ em như: trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bụi đời, khuyết tật. Tranh thủ các tổ chức nhân đạo quốc tế để tạo nguồn chăm lo trẻ em.

Tiếp thu Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) *về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình* (ngày 14-1-1993), Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch số 09-KH/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Các cấp ủy, chính quyền, ban ngành, đoàn thể tùy theo chức năng nhiệm vụ tiến hành xây dựng chương trình hành động và tổ chức triển khai quán triệt cho đảng viên, cán bộ, các đối tượng ngoài đảng và quần chúng nhân dân. Kết quả, có 80% đảng viên, cán bộ, các đối tượng ngoài Đảng tham dự (huyện đạt cao nhất là Bình Đại, Ba Tri có 95%; Giồng Trôm, Chợ Lách có 90%). Có 100% cấp huyện, thị; 60% (95/158) xã, phường đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII theo phương châm: "Vừa triển khai, vừa từng bước củng cố hoàn thiện từng năm để nhanh chóng xã hội hóa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình". Trong quá trình thực hiện, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện ở các cấp. Riêng Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tích cực triển khai Đề án công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, củng cố bộ máy các cấp; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, cộng tác viên; kết hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền cả về chiều rộng lẫn chiều sâu trong toàn xã hội, quan điểm, chủ trương của Đảng về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Qua đó đã nâng cao về nhận thức, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tạo sự chuyển biến tích cực trong tổ chức thực hiện.

Về văn hóa - văn nghệ, nhiều hình thức văn hóa truyền thống được khôi phục, bảo vệ; xây dựng các khu di tích lịch sử, văn hóa. Ngày 7-1-1993, Bộ Văn hóa - Thông tin ra Quyết định số 43-VH-QĐ công nhận ba khu di tích lịch sử: Khu Di tích Lịch sử Đồng khởi, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày; Khu Di tích Nghệ thuật đình Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm và Khu Di tích Nghệ thuật đình Phú Lễ, xã Phú Lễ, huyện Ba Tri.

Sau một thời gian tập trung sưu tầm tư liệu, biên soạn, tháng 10-1991, cuốn sách *Địa chí Bến Tre* được xuất bản, đây là một công trình rất có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa của tỉnh Bến Tre.

Công tác đền ơn đáp nghĩa và chính sách xã hội được quan tâm. Các ngành chức năng đã thực hiện chính sách trợ cấp xã hội, chăm sóc cán bộ hưu trí; thực hiện tu sửa hoàn chỉnh một số nghĩa trang liệt sĩ trong tỉnh, quy tập hài cốt liệt sĩ; xây dựng nhà tình nghĩa; giải quyết chính sách tồn đọng sau chiến tranh. Tổ chức dạy nghề, tạo việc làm cho 9.600 lao động không có việc làm (đạt 29% số lao động chưa có việc làm của tỉnh). Xây dựng mới và mở rộng các trại xã hội, trị bệnh, giáo dục, dạy chữ, dạy nghề cho số phụ nữ lầm lỡ.

Dù có nhiều cố gắng nhưng không thể giải quyết hết những vấn đề xã hội bức xúc như giải quyết việc làm cho thanh niên đến độ tuổi lao động. Sản xuất và đời sống nhân dân ở một số vùng còn bấp bênh vì phụ thuộc vào thời tiết. Đời sống nhân dân ở vùng sâu, vùng xa hẻo lánh còn nghèo (khoảng 43.000 hộ, chiếm tỷ lệ 14,39% tổng số hộ trong tỉnh), nhiều hộ gia đình có nhiều cống hiến, hy sinh trong kháng chiến còn quá khó khăn. Tệ nạn xã hội, nhất là nạn nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp, gây án, tự tử,... mặc dù đã có biện pháp đấu tranh ngăn chặn nhưng có xu hướng tăng.

An ninh - quốc phòng đạt được nhiều thắng lợi góp phần quan trọng ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các ngành quân sự, công an, bộ đội biên phòng cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật được tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố trong sạch vững mạnh. Lực lượng vũ trang nâng cao ý thức cảnh giác, chống "diễn biến hòa bình", xây dựng các kế hoạch phòng thủ cơ bản từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng tỉnh, huyện, thị thành khu vực phòng thủ và tiến hành diễn tập thực nghiệm các phương án tác chiến, vận hành cơ chế trong khu vực phòng thủ ở 8/8 huyện, thị và 156 xã, phường. Để ghi dấu một bước trưởng thành của lực lượng vũ trang của tỉnh trong kháng chiến, ngày 3-9-1993, khánh thành tượng đài kỷ niệm ngày thành lập Trung đoàn Đồng Khởi, tại xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày (nay là Mỏ Cày Nam).

Các lực lượng bộ đội, dân quân tự vệ, dự bị động viên đã tổ chức huấn luyện, diễn tập vận hành cơ chế. Công tác tuyển quân hằng năm đều đạt chỉ tiêu.

Lợi dụng tình hình sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước ở Đông Âu, bọn phản động tìm cách phát tán tài liệu xuyên tạc, văn hóa phẩm độc hại từ nước ngoài về, tung tờ rơi, khẩu hiệu phản động nhằm kích động nhân dân nổi dậy hoặc hoạt động ngấm ngầm phá hoại cách mạng.

Ngày 26-9-1992, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ra Nghị quyết số 03/NQ-TW *về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hòa bình của địch*. Để thực hiện Nghị quyết của Trung ương, ngày 31-12-1992, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Chỉ thị số 10/CT-BNV chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết trong toàn lực lượng. Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, tập trung đẩy mạnh công tác bảo vệ an ninh quốc gia chống "diễn biến hòa bình", xem đây là nhiệm vụ,

công tác lớn thường xuyên, là cơ sở quan trọng để nghiên cứu, đề ra các nhiệm vụ công tác hằng năm và tham mưu giúp Tỉnh ủy chỉ đạo ở các ngành, các cấp.

Đảng bộ tỉnh đã giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định về chính trị tư tưởng; củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh; chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; xây dựng phương án bảo vệ vùng biển, bảo vệ các cơ quan trọng yếu; chống địch phá hoại kinh tế, văn hóa, tư tưởng. Phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các vụ nhen nhóm phản động (trong mối liên kết tổ chức "Hội ái hữu Kiến Hòa").

Lực lượng an ninh phối hợp với phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đã vận động nhiều đối tượng phạm tội ra đầu thú, tịch thu vũ khí và tài liệu phản động. Thực hiện các đợt tấn công tội phạm, tệ nạn xã hội theo Chỉ thị số 135-CT ngày 14-5-1989 của Hội đồng Bộ trưởng *về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới,* có sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng, đoàn thể, trên các địa bàn, đặc biệt là trên các tuyến đường sông.

Công tác đấu tranh chống tham nhũng đã đạt được một số kết quả, phát hiện nhiều vụ vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Riêng năm 1992 đã đấu tranh làm rõ 44 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây thiệt hại gần 16 tỷ đồng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đào tạo cán bộ ngành tư pháp được chú trọng. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu tố có bước tiến bộ. Đã tiếp trên 14.000 lượt người, nhận 7.300 đơn, trả lại đương sự 1.300 đơn, giải quyết xong 2.800 đơn (đạt 60,7%). Sự phối hợp của các cơ quan bảo vệ pháp luật, kiểm tra công tác bắt giam giữ, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án có chặt chẽ hơn.

Trong công tác chính trị tư tưởng, Tỉnh ủy bám chắc nội dung tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) để vừa làm định hướng vừa làm nội dung. Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, *Hiến pháp năm 1992,* Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh là những nội dung quan trọng được triển khai quán triệt trong toàn Đảng bộ và nhân dân.

Qua hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ có nhiều chuyển biến tích cực; tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị tinh gọn, năng động hơn; kinh tế, xã hội từng bước thích ứng với cơ cấu kinh tế mới. Các cấp ủy, nhất là ở cơ sở dần được trẻ hóa, được bồi dưỡng kiến thức, tư duy mới. Đội ngũ đảng viên vừa được bồi dưỡng vừa được sàng lọc đã có bước trưởng thành khá rõ về chính trị, tư tưởng, kiến thức, năng lực thực tiễn, ý thức trách nhiệm, trong tiếp xúc, quan hệ gắn bó với quần chúng nhân dân. Từ năm 1991 đến năm 1993, phát triển mới 1.826 đảng viên, giảm 1.803 người, tăng chỉ có 23 đảng viên (năm 1991, giảm 291; năm 1992, tăng 189; năm 1993, tăng 125 người). Số đảng viên trong các cơ sở sản xuất kinh doanh còn ít. Một số tổ chức cơ sở Đảng yếu kém kéo dài (12%), đã qua nhiều lần củng cố, thay đổi cán bộ chủ chốt nhưng chưa chuyển biến, cá biệt có số ít cơ sở đảng trước đây vững mạnh nay lại sa sút.

Sau khi tiếp thu Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII *về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng,* Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch số 03-KH/TU tổ chức triển khai thực hiện. Các cấp ủy tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng tình hình cơ sở, xây dựng kế hoạch, thành lập Ban Chỉ đạo, tổ công tác, chọn điểm, hướng dẫn nội dung các bước tổ chức thực hiện một cách cụ thể, gắn với việc khảo sát, xây dựng kế hoạch, các cấp ủy tổ chức tập huấn về chức năng, nhiệm vụ các loại hình tổ chức cơ

sở đảng cho Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, chi ủy cơ sở, hướng dẫn xây dựng quy chế; tách 24 tổ chức cơ sở đảng (doanh nghiệp và sự nghiệp) trực thuộc Đảng ủy Liên cơ dân chính Đảng về huyện, thị. Tiến hành rà soát nhân sự cấp ủy và 503 tổ chức cơ sở Đảng mãn nhiệm kỳ. Đối với các sở, ban ngành trong tỉnh, huyện được củng cố sắp xếp lại theo hướng tinh giảm số lượng, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng và từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ, công nhân, viên chức. Từ năm 1993 đến năm 1995, củng cố 40 sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; củng cố toàn diện ngành công an, thành lập mới Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ, Bảo hiểm xã hội, Sở Địa chính, Phòng Kinh tế đối ngoại trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Cấp huyện, thị sáp nhập một số phòng, thành lập mới Ban Dân vận, Trung tâm Giáo dục chính trị (Trường Đảng cũ), Phòng Tư pháp, Phòng Địa chính, Phòng Thống kê, Bảo hiểm xã hội.

Trước khi có Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, qua nhiều đợt củng cố, các tổ chức cơ sở đảng có bước chuyển biến nhưng chưa đều, chất lượng hoạt động còn thấp, tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh chỉ chiếm 32,49%, khá chiếm 44,14%, trung bình và yếu kém chiếm 23,37%. Qua ba năm thực hiện, đến cuối năm 1995, tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh chiếm 51,04%, khá chiếm 34,30%, trung bình và yếu kém chiếm 14,66%.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, cuối năm 1992, các tổ chức cơ sở đảng tiến hành khảo sát đội ngũ đảng viên, kiểm điểm xử lý số đảng viên sai phạm, xem xét phân công giao nhiệm vụ phù hợp trình độ năng lực, điều kiện sức khỏe, hoàn cảnh. Số có sai phạm quy định thời gian sửa chữa, số có hoàn cảnh khó khăn tạo điều kiện giúp đỡ vốn, đất đai để làm kinh tế gia đình, cải thiện cuộc sống; số trình

độ, năng lực hạn chế đăng ký phấn đấu học tập. Các cấp ủy Đảng quan tâm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có bước tiến bộ. Đại hội các cấp của Mặt trận và các đoàn thể nhiệm kỳ 1991-1996 được tiến hành đúng theo quy định. Sau đại hội, bộ máy được sắp xếp tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng củng cố cơ sở. Mặt trận thực hiện tốt vai trò liên minh chính trị, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh", xóa mặc cảm, không thành kiến quá khứ, thu hút nhân tài, đã tập hợp, đoàn kết tốt các giai tầng xã hội, trí thức, Hoa kiều, đặc biệt là các tôn giáo. Nhiều phong trào hành động cách mạng của quần chúng thông qua phát động của đoàn thể đã tạo động lực mới thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương như: thi đua lao động sản xuất, làm kinh tế gia đình, nuôi dạy con, chuyển giao khoa học - kỹ thuật….

Từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994, Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng họp tại Hà Nội, khẳng định những thành tựu của đất nước: Khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội; tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị; quan hệ đối ngoại mở rộng. Những thành tựu này đã tạo tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hội nghị vạch ra bốn nguy cơ: tụt hậu xa hơn về kinh tế; chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và đề ra tám nhiệm vụ.

Trên cơ sở Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng, Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh (khóa V) trong ba ngày từ ngày 4 đến ngày 6-4-1994.

Hội nghị đã đánh giá những thành tựu đạt được từ năm 1991 đến năm 1993 và đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong hai năm 1994-1995 là đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế của tỉnh lên một bước mới theo hướng sản xuất hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước; đi đôi với củng cố các doanh nghiệp quốc doanh, đầu tư có trọng điểm cho công nghiệp chế biến và các dịch vụ khác. Phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh trong hai năm 1994-1995, đạt bình quân 8%/năm; nâng lên một bước về đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân. Thực hiện tốt chính sách xã hội; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ, củng cố lòng tin trong nhân dân đối với Đảng.

Đổi mới công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, thực hiện dân chủ, công bằng xã hội. Xây dựng nếp sống lành mạnh, có đạo đức, có tình nhân ái với mọi người; đấu tranh đẩy lùi lối sống thực dụng, mê tín dị đoan.

Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị cũng nêu những hạn chế, yếu kém, khó khăn cần được khắc phục; sản xuất phát triển, nhưng chưa vững chắc, hiệu quả thấp, hàng hóa nông sản chưa có thị trường tiêu thụ ổn định, giá cả thấp, kinh tế quốc doanh ổn định, vươn ra thị trường còn ít. Công nghệ, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, tiềm năng kinh tế và lao động chưa được khai thác đúng mức. Đời sống của những người sống bằng tiền lương, trợ cấp xã hội và một bộ phận nhân dân lao động, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn rất khó khăn.

Cơ cấu và thế mạnh kinh tế được xác định đúng, nhưng cơ cấu đầu tư, tiền vốn chưa nhiều để tạo sức bật mới. Hoạt động

thương mại - xuất nhập khẩu chưa có thị trường và hướng đi thích hợp. Khoa học - kỹ thuật, công nghệ sinh học chưa tạo ra chuyển biến mạnh về năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội có tiến bộ nhưng chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Tỷ lệ tăng dân số còn cao. Tiêu cực xã hội, lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội còn phát sinh chưa ngăn chặn được. Tệ quan liêu cửa quyền, vi phạm dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn khá nghiêm trọng.

Pháp luật kỷ cương chưa nghiêm, trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ có được nâng lên, nhưng trình độ và năng lực thực tiễn còn bị hẫng hụt trên nhiều lĩnh vực. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ chưa theo kịp yêu cầu. Phong cách, lề lối làm việc có cải tiến, nhưng chưa đi vào nền nếp.

Hội nghị đã bầu bổ sung hai đồng chí vào Ban Thường vụ, tám đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa V)[1].

Trong hai năm 1994-1995, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển.

Sản xuất nông nghiệp, mặc dù diện tích trồng lúa giảm, song nhờ tăng cường các biện pháp thủy lợi, khuyến nông, thâm canh, cải tạo giống,... đã đưa năng suất lúa bình quân từ 34,58 tạ/ha (năm 1994) lên 36,95 tạ/ha, sản lượng lúa năm 1995 đạt 353,833 tấn, bằng 101,09% kế hoạch và tăng 6,07% so với năm 1994. Cây dừa, diện tích ổn định 32.000ha, có 27.000ha cho trái. Diện tích mía tập trung trên 15.000ha,

1. Gồm các đồng chí: Lý Văn A (Lý Hùng Chiến) và Huỳnh Văn Cam (Lê Huỳnh) vào Ban Thường vụ; Nguyễn Văn Liệp (Tư Nhân), Phan Văn Mua (Song Vũ), Phan Minh Khôi, Phạm Trường Thiên, Nguyễn Văn Thưởng, Nguyễn Thái Xây (Hữu Tâm), Huỳnh Văn Be (Phương Hùng), Phạm Công Thuần (Quốc Thủy) vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V.

sản lượng đạt khoảng 900.000 tấn (năm 1995). Các vùng cây ăn quả bước đầu hình thành một số vùng tập trung chuyên canh. Diện tích tăng từ 16.500ha (năm 1994) lên 24.509ha (năm 1995), sản lượng 225.000tấn/năm, trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa.

Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản phát triển mạnh. Diện tích nuôi thủy sản đến năm 1995 đạt 24.730ha. Việc khai thác, đánh bắt thủy sản phát triển, ngư trường mở rộng theo mùa, năng lực đánh bắt tăng về số lượng tàu, thuyền.

Chăn nuôi chủ yếu là đàn heo và gia cầm tiếp tục phát triển, đưa giống mới để dần nạc hóa đàn heo. Giá trị sản phẩm chăn nuôi chiếm khoảng 23,8% trong giá trị sản xuất nông nghiệp và trở thành ngành tăng thu nhập khá ở nông thôn.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, nhiều vùng nông thôn đã phục hồi và phát huy các nghề truyền thống, phát triển thêm ngành nghề mới, hình thành các làng nghề như hoa kiểng, cây giống ở Cái Mơn (Chợ Lách), thủ công mỹ nghệ ở An Hiệp, Tân Thạch (Châu Thành), đan đát ở Phú Lễ, Phước Tuy (Ba Tri),... dựa trên cơ sở lao động và nguyên liệu tại chỗ, giải quyết nguồn lao động nông nhàn, đưa thu nhập tăng cao hơn.

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng bình quân hằng năm là 8,83%, các ngành dịch vụ phát triển khá, giá trị tăng bình quân 7,35%.

Kim ngạch xuất khẩu hằng năm đều tăng so với kế hoạch, năm 1995 là 24 triệu USD (kế hoạch là 23 triệu USD, đạt 104,3% kế hoạch, tăng 27,3% so cùng kỳ). Đầu tư nước ngoài (có ba dự án chế biến dừa và phụ phẩm dừa) được cấp giấy phép với tổng vốn đầu tư 5,3 triệu USD. Nguồn vốn hợp tác liên doanh với các ngành Trung ương và tỉnh bạn đạt trên

23 tỷ đồng, gồm các liên doanh may mặc xuất khẩu, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) năm 1995 tăng 7,81% so với năm 1994, bình quân đầu người từ 101,8USD năm 1991 tăng lên 187,8USD năm 1994.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trên lĩnh vực xây dựng cơ bản tăng. Kết quả đã hoàn thành nhiều công trình trọng điểm như Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, dãy phòng khám bệnh viện Trần Văn An, cầu Chợ Lách, công viên văn hóa, tượng đài Đồng Khởi. Mạng lưới điện, đường, trường, trạm được xây dựng và mở rộng ở các xã. Đến năm 1995, có 132/157 xã, phường có điện, 139/157 xã, phường có đường ô tô đến trung tâm xã, 157 xã, phường có điện thoại. Ngành giao thông đã nhựa hóa tỉnh lộ 885.

Các hợp tác xã được củng cố, tỉnh đã thành lập Liên minh các hợp tác xã tỉnh Bến Tre, củng cố phát triển được 24 hợp tác xã và 2 tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh.

Các hoạt động tuyên truyền, văn hóa - thông tin, báo chí có nhiều cố gắng phục vụ nhiệm vụ chính trị, tập trung tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống của dân tộc và của quê hương. Đài Phát thanh - Truyền hình Bến Tre được xây dựng. Ngày 2-9-1995, Đài Truyền hình Bến Tre phát chương trình truyền hình đầu tiên. Tỉnh đã xây dựng được 146/157 đài truyền thanh xã, phường. Báo *Đồng Khởi* (2 số/tuần), bản tin *Ngân hàng*, bản tin *Tư pháp* và 14 bản tin của huyện, thị được phát hành thường xuyên phục vụ nhân dân. Hội Văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu đã liên tiếp tổ chức nhiều đợt sáng tác các loại hình văn học, nghệ thuật để tham gia các cuộc thi trong khu vực và toàn quốc.

Công tác quản lý văn hóa, văn nghệ được tăng cường. Việc xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, nông thôn mới gắn với phong trào nhân dân tự quản ở xã, phường tiếp tục phát triển. Phong trào thể thao có nhiều tiến bộ, đạt nhiều kết quả trong các đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh và toàn quốc. Ngày 20-7-1994, Bộ Văn hóa - Thông tin ra Quyết định số 921-VH/QĐ, công nhận chùa Tuyên Linh, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày là Di tích Lịch sử.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến. Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch số 11-KH/TU của tỉnh về "Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo", cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII, đề ra nhiệm vụ chính là: Tập trung thực hiện chương trình quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ; đẩy mạnh mục tiêu đa dạng hóa các hình thức trường lớp và phương thức đào tạo, bảo đảm phù hợp với thực tế tình hình của địa phương. Tiếp tục đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên (giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, ngoại ngữ, mỹ thuật, chính trị), bảo đảm tốt về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn. Tiếp tục thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là khoa học giáo dục để phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục ở các ngành học, bậc học. Tiếp tục đầu tư hợp lý ngân sách nhà nước và với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để xây dựng cơ sở vật chất, nhất là hiện đại hóa trang thiết bị trường học.

Đầu tư cho giáo dục tăng từ 14,3 tỷ đồng (năm 1994) lên 58,6 tỷ đồng (năm 1995), chiếm 26,78% tổng chi ngân sách. Nhiều trường lớp kiên cố được xây dựng, khắc phục một bước tình trạng học ba ca. Đội ngũ giáo viên được củng cố, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, bắt đầu thực hiện

chuẩn hóa, đào tạo lại số "giáo viên cấp tốc" để đạt chuẩn. Trong 5 năm 1991-1995, đã đào tạo được 1.850 giáo viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành. Số học sinh tốt nghiệp các cấp học đều tăng, số học sinh giỏi vòng tỉnh, vòng toàn quốc tăng. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ phát triển mạnh. Cuối năm 1995, tỉnh Bến Tre đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ, 129/157 xã, phường, thị trấn và bốn huyện thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.

Tháng 4-1991, Tỉnh ủy tiếp nhận Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30-3-1991 của Bộ Chính trị *về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới*. Nhận thức tầm quan trọng của Nghị quyết số 26-NQ/TW, sau khi tiếp thu ở Trung ương, Tỉnh ủy tổ chức quán triệt cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt các ngành, các huyện, thị và chỉ đạo triển khai xuống cơ sở.

Nghị quyết số 26-NQ/TW đã tạo bước chuyển biến ban đầu về quan điểm, nhận thức của cán bộ lãnh đạo và cán bộ khoa học, kỹ thuật các cấp về ba chức năng cơ bản của khoa học và công nghệ: luận cứ khoa học cho chủ trương đổi mới công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất; nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; về các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể để phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới; về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Tỉnh đã tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học, kỹ thuật. Đẩy mạnh hoạt động, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống xã hội.

Tháng 1-1993, tỉnh Bến Tre tổ chức hội thảo khoa học các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long, hội thảo được đồng chí Nguyễn Khánh, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Đặng Hữu, Bộ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và lãnh đạo các tỉnh tham dự cùng với chín trường đại học, viện nghiên cứu. Hội thảo có các tham luận và giới thiệu các sản phẩm liên quan

đến các vấn đề nông nghiệp - nông thôn - nông dân, chế biến nông sản, nuôi tôm... Đây là tiền đề cho việc thông tin về tiến bộ khoa học, kỹ thuật; hợp tác liên doanh; đầu tư chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật giữa các tỉnh với nhau, giữa các tỉnh với các viện nghiên cứu, các trường đại học.

Quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh quan tâm đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ. Đầu tư vốn cho sự nghiệp khoa học - kỹ thuật càng tăng (năm 1990: 150 triệu đồng, năm 1991: 500 triệu đồng, năm 1993: 700 triệu đồng, Các xí nghiệp, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp chú trọng đổi mới trang thiết bị (như Xí nghiệp Thuốc lá). Các cơ quan, trường học, bệnh viện,... trang bị máy vi tính. Một số đề tài khoa học phục vụ cho phát triển nông - ngư nghiệp, công nghiệp. Đặc biệt là công tác khuyến nông, khuyến ngư được cải tiến mang lại hiệu quả thiết thực, có sức hấp dẫn nông dân.

Tuy nhiên, thực tiễn khi triển khai hoạt động khoa học và công nghệ còn nhiều tồn tại cần khắc phục: Việc đưa tiến bộ khoa học, chuyển giao công nghệ vào sản xuất nhất là lĩnh vực công nghệ chế biến còn chậm so với tiềm năng nguyên liệu của tỉnh; do các hạn chế về thông tin công nghệ và nghiên cứu tiếp xúc với thị trường; chưa đưa tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất những sản phẩm truyền thống của địa phương phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu, chậm nhân rộng các điển hình tốt. Khả năng đầu tư cho khoa học và công nghệ còn nhiều khó khăn nên chưa tạo môi trường thu hút được chất xám từ xa đến và chưa có điều kiện để đưa cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ, cũng như bố trí, sử dụng chưa hết số cử nhân tốt nghiệp đại học hiện còn dư thừa không có việc làm.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được quan tâm theo hướng xã hội hóa. Ngành y tế đã củng cố mạng lưới y tế cơ sở, bảo đảm 160 trạm y tế có đủ phương tiện và

khả năng thực hiện các chương trình y tế quốc gia, hướng dẫn nhân dân phòng bệnh, thực hiện vệ sinh môi trường và quản lý sức khỏe tại xã, phường. Tăng cường trang thiết bị, phương tiện chẩn đoán và điều trị hiện đại cho bệnh viện tỉnh và 8 trung tâm y tế huyện. 100% xã, phường có trạm xá; các trạm xá đều có y sĩ, 1/3 trạm có bác sĩ. Phòng chống dịch bệnh có nhiều tiến bộ, đã ngăn chặn, dập tắt các ổ dịch bệnh (sốt rét, sốt xuất huyết...).

Hằng năm, ngành y tế làm tốt việc ngăn ngừa các dịch bệnh nguy hiểm như sốt rét, sốt xuất huyết,...; tiêm chủng mở rộng ngừa 6 bệnh và thanh toán bại liệt trẻ em. Phối hợp với chuyên gia trong và ngoài nước mở nhiều đợt vá môi hở hàm ếch cho người già và trẻ em.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được các cấp chính quyền, đoàn thể quan tâm và phối hợp tổ chức tốt, góp phần giảm tỷ lệ phát triển dân số từ 2,42% (năm 1991) còn 2,02% (năm 1995).

Đặc biệt, sau hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII và Kế hoạch số 10/KH-TU của Tỉnh ủy về sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đến cuối năm 1995, công tác triển khai thực hiện các chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh đạt được nhiều kết quả đáng kể. Kết quả, đã khống chế không để các vụ dịch lớn xảy ra, số người mắc bệnh sốt rét giảm rõ rệt, từ 5.383 người (năm 1994) xuống còn 3.915 người (năm 1995). Đặc biệt trong hai năm từ 1994 đến 1995, không còn bệnh nhân chết do sốt rét, dịch tả được phát hiện và phòng chống có hiệu quả, không để lây lan, bệnh sốt xuất huyết tuy còn xảy ra nhưng đã hạ được tỷ lệ tử vong đáng kể (0,41%). Chương trình tiêm chủng mở rộng duy trì tỷ lệ trên 85% trẻ em trong độ tuổi, hạ thấp đáng kể số trẻ mắc sáu bệnh

nguy hiểm: bạch hầu từ 26 ca mắc năm 1993, còn hai ca mắc năm 1995; uốn ván từ 23 ca mắc năm 1993, còn tám ca mắc năm 1995; không có trẻ chết do uốn ván; ho gà chỉ còn bốn ca mắc năm 1995; đặc biệt là bại liệt chỉ còn bốn ca mắc năm 1995. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trong cộng đồng được triển khai đạt hiệu quả đáng kể. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống AIDS của tỉnh, xây dựng kế hoạch triển khai cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; mở nhiều đợt tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về mối nguy hiểm của căn bệnh thế kỷ. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em và kế hoạch hóa gia đình cũng được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Tại xã, các cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân chỉ đạo phối hợp tốt giữa ba đơn vị: y tế, dân số, bảo vệ chăm sóc trẻ em với các đoàn thể, các tổ chức xã hội làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

Thực hiện Nghị định số 299/1992/NĐ-HĐBT ngày 15-8-1992 của Hội đồng Bộ trưởng *ban hành Điều lệ bảo hiểm y tế,* Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện, quyết định thành lập Hội đồng quản trị bảo hiểm y tế để quản lý điều hành, chỉ đạo ngành y tế tổ chức cơ quan bảo hiểm y tế tỉnh và xây dựng mạng lưới bảo hiểm y tế đến các huyện, thị.

Thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết lao động và việc làm cho nhân dân, Tỉnh ủy đã chủ trương xây dựng ba vùng kinh tế mới trong tỉnh và một vùng ở ngoài tỉnh, tổ chức sản xuất và ổn định việc làm cho 770 hộ trong tỉnh và 2.700 hộ ngoài tỉnh. Triển khai chương trình "xóa đói, giảm nghèo", giúp vốn tạo việc làm, xây dựng đoàn kết tương trợ cho những hộ nghèo với nguồn vốn 10,5 tỷ đồng. Phong trào "đền ơn đáp nghĩa" đối với người có công ngày càng được mở rộng. Tiếp tục giải quyết các chính sách tồn đọng sau chiến tranh, về hồ sơ

thương binh, liệt sĩ, quy tập hài cốt liệt sĩ vào nghĩa trang. Xây mới 650 căn nhà tình nghĩa, xây dựng và sửa chữa 700 căn nhà tình thương cho gia đình thương binh, liệt sĩ, trao tặng bằng danh hiệu vẻ vang cho 1.500 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Quốc phòng và công tác quân sự địa phương luôn được bảo đảm. Các kế hoạch phòng thủ và diễn tập vận hành cơ chế được xây dựng và thực hiện xong trong năm 1994 từ tỉnh, huyện đến xã, phường. Phát triển lực lượng vũ trang địa phương có số lượng thích hợp, xây dựng dân quân tự vệ đạt 2,5% dân số (tăng 1,33%). Tổ chức tập huấn công tác quân sự địa phương cho hầu hết bí thư, chủ tịch xã, phường.

Công tác đấu tranh chống tham nhũng theo tinh thần Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 20-11-1992 của Bộ Chính trị *về việc tiếp tục ngăn chặn và bài trừ tệ nạn tham nhũng, buôn lậu* được tiếp tục thực hiện. Qua đó, đã phát hiện xử lý hình sự hơn 200 vụ và xử lý hành chính hàng trăm vụ khác gây thiệt hại tài sản của Nhà nước trị giá hơn 37 tỷ đồng, đã thu hồi lại cho ngân sách được 31%. Phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng kết hợp với quần chúng tại chỗ giải quyết các mâu thuẫn về tranh chấp đất đai, tín dụng. Mở các đợt truy quét tội phạm và các tệ nạn xã hội, triệt phá nhiều băng ổ trộm cướp, tiêm chích ma túy; đánh phá nhiều vụ trọng án.

Về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy đã triển khai trong toàn Đảng bộ việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII (tháng 6-1992) *về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng.* Qua bốn năm thực hiện, Đảng bộ tỉnh đã củng cố sự thống nhất, lòng tin của cán bộ, đảng viên vào đường lối đổi mới, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, là kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng bộ, nâng cao ý thức trách nhiệm của các

cấp ủy và cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng Đảng, khắc phục tình trạng xem nhẹ công tác đảng, buông lỏng chức năng lãnh đạo và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức đấu tranh bảo vệ đường lối của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Cùng với việc củng cố nhận thức chính trị, tư tưởng, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành củng cố tổ chức, đổi mới công tác cán bộ và đảng viên, xây dựng và củng cố 33 ban cán sự Đảng, 29 đảng đoàn trong các cơ quan chính quyền, các đoàn thể cấp tỉnh và các huyện, thị. Đảng bộ tỉnh thực hiện tốt hơn việc phân công, phân cấp quản lý và quy trình công tác cán bộ. Năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên được nâng lên. Số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh tăng từ 32,49% năm 1992 lên 51,04% năm 1994, loại khá 34,3%. Đảng viên loại 1 tăng từ 77,05% năm 1992 lên 91% năm 1994. Trong 5 năm đã phát triển được 3.043/5.000 đảng viên theo chỉ tiêu (trong đó có 617 nữ). Đồng thời, Đảng bộ tỉnh đã thi hành kỷ luật 1.710 đảng viên và đưa ra khỏi Đảng 729 người.

Thực hiện Nghị quyết số 8B-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) *về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân,* Kế hoạch số 17-KH/TU của Tỉnh ủy, đến năm 1995, công tác vận động quần chúng có chuyển biến, việc đổi mới công tác quần chúng có nhiều cố gắng và tiến bộ, có tác dụng nhất định trong việc nâng cao nhận thức, quan điểm cho cán bộ, đảng viên về công tác quần chúng trong tình hình mới, góp phần đấu tranh chống quan liêu, xa rời quần chúng. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành đã đem lại sự phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân. Tâm trạng lo âu, bất mãn, giảm lòng tin được đẩy lùi. Thái độ chính trị, trách nhiệm xã

hội trong nhân dân được nâng lên. Công tác quần chúng được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm. Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có nhiều phấn đấu, cố gắng chăm lo, bảo vệ lợi ích của quần chúng gắn với động viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị; mở rộng việc đoàn kết, tập hợp các tầng lớp xã hội trong sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước.

Tính đến cuối tháng 6-1995, các tổ chức, đoàn thể gồm: Đoàn Thanh niên có 380.000 đoàn viên; Hội Nông dân có 51.457 hội viên; Hội Phụ nữ có 61.852 hội viên; Hội Cựu chiến binh có 11.405 hội viên; Hội Chữ thập đỏ có 58.550 hội viên.

Tuy nhiên, công tác quần chúng cũng chưa được đổi mới một cách cơ bản và đồng bộ, sự chuyển biến về quan điểm nhận thức, công tác quần chúng chưa thật sâu sắc, phương pháp tiến hành công tác quần chúng còn nặng tính động viên nghĩa vụ hơn giải quyết chăm lo đời sống gắn với giải quyết nghĩa vụ, quyền lợi theo pháp luật. Thái độ phục vụ nhân dân của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng. Cơ chế chính sách và công tác điều hành ở các cấp chính quyền, nhất là ở cơ sở còn nhiều sơ hở, yếu kém, làm cho tâm trạng một bộ phận nhân dân còn băn khoăn, lo lắng. Sự phối hợp giữa tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể ở các cấp trong việc đổi mới chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc trong cuộc sống của nhân dân. Tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chưa có sự đổi mới cơ bản, vững chắc.

Bên cạnh những thành tựu, có những hạn chế: Nền kinh tế của tỉnh phát triển chưa vững chắc, một số mặt yếu kém chậm được khắc phục như công nghiệp chế biến còn yếu, thiết bị lạc hậu. Kết cấu hạ tầng dù có nhiều cố gắng để xây dựng, nhưng nhìn chung vẫn còn kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát

triển. Vốn đầu tư cho sản xuất và xây dựng còn thiếu. Đội ngũ cán bộ còn hụt hẫng, thiếu cán bộ giỏi, cán bộ đầu đàn trong quản lý kinh tế và sản xuất kinh doanh

III- LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VI

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VI họp từ ngày 3-5-1996 đến ngày 5-5-1996. Tham dự Đại hội có 348 đại biểu chính thức đại diện cho 518 tổ chức cơ sở đảng và trên 18.000 đảng viên trong tỉnh.

Đại hội đã thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến phong phú và thiết thực cho dự thảo Báo cáo chính trị được trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh, rút ra những mặt mạnh và những thiếu sót, tồn tại, đề ra mục tiêu tổng quát của tỉnh trong 5 năm 1996-2000: "Tiếp tục ổn định chính trị, tranh thủ khai thác thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà với bước đi vững chắc gắn chặt phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với khối lượng lớn, gắn kinh tế với giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, tạo tích lũy nội bộ, nâng mức sống của nhân dân, tăng cường củng cố vững mạnh hệ thống chính trị các cấp, chuẩn bị tích cực các tiền đề cần thiết cho giai đoạn phát triển cao hơn sau năm 2000"[1].

Đại hội đã tập trung bàn sâu vào các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, cơ cấu kinh tế, nguồn vốn đầu tư phát triển, giải quyết

1. Trích *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI của tỉnh Bến Tre*, tr. 45.

việc làm cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nhất là khâu tư tưởng, tổ chức cán bộ để chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và chính sách đãi ngộ cán bộ. Nghị quyết của Đại hội đã nêu ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2000, đưa nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 8 đến 8,5%, công nghiệp và xây dựng tăng 15%, nông nghiệp tăng 5%, dịch vụ tăng 11%, xuất khẩu tăng 15 đến 20%, GDP bình quân đầu người đến năm 2000 đạt 280 đến 300 USD/năm.

Về văn hóa - xã hội, phấn đấu làm chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực, nhằm phát huy vai trò con người với tư cách vừa là động lực vừa là mục tiêu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Các mặt về đời sống xã hội tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng; Nhà nước và các ngành hữu quan giữ vai trò nòng cốt, huy động cả cộng đồng cùng lo.

Củng cố quốc phòng và an ninh, nhất là trên biển và vùng trọng điểm, phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân. Bổ sung điều hành các kế hoạch phòng thủ, tổ chức diễn tập nâng cao khả năng phòng thủ, khả năng chỉ huy tác chiến của lực lượng vũ trang, không mơ hồ mất cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng quân sự, công an, bộ đội biên phòng chủ động đối phó với mọi âm mưu gây rối, bạo loạn, lật đổ và các loại tội phạm khác, giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội.

Về công tác quần chúng, tiếp tục quán triệt, thực hiện các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo về đổi mới công tác quần chúng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI). Gắn cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng với phát huy vai trò quần chúng trong xây dựng Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của các

cấp ủy Đảng đối với Mặt trận và các đoàn thể. Thực hiện cải cách một bước nền hành chính nhà nước: cải tiến tổ chức, sắp xếp lại bộ máy hành chính, xác định nội dung hoạt động theo hướng tinh gọn và hiệu quả công tác, nâng cao trách nhiệm đối với công việc. Cải cách thủ tục hành chính, trước hết là các lĩnh vực có yêu cầu cấp bách và liên quan nhiều nhất đến đời sống của nhân nhân. Chấn chỉnh thái độ, phong cách làm việc, tiếp xúc nhân dân của cán bộ, viên chức nhà nước.

Trong công tác xây dựng Đảng, về mặt chính trị tư tưởng phải xây dựng, củng cố nâng cao quan điểm lập trường giai cấp công nhân, kiên định tư tưởng vững vàng trước tác động của mọi thủ đoạn chiến lược "diễn biến hòa bình", mặt trái của cơ chế thị trường, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng, giữ vững sáu định hướng về công tác tư tưởng và giữ vững nguyên tắc kỷ cương trong Đảng. Trên cơ sở đó đấu tranh chống mọi biểu hiện của tư tưởng sai trái đối lập với Đảng, hữu khuynh cơ hội thực dụng, cá nhân, bảo thủ, cục bộ, tùy tiện, chia rẽ, bè cánh.

Về mặt tổ chức, phải tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng của các cấp ủy, ban cán sự Đảng, Đoàn đủ mạnh, phát huy tốt hiệu lực của hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng tổ chức đảng khắp các thành phần kinh tế, nhất là các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân, bảo đảm thực hiện vai trò lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng.

Công tác cán bộ phải khảo sát đánh giá lại đội ngũ cán bộ hiện có, mở rộng nguồn tuyển chọn và đào tạo cán bộ, xây dựng quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, thực hiện trẻ hóa và tiêu chuẩn hóa, nâng tỷ lệ nữ, đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, đủ sức

làm nòng cốt tổ chức thực hiện thắng lợi sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp ủy, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tính tổ chức kỷ luật, kỷ cương trong các tổ chức đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 47 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Văn Truyền làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Huỳnh Văn Cam (Lê Huỳnh) làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đại hội đã bầu 14 đồng chí đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã họp tại Hà Nội. Đại hội đã kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII; tổng kết 10 năm đổi mới; phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 170 ủy viên, đồng chí Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng), Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sau Đại hội, Đảng bộ tỉnh đã phát động nhiều đợt thi đua lập thành tích nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngày 5-12-1997, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 07-NQ/TU về "Tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn năm 2000, phát động phong trào "Đồng khởi mới", đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy lùi nghèo nàn và lạc hậu". Đây là một nghị quyết quan trọng, mang đặc điểm sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre, là sự cụ thể hóa đường lối đổi mới toàn diện của Đảng từ Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ tỉnh. Phong trào "Đồng khởi mới" do Tỉnh ủy phát động diễn ra trong bối cảnh mới với nhiều thuận lợi được tổng kết qua

mười năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Bên cạnh đó là những khó khăn, thách thức mới bởi tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chống phá cách mạng Việt Nam. Điều kiện của tỉnh bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở xuất phát điểm thấp, địa hình sông nước cản trở giao thông, ảnh hưởng đến giao thương hàng hóa, thu hút đầu tư; năng lực quản lý, điều hành xã hội của các cơ quan nhà nước còn nhiều bất cập, tư duy kinh tế chưa năng động và linh hoạt. Nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, nhìn thẳng vào sự thật và quyết tâm cao độ, Tỉnh ủy nêu rõ mục đích: phát động mạnh mẽ phong trào "Đồng khởi mới" trên mọi lĩnh vực, trọng tâm là tập trung nguồn lực vào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu; chăm lo đời sống nhân dân; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính quyền trong sạch, vững mạnh; củng cố quốc phòng - an ninh vững chắc.

Thực hiện Chỉ thị số 364-CT ngày 6-11-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng *về việc giải quyết những tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã* đã phân định ranh giới xã với xã, huyện với huyện và tỉnh với tỉnh, Bến Tre đã tổ chức giải quyết hoàn thành tốt việc phân định địa giới hành chính, tạo sự ổn định cho quản lý, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Ngày 10-11-1998, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW *về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn* bao gồm sáu mục tiêu và sáu chủ trương chính sách lớn. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động số 18-CTr/TU với 12 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu; Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 79/KH-UB với chín nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện.

Qua triển khai thực hiện, kinh tế nông nghiệp tỉnh nhà có nhiều chuyển biến tích cực.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ tỉnh, có một khó khăn: cơn bão số 5 (ngày 2-11-1997) làm hư hại một số tàu thuyền, phương tiện đánh bắt của ngư dân và gây ngập úng một số vùng trong tỉnh, ảnh hưởng đến một số vườn cây ăn trái. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực xảy ra ảnh hưởng đến sản xuất kinh tế. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đưa sản xuất kinh tế phát triển.

Sản xuất nông - lâm - nghiệp được tập trung đầu tư cao hơn, tăng trưởng bình quân 5,7%/năm. Tiềm năng, lợi thế được phát huy tốt hơn, đã hình thành các vùng sản xuất tập trung theo hướng chuyên canh, thâm canh, xen canh. Sản lượng lúa hằng năm đạt từ 330.000 đến 340.000 tấn. Cây dừa khá ổn định. Cây mía có sự chuyển đổi diện tích giữa các vùng, giảm ở vùng ngọt, tăng thêm một ít ở vùng lợ. Nông dân đã ứng dụng đưa vào sản xuất các giống mía mới có năng suất, trữ đường cao. Cây ăn trái tiếp tục tăng diện tích thông qua các dự án; cải tạo vườn tạp, giồng tạp, chuyển đổi đất lúa, đất mía ở vùng ngọt kém hiệu quả sang cây ăn trái, thâm canh đất giồng cát, rọc cát ở các huyện ven biển để trồng cây ăn trái. Ứng dụng kỹ thuật cho trái nghịch mùa, tăng tỷ lệ đậu trái, lai tạo, nhân giống cây trồng mới có chất lượng cao.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển. Đàn giống gia súc, gia cầm được cải tạo thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án nạc hóa đàn heo, chương trình khuyến nông, chương trình xóa đói, giảm nghèo... Chăn nuôi hộ gia đình tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, có một số mô hình nuôi bán công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, nhất là đối với heo, gà thả vườn, gà công nghiệp, vịt chăn thả theo mùa vụ.

Tháng 2-2000, Tỉnh ủy đã phát động Đảng bộ, quân và dân Bến Tre học tập bức thư của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu gửi Đảng bộ và nhân dân Bến Tre nhân 40 năm ngày Bến Tre Đồng khởi. Khí thế thi đua sôi nổi ấy đã góp phần làm cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

Đến năm 2000, sản lượng của một số cây trồng, vật nuôi đã vượt chỉ tiêu Nghị quyết như dừa trái đạt 119,4%, trái cây đạt 110%, gia cầm đạt 104,4%, đàn bò đạt 141%.

Xác định thủy sản là ngành kinh tế có nhiều tiềm năng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngày 24-8-1997, Tỉnh ủy xây dựng Chương trình số 10-CTr/TU về "Phát triển kinh tế thủy sản năm 1997 - 2000 - 2010", nhằm tăng cường đầu tư, thúc đẩy ngành thủy sản của tỉnh phát triển, đồng thời chỉ đạo các cấp ủy Đảng tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Cán sự Đảng Sở Thủy sản, kết hợp với các ngành có liên quan cụ thể hóa thành kế hoạch của tỉnh, của ngành, nhanh chóng đưa chương trình phát triển kinh tế thủy sản vào cuộc sống.

Ngành thủy sản tập trung đầu tư nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy hải sản như: dự án 1.000ha nuôi thủy sản ở Giao Thạnh (triển khai từ năm 1994), dự án 300ha nuôi tôm ở xã Tân Xuân - Bảo Thạnh (Ba Tri) (triển khai thực hiện năm 1996), xây dựng bốn dự án mới về nuôi thủy sản như dự án 530ha ở xã Thạnh Hải, 700ha ở xã An Nhơn, 5.079ha ở xã An Quy, An Thuận, An Thạnh, Mỹ Hưng, Bình Thạnh (Thạnh Phú) và dự án 500ha ở xã Thới Thuận (Bình Đại). Đến đầu năm 2000, toàn tỉnh có 27.860ha đất nuôi trồng thủy sản, sản lượng tôm, cá nuôi thu hoạch đạt 10.840 tấn. Mô hình thí điểm

nuôi tôm sú công nghiệp ở trại Cadet[1] (Bình Đại) đạt năng suất cao (9 tấn/ha) mở ra triển vọng mới trong nghề nuôi tôm sú. Nghề khai thác thủy sản đã giải quyết được 16.000 lao động có việc làm thường xuyên trong năm.

Ngành thủy sản đã xây dựng một cơ sở đóng, sửa chữa tàu thuyền với quy mô khá lớn, gồm bốn phân xưởng ở Ba Tri và Bình Đại. Cơ sở đóng tàu này được Bộ Thủy sản công nhận và đưa vào danh sách các cơ sở đóng tàu đánh bắt hải sản xa bờ quốc gia. Qua triển khai chương trình đánh bắt xa bờ và khắc phục hậu quả cơn bão số 5, những tàu đánh bắt xa bờ đóng mới tại tỉnh đều đạt yêu cầu về kỹ thuật. Tháng 5-1999, tỉnh đã khởi công xây dựng cảng cá Ba Tri tại xã An Thủy. Đây là cảng cá đầu tiên trong tỉnh nhằm đáp ứng những nhu cầu về hậu cần nghề cá. Bên cạnh đó, đã đầu tư lắp đặt thêm một phân xưởng cơ khí để gia công các phụ tùng cơ khí cho tàu; xây dựng hệ thống đường rầy kéo tàu bảo đảm an toàn cho tàu lên ụ sửa chữa và hạ thủy. Đây là thành công bước đầu trong việc khôi phục, phát triển nghề đóng, sửa chữa tàu thuyền của tỉnh; đồng thời, cũng là cơ hội để phát triển nhiều nghề dịch vụ hậu cần như: đan lưới, lắp ráp ngư cụ, chế tạo và lắp đặt cơ khí,... tạo điều kiện để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề khai thác thủy sản của tỉnh.

Đến đầu năm 2000, toàn tỉnh có 1.826 tàu (bình quân 58,35CV/tàu), số tàu có công suất từ 60CV/tàu trở lên chiếm 30% tổng số tàu thuyền trong tỉnh. Thực hiện chương trình đánh bắt xa bờ, nhiều hộ ngư dân xin vay vốn ưu đãi để đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt xa bờ. Để phục vụ cho việc đánh bắt, tỉnh đã kết hợp với trường Trung học Nghiệp vụ thủy sản II thuộc Bộ Thủy sản tổ chức nhiều lớp đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng cho các tàu hạng 5 có công suất lớn hơn 90CV.

1. Viết tắt từ tiếng Anh: Center of Aquaculture Development Education and Training (Trung tâm Trình diễn và đào tạo kỹ thuật nuôi trồng thủy sản), do EC (European Community - Cộng đồng châu Âu) đầu tư.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước chuyển biến, mở ra nhiều cơ sở kinh doanh mới (năm 1999, số cơ sở tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh tăng gần 300 đơn vị so với năm 1998). Có nhiều doanh nghiệp năng động, nhạy bén trong cơ chế thị trường, chủ động vươn lên cải tiến, đổi mới thiết bị, công nghệ, hạ giá thành sản phẩm và đạt hiệu quả kinh tế cao như: Cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Trường Ngân, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đông Á, Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt, Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình, Doanh nghiệp thức ăn gia súc Thành Hưng, Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phát, Doanh nghiệp tư nhân Vạn Lộc, Doanh nghiệp ép dầu dừa Lương Quới... Xây dựng, hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy đường An Hiệp có công suất 1.000 tấn mía cây/ngày (1998-1999), cùng với các cơ sở ngoài quốc doanh đã tiêu thụ, chế biến hầu hết lượng mía nguyên liệu của tỉnh. Các ngành công nghiệp chế biến bánh kẹo, cơ khí, đóng tàu,... có bước phát triển.

Làng nghề sản xuất chỉ xơ dừa được hình thành và phát triển ở các xã An Thạnh, Khánh Thạnh Tân (Mỏ Cày). Các sản phẩm từ chỉ xơ dừa như: se chỉ, kết thảm, dệt lưới,... tăng nhanh.

Giá trị sản xuất công nghiệp, năm 1998 là 817,3 tỷ đồng, đến năm 1999 tăng lên 849,41 tỷ đồng. Tuy có nhiều khó khăn về vốn, công nghệ, thị trường nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng bình quân 9,52%. Các sản phẩm có mức tăng khá như: bánh kẹo 47%, than thiêu kết 14,7%, chỉ xơ dừa 29,14%...

Các ngành dịch vụ, thương mại phát triển bình quân 7,13%/năm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân. Mức lưu chuyển hàng hóa tăng bình quân 7%. Thương mại quốc doanh vẫn nắm bán buôn và kinh doanh bán lẻ một số mặt hàng thiết yếu.

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 18-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) *về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 5 năm 1996-2000,* Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động số 09-CTr/TU, trong đó, Tỉnh ủy khẳng định: Nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại là nhằm đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh... Mục tiêu quan trọng đầu tiên là tạo ra cho được môi trường đầu tư tốt, thuận lợi, có sức hấp dẫn để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước, tạo ra động lực cho sự phát triển kinh tế chung; phát triển kinh tế đối ngoại gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn của tỉnh. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế hướng về xuất khẩu, mở rộng thị trường, thu hút và sử dụng các nguồn vốn như vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ và phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO), phát triển ngành du lịch.

Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đã được sắp xếp, củng cố và kiện toàn như: sáp nhập Công ty Dừa vào Công ty Xuất nhập khẩu; sáp nhập Công ty Đông lạnh thủy sản thị xã (84) vào Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu... Các doanh nghiệp nhà nước cải tiến công tác thu mua, chế biến, tạo nguồn hàng xuất khẩu, duy trì được số lượng, nhất là các mặt hàng từ dừa và thủy sản. Các doanh nghiệp thủy sản đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu và Công ty cổ phần thủy sản Bình Đại ký hợp đồng với hai công ty Hàn Quốc lắp đặt dây chuyền sản xuất chả cá; Nhà máy Đông lạnh 22 đổi mới công nghệ. Một số doanh nghiệp xuất nhập khẩu của tỉnh đã chú trọng đến việc mở rộng sản xuất, đầu tư tạo ra mặt hàng mới: Công ty sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Trúc Giang đầu

tư thiết bị sản xuất than sinh hoạt xuất khẩu và cơm dừa nạo sấy; Công ty Xuất nhập khẩu đầu tư thiết bị sản xuất cơm dừa nạo sấy và Nhà máy Lau bóng gạo xuất khẩu; Công ty Lương thực đầu tư hai dây chuyền lau bóng gạo, hai nhà máy xay xát và mở nhiều điểm thu mua lương thực xuất khẩu. Sự đầu tư đúng hướng đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Ngoài doanh nghiệp nhà nước, các thành phần kinh tế khác cũng tích cực tham gia hoạt động xuất khẩu thông qua trung gian các công ty trong và ngoài tỉnh. Huyện Châu Thành có hai làng nghề tại hai xã An Hiệp, Tân Thạch và 22 cơ sở tư nhân tham gia sản xuất xuất khẩu các mặt hàng như: chiếu cói, thảm xơ dừa, chỉ xơ dừa, than thiêu kết, nhãn sấy... Huyện Chợ Lách có nhiều hộ cá thể tham gia hoạt động xuất khẩu trái cây (nhãn sấy, nhãn tươi, chôm chôm, chuối già) và tôm càng xanh (các hộ này thu mua nông sản trong dân sau đó sơ chế, đóng thùng và chuyển cho thương lái ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội để xuất đi Trung Quốc, Xingapo, Hồng Kông...).

Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm (1996-2000) đạt 157 triệu USD (đạt 62,8% chỉ tiêu), tăng bình quân 7%/năm. Nhập khẩu đạt 106,46 triệu USD. Hợp tác đầu tư đã thu hút các nguồn tài trợ và đầu tư được 15,944 triệu USD, góp phần đáng kể cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ngày 24-5-1996, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ban hành Chỉ thị số 68-CT/TW *về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế.* Trong đó, Đảng ta tiếp tục khẳng định kinh tế hợp tác là yêu cầu và xu thế khách quan trong quá trình phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đề ra những công việc để các cấp ủy, tổ chức đảng trong cả nước tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác phù hợp

với đặc điểm từng ngành, lĩnh vực và địa bàn cụ thể, đạt hiệu quả thiết thực.

Ngày 12-12-1996, Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị triển khai Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư, Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 1092-KH/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh đến các huyện, thị; cán bộ chủ chốt các ban ngành, đoàn thể tiến hành triển khai và xây dựng kế hoạch thực hiện.

Từ đó, tiến hành củng cố các đơn vị kinh tế hợp tác đơn giản hiện có và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác mới. Cuối năm 1996, toàn tỉnh có 26 hợp tác xã kiểu cũ hoạt động trên các lĩnh vực (nông nghiệp: 5 hợp tác xã; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 2 hợp tác xã; giao thông vận tải: 9 hợp tác xã; thương mại - dịch vụ: 7 hợp tác xã; xây dựng: 1 hợp tác xã; quỹ tín dụng nhân dân: 2 hợp tác xã) với tổng số vốn là 2.708 triệu đồng, có 21.962 xã viên và 5.118 lao động. Đến cuối năm 1999, qua thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư, tiếp tục thực hiện chuyển đổi và đăng ký hoạt động của các hợp tác xã kiểu cũ theo Luật hợp tác xã năm 1996, tổng số hợp tác xã chuyển đổi là 23/26 đơn vị. Xây dựng thêm một số hợp tác xã mới, nâng tổng số hợp tác xã toàn tỉnh là 43 đơn vị trong các ngành và lĩnh vực kinh tế như: nông - ngư nghiệp: 14 đơn vị; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: 9 đơn vị; thương mại - dịch vụ: 18 đơn vị; quỹ tín dụng nhân dân: 2 đơn vị, thu hút 25.602 xã viên, giải quyết việc làm cho 8.230 lao động. Hầu hết các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tuy không cao, trong đó có 26 hợp tác xã hoạt động khá và trung bình.

Giá trị sản phẩm xã hội tăng bình quân 6,18%, cao hơn thời kỳ 1991-1995. Thu nhập bình quân đầu người khoảng 320USD, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng bộ tỉnh đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp

hóa, hiện đại hóa, tỷ trọng khu vực I từ 70,2% giảm còn 67,7%, khu vực II từ 11,41% tăng lên 12,73%, khu vực III từ 18,3% tăng lên 19,58%.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh còn chậm. Quy mô của nền kinh tế còn nhỏ, hiệu quả và khả năng cạnh tranh chưa cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chậm. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chế biến nông sản hàng hóa chậm phát triển.

Đầu tư phát triển và xây dựng cơ bản tăng khá trong thời kỳ từ năm 1996 đến 2000. Tổng số vốn đầu tư phát triển của tỉnh đạt 3.195,6 tỷ đồng so với chỉ tiêu 3.250 tỷ đồng (tính theo mặt bằng giá năm 1995). Tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển so với GDP tăng nhanh từ 9,16% năm 1995 lên 17,84% năm 2000.

Được sự chấp thuận của Trung ương, ngày 21-7-2000, tại xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã làm lễ khởi công xây dựng công trình cống đập Ba Lai, còn gọi là Dự án ngọt hóa Ba Lai.

Qua 5 năm, từ năm 1996 đến năm 2000, tỉnh đã hoàn thành nhiều công trình lớn như hệ thống thủy lợi Tân Hương - Quới Điền, Vàm Hồ, Giao Thạnh, Thạnh Phước, nâng cấp quốc lộ 60, quốc lộ 57, tỉnh lộ 888 và các bến phà; xây dựng cầu An Hóa, cầu Bến Tre II, phà cầu Ván và cảng cá Ba Tri; mở rộng bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, xây dựng bệnh viện y học cổ truyền Trần Văn An, xây dựng bệnh viện cù lao Minh...[1] Hệ thống điện, bưu chính viễn thông phát triển

1. Xây dựng Trường phổ thông trung học Nguyễn Đình Chiểu, trường Che Guevara (Mỏ Cày), Bình Đại, Lộc Thuận, Chợ Lách, Châu Thành A, Phú Hưng (thị xã Bến Tre)...

đều khắp các xã[1]. Nhiều cụm dân cư có trạm cấp nước, nhiều hộ gia đình có giếng khoan. Toàn tỉnh đã thực hiện cơ bản việc trải sỏi đỏ và xóa cầu khỉ trên đường liên xã và phần lớn đường liên ấp. Một số xã như Quới Sơn, Thuận Điền, Thạnh Phú Đông, Tiên Thủy,... đã trải nhựa trên đường giao thông. Nhiều tấm gương tiêu biểu của nhân dân tham gia xây dựng cầu đường, trường học như mẹ Lê Thị Đấu (xã Châu Bình - Giồng Trôm), bà Nguyễn Thị Nhơn (xã Thanh Tân - Mỏ Cày), bà Nguyễn Thị Hai (xã Lương Hòa - Giồng Trôm).

Quán triệt tinh thần và nội dung các nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng khóa VIII, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Đảng bộ tỉnh đã quan tâm đẩy mạnh các hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ và môi trường, văn hóa - nghệ thuật và thông tin. Tỉnh xây dựng Trung tâm Ngoại ngữ - tin học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, đào tạo đại học, trung học tại chức cho hàng ngàn cán bộ các ngành, đoàn thể. Các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp đã tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở trường lớp, mở rộng ngành, nghề đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Chỉ tính riêng năm học 1999-2000, tỉnh đã đầu tư trên 87 tỷ đồng để phát triển cơ sở vật chất, xây mới 273 phòng học và sửa chữa trên 500 phòng học khác. Năm học 1999-2000, Bến Tre có 176 trường tiểu học, 95 trường trung học cơ sở, 12 trường phổ thông cơ sở, 15 trường trung học cấp II-III, 16 trường trung học phổ thông. Có 89.429 học sinh trung học cơ sở; 30.461 học sinh trung học phổ thông. Bình quân cứ 100 người dân có 1 người đi học, đạt tỷ lệ 54,7 sinh viên trên 1 vạn dân.

1. Xây dựng hệ thống cáp quang ngầm từ thị xã Bến Tre đi Giồng Trôm, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại. Năm 1998, tỉnh đề nghị và được Chính phủ chấp thuận, chỉ đạo xây dựng hai dự án lớn: Cống đập Ba Lai và cầu Rạch Miễu.

Tỉnh cũng đã thành lập Hội Khuyến học, vận động các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh ủng hộ vật chất, tinh thần cho học sinh nghèo hiếu học, phối hợp cùng với chính quyền và các ngành ngăn chặn nạn thất học và bỏ học, khuyến khích và giúp đỡ học sinh, sinh viên hiếu học gặp hoàn cảnh khó khăn. Với sự nỗ lực phấn đấu chung, tháng 7-1997, Bến Tre được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ. Năm 1999, ngành giáo dục tỉnh Bến Tre được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất. Điều đáng phấn khởi là ý thức chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục đã thật sự được toàn xã hội quan tâm, nên phong trào xã hội hóa giáo dục được các đoàn thể, nhân dân tích cực hưởng ứng, đóng góp tiền của, công sức xây dựng trường lớp. Hoạt động khuyến học của các ngành, đoàn thể các cấp giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó ngày càng được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, mang lại hiệu quả thiết thực.

Để tiếp tục góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển, ngày 30-5-1998, Bộ Chính trị (khóa VIII) ra Chỉ thị số 34-CT/TW *về tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học.* Tiếp thu Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo khảo sát thực tế, đồng thời ban hành Thông tri số 28-TT/TU và tổ chức triển khai cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và chỉ đạo cho Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với ngành giáo dục - đào tạo củng cố, kiện toàn các tổ chức đoàn thể quần chúng trong các trường học. Các cấp ủy huyện, thị và cơ sở tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị, triển khai quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và giáo viên.

Qua triển khai thực hiện, các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể đều nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo và thống nhất khẳng định: "giáo dục - đào tạo cùng với khoa học là quốc sách hàng đầu". Tổ chức đảng, đoàn trong trường học từng bước được củng cố, kiện toàn. Công tác quản lý và giảng dạy ngày càng đạt hiệu quả hơn và giữ vững ổn định, chất lượng học tập cũng được nâng lên về mọi mặt. Vai trò lãnh đạo và uy tín của tổ chức Đảng ngày càng được khẳng định và nâng lên hơn trước. Nhận thức của quần chúng trong trường học về Đảng ngày càng đúng đắn hơn, có nhiều cán bộ, giáo viên, kể cả sinh viên phấn đấu rèn luyện để được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Xác định đúng vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khi tiếp nhận Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), Tỉnh ủy đã cụ thể hóa bằng Chương trình hành động số 08-CTr/TU về định hướng phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án "Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bến Tre giai đoạn 1998-2000 và đến năm 2010", nhằm cụ thể hóa chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII).

Sau khi quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) *về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000* và Chương trình hành động số 08-CTr/TU của Tỉnh ủy, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng, Ban Cán sự Đảng các sở, ban ngành, huyện, thị xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), triển khai sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tháng 11-2000, Tỉnh ủy tổng kết bốn năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Chương trình hành động

số 08 -CTr/TU cho thấy nghị quyết đã đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình và ứng dụng rộng rãi trong sản xuất có hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế của tỉnh chuyển biến rõ nét, tạo được niềm tin trong nhân dân. Nhận thức của các cấp về vai trò của khoa học và công nghệ được nâng lên. Đầu tư cho khoa học - công nghệ tăng. Các đề tài, dự án đã cung cấp luận cứ khoa học để xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh. Đồng thời, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đặc biệt là trong nông nghiệp, cải tạo giống, kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, góp phần phát triển nông nghiệp toàn diện, bảo vệ môi trường.

Đến năm 2000, tỉnh đã triển khai thực hiện hai dự án cấp Nhà nước, trên 20 đề tài, dự án cấp ngành. Các đề tài, dự án đã đưa ra các giải pháp về thủy lợi, cải tạo đất, tạo ra giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất. Số đề tài và dự án khoa học - công nghệ hằng năm đều tăng. Một số đề tài khoa học có kết quả tốt trong sản xuất và đời sống như sản xuất nhân giống lúa xuất khẩu, ứng dụng kỹ thuật thâm canh mới, bảo quản chế biến nông sản, nghiên cứu cải tiến công nghệ, đổi mới công nghệ, ứng dụng các phương tiện khai thác hiện đại, đánh bắt xa bờ, công nghệ bảo quản sản phẩm sau đánh bắt...

Ngành bưu điện tỉnh đã nhanh chóng hiện đại hóa hệ thống vô tuyến viễn thông, hòa mạng điện thoại trong và ngoài nước, số hóa toàn bộ mạng lưới viễn thông, xây dựng hệ thống điện thoại di động và nhắn tin, nối mạng internet, đáp ứng yêu cầu thông tin, phục vụ sản xuất, đời sống.

Một số ngành kinh tế, kỹ thuật như: ngân hàng, xây dựng, tài chính,... đã ứng dụng phần mềm vi tính để tính toán kết cấu, dự toán kinh phí, quản lý ngân sách, vốn. Ngành giáo dục - đào tạo đã đưa môn tin học vào các trường phổ thông.

Thực hiện dự án tin học hóa quản lý nhà nước, năm 1996, trang bị mạng vi tính cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, trang bị mạng vi tính cho Văn phòng Tỉnh ủy, trang bị từng bước cho các huyện, các ban Đảng, thực hiện từng bước tin học hóa quản lý nhà nước và lãnh đạo của Đảng.

Đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ của tỉnh được chú ý, quan tâm đào tạo theo quy hoạch, có cân nhắc sự đồng bộ, hợp lý và bố trí theo ngành nghề. Năm 2000, trong tổng số 16.098 cán bộ của tỉnh có 96 cán bộ có trình độ sau đại học, 5.875 cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, 7.700 cán bộ trung cấp. Đây là tiềm lực quan trọng cho việc phát triển khoa học - công nghệ cho những năm tiếp theo.

Tỉnh ủy đã chủ trương tăng cường đầu tư ngân sách cho hoạt động khoa học - công nghệ, năm 1996: 1,4 tỷ đồng; năm 1997: 1,8 tỷ đồng; năm 1998: 2 tỷ đồng; năm 1999: 2,1 tỷ đồng; năm 2000: 3,6 tỷ đồng. Ngành thủy sản đầu tư 1,5 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp ngành cho nghiên cứu, triển khai và hoạt động khuyến ngư. Một số huyện, thị hằng năm cân đối nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đầu tư từ 100 đến 150 triệu đồng cho các hoạt động nghiên cứu, triển khai các đề tài, dự án khoa học ở địa phương. Đặc biệt, nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn dùng nhiều nguồn vốn thực hiện các dự án đổi mới công nghệ và đã đầu tư trên 20 tỷ đồng (Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu, Xí nghiệp Thuốc lá, Bưu điện, Xí nghiệp Kẹo dừa Bến Tre...).

Để tạo cơ sở vật chất phục vụ cho việc nghiên cứu thực nghiệm, Tỉnh ủy đã cho chủ trương đầu tư xây dựng các trung tâm và trạm, trại nghiên cứu thực nghiệm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Đồng thời, hỗ trợ cho nhân dân áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất thông qua công tác dịch vụ chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ.

Tuy nhiên, các quan điểm cơ bản về khoa học, công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được quán triệt thật sự trong các ngành, các cấp và ngoài xã hội, dẫn đến nhiều lúng túng trong tổ chức thực hiện. Hiệu quả tác động của khoa học, công nghệ chưa cao, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Mạng lưới y tế được củng cố và nâng cao, tăng cường trang thiết bị hiện đại và đội ngũ y, bác sĩ. Tháng 8-1996, bệnh viện Trần Văn An hoàn thành, đưa vào phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân, với tổng kinh phí 7,420 tỷ đồng. Đến năm 1999, Bến Tre có 423 bác sĩ; bình quân 3,2 bác sĩ trên 10.000 dân. Toàn tỉnh có 178 cơ sở chữa bệnh với 1.895 giường, bình quân 13,5 giường trên 10.000 dân. Tuyến tỉnh có bệnh viện đa khoa Nguyễn Đình Chiểu 500 giường và bệnh viện y học cổ truyền Trần Văn An 120 giường.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) (1993-1998) *về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình,* Tỉnh ủy tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cho thấy các cấp ủy đều thể hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo; vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có nhiều chuyển biến tốt; cơ sở vật chất được đầu tư, sửa chữa nâng cấp; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của tỉnh giảm đáng kể, từ 2,35% (năm 1992) giảm còn 1,77% (năm 1998) và 1,22% (năm 2000). Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên giảm đáng kể, bình quân mỗi năm giảm hơn 4% (năm 1993, là 35%; năm 1997, còn 14%; năm 1998, giảm còn 10,5%). Năm 1998, toàn tỉnh có 7 xã, phường không có người sinh con thứ ba. Trong thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình nhiều nơi có mô hình tốt như Phú Khương (thị xã Bến Tre), An Thạnh (Mỏ Cày), Tân Thiềng (Chợ Lách), Thuận Điền (Giồng Trôm)...

Trong lĩnh vực xã hội, tuy còn nhiều khó khăn, nhưng các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quan tâm nhiều đến việc thực hiện chính sách xã hội. Hằng năm, đã giải quyết việc làm cho hơn 20.000 lao động. Trong 5 năm (1996-2000), đã đưa đi xây dựng vùng kinh tế mới trên 1.278 hộ. Số lao động được dạy nghề mỗi năm khoảng 9.000 người, tỷ lệ lao động được dạy nghề tăng 6,3 lên 12%. Số người thất nghiệp giảm còn 6,08%. Các cấp, các ngành, đoàn thể chăm lo thực hiện các chế độ chính sách đối với những gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, những người có công với cách mạng, nhận phụng dưỡng, xây cất nhà tình nghĩa cho Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Đến năm 2000, Bến Tre có 1.937 mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có 573 mẹ còn sống được các tổ chức phụng dưỡng thường xuyên, xây dựng được 1.334 căn nhà tình nghĩa, vận động tặng 1.144 sổ tiết kiệm cho những hộ chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Chương trình xóa đói, giảm nghèo trở thành phong trào thiết thực được các cấp chính quyền, đoàn thể, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Trong 5 năm, chương trình này đã huy động được 54 tỷ đồng vốn cho 140.000 lượt hộ nông dân vay làm ăn phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần giảm số hộ nghèo từ 24% (năm 1994) xuống còn 14% (năm 2000).

Tỉnh đã xây dựng và đầu tư nâng cấp làng trẻ "SOS"[1], nhà dưỡng lão, nhà nuôi dạy trẻ khuyết tật, tổ chức nhiều đoàn vá hàm ếch cho hàng ngàn trẻ em khuyết tật trong tỉnh Bến Tre, được giải thưởng châu Á Thái Bình Dương của Nhật Bản về hiệu quả sử dụng vốn viện trợ cho hoạt động này.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà*

1. Làng trẻ SOS Bến Tre gồm 12 "gia đình", nuôi dạy 120 trẻ, tọa lạc tại số 333A, đường Đoàn Hoàng Minh, phường 6, thị xã Bến Tre.

bản sắc dân tộc, Chương trình hành động số 16-CTr/TU của Tỉnh ủy sau bước triển khai nhanh vào giữa tháng 8-1998, từ giữa tháng 9 đến tháng 12-1998, các cấp ủy Đảng đều xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ và quần chúng nhân dân. Tỉnh ủy chọn ba xã đại diện cho ba vùng kinh tế của tỉnh là: Tân Thiềng (Chợ Lách), Bảo Thạnh (Ba Tri) và Hương Mỹ (Mỏ Cày) làm điểm chỉ đạo thực hiện.

Các huyện có phong trào tốt như: Mỏ Cày, Ba Tri, Châu Thành, Giồng Trôm. Thông qua cuộc vận động phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ngày càng thể hiện vai trò là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, góp phần cùng Đảng, chính quyền giải quyết kịp thời những bức xúc trong đời sống xã hội, tạo được lòng tin, thu hút ngày càng đông đảo quần chúng đến với tổ chức cách mạng. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 133 ấp văn hóa, 176.114 hộ được cấp giấy công nhận gia đình văn hóa.

Các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ cũng có bước khởi sắc mới, các nhóm ca khúc chính trị, đội nhóm của Trung tâm Văn hóa tỉnh và các huyện đều được tăng cường hoạt động biểu diễn ở vùng sâu. Các hội thi, hội diễn cũng được tổ chức thường xuyên, quy mô ngày càng rộng.

Các di tích lịch sử, văn hóa được xây dựng, trùng tu, sửa chữa, nâng cấp; về lễ hội văn hóa truyền thống nhiều nơi có chú trọng đổi mới nội dung giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc.

Song song với những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội, công tác xây dựng nền quốc phòng và bảo vệ an ninh trật tự đạt được nhiều thành tích. Công tác giáo dục quốc phòng được mở rộng trong hệ thống chính trị và ngoài nhân dân. Bộ đội thường trực và lực lượng dự bị động viên được củng cố, nâng cao

chất lượng, sẵn sàng chiến đấu. Để đề phòng địch xâm nhập vùng biển, Tỉnh ủy đã triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU về công tác biên phòng và xây dựng lực lượng bộ đội biên phòng. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể của ba huyện ven biển (Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú), bộ đội biên phòng đã lập kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế, có phương án bảo vệ địa bàn, xây dựng thế trận liên hoàn, bảo vệ, phòng chống các hoạt động phá hoại, gây bạo loạn.

Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo công tác chống chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Tỉnh ủy kịp thời triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới và có kế hoạch thực hiện các chỉ đạo của Trung ương về công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, thực hiện một số công việc cấp bách ở nông thôn, thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách trong hoạt động tư pháp... Nhất là tập trung lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh nông thôn đạt được kết quả đáng kể. Các cấp ủy Đảng tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật và tội phạm, khôi phục trật tự kỷ cương trong quản lý hành chính và hoạt động nội chính, chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, tài sản, đất đai, xây dựng cơ bản, xuất nhập khẩu. Đảng bộ tỉnh tập trung giải quyết khiếu kiện của dân, nhất là khiếu nại về đất đai có nguồn gốc từ cải tạo nông nghiệp.

Đảng bộ tỉnh rất coi trọng công tác xây dựng Đảng và củng cố chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Quan tâm lãnh đạo đổi mới công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI) và Chỉ thị số 69-CT/TW ngày 20-6-1996 của Ban Bí thư *về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung*

ương Đảng (khóa VI) về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân", Kế hoạch số 03-KH/TU của Tỉnh ủy. Chính sách đại đoàn kết dân tộc được quán triệt và tổ chức thực hiện tốt. Sự đoàn kết giữa các giai cấp, tầng lớp, thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo để chung lo sự nghiệp đổi mới ngày càng thiết thực hơn. Ý thức cộng đồng về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ công dân ngày càng được nâng lên. Mối quan hệ và niềm tin của dân đối với Đảng được củng cố. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể có nhiều cố gắng, tìm tòi đổi mới mô hình tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Nội dung hoạt động tiếp tục chuyển từ công tác chính trị là chủ yếu sang gắn chặt với lợi ích thiết thân của quần chúng có định hướng chính trị. Phương thức hoạt động linh hoạt, xuất phát từ nhu cầu, tâm tư, tình cảm, sở thích, nghề nghiệp của các đối tượng quần chúng; bệnh hình thức từng bước được khắc phục.

Tổ chức bộ máy chính quyền, đoàn thể được sắp xếp phù hợp hơn, đáp ứng yêu cầu thực tế ở từng huyện, thị và cơ sở. Các tổ chức quần chúng phát triển đa dạng, tập hợp những người có cùng sở thích, nghề nghiệp,... và đã tổ chức được nhiều phong trào thi đua yêu nước của quần chúng tham gia phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đổi mới nông thôn... Được sự tập trung lãnh đạo của Đảng, điều hành quản lý, đầu tư của chính quyền các cấp; sự hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, các phong trào có tính truyền thống như: đền ơn đáp nghĩa, tương thân, tương trợ, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình được duy trì, giữ vững và có bước phát triển mới về chất.

Tuy nhiên, trước đòi hỏi ngày càng cao của công tác vận động quần chúng, tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc

và các đoàn thể, sự đổi mới chưa tương xứng. Tính đa dạng các loại hình tập hợp quần chúng chậm mở rộng. Chậm tổng kết những mô hình tốt để nhân rộng trong toàn tỉnh. Tình trạng yếu kém ở cơ sở về cán bộ, về tổ chức cũng như công tác vận động quần chúng, việc bố trí đoàn viên, hội viên nắm quần chúng còn lỏng lẻo, chưa phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của quần chúng. Cách thức tiến hành vẫn còn nặng động viên nghĩa vụ hơn chăm lo đời sống gắn với giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với các đoàn thể, với chính quyền, các ngành còn lúng túng, bị động, thiếu cụ thể hóa ở cơ sở, nhất là giải quyết các chương trình kinh tế - xã hội. Hạn chế của phong trào quần chúng là thiếu sự định hướng của Nhà nước, chưa kết hợp và phát huy tốt vai trò nòng cốt, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trên các lĩnh vực. Ở một số nơi, phong trào mang tính tự phát, chịu sự tác động của cơ chế thị trường, phát triển thiếu vững chắc, thường hay biến động, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Các mô hình có được thì chưa thật sự trở thành nhân tố tích cực để nhân rộng, làm cho các phong trào chậm phát triển và thiếu sôi nổi.

Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) *về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở,* Tỉnh ủy đề ra Kế hoạch số 10-KH/TU và thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, cùng các thành viên của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các ban ngành có liên quan. Xác định điểm chỉ đạo của tỉnh ở ba xã Tân Thiềng (Chợ Lách), Hương Mỹ (Mỏ Cày), Bảo Thạnh (Ba Tri), phân công cụ thể các thành viên phụ trách chỉ đạo điểm, các huyện, thị; cụ thể hóa và hướng dẫn cho xã, phường thực hiện các nội dung chỉ đạo của Trung ương thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối

với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; xây dựng quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các thành viên; tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; xây dựng quy ước nông thôn; tổ chức và hoạt động của các tổ hòa giải; thực hiện dân chủ trong công tác quản lý tài chính, ngân sách. Quy định tạm thời về quyền tự quản của nhân dân trong ấp; nhiệm vụ, quyền hạn và lề lối làm việc của trưởng ấp.

Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt cấp tỉnh gồm có Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành, đoàn thể tỉnh, thường trực cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành có liên quan của huyện, thị và ba xã điểm nhằm quán triệt Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị, kế hoạch của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh; thảo luận thống nhất các văn bản hướng dẫn của tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo các huyện, thị triển khai như cấp tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo; chọn điểm chỉ đạo; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Phân công cán bộ tăng cường chỉ đạo xã, phường; triển khai và quán triệt tuyên truyền học tập rộng rãi ra quần chúng nhân dân.

Việc triển khai quán triệt trong nội bộ và học tập ra quần chúng nhân dân về Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, tập trung cho điểm, có kiểm tra, tổ chức rút kinh nghiệm. Phối hợp giữa các ngành chức năng trong hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở.

Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo điểm thực hiện bầu cử trưởng ấp và các tổ chức quần chúng ở ấp, rút kinh nghiệm và chỉ đạo bầu cử đồng loạt toàn tỉnh. Đến tháng 5-1999, toàn tỉnh đã bầu 871/871 trưởng ấp với hình thức đại diện hộ đi bầu đồng loạt trong huyện, thị. Củng cố và hình thành 871/871 ban công tác Mặt trận Tổ quốc ấp; tổ chức 158/158 ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn với 1.259 ủy viên thanh tra nhân dân. Nâng chất lượng hoạt động 10.084 tổ nhân dân tự quản.

Qua thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, năng lực quản lý, điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn từng bước được nâng lên. Cải tiến lề lối, phong cách làm việc; có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể gắn việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư".

Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng tiếp tục được tiến hành. Đảng bộ đã củng cố kiện toàn các Ban Cán sự Đảng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, nâng số tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh tăng từ 46,84% năm 1996 lên 62,32% năm 2000. Tỉnh ủy đã lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện chiến lược cán bộ, rà soát đánh giá, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Trong 5 năm (1996-2000), đã đào tạo được 6.926 cán bộ các loại; trong đó có 106 đồng chí có trình độ sau đại học; 2.704 đồng chí có trình độ đại học, cao đẳng, cao cấp; 4.296 đồng chí có trình độ trung học. Đồng thời, Tỉnh ủy đã điều chuyển, bố trí mới trên 300 cán bộ chủ chốt ở các ngành tỉnh, huyện.

Đội ngũ đảng viên được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Trong 5 năm (1996-2000), đã phát triển được 6.500 đảng viên, nâng số đảng viên toàn tỉnh lên trên 2 vạn người.

Các cấp ủy Đảng đã tăng cường công tác kiểm tra theo Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị *về tăng cường công tác kiểm tra Đảng,* nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp, các ngành trong cuộc vận động Xây dựng chỉnh đốn Đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Trong 5 năm đã tiến hành kiểm tra 4.518 lượt tổ chức và 49.015 lượt đảng viên chấp hành nghị quyết, qua đó, phát hiện 1.892 lượt đảng viên, 67 lượt tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm. Đã xử lý kỷ luật 1.433 đảng viên sai phạm, đưa ra khỏi Đảng 581 người, có 26 trường hợp xử lý bằng luật pháp của Nhà nước.

Những thành tựu đạt được là tiền đề quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

IV- ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH (2000-2015)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VII

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VII đã họp trong ba ngày (từ ngày 28 đến ngày 30-12-2000), có 349 đại biểu tham dự thay mặt cho trên 2 vạn đảng viên của Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã thảo luận, góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng và dự thảo các văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã đánh giá những thành tựu: kinh tế vẫn tiếp tục phát triển và tăng trưởng khá; cơ cấu có sự chuyển dịch dần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng nhanh hơn, toàn diện hơn; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vùng nâng mức sống lên khá. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết lao động, việc làm đạt kết quả đáng kể. Giáo dục phát triển toàn diện. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được triển khai đồng bộ, kịp thời đến tận các vùng nông thôn hẻo lánh. An ninh trật tự ổn định. Hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn.

Tuy nhiên, kinh tế có tăng trưởng nhưng còn chậm và chưa vững chắc; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP còn cao, công nghiệp, dịch vụ phát triển chậm và đạt tỷ trọng thấp; kết cấu hạ tầng chưa đủ mạnh, thiếu đồng bộ, chậm phát huy hiệu quả và chưa tạo điều kiện để phát huy lợi thế, tạo đột phá để phát triển kinh tế. Trên lĩnh vực xã hội:

công tác xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả chưa cao, chưa bền vững; lao động thất nghiệp và thiếu việc làm còn nhiều, các mặt giáo dục, y tế, văn hóa phát triển chưa đồng đều, còn có sự cách biệt giữa nông thôn và thị xã, thị trấn. Tệ quan liêu, tham nhũng còn nhiều, thực thi pháp luật chưa nghiêm, giải quyết khiếu kiện của dân chưa tốt.

Đại hội rút ra năm bài học kinh nghiệm từ thực tiễn:

1. Phải quan tâm đầy đủ, đúng mức đối với công tác chính trị tư tưởng.

2. Phát huy đúng mức tư tưởng cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, không ỷ lại, chờ đợi, nhưng phải biết tranh thủ, thu hút ngoại lực để tạo thêm sức mạnh cho quá trình phát triển.

3. Phải dựa vào dân, bằng sức mạnh của nhân dân để đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Phải chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ cho đúng với tầm quốc sách hàng đầu.

5. Phải kiên quyết đầu tư để xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa mạnh và đồng bộ, tập trung khắc phục sự hụt hẫng lớn về cán bộ ở cơ sở, đồng thời có chính sách để đào tạo cán bộ giỏi, sử dụng và trọng dụng nhân tài.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc ưu, khuyết điểm, Đại hội đã nêu lên phương hướng trong 5 năm 2001-2005: "Khai thác mọi nguồn lực, đẩy mạnh tốc độ phát triển nền kinh tế tỉnh nhà nhanh và bền vững hơn; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn gắn với đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng; nâng cao hiệu quả xóa đói, giảm nghèo, giải quyết lao động và việc làm, nâng cao

đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, hạn chế tiêu cực trong xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị khi bước vào giai đoạn phát triển mới".

Đại hội đã nêu ra các nhiệm vụ:

1. Tập trung đầu tư khai thác hai thế mạnh (kinh tế thủy hải sản và kinh tế vườn), tạo những bước đột phá mới thúc đẩy kinh tế phát triển; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến nông - thủy sản, làm hàng xuất khẩu, đồng thời khuyến khích phát triển các ngành nghề mới và sản phẩm mới.

2. Ưu tiên khuyến khích đổi mới thiết bị và công nghệ hiện đại.

3. Đẩy mạnh hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế đối ngoại, tài chính tín dụng.

4. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

5. Phát triển các thành phần kinh tế gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới, thực hiện các chính sách xã hội.

6. Tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo.

7. Đẩy mạnh công tác khoa học - công nghệ và môi trường; tăng cường các hoạt động y tế, kế hoạch hóa gia đình.

8. Đẩy mạnh hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao.

9. Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự.

10. Đổi mới công tác vận động quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân.

11. Xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

12. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VII) gồm 47 ủy viên (trong đó có 7 nữ), Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 13 đồng chí (trong đó có 1 nữ), đồng chí Trần Văn Truyền làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Trần Văn Cồn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Huỳnh Văn Be, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 13 đồng chí.

Tháng 4-2003, đồng chí Trần Văn Truyền được điều động về Trung ương, đồng chí Huỳnh Văn Be, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Cao Tấn Khổng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành đã bổ sung hai đồng chí vào Ban Thường vụ (đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hà và đồng chí Hồ Quốc Việt, ngày 3-3-2005), bốn đồng chí vào Ban Chấp hành (đồng chí Nguyễn Thị Cẩm Vân, ngày 31-12-2003, đồng chí Hà Thanh Hùng, ngày 5-4-2004, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu và đồng chí Lê Phong Hải, ngày 10-1-2005)

Từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội tổng kết 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội (1990-2000). Đại hội thông qua "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010". Đại hội xác định mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010): Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực

con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng - an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đồng chí Trần Văn Truyền, Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đường lối đúng đắn do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đề ra là cơ sở và định hướng để Đảng bộ tỉnh Bến Tre xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngày 4-7-2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 815/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai của một số hộ nông dân ở tỉnh Bến Tre. Quyết định số 815/QĐ-TTg quy định không giải quyết việc đòi lại đất cũ của các đối tượng bị điều chỉnh, chia cấp khi thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước qua các thời kỳ; chỉ điều chỉnh những trường hợp bất hợp lý; thu hồi đất của các chủ sử dụng trái pháp luật, đất giao cho các tổ chức, cơ quan sử dụng kém hiệu quả, không đúng mục đích để tạo quỹ đất hỗ trợ cho dân bảo đảm có đất sản xuất. Chính phủ hỗ trợ kinh phí để di dân, chuyển đổi nghề tại chỗ, đầu tư xây dựng cơ bản các công trình vùng kinh tế mới, chi hỗ trợ giải quyết đất đai theo phương án của tỉnh. Đây là cơ sở thuận lợi để tỉnh giải quyết tranh chấp đất đai, ổn định sản xuất của nhân dân.

Tuy nhiên, đến thời điểm này, Bến Tre vẫn còn nhiều khó khăn, là một tỉnh nghèo, thu nhập thấp so với một số tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Địa hình có nhiều sông rạch ngăn cách, giao thông cách trở, biệt lập so với các tỉnh, rất khó cho việc thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào địa phương sản xuất, kinh doanh. Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn ít, chủ yếu là vừa và nhỏ,

tỉnh chưa có khu công nghiệp. Kết cấu hạ tầng còn thấp kém, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tiềm năng kinh tế của tỉnh đa dạng, có ba vùng sinh thái: mặn, ngọt, lợ, nhưng chưa được đẩy mạnh khai thác; một số vùng bị nước mặn xâm nhập vào mùa nắng gây khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Do đó, việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng (điện, đường, giao thông, thủy lợi) là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của tỉnh.

Để phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, hạn chế, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ tỉnh nhằm đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, khai thác, phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, đưa Bến Tre ngày càng phát triển.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp Đảng bộ trong tỉnh, kịp thời đề ra các chỉ thị, nghị quyết và nhiều văn bản về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị.

Ngày 17-8-2001, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU *về phát triển nuôi thủy sản.* Sau khi đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân, Tỉnh ủy đề ra phương hướng phát triển nuôi thủy sản giai đoạn 2001-2005:

1. Đầu tư phát triển nuôi thủy sản trên cả ba vùng (mặn, ngọt, lợ), tập trung vào các loại có giá trị kinh tế cao.

2. Quy hoạch phát triển nuôi thủy sản phải kết hợp đồng bộ với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế khác và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, bảo đảm phát triển nuôi thủy sản theo hướng tăng trưởng nhanh và bền vững, kết hợp chặt chẽ với quốc phòng - an ninh.

3. Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, thông thoáng nhằm thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư nuôi thủy sản và các ngành dịch vụ có liên quan.

4. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế thủy sản.

5. Đẩy mạnh việc chuyển giao khoa học và công nghệ nuôi thủy sản.

6. Nâng cấp các nhà máy chế biến thủy sản theo hướng hiện đại.

Ngày 19-5-2003, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 08-CT/TU *về phát triển kinh tế trang trại.*

Nuôi thủy sản phát triển mạnh, quy mô đầu tư và cấp độ kỹ thuật được nâng lên. Năm 2003, diện tích nuôi thủy sản toàn tỉnh ước đạt 36.000ha, tăng 6,1% so với năm 2000, vượt 1.000ha so với Nghị quyết Đại hội đề ra. Trong đó, nổi bật nhất là nuôi tôm sú công nghiệp có năng suất, hiệu quả cao, đã thu hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư. Diện tích nuôi tôm sú công nghiệp, bán công nghiệp tăng nhanh, đến tháng 8-2003, toàn tỉnh có 2.322ha, tăng 8,5 lần so với năm 2000, trong đó, huyện Bình Đại đạt cao nhất với trên 1.500ha.

Nghề đánh bắt thủy hải sản tiếp tục phát triển, số tàu thuyền hoạt động xa bờ tăng nhanh. Sản lượng nuôi và đánh bắt thủy sản của tỉnh tăng bình quân 13,7%/năm, riêng năm 2003 đạt 150.000 tấn, bằng 75,3% mục tiêu đến năm 2005.

Về kinh tế vườn, phong trào cải tạo vườn tạp và cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển đổi theo hướng tăng nhanh lợi thế sinh thái. Cây ăn trái tăng nhanh cả diện tích và sản lượng, năm 2003, diện tích đạt 38.000ha, cao hơn mục tiêu Nghị quyết 2.000ha và tăng 17,4%, sản lượng 384.500 tấn, tăng 24,3% so

với năm 2000. Cây dừa giữ được diện tích khoảng 35.000ha, cây mía khoảng 12.500ha. Phong trào trồng xen, nuôi xen được người dân áp dụng rộng rãi.

Diện tích lúa giảm còn 47.000ha, giảm 7,4%, nhưng sản lượng tăng 9,7% so với năm 2000 và bằng 98% sản lượng Nghị quyết Đại hội đề ra.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, quy mô chăn nuôi gia đình được mở rộng, bước đầu hình thành trang trại. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 22,7% năm 2000 lên 26% năm 2002.

Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng bình quân 6,85%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (Nghị quyết đề ra là 5,5 - 6%), cao hơn 1,15% so với bình quân 5 năm trước. Hai thế mạnh kinh tế thủy sản và kinh tế vườn được tập trung chỉ đạo và khai thác có hiệu quả hơn. Thủy sản từng bước vươn lên thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tỷ trọng thủy sản trong khu vực I đã tăng từ 36,2% năm 2000 lên 37,5% năm 2002.

Sản xuất công nghiệp tăng bình quân 13,1%/năm, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra và cao hơn 3,58% so với bình quân 5 năm trước. Sản phẩm chế biến đa dạng, hàm lượng khoa học - công nghệ tăng lên. Các làng nghề được duy trì và phát triển, nhất là các ngành nghề sản xuất, chế biến. Thủy sản chế biến tăng bình quân 49,7%/năm, chỉ xơ dừa tăng 23,3%, bánh kẹo tăng 15,6%, than thiêu kết tăng 9,3%/năm; cơm dừa nạo sấy tăng từ 707 tấn năm 2000 lên 15.500 tấn năm 2003, than hoạt tính ước đạt 600 tấn vào năm 2003.

Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 10,3%, cao hơn 2,55% so với bình quân 5 năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 162,1 triệu USD, đạt 32,4% mục tiêu của 5 năm, trong đó, hàng thủy sản 47 triệu USD, bằng 29% tổng

kim ngạch xuất khẩu. Cơ cấu hàng xuất khẩu chuyển đổi tích cực, tỷ lệ hàng qua chế biến tăng từ 80,2% năm 2000 lên 90% năm 2003

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 8%/năm, cao hơn mức bình quân 5 năm trước (6,18%/năm), đạt xấp xỉ mục tiêu Nghị quyết đề ra. GDP bình quân đầu người tăng từ 281USD năm 2000 lên 367,9USD năm 2003, bằng 81,75% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2005. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng khu vực II và III trong GDP tăng lên, khu vực I giảm dần. Năm 2003, tỷ trọng khu vực I là 63,05% giảm 5,01%, khu vực II là 14,5% tăng 2,66% và khu vực III là 22,30% tăng 2,35% so với năm 2000.

Cơ cấu thành phần kinh tế có sự đổi mới, tỉnh thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, giải thể các đơn vị làm ăn thua lỗ. Kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân có chuyển biến, các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới được thành lập, nhiều cơ sở mới của tư nhân được thành lập. Kinh tế trang trại phát triển, đến tháng 10-2001, toàn tỉnh có từ 637 hộ, trong đó, có 627 hộ nuôi thủy sản

Ngày 21-1-2002, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 05-NQ/TU *về phát triển xuất khẩu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2001-2005.* Nghị quyết đề ra nhiệm vụ phát triển xuất khẩu trong 5 năm 2001-2005: (1) Tập trung khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực sẵn có, đồng thời đầu tư mạnh vào công nghiệp chế biến thủy sản, nông sản xuất khẩu, để tạo thêm hàng xuất khẩu; (2) Vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích và tạo mọi điều kiện để phát triển sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu; (3) Đổi mới và hiện đại hóa một bước quan trọng về công nghệ và quản lý ở các doanh nghiệp nhà nước chủ lực về sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu; (4) Nắm chắc nhu

cầu thị trường lao động các nước có quan hệ hợp tác kinh tế - xã hội với ta để tổ chức dịch vụ xuất khẩu lao động, góp phần tăng thu ngân sách; (5) Thực hiện tốt chính sách đào tạo và thu hút nhân tài về tỉnh để đủ sức thực hiện nhiệm vụ, đủ năng lực tham gia hội nhập kinh tế thế giới và khu vực.

Hoạt động tài chính ổn định, đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng kinh tế. Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong ba năm đạt 1.200 tỷ đồng, chiếm 6,12% GDP, vượt dự toán Trung ương giao và tăng bình quân 13,25%. Tổng chi ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 2.647,7 tỷ đồng, trong đó, chi xây dựng cơ bản chiếm 27,75% (Nghị quyết đề ra 34%). Hệ thống ngân hàng bước đầu đáp ứng nhu cầu vay vốn cho đầu tư phát triển và sản xuất - kinh doanh.

Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư. Ngày 21-1-2002, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 06-NQ/TU *về phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi và nước sạch trên địa bàn nông thôn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2001-2005.* Trong ba năm (2000-2002), tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn thực hiện 6.183 tỷ đồng, tăng hằng năm 32,4%, đạt 61,7% mục tiêu Nghị quyết đề ra trong 5 năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh, chiếm từ 31,2% GDP năm 2000 tăng lên 38,5% năm 2002. Các dự án được triển khai nhiều hơn như: bến phà Cổ Chiên, cống đập Ba Lai, cầu Rạch Miễu. Sáng 30-4-2002, tại xã An Khánh, huyện Châu Thành, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức lễ khởi công công trình cầu Rạch Miễu. Thủ tướng Phan Văn Khải đã đến dự và phát lệnh khởi công công trình. Chiều 30-4-2002, tỉnh tổ chức lễ khánh thành công trình cống đập Ba Lai (ngăn sông Ba Lai ở đoạn ở xã Thanh Trị (Bình Đại) và xã Tân Xuân (Ba Tri). Đây là công trình thủy lợi lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long khi đó. Theo thiết kế, cống Ba Lai có chiều rộng thông nước 84m, với 5 khoang, 10 cửa, hệ thống

cửa van tự động một chiều, cầu giao thông rộng 7m. Đập ngăn mặn dài 550m, rộng 10m, cao trình đỉnh đập +3,5m. Công trình vừa ngăn mặn, trữ ngọt, tạo nguồn nước ngọt tiêu úng, rửa phèn; đồng thời cải tạo 115.000ha đất tự nhiên, 88.500ha đất canh tác và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân các huyện Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri, Bình Đại và thị xã Bến Tre. Cống khi hoàn thành nối liền trục đường giao thông giữa hai huyện Bình Đại và Ba Tri, tạo thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân. Trong ngày khánh thành và liên tiếp nhiều ngày sau, đồng bào ở thị xã Bến Tre, các huyện trong tỉnh đến tham quan công trình cống đập Ba Lai.

Ngày 30-1-2002, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 07-NQ/TU *về đẩy mạnh phát triển đô thị thị xã Bến Tre.* Nghị quyết đề ra nhiệm vụ: (1) Đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế thị xã Bến Tre với tốc độ nhanh, vững chắc; (2) Phát triển đô thị theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững; (3) Có chính sách huy động sức mạnh của các thành phần kinh tế để hiện đại hóa, đô thị hóa; (4) Tăng cường giải pháp quản lý đô thị, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn; (5) Củng cố, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được toàn xã hội quan tâm đầu tư tốt hơn. Quy mô ngành học, bậc học tiếp tục phát triển. Có 39 xã, phường, thị trấn được công nhận hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Cơ sở vật chất được đầu tư kiên cố hóa, hiện đại hóa. Từ năm 2000 đến năm 2003, toàn tỉnh có thêm 124 trường được kiên cố hóa, trong đó, có 24 trường đạt chuẩn quốc gia.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được đẩy mạnh. Công tác xóa đói, giảm nghèo có chuyển biến tốt. Trong ba năm từ 2001-2003, tỉnh đã giải quyết và giới thiệu việc làm cho gần 74.000 lao động. Chế độ chính sách đối với người có

công được quan tâm. Trong ba năm 2001-2003, bằng nhiều nguồn vốn, tỉnh đã xây dựng 420 nhà tình nghĩa, 996 nhà tình thương.

Trong những năm 2000-2003, thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 22-9-1998 của Bộ Chính trị *về xuất khẩu lao động và chuyên gia* và Nghị định số 152/1999/NĐ-CP ngày 20-9-1999 của Chính phủ *quy định việc người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài,* Bến Tre có trên 200 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Để đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, ngày 19-5-2003, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 07-CT/TU *về công tác xuất khẩu lao động.* Thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TU, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan chức năng đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, tăng cường công tác đào tạo nghề, tư vấn cho những người tham gia xuất khẩu lao động.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục phát triển. Ngày 1-5-2002, xã An Hiệp - xã đầu tiên của tỉnh được đón nhận danh hiệu Xã văn hóa do Ban Chỉ đạo xây dựng đời sống văn hóa tỉnh trao tặng. Các xã trong tỉnh đều triển khai cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Công tác bảo tồn, bảo tàng được quan tâm, nhiều di tích lịch sử, văn hóa được xây dựng như: Khu mộ cụ Nguyễn Đình Chiểu (khánh thành ngày 1-7-2002), Đền thờ Nguyễn Thị Định (khánh thành ngày 20-12-2003).

Quốc phòng - an ninh được chú trọng. Ngày 20-9-2002, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU *về bảo đảm an ninh - quốc phòng trong tình hình mới.* Sau đó, ngày 31-3-2003, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 05-CT/TU thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20-1-2003 của Bộ Chính trị *về phương hướng, nhiệm vụ,*

giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng khu vực đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010 và Chỉ thị số 06-CT/TU của Tỉnh ủy *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.* Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, việc xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, diễn tập đều đạt kết quả tốt. An ninh trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Trong hai ngày 14 và 15-8-2003, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ, đánh giá tình hình sau gần ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ tỉnh, đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp trong hai năm còn lại của nhiệm kỳ.

Hội nghị giữa nhiệm kỳ đánh giá cao những kết quả đạt được, trong đó nổi bật bốn thành quả: (1) Nuôi tôm sú phát triển nhanh; (2) Công nghiệp chế biến dừa phát triển nhanh, giải quyết đầu ra cho các sản phẩm từ cây dừa, giữ ổn định diện tích vườn dừa của tỉnh, giải quyết việc làm cho người lao động; (3) Các nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển đạt kết quả khá cao; (4) Công tác giải quyết việc làm được tập trung cao.

Hai mục tiêu chủ yếu mà dự báo cuối nhiệm kỳ đạt thấp: (1) Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, đến cuối năm 2003, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chỉ chiếm 36,95% GDP; (2) Mục tiêu xuất khẩu của Nghị quyết cả nhiệm kỳ là 500 triệu, nhưng trong ba năm tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ mới đạt 162 triệu.

Hội nghị đề ra 10 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: (1) Tiếp tục chỉnh đốn Đảng, xem đây là nhiệm vụ then chốt của cấp ủy; (2) Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thường xuyên quan tâm đúng mức đến công tác vận động quần chúng để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của

Nhà nước; (3) Có chính sách để khai thác có hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động, tiền vốn để phát triển sản xuất kinh doanh; (4) Tiếp tục huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó hết sức chú ý khai thác nguồn vốn đầu tư của xã hội và thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn từ bên ngoài; (5) Phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, để người dân tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yên tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; (6) Triển khai các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng các cơ sở, nhà máy sản xuất, chế biến, kể cả gia công, sơ chế cho xuất khẩu; (7) Kịp thời vận dụng các chủ trương, chính sách mới của Trung ương và rà soát, bổ sung các chính sách trên địa bàn tỉnh sát thực tế, để khuyến khích được các doanh nghiệp đầu tư; (8) Tiếp tục đầu tư cho giáo dục - đào tạo đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả và độ đồng đều của hệ thống giáo dục - đào tạo toàn tỉnh; (9) Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; (10) Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng diện khoán biên chế gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Đảng bộ tỉnh chú trọng kiện toàn hệ thống chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế, hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, nghề nuôi tôm, cá phát triển ở cả ba vùng mặn, ngọt, lợ. Diện tích nuôi thủy sản từ 36.000ha (năm 2003), tăng lên 43.500ha. Mô hình nuôi tôm sú thâm canh, bán thâm canh đã thành công và được nhân rộng ở ba huyện ven biển, có 6.500ha (năm 2005). Đánh bắt thủy sản có 832 tàu đánh bắt xa bờ, chiếm 24% tổng số tàu thuyền đánh bắt trong tỉnh. Việc thâm canh, ứng dụng giống mới, cải tạo

vườn tạp, giồng tạp và trồng xen, nuôi xen trong kinh tế vườn được đẩy mạnh. Chăn nuôi, nhất là nuôi bò phát triển mạnh, quy mô chăn nuôi gia đình được mở rộng, bước đầu hình thành nhiều hộ chăn nuôi trang trại. Đến cuối năm 2005, tổng đàn bò của tỉnh đạt 124.306 con, tăng 1,84 lần năm 2000.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tiếp tục đầu tư đổi mới trang thiết bị đối với các nhà máy đã có trong tỉnh, đầu tư công nghệ tiên tiến một số nhà máy mới, cải tiến mẫu mã, tăng số lượng, chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa... Trong 5 năm, giá trị sản xuất tăng bình quân 15,2%/năm (vượt 3,2%). Cơm dừa nạo sấy đạt 45.420 tấn (vượt 132,9%). Thủy sản chế biến các loại đạt 44.980 tấn (vượt 29,8%).

Thương mại - dịch vụ phát triển. Mạng lưới chợ được đầu tư nâng cấp. Trong 5 năm 2001-2005, toàn tỉnh đã đầu tư xây mới và nâng cấp 51 chợ, trong đó, có một chợ trung tâm thị xã, 6 chợ thị trấn, 11 chợ tiểu vùng và 33 chợ nông thôn. Các dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, tín dụng, bảo hiểm,... phát triển khá. Du lịch phát triển khá, doanh thu tăng bình quân 20,40%/năm (vượt 0,4%), đã xây dựng và phát triển được nhiều điểm du lịch, nhất là du lịch sinh thái.

Kinh tế đối ngoại được quan tâm. Các chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài được tỉnh vận dụng phù hợp, thông thoáng và triển khai đạt hiệu quả bước đầu. Xuất khẩu tiếp tục tăng, tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm đạt 347 triệu USD, tăng bình quân 32% năm, gấp 2,23 lần so với nhiệm kỳ trước. Trong đó, các mặt hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu đạt 161 triệu USD, vượt 23% so với mục tiêu chương trình xuất khẩu của tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 44,85%/năm. Thị trường xuất khẩu mở rộng, đến năm 2005, xuất khẩu sang 55 nước.

Công tác xuất khẩu lao động được đẩy mạnh, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh khoảng 7%.

Các thành phần kinh tế phát huy tính chủ động trong sản xuất kinh doanh, ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại. Đến năm 2005, đã sắp xếp 12/25 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 7 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sau khi được sắp xếp, cổ phần hóa hầu hết đều tăng vốn đầu tư, mua sắm thêm máy móc, thiết bị để mở rộng hoạt động, sản xuất có hiệu quả hơn. Kinh tế tập thể được củng cố và phát triển, toàn tỉnh có 74 hợp tác xã, gần 14.000 tổ hợp tác, trong đó có nhiều tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, nhất là lĩnh vực nuôi tôm sú công nghiệp. Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, nhất là sau khi có Luật doanh nghiệp. Trong 5 năm 2001-2005, toàn tỉnh có 910 doanh nghiệp được thành lập với tổng số vốn đăng ký 831 tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với thời kỳ 1991-1999. Kinh tế cá thể tiếp tục phát triển, chủ yếu là giải quyết việc làm cho các hộ gia đình. Trong 5 năm 2001-2005, có 19.949 hộ kinh doanh cá thể được thành lập với tổng số vốn đăng ký 337,6 tỷ đồng. Kinh tế trang trại phát triển mạnh, toàn tỉnh có trên 3.300 hộ đạt tiêu chí trang trại tập trung vào các lĩnh vực: trồng cây ăn trái, sản xuất giống, hoa kiểng, nuôi thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm và kinh doanh tổng hợp.

Trong 5 năm 2001-2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng bình quân 9,38% (Nghị quyết Đại hội đề ra là 8%). Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng 6,86%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng 16,38%, dịch vụ tăng 13%/năm. GDP bình quân đầu người đạt 461USD. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đến cuối năm 2002, có ba dự án đầu tư hiệu quả: Công ty trách nhiệm hữu hạn Chế biến dừa, Công ty A.V. W và Công ty Chế biến dừa Phú Hưng.

Phong trào làm giao thông nông thôn theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" phát triển tốt. Tỉnh đã nhựa hóa và bêtông hóa 56,3% đường nông thôn, xây dựng 1.370 cây cầu, tổng kinh phí thực hiện 665 tỷ đồng, trong đó, nhân dân đóng góp 135 tỷ đồng và trên 1,57 triệu ngày công lao động. Nhiều địa phương đạt thành tích xuất sắc trong phong trào làm giao thông nông thôn được Trung ương, tỉnh khen thưởng. Tháng 1-2002, Bộ Giao thông vận tải khen thưởng hai xã: Lương Quới (Giồng Trôm), Tân Thiềng (huyện Chợ Lách) và huyện Châu Thành về thành tích làm giao thông nông thôn kèm theo vật liệu để xây dựng giao thông cho hai xã, mỗi xã 10 triệu đồng.

Tháng 11-2004, Hội nghị lần thứ 18 của Tỉnh ủy (khóa VII) sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy, quyết định phấn đấu đưa thị xã Bến Tre thành đô thị loại III vào năm 2007 (rút ngắn hai năm so với Nghị quyết đề ra) và đến năm 2010 là thành phố trực thuộc tỉnh.

Giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở hoàn thành sớm hơn dự kiến. Đến năm 2005, có 6/8 huyện, thị và 143 xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 4/8 huyện, thị và 140 xã, phường được công nhận hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp các cấp, đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, cấp tỉnh tăng (có 200 học sinh đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, tăng 28% so năm trước). Phần lớn các trường đều được xây dựng kiên cố và đạt chuẩn về diện tích. Trong 5 năm 2001-2005, toàn tỉnh phát triển thêm 118 trường, 3 trung tâm giáo dục thường xuyên, xây mới 2.462 phòng học với tổng số vốn đầu tư trên 432 tỷ đồng, tăng 2,63% so với 5 năm trước. Năm 2005, toàn tỉnh có 5 trường mầm non, 41 trường tiểu học,

5 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Chủ trương xã hội hóa giáo dục có chuyển biến khá tốt. Ngành giáo dục đã chuyển 13 trường mầm non công lập thành trường bán công, vận động ngoài ngân sách nhà nước trên 92 tỷ đồng để sửa chữa, xây dựng trường, sở; vận động 30 hộ gia đình hiến trên 21.000m^2 đất để xây dựng trường học.

Khoa học - công nghệ có tiến bộ. Nhiều đề tài, dự án phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được triển khai và ứng dụng vào sản xuất.

Công tác chăm sóc sức khỏe được quan tâm. Tỉnh đầu tư xây dựng mới bệnh viện khu vực cù lao Minh (khởi công năm 1997, hoàn thành tháng 8-2000), xây mới một số hạng mục bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, bệnh viện Trần Văn An và các trung tâm y tế huyện, trang bị mới một số trang thiết bị y tế hiện đại ở một số khoa cơ bản phục vụ khám và điều trị bệnh cho nhân dân ở tuyến tỉnh, liên doanh với Hồng Kông xây dựng nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP. Song song đó, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thầy thuốc, nhất là ở tuyến cơ sở được chú trọng. Đến năm 2005, có 100% xã có bác sĩ, 100% xã, phường có y sĩ sản, nhi hoặc nữ hộ sinh; 57,44% ấp có nhân viên y tế cộng đồng; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 23%.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ có tiến bộ, nội dung và hình thức được đổi mới. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển rộng, ngày càng phong phú, góp phần nâng cao dân trí và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ngày càng phát triển về chiều rộng và chiều sâu. Đến cuối năm 2005, có 13,5% số xã, phường và 73% số gia đình đạt chuẩn văn hóa.

Đời sống nhân dân được cải thiện, số hộ giàu, khá tăng lên, hộ nghèo giảm. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh năm 2005 là 3,6% theo tiêu chí cũ (theo tiêu chí mới là 20,02%).

Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 4-4-2003 *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới;* Chỉ thị *về việc đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời kỳ mới;* Chỉ thị *về việc đào tạo chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn 2004-2010.*

Quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ an ninh - quốc phòng. Công tác quốc phòng được đẩy mạnh. Việc triển khai đề án xây dựng xã vững mạnh toàn diện trong khu vực phòng thủ đã được nhiều địa phương thực hiện. Song song đó, công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng được triển khai thực hiện tốt. Hoạt động diễn tập của lực lượng vũ trang đạt kế hoạch của Quân khu. Xây dựng lực lượng dân quân đạt 2,57% dân số, có 8,3% là đảng viên.

Các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, chương trình hành động phòng chống ma túy của Chính phủ được tiếp tục chỉ đạo thực hiện. Phong trào "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc" gắn kết với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã phát huy tác dụng, chủ động ngăn ngừa, kịp thời phát hiện tội phạm làm trong sạch địa bàn. Các mô hình "Tiếng mõ an ninh", liên kết "tứ trụ" được sơ kết, nhân rộng.

Thực hiện Quyết định số 815/QĐ-TTg ngày 4-7-2001 của Thủ tướng Chính phủ, chính quyền, các đoàn thể trong tỉnh xem xét giải quyết các đơn thư khiếu nại của dân về đất của tập đoàn sản xuất. Đến năm 2005, toàn tỉnh giải quyết 6.046 đơn khiếu nại về đất từ tập đoàn sản xuất, đạt 97,17%.

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tiến hành thường xuyên. Cuộc sinh hoạt chính trị "Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" được triển khai sâu rộng trong hệ thống chính trị.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ngày càng tăng. Năm 2005, có 408 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, chiếm 74%, vượt 4% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng được tăng cường, thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Đội ngũ cán bộ từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt. Việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ được thực hiện tốt.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố kiện toàn.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VIII

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 6-12-2004 của Bộ Chính trị và *hướng dẫn của các Ban Đảng Trung ương về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;* Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre xây dựng Kế hoạch số 54-KH/TU, ngày 4-3-2005 về tổ chức đại hội đảng bộ ba cấp (cơ sở, huyện, thị và tỉnh). Đại hội cấp cơ sở hoàn thành vào tháng 8-2005, cấp trên cơ sở hoàn thành giữa tháng 10-2005. Tỉnh được Ban Bí thư chọn làm điểm tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ cấp tỉnh trong khu vực phía Nam, Đảng bộ tỉnh Bến Tre coi đây vừa là trách nhiệm vừa là vinh dự. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, trên cơ sở đã chủ động chỉ đạo đại hội đảng bộ cấp cơ

sở, cấp trên cơ sở hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đại hội hai cấp nghiêm túc.

Trước khi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Bến Tre vinh dự được đồng chí Nông Đức Mạnh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến thăm. Ngày 9-10-2005, đồng chí Nông Đức Mạnh đến thăm hỏi, động viên công nhân đang thi công công trình cầu Rạch Miễu (An Khánh), Công ty xuất khẩu lâm thủy sản Ba Lai (thị trấn Châu Thành). Sáng 10-10-2005, đồng chí Tổng Bí thư đã đến thăm xã Thạnh Phước - xã đầu tiên của tỉnh được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Chiều 10-10-2005, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh có buổi làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các đồng chí lão thành cách mạng hưu trí. Tổng Bí thư bày tỏ sự vui mừng khi thấy Bến Tre đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực, nhất là kinh tế. Đồng chí ân cần căn dặn, Bến Tre cần tập trung sức khai thác hết tiềm năng, thế mạnh sẵn có, phấn đấu đến năm 2010 đưa tỉnh thoát khỏi tình trạng là một tỉnh nghèo.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005-2010) được tổ chức tại Hội trường lớn từ ngày 8 đến ngày 11-11-2005. Lần này, tỉnh Bến Tre được chọn làm điểm để tiến hành đại hội đảng bộ cấp tỉnh. Đến dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng; các đồng chí đại diện lãnh đạo các Ban Đảng, các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh phía Nam được mời dự; các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí lãnh đạo qua các thời kỳ công tác tại Bến Tre và 299 đại biểu chính thức thay mặt cho 29.042 đảng viên ở 552 tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh về dự Đại hội. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII thông

qua Báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Đại hội đóng góp vào các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng và Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VII) trình tại Đại hội.

Đại hội đánh giá thành tựu: Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng và nhanh hơn. Các nguồn lực trong xã hội được khơi dậy, năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng tăng đáng kể, bộ mặt thành thị và nông thôn từng bước đổi mới. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả khá; các chính sách xã hội được thực hiện tốt hơn; đời sống nhân dân tiếp tục được nâng cao. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển; dân chủ ở cơ sở từng bước được phát huy. Hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn, đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Nguyên nhân thành tựu:

- Đảng bộ và nhân dân đã kế thừa và phát huy được những kinh nghiệm, thành tựu của các nhiệm kỳ trước tạo thế và lực mới; biết phát huy đúng mức, có hiệu quả các nguồn lực đã được đầu tư xây dựng.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo luôn coi trọng khai thác thời cơ thuận lợi, khơi dậy các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của địa phương; tập trung đúng các mũi đột phá về kinh tế thủy sản, kinh tế vườn, xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện tốt chính sách thu hút các nguồn lực và công tác cán bộ.

- Đảng bộ tỉnh giữ vững sự đoàn kết thống nhất, lãnh đạo thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhân dân

đồng thuận với chủ trương, chính sách đã ban hành; năng động ứng dụng khoa học trong sản xuất.

Bên cạnh đó có những hạn chế: kinh tế của tỉnh phát triển chưa thật bền vững, hiệu quả, sức cạnh tranh chưa cao. Cơ cấu kinh tế còn nặng về nông nghiệp; các nguồn lực chưa được khai thác triệt để; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; khả năng thu hút đầu tư còn hạn chế. Các hoạt động văn hóa - xã hội có tiến bộ nhưng chưa tương xứng yêu cầu; hoạt động của hệ thống chính trị còn hạn chế; sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, tổ chức mặt trận, đoàn thể và nhân dân trên một vài lĩnh vực chưa đồng bộ. Cuộc vận động "Xây dựng chỉnh đốn Đảng" còn một số mặt chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân hạn chế:

- Do địa lý không thuận lợi nên khó thu hút vốn đầu tư trong, ngoài nước; năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa bị hạn chế; nhất là đối với các mặt hàng sản xuất công nghiệp.

- Việc chuẩn bị các tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế tỉnh nhà còn chậm. Việc xác định các thế mạnh, các khâu đột phá về kinh tế - xã hội của Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ tỉnh là đúng, nhưng trong quá trình chỉ đạo, điều hành tập trung các đột phá chưa tương xứng, do thiếu nguồn lực; nguồn vốn còn rất hạn hẹp, nhân lực hạn chế.

- Cán bộ chủ trì ở một số ngành, lĩnh vực và cán bộ thực hiện ở các cấp còn hụt hẫng, cả về kiến thức và năng lực thực tiễn, chưa chủ động và chưa đủ sức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong một số cán bộ, đảng viên chưa nghiêm. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp, giữa cấp trên và cấp dưới có lĩnh vực chưa đồng bộ, kịp thời.

Từ thực tiễn lãnh đạo trong nhiệm kỳ 2001-2005, Đại hội đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm:

Một là, trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, việc vận dụng các chủ trương, chính sách phải phù hợp với thực tiễn; phải tạo được sự thống nhất cao trong nội bộ Đảng, sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân; khơi dậy mạnh mẽ các nguồn lực, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, chọn đúng các mũi đột phá, xây dựng các chương trình, dự án phù hợp; biết khai thác thời cơ thuận lợi, khắc phục những khó khăn, bất lợi để chỉ đạo thực hiện; phát huy mạnh mẽ các nguồn nội lực, tranh thủ thu hút có hiệu quả ngoại lực.

Ba là, trong chỉ đạo, điều hành phải bao quát, toàn diện, chọn đúng trọng tâm, trọng điểm, kiên trì thực hiện những mục tiêu đã đề ra; coi trọng việc xây dựng mô hình và nhân rộng mô hình tốt, nhằm khơi dậy các lợi thế, tiềm năng có hiệu quả, tạo sự chuyển biến nhanh nền kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Bốn là, trong lãnh đạo phải xem trọng vai trò cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì, đứng đầu tổ chức gắn với phát huy đầy đủ vai trò của tập thể. Đồng thời, cán bộ, đảng viên phải biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc, thông qua nhân dân để tạo ra các nguồn lực, đi đôi với quan tâm chăm lo những lợi ích thiết thực cho nhân dân.

Báo cáo chính trị đã đề ra mục tiêu cho nhiệm kỳ tới là: "... tập trung mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững. Tăng cường

và giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường đoàn kết thống nhất, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ ngang tầm với nhiệm vụ mới, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; phát huy mạnh mẽ truyền thống đồng khởi, tạo sự đoàn kết thống nhất và đồng thuận trong nhân dân, phấn đấu đến năm 2010 đưa Bến Tre thoát khỏi tỉnh nghèo, phát triển ngang bằng với các tỉnh trong khu vực và cả nước".

Đại hội đề ra năm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Tập trung phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; trong đó công nghiệp là khâu đột phá: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp; phát triển mạnh các ngành dịch vụ; phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả; tăng các nguồn thu, chi ngân sách tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển, tập trung mạnh hơn cho kết cấu hạ tầng; phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; phát triển mạnh và thực hiện nhất quán chính sách bình đẳng đối với các thành phần kinh tế.

2. Tiếp tục chăm lo phát triển văn hóa, xã hội; bảo đảm văn hóa phát triển đồng bộ và tương xứng với phát triển kinh tế: Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động khoa học - công nghệ, tăng cường bảo vệ và cải thiện môi trường. Tiếp tục nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển con người. Tập trung nâng cao chất lượng dân số và đời sống dân cư. Tăng cường đầu tư, phát triển toàn diện các hoạt động văn hóa. Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong các tầng lớp nhân dân.

3. Giữ vững an ninh - quốc phòng; bảo đảm môi trường chính trị - xã hội ổn định.

4. Tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác vận động quần chúng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

5. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Phát biểu ý kiến với Đại hội, đồng chí Phan Diễn, thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đánh giá cao những thành tựu mà Đảng bộ Bến Tre đạt được trong kháng chiến và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời, chỉ ra những hạn chế, thiếu sót cần khắc phục. Đồng chí phân tích sâu những thuận lợi và khó khăn, chỉ ra bốn vấn đề mà Đảng bộ tỉnh phải quan tâm:

Một là, cần tiếp tục chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi, gắn với việc từng bước quy hoạch lại các khu dân cư, các làng xã, thị trấn, vừa tính đến yêu cầu phát triển kinh tế, vừa tính đến yêu cầu tổ chức đời sống ở nông thôn ngày càng thuận lợi, văn minh hơn.

Hai là, đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức và nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ sản xuất tiến bộ trong nông nghiệp, thủy sản.

Ba là, quan tâm đẩy mạnh phát triển công nghiệp và du lịch phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của mình; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, phải tạo môi trường đầu tư tốt, để làm được điều này cần ra sức kêu gọi, thu hút, huy động nguồn lực của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và của nước ngoài vào xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, du lịch và các dịch vụ khác.

Bốn là, quan tâm làm tốt hơn nữa việc phát triển, nhất là nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí, đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề, chuẩn bị nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển mới; tiếp tục chăm lo và đổi mới công tác

cán bộ. Phải thực sự coi trọng công tác xây dựng Đảng vững mạnh, xem đây là nhiệm vụ then chốt, có vai trò quyết định để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Những ý kiến quý báu, phân tích sâu của đồng chí Phan Diễn được Đoàn Chủ tịch Đại hội tiếp thu và Đại hội thảo luận đưa vào phương hướng hành động của Đảng bộ trong thời gian tới.

Đại hội bầu 49 đồng chí (trong đó có 7 nữ) vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII (nhiệm kỳ 2005-2010), bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí (trong đó có 1 nữ), bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy 9 đồng chí; các chức danh chủ chốt: đồng chí Huỳnh Văn Be, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Trần Văn Cồn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Cao Tấn Khổng, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VIII là sự thể hiện đoàn kết, thống nhất, năng động với ý chí vươn lên của toàn Đảng bộ, thông qua Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lãnh đạo với quyết tâm xây dựng Bến Tre ngày thêm giàu mạnh, văn minh. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII với ý chí vươn lên tạo bứt phá mới tăng tốc phát triển để Bến Tre tiến nhanh, bền vững sánh vai với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng họp từ ngày 17-4-2006 đến ngày 25-4-2006, tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và 20 năm đổi mới. Đại hội xác định mục tiêu, phương hướng tổng quát 5 năm 2006-2010: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại"[1].

Tại Đại hội, đồng chí Huỳnh Văn Be, Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 8-2008, đồng chí Cao Tấn Khổng, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Trung ương điều về làm Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; đồng chí Nguyễn Thái Xây, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bầu bổ sung làm Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tháng 12-2009, Ban Bí thư đã điều động, luân chuyển đồng chí Nguyễn Thành Phong về Bến Tre giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Tháng 11-2009, đồng chí Hà Thanh Niên, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Bến Tre được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, thay đồng chí Trần Văn Cồn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy nghỉ hưu theo chế độ.

Để thay cho các đồng chí nghỉ hưu, hoặc chuyển công tác khác, nhằm bảo đảm số lượng và cơ cấu, trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã bầu bổ sung ba đồng chí vào Ban Thường vụ (đồng chí Võ Thành Hạo được bầu vào ngày 18-9-2008, đồng chí Nguyễn Quốc Bảo và đồng chí Lê Phong Hải được bầu vào ngày 19-4-2010) và năm đồng chí vào Ban Chấp hành (đồng chí Trương Duy Hải và đồng chí Trương Minh Nhựt được bầu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2006, tr. 23.

ngày 15-8-2008, đồng chí Lê Ngọc Bửu và đồng chí Nguyễn Tấn Đạt được bầu ngày 18-12-2008, đồng chí Lê Văn Gặp được bầu ngày 4-6-2009).

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Đảng bộ tỉnh (2005-2010), Đảng bộ và nhân dân Bến Tre phải đối phó với nhiều khó khăn. Tình hình kinh tế thế giới suy giảm, lạm phát tăng cao, giá cả nguyên liệu, nhiên liệu, hàng tiêu dùng thiết yếu tăng nhanh ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân. Ngày 5-12-2006, cơn bão số 9 ập vào tỉnh, gây nhiều thiệt hại về người, nhà cửa, ruộng vườn của nhân dân trong tỉnh. Với tinh thần không ngừng phấn đấu vươn lên vượt qua khó khăn, năng động, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đạt nhiều thành tựu quan trọng và khá toàn diện.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh đã tranh thủ sự hỗ trợ về kinh phí, vật chất của Trung ương, các tỉnh, các nhà hảo tâm, tổ chức cứu trợ tiền bạc, lương thực, thực phẩm giúp các gia đình bị thiệt hại do cơn bão gây ra. Các đơn vị trong lực lượng vũ trang giúp dân sửa chữa, cất lại nhà cửa. Đời sống nhân dân trong các vùng bị bão dần ổn định, tập trung lo khôi phục và phát triển sản xuất.

Nông nghiệp tiếp tục phát triển. Sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi tăng lên, góp phần tăng nhanh giá trị sản phẩm của ngành nông - lâm - thủy sản bình quân đạt 9,2%.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được quan tâm đầu tư. Ngày 12-4-2006, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU *về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2006-2010 và hướng đến năm 2020*. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường đầu tư vốn, tiến hành giải tỏa mặt bằng xây dựng khu công nghiệp

Giao Long[1], An Hiệp, khuyến khích phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, đổi mới trang thiết bị.

Thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất tăng bình quân hằng năm 16,1%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra (16%). Xuất khẩu đạt khá, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 46,1%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2008 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 17%, dịch vụ đạt 30,4% và nông - lâm - thủy sản đạt 52,6%. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ, đến cuối năm 2007, tỷ trọng lao động nông - lâm - thủy sản chiếm 71,14%, giảm 7,42%, công nghiệp - xây dựng chiếm 9,47%, tăng 2,32% và dịch vụ đạt 19,39%, tăng 5,1% so với năm 2005. Đời sống người dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người từ 7,36 triệu đồng năm 2005 tăng lên 12,26 triệu đồng năm 2008 (tương ứng 727USD) đạt 76,55% so với mục tiêu Nghị quyết đến năm 2010 (950USD).

Thu ngân sách trên địa bàn vượt dự toán Trung ương giao hằng năm, tổng thu ngân sách hai năm rưỡi là 1,767 tỷ đồng, đạt 43,4% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển.

Hệ thống giao thông thủy lợi, cấp nước sạch, trường, lớp học, trạm y tế không ngừng được nâng cấp. Hệ thống điện, bưu chính - viễn thông, cấp nước tiếp tục được đầu tư mở rộng. Kết cấu hạ tầng đô thị được chú trọng. Tiếp theo Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy Bến Tre (khóa VII) về đẩy mạnh phát triển đô thị thị xã Bến Tre giai đoạn 2002-2005 và định hướng 2010, ngày 20-9-2006, Tỉnh ủy (khóa VIII) ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU *về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh Bến Tre đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.* Giữa

1. Khu công nghiệp Giao Long được khởi công năm 2003, hoàn thành năm 2005.

năm 2007, thị xã Bến Tre đạt các tiêu chí đô thị loại III. Ngày 9-8-2007, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 1081/QĐ-BXD công nhận thị xã Bến Tre là đô thị loại III.

Ngày 12-4-2006, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 04-NQ/TU *về phát triển và nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2006-2010.* Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được củng cố, phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng. Nổi bật là huyện Châu Thành dẫn đầu cả tỉnh với số lượng đơn vị văn hóa ngày càng tăng và chất lượng ngày càng nâng lên. Ngày 14-11-2007, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 20-CT/TU *Về việc xây dựng huyện Châu Thành trở thành huyện văn hóa.*

Công tác đền ơn đáp nghĩa và việc chăm lo đời sống các đối tượng chính sách ngày càng nhận được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Ngày 14-1-2005, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 01-CT/TU *về tiếp tục xây dựng nhà bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ và chăm lo nhà ở cho các gia đình chính sách.* Các xã, phường vận động nhân dân, các cơ quan, đơn vị, các nhà tài trợ đóng góp kinh phí xây dựng đền thờ liệt sĩ (mỗi xã có một đền thờ liệt sĩ, từ 2 đến 3 phường có một đền thờ liệt sĩ liên phường).

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã giải quyết cơ bản khiếu kiện đất đai.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo được chú trọng. Ngày 22-9-2006, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 06-NQ/TU *về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2006-2015.*

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, công nghiệp đạt thấp, chưa tạo được sự đột phá từ

công nghiệp theo mục tiêu Nghị quyết đề ra. Thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế. Thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, dạy nghề,... chưa đạt yêu cầu. Đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu lao động tại các khu công nghiệp. Cơ sở vật chất y tế xã còn kém, chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" chưa tương xứng với danh hiệu được công nhận. Xử lý ô nhiễm môi trường nhiều nơi chưa tốt. Đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. An ninh nông thôn chưa bảo đảm; giải quyết khiếu kiện đất đai chưa dứt điểm.

Để triển khai phong trào thi đua yêu nước, ngày 3-6-2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 27-CT/TU *về phát động phong trào thi đua "Đồng khởi mới" đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy lùi nghèo nàn lạc hậu và tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 2010.* Phát động cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh nhà như: thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thi đua lao động sáng tạo; xây dựng giao thông nông thôn; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thi đua dạy tốt, học tốt; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; đền ơn đáp nghĩa; phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà; phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; thi đua quyết thắng; Công an nhân dân thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy; Cựu chiến binh gương mẫu; cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam... Các phong trào thi đua đã phát triển mạnh mẽ cả bề rộng, lẫn chiều sâu, góp phần quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

Trong hai ngày 29 và 30-9-2008, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần

thứ VIII của Đảng bộ tỉnh (2005-2010). Hội nghị kiểm điểm đánh giá tình hình sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết, đề ra nhiệm vụ từ năm 2008 đến cuối nhiệm kỳ:

1. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về đất đai, lao động, vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tiếp tục nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp, tạo bước đột phá từ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và tăng nhanh dịch vụ để thúc đẩy chuyển dịch rõ nét cơ cấu kinh tế. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm còn lại đạt mức tăng bình quân của Nghị quyết Đại hội.

2. Tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi để thu hút có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa.

4. Lãnh đạo tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Tập trung xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh về tư tưởng chính trị, tổ chức và kiểm tra, xem đây là nhiệm vụ then chốt của các cấp ủy.

6. Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước theo hướng chủ động, sáng tạo, gần dân, sát cơ sở và có trọng điểm, trọng tâm.

7. Nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Sau Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khóa VIII), Đảng bộ và nhân dân Bến Tre nỗ lực hoàn thành tốt Nghị quyết Hội nghị, đưa kinh tế - xã hội của địa phương phát triển nhanh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi được tập trung đầu tư. Trong 5 năm 2006-2010, đã huy động trên 38.900 tỷ đồng vốn đầu tư toàn xã hội để phát triển kết cấu hạ tầng, bằng 49,10% GDP, tăng gấp 2,66 lần so 5 năm trước. Tỉnh đã ban hành một số cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn cho đầu tư phát triển. Nhiều công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng, trong đó, phải kể đến hai cây cầu lịch sử: cầu Rạch Miễu và cầu Hàm Luông[1]. Nhân dân Bến Tre hân hoan đón mừng việc hoàn thành xây dựng cầu Rạch Miễu như một sự kiện quan trọng của tỉnh. Từ đây, Bến Tre không còn ở thế biệt lập với các tỉnh Nam Bộ, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ngày 24-4-2010, tỉnh khánh thành cầu Hàm Luông là một trong những công trình chào mừng kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, kỷ niệm 35 năm ngày Giải phóng miền Nam và thi công cầu Cổ Chiên (nối với Trà Vinh). Ngày 18-9-2000, Hội Khoa học - kỹ thuật cầu đường của tỉnh khánh thành cầu nông thôn thứ 1.000 tại xã Thạnh Phong, do hội vận động

1. Cầu Rạch Miễu nằm trên đoạn sông Tiền, bờ bắc là phường 6 (thành phố Mỹ Tho), bờ nam là xã An Khánh (huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Cầu được Thủ tướng Phan Văn Khải phát lệnh khởi công vào sáng 30-4-2002. Lúc đầu, do Công ty CIENCO 5 và CIENCO 6 thi công, sau đó, có thêm Công ty CIENCO 1 cùng tham gia thi công. Phương thức đầu tư BOT. Lúc đầu, do khó khăn về tài chính, sau lễ khởi công (30-4-2002) phải dừng lại, cuối năm 2003 thi công trở lại, đến cuối năm 2008 hoàn thành và được Bộ Giao thông vận tải, chính quyền hai tỉnh Tiền Giang, Bến Tre khánh thành vào ngày 19-1-2009 nhân dịp kỷ niệm 49 năm ngày Bến Tre đồng khởi. Công trình cầu Rạch Miễu gồm 2 cầu chính: cầu chính số 1 có chiều dài 1.867m, trong đó, phần cầu chính dây văng dài 890m, phần cầu dẫn dài 1.277m, cầu chính số 2 dài 990m và một số công trình phụ như cầu Ba Lai. Cầu Rạch Miễu là cầu dây văng đầu tiên do Việt Nam tự đầu tư, thiết kế và tổng thầu là các công ty Việt Nam. Đây cũng là chiếc cầu dài nhất nước thời điểm đó.

các nguồn tài trợ. Các công trình trên đã phá thế biệt lập của mảnh đất ba dải cù lao, góp phần thúc đẩy Bến Tre tăng tốc vươn lên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước. Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, hàng loạt công trình kiến thiết đô thị, hạ tầng nông thôn được đầu tư xây dựng. Hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn của Bến Tre được xây dựng khá đồng bộ, xe ô tô đến trung tâm các xã. Hệ thống điện, cấp nước sinh hoạt, bưu chính viễn thông, vận tải hàng hóa, hành khách được đầu tư phát triển cả về quy mô và chất lượng phục vụ. Kết cấu hạ tầng phát triển đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển theo.

Nông nghiệp tăng trưởng nhanh và khá toàn diện. Hai thế mạnh kinh tế thủy sản và kinh tế vườn tiếp tục thể hiện là kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng khai thác tốt lợi thế của từng vùng sinh thái, chú trọng đến chất lượng, hiệu quả, bước đầu hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng khá cao, bình quân đạt 7,70%.

Chăn nuôi phát triển về quy mô và chất lượng, chiếm tỷ trọng 30,17% trong nông nghiệp, tăng 0,72% so nhiệm kỳ trước.

Thủy sản tiếp tục phát triển mạnh, nhiều mô hình nuôi thủy sản có hiệu quả được ứng dụng. Sản lượng nuôi thủy sản tăng bình quân 18,99%/năm, riêng năm 2010 sản lượng tăng gấp đôi so với năm 2005. Hoạt động khai thác thủy sản tiếp tục phát triển theo chiều sâu, số tàu thuyền khai thác xa bờ tăng gấp đôi so đầu nhiệm kỳ.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển khá, giá trị sản xuất tăng bình quân 14,18%/năm. Sau khi hai khu công nghiệp Giao Long, An Hiệp được tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, một số nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào

hoạt động. Một số nhà máy, xí nghiệp đi vào sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm mới có giá trị, phục vụ xuất khẩu, nhất là các sản phẩm có lợi thế về nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ như: các sản phẩm từ dừa, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, hàng may mặc... góp phần tạo việc làm cho lao động trong tỉnh. Công tác khuyến công, hỗ trợ phát triển các làng nghề tiếp tục thực hiện; nhiều sản phẩm truyền thống được đa dạng hóa, nâng cao chất lượng và tham gia xuất khẩu. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 23 làng nghề, trong đó, đã công nhận 17 làng nghề truyền thống và làng nghề tiểu thủ công nghiệp với trên 2.200 hộ tham gia sản xuất, giải quyết việc làm cho trên 11.000 lao động.

Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển về quy mô lẫn ngành nghề. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế tăng khá nhanh (tăng 10,11%); giá trị sản xuất tăng bình quân hằng năm 15,98%, vượt 2,98% so 5 năm 2001-2005. Bằng nhiều nguồn vốn, tỉnh đã xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 55 chợ truyền thống, 3 siêu thị, 2 chợ đầu mối bán buôn, với tổng vốn đầu tư khoảng 125 tỷ đồng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

Du lịch phát triển khá, nhất là sau khi cầu Rạch Miễu, cầu Hàm Luông đưa vào sử dụng. Doanh thu từ du lịch tăng bình quân 24%/năm, khách tham quan du lịch tăng bình quân 11,52%/năm.

Thu ngân sách hằng năm tăng bình quân 10,5%.

Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng nhanh, đạt 862 triệu USD, tăng bình quân 17,7%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 219 triệu USD, tăng bình quân 15,46%/năm.

Với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân, tỉnh đã thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết Đại hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân

ước đạt 9,42%/năm, tăng 0,33% so bình quân 5 năm trước; GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 866USD (tương đương 16,55 triệu đồng), tăng 75,6% so năm 2005.

Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Tỷ lệ lao động khu vực I từ 78,56% năm 2005 giảm còn 55,64%; khu vực II từ 7,48% tăng lên 18,23% và khu vực III từ 13,96% tăng lên 26,13% năm 2010.

Cơ cấu thành phần kinh tế chuyển dịch ngày càng phù hợp với cơ chế thị trường. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước trong GDP từ 21,11% năm 2005 giảm còn 18,75% năm. Hầu hết doanh nghiệp nhà nước sau khi sắp xếp lại và cổ phần hóa đều hoạt động có hiệu quả (doanh thu tăng bình quân 25%, lợi nhuận tăng 23% và nộp ngân sách tăng 43%). Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tiếp tục phát triển nhanh. Kinh tế tập thể được củng cố, các loại hình tổ hợp tác quy mô nhỏ, hoạt động có hiệu quả được nhân rộng. Kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển mạnh cả về vốn đầu tư và quy mô sản xuất. Trong 5 năm 2006-2010, tăng 42,4% về số lượng doanh nghiệp và gấp 2,14 lần về vốn đăng ký. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng khá, tổng vốn đăng ký khoảng 128 triệu USD, gấp 16,5 lần so nhiệm kỳ trước, thu hút một số nhà đầu tư có quy mô khá lớn vào các khu công nghiệp, góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng khu vực nông nghiệp từ 58,44% giảm còn 45,66%, khu vực công nghiệp - xây dựng từ 15,90 tăng lên 18,57% và dịch vụ từ 25,66% tăng lên 35,77%. Nét nổi bật của chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 5 năm 2006-2010 là trong nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi tiếp tục chuyển dịch theo hướng chất lượng, hiệu quả, khai thác tốt lợi thế từng vùng; khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

được chú trọng đầu tư phát triển, tỷ trọng tăng dần trong cơ cấu kinh tế.

Giáo dục - đào tạo có tiến bộ. Chương trình kiên cố hóa trường lớp được triển khai thực hiện khá tốt. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được chuẩn hóa. Chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn tiếp tục duy trì và phát triển. Khoảng cách giữa thành thị và nông thôn được thu hẹp dần, tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban ngày càng giảm. Số học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng tăng gấp 2 lần. Năm 2010, tỉnh đạt 139 sinh viên/1 vạn dân. Hệ thống trường nghề được củng cố, ngành nghề đào tạo đa dạng hơn. Từ năm 2006 đến 2009, toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho trên 115 ngàn người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 26,74% năm 2005 lên 40% năm 2010.

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ phát triển sản xuất và đời sống có tiến bộ. Nguồn nhân lực khoa học - công nghệ phát triển, bình quân mỗi năm tăng 7,2%, trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật ngày càng được nâng lên. Khoa học - công nghệ đã góp phần tích cực trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ đổi mới công nghệ theo hướng sạch, tiết giảm năng lượng, giảm chi phí sản xuất,... góp phần phục vụ thiết thực cho sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

Công nghệ thông tin, viễn thông đạt trình độ tiên tiến về hạ tầng kỹ thuật so với khu vực.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển. Đến năm 2010, có 90% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 97% khu phố đạt chuẩn văn hóa.

Công tác "đền ơn đáp nghĩa" và chính sách xã hội ngày càng được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền,

đoàn thể và nhân dân. Trong 5 năm 2005-2010, toàn tỉnh đã xây dựng và bàn giao 1.495 nhà tình nghĩa, 9.055 căn nhà tình thương, hỗ trợ vốn cho 242.669 lượt người nghèo được vay vốn. Nhân dân đã đóng góp và quyên góp từ các nguồn vốn xây dựng được 152 đền thờ liệt sĩ ở các xã, phường, thị trấn.

Số lao động được giải quyết việc làm đạt 102,74% Nghị quyết. Xuất khẩu lao động bình quân hằng năm trên 800 người, góp phần kéo giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị từ 4,63% năm 2005 xuống còn 3,61%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển đều khắp các địa phương. Đến năm 2010, có 107/164 xã, phường văn hóa. Huyện Châu Thành tập trung xây dựng những thiết chế còn lại để hoàn thành các tiêu chí huyện văn hóa.

Tỉnh phối hợp với Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam xuất bản cuốn sách *Huyền thoại quê hương Đồng khởi* (năm 2008), *Bến Tre Đồng khởi anh hùng* (năm 2010), phóng sự *Bến Tre 35 năm nhìn lại* và các bộ phim: *Những vị tướng xứ dừa* (32 tập, thời lượng phát sóng 712 phút), *Người Bến Tre,...* đã được đồng bào, đồng chí trong và ngoài tỉnh tiếp nhận, đánh giá cao.

An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên. Dân chủ ở cơ sở, sự đồng thuận trong nhân dân ngày càng tiến bộ.

Trong những năm 2006-2010, xuất hiện nhiều điển hình trong phát triển kinh tế - xã hội như tập thể Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới xã Thạnh Phước (Bình Đại), xã Châu Bình (Giồng Trôm), Xí nghiệp phà Bến Tre, Anh hùng

Lao động Trịnh Văn Y - Chủ tịch Hội Khoa học - kỹ thuật cầu đường tỉnh; nhiều hộ gia đình sản xuất kinh doanh giỏi, sáng tạo trong ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nhiều mô hình kinh tế trang trại thu nhập mỗi năm hàng trăm triệu đồng; nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện trong phong trào "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc"; những cách làm hay, sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiêu biểu của công chức, viên chức và người lao động tỉnh thật sự là tấm gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục, nêu gương ở địa phương, đơn vị cho toàn xã hội học tập.

Công tác xây dựng Đảng được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo toàn diện.

Trận địa tư tưởng được giữ vững, cuộc đấu tranh phòng, chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa được chú trọng; công tác tuyên truyền đấu tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch; lãnh đạo công tác bảo đảm an ninh nông thôn, an toàn sản xuất, tập trung giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong nội bộ và ngoài quần chúng; tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các chức sắc tôn giáo, nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng này biết đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, đấu tranh phê phán các hoạt động lợi dụng tôn giáo phá hoại khối đoàn kết toàn dân và các mâu thuẫn nội bộ tôn giáo. Công tác tuyên truyền kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng và nhân rộng các mô hình "tiếng mõ an ninh", "liên kết tứ trụ", tạo được sự chuyển biến nhận thức trong nội bộ và nhân dân, góp phần kéo giảm các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đi vào chiều sâu, có sự chuyển biến về nhận

thức, hành động, ý thức tu dưỡng rèn luyện trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, khắc phục những yếu kém, suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kết quả làm theo ngày càng rõ hơn: trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong việc liên quan đến đời sống nhân dân ngày càng thiết thực hơn, lề lối làm việc của các đơn vị, địa phương được chú ý sửa đổi; chất lượng phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức có chuyển biến tích cực; số cơ sở trong sạch vững mạnh tăng, thực chất hơn, số đảng viên vi phạm giảm đi. Những mô hình, cách làm sáng tạo, nhiều cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến làm theo gương Bác xuất hiện ngày càng nhiều trên nhiều lĩnh vực, không chỉ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của tập thể mà còn trong rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống cán bộ, đảng viên, góp phần tạo sự lan tỏa của cuộc vận động trong nội bộ và trong xã hội. Năm 2008, tổ chức 191 hội thi "Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" ở các cấp, đã có 4.500 thí sinh dự thi và trên 19.000 lượt đại biểu tham dự; với nhiều lứa tuổi, thành phần, nghề nghiệp khác nhau và hàng trăm nghìn khán giả theo dõi qua các phương tiện thông tin đại chúng. Năm 2009, tổ chức giao lưu, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, biểu dương các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh từ vòng huyện và tương đương, đã phát hiện, giới thiệu 427 tập thể và 812 cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó, mỗi nơi tuyển chọn 5 tấm gương tiêu biểu tham dự Hội nghị giao lưu cấp tỉnh và Trung ương đã tạo sức lan tỏa sâu, rộng trong các tầng lớp nhân dân. Trong 4 năm thực hiện cuộc vận động, có trên 200 tác phẩm văn học nghệ thuật, chủ yếu gồm các thể loại như: truyện ngắn, báo chí, thơ, bài ca cổ, nội dung các tác phẩm khá phong phú. Hội Nhà báo tỉnh

đã bình chọn và trao thưởng cho 7 tác phẩm báo chí. Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre mở chuyên mục đăng tải 141 tác phẩm, trong đó có 82 tác phẩm truyền hình và 59 bài phát thanh về tấm gương làm theo đạo đức Bác Hồ như các phóng sự, tọa đàm, ghi nhanh truyền hình; báo *Đồng Khởi* đăng tải 30 tác phẩm; có 3 tác phẩm đạt giải của Trung ương (1 tác phẩm báo chí được Ban Chỉ đạo Trung ương khen thưởng, 2 tác phẩm được Hội Nhà báo Việt Nam khen thưởng).

Công tác đào tạo cán bộ được chú trọng. Tỉnh thực hiện chính sách thu hút cán bộ có trình độ từ cử nhân đến tiến sĩ của những ngành, nghề mà tỉnh đang có nhu cầu; đồng thời đưa cán bộ đi học đại học, sau đại học. Trong nhiệm kỳ, đã đào tạo, bồi dưỡng 21.868 cán bộ các loại; trong đó, có 2 tiến sĩ, 352 cán bộ có trình độ thạc sĩ và tương đương, 1.113 cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, 1.109 cán bộ có trình độ trung cấp.

Trong 5 năm 2005-2010, toàn tỉnh kết nạp 12.173 đảng viên mới, vượt 52,16% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội và vượt 17,04% so với chỉ tiêu phấn đấu, nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh lên 40.693 người.

Bên cạnh thành tựu đạt được, tỉnh còn có những hạn chế: Chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng; một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy có nhanh hơn giai đoạn trước, nhưng không đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Công nghiệp phát triển chậm, thu hút đầu tư chưa mạnh, sức cạnh tranh của sản phẩm còn thấp, chưa tạo đột phá từ công nghiệp để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội đề ra.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010-2015) diễn ra từ ngày 18 đến ngày 20-10-2010 tại

thành phố Bến Tre, có 350 đại biểu tham dự. Đại hội đã thảo luận, đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ XI của Đảng, thảo luận Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm, tự phê bình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VIII) trình tại Đại hội.

Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh đã rút ra bốn bài học kinh nghiệm sau: (1) Phải tạo được sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và toàn xã hội về chủ trương, giải pháp thực hiện, là động lực, là nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; (2) Trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện phải thật sự sâu sát, cụ thể, đồng bộ và thật kiên quyết; xác định rõ khâu đột phá, chỉ đạo có trọng tâm, đề ra chủ trương phù hợp và kịp thời xử lý những phát sinh trong thực tiễn; (3) Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng; trong đó công tác cán bộ có ý nghĩa quyết định đến việc đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị. Thực tế chỉ ra rằng khi đánh giá, bố trí đúng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu thì sẽ làm chuyển biến tình hình, thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết đề ra, phát triển các phong trào hành động cách mạng của nhân dân; (4) Phát huy đúng mức vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để làm nòng cốt, tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, là nhân tố quan trọng góp phần tạo nên thắng lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2010-2015) đã đề ra mục tiêu: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy nhà nước; phát huy dân chủ và sức mạnh đoàn kết toàn dân; động viên mọi nguồn lực, nắm bắt thời cơ, vượt qua khó

khăn, thách thức, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững. Kết hợp chặt giữa tăng trưởng kinh tế với chăm lo phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội để Bến Tre kịp sánh vai cùng các tỉnh trong vùng".

Đại hội nêu lên 13 nhiệm vụ:

1) Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, để công nghiệp thật sự là khâu đột phá, thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2) Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, đa dạng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân.

3) Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ thương mại, du lịch theo hướng đa dạng hóa, xã hội hóa.

4) Tập trung huy động vốn từ nhiều nguồn, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5) Tập trung công tác quản lý và điều hành ngân sách, bảo đảm hoàn thành vượt chỉ tiêu thu và quản lý chặt chẽ các khoản chi.

6) Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển.

7) Tập trung xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và thân thiện.

8) Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ; coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

9) Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

10) Giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

11) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa tạo sự đồng thuận trong xã hội, xây dựng nền tảng liên minh chính trị vững chắc.

12) Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy nhà nước.

13) Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh đề ra 12 giải pháp: (1) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp để công nghiệp thật sự là khâu đột phá, thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (2) Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, đa dạng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường; gắn phát triển nông nghiệp với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn; (3) Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch, thương mại và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao; (4) Tập trung huy động vốn từ nhiều nguồn đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân; (5) Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển; (6) Tiếp tục chăm lo phát triển các lĩnh vực giáo dục, y tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ; coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; (7) Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế; (8) Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; (9) Giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; (10) Tăng cường công tác

dân vận ở các cấp, các ngành; (11) Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; (12) Đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội theo hướng "tích cực, chủ động, gắn lý luận với thực tiễn, nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống, giáo dục thuyết phục đi đôi với nêu gương", tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội từ nhận thức đến hành động. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ "nhận thức" sang "làm theo" trong toàn Đảng bộ, toàn dân.

Đại hội đã thông qua: Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (khóa VIII); thông qua các báo cáo tổng hợp ý kiến của tổ chức đảng các cấp và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng; thông qua kết quả bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) gồm 55 đồng chí (trong đó có 8 nữ), Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí (trong đó có 1 nữ): đồng chí Nguyễn Thành Phong, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Hà Thanh Niên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Võ Thành Hạo, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Văn Hiếu, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí và Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gồm 16 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Trong phát biểu chỉ đạo Đại hội, đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban

Tuyên giáo Trung ương thay mặt Bộ Chính trị về chỉ đạo Đại hội. Trong phát biểu chỉ đạo, đồng chí Tô Huy Rứa nhấn mạnh: "Đảng bộ và nhân dân Bến Tre vốn có truyền thống hào hùng và những chiến công trong đấu tranh cách mạng, trong kháng chiến giải phóng, bảo vệ và thống nhất Tổ quốc. Bến Tre lại có những tiềm năng và lợi thế của vùng lúa, vùng biển, của miệt vườn, hoa trái trù phú, dừa nổi tiếng, cả du lịch văn hóa và sinh thái hấp dẫn... Người Bến Tre cần cù, phóng khoáng, sống giàu tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và ý chí kiên cường, quật khởi. Chúng ta tin tưởng rằng, Đảng bộ và nhân dân Bến Tre sẽ sớm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đã đề ra. Phấn đấu đến năm 2015, Bến Tre đạt mức phát triển trung bình khá trong vùng, góp phần cùng cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội". Đại hội đã giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (khóa IX) căn cứ vào Nghị quyết Đại hội, trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, xây dựng Chương trình hành động và các kế hoạch cụ thể để thực hiện, nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội đi vào cuộc sống.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng diễn ra từ ngày 11-1-2011 đến ngày 19-1-2011, tại Thủ đô Hà Nội. Có 1.377 đại biểu thuộc 67 đoàn đại biểu, đại diện cho trên 3,6 triệu đảng viên về dự. Chủ đề của Đại hội XI là: "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu và yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra

những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006-2010), tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2005- 2010) và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội quyết định việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991; xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011-2020); đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ (2011-2015). Đại hội kiểm điểm sâu sắc, toàn diện công tác xây dựng Đảng và sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa X; xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong thời kỳ mới; bổ sung sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng.

Tại Đại hội, đồng chí Nguyễn Thành Phong, Bí thư Tỉnh ủy được bầu làm Ủy viên Trung ương Đảng; đồng chí Nguyễn Công Định, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mỏ Cày Nam được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy chủ trương triển khai quán triệt ngay các văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh, xây dựng các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa thực hiện. Chỉ đạo hệ thống thông tin đại chúng cổ vũ, động viên toàn Đảng bộ và nhân dân tiếp tục giữ vững và dấy lên nhiều phong trào hành động cách mạng thiết thực trên từng địa bàn, đơn vị, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh.

Những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh, tuy có những thuận lợi do thành tựu đạt được qua hơn 25 năm thực hiện đường lối đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng bộ tỉnh đã tạo nền tảng cơ bản cho sự phát triển. Tuy nhiên, tình hình an ninh chính trị thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, nhất là tranh

chấp, gây hấn trên biển Đông; sự chống phá của các thế lực thù địch; hệ quả của suy thoái kinh tế, khủng hoảng tài chính thế giới và khu vực, làm cho tình hình lạm phát tăng cao, sản xuất, lưu thông hàng hóa khó khăn. Mặt khác, do điểm xuất phát kinh tế của tỉnh rất thấp, tiềm lực tuy có tăng lên nhưng chưa đủ mạnh; khả năng huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển chưa đáp ứng yêu cầu; giá cả hàng nông sản biến động thất thường và sụt giảm; dịch bệnh liên tiếp xảy ra; hậu quả của biến đổi khí hậu ngày càng rõ hơn, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trên cơ sở xác định các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã xây dựng ba nghị quyết chuyên đề gồm: Nghị quyết số 02-NQ/TU *về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động quần chúng trong tình hình mới;* Nghị quyết số 03-NQ/TU *về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;* Nghị quyết số 04-NQ/TU *về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.* Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành ba chỉ thị: Chỉ thị số 03-CT/TU về *công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới;* Chỉ thị số 05-CT/TU *về tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia xây dựng hạ tầng nông thôn và đô thị;* Chỉ thị số 09-CT/TU *về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2015...;* Tỉnh ủy cũng đã giao Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng 10 đề án cụ thể hóa những nhiệm vụ trọng tâm trên lĩnh vực kinh tế - xã hội để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ.

Những năm đầu nhiệm kỳ, trên lĩnh vực kinh tế đã phấn đấu duy trì được sự ổn định và có bước phát triển:

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá ổn định, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế. Việc đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, trồng xen, nuôi xen tiếp tục được đẩy mạnh. Diện tích gieo trồng lúa tiếp tục giảm, nhưng năng suất tăng. Đã hình thành một số mô hình cánh đồng mẫu tại Ba Tri, Giồng Trôm, Bình Đại với tổng diện tích 336ha, bước đầu mang lại hiệu quả, đang tiếp tục được nhân rộng.

Cây dừa tuy giá cả luôn biến động nhưng diện tích tăng lên từng năm. Đầu nhiệm kỳ, trước tình hình giá dừa giảm mạnh, Tỉnh ủy đã kịp thời cho chủ trương hỗ trợ người trồng dừa với số tiền trên 101 tỷ đồng để giúp người trồng dừa có điều kiện chăm sóc, bù đắp thu nhập. Toàn tỉnh đã trồng xen trên 9.200ha ca cao trong vườn dừa, tuy nhiên do giá ca cao giảm liên tục, nên có nhiều hécta ca cao bị đốn bỏ.

Cây ăn trái tiếp tục chuyển dịch theo hướng chuyên canh, trồng cây đặc sản, có giá trị kinh tế cao. Đặc biệt là xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, toàn tỉnh đã có 9 mô hình sản xuất cây ăn trái được trao giấy chứng nhận GAP; trong đó, có 7 mô hình Viet GAP và 2 mô hình Global GAP.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển theo hướng gia trại, trang trại. Tổng đàn heo, đàn bò, đàn gia cầm tăng nhanh. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được đẩy mạnh, góp phần giữ ổn định tổng đàn.

Thế mạnh kinh tế biển được phát huy, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản phát triển khá nhanh và đa dạng, sản lượng tăng theo từng năm. Kết cấu hạ tầng phục vụ nghề cá và khai thác thủy sản được quan tâm đầu tư; đã đưa khu neo đậu, tránh bão cho tàu cá huyện Bình Đại vào sử dụng, đáp ứng khoảng 1.000 tàu neo đậu, tránh bão.

Việc quản lý vùng nuôi và quản lý môi trường nuôi được quan tâm, ý thức người dân trong bảo vệ môi trường được nâng lên, hạn chế dịch bệnh trong các vụ nuôi thủy sản. Trong 2 năm 2011-2012 đã trồng mới 160ha, nâng diện tích rừng đến cuối năm 2012 là 3.946ha.

Sản xuất công nghiệp được xác định là một trong ba khâu đột phá của tỉnh, được tập trung chỉ đạo, tăng cường đầu tư, do đó, phát triển khá nhanh: Đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp được tập trung thực hiện. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 23,21%/năm (Nghị quyết Đại hội 24%/năm) cao gấp đôi giai đoạn 2006-2010. Hoạt động tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục phát triển. Toàn tỉnh có 35 làng nghề, trong đó có 18 làng nghề tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho trên 8.700 lao động.

Hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch tiếp tục phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ trên địa bàn đạt bình quân 13,1%/năm (Nghị quyết Đại hội là 20%/năm). Hoạt động du lịch phát triển khá, hạ tầng du lịch tiếp tục được đầu tư. Lượng khách du lịch tăng bình quân hằng năm 13%, doanh thu tăng bình quân 22,2%/năm (Nghị quyết Đại hội là tăng 20%/năm). Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 23,7%/năm (Nghị quyết Đại hội là 20%/năm).

Trong điều kiện khó khăn về vốn và thị trường nhưng các thành phần kinh tế vẫn duy trì sự phát triển: kinh tế nhà nước tăng trưởng bình quân 4,32%/năm, thấp hơn so với đầu nhiệm kỳ (6,77%); kinh tế tư nhân phát triển khá, tăng trưởng bình quân 26,63%/năm; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 57,13%/năm; riêng khu vực kinh tế tập thể giảm bình quân 3,46%/năm, do nhiều hợp tác xã làm ăn không hiệu quả.

Hoạt động tài chính, ngân hàng tương đối ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu tín dụng, chi thường xuyên và phục vụ sản xuất. Thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt dự toán Trung ương giao, tổng thu hai năm rưỡi đạt khoảng 3.430 tỷ đồng, bằng 55,3% chỉ tiêu Nghị quyết. Tổng chi ngân sách 9.408 tỷ đồng bằng 58,8% so với Nghị quyết Đại hội đề ra. Hoạt động của hệ thống ngân hàng khá ổn định, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Trung ương về hoạt động tín dụng, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011-2013 đạt 33.020 tỷ đồng, đạt 47,17% Nghị quyết Đại hội, tăng bình quân 10,2%/năm (Nghị quyết Đại hội đề ra 15,5%/năm); trong đó, nguồn vốn Nhà nước chiếm 29,8%, tăng bình quân 7,71%/năm, vốn ngoài Nhà nước chiếm 60,3%, tăng bình quân 13,5%/năm... Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP năm 2013 chiếm khoảng 32,3% (Nghị quyết Đại hội đề ra 42,66%). Tuy rất khó khăn về nguồn vốn, nhưng các công trình trọng điểm vẫn duy trì tiến độ, một số công trình đã đưa vào sử dụng

Về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có chuyển biến khá rõ nét. Đến năm 2012, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đạt 95,8%; đã công bố quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; đồng thời, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khai thác tài nguyên cát và tài nguyên nước. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm, xã hội hóa thu gom và xử lý rác thải được đẩy mạnh. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đô thị đạt 73% (Nghị quyết Đại hội đề ra 80%).

Công tác tuyên truyền ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng lên được tăng cường, tạo chuyển biến bước đầu về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chính

quyền thực hiện một số công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Về xây dựng nông thôn mới: Ngay từ đầu năm 2011, tỉnh đã tổ chức lễ phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong toàn tỉnh với chủ đề "Quê hương Đồng khởi chung sức xây dựng nông thôn mới", gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", sau đó, tất cả các huyện, thành phố tiếp tục tổ chức lễ phát động. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về chủ trương xây dựng nông thôn mới; 100% xã được phê duyệt đề án, quy hoạch xã nông thôn mới, các tiêu chí được tăng lên trung bình gần 3 tiêu chí/xã

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực. Giáo dục, đào tạo tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Có 138/529 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 26,1%, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của nhân dân. Thành quả phổ cập giáo dục được duy trì và phát triển ở các cấp học; có 101/164 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 158/164 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1; 65/164 xã, phường, thị trấn và thành phố Bến Tre đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông (tăng 17 xã, 1 huyện so với năm 2011). Hệ thống các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, huyện, thành phố, các trung tâm học tập cộng đồng xã, phường tiếp tục được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập, bồi dưỡng kiến thức của mọi người.

Công tác phòng, trị bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư, nhiều tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới được ứng dụng, chất lượng khám và điều trị bệnh từng bước được nâng lên, đạt 24,04 giường bệnh/1 vạn dân (tăng 3,64 giường so với năm 2010);

5,82 bác sĩ/1 vạn dân (tăng 0,42 bác sĩ/1 vạn dân so với năm 2010), 96,34% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (năm 2010 là 84,76%). Triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, hạn chế được dịch bệnh; đã có 56,47% dân số tham gia bảo hiểm y tế (Nghị quyết Đại hội đề ra là 90%).

Các hoạt động giới thiệu việc làm, dạy nghề được quan tâm thực hiện và an sinh xã hội được bảo đảm. Qua hai năm rưỡi, đã giải quyết việc làm cho 64.420 lao động, đạt 56,3% chỉ tiêu nhiệm kỳ so Nghị quyết Đại hội đề ra. Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy *về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020,* đạt một số kết quả bước đầu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 46% (Nghị quyết Đại hội là 50%), trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng từ 15% năm 2010 lên 17,5% năm 2012, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp còn 3,5% năm 2012 (Nghị quyết Đại hội là 4%); giảm hộ nghèo từ 15,58% năm 2010 xuống còn 10,65% năm 2012 (Nghị quyết Đại hội dưới 7%).

Thực hiện chính sách với người có công được giải quyết kịp thời. Toàn tỉnh được Nhà nước phong tặng, truy tặng thêm 38 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; xây dựng bàn giao 1.710 nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, 16.731 căn nhà cho các đối tượng nghèo, khó khăn về nhà ở. Tính đến tháng 6-2013, đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho 1.054.737 lượt đối tượng với tổng kinh phí 1.162 tỷ đồng.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có bước đổi mới từ khâu chọn đề tài, nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong sản xuất và đời sống; đa số đề tài được chọn lọc có trọng tâm, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tổng vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ trong hai năm rưỡi khoảng 75 tỷ đồng; trong đó, ngân sách Nhà nước 44 tỷ và ngoài ngân sách Nhà nước là 31 tỷ đồng.

Hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển, nâng chất, được nhân dân đồng tình. Công tác tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn được đẩy mạnh, góp phần nâng cao nhận thức và sự đồng thuận trong nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục phát triển, có 151/164 xã, phường, thị trấn văn hóa, chiếm tỷ lệ 92,1%; có 97,54% gia đình văn hóa và 96,98% đơn vị văn hóa; tập trung nâng cấp huyện văn hóa Châu Thành; xây dựng các huyện và thành phố văn hóa, đến năm 2013, thành phố Bến Tre đạt 26/55 tiêu chí, Mỏ Cày Bắc đạt 29/57 tiêu chí, Chợ Lách đạt 63/68 tiêu chí huyện văn hóa.

Về quốc phòng - an ninh, đã triển khai xây dựng các đề án, khu vực phòng thủ giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Quan tâm tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về bảo vệ chủ quyền biển đảo. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, triển khai nhiều cao điểm trấn áp tội phạm. Các loại tội phạm, tai nạn và các tệ nạn đều giảm.

Công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị được chú trọng. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) *về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới* đạt kết quả bước đầu. Việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo, xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân tiên tiến trong làm theo Bác, tạo sự lan tỏa ngày càng rộng trong nhân dân. Triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay* được các

cấp ủy quan tâm lãnh đạo triển khai thực hiện nghiêm túc. Mở đợt sinh hoạt chính trị kiểm điểm, tự phê bình và phê bình đạt kết quả bước đầu; từng cấp ủy, đảng bộ, chi bộ chỉ ra được những hạn chế, yếu kém về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được quan tâm củng cố, nâng lên. Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước đi vào nền nếp. Phát triển mới được 9.479 đảng viên, đạt 86,17% so với Nghị quyết Đại hội đề ra.

Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được kiện toàn; năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp từng bước được phát huy. Công tác cải cách thủ tục hành chính được quan tâm, duy trì và nâng cao hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, góp phần ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà nhân dân.

Công tác vận động quần chúng có chuyển biến tích cực, được các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên quan tâm hơn và từng bước đổi mới theo hướng gần dân, sát cơ sở. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể từng bước khắc phục tính hành chính hóa, quan tâm xây dựng các phong trào, mô hình dân vận khéo sát thực tế và thiết thực hơn.

Trong hai ngày (ngày 7 và 8-8-2013), Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ, đánh giá tình hình hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX và đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp trong những năm còn lại.

Hội nghị giữa nhiệm kỳ đã đánh giá cao những kết quả đạt được dù còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo Nghị quyết của Đại hội IX. Đồng thời, Hội nghị cũng khách quan, thẳng thắn nhìn nhận những thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém và phân tích sâu sắc các nguyên nhân ưu, khuyết điểm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011-2013 bình quân ước

đạt 7,43%/năm, đạt rất thấp so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội là 13%/năm.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch, tuy chậm nhưng đúng hướng. Ước đến cuối năm 2013, tỷ trọng khu vực I: 47,34%; khu vực II: 18,95%; khu vực III: 33,71% (tương ứng mục tiêu Nghị quyết đến năm 2015 là: 30,3%; 27,4% và 42,3%).

Thu nhập bình quân đầu người từ 17,5 triệu đồng/năm (cuối năm 2010) tăng lên 30,76 triệu đồng/năm ước đến cuối năm 2013 (mục tiêu Nghị quyết là 36 triệu đồng/năm).

Hạn chế, yếu kém nhất là tốc độ tăng trưởng (GDP), chuyển dịch cơ cấu kinh tế rất chậm, hai năm rưỡi còn lại rất khó thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội là tăng trưởng 13%. Giá cả nông sản hàng hóa không ổn định. Sản xuất công nghiệp còn nhiều khó khăn về thị trường. Việc triển khai xây dựng xã nông thôn mới rất chậm, khó đạt được chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội là 25 xã vào cuối năm 2015.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, việc triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, dạy nghề, thể dục thể thao,... còn chậm và chưa đạt yêu cầu. Thực hiện các biện pháp giảm nghèo chưa vững chắc, đời sống hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó có gia đình chính sách còn nhiều khó khăn; thu nhập của một bộ phận người dân chưa ổn định, nguy cơ tái nghèo cao.

Về quốc phòng - an ninh, vấn đề đáng quan tâm là tình hình trật tự, an toàn xã hội trên một số địa bàn trong từng thời điểm còn diễn biến phức tạp; an ninh nông thôn nhiều nơi đáng lo ngại

Vê xây dựng hệ thống chính trị: Việc triển khai kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình, phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) còn

chậm, chuyển biến chưa đều, tính gương mẫu của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa cao. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chậm được nâng lên. Năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền một số nơi kém hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn rườm rà gây phiền hà cho nhân dân. Công tác cải cách tư pháp chưa tiến bộ rõ nét, xét xử một số vụ án dân sự chưa được dư luận xã hội đồng tình.

Công tác vận động quần chúng có tập trung hơn, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu; công tác xây dựng chính quyền một số nơi còn yếu kém, tình trạng nhũng nhiễu, thiếu trách nhiệm với dân, gây phiền hà cho dân của cán bộ, công chức cơ sở vẫn còn khá phổ biến.

Hội nghị đã nêu do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan. Đồng thời khẳng định nguyên nhân chủ quan là chi phối. Đó là, do việc đề ra chỉ tiêu có phần chủ quan; sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trên một số lĩnh vực chưa thật tập trung và thiếu kiên quyết, tháo gỡ khó khăn đôi lúc chưa kịp thời. Tuy có xác định các khâu đột phá nhưng tinh thần và năng lực tổ chức thực hiện Nghị quyết ở một số ngành, địa phương còn kém, thiếu năng động, sáng tạo, còn trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên. Sự phối hợp và cộng đồng trách nhiệm giữa các ngành, các cấp, nhất là giữa các cơ quan tham mưu chưa tốt; đề xuất xử lý những vấn đề khó khăn, vướng mắc không kịp thời; triển khai tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán; còn đùn đẩy, sợ trách nhiệm.

Hội nghị đã đề ra các nhiệm vụ để phấn đấu thực hiện trong nửa nhiệm kỳ còn lại:

1) Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về đất

đai, lao động, vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; chuyển đổi mô hình tăng trưởng, kết hợp phát triển kinh tế theo chiều rộng với phát triển theo chiều sâu; tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp, tạo bước đột phá từ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và tăng nhanh dịch vụ để thúc đẩy chuyển dịch rõ nét cơ cấu kinh tế. Phấn đấu trong hai năm còn lại đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất và cao hơn tốc độ tăng trưởng hai năm đầu nhiệm kỳ.

2) Tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Quan tâm đào tạo cán bộ y tế chuyên sâu các chuyên khoa, đẩy nhanh tiến độ xây dựng mới, nâng cấp các bệnh viện. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề giai đoạn 2011-2015 và đề án đào tạo nghề nông thôn; thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo. Nâng cao chất lượng phong trào xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới và tăng cường hoạt động khoa học - công nghệ theo Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31-10-2012 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI và Chương trình hành động của Tỉnh ủy

3) Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) *về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới* và Nghị quyết số 08/NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) *về chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới,* đẩy mạnh việc tấn công các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, giảm tối đa tình trạng khiếu kiện trong nhân dân; giữ vững ổn định về quốc phòng và an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

4) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) *về một số vấn đề cấp bách về xây dựng*

Đảng hiện nay. Từng cấp ủy Đảng tập trung lãnh đạo thực hiện nghiêm các nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Tăng cường hơn nữa công tác chính trị, tư tưởng nhằm tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ. Nâng cao chất lượng tổ chức, quán triệt, học tập, cụ thể hóa thực hiện nghị quyết. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Tập trung rà soát, đánh giá, sắp xếp và thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, chuẩn bị nguồn cán bộ cho nhiệm kỳ tới.

Thực hiện có hiệu quả Kết luận số 64-KL/TW ngày 28-5-2013 của Hội nghị Trung ương 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI *Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở* theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tốt Nghị quyết số 17/NQ/TW ngày 1-8-2007 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) *về đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước;* thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông; giáo dục tinh thần, ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức nhằm giảm phiền hà cho nhân dân.

Tập trung triển khai, cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3-6-2013 tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) *về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới,* nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và cán bộ, đảng viên trong công tác dân vận; thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân.

Từ giữa năm 2012 đến cuối nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã giải quyết cho một số đồng chí trong Tỉnh ủy thôi việc vì lý do sức khỏe,

bị bệnh mất hoặc đến tuổi nghỉ hưu: đồng chí Nguyễn Công Định (ngày 1-7-2012), đồng chí Võ Hồng Quang (ngày 9-8-2012), đồng chí Hà Thanh Niên (ngày 2-12-2012), đồng chí Hồ Quốc Việt (ngày 6-8-2014), đồng chí Trương Văn Nghĩa (ngày 2-12-1913). Đồng thời, bầu bổ sung thêm các đồng chí thay thế nhằm bảo đảm số lượng và cơ cấu: đồng chí Nguyễn Quốc Bảo thay đồng chí Hà Thanh Niên làm Phó Bí thư Thường trực, bổ sung các đồng chí: Nguyễn Hữu Tín (ngày 9-8-2012), Trương Duy Hải (ngày 18-9-2013), Trần Ngọc Tam và Trần Dương Tuấn (ngày 19-6-2014), Nguyễn Văn Hoàng (ngày 6-8-2014) vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Trúc Sơn, Bùi Văn Lâm (ngày 14-10-2013) và Đoàn Văn Đảnh (ngày 28-3-2014) vào Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Tỉnh ủy xác định: Hai năm rưỡi còn lại còn rất nhiều khó khăn thách thức, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể phải có quyết tâm chính trị cao; tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ, đồng bộ để phấn đấu đạt kết quả cao nhất:

Trong nông nghiệp tiếp tục phát triển đa dạng, theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với xây dựng nông thôn mới. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 5,69%/năm; trong đó, giá trị chăn nuôi chiếm 35,8% (Nghị quyết Hội nghị đề ra 30,7%). Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Việc đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, sử dụng giống mới, trồng xen, nuôi xen từng bước được nhân rộng; kiểm soát khá tốt dịch bệnh. Nuôi thủy sản phát triển trên cả ba vùng sinh thái, diện tích, sản lượng hằng năm đều tăng, từ 43,1 nghìn hécta, tăng lên 46,8 nghìn hécta; sản lượng từ 330,1 nghìn tấn, tăng lên 410 nghìn tấn.

Công tác quy hoạch, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất giống, quản lý thời vụ, kiểm soát môi trường nuôi được tăng cường. Khai thác thủy sản được đẩy mạnh, nhất là đánh bắt xa bờ. Dịch vụ hậu cần nghề cá được đầu tư phát triển khá đồng bộ. Công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc, trồng mới rừng, kết hợp nuôi thủy sản đạt hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu. Diêm nghiệp duy trì diện tích, sản lượng; có nhiều mô hình sản xuất muối sạch. Thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp đạt kết quả bước đầu, tạo được sự chuyển biến về nhận thức trong nội bộ và nhân dân; các địa phương đã tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch, đã tổ chức một số mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả.

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Kết quả, đến cuối năm 2015, có 9 xã được công nhận đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (đạt 36% chỉ tiêu), bình quân tăng trên 4 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển khá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Giá trị sản xuất tăng bình quân 12,8%/năm (Nghị quyết đề ra 24%/năm), gần gấp đôi giai đoạn 2006-2010. Trong điều kiện ngân sách còn nhiều khó khăn nhưng tỉnh đã cân đối vốn; đồng thời đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư đưa Khu công nghiệp Giao Long (giai đoạn 1 và 2), Khu công nghiệp An Hiệp đi vào hoạt động ổn định và có hiệu quả; Cụm công nghiệp Phong Nẫm (Giồng Trôm), An Đức (Ba Tri) đang trong giai đoạn đầu tư hoàn thiện hạ tầng. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề tiếp tục phát triển. Công tác khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp được quan tâm, năng suất, chất lượng và giá trị

sản phẩm hàng hóa được nâng lên; nhiều sản phẩm truyền thống của địa phương được đa dạng hóa, nâng chất lượng, tham gia thị trường xuất khẩu ổn định.

Thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển khá đa dạng, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 14,6%/năm (Nghị quyết đề ra 20%/năm). Mạng lưới kinh doanh không ngừng được mở rộng, hàng hóa dồi dào, phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội. Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Hạ tầng thương mại phát triển cả về quy mô và số lượng. Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, giảm thị trường xuất khẩu trung gian. Hàng xuất khẩu của tỉnh có mặt ở 105 quốc gia và vùng lãnh thổ; giảm dần tỷ trọng hàng xuất thô, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 2.680 triệu USD, đạt 141% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng bình quân 22,6%/năm, gấp 3,3 lần so nhiệm kỳ trước.

Các loại hình dịch vụ tiếp tục phát triển, chất lượng ngày càng được nâng lên. Hệ thống ngân hàng phát triển mạnh, ngoài những ngân hàng có vốn Nhà nước, nhiều ngân hàng thương mại cổ phần đã mở chi nhánh tại tỉnh, đáp ứng nhu cầu tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng. Nguồn vốn huy động của các ngân hàng tăng bình quân 11,39%/năm, tổng dư nợ tăng 9,18%/năm; tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp (dưới 2%). Các quỹ tín dụng nhân dân phát triển cả về quy mô, chất lượng, hoạt động an toàn, hiệu quả.

Du lịch có bước khởi sắc. Các loại hình du lịch sinh thái, du lịch lịch sử - văn hóa, cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng tiếp tục phát triển. Hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá du lịch có bước đổi mới, đem lại hiệu quả thiết thực; lượng khách tăng 13,12%/năm; doanh thu tăng 23,4%/năm (Nghị quyết đề

ra 20%/năm). So với đầu nhiệm kỳ, khách du lịch tăng từ 540 nghìn người lên 1 triệu người, doanh thu từ 300 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng năm 2015.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện tương đối tốt, khai thác có hiệu quả các nguồn thu và được sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách bổ sung của Trung ương, tổng thu ngân sách của tỉnh trong 5 năm 2010-2015 đạt 123,6%, chi ngân sách đạt 180% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 151% so cùng kỳ, đạt 99% chỉ tiêu Nghị quyết.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 58.103 tỷ đồng (đạt 83% chỉ tiêu Nghị quyết). Trong đó, vốn Nhà nước chiếm 15,25%, vốn trong dân chiếm 55,59%, vốn nước ngoài chiếm 32,16%. Nhiều công trình trọng điểm về giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Mạng lưới điện phủ khắp các địa bàn, có 99,7% hộ dân sử dụng điện. Hệ thống cung cấp nước sạch đô thị và nông thôn tiếp tục được mở rộng. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%; nước sạch đạt 50%. Việc đầu tư nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang đô thị được quan tâm. Thành phố Bến Tre đạt 36/49 tiêu chí đô thị loại II; các thị trấn Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam đạt từ 35 đến 44/49 tiêu chí đô thị loại IV và 10 xã của các huyện đạt từ 25 đến 46/49 tiêu chí đô thị loại V.

Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, tuy nhiều chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội không đạt, nhưng đều có tăng trưởng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,64%, tương đương 7,3% GDP (Nghị quyết đề ra 13%). Trong đó, khu vực I tăng 3,8%/năm; khu vực II tăng 13,3%/năm; khu vực III tăng 7,8%/năm (tương đương 3,53%; 11,68%; 4,86%, tính theo GRDP). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng

và dịch vụ tăng dần trong GDP; khu vực nông - ngư nghiệp chiếm 42,3% (chỉ tiêu Nghị quyết là 30,3%), công nghiệp - xây dựng chiếm 22,6% (chỉ tiêu Nghị quyết là 27,4%), thương mại - dịch vụ chiếm 35,1% (chỉ tiêu Nghị quyết là 42,3%) tương đương 37,8%; 17,9%; 40,6%; thuế sản phẩm 3,6%, (tính theo GRDP). Mô hình tăng trưởng từng bước được chuyển đổi từ phát triển theo chiều rộng sang kết hợp hài hòa giữa chiều rộng với chiều sâu. Chỉ số năng suất tổng hợp trong sản xuất được nâng lên, đạt xấp xỉ mức bình quân của cả nước (xấp xỉ 20%). GDP bình quân đầu người đạt 34,7 triệu đồng (tương đương 1.240USD), đạt 95,7% so chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 1,66 lần so với năm 2010. Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động cũng chuyển dịch tương ứng; tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp từ 56,4% giảm còn 43,2%, khu vực phi nông nghiệp từ 43,6% tăng lên 56,8%.

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các thành phần kinh tế được sắp xếp lại tiếp tục phát triển. Hầu hết doanh nghiệp nhà nước sau khi sắp xếp, cổ phần hóa đã đi vào hoạt động ổn định và có hiệu quả. Kinh tế tập thể được củng cố, một số hợp tác xã, tổ hợp tác mở rộng ngành nghề; kinh tế tư nhân phát triển mạnh, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh cá thể: thành lập mới 1.358 doanh nghiệp vừa và nhỏ (chỉ tiêu Nghị quyết là 1.200 doanh nghiệp); 22.163 hộ kinh doanh cá thể (chỉ tiêu Nghị quyết là 21.000 hộ); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, 29 doanh nghiệp (chỉ tiêu Nghị quyết là 25 doanh nghiệp). Các hình thức hợp tác, liên kết được khuyến khích phát triển nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Giáo dục, đào tạo tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch, phát triển khá hợp lý.

Thành quả phổ cập giáo dục được củng cố, nâng cao. Tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì tốt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đang thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Đạt tỷ lệ 195 sinh viên/1 vạn dân (đạt 97,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết). Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012 thực hiện đạt 90,24%; có 162 trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt kết quả thiết thực, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư xây dựng trường lớp, khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Do cân nhắc nhu cầu thực tế, Tỉnh ủy đã quyết định chưa lập trường đại học tại Bến Tre mà đã kết hợp với Đại học Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phân hiệu đại học tại tỉnh. Phấn đấu được phân bố chỉ tiêu tuyển sinh vào đầu năm học 2016-2017.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân chuyển biến khá tích cực. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư; chất lượng khám và điều trị bệnh được nâng lên. Các chỉ tiêu về bác sĩ, số giường bệnh/1 vạn dân: số giường bệnh từ 21,8 giường lên 25,1 giường (chỉ tiêu Nghị quyết 29,66 giường); bác sĩ từ 5,6 lên 7,15 bác sĩ/vạn dân (chỉ tiêu Nghị quyết 7,2 bác sĩ). Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và công tác y tế dự phòng được triển khai thực hiện tốt. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 0,40% (chỉ tiêu Nghị quyết dưới 1%); trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 12% (chỉ tiêu Nghị quyết 14%); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 70% (Nghị quyết đề ra 90%).

Công tác thông tin tuyên truyền; hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ chính trị và nhu cầu của nhân dân. Các cơ quan truyền thông đã được quan tâm đầu tư tốt hơn, kịp thời chuyển tải

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân. Việc trùng tu, tôn tạo, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tiếp tục được thực hiện. Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì và có bước phát triển. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai rộng khắp. Toàn tỉnh có 90% hộ "Gia đình văn hóa" theo tiêu chí mới; 100% xã, phường, thị trấn và 92% cơ quan, đơn vị văn hóa; 9 xã đạt chuẩn xã văn hóa - nông thôn mới.

Các vấn đề về an sinh xã hội được triển khai thực hiện đồng bộ, tích cực góp phần ổn định, nâng cao đời sống nhân dân. Công tác đào tạo nghề được thực hiện khá tốt, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết). Công tác giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động được mở rộng, kết nối với các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng; tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm còn 3,42%, thấp hơn mặt bằng chung của cả nước. Công tác đền ơn đáp nghĩa, thực hiện chính sách đối với người có công, ngoài việc tiếp tục hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận người có công theo quy định của Đảng, Nhà nước, tỉnh đã thực hiện tốt việc trợ cấp từ ngân sách cho các đối tượng và triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nhà ở cho người nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12-12-2008 của Thủ tướng Chính phủ *về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở,* đạt 11.390 căn. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,5%.

Khoa học - công nghệ có bước đổi mới về tổ chức và hoạt động. Các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ chủ yếu tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc trong sản xuất, nhất là công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi, bảo quản và chế biến nông sản. Trong 5 năm 2010-2015, tỉnh đã quản lý, triển khai 129 đề tài, dự án khoa học - công nghệ; tỷ lệ ứng dụng đạt 85%

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường bước đầu có sự chuyển biến tích cực. Nhận thức về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên và môi trường trong các cấp, các ngành và nhân dân được nâng lên. Một số công trình ứng phó biến đổi khí hậu được tiếp tục đầu tư, bước đầu phát huy tác dụng. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nhất là trong xử lý rác, nước thải và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có tiến bộ.

Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và khu vực phòng thủ được bảo đảm vững chắc. Chất lượng công tác diễn tập được nâng lên. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh và đào tạo cán bộ quân sự ở cơ sở được chú trọng. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, tuyển quân hằng năm đều đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Các ngành, địa phương đã chủ động phối hợp nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý các tình huống phát sinh, bảo vệ tốt an ninh chính trị, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Tổ chức nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình phòng, chống tội phạm có hiệu quả, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, kéo giảm tội phạm, tệ nạn, tai nạn xã hội và tai nạn giao thông.

Xây dựng hệ thống chính trị có chuyển biến tích cực, nhất là qua thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) *về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay.* Các cấp ủy chú trọng thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ; đổi mới phong cách,

lề lối làm việc; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Việc tuyển dụng, bố trí cán bộ được thực hiện thông qua thi tuyển và căn cứ năng lực sở trường; mạnh dạn phân công, giao việc, luân chuyển để rèn luyện, thử thách. Đã tổ chức thí điểm thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao chất lượng bổ nhiệm. Trong nhiệm kỳ, có trên 35 nghìn lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và luân chuyển, biệt phái trên 100 cán bộ; kết nạp được 11.293 đảng viên mới, đạt 102,66% chỉ tiêu Nghị quyết; nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên 50.042 người, chiếm 3,98% dân số. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng được tăng cường, các vụ, việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, xử lý đúng người, góp phần giáo dục, ngăn ngừa sai phạm. Số đảng viên vi phạm ở năm cuối nhiệm kỳ giảm đáng kể so với các năm trước.

Hoạt động của bộ máy chính quyền có nhiều tiến bộ. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện khá tốt công tác chỉ đạo, điều hành; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Công tác cải cách thủ tục hành chính được tập trung thực hiện theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, trực tiếp giải quyết yêu cầu chính đáng của dân; các loại hình dịch vụ công phát triển. Kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp; đề án xây dựng chính quyền điện tử đến cấp xã, phường, thị trấn được triển khai thực hiện, phục vụ tốt công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành.

Công tác dân vận được tăng cường, từng bước đi vào chiều sâu. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được quán triệt trong dân trước khi thực hiện. Hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tiếp tục được củng cố, kiện toàn, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong công tác vận động, tập hợp

nhân dân, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận xã hội. Nhiều phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động được nhân dân đồng tình hưởng ứng, đem lại hiệu quả thiết thực.

Hội nghị cũng đã đánh giá khách quan, sâu sắc những hạn chế, khuyết điểm:

- Kinh tế phát triển chậm, nhiều chỉ tiêu đạt thấp so với Nghị quyết đề ra. Tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, GDP bình quân đầu người, vốn đầu tư phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới không đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

- Văn hóa - xã hội chuyển biến chưa đều, một số lĩnh vực còn nhiều bất cập. Chất lượng dân số, nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật giỏi chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám và điều trị bệnh tuyến huyện, tuyến cơ sở chưa thật đồng bộ. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa rộng, mạnh. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, chất thải ở các khu công nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu hiệu quả chưa cao. Hoạt động văn hóa, văn nghệ chưa thật phong phú, đa dạng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" nhiều nơi chậm củng cố, nâng chất. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng thiếu bền vững.

- Quốc phòng - an ninh còn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định. Tình hình an ninh, trật tự ở một số địa bàn, lĩnh vực còn khá phức tạp, nhất là tình hình an ninh nông thôn, khiếu kiện tranh chấp đất đai đông người, vượt cấp; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa hiểu rõ và có ý thức chủ động phòng chống âm mưu "diễn biến hòa bình" thâm độc của các thế lực thù địch.

- Hệ thống chính trị chuyển biến chưa thật đồng bộ; một số tổ chức cơ sở đảng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu còn yếu. Công tác chính trị tư tưởng; tuyên truyền, học tập, quán triệt nghị quyết một số nơi thực hiện chưa tốt, tính thuyết phục, tính chiến đấu chưa cao. Việc thực hiện kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) còn chậm. Một số tổ chức đảng thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng không nghiêm, chất lượng sinh hoạt kém, thực hiện chưa tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu còn yếu. Tỷ lệ đảng viên vi phạm, bị xử lý kỷ luật, nhất là cấp ủy viên còn ở mức cao.

Công tác quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền một số nơi hiệu lực, hiệu quả còn hạn chế. Cải cách hành chính và nâng cao chất lượng thực thi công vụ chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận cán bộ, công chức còn đùn đẩy trách nhiệm, gây phiền hà, nhũng nhiễu, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chính quyền.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội một số nơi chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, còn biểu hiện hành chính hóa; quản lý đoàn viên, hội viên chưa chặt chẽ, chất lượng sinh hoạt chưa cao; trình độ, năng lực một bộ phận cán bộ còn hạn chế; công tác giám sát, phản biện còn nhiều lúng túng.

Gần cuối nhiệm kỳ, ngày 3-3-2014, Ban Bí thư quyết định đồng chí Phan Văn Mãi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ngày 27-1-2015, Bộ Chính trị ra quyết định điều động, phân công đồng chí Nguyễn Thành Phong - Bí thư Tỉnh ủy, đi nhận nhiệm vụ mới. Tỉnh ủy đã bầu đồng chí Võ Thành Hạo, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh làm Bí thư Tỉnh ủy (ngày 16-3-2015). Đồng thời, bầu đồng chí Cao Văn Trọng - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (ngày 2-6-2015).

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X

Đại hội đại biểu Đảng bộ Bến Tre lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) đã họp trong ba ngày từ ngày 12 đến ngày 14-10-2015. Dự đại hội có đồng chí Nguyễn Thiện Nhân - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí Nguyễn Minh Triết - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng chí Trương Vĩnh Trọng - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, đại diện lãnh đạo các ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương, các bộ, ngành, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, các Mẹ Việt Nam Anh hùng và 342 đại biểu chính thức đại diện cho ý chí nguyện vọng của trên 5 vạn đảng viên trong tỉnh. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X nhiệm kỳ 2010-2015, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà giai đoạn 2015-2020, thảo luận đóng góp các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X (nhiệm kỳ 2015-2020) và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Đại hội đã phân tích đánh giá những thành tựu, ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và rút ra 5 bài học kinh nghiệm trong nhiệm kỳ 2010-2015:

Thứ nhất, khi đề ra chủ trương, nghị quyết phải xuất phát từ thực tế khách quan, trên cơ sở khả năng nguồn lực và điều

kiện để bảo đảm thực hiện. Trong tổ chức thực hiện phải bám nghị quyết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo một cách quyết liệt, chủ động, sáng tạo, đồng bộ, thống nhất; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, làm cơ sở để tiếp tục chỉ đạo.

Thứ hai, trong lãnh đạo phát triển kinh tế phải đa dạng hóa nguồn lực, coi trọng cả phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực. Đầu tư cho phát triển phải hài hòa các lĩnh vực nhưng có trọng tâm, trọng điểm, tạo được đột phá. Quán triệt sâu sắc quan điểm lấy an dân làm gốc, phát triển làm mục tiêu; an dân là cơ sở của phát triển.

Thứ ba, sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, sự kế thừa và phát huy truyền thống, sự đồng thuận trong nhân dân là yếu tố quyết định của sức mạnh, là động lực của phát triển. Phải chủ động trong công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền, thực sự phát huy dân chủ, lắng nghe nhiều chiều, nhiều kênh thông tin, tôn trọng và tiếp thu có chọn lọc ý kiến phản biện, khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân, nói đi đôi với làm.

Thứ tư, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; trong đó, chú trọng xây dựng văn hóa Đảng mà trọng tâm là thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, nâng cao tính chiến đấu, bản lĩnh của cán bộ, đảng viên, phát huy tốt vai trò và chức năng của chi bộ.

Thứ năm, thực sự coi trọng công tác lựa chọn, bố trí cán bộ, nhất là người đứng đầu. Người đứng đầu vừa phải bảo đảm năng lực, phẩm chất, gương mẫu, vừa phải kiểm soát được tình hình, không để xảy ra mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước trong đơn vị, địa phương mình phụ trách; quan tâm chăm lo xây dựng đội

ngũ cán bộ, đảng viên có tâm, có tầm, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Chủ đề của Đại hội là "Phát huy tinh thần Đồng khởi, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; tích cực huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân".

Mục tiêu chung là: Tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng. Tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và môi trường đầu tư. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy tốt vai trò tập hợp sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh phong trào thi đua "Đồng khởi mới", tạo sự chuyển biến đột phá trong huy động các nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển gắn với phát triển văn hóa và xây dựng con người, bảo vệ môi trường; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm thay đổi diện mạo đô thị, nông thôn theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại. Phấn đấu đến năm 2020, người dân Bến Tre có mức sống ngang bằng với mức bình quân chung của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Để đạt các mục tiêu trên, Đảng bộ, quân và dân Bến Tre thống nhất quán triệt phương châm hành động suốt nhiệm kỳ là: "Dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, năng động, đổi mới". Đồng thời, nêu lên những chỉ tiêu cụ thể và 12 nhiệm vụ, giải pháp.

Chỉ tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn (2015-2020): tăng từ 7 đến 7,5%/năm. Khu vực I tăng 4%/năm; khu vực II tăng 13%/năm; khu vực III tăng 7,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Khu vực I: 32%; Khu vực II: 22,5%; Khu vực III: 41,5% và thuế sản phẩm 4%.

- GRDP bình quân đầu người đến cuối năm 2020 đạt 48,6 triệu đồng (2.100USD).

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 15.900 tỷ đồng; tăng thu bình quân 12,7%/năm.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 80.200 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 5.660 triệu USD, tăng bình quân 15,5%.

- Xây dựng thành phố Bến Tre đạt tiêu chí đô thị loại II; các thị trấn Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV và 20 trung tâm xã đạt tiêu chí đô thị loại V; có 45 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới, các xã còn lại đạt ít nhất 10 tiêu chí; phấn đấu huyện Chợ Lách cơ bản đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ trên 10%, mẫu giáo 80%, tiểu học 99,9%, trung học cơ sở 98%; có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học và tương đương, 240 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%; đạt 9,37 bác sĩ/1 vạn dân, 26,72 giường bệnh/1 vạn dân.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5%/năm; tạo thêm việc làm mới cho 18.000 lao động/năm; xuất khẩu 500 lao động/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 60 đến 65%; trong đó, lao động qua đào tạo nghề đạt 30% vào năm 2020.

- Đến năm 2020, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, nước sạch đạt 55%.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng, chống, hạn chế đến mức thấp nhất phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội, kéo giảm tai nạn giao thông cả ba mặt; giải quyết cơ bản các vụ khiếu kiện kéo dài, không để xảy ra điểm nóng, khiếu kiện đông người, vượt cấp.

- Xây dựng hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh; bộ máy chính quyền hoạt động năng động, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đổi mới công tác vận động quần chúng, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân. Tích cực chăm lo nguồn nhân lực mới cho Đảng, đến cuối nhiệm kỳ kết nạp mới từ 8.000 đến 8.500 đảng viên.

Những nhiệm vụ, giải pháp:

1) Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, tập trung hai mũi nhọn là kinh tế vườn và kinh tế biển.

2) Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp để đẩy nhanh tốc độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

3) Phát triển đa dạng các loại hình thương mại, dịch vụ, du lịch.

4) Tích cực huy động, thu hút các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới.

5) Nâng cao chất lượng hoạt động tài chính, ngân hàng...

6) Tập trung chăm lo phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động y tế, văn hóa, thể dục, thể thao.

7) Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng

hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ.

8) Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

9) Tăng cường công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

10) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư.

11) Nâng cao hiệu quả công tác vận động nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành (khóa X) gồm 52 đồng chí (có 9 nữ), Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 16 đồng chí (có 1 nữ); đồng chí Võ Thành Hạo, tái đắc cử Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí: Phan Văn Mãi - Phó Bí thư Thường trực, Trần Ngọc Tam - Phó Bí thư phụ trách xây dựng Đảng, Cao Văn Trọng - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy 9 đồng chí; bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng gồm 17 đồng chí chính thức và 2 đồng chí dự khuyết.

Những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đạt được trong 30 năm đổi mới khá toàn diện và vô cùng quan trọng, tạo ra thế và lực mới, tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn.

Dự và chỉ đạo Đại hội, đồng chí Nguyễn Thiện Nhân - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay mặt Bộ Chính trị đánh giá cao những thành tựu quan trọng, khá toàn diện mà Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã đạt được trong nhiệm kỳ 2010-2015; đồng thời, đồng tình cơ bản với các định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2015 -2020.

Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân đề nghị đại biểu đại hội thảo luận về hiện trạng năng suất lao động của Bến Tre so với giai đoạn trước 2005-2010 và so với các tỉnh trong vùng, đồng thời, xác định chỉ tiêu năng suất lao động cho giai đoạn 2015-2020, vì cuối cùng thước đo đầu ra của mô hình tăng trưởng mới là ở năng suất lao động. Đồng chí cũng đề nghị đại hội bàn về sự cần thiết phải chuyển mạnh, dứt khoát, từ hộ nông dân sản xuất riêng lẻ sang mô hình liên kết sản xuất qua hợp tác xã kiểu mới và liên kết với doanh nghiệp, với các nhà khoa học, liên kết với ngân hàng, để sản xuất quy mô lớn, hiệu quả cao.

Ngoài ra, đồng chí Nguyễn Thiện Nhân cũng cho rằng Bến Tre là tỉnh có sản lượng dừa lớn nhất cả nước. Nếu 163.000 hộ trồng dừa của Bến Tre liên kết lại, hình thành vài trăm hợp tác xã trồng và chế biến dừa thì ngành dừa Bến Tre sẽ có phát triển đột phá. Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân nhấn mạnh, bên cạnh nông nghiệp thì du lịch là một ngành kinh tế mà Bến Tre có thế mạnh tiềm năng rất lớn, bắt nguồn từ tài nguyên thiên nhiên, lịch sử văn hóa và lịch sử đấu tranh cách mạng hào hùng của quê hương Đồng Khởi. Để du lịch Bến Tre phát triển đột phá thì đổi mới mô hình phát triển du lịch là khâu quyết định. Cần có quy hoạch và chiến lược phát triển du lịch liên kết vùng, mỗi tỉnh, thành phố là một mắt xích với giá trị văn hóa du lịch địa phương đặc sắc.

KẾT LUẬN

Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Bến Tre là một bộ phận hữu cơ của lịch sử Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Tám mươi lăm năm qua, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân chiến đấu và xây dựng vì độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân lập nên nhiều chiến công và thành tựu làm rạng rỡ dân tộc Việt Nam.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre là lịch sử của sự vận dụng sáng tạo đường lối chung của Đảng qua các thời kỳ cách mạng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Bến Tre qua phong trào yêu nước của quần chúng nông dân lao khổ và một bộ phận trong tầng lớp "tiểu trí thức" tiên tiến, giác ngộ ở nông thôn.

Chính từ phong trào yêu nước bắt gặp và kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổ chức cộng sản sớm ra đời trên mảnh đất cù lao ngay từ những ngày đầu dựng Đảng.

Tháng 4-1930, Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Tân Xuân (Ba Tri) ra đời đã mở đầu cho thời kỳ sục sôi cách mạng trên đất Bến Tre. Bão táp của cách mạng vô sản nổi lên từ ấy. Mở đầu là cuộc biểu tình của 200 người tại ngã ba Cây Da Đôi (Tân Xuân - Ba Tri) nhân kỷ niệm Ngày quốc tế lao động 1-5-1930. Tiếp đến là cuộc biểu tình của 10.000 người tại vùng Ba Châu (Giồng Trôm ngày nay); biểu tình của hàng ngàn người diễn ra trên địa bàn Ba Tri và Giồng Trôm (ngày 27-10-1930) và ngày 25-2-1930 Chi bộ Tân Hào (Giồng Trôm ngày nay) tổ chức míttinh tại Gò Trạm,... để ủng hộ phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Từ tháng 3 đến tháng 5-1931, phong trào lên đến đỉnh cao với 16 cuộc biểu tình lớn nhỏ. Sở Mật thám Sài Gòn nhận

định rằng, Bến Tre là một trong 8 tỉnh ở Nam Kỳ có tổ chức cộng sản mạnh nhất. Tháng 5-1930, Tỉnh ủy Bến Tre được thành lập - đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong phong trào đấu tranh của nhân dân Bến Tre. Tiếp sau là thời kỳ 1936-1939, Đảng bộ tỉnh đã chuẩn bị những điều kiện rất quan trọng cho phong trào giải phóng dân tộc tiếp sau. Đó là thông qua các cuộc vận động cách mạng rộng lớn, Đảng bộ đã rèn luyện cho đội ngũ cán bộ của mình về nghệ thuật tổ chức quần chúng và lãnh đạo đấu tranh vô cùng phong phú và sinh động.

Trong khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, mặc dù giữa lúc Đảng bộ tỉnh và lực lượng quần chúng trong tỉnh bị đế quốc khủng bố, cơ sở cách mạng bị tan rã gần hết nhưng Đảng bộ tỉnh đã tập hợp lực lượng còn lại để cùng Đảng bộ Nam Kỳ tiến hành khởi nghĩa, thực hiện bằng được chỉ đạo của Xứ ủy.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhận thức được thời cơ và trách nhiệm lịch sử của mình, Đảng bộ tỉnh đã nỗ lực chạy đua với thời gian, chuẩn bị đội ngũ chiến đấu, kịp thời gian đứng lên giành chính quyền thắng lợi, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"[1].

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc đổi đời lịch sử. Ai có sống trong đêm trường nô lệ đói rét, lầm than (95% dân số Bến Tre là nông dân, nhưng có đến 65% nông dân không có đất; 100% dân số có đến 90% không biết chữ; cả tỉnh chỉ có một dưỡng đường,...) thì mới thấy hết sức mạnh kỳ diệu của cách mạng. Nhân dân anh hùng, giai cấp tiên phong, Đảng vĩ đại đã thực hiện ước mơ ngàn đời của người dân đó là độc lập dân tộc, người cày có ruộng...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 596.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, thực dân Pháp đã quay trở lại đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, rồi bung ra đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ thực hiện dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Nhân dân Bến Tre cùng với cả dân tộc làm một cuộc trường chinh lịch sử 30 năm, bằng hai cuộc kháng chiến gian khổ, đầy máu và nước mắt để giữ lấy thành quả cách mạng mà Đảng đã đem lại.

Trong cuộc kháng chiến lâu dài, do vị trí địa lý nằm trong địa bàn chiến lược bản lề giữa hai chiến trường Đông và Tây Nam Bộ, thực dân Pháp cũng như đế quốc Mỹ đều coi Bến Tre là địa bàn trọng điểm càn quét, bình định của chúng. Phong trào kháng chiến trong tỉnh có lúc bị địch tập trung lực lượng đánh phá ác liệt, nên đã diễn ra nhiều lần từ một tỉnh có vùng giải phóng rộng lớn, có phong trào chiến tranh nhân dân phát triển, thành tỉnh bị địch chiếm đóng hoàn toàn như những năm 1951-1952 trong kháng chiến chống thực dân Pháp và những năm 1969-1971 trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước.

Những lúc như vậy, phong trào cách mạng trong tỉnh sa sút nghiêm trọng, bị mất đất, mất dân, cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng bị tổn thất nặng nề, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Bến Tre phải tăng cường đoàn kết, tự lực tự cường, kiên cường bám trụ và bám chặt vào nhân dân để tồn tại.

Nhờ sự chuyển hướng của trên, với sự nỗ lực vượt bậc của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, từng bước đã làm chuyển biến tình hình trong các năm 1970-1971, tạo thế, tạo lực tiến lên thực hành chiến dịch tiến công tổng hợp; đánh phá bình định, giành thắng lợi to lớn trong năm 1972, góp phần cùng cả nước buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari, làm chuyển biến hẳn cục diện chiến trường.

Trong những tháng đầu thi hành Hiệp định Pari, do ta không đánh giá hết bản chất ngoan cố và âm mưu mới của Mỹ - ngụy và do ảo tưởng hòa bình, chập chờn do dự giữa tình hình thực tế và chủ trương của trên, không kịp thời và kiên quyết tiến công địch nên trong thời gian ngắn, địch đã lấn chiếm nhiều địa bàn trọng yếu trong tỉnh. Nhận rõ khuyết điểm, từ tháng 10-1973, quân dân trong tỉnh đã chuyển mạnh lên, phản công và tiến công địch tạo thế mới, lực mới, cùng với toàn Miền thực hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, tự lực giải phóng quê hương, phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chung, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Quân và dân Bến Tre cũng như quân và dân Nam Bộ xứng đáng với danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc" mà Đảng và Bác Hồ đã trao tặng; đã anh dũng mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai ngày 23-9-1945 và kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vào ngày 30-4-1975 tại Sài Gòn - nơi tiếng súng mở đầu cuộc chiến tranh 30 năm về trước. Trải qua đấu tranh oanh liệt trên mỗi chặng đường cách mạng, Đảng bộ tỉnh đã nhanh chóng lớn mạnh, trưởng thành trong lòng nhân dân.

Đương nhiên, có được điều đó, Đảng bộ tỉnh đã phải trải qua biết bao thử thách, hy sinh.

Hàng ngàn người con ưu tú của Đảng, của dân tộc đã ngã xuống, hàng trăm cán bộ, đảng viên bị tra tấn, tù đày... Tất cả đều sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân.

Theo thống kê chưa đầy đủ, tỉnh Bến Tre có: 35.365 liệt sĩ, 15.365 thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; hàng chục ngàn người có công giúp đỡ cách mạng; trên 5.000 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Sau ngày 30-4-1975, đặc biệt là từ năm 1986, đất nước ta chuyển sang thời kỳ lịch sử mới, vẫn là thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhưng mục tiêu dâu dài là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xu thế tất yếu để đạt mục tiêu trên.

Qua 40 năm phấn đấu không ngừng, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân Bến Tre vượt qua bao khó khăn, thách thức, đã giành được những thành tựu quan trọng: kinh tế tăng trưởng liên tục, chính trị ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Từ thực tiễn của 85 năm đấu tranh cách mạng và tiến hành chiến tranh giải phóng trên mảnh đất Bến Tre với những chiến thắng, thành công, cùng với những khó khăn, khuyết điểm tạm thời, cục bộ, có thể rút ra những bài học lớn sau:

1. Quán triệt đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng và tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện lịch sử cụ thể của địa phương

Đường lối cách mạng của Đảng ta do Trung ương đề ra là hệ thống những quan điểm tư tưởng, nguyên tắc, phương châm chỉ đạo cách mạng; chỉ đạo chiến tranh, được đề ra qua các hội nghị Trung ương, hội nghị Bộ Chính trị. Hệ thống ấy xác định chính xác đối tượng, động lực và những lực lượng cơ bản của cách mạng. Do đó, quán triệt và chấp hành đầy đủ đường lối của Đảng là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng Bến Tre từ trước đến nay. Quán triệt và chấp hành là phải nắm vững đường lối của Đảng và dựa trên cơ sở phân tích tình hình cụ thể của địa phương đánh giá địch, ta đúng đắn để đề ra chủ trương sát đáng, phương châm

phù hợp với địa phương, bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương đó.

Trong quá trình lãnh đạo, khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, trên cơ sở quán triệt đường lối chính trị, đường lối quân sự, trên cơ sở phân tích tình hình cụ thể của địa phương, Đảng bộ Bến Tre đã vận dụng đường lối ấy một cách chủ động, kiên quyết, linh hoạt và sáng tạo với nhiều phương thức tiến công phong phú.

Trên chiến trường Bến Tre, nhờ quán triệt quan điểm bạo lực và tư tưởng cách mạng tiến công, quân và dân trong tỉnh từ tay không làm nên Cách mạng Tháng Tám thành công; tuy gặp muôn vàn khó khăn, trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" đã dũng cảm đứng lên đánh trả thực dân Pháp trở lại xâm lược làm thất bại âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của chúng. Từ đó tổ chức và chỉ đạo cuộc chiến tranh ngày càng chặt chẽ, đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, tác chiến ngày càng có hiệu quả, phong trào du kích chiến tranh được đẩy mạnh và phát triển rộng khắp, góp phần và phối hợp cùng cả nước giành thắng lợi to lớn trong Đông - Xuân 1953-1954 buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam còn phải tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

Cuộc đấu tranh mới diễn ra trong tình hình ta không còn chính quyền và quân đội, đế quốc Mỹ thực hiện ý đồ xâm lược miền Nam Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, ta chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần, kẻ địch ra sức khủng bố tàn sát hàng loạt cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng... Phong trào cách mạng Bến Tre vào thời kỳ đen tối. Thực tế đó, giúp Đảng bộ tỉnh thấy rõ hơn vấn đề phải nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng.

Vì vậy, trước khi có Nghị quyết 15 của Đảng, Bến Tre đã "làm lén" diệt ác, trừ gian, "mở xiềng" cho quần chúng. Khi có Nghị quyết 15 của Đảng, nhân dân Bến Tre bằng tầm vông vạt nhọn đã vùng lên "Đồng khởi" nhanh chóng làm tan rã chính quyền địch, giành quyền làm chủ ở vùng nông thôn rộng lớn, tạo cho phong trào cách mạng chuyển sang thế tiến công địch và chuyển thành chiến tranh cách mạng.

Thực tế đó đã chứng minh: Tin tưởng vào đường lối của Đảng, quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng và tư tưởng tiến công sẽ là sức mạnh tinh thần của đảng viên và quần chúng, nguồn gốc của quyết tâm, sức mạnh sáng tạo và là động lực thúc đẩy hành động.

Trong quá trình tiến hành chiến tranh cách mạng (1961-1975), Đảng bộ tỉnh luôn nắm vững quan điểm bạo lực và tư tưởng chiến lược tiến công, lấy chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân địa phương để đánh bại chiến tranh xâm lược của địch... Thường xuyên chăm lo xây dựng hai lực lượng cơ bản là lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, thực hiện khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng với phương châm đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị song song, sau đó, lấy đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định trực tiếp, tiến tới tiến công đồng loạt, đánh tan ngụy quân, đánh sụp ngụy quyền giành chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân.

Thực tế của cuộc chiến tranh giải phóng đã chứng minh những vấn đề căn bản trên. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ta nắm vững đường lối, quan điểm bạo lực của Đảng, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công thường xuyên, liên tục cùng với tổ chức các đợt tiến công chiến lược: Mùa Xuân năm 1968 (buộc địch phải xuống thang chiến tranh); năm 1972, buộc địch phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam

(rút hết quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam). Tuy có lượng sượng ban đầu sau khi ký Hiệp định Pari, khi được Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 (khóa III) soi sáng, nhân dân Bến Tre lại vùng lên phản công và tiến công địch.

Thông thường, trước những bước ngoặt của lịch sử, khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới là lúc có nhiều khó khăn, thử thách, làm bộc lộ bản lĩnh, trình độ, phẩm chất năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, như những năm 1950-1951 trong kháng chiến chống thực dân Pháp, 1969-1970 và đầu năm 1973 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Một kinh nghiệm lớn của Đảng bộ tỉnh là vào những thời điểm đó Đảng bộ phải vững vàng, kiên định mục tiêu, phương hướng của Trung ương Đảng đề ra, đồng thời phải khôn khéo trong sách lược. Trên cơ sở nắm vững đường lối của Đảng, phải nhận rõ bản chất của kẻ địch, phải căn cứ vào hành động cụ thể của địch để quyết định hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp; đồng thời, quyết định hình thức tổ chức và quy mô tiến công địch cho phù hợp, khắc phục tư tưởng mơ hồ, hữu khuynh.

Trong xây dựng quê hương 40 năm qua, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của Bến Tre, thông qua việc ban hành các nghị quyết, chủ trương, chính sách phù hợp, như: nghị quyết về phát triển công nghiệp, về tập trung phát triển hai thế mạnh kinh tế của tỉnh là kinh tế biển, kinh tế vườn; gần đây nhất là các nghị quyết chuyên đề mang tính đột phá trong công nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, phát triển toàn diện ba huyện biển, xây dựng nông thôn mới...

Tóm lại, trong hai cuộc kháng chiến và 40 năm xây dựng trong hòa bình, phong trào cách mạng Bến Tre thường gặp những khó khăn lớn, có những khó khăn tưởng chừng như không vượt qua nổi.

Nhưng sau mỗi lần được học tập, quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Trung ương, tạo được nhất trí cao trong Đảng bộ, xây dựng được lòng tin vững chắc của đảng viên và quần chúng vào đường lối, chủ trương của Đảng, phong trào cách mạng trong tỉnh lại tạo được sinh khí mới, một sức mạnh mới, đẩy lùi khó khăn, giành thắng lợi to lớn hơn. Do đó, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ tỉnh rất coi trọng việc tổ chức học tập, phổ biến cho đảng viên và quần chúng các nghị quyết và những chủ trương lớn của Đảng.

Một mặt để quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, đồng thời nắm bắt đầy đủ kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, văn hóa, xã hội của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng, nhằm từ đó đề ra nhiệm vụ chính trị của địa phương đúng đắn, sáng tạo.

2. Xây dựng Đảng bộ đoàn kết, kỷ cương, vững mạnh, toàn diện là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi

Đảng Cộng sản Việt Nam là người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta; Đảng bộ địa phương có vững mạnh mới phát động được hành động cách mạng của quần chúng để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra cho mỗi địa phương.

Tám mươi lăm năm lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ Bến Tre thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Là một Đảng bộ gồm tuyệt đại đa số đảng viên xuất thân từ nông dân lao động, do đó, từ ngày đầu thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh đã rất coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, bồi dưỡng lập trường tư tưởng giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên, đấu tranh

chống mọi biểu hiện phi vô sản, xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Thông qua các cuộc vận động, giáo dục chính trị được tổ chức thường xuyên, chế độ sinh hoạt Đảng, phê bình và tự phê bình được tiến hành đều đặn, trình độ chính trị tư tưởng thể hiện trong việc nắm đường lối chính sách của cán bộ, đảng viên được nâng lên, đạo đức, tác phong, ý chí chiến đấu được bồi dưỡng vững vàng. Các tổ chức đảng đã thực hiện tốt vai trò tiên phong, lãnh đạo quần chúng hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Việc đấu tranh nội bộ đã khắc phục tư tưởng hẹp hòi, cục bộ địa phương, tư tưởng nôn nóng chủ quan, thỏa mãn trước thắng lợi, dao động, hữu khuynh trước khó khăn,... đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên để tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, chủ động phòng ngừa trước những bước ngoặt, những chuyển biến lớn của tình thế cách mạng.

Kinh nghiệm cho thấy, trong những khúc quanh của lịch sử, nhờ tăng cường đoàn kết, thống nhất, đồng bộ, đồng loạt, đồng lòng, "nhất hô bá ứng" thì khó khăn nào cũng vượt qua; ngược lại, nếu chia rẽ, tranh giành địa vị, tham vọng quyền lực, vật chất thì Đảng bộ suy yếu và không hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, phong trào chìm lắng. Thực tế cho thấy, nếu không có sự đoàn kết, thống nhất, kỷ cương, thiếu sự chuẩn bị đầy đủ tư tưởng cho cán bộ, đảng viên thì trước những đột biến của phong trào như những năm 1951, 1959, 1979-1971, ta sẽ vấp phải những khó khăn lớn và phải trả giá bằng sự hy sinh gian khổ khôn lường.

Xây dựng Đảng đoàn kết, thống nhất, vững mạnh về chính trị tư tưởng phải gắn liền với việc xây dựng về tổ chức. Đảng bộ Bến Tre đã hết sức coi trọng xây dựng và củng cố tổ chức,

nhất là ở cơ sở nơi Đảng hằng ngày liên hệ với quần chúng, trực tiếp giải quyết những vấn đề do quần chúng đặt ra. Cơ sở là nền tảng, là tai mắt của Đảng. Cơ sở có mạnh thì mới có phong trào mạnh và Đảng mới mạnh. Cơ sở đảng mạnh mới bồi dưỡng rèn luyện cán bộ, đảng viên về đạo đức, tác phong và năng lực công tác, nhằm nâng cao chất lượng các chi bộ và đảng bộ cơ sở, làm cho các tổ chức đó đủ năng lực động viên tổ chức, quần chúng đồng thời phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo của quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình.

Để tăng cường kiện toàn tổ chức cơ sở đảng hơn 80 năm qua, trong từng thời điểm khác nhau, Tỉnh ủy đã nêu nguyên tắc trên phải sát dưới, tỉnh nắm huyện, huyện nắm xã, cấp ủy viên trực tiếp phụ trách hoặc làm bí thư đảng bộ cấp dưới. Nhiều chi bộ và đảng bộ xã đã thể hiện được năng lực hoạt động độc lập của mình. Việc củng cố nâng chất lượng các chi bộ Đảng phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng đảng viên, gắn liền với nhiệm vụ chính trị mà đảng viên đang đảm nhiệm.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng của mình, Đảng bộ Bến Tre đã nhiều lần thành lập phân ban Tỉnh ủy đưa cấp ủy viên xuống dưới rồi lại tập trung kịp thời, đã thể hiện Đảng bộ thường xuyên giải quyết mối quan hệ giữa lãnh đạo tập trung và phân tán đi sát chỉ đạo cơ sở, chỉ đạo phong trào.

Theo yêu cầu và nhiệm vụ chính trị của mỗi thời kỳ, việc kiện toàn cấp ủy được chú trọng đúng mức về cơ cấu, thành phần, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy được toàn diện, sát ngành, sát cơ sở, lãnh đạo chung với chỉ đạo riêng, vừa chỉ đạo bao quát, vừa nắm vững công tác trung tâm, giải quyết tốt đồng thời cả hai mặt điểm và diện.

Để xây dựng Đảng vững mạnh, Đảng bộ tỉnh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển và củng cố Đảng. Phải qua phong trào cách mạng của quần chúng để lựa chọn những phần tử ưu tú đưa vào hàng ngũ Đảng, làm cho Đảng luôn sung sức, mạnh cả về số lượng và chất lượng, đủ sức lãnh đạo phong trào ngày càng rộng lớn, nhiệm vụ cách mạng ngày càng nặng nề.

Nhiệm vụ chính trị của mỗi thời kỳ cách mạng khác nhau, cho nên phải nắm vững mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng đảng viên, giữa công tác củng cố và công tác phát triển Đảng, giữa yêu cầu và nhiệm vụ chính trị với xây dựng cơ cấu cán bộ, đảng viên, xây dựng và bố trí đảng viên trong lực lượng vũ trang, các tổ chức quần chúng trong chiến tranh hoặc trong những ngành kinh tế mũi nhọn.

Trong giai đoạn cách mạng mới, Trung ương Đảng đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là khâu then chốt. Công tác xây dựng Đảng là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Trung ương đã đề ra Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, kiên định mục tiêu, lý tưởng do Đảng đề ra.

Những năm qua, công tác xây dựng Đảng ở Bến Tre có nhiều chuyển biến tích cực cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ tỉnh đã chỉnh đốn được một bước tổ chức và nền nếp sinh hoạt Đảng, củng cố vai trò lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng. Song những chuyển biến đó còn thấp so với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn những bất cập. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, chưa kịp thời, tính chiến đấu còn yếu. Hệ thống tổ chức của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị có mặt chưa thật hợp lý, khoa học,

phù hợp với điều kiện mới. Công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, củng cố cơ sở Đảng,... còn có nhiều việc làm chưa tốt.

Những tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên như suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", quan liêu, tham nhũng, hối lộ,... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi và ngày càng diễn biến phức tạp.

Đảng ta đã chỉ rõ phương hướng xây dựng Đảng hiện nay là tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng nội bộ đoàn kết, kỷ cương, lấy xây dựng Đảng làm hạt nhân, xây dựng cán bộ chủ chốt tốt cả về phẩm chất và năng lực, làm gương cho cán bộ cấp dưới, đồng cam cộng khổ, trên thuận dưới hòa. Đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, trong đó nòng cốt là liên minh công - nông - trí bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong lãnh đạo đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến thành công.

Kinh nghiệm về xây dựng Đảng của Đảng bộ Bến Tre rất phong phú, có cả bài học thành công và chưa thành công, chẳng những có ý nghĩa to lớn trong thời kỳ lãnh đạo chiến tranh cách mạng mà còn có giá trị thiết thực trong thời kỳ Đảng cầm quyền, lãnh đạo xây dựng công cuộc đổi mới hiện nay.

3. Tin dân, dựa vào dân, xây dựng thực lực của cách mạng là cơ sở bảo đảm thắng lợi, bí quyết của thành công

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, tổ tiên ta đã rút ra bài học sâu sắc là "lấy dân làm gốc"; dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm "Cách mạng

là sự nghiệp của quần chúng" đã được quán triệt và phát huy cao độ. Trong suốt 80 năm hoạt động của mình, Đảng bộ Bến Tre ngay từ đầu đã xác định mục tiêu, lực lượng, phương thức tiến hành đấu tranh cách mạng và chiến tranh giải phóng vì dân, của dân và do dân nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mỗi lần gặp khó khăn và thử thách, Đảng bộ tỉnh lại lấy bài học "lấy dân làm gốc" để tìm lời giải đáp và giải quyết để đưa cách mạng tiến lên.

Quán triệt và vận dụng đúng đường lối và quan điểm quần chúng của Đảng, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Bến Tre đã kiên trì vận động nhân dân đứng lên làm cách mạng, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu. Trong hơn 30 năm chiến tranh giải phóng, dù thực dân Pháp hay đế quốc Mỹ cũng đều giành dân vô cùng quyết liệt với Đảng ta, Đảng bộ tỉnh luôn xem công tác dân vận là lĩnh vực hoạt động rộng lớn nhất, tập trung nhiều công sức nhất. Nhờ đó mà Đảng bộ tỉnh đã không ngừng phát triển thực lực chính trị và thực lực vũ trang của mình đủ sức đánh bại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù.

Tin vào dân, dựa vào dân, làm đúng nguyện vọng của dân là bí quyết thành công của Đảng bộ tỉnh.

Qua thực tiễn đấu tranh, quần chúng nhận thức rõ về Đảng và đảng viên chiến đấu hy sinh vì quyền lợi và hạnh phúc của nhân dân, vì vậy nhân dân cũng hết lòng sống chết bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên, che giấu bộ đội, vây hãm quân thù.

Trong những năm 1958, 1959, Bến Tre bị địch khủng bố ác liệt, cách mạng bị tổn thất nặng nề, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng bị bắt bớ, tù đày, giết hại nhưng cán bộ, đảng viên còn lại vẫn tồn tại trong dân, lãnh đạo toàn dân Bến Tre nổi dậy làm nên cuộc Đồng khởi thần kỳ; trong thời

kỳ địch phản kích ác liệt - với những thủ đoạn thâm độc, lập ấp chiến lược, tách dân ra khỏi Đảng, truy lùng cán bộ, tìm diệt cơ sở Đảng bằng chiến dịch "Phượng Hoàng", cùng các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, dụ hàng, trong những năm 1969-1970, nhờ thực hiện "3 bám", nhất là bám vào dân nên tổ chức đảng, lực lượng vũ trang tuy bị tổn thất nhưng vẫn tồn tại, chiến đấu với hình thức thích hợp đã phát triển. Thời kỳ này thật sự là "khó vạn lần" nhưng nhờ dân lo liệu nên đã vượt qua và phát triển.

Tin và dựa vào nhân dân, Đảng bộ tỉnh đã không ngừng giành và giữ quyền làm chủ ngày càng cao cho nhân dân, từ đó mà phát huy sức sáng tạo vô tận trong dân để chiến đấu với quân thù.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhân dân Bến Tre từ tay không làm nên cuộc Đồng khởi thần kỳ, với đội quân tóc dài nổi tiếng bao vây tấn công quân thù giữa chợ Mỏ Cày, từ tay không với vũ khí thô sơ tiến hành chiến tranh cách mạng, tổ chức lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân. Từ chỗ dân chỉ lo phục vụ chiến đấu và tản cư tránh địch nay đã trụ lại trên mảnh đất của mình sản xuất, chiến đấu bằng tất cả bản lĩnh, tài năng và trí sáng tạo của mình. Họ tấn công địch bằng ba mũi giáp công, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, là dũng sĩ diệt Mỹ, diệt ngụy, trực tiếp vừa đấu tranh vũ trang vừa đấu tranh chính trị vừa tấn công binh vận làm tan rã địch.

Nhân dân Bến Tre còn sáng tạo ra nhiều thứ vũ khí cùng lực lượng vũ trang đánh trả quân thù: nhân dân Giồng Trôm sử dụng bè cây kết bằng hàng trăm cây dừa phá cầu Bình Chánh trên đường 26, Nguyễn Văn Tư sử dụng ong vò vẽ, Lê Chính làm giàn mang ên phối hợp với lựu đạn gài, bắn lựu đạn bằng giàn thun vào đồn bốt địch, dùng bãi mìn đánh trực

thăng đổ quân, tự tạo các loại chông, mìn... Trong những năm địch bình định ác liệt, kìm kẹp gắt gao xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc như mạng nhện, bao vây, ngăn chặn các tuyến hành lang nhiều tầng, nhiều tuyến, ta và địch ở thế cài răng lược, nhờ biết tin và dựa vào dân nên nhân dân đã giải quyết những vấn đề về hậu cần, không những về lương thực, thực phẩm, thuốc trị bệnh mà còn cả máy móc, xăng dầu, dụng cụ phẫu thuật y tế, kể cả vũ khí,... thực hiện hậu cần nhân dân, giao liên nhân dân,... giúp cán bộ, chiến sĩ tồn tại chiến đấu và chiến thắng.

Tin tưởng vào dân, dựa vào dân nhưng phải căn cứ vào đường lối nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ lịch sử khác nhau, đồng thời phải căn cứ vào phương thức đấu tranh đã được xác định để có hình thức tổ chức thích hợp đã tập hợp quần chúng để cùng giúp nhau phát triển sản xuất, chăm lo đời sống, kịp thời thực hiện những chính sách bồi dưỡng sức dân, vạch rõ những âm mưu, thủ đoạn đánh phá, kìm kẹp của địch, chia rẽ dân tộc, chia rẽ giáo, lương để phát động nhân dân đấu tranh.

Tám mươi lăm năm đấu tranh giành và giữ chính quyền, sự tồn tại của các tổ chức cách mạng luôn luôn kết hợp cả hai mặt "bảo vệ mình, tiêu diệt địch". Trong thời kỳ 1930-1931, Đảng chỉ có bốn tổ chức quần chúng là Công hội, Nông hội, Phụ nữ và Đoàn Thanh niên Cộng sản. Thời kỳ 1936-1939 cũng như những năm đầu chống đế quốc Mỹ, phương thức là đấu tranh công khai, hợp pháp, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng nhiều hình thức tổ chức công khai biến tướng để tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân. Trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến nhằm hoàn thành mục tiêu cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng bộ tỉnh coi trọng các tổ chức Công đoàn, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, đồng thời chú trọng các

hình thức tập hợp quần chúng vào trong tổ chức mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc. Đặc biệt, tổ chức phụ nữ đã trở thành "đội quân tóc dài" là mũi tiến công lợi hại trong chiến tranh.

Bài học tin vào dân, dựa vào nhân dân trong đấu tranh cách mạng đã khẳng định: bất cứ việc gì, hợp lòng dân, dân tham gia nhiều thì thành công nhiều, nhân dân tham gia ít thì thành công ít, nhân dân không đồng tình thì gặp khó khăn hoặc thất bại.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, ở đâu và lúc nào tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên thường xuyên chăm lo lợi ích của dân, đồng cam, cộng khổ với dân thì ở đó Đảng và dân gắn bó chặt chẽ, cán bộ, đảng viên được dân tin, dân phục. Trái lại, ở đâu và lúc nào tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên xa dân, quay lưng lại với dân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thậm chí trù dập, ức hiếp dân thì ở đó sẽ bị dân oán ghét, chê trách. Đây cũng là kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng để chia rẽ Đảng với nhân dân.

Vận dụng kinh nghiệm trên đây, 40 năm từ ngày thống nhất đất nước, Đảng bộ tiếp tục giành nhiều thắng lợi mới qua các phong trào hành động cách mạng của quần chúng.

Tuy nhiên, trong giai đoạn cách mạng mới, tính chất, hình thức và đối tượng đấu tranh đã hoàn toàn khác. Trình độ giác ngộ của quần chúng cao hơn, đòi hỏi tổ chức quần chúng phải mạnh và phong phú hơn. Tổ chức Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản và Hội Phụ nữ ngày nay là nòng cốt của phong trào quần chúng trong tất cả các lĩnh vực cải tạo và xây dựng như: xây dựng nông thôn mới, xây dựng cầu và đường, giao thông nông thôn, công tác xóa đói, giảm nghèo,... đòi hỏi mọi hình thức, biện pháp và bố trí lực lượng phải đổi mới.

Bài học trên đây vẫn còn nguyên giá trị trong thời kỳ đổi mới và thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước để xây dựng và bảo vệ thành công chủ nghĩa xã hội.

4. Phát huy tính chủ động, ý chí tự lực tự cường, sáng tạo và linh hoạt trong vận dụng phương châm, phương pháp cách mạng

Trong thời kỳ kháng chiến, Bến Tre là một chiến trường xa Trung ương, địa hình đồng bằng với sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, dễ bị địch chia cắt, luôn bị kẻ địch tập trung bình định và đánh phá ác liệt, điều kiện chi viện của trên rất khó khăn, do đó để tiến hành kháng chiến trường kỳ và thắng lợi đòi hỏi Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phải đề cao tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, tự giải quyết những khó khăn thiếu thốn, để vượt qua mọi thác ghềnh thử thách.

Trong suốt 30 năm kháng chiến, bằng nguồn lực tại chỗ, Đảng bộ, quân và dân Bến Tre đã tự trang trải gần như toàn bộ vấn đề về tài chính, ăn mặc, lương thực, thực phẩm; thành lập công binh xưởng, công trường huyện, tổ vũ khí xã,... không những sản xuất được nhiều vũ khí thô sơ lợi hại, mà còn cải tiến nhiều loại vũ khí cơ bản phù hợp với hoàn cảnh chiến trường. Cùng với việc sản xuất vũ khí, bộ đội, dân quân, du kích trong tỉnh luôn coi trọng việc lấy vũ khí địch để đánh địch. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh không trông chờ, ỷ lại cấp trên, không cầu toàn, tùy hoàn cảnh và điều kiện thực tế của từng địa phương mà chủ động mở các lớp đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật để xây dựng và phát triển lực lượng của ngành y.

Trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, từng cán bộ, nhân viên luôn thể hiện tính sáng tạo "dám nghĩ, dám làm" để vượt qua những tình huống khó khăn, phức tạp nhất trong

hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Thành công của việc ứng dụng nước dừa tươi làm dịch truyền, tự tạo nhiều dụng cụ y khoa và hàng ngàn sáng kiến khác trong cấp cứu, điều trị, nuôi dưỡng và bảo vệ thương binh,... là những minh chứng, phản ánh quan điểm tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo của những người chiến sĩ "áo trắng". Cùng với việc huy động nguồn lực tại chỗ, dựa vào sức mình là chính, Đảng bộ Bến Tre luôn đặc biệt coi trọng nguồn chi viện sức người và vũ khí của Trung ương, đó là nguồn cơ bản quyết định thành bại của chiến tranh. Ngay những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ Khu 8 và Tỉnh ủy Bến Tre đã chủ động cử cán bộ tìm cách vượt qua mọi phòng tuyến của giặc, ra tận miền Bắc gặp Trung ương và Bác Hồ xin lực lượng và vũ khí chi viện chiến trường. Bước sang thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, chiến tranh ngày càng ác liệt, quy mô tái chiếm ngày càng cao và phức tạp. Để đáp ứng yêu cầu của chiến trường, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long cùng Bến Tre vừa tự lực, tự cường xây dựng và chiến đấu, vừa tìm cách mở đường biển ra miền Bắc xin Trung ương chi viện sức người, sức của. Từ những năm 1962, bằng đường Hồ Chí Minh trên biển và sau đó bằng đường quá cảnh sang đất bạn Campuchia, đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có Bến Tre đã nhận được sự chi viện to lớn về sức người, sức của của trên mới đủ sức để giáng những đòn quyết định vào kẻ thù, làm nên chiến thắng, nổi bật là cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân năm 1968, chiến dịch tổng hợp Xuân - Hè năm 1972 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975, kết thúc 30 năm chiến tranh.

Trong 40 năm xây dựng lại quê hương và nhất là trong bốn nhiệm kỳ đại hội (cuối thế kỷ XX đến năm 2015), tính năng động, tự lực tự cường, chủ động sáng tạo được phát huy rất lớn; nếu không chủ động sáng tạo, không tự lực, tự cường thì

khó mà có được những thành tựu như hôm nay, đó là hệ thống kết cấu hạ tầng, cầu, đường, thủy lợi; phát triển công nghiệp, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn.

Song song với việc phát huy tính chủ động, ý chí tự lực, tự cường, chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ Bến Tre đã vận dụng phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh của địa phương.

Đảng bộ tỉnh nhận thức rõ là khi có đường lối đúng thì phương pháp tiến hành có vai trò quyết định, trong chiến tranh là vấn đề "biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng". Đây là nguyên lý của hành động quân sự để chiến thắng kẻ thù. Vì vậy hiểu rõ địch, nắm chắc ta để có hành động bất ngờ, nghi binh, lừa địch, là một trong những nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ tỉnh rất coi trọng vấn đề nắm tình hình và phân tích đánh giá tình hình. Nhờ bám chắc trong nhân dân, bám sát địch nên Đảng bộ hiểu địch, hiểu quần chúng sâu sắc, đánh giá được đúng chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và phong trào quần chúng. Về đánh giá địch, ngoài chỗ mạnh về quân số, về vũ khí thì chúng còn có những mâu thuẫn, những sơ hở, suy yếu của chúng. Về phía ta, Đảng bộ tỉnh đã đánh giá đúng tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, khả năng sáng tạo của nhân dân.

Kinh nghiệm đã chỉ rõ chỉ có nắm chắc tình hình với sự phân tích tình hình một cách khách quan và đứng trên quan điểm cách mạng, khoa học và tư tưởng chiến lược tiến công thì mới có sự đánh giá về địch, về ta đúng đắn và mới có phương pháp cách mạng phù hợp.

Những kinh nghiệm đánh giá tình hình để lãnh đạo chuyển vùng giai đoạn 1953-1954 là bài học vô giá của Đảng bộ. Cũng với quan điểm cách mạng tiến công và với sự phân tích tình hình một cách khách quan, khoa học, lại biết dựa vào dân, bám chắc quần chúng nên ngay trong lúc Mỹ - Diệm điên cuồng dùng mọi thủ đoạn dã man nhất để khủng bố, giết hại các chiến sĩ cộng sản và quần chúng cách mạng; ngay trong lúc ở thị xã, thị trấn, lực lượng địch còn khá mạnh, Đảng bộ Bến Tre đã khẳng định kẻ thù đã thất bại cơ bản về chính trị, khâu yếu nhất của địch chính là bộ máy kìm kẹp ở xã, ấp. Có Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng, đầu năm 1960, Đảng bộ tỉnh đã hạ quyết tâm phát động quần chúng làm cuộc "đồng khởi" lịch sử.

Đánh giá tình hình là vấn đề khoa học, phải xuất phát từ hiện thực khách quan, đây là khoa học về con người, khoa học cách mạng. Do đó, lập trường, ý chí tiến công cách mạng là nhân tố rất quan trọng để xem xét và phân tích mọi tình huống đặt ra. Vì thế phong trào cách mạng Bến Tre đã giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác cho đến thắng lợi cuối cùng.

Phương pháp cách mạng của Đảng bộ tỉnh trong chiến tranh cách mạng trước hết là vấn đề phương thức tiến hành chiến tranh.

Phương thức tiến hành chiến tranh trong chống thực dân Pháp cũng như trong chống đế quốc Mỹ ngày càng được bổ sung, nâng cao. Đấu tranh vũ trang nhưng vẫn giữ thế hợp pháp của quần chúng. Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang là hai hình thức cơ bản nhất trong chiến tranh. Tuy nhiên, tùy tình hình chiến trường mà có những phương thức thích hợp. Nắm vững tư tưởng chiến lược tấn công đánh địch trên cả ba vùng thành thị, nông thôn và rừng núi (ở đồng bằng là ba vùng: vùng giải phóng, vùng địch kìm kẹp, vùng tranh

chấp). Hai hình thức: chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang được kết hợp chặt chẽ với nhau trong suốt quá trình tiến hành chiến tranh giải phóng. Trong đó, tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công; tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch nhiều hơn có quan hệ biện chứng với nhau.

Về mặt đấu tranh quân sự, chủ trương của Đảng là kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, phát huy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, khởi nghĩa của quần chúng và chiến tranh cách mạng đó là đặc điểm của chiến tranh cách mạng miền Nam, là kết quả tất yếu của quá trình kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị trong đấu tranh cách mạng và chiến tranh cách mạng.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ Bến Tre biết kết hợp hai hình thức khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi. Thực tế đã chứng minh điều đó. Cuối năm 1959, đầu năm 1960, thực hiện Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng, Đảng bộ Bến Tre đã phát động quần chúng nông dân nổi dậy khởi nghĩa từng phần, đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch giành chính quyền về tay nhân dân. Những cuộc khởi nghĩa từng phần "đồng khởi" một mặt, nhằm đánh đổ từng bộ phận của địch, đẩy lùi chúng từng bước, mặt khác, nhằm tập hợp lực lượng, tập dượt quần chúng đấu tranh, chuẩn bị mọi mặt để tiến hành chiến tranh cách mạng, thực hiện mục tiêu cơ bản của cách mạng.

Từ năm 1961, đế quốc Mỹ tiến hành "Chiến tranh đặc biệt", dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân Bến Tre

đã tiến hành chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân, kết hợp chặt chẽ khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự được kết hợp tài tình ở cả ba vùng: vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng bị địch chiếm, để tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, tiếp tục đánh đổ ngụy quyền ở cơ sở, giữ vững và phát triển thành quả của đồng khởi, mở rộng quyền làm chủ ở nông thôn. Trong các bước tiếp theo, những cuộc khởi nghĩa của quần chúng luôn tiếp diễn ngày càng mạnh mẽ, gắn chặt với chiến tranh cách mạng nhất là trong những điểm cao. Mở đầu là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, hai mũi tiến công và nổi dậy đã hỗ trợ và thúc đẩy nhau phát triển, thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng, kết hợp nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy đã dẫn tới những thắng lợi to lớn, quân dân Bến Tre góp phần làm cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ bị phá sản.

Sự kết hợp giữa khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, giữa nổi dậy và tiến công càng chặt chẽ, sâu rộng và mang lại những chiến công vẻ vang trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch bình định nông thôn, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, làm tan rã từng mảng lớn quân ngụy, cái xương sống của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Đỉnh cao của sự kết hợp giữa nổi dậy khởi nghĩa và tiến công quân sự là quân dân Bến Tre cùng với quân dân miền Nam thực hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng quê hương.

Nhờ kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy, kết hợp chiến tranh cách mạng với khởi nghĩa quần chúng mà nhân dân Bến Tre đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, tạo cho ta ưu thế chiến lược lớn, sức đột phá nhanh, mạnh để chiến thắng kẻ thù.

Trong quá trình lãnh đạo khởi nghĩa của quần chúng, kết hợp với chiến tranh cách mạng, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, thành thục ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận). Đảng bộ tỉnh đã xác định đúng vị trí, chức năng của từng mũi đấu tranh và quan hệ giữa ba mũi trong từng cuộc tiến công riêng lẻ cũng như trong chiến dịch mở mảng, mở vùng.

Trong tiến công bằng ba mũi, nói chung mũi nào cũng được phát huy đến khả năng cao nhất. Tuy nhiên luôn có mũi "chủ công" được cấp ủy tập trung chỉ đạo và là trung tâm hợp đồng với hai mũi khác.

Mỗi mũi tiến công tuy có chức năng, lực lượng, hình thức biểu hiện khác nhau nhưng cả ba mũi quân sự, chính trị, binh vận đều liên quan chặt chẽ, hỗ trợ, thúc đẩy nhau tạo nên sức mạnh to lớn, tiến công địch liên tục bằng nhiều lực lượng, từ nhiều phía, khiến cho địch không sao đối phó nổi.

Đảng bộ tỉnh xác định, địa bàn hoạt động của cách mạng Bến Tre gồm cả ba vùng: vùng giải phóng, vùng tranh chấp giữa ta và địch và vùng địch kiểm soát (thị xã, thị trấn, các chi khu). Việc bố trí lực lượng được tiến hành thường xuyên để cả ba vùng luôn có sự phối hợp và hỗ trợ cho nhau, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó.

Ở thị xã, thị trấn, ngoài hoạt động chính trị, đấu tranh chính trị hợp pháp là chủ yếu bao gồm những cuộc đấu tranh mạnh mẽ của công nhân, học sinh, phật tử, trí thức, binh sĩ ngụy,... vẫn còn phải thường xuyên có những đòn tiến công quân sự bằng lực lượng "tự vệ mật", "bộ đội đặc công" làm cho hậu phương của địch không an toàn, đã hỗ trợ mạnh mẽ cho phong trào nổi dậy ở nông thôn. Sự phối hợp giữa phong trào nông thôn và thành thị không những có tác dụng hỗ trợ lẫn

nhau, làm cho bản thân từng phong trào lớn mạnh mà còn tạo nên sức mạnh tổng hợp, gây cho địch phải đối phó nhiều, nhiều hướng, lực lượng bị phân tán, mâu thuẫn nội bộ càng bị khoét sâu và ngày càng bị dồn vào thế cô lập, sa lầy.

Nguyên tắc chỉ đạo kết hợp điểm với diện được Đảng bộ nắm vững và vận dụng khá linh hoạt. Khi lãnh đạo chiến tranh, trong mỗi chiến dịch, một trận đánh, một phong trào đấu tranh chính trị, các cấp Đảng bộ bao giờ cũng xác định đâu là trọng điểm để tập trung chỉ đạo đạt bằng được mục đích, yêu cầu đề ra; đồng thời xác định rõ phạm vi của "diện" để phát huy đúng mức sự phối hợp và hỗ trợ cho "điểm" và khuếch trương thắng lợi do trọng điểm tạo ra. Tập trung lực lượng và mọi cố gắng vào trọng điểm để "dứt điểm", đồng thời cũng coi trọng yêu cầu tiến hành trên diện rộng như phong trào "Đồng khởi" năm 1960, phong trào phá ấp chiến lược năm 1964, Tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, chiến dịch tổng hợp năm 1972 và trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, là một nghệ thuật chỉ đạo rất thành công của Đảng bộ tỉnh.

Phương pháp đột phá, chỉ đạo riêng rút kinh nghiệm thực tiễn để chỉ đạo chung, cũng như việc quan tâm xây dựng mô hình, phát hiện và bồi dưỡng điển hình tiên tiến đã thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đã được các cấp Đảng bộ coi trọng và trở thành tác phong lãnh đạo phổ biến trong chiến tranh cách mạng cũng như trong hơn 40 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*

* *

Năm tháng trôi qua, chiến tranh đã lùi vào dĩ vãng, nhưng truyền thống hào hùng và những bài học kinh nghiệm quý giá sẽ mãi mãi ghi sâu vào ký ức của mỗi người dân Bến Tre. Những bài học kinh nghiệm lịch sử đó vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm tới mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", xây dựng phồn vinh, hạnh phúc và chủ nghĩa xã hội trên quê hương Bến Tre anh hùng.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH BÍ THƯ TỈNH ỦY BẾN TRE QUA CÁC THỜI KỲ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm mất	Thời gian giữ chức
1930-1945				
1	Nguyễn Văn Nguyễn	15-3-1910	25-3-1953	5-1931 – 7-1931
2	Nguyễn Văn Phượp			7-1931 – cuối 1931
3	Nguyễn Văn Trước*	1913		Đầu 1932 – 5-1932
4	Nguyễn Văn Triệu	1896	5-3-1942	4-1936 – cuối 1938
5	Bùi Lương	1914	2-1992	Đầu 1939 – cuối 1939
6	Đỗ Nghĩa Trọng	1895	10-4-1979	Đầu 1940 – 10-1940
7	Phạm Thái Bường**	1915	26-1-1974	11-1940 – 12-1940
8	Nguyễn Tẩu	23-10-1907	27-12-1979	4-1945 – 7-1945
9	Đỗ Văn Khuyến			8-1945 – 9-1945
1945-1954				
1	Phan Triêm	7-10-1916	1-2002	9-1945 – 11-1945
2	Đỗ Nghĩa Trọng	1895	10-4-1979	12-1945 – 3-1947
3	Võ Văn Khánh***	20-4-1915		4-1947 – 5-1949
4	Trần Xuân Lê	5-1910	1992	Cuối 1949 – cuối 1952
5	Đỗ Phát Quang	18-7-1911	1998	1-1953 – 7-1954
1954-1975				
1	Nguyễn Văn Khước	1905	5-4-1975	9-1954 – cuối 1958
2	Võ Văn Phẩm	20-10-1920		Đầu 1959 – 4-1960
3	Nguyễn Thị Định	1920	1992	5-1960 – 4-1961
4	Võ Văn Phẩm	20-10-1920		5-1961 – đầu 1964
5	Nguyễn Văn Cánh	2-1923	3-9-1974	Đầu 1964 – đầu 1973
6	Nguyễn Văn Phiên****	15-7-1926	1996	22-4-1974 – cuối 1976
30-4-1975 đến nay				
1	Nguyễn Văn Trung	24-4-1924	1999	Cuối 1976 – 3-1987
2	Nguyễn Xuân Kỷ	1934		3-1987 – 5-1996
3	Nguyễn Văn Thới	1939		5-1996 – 2000
4	Trần Văn Truyền	1950		1-2001 – 4-2003
5	Huỳnh Văn Be	11-1949		5-2003 – 2010
6	Nguyễn Thành Phong	1962		12-2010 – 1-2015
7	Võ Thành Hạo	1959		3-2015 đến nay

* Từ năm 1933 đến năm 1935 không có Tỉnh ủy.

** Từ đầu năm 1941 đến năm1944 không có Tỉnh ủy.

*** Tỉnh ủy kháng chiến.

**** Quyền Bí thư từ tháng 3-1973 đến tháng 4-1974. Đến 22-4-1974 bầu làm Bí thư.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH CÁC KHÓA
(Từ khóa I đến khóa X)*

STT	Họ và tên	Chức vụ
	Khóa I (1977-1979)	
1	Nguyễn Văn Trung (Nguyễn Văn Nữ)	Bí thư
2	Võ Văn Phẩm (Tám Chữ)	Phó Bí thư
3	Nguyễn Văn Phiên (Tư Cường)	Phó Bí thư
4	Nguyễn Văn Châu (Châu Nguyễn)	Ủy viên Thường vụ
5	Đoàn Văn Đức	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Văn Lý (Năm Hồng)	Ủy viên Thường vụ
7	Đặng Quang Ngọc (Ba Hội)	Ủy viên Thường vụ
8	Lê Văn Nhờ (Hai Nghĩa)	Ủy viên Thường vụ
9	Trịnh Văn Nở (Tư Nguyễn)	Ủy viên Thường vụ
10	Võ Văn Phụ (Mười Sinh)	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Hữu Vị	Ủy viên Thường vụ
12	Trần Văn Bì (Vệ Quốc)	Tỉnh ủy viên
13	Hồ Văn Chương (Năm Diện)	Tỉnh ủy viên
14	Võ Thành Công (Tám Bảo)	Tỉnh ủy viên
15	Nguyễn Công Cứng (Bảy Hòa)	Tỉnh ủy viên
16	Nguyễn Văn Diện (Ba Thành)	Tỉnh ủy viên
17	Đặng Văn Khương (A2)	Tỉnh ủy viên
18	Ngô Văn Muôn (Năm Bộ)	Tỉnh ủy viên
19	Lê Văn Ngộ (Lê Hà)	Tỉnh ủy viên
20	Lê Văn Nhơn (Chí Nhân)	Tỉnh ủy viên
21	Nguyễn Văn Nuôi (Tám Tiến)	Tỉnh ủy viên
22	Nguyễn Thị Nữ (Hai Cảnh)	Tỉnh ủy viên
23	Lê Thị Phú (Hai Tổng)	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Thị Quít (Sáu Trí)	Tỉnh ủy viên
25	Lê Văn Sanh (Năm Nhứt)	Tỉnh ủy viên
26	Bùi Văn Sĩ (Tư Thi)	Tỉnh ủy viên
27	Lê Sắc Tân (Tư Thạnh)	Tỉnh ủy viên
28	Phạm Văn Thẳng (Chín Ngay)	Tỉnh ủy viên
29	Võ Văn Thiệu (Tư Lực)	Tỉnh ủy viên
30	Huỳnh Văn Thâu (Năm Bảo)	Tỉnh ủy viên
31	Ngô Quang Thu (Năm Phú)	Tỉnh ủy viên
32	Trương Phú Thứ (Bảy Đạt)	Tỉnh ủy viên
33	Trần Minh Tích	Tỉnh ủy viên
34	Trần Thị Tiết (Út Hạnh)	Tỉnh ủy viên
35	Đoàn Văn Bô (Đoàn Tứ)	Ủy viên dự khuyết
36	Đoàn Văn Kiêm (Hai Bền)	Ủy viên dự khuyết
37	Trần Văn Ngẫu	Ủy viên dự khuyết
38	Huỳnh Thanh Sang (Tư Dũng)	Ủy viên dự khuyết
39	Trần Văn Vương (Hai Chiến)	Ủy viên dự khuyết

* Chỉ ghi tên các đồng chí được bầu trong kỳ đại hội.

Khóa II (1980-1981)

1	Nguyễn Văn Trung (Nguyễn Văn Nữ)	Bí thư
2	Võ Văn Phẩm (Tám Chữ)	Phó Bí thư
3	Ngô Quang Đẳng (Lê Minh Đào)	Phó Bí thư
4	Lê Minh Phú	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Hữu Vị	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Văn Châu (Châu Nguyễn)	Ủy viên Thường vụ
7	Võ Thành Công (Tám Bảo)	Ủy viên Thường vụ
8	Nguyễn Văn Lý (Năm Hồng)	Ủy viên Thường vụ
9	Huỳnh Thanh Mua (Hai Chiến)	Ủy viên Thường vụ
10	Đặng Quang Ngọc (Ba Hội)	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Ngọc Nhậm (Nguyễn Xuân Kỷ)	Ủy viên Thường vụ
12	Lê Văn Nhờ (Hai Nghĩa)	Ủy viên Thường vụ
13	Trịnh Văn Nở (Tư Nguyễn)	Ủy viên Thường vụ
14	Lý Văn A (Lý Hùng Chiến)	Tỉnh ủy viên
15	Dương Văn Ẩn	Tỉnh ủy viên
16	Nguyễn Văn Ba (Mười Phục)	Tỉnh ủy viên
17	Trần Văn Bì (Vệ Quốc)	Tỉnh ủy viên
18	Đoàn Văn Bô (Đoàn Tứ)	Tỉnh ủy viên
19	Phan Văn Chiêm (Tư Chiến)	Tỉnh ủy viên
20	Hồ Văn Chương (Năm Diện)	Tỉnh ủy viên
21	Đặng Văn Khương (A2)	Tỉnh ủy viên
22	Đào Trung Kiên (Hai Nghĩa)	Tỉnh ủy viên
23	Lê Văn Mạnh (Bảy Hòa)	Tỉnh ủy viên
24	Phạm Văn Mão	Tỉnh ủy viên
25	Lê Văn Ngộ (Lê Hà)	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Thị Nữ (Hai Cảnh)	Tỉnh ủy viên
27	Nguyễn Văn Nuôi (Tám Tiến)	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Tấn Phát (Tám Thư)	Tỉnh ủy viên
29	Lê Thị Phú (Hai Tổng)	Tỉnh ủy viên
30	Trần Văn Phục (Ba Thanh)	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Thị Quít (Sáu Trí)	Tỉnh ủy viên
32	Huỳnh Thanh Sang (Tư Dũng)	Tỉnh ủy viên
33	Bùi Văn Sĩ (Tư Thi)	Tỉnh ủy viên
34	Nguyễn Văn Tất	Tỉnh ủy viên
35	Võ Văn Thiệu (Tư Lực)	Tỉnh ủy viên
36	Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng)	Tỉnh ủy viên
37	Trần Minh Tích	Tỉnh ủy viên
38	Trần Thị Tiết (Út Hạnh)	Tỉnh ủy viên
39	Lê Văn Trò (Chín Quang)	Tỉnh ủy viên
40	Ngô Thận Trọng	Tỉnh ủy viên
41	Trương Vĩnh Trọng (Hai Nghĩa)	Tỉnh ủy viên
42	Phạm Văn Chạy (Hai Thừa)	Ủy viên dự khuyết
43	Trần Ngọc Điệp	Ủy viên dự khuyết

Khóa III (1983-1985)

1	Nguyễn Văn Trung (Nguyễn Văn Nữ)	Bí thư
2	Ngô Quang Đằng (Lê Minh Đào)	Phó Bí thư
3	Huỳnh Thanh Mua (Hai Chiến)	Phó Bí thư
4	Dương Văn Ẩn	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Văn Châu (Châu Nguyễn)	Ủy viên Thường vụ
6	Võ Thành Công (Tám Bảo)	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Văn Lý (Năm Hồng)	Ủy viên Thường vụ
8	Lê Văn Mạnh (Bảy Hòa)	Ủy viên Thường vụ
9	Đặng Quang Ngọc (Ba Hội)	Ủy viên Thường vụ
10	Trần Văn Ngẫu	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Ngọc Nhậm (Nguyễn Xuân Kỷ)	Ủy viên Thường vụ
12	Trương Vĩnh Trọng (Hai Nghĩa)	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Hữu Vị	Ủy viên Thường vụ
14	Lý Văn A (Lý Hùng Chiến)	Tỉnh ủy viên
15	Phan Ngọc Ẩn	Tỉnh ủy viên
16	Nguyễn Văn Ba (Mười Phục)	Tỉnh ủy viên
17	Huỳnh Thị Bon (Khởi Nghĩa)	Tỉnh ủy viên
18	Đoàn Văn Bô (Đoàn Tứ)	Tỉnh ủy viên
19	Trần Văn Bì (Vệ Quốc)	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Công Cứng (Bảy Hòa)	Tỉnh ủy viên
21	Phan Văn Chiến	Tỉnh ủy viên
22	Đoàn Quang Dương (Mười Châu)	Tỉnh ủy viên
23	Trần Ngọc Điệp	Tỉnh ủy viên
24	Đoàn Văn Kiêm (Hai Bền)	Tỉnh ủy viên
25	Nguyễn Văn Mua (Việt Thành)	Tỉnh ủy viên
26	Trương Văn My (Ba Tùng)	Tỉnh ủy viên
27	Lê Văn Ngộ (Lê Hà)	Tỉnh ủy viên
28	Lê Văn Nhơn (Chí Nhân)	Tỉnh ủy viên
29	Đào Trung Kiên (Hai Nghĩa)	Tỉnh ủy viên
30	Phạm Công Nghiệp (Thanh Nhân)	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Văn Nuôi (Tám Tiến)	Tỉnh ủy viên
32	Huỳnh Hoàng Oanh (Chín Vũ)	Tỉnh ủy viên
33	Nguyễn Tấn Phát (Tám Thư)	Tỉnh ủy viên
34	Trần Thị Dừa (Hai Phong)	Tỉnh ủy viên
35	Lê Thị Phú (Hai Tổng)	Tỉnh ủy viên
36	Trần Văn Phục (Ba Thanh)	Tỉnh ủy viên
37	Trần Đăng Phụng	Tỉnh ủy viên
38	Bùi Văn Quang (Năm Phương)	Tỉnh ủy viên
39	Huỳnh Thanh Sang (Tư Dũng)	Tỉnh ủy viên
40	Lê Văn Trò (Chín Quang)	Tỉnh ủy viên
41	Trần Thị Tiết (Út Hạnh)	Tỉnh ủy viên
42	Lê Văn Triêu	Tỉnh ủy viên

43	Phạm Minh Triều	Tỉnh ủy viên
44	Đặng Quốc Tuấn	Ủy viên dự khuyết
45	Lê Văn Tư	Ủy viên dự khuyết

Khóa IV (1987-1990)

1	Nguyễn Xuân Kỷ (Nguyễn Ngọc Nhậm)	Bí thư
2	Trương Vĩnh Trọng (Hai Nghĩa)	Phó Bí thư
3	Dương Văn Ẩn	Ủy viên Thường vụ
4	Nguyễn Văn Ba (Mười Phục)	Ủy viên Thường vụ
5	Huỳnh Thị Bon (Khởi Nghĩa)	Ủy viên Thường vụ
6	Đoàn Văn Bô (Đoàn Tứ)	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Công Cứng (Bảy Hòa)	Ủy viên Thường vụ
8	Lê Văn Mạnh (Bảy Hòa)	Ủy viên Thường vụ
9	Trần Văn Ngẫu	Ủy viên Thường vụ
10	Đặng Quang Ngọc (Ba Hội)	Ủy viên Thường vụ
11	Lê Văn Nhơn (Chí Nhân)	Ủy viên Thường vụ
12	Huỳnh Thanh Sang (Tư Dũng)	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng)	Ủy viên Thường vụ
14	Nguyễn Hữu Vị	Ủy viên Thường vụ
15	Lý Văn A (Lý Hùng Chiến)	Tỉnh ủy viên
16	Trần Văn Bì (Vệ Quốc)	Tỉnh ủy viên
17	Huỳnh Văn Cam (Lê Huỳnh)	Tỉnh ủy viên
18	Nguyễn Văn Cửng (Ba Nhơn)	Tỉnh ủy viên
19	Trần Thị Dừa (Hai Phong)	Tỉnh ủy viên
20	Đoàn Quang Dương (Mười Châu)	Tỉnh ủy viên
21	Trần Ngọc Điệp	Tỉnh ủy viên
22	Đoàn Văn Kiêm (Hai Bền)	Tỉnh ủy viên
23	Nguyễn Văn Khuynh (Nguyễn Cảnh)	Tỉnh ủy viên
24	Lê Thị Thanh Liêm (Lê Tiến)	Tỉnh ủy viên
25	Trương Văn My (Ba Tùng)	Tỉnh ủy viên
26	Trần Văn Nghĩa	Tỉnh ủy viên
27	Phạm Công Nghiệp (Thanh Nhân)	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Duy Nhung (Ba Trí)	Tỉnh ủy viên
29	Bùi Quang Tôn (Trần Đông Phong)	Tỉnh ủy viên
30	Trần Đăng Phụng	Tỉnh ủy viên
31	Bùi Văn Quang (Năm Phương)	Tỉnh ủy viên
32	Nguyễn Văn Sang	Tỉnh ủy viên
33	Nguyễn Thị Tuyết Sương (Phương Trang)	Tỉnh ủy viên
34	Nguyễn Trận	Tỉnh ủy viên
35	Lê Văn Triêu	Tỉnh ủy viên
36	Võ Thành Tươi (Thành Long)	Tỉnh ủy viên
37	La Thành Vân	Tỉnh ủy viên

38	Phan Thị Hồng Châu (Kỳ Liên)	Ủy viên dự khuyết
39	Võ Văn Thiệp (Thế Trung)	Ủy viên dự khuyết
40	Trịnh Văn Y (Mai Sơn)	Ủy viên dự khuyết

Khóa V (1991-1995)

1	Nguyễn Xuân Kỷ (Nguyễn Ngọc Nhậm)	Bí thư
2	Trần Văn Ngẫu	Phó Bí thư
3	Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng)	Phó Bí thư
4	Dương Văn Ẩn	Ủy viên Thường vụ
5	Huỳnh Thị Bon (Khởi Nghĩa)	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Công Cứng (Bảy Hòa)	Ủy viên Thường vụ
7	Trương Văn My (Ba Tùng)	Ủy viên Thường vụ
8	Trần Văn Nghĩa	Ủy viên Thường vụ
9	Đặng Quang Ngọc (Ba Hội)	Ủy viên Thường vụ
10	Nguyễn Văn Sang	Ủy viên Thường vụ
11	Trần Minh Tích	Ủy viên Thường vụ
12	Bùi Quang Tôn (Trần Đông Phong)	Ủy viên Thường vụ
13	La Thành Vân	Ủy viên Thường vụ
14	Lý Văn A (Lý Hùng Chiến)	Tỉnh ủy viên
15	Huỳnh Văn Cam (Lê Huỳnh)	Tỉnh ủy viên
16	Trần Văn Cồn	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Văn Cửng (Ba Nhơn)	Tỉnh ủy viên
18	Phan Thị Hồng Châu (Kỳ Liên)	Tỉnh ủy viên
19	Nguyễn Duy Cương (Tư Cương)	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Ngọc Đáng (Chiến Đấu)	Tỉnh ủy viên
21	Phan Ngọc Đằng	Tỉnh ủy viên
22	Trần Ngọc Điệp	Tỉnh ủy viên
23	Võ Xuân Huy	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Văn Hạnh (Kiên Cường)	Tỉnh ủy viên
25	Phạm Minh Kiên (Huy Phượng)	Tỉnh ủy viên
26	Trần Minh Khiết	Tỉnh ủy viên
27	Trần Xuân Lê (Trần Hải)	Tỉnh ủy viên
28	Lê Thị Thanh Liêm (Lê Tiến)	Tỉnh ủy viên
29	Phan Ngọc Láng	Tỉnh ủy viên
30	Đặng Thị Mãnh (Mai Phương)	Tỉnh ủy viên
31	Huỳnh Văn Mòi (Sáu Tháp)	Tỉnh ủy viên
32	Hồ Văn Nho (Vĩnh Sang)	Tỉnh ủy viên
33	Nguyễn Thị Kim Ngân	Tỉnh ủy viên
34	Trần Công Ngữ (Vũ Hoàng)	Tỉnh ủy viên
35	Phạm Công Nghiệp (Thanh Nhân)	Tỉnh ủy viên
36	Trần Đăng Phụng	Tỉnh ủy viên
37	Bùi Văn Quang (Năm Phương)	Tỉnh ủy viên
38	Nguyễn Văn Quang (Lê Quang)	Tỉnh ủy viên

39	Nguyễn Thị Tuyết Sương (Phương Trang)	Tỉnh ủy viên
40	Võ Văn Thiệp (Thế Trung)	Tỉnh ủy viên
41	Lê Văn Triêu	Tỉnh ủy viên
42	Lê Văn Trương (Năm Lê)	Tỉnh ủy viên
43	Huỳnh Văn Trưu	Tỉnh ủy viên
44	Trần Văn Truyền	Tỉnh ủy viên
45	Lữ Thiện Tùng	Tỉnh ủy viên
46	Lê Thị Thanh Vân (Chín Thanh)	Tỉnh ủy viên
47	Trịnh Văn Y (Mai Sơn)	Tỉnh ủy viên

Khóa VI (1996-2000)

1	Nguyễn Văn Thới (Sáu Thắng)	Bí Thư
2	Huỳnh Văn Cam (Lê Huỳnh)	Phó Bí thư
3	Trần Văn Truyền	Phó Bí thư
4	Huỳnh Văn Be (Phương Hùng)	Ủy viên Thường vụ
5	Huỳnh Thị Bon (Khởi Nghĩa)	Ủy viên Thường vụ
6	Trần Văn Cồn	Ủy viên Thường vụ
7	Phan Ngọc Láng	Ủy viên Thường vụ
8	Lê Thị Thanh Liêm (Lê Tiến)	Ủy viên Thường vụ
9	Trần Văn Nghĩa	Ủy viên Thường vụ
10	Phạm Công Nghiệp (Thanh Nhân)	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Văn Sang	Ủy viên Thường vụ
12	La Thành Vân	Ủy viên Thường vụ
13	Trịnh Văn Y (Mai Sơn)	Ủy viên Thường vụ
14	Nguyễn Quốc Bảo	Tỉnh ủy viên
15	Lê Vĩnh Bình	Tỉnh ủy viên
16	Nguyễn Văn Bon (Thanh Phương)	Tỉnh ủy viên
17	Phan Thị Hồng Châu (Kỳ Liên)	Tỉnh ủy viên
18	Phạm Văn Châu	Tỉnh ủy viên
19	Nguyễn Ngọc Đáng	Tỉnh ủy viên
20	Đỗ Văn Hoành	Tỉnh ủy viên
21	Phan Minh Khôi	Tỉnh ủy viên
22	Cao Tấn Khổng	Tỉnh ủy viên
23	Huỳnh Văn Kiệp	Tỉnh ủy viên
24	Trần Xuân Lê (Trần Hải)	Tỉnh ủy viên
25	Nguyễn Văn Liệp	Tỉnh ủy viên
26	Trần Thị Luận	Tỉnh ủy viên
27	Đặng Thị Mãnh (Mai Phương)	Tỉnh ủy viên
28	Phan Văn Mua (Song Vũ)	Tỉnh ủy viên
29	Nguyễn Thành Mười (Nguyễn Chí Trung)	Tỉnh ủy viên
30	Trần Công Ngữ (Vũ Hoàng)	Tỉnh ủy viên
31	Đinh Khắc Nhàn	Tỉnh ủy viên
32	Hồ Văn Nho (Vĩnh Sang)	Tỉnh ủy viên
33	Hà Thanh Niên	Tỉnh ủy viên

34	Huỳnh Văn Ny (Hai Hoàng)	Tỉnh ủy viên
35	Trần Thanh Phong	Tỉnh ủy viên
36	Trần Đăng Phụng	Tỉnh ủy viên
37	Lương Lê Phương	Tỉnh ủy viên
38	Nguyễn Thị Tuyết Sương (Phương Trang)	Tỉnh ủy viên
39	Lê Khiết Thạch (Ba Khắc)	Tỉnh ủy viên
40	Phạm Trường Thiên	Tỉnh ủy viên
41	Võ Văn Thiệp (Thế Trung)	Tỉnh ủy viên
42	Phạm Công Thuần (Quốc Thủy)	Tỉnh ủy viên
43	Nguyễn Văn Thưởng	Tỉnh ủy viên
44	Huỳnh Thị Kim Uyên	Tỉnh ủy viên
45	La Thành Vân	Tỉnh ủy viên
46	Bùi Minh Việt	Tỉnh ủy viên
47	Nguyễn Thái Xây (Hữu Tâm)	Tỉnh ủy viên

Khóa VII (2001-2005)

1	Trần Văn Truyền	Bí thư (tháng 1-2001 đến 4-2003)
2	Huỳnh Văn Be (Phương Hùng)	Phó Bí thư (Bí thư từ tháng 5-2003 đến 2005)
3	Trần Văn Cồn	Phó Bí thư
4	Cao Tấn Khổng	Ủy viên Thường vụ
5	Phan Ngọc Láng	Ủy viên Thường vụ
6	Trần Xuân Lê (Trần Hải)	Ủy viên Thường vụ
7	Hà Thanh Niên	Ủy viên Thường vụ
8	Trần Công Ngữ (Vũ Hoàng)	Ủy viên Thường vụ
9	Lương Lê Phương	Ủy viên Thường vụ
10	Nguyễn Văn Sang	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Thị Tuyết Sương (Phương Trang)	Ủy viên Thường vụ
12	Trần Quốc Việt (Việt Liêm)	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Thái Xây (Hữu Tâm)	Ủy viên Thường vụ
14	Nguyễn Quốc Bảo	Tỉnh ủy viên
15	Huỳnh Nam Bình	Tỉnh ủy viên
16	Lê Vĩnh Bình	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Văn Chăm	Tỉnh ủy viên
18	Dương Ngọc Duyên	Tỉnh ủy viên
19	Nguyễn Trung Dương	Tỉnh ủy viên
20	Trần Thị Đơ	Tỉnh ủy viên
21	Nguyễn Thị Thanh Hà	Tỉnh ủy viên
22	Võ Thành Hạo	Tỉnh ủy viên
23	Đặng Thị Hoa	Tỉnh ủy viên
24	Huỳnh Văn Kiệp	Tỉnh ủy viên
25	Nguyễn Văn Lấn	Tỉnh ủy viên
26	Phạm Văn Long	Tỉnh ủy viên
27	Trần Thị Luận	Tỉnh ủy viên
28	Phan Văn Mua (Song Vũ)	Tỉnh ủy viên

29	Nguyễn Thành Mười (Nguyễn Chí Trung)	Tỉnh ủy viên
30	Hồ Văn Nho (Vĩnh Sang)	Tỉnh ủy viên
31	Huỳnh Văn Ny (Hai Hoàng)	Tỉnh ủy viên
32	Trần Thanh Phong	Tỉnh ủy viên
33	Trần Lương Phổ	Tỉnh ủy viên
34	Hồ Xuân Ríp (Quốc Việt)	Tỉnh ủy viên
35	Nguyễn Hoàng Sơn	Tỉnh ủy viên
36	Nguyễn Thanh Sơn	Tỉnh ủy viên
37	Nguyễn Văn Sum (Nguyễn Quang Trị)	Tỉnh ủy viên
38	Lê Khiết Thạch (Ba Khắc)	Tỉnh ủy viên
39	Vũ Hồng Thanh	Tỉnh ủy viên
40	Lê Văn Thắng	Tỉnh ủy viên
41	Phạm Công Thuần (Quốc Thủy)	Tỉnh ủy viên
42	Cao Văn Trọng	Tỉnh ủy viên
43	Trần Dương Tuấn	Tỉnh ủy viên
44	Huỳnh Thị Kim Uyên	Tỉnh ủy viên
45	Bùi Minh Việt	Tỉnh ủy viên
46	Đặng Ngọc Yểm	Tỉnh ủy viên
47	Nguyễn Thanh Yến	Tỉnh ủy viên

Khóa VIII (2005-2010)

1	Huỳnh Văn Be	Bí thư
2	Trần Văn Cồn	Phó Bí thư
3	Cao Tấn Khổng	Phó Bí thư
4	Huỳnh Nam Bình	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên Thường vụ
7	Hà Thanh Niên	Ủy viên Thường vụ
8	Trần Thanh Phong	Ủy viên Thường vụ
9	Võ Hồng Quang	Ủy viên Thường vụ
10	Nguyễn Hoàng Sơn	Ủy viên Thường vụ
11	Vũ Hồng Thanh	Ủy viên Thường vụ
12	Hồ Xuân Ríp (Quốc Việt)	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Thái Xây (Hữu Tâm)	Ủy viên Thường vụ
14	Nguyễn Quốc Bảo	Tỉnh ủy viên
15	Lê Phi Bằng	Tỉnh ủy viên
16	Lê Vĩnh Bình	Tỉnh ủy viên
17	Huỳnh Văn Bưu	Tỉnh ủy viên
18	Nguyễn Trung Dương	Tỉnh ủy viên
19	Dương Ngọc Duyên	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Thị Phương Đào	Tỉnh ủy viên
21	Trịnh Trọng Đức	Tỉnh ủy viên
22	Bùi Thị Thu Hằng	Tỉnh ủy viên
23	Lê Phong Hải	Tỉnh ủy viên

24	Võ Thành Hạo	Tỉnh ủy viên
25	Hà Thanh Hùng	Tỉnh ủy viên
26	Đặng Thị Hoa	Tỉnh ủy viên
27	Nguyễn Văn Lăng	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Văn Lấn	Tỉnh ủy viên
29	Nguyễn Hữu Lập	Tỉnh ủy viên
30	Trần Văn Lập	Tỉnh ủy viên
31	Phạm Văn Long	Tỉnh ủy viên
32	Trần Thị Luận	Tỉnh ủy viên
33	Phan Văn Mãi	Tỉnh ủy viên
34	Lê Bình Minh (Lê Minh Trung)	Tỉnh ủy viên
35	Trương Văn Nghĩa	Tỉnh ủy viên
36	Trần Lương Phổ	Tỉnh ủy viên
37	Nguyễn Hữu Phước	Tỉnh ủy viên
38	Lê Văn Quyền	Tỉnh ủy viên
39	Bùi Văn Răng (Bùi Thanh Khởi)	Tỉnh ủy viên
40	Hồ Văn Nho (Vĩnh Sang)	Tỉnh ủy viên
41	Nguyễn Văn Sum (Nguyễn Quang Trị)	Tỉnh ủy viên
42	Trần Ngọc Tam	Tỉnh ủy viên
43	Lê Văn Thắng	Tỉnh ủy viên
44	Cao Văn Trọng	Tỉnh ủy viên
45	Trần Anh Tuấn	Tỉnh ủy viên
46	Trần Dương Tuấn	Tỉnh ủy viên
47	Lê Thị Cẩm Vân	Tỉnh ủy viên
48	Phạm Văn Vinh (Phạm Minh Tiến)	Tỉnh ủy viên
49	Bùi Minh Việt	Tỉnh ủy viên

Khóa IX (2010-2015)

1	Nguyễn Thành Phong	Bí thư
2	Hà Thanh Niên	Phó Bí thư
3	Võ Thành Hạo	Phó Bí thư
4	Nguyễn Văn Hiếu	Phó Bí thư
5	Nguyễn Quốc Bảo	Ủy viên Thường vụ
6	Huỳnh Nam Bình	Ủy viên Thường vụ
7	Huỳnh Văn Bưu	Ủy viên Thường vụ
8	Nguyễn Thị Phương Đào	Ủy viên Thường vụ
9	Nguyễn Tấn Đạt	Ủy viên Thường vụ
10	Lê Phong Hải	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Văn Lấn	Ủy viên Thường vụ
12	Trương Văn Nghĩa	Ủy viên Thường vụ
13	Võ Hồng Quang	Ủy viên Thường vụ
14	Hồ Xuân Ríp (Quốc Việt)	Ủy viên Thường vụ
15	Cao Văn Trọng	Ủy viên Thường vụ
16	Lê Phi Bằng	Tỉnh ủy viên

17	Lê Vĩnh Bình	Tỉnh ủy viên
18	Trịnh Thị Thanh Bình	Tỉnh ủy viên
19	Lê Ngọc Bửu	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Hải Châu	Tỉnh ủy viên
21	Cao Văn Dũng	Tỉnh ủy viên
22	Nguyễn Trung Dương	Tỉnh ủy viên
23	Đoàn Hoàng Đệ	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Công Định	Tỉnh ủy viên
25	Cao Minh Đức	Tỉnh ủy viên
26	Lê Văn Gặp	Tỉnh ủy viên
27	Trương Duy Hải	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Tỉnh ủy viên
29	Lê Văn Hoàng	Tỉnh ủy viên
30	Nguyễn Văn Hoàng	Tỉnh ủy viên
31	Đoàn Viết Hồng	Tỉnh ủy viên
32	Hà Thanh Hùng	Tỉnh ủy viên
33	Nguyễn Ngọc Hùng (Vũ Thanh)	Tỉnh ủy viên
34	Nguyễn Văn Lai	Tỉnh ủy viên
35	Nguyễn Văn Lăng	Tỉnh ủy viên
36	Nguyễn Hữu Lập	Tỉnh ủy viên
37	Võ Thanh Liêm	Tỉnh ủy viên
38	Nguyễn Văn Minh	Tỉnh ủy viên
39	Trương Minh Nhựt	Tỉnh ủy viên
40	Nguyễn Hữu Phước	Tỉnh ủy viên
41	Phan Thanh Phước	Tỉnh ủy viên
42	Đặng Thị Quyên	Tỉnh ủy viên
43	Lê Văn Quyền	Tỉnh ủy viên
44	Trần Ngọc Tam	Tỉnh ủy viên
45	Ngô Văn Tán	Tỉnh ủy viên
46	Đỗ Thị Thu Thảo	Tỉnh ủy viên
47	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Tỉnh ủy viên
48	Võ Thị Thủy	Tỉnh ủy viên
49	Huỳnh Quang Triệu	Tỉnh ủy viên
50	Nguyễn Văn Tuân	Tỉnh ủy viên
51	Trần Anh Tuấn	Tỉnh ủy viên
52	Trần Dương Tuấn	Tỉnh ủy viên
53	Nguyễn Thanh Tùng	Tỉnh ủy viên
54	Trần Thanh Vũ	Tỉnh ủy viên
55	Hồ Thị Hoàng Yến	Tỉnh ủy viên

Khóa X (2015-2020)

1	Võ Thành Hạo	Bí thư
2	Phan Văn Mãi	Phó Bí thư
3	Trần Ngọc Tam	Phó Bí thư
4	Cao Văn Trọng	Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban nhân dân
5	Hồ Thị Hoàng Yến	Ủy viên Thường vụ

6	Trần Thanh Vũ	Ủy viên Thường vụ
7	Cao Văn Dũng	Ủy viên Thường vụ
8	Huỳnh Quang Triệu	Ủy viên Thường vụ
9	Nguyễn Văn Hoàng	Ủy viên Thường vụ
10	Vũ Thành Đức	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Hải Châu	Ủy viên Thường vụ
12	Trương Duy Hải	Ủy viên Thường vụ
13	Trần Dương Tuấn	Ủy viên Thường vụ
14	Lê Văn Gặp	Ủy viên Thường vụ
15	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Thường vụ
16	Bùi Văn Lâm	Tỉnh ủy viên
17	Phan Thanh Phước	Tỉnh ủy viên
18	Nguyễn Hữu Lập	Tỉnh ủy viên
19	Nguyễn Hữu Phước	Tỉnh ủy viên
20	Võ Thị Thủy	Tỉnh ủy viên
21	Lê Văn Quyền	Tỉnh ủy viên
22	Lê Ngọc Bửu	Tỉnh ủy viên
23	Lê Văn Hoàng	Tỉnh ủy viên
24	Ngô Văn Tán	Tỉnh ủy viên
25	Trương Minh Nhựt	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Văn Tuân	Tỉnh ủy viên
27	Đặng Thị Quyên	Tỉnh ủy viên
28	Trương Văn Tỷ	Tỉnh ủy viên
29	Nguyễn Trúc Hạnh	Tỉnh ủy viên
30	Huỳnh Thanh Hiếu	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Văn Chinh	Tỉnh ủy viên
32	Nguyễn Văn Tuấn	Tỉnh ủy viên
33	Bùi Văn Bia	Tỉnh ủy viên
34	Lê Văn Hùng	Tỉnh ủy viên
35	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tỉnh ủy viên
36	Phạm Thị Thanh Thảo	Tỉnh ủy viên
37	Đặng Văn Thanh	Tỉnh ủy viên
38	Lê Văn Khê	Tỉnh ủy viên
39	Nguyễn Biên Thùy	Tỉnh ủy viên
40	Nguyễn Trúc Sơn	Tỉnh ủy viên
41	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Tỉnh ủy viên
42	Lê Văn Hòa	Tỉnh ủy viên
43	Bùi Văn Chương	Tỉnh ủy viên
44	Đoàn Văn Đảnh	Tỉnh ủy viên
45	Trương Quốc Phong	Tỉnh ủy viên
46	Nguyễn Minh Cảnh	Tỉnh ủy viên
47	Võ Văn Kiệt	Tỉnh ủy viên
48	Lê Kiến Tính	Tỉnh ủy viên
49	Võ Văn Phê	Tỉnh ủy viên
50	Đỗ Thị Thu Thảo	Tỉnh ủy viên
51	Nguyễn Văn Lai	Tỉnh ủy viên
52	Lê Văn Răng	Tỉnh ủy viên

DANH SÁCH ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

STT	Đơn vị được tuyên dương	Ngày tuyên dương
1	Ban Binh vận tỉnh Bến Tre	22-2-2010
2	Ban Cơ yếu Tỉnh ủy Bến Tre	22-2-2010
3	Đội Thanh niên xung phong 2012 Nguyễn Văn Tư, tỉnh Bến Tre	30-1-2011
4	Đơn vị A101 - Bến Bến Tre	22-11-2011
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
1	Đại đội Đặc công thủy	20-12-1969
2	Đại đội 3 - Tiểu đoàn 263	5-9-1970
3	Đội phẫu thuật Tiền phương số 1	5-9-1970
4	Tiểu đoàn 516 tỉnh Bến Tre	10-2-1970
5	Đại đội săn tàu số 1	10-2-1970
6	Đội súng máy cao xạ 12,8mm bộ đội địa phương tỉnh Bến Tre	3-6-1976
7	Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bến Tre	6-11-1978
8	Tiểu đoàn 263 - Đoàn 9906	25-1-1983
9	Tiểu đoàn 712 - Đoàn 9906	25-1-1983
10	Giao bưu Thông tin liên lạc tỉnh Bến Tre	22-5-1998
11	Ban Quân dân y tỉnh Bến Tre (Nay là Sở Y tế tỉnh Bến Tre)	31-5-2004
12	Lực lượng Đặc công bộ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre	22-2-2010
13	Đại đội Thông tin, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bến Tre	22-2-2010
14	Ban Trinh sát - Quân báo, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bến Tre	22-2-2010
15	Phân đội nữ C710	22-2-2010
Công an tỉnh		
1	Đội Trinh sát vũ trang Ty An ninh nhân dân tỉnh Bến Tre	24-1-1976
2	Đội Trinh sát vũ trang huyện Thạnh Phú - Ban An ninh nhân dân tỉnh Bến Tre	24-1-1976
3	Đội Trinh sát vũ trang huyện Mỏ Cày Nam - Ban An ninh nhân dân tỉnh Bến Tre	6-6-1976
4	Đội Trinh sát vũ trang huyện Giồng Trôm - Ban An ninh nhân dân tỉnh Bến Tre	6-6-1976
5	Ban An ninh xã Thạnh Phong	6-6-1976
6	Ban An ninh xã Phú An Hòa - Châu Thành	6-6-1976
7	Ban An ninh thị trấn Châu Thành	6-6-1976
8	Ban An ninh xã Bình Khánh - Mỏ Cày Nam	13-8-1980

STT	Đơn vị được tuyên dương	Ngày tuyên dương
9	Phân trại K20 Trại quản lý và cải tạo phạm nhân, Công an tỉnh Bến Tre	29-8-1985
10	Ban Công an xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm	29-1-1996
11	Công an nhân dân huyện Ba Tri	29-8-2000
Biên phòng		
1	Đội An ninh vũ trang Bến Tre	6-6-1976
Châu Thành		
1	Dân quân du kích xã An Phước	6-11-1978
2	Dân quân du kích xã Hữu Định	6-11-1978
3	Dân quân du kích xã Phước Thạnh	6-11-1978
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Châu Thành	30-8-1995
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Khánh	30-8-1995
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tường Đa	29-1-1996
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc	29-1-1996
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thành Triệu	29-1-1996
9	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tam Phước	22-8-1998
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Thạch	22-8-1998
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đức	11-6-1999
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú An Hòa	18-4-2005
13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Châu Thành	18-4-2005
14	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Quới Thành	23-5-2005
Bình Đại		
1	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vang Quới Đông	6-11-1978
2	Dân quân du kích xã Thạnh Phước	6-11-1978
3	Dân quân du kích xã Vang Quới	6-11-1978
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thới	29-1-1996
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Trị	29-1-1996
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Đại Hòa Lộc	29-1-1996
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thắng	29-1-1996
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Bình Đại	29-1-1996
9	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thới Thuận	29-1-1996
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lộc Thuận	22-8-1998
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Vang	22-8-1998
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Bình Đại	18-6-2003
13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thừa Đức	23-5-2005
14	Đại đội 268 - Địa phương quân huyện Bình Đại	22-2-2010
15	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Hòa	28-5-2010
16	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vang Quới Tây	

STT	Đơn vị được tuyên dương	Ngày tuyên dương
Ba Tri		
1	Dân quân du kích xã An Bình Tây	6-11-1978
2	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Ba Tri	29-11-1990
3	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Xuân	30-8-1995
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Mỹ	30-8-1995
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Chánh	29-1-1996
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Mỹ Hòa	29-1-1996
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Thạnh	22-8-1998
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hưng	22-8-1998
9	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Nhơn	28-4-2000
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Đức	18-4-2005
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bảo Thạnh	23-5-2005
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bảo Thuận	23-5-2005
13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Hiệp	23-5-2005
14	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Thủy	23-5-2005
15	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Thủy	23-5-2005
16	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Ba Tri	26-4-2005
17	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Lễ	24-5-2005
18	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vĩnh An	28-5-2010
19	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Ngãi	28-5-2010
20	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Ngãi Tây	28-5-2010
21	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vĩnh Hòa	28-5-2010
Giồng Trôm		
1	Dân quân du kích xã Thạnh Phú Đông	20-10-1976
2	Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Giồng Trôm	6-11-1978
3	Dân quân du kích xã Phước Long	6-11-1978
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Mỹ	20-12-1994
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Châu Bình	30-8-1995
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Châu Hòa	29-1-1996
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phong Mỹ	29-1-1996
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Hòa	29-1-1996
9	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thuận Điền	29-1-1996
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Hòa	29-1-1996
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hào	22-8-1998
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Lợi Thạnh	22-8-1998
13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Thạnh	22-8-1998
14	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Phú	11-6-1999

STT	Đơn vị được tuyên dương	Ngày tuyên dương
15	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Quới	11-6-1999
16	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hưng Nhượng	23-5-2005
17	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hưng Lễ	23-5-2005
	Thị xã	
1	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Hưng	29-1-1996
2	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Sơn Đông	29-1-1996
3	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Bến Tre	4-2000
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Nhơn Thạnh	18-4-2005
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Phú	24-6-2005
6	Đơn vị biệt động thị xã	22-2-2010
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Thạnh An	28-5-2010
	Chợ Lách	
1	Dân quân du kích xã Hưng Khánh Trung B	6-11-1978
2	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Thiềng	29-1-1996
3	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Sơn	22-8-1998
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vĩnh Hòa	22-8-1998
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Phụng	15-8-2003
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Chợ Lách	17-3-2005
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Vĩnh Bình	28-5-2010
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hòa Nghĩa	28-5-2010
	Mỏ Cày	
1	Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Mỏ Cày	6-11-1978
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Mỏ Cày	22-2-2010
3	Đại đội 1 địa phương huyện Mỏ Cày	15-1-1976
4	Dân quân du kích xã Hưng Khánh Trung A - Mỏ Cày Bắc	6-11-1978
5	Dân quân du kích xã Thành Thới - Mỏ Cày Nam	6-11-1978
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Đức - Mỏ Cày Nam	20-10-1976
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Định - Mỏ Cày Nam	20-10-1976
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Định Thủy - Mỏ Cày Nam	20-12-1994
9	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phước Hiệp - Mỏ Cày Nam	29-1-1996
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Khánh Đông - Mỏ Cày Nam	29-1-1996
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Khánh Tây - Mỏ Cày Nam	29-1-1996

STT	Đơn vị được tuyên dương	Ngày tuyên dương
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thành An - Mỏ Cày Bắc	29-1-1996
13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Thạnh - Mỏ Cày Nam	29-1-1996
14	Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hương Mỹ - Mỏ Cày Nam	22-8-1998
15	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Thới - Mỏ Cày Nam	22-8-1998
16	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cẩm Sơn - Mỏ Cày Nam	22-8-1998
17	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Mỹ - Mỏ Cày Bắc	22-8-1998
18	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Thành Bình - Mỏ Cày Bắc	11-6-1999
19	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Thanh Tây - Mỏ Cày Bắc	11-6-1999
20	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Phú Tây - Mỏ Cày Bắc	25-4-2000
21	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Nhuận Phú Tân - Mỏ Cày Bắc	28-4-2000
22	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Bình - Mỏ Cày Bắc	8-4-2005
23	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Đa Phước Hội - Mỏ Cày Nam	23-5-2005
24	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Ngãi - Mỏ Cày Bắc	28-5-2010
25	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Ngãi Đăng - Mỏ Cày Nam	28-5-2010
26	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Trung - Mỏ Cày Nam	28-5-2010
27	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hòa Lộc - Mỏ Cày Bắc	28-5-2010
28	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Khánh Thạnh Tân - Mỏ Cày Bắc	28-5-2010
29	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Tân - Mỏ Cày Bắc	28-5-2010
30	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phước Mỹ Trung - Mỏ Cày Bắc	28-5-2010
Thạnh Phú		
1	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thạnh Phú	29-1-1976
2	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Phong	6-11-1978
3	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Hải	6-11-1978
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Quy	29-1-1996

STT	Đơn vị được tuyên dương	Ngày tuyên dương
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Khánh	29-1-1996
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Quới Điền	22-8-1998
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Nhơn	22-8-1998
8	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Giao Thạnh	18-4-2005
9	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Thạnh	23-5-2005
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ An	23-5-2005
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Hưng	28-5-2010
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Thạnh Phú	28-5-2010
13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thạnh	28-5-2010

DANH SÁCH ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi được tuyên dương	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
1	Võ Tấn Nhứt	Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre	1909	Đã mất	16-2-2008
2	Trần Thị Kế	Hội viên Hội Phụ nữ xã Hưng Phong, Giồng Trôm	1909	Đã mất	23-2-2010
3	Đỗ Quang Phát	Nguyên Bí thư Chi bộ xã Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm, Bến Tre	1909	Mất năm 1959	25-4-2013
4	Dương Thị Lan	Chiến sĩ dân quân xã An Thạnh, Mỏ Cày	1912	Đã mất	6-11-1978
5	Đồng Văn Cống	Nguyên Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bến Tre	1918	Đã mất	
6	Nguyễn Thị Định	Nguyên Tư lệnh phó Quân giải phóng miền Nam Việt Nam	1920	Đã mất	30-8-1995
7	Hồ Tắc Sanh	Chiến sĩ Quốc gia tự vệ cuộc tỉnh Bến Tre	1922	Đã mất	3-8-1985
8	Tống Viết Dương	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 367 đặc công, Quân khu 7	1924	Đã mất	6-11-1978
9	Võ Văn Cẩn (Vũ Khắc Sương)	Nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre	1924	Đã mất	27-4-2012
10	Đoàn Văn Thời (Văn Anh)	Phụ trách Quân y huyện Mỏ Cày	1925	Đã mất	23-2-2010
11	Lê Thị Biếu (Bảy Tranh)	Giao liên công khai cho Huyện ủy Mỏ Cày, Nguyên ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng Miền; Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1925	Đã mất	23-2-2010
12	Lê Văn Vàng (Ba Bứng)	Huyện đội phó huyện Thạnh Phú	1929	Đã mất	6-11-1978
13	Nguyễn Văn Ba	Đại tá	1930	Đã mất	30-8-1995
14	Cao Văn Hưởng	Xưởng phó, Xưởng quân giới Quân khu 7	1930		6-11-1978

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi được tuyên dương	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
15	Huỳnh Văn Thon (Lê Hồng)	Đại đội trưởng Đại đội 1, bộ đội địa phương huyện Chợ Lách	1930	Đã mất	23-2-2010
16	Trần Minh Phú	Nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn 8, Quân khu 9	1930	Đã mất	27-4-2012
17	Đồng Văn Dẩn	Nguyên Đại đội phó quân sự Đại đội Đặc công huyện Thạnh Phú, Bến Tre	1930	Mất năm 1967	25-4-2013
18	Trần Văn Ơn	Hội viên Hội học sinh Việt Nam	1931	Đã mất	23-3-2000
19	Trần Thị Anh	Hội viên Phụ nữ giải phóng, Trưởng ban Đấu tranh chính trị ấp Bình Đông, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre	1931	Đã mất	23-2-2010
20	Nguyễn Thị Đời (Năm Kiên Cường)	Giao liên xã Châu Bình, Giồng Trôm	1931	Đã mất	28-5-2010
21	Lê Văn Phòng (Lê Thanh)	Đại úy - Tỉnh đội phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre	1932	Còn sống	5-9-1970
22	Trần Việt Hùng	Chủ nhiệm Thông tin tỉnh Bến Tre	1932	Đã mất	6-11-1978
23	Lê Hữu Thời	Trung đoàn trưởng e1, Đồng Tháp Quân khu 8	1932	Đã mất	6-11-1978
24	Nguyễn Tấn Đang	Chủ nhiệm Quân y e3 Quân khu 9	1932		20-10-1976
25	Nguyễn Văn Tư	A phó du kích xã Tân Thành Bình	1935	Đã mất	5-5-1965
26	Võ Hoàng Lê	Viện trưởng Viện Quân y 2, Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	1935	Còn sống	6-11-1978
27	Trần Thị Tiết (Út Hạnh)	Giao liên cho Chi bộ xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú. Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bến Tre (từ năm 1974 đến năm 1987 nghỉ hưu)	1935	Đã mất	23-2-2010

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi được tuyên dương	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
28	Ngô Văn Cấn	Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn bộ binh 9, bộ đội địa phương tỉnh Bến Tre	1936	Đã mất	6-11-1978
29	Trần Văn Bảy	Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre	1936	Còn sống	28-4-2000
30	Lê Quang Văn (Bảy Giang)	Đại úy - Thị đội trưởng Thị đội Bến Tre	1937	Còn sống	16-1-1978
31	Lê Văn Khai	Trưởng ban An ninh xã Tam Phước, Châu Thành	1937	Đã mất	3-8-1995
32	Nguyễn Thế Đoàn	Quân y sĩ, Đội phẫu thuật tiền phương Bến Tre	1938	Còn sống	10-2-1970
33	Tạ Thị Kiều	Du kích xã An Thạnh, Mỏ Cày	1938	Đã mất	5-5-1965
34	Đoàn Hoàng Minh	b trưởng, Thông tin f9 Quân đoàn 4	1938	Đã mất	17-9-1967
35	Võ Văn Mẫn	Thượng úy, phi công c1, e923, f371	1939	Đã mất	28-4-2000
36	Lê Anh Xuân (Ca Lê Hiến)	Tân Thành Bình, Mỏ Cày Bắc	1940	Mất năm 1968	2011
37	Nguyễn Văn Lý	c66 - Đoàn 81 - Cục Hậu cần Miền	1941	Đã mất	23-2-2010
38	Nguyễn Văn Trinh (Ba Chí Thành)	Trưởng ban An ninh xã Phú An Hòa, Châu Thành	1942	Đã mất	6-6-1976
39	Nguyễn Văn Chồn	Chuẩn úy, Huyện đội Giồng Trôm	1943	Còn sống	15-1-1976
40	Võ Viết Thanh	C phó Quản đốc quân giới Bến Tre	1943	Còn sống	5-9-1970
41	Mai Văn Ánh	Đại đội trưởng Đại đội Đặc công, bộ đội địa phương tỉnh	1944	Còn sống	6-11-1978
42	Phan Bình Trung (Hoàng Lam)	Đại đội phó Đại đội Đặc công thủy Bến Tre	1944	Đã mất	20-12-1994
43	Đỗ Văn Trạch	Nguyên chiến sĩ Tiểu đoàn 261, tỉnh Bến Tre	1944	Mất năm 1963	25-4-2013
44	Võ Thị Tâm	Giao liên tỉnh đội Bến Tre	1944	Còn sống	30-01-2011

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi được tuyên dương	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
45	Trà Thị Cụt	Tiểu đội trưởng Phân đội du kích xã Thạnh Phước, Bình Đại	1945	Đã mất	23-2-2010
46	Văn Lộc Sanh	Chuẩn úy, Quân y tỉnh Bến Tre Y tá, đội phẫu thuật 1 tỉnh Bến Tre	1947	Còn sống	6-11-1978
47	Nguyễn Thị Tốt	Dân quân du kích xã Phước Thạnh, Châu Thành	1947	Đã mất	6-11-1978
48	Nguyễn Thành Trung (Đinh Khắc Trung)	Đại tá Không quân	1947	Còn sống	20-12-1994
49	Nguyễn Thị E (Đoàn)	Chuẩn úy, y tá Quân y Giồng Trôm	1948	Đã mất	20-12-1973
50	Đinh Quyết Tâm	Chuẩn úy, C phó c2 Thông tin Quân khu 7	1948	Còn sống	6-11-1978
51	Cao Văn Trung (Lê Hùng)	Trung đội phó Ban An ninh tỉnh Bến Tre	1948	Còn sống	6-6-1976
52	Nguyễn Thanh Trà	Phó Ty Công an tỉnh Bến Tre	1948	Đã mất	3-8-1995
53	Huỳnh Văn Be	Nguyên Đại đội phó Đại đội bộ đội địa phương huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre	1949	Còn sống	30-1-2011
54	Khấu Trung Gương	Chuẩn úy, Đại đội trưởng, c3, d263, Bến Tre	1949	Còn sống	6-11-1978
55	Lê Hoàng Minh	Xã đội phó, Minh Đức	1949	Còn sống	6-11-1978
56	Lê Văn Phích	B phó, Đại đội Đặc công tỉnh Bến Tre	1949	Đã mất	5-9-1970
57	Nguyễn Văn Cho	Tiểu đoàn trưởng d261 Đồng Tháp, e1, Quân khu 9	1949	Đã mất	10-2-1970
58	Văn Lộc Trị	Đội trưởng Trinh sát vũ trang Giồng Trôm	1949	Đã mất	13-8-1980
59	Lê Văn Đực (Trung Kiên)	Tổng đội Thanh niên xung phong giải phóng miền Nam	1949	Đã mất	23-2-2010
60	Nguyễn Văn Hoạt	Trung đội trưởng đặc công, c1,d31, Bộ Tư lệnh Đặc công	1950	Đã mất	23-9-1973

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi được tuyên dương	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
61	Trần Văn Cắt	Chuẩn úy, Đặc công Châu Thành	1950	Còn sống	6-11-1978
62	Phạm Văn Dũng	Xã đội phó, Đại Điền, Thạnh Phú	1950	Đã mất	6-11-1978
63	Võ Văn Lẹ	Trung đội phó Trinh sát vũ trang Ban An ninh huyện Châu Thành, Bến Tre	1950	Đã mất	29-1-1996
64	Trần Văn Tư	C phó Trinh sát vũ trang - Ban An ninh Thạnh Phú	1950	Đã mất	29-1-1996
65	Nguyễn Văn Tiền (Sáu Tiền)	Trung đội trưởng, c1, d207, bộ đội địa phương tỉnh Kiên Giang	1950	Đã mất	6-11-1978
66	Lê Thị Hồng (Sáu Thắng)	Chính trị viên Đội biệt động thị xã Bến Tre	1951	Còn sống	6-11-1978
67	Nguyễn Minh Tâm	Phân đội trưởng đặc công, bộ đội địa phương tỉnh Bến Tre	1951	Còn sống	20-10-1976
68	Trương Văn Rắt	Xã đội trưởng Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm	1952	Đã mất	6-11-1978
69	Hồ Văn Lỳ	Đội trưởng Đội trinh sát Công an tỉnh Bến Tre	1952	Còn sống	6-6-1976
70	Phan Thị Hồng Châu (Minh Hiền)	Trinh sát vũ trang Ban An ninh tỉnh Bến Tre	1952	Còn sống	6-11-1974
71	Nguyễn Văn Bánh	Trung tá, d phó d306, e3, Quân khu 9	1952	Đã mất	15-1-1976
72	Huỳnh Công Thức (Quyết Thắng)	Đại đội trưởng Đại đội trinh sát bộ đội địa phương huyện Chợ Lách	1953	Đã mất	23-2-2010
73	Dương Đức Thùng	Đại đội trưởng Đại đội phái viên, Tiểu đoàn 425, Đoàn 9906	1954	Đã mất	25-1-1983
74	Nguyễn Văn Thuyền	Đại đội trưởng, c3, d179 Đoàn 9906, tỉnh Bến Tre	1956	Đã mất	25-1-1983
75	Nguyễn Văn Sứ	C phó, c1, d263 Đoàn 9906 Bến Tre	1956	Đã mất	25-1-1983

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi được tuyên dương	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
76	Nguyễn Hữu Xương	Cán bộ binh vận huyện, Ba Tri	1931	Mất năm 1965	9-10-2014
77	Đoàn Văn Tranh	Thường vụ Huyện ủy huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre	1922	Mất năm 1960	9-10-2014
78	Võ Văn Sáu (Sáu Chiến, Sáu Mèo)	Nguyên cán bộ công tác huấn luyện, Đội biệt động thị xã Bến Tre	1936	Đã mất	23-2-2010
79	Phan Thị Ngọc Tươi	Công an	1956		23-2-2010
80	Bùi Văn Rây	Nguyên Ấp đội trưởng phụ trách vùng B, Hưng Phong, Giồng Trôm	1936	Đã mất	30-1-2011
81	Nguyễn Hữu Vị	Nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 516, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre	1929	Còn sống	30-1-2011
82	Trần Minh Tích	Nguyên Đại đội trưởng Đại đội 2, Tiểu đoàn 516, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre	1935	Đã mất	30-1-2011
83	Nguyễn Thị Bé	D phó d306, e1, Quân khu 9	1952		

DANH SÁCH ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Còn sống, đã mất	Năm tuyên dương
1	Đoàn Thúy Ba (Đoàn Hồng Hoa)	Nguyên Thứ trưởng Bộ Y tế	1930	Còn sống	2000
2	Tạ Thị Chung	Nguyên Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ	1931	Còn sống	2013
3	Phạm Khắc	Nguyên Giám đốc Đài Truyền hình TP.HCM	1939	Đã mất	2000
4	Huỳnh Văn Cam (Lê Huỳnh)	Chủ tịch Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo và trẻ em cơ nhỡ tỉnh	1940	Còn sống	2013
5	Trịnh Văn Y (Mai Sơn)	Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường tỉnh, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1942	Còn sống	2009

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (nhiệm kỳ 1977-1979)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II (nhiệm kỳ 1980-1981)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (nhiệm kỳ 1983-1985)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (nhiệm kỳ 1987-1990)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (nhiệm kỳ 1991-1995)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996-2000)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (nhiệm kỳ 2000-2005)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005-2010)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010-2015)

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020)

BÍ THƯ TỈNH ỦY BẾN TRE QUA CÁC THỜI KỲ THỜI KỲ*

Đồng chí
Nguyễn Văn Nguyễn
5-1931 – 7-1931

Đồng chí
Nguyễn Văn Phượp
7-1931 – cuối 1931

Đồng chí
Nguyễn Văn Trước
Đầu 1932 – 5-1932**

Đồng chí
Nguyễn Văn Triệu
4-1936 – cuối 1938

* Do chiến tranh ác liệt nên một số đồng chí không còn ảnh.

** Từ năm 1933 đến năm 1935 không có Tỉnh ủy.

Đồng chí
Bùi Lương
Đầu 1939 – cuối 1939

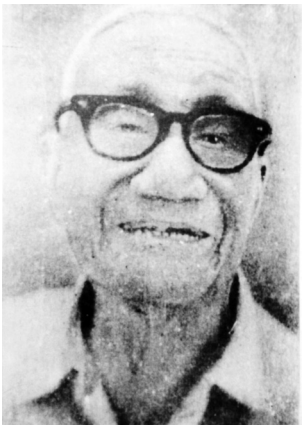

Đồng chí
Đỗ Nghĩa Trọng
Đầu 1940 – 10-1940;
12-1945 – 3-1947

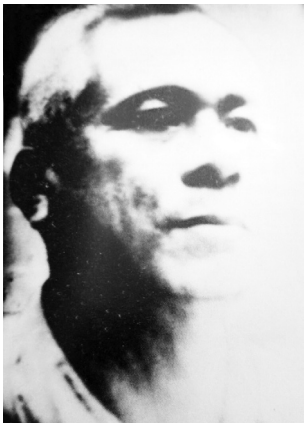

Đồng chí
Phạm Thái Bường
11-1940 – 12-1940*

Đồng chí
Nguyễn Tẩu
4-1945 – 7-1945

* Từ đầu năm 1941 đến năm 1944 không có Tỉnh ủy.

Đồng chí
Đỗ Văn Khuyến
8-1945 – 9-1945

Đồng chí
Phan Triêm
9-1945 – 11-1945

Đồng chí
Võ Văn Khánh
4-1947 – 5-1949*

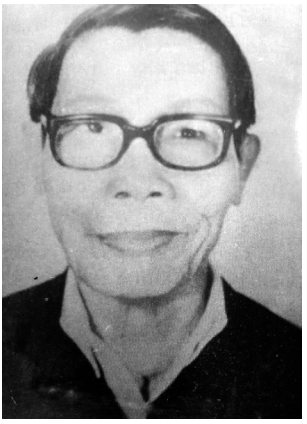

Đồng chí
Trần Xuân Lê
Cuối 1949 – cuối 1952

* Tỉnh ủy kháng chiến

Đồng chí
Đỗ Phát Quang
1-1953 – 7-1954

Đồng chí
Nguyễn Văn Khước
9-1954 – cuối 1958

Đồng chí
Võ Văn Phẩm
Đầu 1959 – 4-1960;
5-1961 – đầu 1964

Đồng chí
Nguyễn Thị Định
5-1960 – 4-1961

Đồng chí
Nguyễn Văn Cánh
Đầu 1964 – đầu 1973

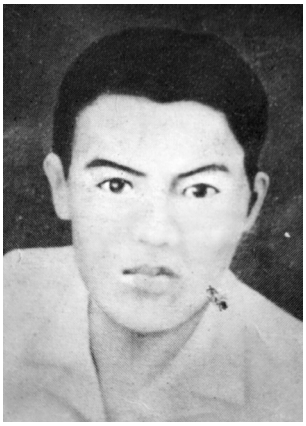

Đồng chí
Lê Văn Quang
Cuối 1968*

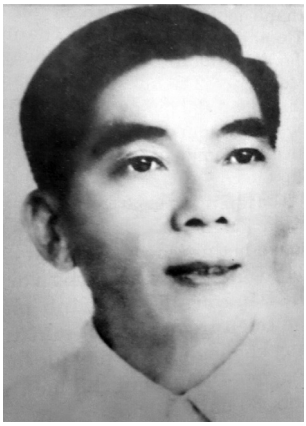

Đồng chí
Nguyễn Văn Phiên
Quyền Bí thư 3-1973
đến 4-1974;
22-4-1974 – cuối 1976

Đồng chí
Nguyễn Văn Trung
Cuối 1976 – 3-1987

* Thời gian này, Khu ủy Khu 8 quyết định rút đồng chí Nguyễn Văn Cánh (Bảy Đấu) - Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre, về Khu phụ trách Nông hội, quyết định đồng chí Lê Văn Quang (Hai Thành) làm Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre thay đồng chí Nguyễn Văn Cánh. Đồng chí Lê Văn Quang trên đường về đến kinh An Long, Đồng Tháp Mười hy sinh trong trận càn của địch và tháng 11-1968, đồng chí Nguyễn Văn Cánh tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre.

Đồng chí
Nguyễn Xuân Kỷ
3-1987 – 5-1996

Đồng chí
Nguyễn Văn Thới
5-1996 – 2000

Đồng chí
Trần Văn Truyền
1-2001 – 4-2003

Đồng chí
Huỳnh Văn Be
5-2003 – 2010

Đồng chí
Nguyễn Thành Phong
12-2010 – 1-2015

Đồng chí
Võ Thành Hạo
3-2015 đến nay

Biểu diễn văn nghệ tại tượng đài Đồng khởi

Khu di tích cấp quốc gia đặc biệt Đồng khởi (xã Định Thủy)

Đền thờ Nguyễn Đình Chiểu

Đài tưởng niệm đường Hồ Chí Minh trên biển

Công an tỉnh Bến Tre luyện tập sẵn sàng chiến đấu

Lực lượng vũ trang tỉnh Bến Tre tuần tra trên biên giới biển

Cắt băng khánh thành cầu Rạch Miễu, ngày 19-1-2009

Cầu Rạch Miễu

Khánh thành và thông xe cầu Cổ Chiên

Du lịch sông nước Bến Tre

Đồng lúa Bến Tre

Khu công nghiệp Giao Long

Chế biến dừa

Chế biến cá da trơn

May công nghiệp

Cống đập Ba Lai

Lễ công bố xã đầu tiên đạt chuẩn nông thôn mới
xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm

Xã nông thôn mới Châu Bình, huyện Giồng Trôm

Thành phố Bến Tre trên đường phát triển

Hoa kiểng Cái Mơn, Chợ Lách

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

Lời giới thiệu 9

Mở đầu
BẾN TRE - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI
VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ 13

Chương I
ĐẢNG BỘ BẾN TRE RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO
ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) 25

I- Đảng bộ Bến Tre ra đời, lãnh đạo phong trào 1930-1931 25

1. Nhân dân Bến Tre dưới ách thống trị của thực dân Pháp 25

2. Đảng bộ Bến Tre ra đời 28

3. Đảng bộ lãnh đạo phong trào 1930-1931 36

II- Đấu tranh để khôi phục và phát triển lực lượng cách mạng (1932-1935) 41

III- Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1936-1939) 44

IV- Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Bến Tre tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940) 53

V- Khôi phục tổ chức đảng, chuẩn bị mọi mặt, tiến tới chớp thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 (1941-1945) 59

1. Nhanh chóng khôi phục tổ chức đảng 59

2. Chuẩn bị lực lượng nắm thời cơ 64

Chương II
ĐẢNG BỘ BẾN TRE LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954) 74

I- **Những năm đầu kháng chiến (từ tháng 9-1945 đến cuối năm 1950)** 74

1. Xây dựng, củng cố thực lực mọi mặt, chuẩn bị kháng chiến (9-1945 – 1-1946) 74

2. Năm đầu kháng chiến (ngày 8-2-1946 đến tháng 12-1946) 82

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống địch lấn chiếm (từ tháng 12-1946 đến cuối năm 1950) 89

II- Khôi phục phong trào kháng chiến từ một tỉnh hoàn toàn bị chiếm đóng, vùng lên mạnh mẽ phối hợp chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, giành thắng lợi quyết định (1951 – 7-1954) 104

1. Những năm tháng khó khăn, thử thách 104

2. Tích cực phối hợp với chiến trường toàn quốc trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, vùng lên mạnh mẽ, đập tan kế hoạch bình định chiếm đóng của thực dân Pháp 118

Chương III
ĐẢNG BỘ BẾN TRE LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (THÁNG 7-1954 ĐẾN NGÀY 1-5-1975) 126

I- Đấu tranh chính trị, đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống "tố cộng, diệt cộng", giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (từ tháng 7-1954 đến cuối năm 1959) 126

1. Đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi dân sinh dân chủ (tháng 7-1954 đến giữa năm 1956) 126

2. Đấu tranh chống "tố cộng, diệt cộng", giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng 146

II- Cuộc Đồng khởi lịch sử, chuyển hướng phong trào, tạo ra bước ngoặt cách mạng năm 1960 167

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 và kế hoạch nổi dậy của Tỉnh ủy 167

2. Diễn biến phong trào Đồng khởi 176

III- Tiến hành chiến tranh cách mạng, kết hợp "hai chân, ba mũi", đánh bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch (1961-1964) 211

1. Nhanh chóng xây dựng, phát triển lực lượng, đẩy mạnh tiến công, giữ và phát huy thành quả đồng khởi 211

2. Đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, chống phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch 223

3. Cao trào phá ấp chiến lược năm 1964 237

IV- Đánh bại bình định của Mỹ - ngụy trên chiến trường Bến Tre - Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân năm 1968 (1965-1968) 248

1. Đánh bại bình định của Mỹ - ngụy trên chiến trường Bến Tre (từ năm 1965 đến cuối năm 1967) 248

2. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 265

V- Chống phá bình định, bước đầu đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1972) 283

1. Thời kỳ khó khăn ác liệt 283

2. Bám đất, bám dân giành thế chủ động 301

3. Chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định năm 1972 310

VI- Chống địch phá hoại Hiệp định Pari, tiến lên hưởng ứng cuộc Tổng tấn công nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng tỉnh Bến Tre (từ ngày 27-1-1973 đến ngày 1-5-1975) 330

1. Chống địch phá hoại Hiệp định Pari, giữ và mở rộng vùng giải phóng 330

2. Hưởng ứng chiến dịch Hồ Chí Minh, quân và dân Bến Tre nổi dậy đồng loạt giải phóng tỉnh 353

Chương IV
ĐẢNG BỘ BẾN TRE LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986) 362

I- Ổn định tình hình, khôi phục sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, góp phần cùng cả nước đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc nước ta (1975-1979) 362

II- Tháo gỡ khó khăn, phát triển kinh tế - xã hội (1980-1986) 390

Chương V
THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986-2015) 414

I- Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986-1990) 314

II- Giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, củng cố, kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vững mạnh (1991-1995) 437

III- Lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2000) 467

IV- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh (2000-2015) 493

Kết luận 571

Phụ lục 597

Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản

Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Biên tập nội dung:	TRẦN BÌNH
	ThS. PHẠM VŨ PHƯƠNG LINH
Trình bày bìa:	ĐẶNG NGỌC ĐÀI
	LÊ HÀ LAN
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THANH TẤN KIỆT
Sửa bản in:	PHƯƠNG LINH
Đọc sách mẫu:	PHƯƠNG LINH

In 3.000 cuốn, khổ 16x 24cm, tại Công ty Cổ phần In Bến Tre
Địa chỉ: 32 đường Thủ Khoa Huân, phường 3, thành phố Bến Tre
Số đăng ký xuất bản: 2972-2017/CXBIPH/7-122/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 2047-QĐ/NXBCTQG, ngày 11-9-2017.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2017.
Mã ISBN: 978-604-57-3467-4